



TỦ SÁCH THĂNG LONG
1000 NĂM

CỤC VĂN THƯ VÀ LƯU TRỮ NHÀ NƯỚC
TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA I

ĐÀO THỊ DIỄN (Chủ biên)

HÀ NỘI

QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ

1873 - 1954

TẬP 1



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI



TỦ SÁCH THĂNG LONG
1000 NĂM

CỤC VĂN THƯ VÀ LƯU TRỮ NHÀ NƯỚC
TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA I

ĐÀO THỊ DIỄN (Chủ biên)

**HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU
VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ
1873 - 1954**

Tập 1

LƯU TRỮ VĂN



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

TRUYỀN



downloadsachmienphi.com

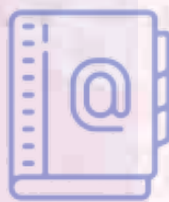
Download Sách Hay | Đọc Sách Online



HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ

1873 - 1954

Tập 1



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU
VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ

Chỉ đạo thực hiện Dự án:

THÀNH ỦY - ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thường trực Hội đồng Tư vấn khoa học:

GS. VŨ KHIÊU - *Chủ tịch Hội đồng*

PGS. TS. PHẠM QUANG LONG - *Phó Chủ tịch Hội đồng*

PGS. TS. PHẠM XUÂN HÀNG - *Phó Chủ tịch Hội đồng*

Hội đồng khoa học nghiệm thu bản thảo:

GS. PHAN HUY LÊ - *Chủ tịch Hội đồng*

PGS. TS. NGUYỄN VĂN NHẬT - *Phản biện 1*

PGS. TS. VŨ VĂN QUÂN - *Phản biện 2*

PGS. TSKH. NGUYỄN HẢI KẾ - *Ủy viên*

PGS. TS. TẠ THỊ THÚY - *Ủy viên*

ThS. NGUYỄN KHẮC OÁNH - *Tổng GD - Tổng BT NXB Hà Nội*

Ông PHẠM QUỐC TUÂN - *Chánh Văn phòng Dự án, Thư ký*

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Hội đồng mỹ thuật:

THÀNH ĐÀM - TRẦN HAY - LÊ HUY VĂN

NGÔ QUANG NAM - VŨ AN CHUƠNG

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Hà Nội qua tài liệu và tư liệu lưu trữ 1873 - 1954 / Đào Thị Diên (ch.b.), Vũ Văn Thuyên, Lê Huy Tuấn... - H. : Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

Phụ lục: tr. 627-823

T.1. - 2010. - 844tr.

ISBN 9786045500354

1. Lịch sử 2. Địa giới 3. Tổ chức hành chính 4. Quy hoạch 5. Xây dựng 6. Hà Nội
959.731 - dc14

HNB0028p-CIP



TỦ SÁCH THĂNG LONG
1000 NĂM

CỤC VĂN THƯ VÀ LƯU TRỮ NHÀ NƯỚC
TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA I

TS. ĐÀO THỊ DIỄN (Chủ biên)

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

1873 - 1954

Tập 1

Tham gia biên soạn:

ĐỖ HOÀNG ANH - HOÀNG THỊ HẰNG
VŨ VĂN THUYỀN - LÊ HUY TUẤN



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI - 2010

Chịu trách nhiệm công bố:

TS. VŨ THỊ MINH HƯƠNG

Cục trưởng Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước

Chỉ đạo biên soạn:

NGÔ THIỀU HIỆU

Nguyên Giám đốc Trung tâm Lưu trữ quốc gia I

TS. HÀ VĂN HIỆP

Giám đốc Trung tâm Lưu trữ quốc gia I

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bản quyền sách thuộc Trung tâm Lưu trữ quốc gia I - Hà Nội

LỜI GIỚI THIỆU

Năm 2000, nhân dịp kỷ niệm 990 năm Thăng Long, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước và Trung tâm Lưu trữ quốc gia I đã xuất bản cuốn sách “*Lịch sử Hà Nội qua tài liệu lưu trữ*” tập I với chủ đề “*Địa giới hành chính Hà Nội từ năm 1873 đến 1954*”. Tôi rất vui lòng nhận viết “Lời giới thiệu” cho cuốn sách này, biểu thị thái độ trân trọng và đánh giá cao giá trị sử liệu học của nguồn tư liệu lưu trữ, tinh thần làm việc nghiêm túc của Ban Biên soạn và với kỳ vọng cuốn sách sẽ được các nhà khoa học và bạn đọc hoan nghênh. Nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước đã sử dụng cuốn sách này như những hướng dẫn rất tiện lợi và hiệu quả khi cần tra cứu tài liệu lưu trữ đang bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia I trong các công trình nghiên cứu về Hà Nội thế kỷ XIX-XX. Sau tập I, Ban Biên soạn đã có dự định xuất bản những tập tiếp theo.

Nhân dịp tiến tới kỷ niệm nghìn năm Thăng Long - Hà Nội, tôi giới thiệu và đề nghị Nhà xuất bản Hà Nội đưa công trình này vào “Tủ sách Thăng Long nghìn năm văn hiến”. Dưới sự chỉ đạo của Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước và Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, Ban Biên soạn do TS. Đào Thị Diễm làm chủ biên, đã làm việc hết sức khẩn trương để kịp hoàn thành bản thảo.

Công trình mang tiêu đề “*Hà Nội qua tài liệu và tư liệu lưu trữ 1873-1954*”, gồm hai tập:

Tập I gồm hai phần: *Địa giới - Tổ chức bộ máy hành chính* và *Quy hoạch - Xây dựng*.

Tập II gồm hai phần: *Giao thông - Công chính và Văn hóa - Giáo dục*.

Công trình bao quát thời gian lịch sử từ năm 1873 cho đến năm 1954. Năm 1873 là năm quân Pháp tấn công Hà Nội lần thứ nhất và theo qui ước ký kết ngày 6-2-1874 rồi hiệp ước ký ngày 15-3-1874, quân Pháp phải rút khỏi Hà Nội nhưng triều đình Huế phải dành một khu nhượng địa bên bờ sông Hồng để Pháp lập Tòa Công sứ và xây dựng trại lính. Đó là năm mở đầu cho sự hiện diện của chủ nghĩa thực dân Pháp trên đất Hà Nội. Năm 1954 là năm quân Pháp phải rút khỏi Hà Nội theo Hiệp định Genève, kết thúc sự chiếm đóng của thực dân Pháp trên đất Hà Nội. Nhưng giữa hai năm đó, còn có cuộc đảo chính Nhật ngày 9-3-1945 và thắng lợi của Cách mạng tháng 8-1945 với sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Vì vậy thời gian từ 1873 đến 1954 bao gồm bốn thời kỳ lịch sử: thời kỳ xâm lược và thống trị của chủ nghĩa thực dân Pháp (1873-1945), thời kỳ thống trị của phát xít Nhật (tháng 3 đến tháng 8 năm 1945), thời kỳ thủ đô của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (tháng 8-1945 đến tháng 2-1947) và thời kỳ chiếm đóng của quân Pháp (2-1947 đến 10-1954). Tài liệu lưu trữ công bố trong công trình *"Hà Nội qua tài liệu và tư liệu lưu trữ 1873-1954"* phản ánh tình hình nhiều mặt của Hà Nội, nhất là thời Pháp thuộc và những chuyển biến lịch sử qua bốn thời kỳ lịch sử trên.

Nguồn tài liệu và tư liệu lưu trữ về Hà Nội đang được bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia I rất phong phú và đa dạng trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội đến qui hoạch đô thị, cơ sở hạ tầng, giao thông, công chính... Riêng về mặt chính trị, theo hiệp định ký kết năm 1950 giữa chính phủ Pháp với chính quyền Bảo Đại, phần lớn tài liệu lưu trữ về các hoạt động chính trị đã chuyển về Pháp, hiện được bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ hải ngoại ở Aix-en-Provence (Centre des Archives d'Outre-mer à Aix-en-Provence, CAOM). Khối lượng tài liệu quá đồ sộ, công việc nghiên cứu, khảo sát và phân loại, hệ thống theo chủ đề cần nhiều thời gian. Vì vậy trong công trình

xuất bản này, Ban Biên soạn tập trung vào 8 chủ đề: địa giới, tổ chức hành chính, qui hoạch, xây dựng, giao thông, công chính, văn hóa và giáo dục, sắp xếp thành 4 phần của hai tập sách.

Tài liệu có nhiều nguồn gốc và thuộc nhiều loại hình khác nhau. Các loại ấn phẩm định kỳ như: *Niên giám Đông Dương thuộc Pháp* (Annuaire de l'Indochine française), *Công báo Đông Dương thuộc Pháp* (Journal officiel de l'Indochine française), *Công báo hành chính Bắc Kỳ* (Bulletin administratif du Tonkin), *Công báo Thành phố Hà Nội* (Bulletin municipale de Hanoi), *Người hướng dẫn xứ Bảo hộ Trung Kỳ và Bắc Kỳ* (Moniteur du Protectorat de l'Annam et du Tonkin). Các phòng lưu trữ như: Phòng Phủ Toàn quyền Đông Dương (Fonds du Gouvernement général de l'Indochine), Phòng Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương (Fonds de la Direction des Archives et des Bibliothèques de l'Indochine), Phòng Tổng Thanh tra Công chính Đông Dương (Fonds de l'inspection générale des Travaux Publics), Phòng Phủ Thống sứ Bắc Kỳ (Fonds de la Résidence supérieure du Tonkin), Phòng Sở Địa chính Bắc Kỳ (Fonds du Service du Cadastre et de la Topographie du Tonkin), Phòng Sở Học chính Bắc Kỳ (Fonds du Service de l'Enseignement du Tonkin), Phòng Sở Học chính Bắc Việt (Fonds du Service de l'Enseignement du Nord-Vietnam), Phòng Khu Công chính Bắc Kỳ (Fonds de la Circonscription territoriale des Travaux Publics du Tonkin), Phòng Nha Kinh lược Bắc Kỳ, Phòng Tòa Đốc lý Hà Nội (Fonds de la Marie de Hanoi), Phòng Nha huyện Thọ Xương, Phòng Tòa Công sứ Hà Đông (Fonds de la Résidence de Hadong), Phòng Sở Địa chính và Nhà cửa Thành phố Hà Nội (Fonds du Service du Cadastre et des Domaines de Hanoi), Phòng Tòa Thị chính Hà Nội sau 1945 (Fonds de la Municipalité de Hanoi après 1945), Phòng Thủy lợi. Tài liệu và tư liệu lưu trữ bao gồm cả văn bản Hán - Nôm, chữ Pháp, chữ quốc ngữ.

Từ các nguồn tư liệu mang tính phức hợp trên, Ban Biên soạn đã tách ra từng tài liệu và sắp xếp theo chủ đề rồi trình bày theo trình tự thời gian. Mỗi đơn vị tài liệu đều ghi rõ xuất xứ theo mã số của nguồn tài liệu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia I và niên đại, thể loại văn bản cùng tóm tắt nội dung. Tiêu đề của mỗi tài liệu đều giữ theo nguyên bản, nếu là tiếng Pháp được ghi theo nguyên văn rồi dịch ra tiếng Việt. Bố cục, nguyên tắc phân loại và trình bày, tóm tắt nội dung đáp ứng đầy đủ yêu cầu của loại sách công cụ, rất thuận tiện cho người sử dụng và tra cứu.

Một công việc chắc chắn chiếm khá nhiều công sức và thời gian của Ban Biên soạn là miêu tả các bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ, chú giải các địa danh, vườn hoa, quảng trường, tên phố và lập các phụ lục, bảng tra cứu. Ví dụ tên phố được chú giải tên phố đầu tiên rồi những biến đổi qua các thời đi đến tên phố hiện nay. Các di tích lịch sử, văn hóa như đình, đền, miếu, chùa, quán... cũng được chú giải tên, vị trí trong hồ sơ và vị trí hiện nay. Một số tên phố, địa danh chưa xác minh được thì đặt dấu (?) để lưu ý người đọc và tiếp tục nghiên cứu. Ban Biên soạn còn tuyển chọn một số bản đồ, ảnh, bản vẽ đưa vào công trình, vừa để minh họa vừa để bổ sung như một phần của nội dung tài liệu.

Chủ biên có *Lời nói đầu* giới thiệu tổng quát về công trình, các loại tài liệu và tư liệu lưu trữ cùng kết cấu, nguyên tắc trình bày của Ban Biên soạn. Mỗi phần lại có *Lời dẫn* giới thiệu sâu hơn về tình trạng và giá trị tài liệu, đề xuất một số nhận xét và gợi ý, có giá trị như một chuyên đề nghiên cứu, giúp ích rất nhiều cho người đọc.

Công trình "*Hà Nội qua tài liệu và tư liệu lưu trữ 1873-1954*" được biên soạn và bố cục, trình bày theo thể loại sách công cụ, thuộc loại sách tra cứu có phân loại và tóm tắt nội dung từng hồ sơ, từng tài liệu.

Khối lượng tài liệu giới thiệu trong công trình "*Hà Nội qua tài liệu và tư liệu lưu trữ 1873-1954*" dĩ nhiên chưa phải là toàn

bộ tài liệu và tư liệu liên quan đến Hà Nội đang bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, nhưng đã rất lớn, rất phong phú và phần lớn được công bố lần đầu tiên. Các nhà khoa học nghiên cứu Hà Nội trên nhiều lĩnh vực từ lịch sử đến quy hoạch đô thị, kiến trúc, giao thông, văn hóa, giáo dục, đời sống tôn giáo, tín ngưỡng... đều có thể tìm thấy ở đây những thông tin mới mẻ, có giá trị để tiến hành các công trình nghiên cứu sâu sắc. Trong hệ thống tài liệu và tư liệu lưu trữ công bố trong công trình này, tôi đặc biệt đánh giá cao loại văn bản mang tính pháp qui như dụ, chiếu, tấu sớ, sắc lệnh, nghị định, quyết định, tờ sức, bầm, truyền..., của chính quyền các cấp và loại văn bản mang tính hồ sơ như biên bản, báo cáo, thống kê, đơn từ, nhật ký, dự án xây dựng, bản vẽ thiết kế các công trình... Loại tài liệu thứ nhất phản ánh chủ trương của chính quyền, loại thứ hai gắn với thực trạng của Hà Nội qua các thời kỳ. Nếu khai thác cả hai loại tài liệu trên kết hợp với điều tra, khảo sát thực địa sẽ cho phép dựng lại diện mạo của Hà Nội trong từng thời kỳ và cả quá trình chuyển biến của Hà Nội từ một tỉnh thành vốn là kinh thành Thăng Long xưa trở thành một thành phố thuộc địa được quy hoạch và phát triển theo mô hình đô thị hóa phương Tây, giữ vai trò thủ phủ Bắc Kỳ, đô thành của Liên bang Đông Dương thuộc Pháp, rồi sau Cách mạng tháng 8-1945 khôi phục vị thế thủ đô của nước Việt Nam độc lập và sau một thời gian đấu tranh chống sự chiếm đóng của quân Pháp, đến năm 1954 khẳng định lại vị thế này.

Ban Biên soạn đã hoàn thành công trình trên chuyên môn của lưu trữ học, làm việc với tinh thần nghiêm túc, ý thức trách nhiệm cao đối với người đọc.

Công trình "*Hà Nội qua tài liệu và tư liệu lưu trữ 1873-1954*" giới thiệu cho các nhà khoa học và bạn đọc một hệ thống tài liệu gốc cực kỳ phong phú, có giá trị đặc biệt về tư liệu học và mở ra triển vọng khai thác, sử dụng trên nhiều lĩnh vực nghiên cứu Hà Nội thế kỷ XIX - XX. Đây bộ sách công cụ bổ ích, đáng

tin cậy để tiếp cận và khai thác có hiệu quả nguồn tài liệu về Hà Nội đang được bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia I thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước.

Tôi muốn được bày tỏ lời cảm ơn chân thành đến Ban Biên soạn do TS. Đào Thị Diễm làm chủ biên, đã đóng góp cho *"Tủ sách Thăng Long nghìn năm văn hiến"* một bộ sách công cụ tra cứu có giá trị, góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành Hà Nội học, tạo điều kiện thuận tiện cho các nhà khoa học và bạn đọc mở rộng các nguồn thông tin tư liệu về Hà Nội.

Tôi hy vọng công trình *"Hà Nội qua tài liệu và tư liệu lưu trữ 1873-1954"* sẽ được giới khoa học và dư luận xã hội hoan nghênh, đón nhận như một bộ sách công cụ bổ ích, đáng tin cậy để tiếp cận và khai thác có hiệu quả nguồn tài liệu về Hà Nội đang được bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia I thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Hà Nội xuân Canh Dần - 2010

GS. NGND. PHAN HUY LÊ

L U U T R U V N

LỜI NÓI ĐẦU

Để thiết thực góp phần vào việc nghiên cứu lịch sử Hà Nội một cách khoa học, nhân dịp kỷ niệm 1000 năm Thăng Long-Hà Nội vào năm 2010, Trung tâm Lưu trữ quốc gia I trực thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước hợp tác với Nhà Xuất bản Hà Nội biên soạn và xuất bản bộ sách *Hà Nội qua tài liệu và tư liệu lưu trữ 1873 -1954*.

Hà Nội qua tài liệu và tư liệu lưu trữ 1873 -1954 là kết quả của sự kết hợp giữa phương pháp nghiên cứu của bộ môn sử học và phương pháp công bố tài liệu của bộ môn lưu trữ học.

Về kết cấu: sách được biên soạn dưới dạng sách tra cứu có tóm tắt nội dung tài liệu và tư liệu lưu trữ hiện đang được bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, gồm 2 tập:

- Tập I tập hợp tài liệu phản ánh về lĩnh vực Địa giới - Tổ chức bộ máy hành chính⁽¹⁾ và Quy hoạch - Xây dựng;

- Tập II tập hợp tài liệu phản ánh về lĩnh vực Giao thông công chính và Văn hoá - Giáo dục của Thành phố Hà Nội từ 1873 đến 1954.

Ngoài những tài liệu phản ánh 4 lĩnh vực nêu trên, Trung tâm I còn lưu trữ một số tài liệu ở các lĩnh vực khác như chính trị, kinh tế... của Hà Nội từ 1873 đến 1954. Trung tâm sẽ công bố những tài liệu đó trong một cuốn sách khác, vào một thời điểm khác.

Trong mỗi tập sách của bộ *Hà Nội qua tài liệu và tư liệu lưu trữ 1873 -1954*, mỗi chủ đề đều có một Lời dẫn riêng, được viết dưới dạng

(1) Phần này được biên soạn lại và bổ sung từ cuốn "*Lịch sử Hà Nội qua tài liệu lưu trữ*" (tập I: *Địa giới hành chính Hà Nội từ 1873 đến 1954* do Ngô Thiếu Hiệu, Giám đốc Trung tâm Lưu trữ quốc gia I chủ biên), Hà Nội, NXB Văn hoá Thông tin, 2000.

các báo cáo chuyên đề, nhằm giúp bạn đọc hiểu một cách có hệ thống các nguồn tài liệu được tập hợp từ các các phòng⁽²⁾ khác nhau, phục vụ cho biên soạn nội dung của sách. Ngoài ra, ở đầu mỗi tập đều có bảng các chữ viết tắt và tập hợp các ký hiệu lưu trữ để tiện tra cứu, phần cuối của mỗi tập còn có phụ lục, danh mục ảnh minh họa, từ điển chú giải, sách dẫn và mục lục. Riêng lời giới thiệu do Giáo sư - Nhà giáo ND. Phan Huy Lê viết và lời nói đầu được đặt ở phần đầu của tập I.

Về nội dung: *Hà Nội qua tài liệu và tư liệu lưu trữ 1873 -1954* được biên soạn từ các khối: tư liệu (tư liệu tiếng Pháp và tư liệu tiếng Việt), tài liệu Hán - Nôm và tài liệu tiếng Pháp. Các nguồn tư liệu và tài liệu này đã góp phần khắc họa những nét lớn trong tiến trình lịch sử hình thành và phát triển của Hà Nội trên các lĩnh vực chính, từ cơ sở hạ tầng đến kiến trúc thượng tầng của Hà Nội trong quá trình đô thị hoá, đồng thời làm rõ được quá trình biến đổi diện mạo của Hà Nội từ một thành phố còn mang dáng dấp nông thôn trở thành "Thủ đô của Bắc Kỳ", "Thủ đô của Liên bang Đông Dương thuộc Pháp".

1. Khối tư liệu

a. Khối tư liệu tiếng Pháp

Phần này gồm các sắc lệnh, nghị định, quyết định do chính quyền thuộc địa Pháp ở Đông Dương ban hành có liên quan đến Thành phố Hà Nội, được tập hợp từ một số ấn phẩm định kỳ xuất bản trước năm 1954 như *Công báo Đông Dương thuộc Pháp* (Journal officiel de l'Indochine française), *Niên giám Đông Dương thuộc Pháp* (Annuaire de l'Indochine française), *Người hướng dẫn xứ bảo hộ Trung - Bắc Kỳ* (Moniteur du Protectorat de l'Annam et du Tonkin), *Công báo hành chính Bắc Kỳ* (Bulletin administratif du Tonkin) và *Công báo Thành phố Hà Nội*

(2) Phòng tài liệu (fonds d'archives) là một thuật ngữ lưu trữ dùng để chỉ một khối tài liệu được hình thành trong quá trình hoạt động của một cơ quan, một tập thể hoặc cá nhân có giá trị lịch sử được thu thập và bảo quản trong một kho lưu trữ (Cục Lưu trữ nhà nước, *Từ điển lưu trữ Việt Nam*, H, 1992, tr. 62).

(Bulletin municipal de la Ville de Hanoi). Một trong những ấn phẩm định kỳ bằng tiếng Pháp xuất bản trong thời kỳ thuộc địa được sử dụng chủ yếu trong bộ sách này là bộ *Công báo Đông Dương thuộc Pháp* (Journal officiel de l'Indochine française).

Số đầu tiên của bộ ấn phẩm này được ra mắt năm 1863 với tên gọi ban đầu là *Công báo Nam Kỳ thuộc Pháp* (Journal officiel de la Cochinchine française). Năm 1889, sau khi thành lập Liên bang Đông Dương, chính quyền thuộc địa Pháp đã đổi tên *Công báo Nam Kỳ thuộc Pháp* thành *Công báo Đông Dương thuộc Pháp* (Journal officiel de l'Indochine française). Tạp chí này được chia làm hai phần: một phần xuất bản tại Sài Gòn, dành riêng để công bố các văn bản quy phạm pháp luật của chính quốc và của chính quyền thuộc địa ở Đông Dương có liên quan đến Nam Kỳ và Cam-pu-chia. Phần thứ hai xuất bản tại Hà Nội, dành để công bố các văn bản có liên quan đến Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Chính vì vậy, từ mỗi tuần ra một số, *Công báo Đông Dương thuộc Pháp* đã cho ra mắt người đọc mỗi tháng hai số.

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp ngày 9-3-1945, tạp chí *Công báo Đông Dương thuộc Pháp* bị đình bản. Trong thời gian Nhật chiếm đóng Đông Dương, tạp chí này được đổi tên thành *Công báo Đông Dương* (Journal officiel de l'Indochine), số đầu tiên ra ngày 2-6-1945. Sau ngày Nhật rút khỏi Đông Dương, Hà Nội trở thành thủ đô của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, tạp chí này một lần nữa được đổi tên thành *Công báo Liên bang Đông Dương* (Journal officiel de la Fédération Indochinoise), số 1 bắt đầu ra từ ngày 15-10-1945 tại Sài Gòn, chuyên để công bố các văn bản quy phạm pháp luật, các bản tuyên bố của chính quốc có liên quan đến Liên bang Đông Dương và các văn bản quy phạm pháp luật, các tuyên bố của chính quyền Liên bang cùng các loại văn bản chính thức khác.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về Thành phố Hà Nội trong khối các ấn phẩm định kỳ tiếng Pháp được biên soạn dưới dạng danh mục với các yếu tố: loại hình, thời gian, tác giả và tóm tắt nội dung văn bản. Phần xuất xứ cung cấp cho người nghiên cứu tên tạp chí, năm xuất bản, số trang của văn bản và ký hiệu lưu trữ. Để thuận tiện cho việc nghiên cứu

những tư liệu này, chúng tôi đã biên soạn phần nội dung văn bản bằng tiếng Việt. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong khối các ấn phẩm định kỳ tiếng Pháp thực sự đóng vai trò bổ trợ cho các phong tài liệu lưu trữ tiếng Pháp ở phần sau.

b. Khối tư liệu tiếng Việt

Tư liệu tiếng Việt gồm các sắc lệnh, nghị định, quyết định do Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ban hành có liên quan đến Hà Nội đăng trên *Việt Nam Dân quốc công báo* từ số 1 ngày 29-9-1945 đến số 47 ngày 23-11-1946.

Mặc dù những văn bản này chỉ được ban hành trong một khoảng thời gian ngắn và chiếm một phần khiêm tốn trong bộ sách nhưng nó cung cấp cho người đọc một khối lượng không nhỏ những thông tin về tổ chức và địa giới hành chính, văn hoá, giáo dục... của Hà Nội, thủ đô của nước Việt Nam độc lập, từ ngày thành lập Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hoà 28-8-1945 đến trước ngày toàn quốc kháng chiến 19-12-1946.

2. Khối tài liệu Hán - Nôm

Trong các phong tài liệu Hán-Nôm hiện đang được bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, Nha huyện Thọ Xương và Nha Kinh lược Bắc Kỳ là hai phong được đưa vào phần một (Địa giới và Tổ chức bộ máy hành chính) của bộ sách *Hà Nội qua tài liệu và tư liệu lưu trữ 1873 -1954* vì hai phong này có nhiều tài liệu phản ánh rõ nét lịch sử ra đời của tỉnh và Thành phố Hà Nội (bao gồm cả khu vực ngoại thành) từ năm Tự Đức thứ 28 (1875) đến năm Thành Thái thứ 7 (1895).

Do đặc trưng của tài liệu Hán - Nôm là thống kê theo từng tài liệu với các yếu tố như loại hình văn bản, thời gian, tác giả, nơi gửi, nơi nhận, nội dung văn bản và mỗi văn bản thường đề cập tới một sự việc cụ thể nên sách chỉ tập hợp các văn bản có nội dung phản ánh theo 4 lĩnh vực nêu trên mà không đi sâu vào tóm tắt nội dung của từng văn bản.

Cách phiên âm từ chữ Hán - Nôm ra chữ quốc ngữ trong các phong tài liệu Hán - Nôm được tôn trọng và giữ nguyên. Thí dụ: Chánh phó Thiên hộ, giáp, quản trị, họa đồ... Cách tính thời gian trong tài liệu cũng

được giữ nguyên nhưng có ghi chú thêm năm dương lịch. Thí dụ: năm Tự Đức thứ 28 (1875), năm Thành Thái thứ 5 (1893), năm Quý Tỵ (1893), năm Kỷ Sửu (1889)...

3. Khôi tài liệu tiếng Pháp

Trong số các phòng tài liệu tiếng Pháp đang bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia I được khai thác để biên soạn bộ sách *Hà Nội qua tài liệu và tư liệu lưu trữ 1873 -1954*, Phòng Phủ Thống sứ Bắc Kỳ (Fonds de la Résidence supérieure au Tonkin) là phòng có nhiều tài liệu liên quan đến Thành phố Hà Nội nhất, chính vì nguồn tài liệu phong phú và đa dạng của phòng. Ngoài những tài liệu liên quan đến Hà Nội ra, người nghiên cứu còn có thể tìm được trong phòng này những tài liệu phản ánh quá trình hình thành và thay đổi về nhiều mặt của xã hội Bắc Kỳ trong suốt thời kỳ từ 1873 đến 1954. Tiếp đó là các phòng: Toà Đốc lý Hà Nội (Fonds de la Mairie de Hanoï avant 1945), Toà Thị chính Hà Nội (Fonds de la Municipalité de Hanoï après 1945), Sở Địa chính và Công thổ Hà Nội (Fonds du Service du Cadastre et des Domaines de Hanoï), Toà Công sứ Hà Đông (Fonds de la Résidence de Hadong), Sở Địa chính Bắc Kỳ (fonds du Service du Cadastre et de la Topographie du Tonkin) và một vài phòng khác...

Phần nội dung của khối tài liệu tiếng Pháp được biên soạn bằng tiếng Việt với các yếu tố: tiêu đề hồ sơ, số lượng tài liệu, tóm tắt tài liệu và chú giải.

* **Tiêu đề hồ sơ:** Khác với các phòng tài liệu Hán - Nôm, các phòng tài liệu tiếng Pháp được chỉnh lý và sắp xếp theo từng hồ sơ. Để việc nghiên cứu được thuận tiện, bên cạnh việc dịch tiêu đề hồ sơ ra tiếng Việt, chúng tôi vẫn giữ nguyên tiêu đề tiếng Pháp như trong nguyên bản. Riêng đối với phòng Sở Địa chính Bắc Kỳ, tiêu đề hồ sơ của số tài liệu thuộc giai đoạn 1945 - 1954 được viết bằng chữ quốc ngữ và không có phần dịch tiếng Pháp kèm theo.

* **Số lượng tài liệu:** Trong các phòng tài liệu tiếng Pháp, mỗi hồ sơ là một tập hợp các văn bản, tài liệu về cùng một sự việc. Sự hình thành tài

liệu của các hồ sơ không giống nhau nên số lượng tài liệu có trong các hồ sơ cũng không đồng đều. Việc cung cấp số từ cụ thể nhằm mục đích giúp người nghiên cứu hình dung ra lượng thông tin chứa đựng trong mỗi hồ sơ.

* **Tóm tắt tài liệu:** Phần tóm tắt nội dung của từng hồ sơ là một công việc phức tạp, đòi hỏi nhiều thời gian nhất trong quá trình biên soạn, nhằm đưa ra những thông tin ngắn gọn, đầy đủ về nội dung tài liệu trong hồ sơ đó. Để đảm bảo tính chính xác của nội dung tài liệu được đưa vào sách, ngoài việc nghiên cứu tài liệu ra, chúng tôi còn đối chiếu giữa tiêu đề hồ sơ với nội dung tài liệu trong mỗi hồ sơ nhằm loại bỏ những hồ sơ không phù hợp với tiêu đề đã nêu. Việc nghiên cứu nội dung của từng hồ sơ để lựa chọn những tài liệu chính hoặc nhóm tài liệu có ý nghĩa nhất để đưa vào phần tóm tắt đòi hỏi có sự am hiểu nhất định về tài liệu lưu trữ.

* **Chú giải:** Để cung cấp những thông tin cần thiết cho người nghiên cứu, chúng tôi có chú giải về kích thước, tỷ lệ và thời gian của các bản đồ, bản vẽ về địa giới các khu vực hành chính nội, ngoại thành được in hoặc vẽ trên các chất liệu khác nhau và có ghi chú rõ ràng về ngôn ngữ của tài liệu (đối với những hồ sơ có các tài liệu bằng chữ Hán-Nôm, chữ quốc ngữ và chữ Pháp). Trường hợp các hồ sơ chỉ có tài liệu chữ Pháp thì không có ghi chú kèm theo.

Trong quá trình biên soạn, sử dụng từ ngữ và chú thích tên phố là hai vấn đề đã được chúng tôi cố gắng giải quyết nhưng vẫn còn một vài chỗ chưa thật thoả đáng, vì đây là những vấn đề hết sức nhạy cảm.

* **Sử dụng từ ngữ:** bộ sách *Hà Nội qua tài liệu và tư liệu lưu trữ 1873 -1954* được biên soạn từ những phong lưu trữ thời Pháp thuộc nên có một số danh từ dùng thường xuyên trong tài liệu gốc và chỉ tồn tại trong thời kỳ đó. Trong khi biên soạn, chúng tôi tôn trọng và giữ nguyên một số từ chỉ địa danh như Đông Dương (Indochine), Nam Kỳ (Cochinchine), Trung Kỳ (Annam), Bắc Kỳ (Tonkin) và những từ chỉ người như indigène (dùng để chỉ người bản xứ nói chung). Đối với những từ mang tính miệt thị như annamite (dùng để chỉ người Việt Nam), chúng tôi dịch thành người Việt hoặc người bản xứ, tùy từng trường hợp cụ thể.

* **Chú thích tên phố:** là một công trình công bố các nguồn tài liệu và tư liệu về Thành phố Hà Nội trong gần một thế kỷ, bộ sách *Hà Nội qua tài liệu và tư liệu lưu trữ 1873 -1954* tập hợp rất nhiều tên các đường phố ở Hà Nội và sự thay đổi của chúng qua các thời kỳ phát triển của Thành phố. Vì thế, trong quá trình biên soạn sách, việc xác minh, chú thích tên phố đã được chúng tôi tiến hành một cách thận trọng, căn cứ vào biên bản các phiên họp thường kỳ của Hội đồng Thành phố và căn cứ vào kết quả so sánh, đối chiếu giữa các bản đồ Thành phố Hà Nội qua các thời kỳ. Để việc tra cứu được thuận tiện, chúng tôi đặt tên các đường phố có trong tài liệu trước và chú thích luôn tên đang dùng hiện nay. Thí dụ:

- Rue du Coton (phố Hàng Bông).
- Voie N° 108 (phố Trần Tế Xương).

Những phố ngày nay cùng nằm trên một trục đường được phân chia ra từ một phố trước kia, chúng tôi cũng chú thích luôn các tên mới sau tên cũ cùng trong một ngoặc đơn. Thí dụ: Rue des Tasses (đoạn từ Hàng Mã đến Hàng Vải) được đổi tên thành phố Hàng Đồng, (đoạn từ Hàng Vải trở xuống) được đổi tên thành phố Bát Sứ, chúng tôi chú thích như sau:

- Rue des Tasses (phố Hàng Đồng và phố Bát Sứ).

+ Trường hợp nhiều phố trước kia cùng được tập hợp lại thành một phố ngày nay như ba phố Dufourcg, Charles Halais và Riquier cùng sáp nhập lại thành phố Nguyễn Du, chúng tôi đều đặt ở sau mỗi tên phố đó một chú thích chung. Thí dụ:

- Phố Dufourcg (một đoạn phố Nguyễn Du)...

Nguyên tắc chú thích này được áp dụng trong khuôn khổ một hồ sơ, cho tên phố ở lần xuất hiện đầu tiên. Trong các lần tiếp theo, tên phố đó sẽ không có chú thích tên đang dùng hiện nay.

+ Đối với một số địa danh có nhiều lần thay đổi tên gọi, chúng tôi chú thích đầy đủ cho lần xuất hiện đầu tiên, sau đó chỉ chú thích tên gọi cuối cùng. Nguyên tắc chú thích này được áp dụng cho cả bộ sách. Thí dụ: quảng trường Cocotier được chú thích như sau:

- Quảng trường Cocotier (sau đổi thành quảng trường Négrier, rồi đổi thành quảng trường Đông Kinh Nghĩa Thục, trước là nhà ga tàu điện Bờ Hồ, nay là khu vực đài phun nước Bờ Hồ).

- Quảng trường Cocotier (khu vực đài phun nước Bờ Hồ).

- Quảng trường Négrier (khu vực đài phun nước Bờ Hồ).

- Quảng trường Đông Kinh Nghĩa Thục (khu vực đài phun nước Bờ Hồ).

Một thí dụ khác, đường Mandarine được chú thích như sau:

- Đường Mandarine (sau gộp vào đường Mandarine prolongée thành phố Hàng Lọng, tiếp đó đổi thành phố Nam Bộ và nay là một đoạn đường Lê Duẩn).

- Đường Mandarine (một đoạn đường Lê Duẩn)...

+ Trong bộ sách này, người đọc sẽ gặp một số tên riêng được đặt đi, đặt lại cho các phố khác nhau ở các giai đoạn khác nhau. Đó là vì Thành phố Hà Nội không ngừng được mở rộng, các đường mới mở thường được đánh số, sau đó mới được đặt tên theo nghị quyết của Hội đồng Thành phố. Thí dụ:

[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](#)

- Tháng 2-1928, Hội đồng Thành phố quyết định lấy tên Lê Lợi đặt cho đường số 19 (đoạn phố Hàng Cân kéo dài, nay là phố Lương Văn Can). Tháng 2-1931, tên Lê Lợi lại được đặt cho phố Gia Long kéo dài (nay là một đoạn của phố Bà Triệu). Còn phố Lê Lợi cũ thì được mang tên Lê Quý Đôn. Sau ngày Thủ đô được giải phóng, phố Lê Quý Đôn được đổi tên thành phố Lương Văn Can như ngày nay.

- Cũng trong năm 1928, tên Nguyễn Du được đặt cho đường số 20, đoạn nối đường số 19 với phố O'Dendhal (phố Đinh Liệt) nhưng đến 1943 thì lại được đặt cho đường số 202, đoạn nối liền phố Huế với đường Mandarine. Còn phố Nguyễn Du cũ thì được sáp nhập với phố Tirant (phố Gia Ngư).

+ Những phố không có chú thích là những phố vẫn giữ nguyên tên cũ được đặt từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 như phố Ngõ Huyện, phố Hải Tượng, phố Vọng Đức... Còn những phố hoặc những địa danh do

chưa có điều kiện xác minh tên mới, chúng tôi tạm thời dùng dấu hỏi để trong ngoặc đơn. Thí dụ: Porte du Roi (?), đại lộ Amiral Decoux (?), phố Giáo Phòng (?), phố Đông Tân (?), phố Liên Mỹ (?)...

Phân phụ lục: để bổ sung cho phần nội dung chính, mỗi tập sách đều có phân phụ lục riêng.

- Tập I: phụ lục của tập I có phụ lục 1 (gồm những tài liệu liên quan đến hai vụ thực dân Pháp tấn công thành Hà Nội năm 1873 và 1882); phụ lục 2 (gồm những tài liệu liên quan đến sự thay đổi tên các đường phố ở Hà Nội trước 1954) và phụ lục 3 (gồm danh sách các Đốc lý và Thị trưởng của Thành phố Hà Nội từ 1885 đến 1954).

Để việc tra cứu được thuận lợi, trong phân phụ lục 2 của tập I, chúng tôi biên soạn một bảng tra địa danh ở Hà Nội từ trước 1945 đến 1951. Bảng tra cứu này được tổng hợp từ nhiều hồ sơ và tư liệu lưu trữ, gồm hai phần (địa danh cũ và địa danh mới) trong đó sự thay đổi địa danh được biểu hiện bằng ký hiệu mũi tên (→). Mỗi địa danh trong bảng tra cứu này đều có phần ghi chú đặt trong ngoặc đơn thể hiện rõ bản chất của địa danh đó (đại lộ, phố, ngõ, vườn hoa, quảng trường, đường, đê). Chúng tôi cố gắng ghi chú thời gian xuất hiện sớm nhất của từng địa danh thời kỳ từ sau 1945, còn trước 1945 nếu không xác định được, chúng tôi ghi chú chung là (thời Pháp thuộc).

Trường hợp cùng một tên phố mà được đặt đi đặt lại nhiều lần, thí dụ như tên phố Leblanc, chúng tôi chú thích rõ như sau:

- Leblanc (rue, 1928) → Henri d'Orléans (boulevard, 1933) → Henri d'Orléans (boulevard, 1935) → Phùng Hưng (phố, 1945) → Phùng Hưng (đại lộ, 1951 nay là phố cùng tên)

- Leblanc (rue, 1933) → Lê Bình (phố, 1945) → Mai Hắc Đế (phố, 1949) → Mai Hắc Đế (phố, 1951)

- Leblanc (rue, 1935) → Khúc Hạo (phố, 1945) → Gầm Cầu (đường, 1949) → Gầm Cầu (phố, 1951) và Nguyễn Hữu Huân (phố, 1951).

Tập II: gồm danh sách các công trình tín ngưỡng ở Thành phố Hà Nội được lưu trong phòng Toà Đốc lý Hà Nội và danh sách các cổ tích được liệt hạng do Sở Quốc gia Bảo tồn Cổ tích lập ngày 7-8-1951.

Để sách thêm phong phú, chúng tôi đã lựa chọn một số tài liệu quý, hiếm để minh họa cho mỗi tập. Thí dụ: tờ Tư ngày 10 tháng 8 năm Đông Khánh thứ 3 (1888) của Kinh lược Bắc Kỳ gửi huyện Thọ Xương về việc lập giới hạn Thành phố Hà Nội; bản đồ Hà Nội cổ năm 1873; bản đồ Thành phố Hà Nội năm 1936 có ghi chú các giới hạn của Thành phố qua các đợt quy hoạch; bản đồ quy hoạch khu Sinh Từ do Cérutti, Kiến trúc sư trưởng Sở Đô thị và Kiến trúc Trung ương vẽ ngày 18-12-1941... Số lượng bản đồ Hà Nội qua các năm mà chúng tôi tập hợp trong phần Địa giới và Tổ chức hành chính sẽ cho bạn đọc thấy rõ sự phát triển của Thành phố Hà Nội trước năm 1954. Bộ ảnh sưu tập xe kéo tay trong phần Giao thông cung cấp cho bạn đọc hình ảnh một phương tiện giao thông độc đáo, đặc trưng cho diện mạo đô thị Hà Nội trong gần một thế kỷ...

Từ điển chú giải được đặt ở cuối phần Sách dẫn của cả hai tập sách, nhằm giúp người đọc tra cứu được dễ dàng.

Trong quá trình biên soạn cuốn *Hà Nội qua tài liệu và tư liệu lưu trữ 1873 - 1954*, chúng tôi đã gặp một số khó khăn, trước hết là vấn đề tài liệu. Mặc dù đã tổ chức khảo sát và tra tìm ở tất cả các phòng tài liệu có liên quan đến chủ đề của sách nhưng do tài liệu không được lưu trữ đầy đủ nên bố cục của sách vẫn chưa thực sự cân đối. Hơn nữa, vì khối lượng công việc tương đối đồ sộ, số hồ sơ khai thác phục vụ cho việc biên soạn lên tới hàng vạn, lại phải đảm bảo cho sách ra đúng dịp kỷ niệm 1000 năm Thăng Long-Hà Nội, và là lần xuất bản đầu tiên nên bộ sách không tránh khỏi khiếm khuyết.

Tuy nhiên, những tài liệu được công bố trong bộ sách này hầu hết là lần công bố đầu tiên, rất có giá trị về nhiều mặt, đặc biệt là các văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền thuộc địa Pháp ở Việt Nam. Cho đến nay, những văn bản này vẫn còn giá trị tham khảo đối với các nhà nghiên

cứu và các nhà quản lý. Chúng tôi mong các nhà nghiên cứu và bạn đọc góp ý để chúng tôi rút kinh nghiệm cho sách tái bản được tốt hơn.

Bộ sách *Hà Nội qua tài liệu và tư liệu lưu trữ 1873 -1954* được hoàn thành với sự khích lệ và giúp đỡ của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, Ban Tổ chức lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, Nhà Xuất bản Hà Nội, các giáo sư, các nhà nghiên cứu sử học, đặc biệt là Giáo sư - Nhà giáo Nhân dân Đinh Xuân Lâm và Giáo sư - Nhà giáo Nhân dân Vũ Dương Ninh. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

Nhân dịp bộ sách *Hà Nội qua tài liệu và tư liệu lưu trữ 1873 -1954* ra mắt bạn đọc, chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới Giáo sư - Nhà giáo Nhân dân Phan Huy Lê, người đã đóng góp nhiều ý kiến quý báu cho việc xây dựng đề cương, hoàn thiện bảo thảo và đã vui lòng viết *Lời giới thiệu* cho bộ sách này.



TS. ĐÀO THỊ DIỄN - ThS. HÀ VĂN HUẾ

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

L U U T R U V N

CÁC CHỮ VIẾT TẮT

AG	Fonds des Amiraux et des Gouverneurs	Phòng Đồ đạc và Thống đốc (tài liệu)
AIF	Annuaire de l'Indochine française	Tạp chí Niên giám Đông Dương thuộc Pháp (tư liệu)
BAT	Bulletin administratif du Tonkin	Tạp chí Công báo hành chính Bắc Kỳ (tư liệu)
BMHN	Bulletin municipale de Hanoï	Tạp chí Công báo Thành phố Hà Nội (tư liệu)
DABI	Fonds de la Direction des Archives et des Bibliothèques de l'Indochine	Phòng Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương (tài liệu)
GGI	Fonds du Gouvernement général de l'Indochine	Phòng Phủ Toàn quyền Đông Dương (tài liệu)
hs		hồ sơ
IGTP	Fonds de l'Inspection générale des Travaux Publics	Phòng Tổng Thanh tra Công chính Đông Dương (tài liệu)
JOIF	Journal officiel de l'Indochine française	Tạp chí Công báo Đông Dương thuộc Pháp (tư liệu)
KLBK		Phòng Nha Kinh lược Bắc Kỳ (tài liệu)
KT		Khối tài liệu kiến trúc
MHN	Fonds de la Mairie de Hanoï avant 1945	Phòng Tòa Đốc lý Hà Nội trước năm 1945 (tài liệu)
MPAT	Moniteur du Protectorat de l'Annam et du Tonkin	Tạp chí Người hướng dẫn xứ Bảo hộ Trung-Bắc Kỳ (tư liệu)
N°	numéro	số

NHTX		Phòng Nha huyện Thọ Xương (tài liệu)
p.	page	trang
RHD	Fonds de la Résidence de Hadong	Phòng Toà Công sứ Hà Đông (tài liệu)
RST	Fonds de la Résidence supérieure du Tonkin	Phòng Phủ Thống sứ Bắc Kỳ (tài liệu)
SCDHN	Fonds du Service du Cadastre et des Domaines de Hanoï	Phòng Sở Địa chính và Nhà cửa Thành phố Hà Nội (tài liệu)
SCTT	Fonds du Service du Cadastre et de la Topographie du Tonkin	Phòng Sở Địa chính Bắc Kỳ (tài liệu)
SET	Fonds du Service de l'Enseignement du Tonkin	Phòng Sở Học chính Bắc Kỳ (tài liệu)
SENVN	Fonds du Service de l'Enseignement du Nord-Vietnam	Phòng Sở Học chính Bắc Việt (tài liệu)
TCHN	Fonds de la Municipalité de Hanoï après 1945	Phòng Toà Thị chính Hà Nội sau 1945 (tài liệu)
TL		Phòng Thuỷ lợi (tài liệu)
TPT	Fonds de la Circonscription territoriale des Travaux Publics du Tonkin	Phòng Khu Công chính Bắc Kỳ (tài liệu)
tr.		trang
vb		văn bản
VNDQCB		Việt Nam dân quốc công báo (tư liệu)
VPBD		Phòng Văn phòng Bảo Đại (tài liệu)

CÁC KÝ HIỆU LƯU TRỮ

Khởi tài liệu Hán - Nôm: ký hiệu lưu trữ được sắp xếp theo phòng, tập và cuối cùng là số tờ.

Thí dụ: NHTX - 01/T165 trong đó NHTX là chữ viết tắt của Nha huyện Thọ Xương (tên phòng), tập số 01 và tờ số 165.

Khởi tài liệu tiếng Pháp: ký hiệu lưu trữ được sắp xếp theo phòng và số hồ sơ.

Thí dụ: MHN - 361 trong đó MHN là chữ viết tắt của Mairie de Hanoi (phòng Tòa Đốc lý Hà Nội), hồ sơ số 361.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Khởi tư liệu tiếng Pháp: ký hiệu lưu trữ được sắp xếp theo số đăng ký, tên tạp chí, năm xuất bản, số trang.

Thí dụ: J - 336. BMDH, 1919, p. 322-324 trong đó J - 336 là ký hiệu lưu trữ (chữ J biểu thị cho khối tạp chí, 336 là số đăng ký của tạp chí), BMH là chữ viết tắt của Bulletin municipal de Hanoi (Công báo Thành phố Hà Nội), năm xuất bản 1919, trang từ 322 đến 324.

Khởi tư liệu tiếng Việt: ký hiệu lưu trữ được sắp xếp theo tên công báo, thời gian xuất bản, số tạp chí, số trang.

Thí dụ: VNDQCB (chữ viết tắt của Việt Nam dân quốc công báo) - số 16, 29-12-1945, tr. 197-201.

Phần I

ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Tham gia biên soạn:

ĐÀO THI ĐIỂN - VŨ VĂN THUYỀN
LÊ HUY TUẤN

L U U T R U V N



LỜI DẪN

Hà Nội chính thức trở thành “nhượng địa” của Pháp từ năm 1888, kể từ ngày 3 tháng 10, khi Dự ngày 1 tháng 10 của vua Đồng Khánh được Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn. Tuy nhiên, quá trình biến Hà Nội thành “nhượng địa” của Pháp đã được khởi động từ trước đó hơn 20 năm, khi mà công cuộc “bình định” xứ Bắc Kỳ của thực dân Pháp còn chưa thực sự bắt đầu.

Năm 1867, sau khi đánh chiếm được toàn bộ Nam Kỳ lục tỉnh, cùng với việc thiết lập hệ thống chính quyền cai trị ở Nam Kỳ, thực dân Pháp bắt đầu nhòm ngó ra Bắc Kỳ. Song, cho đến trước 1873, do tình hình chính trị của nước Pháp có nhiều biến động nên tư bản Pháp chưa dám chủ trương mở rộng chiến tranh ở Việt Nam.

Tuy nhiên, thực dân hiếu chiến Pháp ở Nam Kỳ vẫn luôn luôn tìm mọi cách để đạt được ý đồ đem quân ra đánh chiếm Bắc Kỳ, bởi họ cho rằng “*sự chiếm đóng Bắc Kỳ là vấn đề sống còn đối với nền đồ hộ của Pháp ở Nam Kỳ*”(3). Nhưng trên thực tế, ngay từ năm 1872, qua một vài chuyến đi thám sát khu vực Hạ Long, họ đã có kế hoạch đánh chiếm Bắc Kỳ bởi họ nhìn thấy ở Bắc Kỳ một tiềm năng khai thác lớn, nhất là con đường thương mại qua sông Hồng.

Lợi dụng việc “giải quyết vụ lái buôn Jean Dupuis gây ra ở Hà Nội” ngày 11-10-1873, thiếu tá hải quân Francis Garnier đã được phái ra Bắc Kỳ.

(3) Trích thư của Tổng Chỉ huy lực lượng viễn chinh Pháp tại Nam Kỳ Dupré gửi Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Pháp ở Paris ngày 19-5-1873. Georges TABOULET: “*La geste française en Indochine*” (Bản hùng ca của Pháp ở Đông Dương). Tome II. Andrien-Maisonneuve, Paris, 1956, tr. 694.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

thực chất nhằm “khai thông đường sông Hồng và khai trương cảng Hà Nội”. Ngày 3-11-1873, Garnier tới Hà Nội. Ngay khi đặt chân đến Hà Nội, Garnier đã nhận được thư của Nguyễn Tri Phương bày tỏ thái độ cương quyết trước những hành động gây hấn của Jean Dupuis. Trong thư có đoạn viết: “Ông đến Bắc Kỳ là để trục xuất tên Jean Dupuis. Vậy ông hãy lui cớ hấn và cùng hấn đi khỏi nơi đây...”⁽⁴⁾.

Ngày 10-11-1873, Nguyễn Tri Phương cho niêm yết khắp nơi lời hiệu triệu toàn quân, toàn dân Hà Nội chống Pháp do ông viết.

Ngày 12-11-1873, Francis Garnier gửi tối hậu thư cho Nguyễn Tri Phương, buộc ông phải hạ khí giới, giao nộp thành Hà Nội cho chúng vào ngày 18-11-1873. Ngày 19-11, Garnier gửi tối hậu thư lần thứ hai cho Nguyễn Tri Phương. Cả hai lần, Nguyễn Tri Phương đều không trả lời mà chỉ tích cực cho quân dân chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu. Ngày 20-11-1873, thực dân Pháp tấn công thành Hà Nội. Mặc dù quân dân ta đã chiến đấu hết sức dũng cảm song do chênh lệch lực lượng nên cuối cùng, Thành Hà Nội đã rơi vào tay Pháp.

Ngày 3 tháng giêng năm 1874, Pháp đã tổ chức tại Hà Nội một phái đoàn hiệp thương do Nguyễn Văn Tường, đại diện của Triều đình Huế và Philastre, đại diện của Soái phủ Sài Gòn tham gia. Theo quy ước được ký kết ngày 6-2-1874, quân Pháp phải rút khỏi thành Hà Nội và phải giao trả lại thành cho triều đình, đồng thời triều đình Huế phải dành cho Pháp một khu đất trên bờ sông Hồng ở phía đông - đông nam Thành phố Hà Nội để Pháp lập Tòa Công sứ và xây doanh trại cho binh lính.

Tiếp đó, theo Hiệp ước ký ngày 15-3-1874, Pháp được đặt tại Hà Nội một Lãnh sự với một lực lượng lính bảo vệ không quá 100 người. Diện tích khu đất nhượng cho Pháp xây Tòa Công sứ được quy định là 2,5 héc-ta nhưng do sự bất lực của nhà Nguyễn, cuối cùng khu đất nhượng này đã lên tới trên 18,5 héc-ta. Ngày 28-8-1875, Pháp bắt đầu đặt Lãnh sự quán tại Hà Nội.

(4) Officiers de l'Etat Major: *Histoire militaire de l'Indochine des débuts à nos jours* (janvier 1922). IDEO, Hanoi, 1922, tr. 34.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

Như vậy là, về mặt pháp lý, mặc dù Bắc Kỳ chưa chính thức trở thành đất “bảo hộ” của Pháp song trên thực tế, Pháp đã đặt được chân vào Hà Nội. Ý đồ xâm chiếm Bắc Kỳ của Pháp đã có cơ sở để thực hiện.

Tháng 10-1875, Pháp bắt đầu khởi công xây dựng các công trình kiên cố trên khu nhượng địa, chính thức mở đầu thời kỳ xây dựng Hà Nội trở thành “Thủ đô của Bắc Kỳ”, “Thủ đô của Liên bang Đông Dương thuộc Pháp”.

Chủ đề *Địa giới và Tổ chức bộ máy hành chính* của Hà Nội trong bộ sách này được biên soạn thành hai phần chính, nhằm giúp bạn đọc hình dung quá trình xây dựng và mở rộng Thành phố Hà Nội và quá trình hình thành tại thành phố này một bộ máy hành chính kiểu Pháp.

I. ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH

Tài liệu và tư liệu lưu trữ, đặc biệt là các văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền thuộc địa các cấp được tập hợp trong bộ sách này cho thấy, về phương diện địa giới hành chính, quá trình biến Hà Nội thành “Thủ đô của Bắc Kỳ”, “Thủ đô của Liên bang Đông Dương thuộc Pháp” được tiến hành qua 2 giai đoạn:

1. Xác định ranh giới Thành phố

Giai đoạn 1 được bắt đầu từ ngày 11-5-1886, bằng việc Tổng Trú sứ Trung-Bắc Kỳ⁽⁵⁾ Vial ký quyết định số 1 giao cho Khu Công chính Bắc Kỳ việc đo vẽ bản đồ Thành phố Hà Nội. Các kỹ sư của Khu Công chính có quyền thực hiện nhiệm vụ của mình ở bất cứ nơi nào trong Thành phố, kể cả trong khu vực đất thuộc quyền sở hữu tư nhân của người Âu cũng như người bản xứ.

(5) Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ (hay còn gọi là Toàn quyền lưỡng kỳ) là người đứng đầu bộ máy cai trị thực dân ở Trung-Bắc Kỳ, thay mặt chính phủ Pháp điều khiển nền “Bảo hộ” ở Trung - Bắc Kỳ theo Hiệp ước 6-6-1884. Quyền hành của Tổng Trú sứ ngang với Thống đốc Nam Kỳ và độc lập đối với Thống đốc Nam Kỳ (dẫn theo: Dương Kinh Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử 1858-1918* (tái bản lần thứ ba), NXB Giáo dục, H. 2003, tr. 161.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Tiếp đó, ngày 14-9-1888, quyền Tổng Trú sứ Parreau đã ký Nghị định số 18 phân định ranh giới ban đầu của Thành phố Hà Nội. Theo Nghị định này, Thành phố Hà Nội lúc đó bắt đầu từ Sở Thuế quan (Bảo tàng Cách mạng Việt Nam), qua Blockhaus Nord (lô cốt phía bắc nay thuộc phố Phố Đức Chính), đường Grand Bouddha (phố Quán Thánh), đường bao quanh Thành Hà Nội, cửa Sơn Tây kéo dài đến đường Phủ Thanh Oai (phố Văn Miếu, 1 đoạn phố Quốc Tử Giám và 1 đoạn phố Tôn Đức Thắng), Pagode des Corbeaux (Văn Miếu - Quốc Tử Giám), chùa Sinh Từ, đường Hué (phố Duy Tân, nay là phố Huế), công sự Hué, qua đê thuộc khu nhượng địa (khu Đồn Thủy) cho đến tận sông Hồng.

Một năm sau, trong phiên họp thường kỳ ngày 6-10-1889 của Hội đồng Thành phố, Đốc lý Hà Nội đã cho rằng *"ranh giới hiện tại của Thành phố không được rõ ràng, khó nhận biết, khó xác định về đất đai và đã bỏ ra ngoài Thành phố một vài vùng buôn bán và công nghiệp"*⁽⁶⁾. Chính vì vậy, theo đề nghị của Hội đồng Thành phố, ranh giới ban đầu của Thành phố đã được ấn định lại bằng Nghị định ngày 15-11-1889 của Thống sứ Bắc Kỳ Brière. Theo Nghị định này, phía đông của Thành phố được xác định giáp với dòng chảy của sông Hồng; phía bắc, phía tây và phía nam được xác định bởi một đường thẳng chạy từ cột mốc số 1 đến số 15, cụ thể như sau:

+ Cột mốc số 1 được đặt ở phía bắc Thành phố và làng Cổ Xá, cách Blockhaus Nord 900 mét.

+ Cột mốc số 2 được đặt phía ngoài Blockhaus Nord và kéo dài về phía tây đến đoạn giao nhau với Hồ Tây.

+ Cột mốc số 3 được đặt cách chùa Cổ Lễ 270 mét về phía đông và trên bờ Hồ Tây. Ranh giới giữa cột mốc số 2 và 3 được ấn định theo sườn nước uốn lượn của hồ Tây, bao gồm cả đảo chùa Trấn Quốc.

(6) RST. hs: 78647.

Phấn I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

+ Cột mốc số 4 được đặt trên đê Parreau (đường Hoàng Hoa Thám), điểm tiếp nối với một con đê nhỏ kéo từ cửa Sơn Tây qua. Ranh giới giữa cột mốc số 3 và 4 được ấn định là đường thẳng nối liền hai cột mốc này.

+ Cột mốc số 5 đặt tại góc tây-nam của cửa Sơn Tây. Ranh giới giữa cột mốc số 4 và 5 được ấn định là đường chạy theo ranh giới giữa Thành phố và tỉnh Hà Nội.

+ Các cột mốc số 6, 7, 8, 9, 10 và 11 được đặt trên một đường thẳng chạy song song với trục đại lộ Gambetta (phố Trần Hưng Đạo) và nằm cách trục này 150 mét. Cột số 6 được đặt ở điểm đầu phía tây của đường thẳng này và cách trục đường Phủ Thanh Oai 340 mét; cột số 7 được đặt ở phía đông của đường thẳng nói trên, cột số 8 được đặt ở giữa đường Phủ Thanh Oai với đường Mandarine (sau gộp vào đường Mandarine prolongée thành phố Hàng Lọng, tiếp đó đổi thành phố Nam Bộ và nay là đường Lê Duẩn); cột số 9 được đặt ở phía đông đường Mandarine; cột số 10 được đặt ở giữa đường Mandarine với đường Huế (sau đổi tên thành phố Duy Tân và nay là phố Huế) và cột số 11 được đặt ở phía đông đường Huế.

+ Cột mốc số 12 được đặt ở phía tây của đường Abattoir (đường Lò Lợn nay là phố Lương Yên), thẳng với con đường chạy đến phía nam của khu nhượng địa.

+ Cột mốc số 13 được đặt ở đoạn giao nhau giữa đê cao của sông Hồng với chiến hào cũ dẫn đến đường Huế.

+ Cột mốc số 14 được đặt trên bờ cao của sông Hồng, thẳng với con đường dẫn đến đường Abattoir.

+ Cột mốc số 15 được đặt cách góc tây bắc của bờ tường phía ngoài của Abattoir 20 mét. Ranh giới giữa các cột mốc 12, 13, 14 và 15 được ấn định chạy theo mép đường và đê dẫn đến đường Abattoir. Từ cột mốc số 15, ranh giới Thành phố được ấn định chạy song song và cách tường rào của Abattoir 20 mét rồi nối với đê sông Hồng. Các cột mốc trên được ghi một bên là Thành phố và một bên là tỉnh Hà Nội.

Ranh giới này đã được xem là ranh giới chính thức, làm căn cứ pháp lý cho những lần mở rộng địa giới Thành phố Hà Nội của chính quyền thuộc địa Pháp trong nhiều năm sau.

2. Mở rộng phạm vi Thành phố

Giai đoạn 2 được bắt đầu bằng Nghị định ngày 20-2-1895 của Thống sứ Bắc Kỳ sáp nhập phần đất đai ở khu vực nằm giữa đường Abattoir, con đê giới hạn khu nhượng địa với Route Madarine vào Thành phố Hà Nội. Như vậy là, Thành phố Hà Nội được mở rộng bắt đầu từ phía đông-bắc.

Cùng trong năm 1895, bằng Quyết định ngày 11-3, Kinh lược Bắc Kỳ Hoàng Cao Khải đã sáp nhập vào Thành phố Hà Nội một số thôn của huyện Vĩnh Thuận và một số làng thuộc các tổng Vĩnh An, Kim Liên và Thanh Nhân. Tiếp đó, trong phiên họp ngày 16-11-1895, Hội đồng Thành phố đã quyết định sáp nhập vào Thành phố Hà Nội một vài khu đất ở phía nam dành để xây dựng nhà ga đường sắt và các công trình phụ trợ.

Bốn năm sau, bằng Nghị định ngày 14-7-1899 của Toàn quyền Đông Dương, 59 xã thuộc các huyện Vĩnh Thuận, Từ Liêm và Thanh Trì đã được “đặt dưới quyền quản lý của Công sứ-Đốc lý” để lập nên khu ngoại ô Hà Nội (Zone Suburbaine de la Ville de Hanoi).

Tiếp đó, ngày 30-11-1899, quyền Thống sứ Bắc Kỳ là J. Morel đã ký Quyết định số 20 tách các xã Tương Mai và Thịnh Liệt (các thôn Giáp Nhất, Giáp Nhị, Giáp Tứ, Giáp Lục, Giáp Thất và Giáp Bát) ra khỏi tổng Hoàng Mai để sáp nhập vào tổng Khương Đình, huyện Thanh Trì, ngoại ô Hà Nội⁽⁷⁾. Khu vực ngoại ô này được chính thức mang tên huyện Hoàn Long⁽⁸⁾ vào tháng 11-1899 và được sáp nhập thêm các xã Vĩnh Tuy, Khương Trung của tổng Hoàng Mai, Quán La của tổng Thượng Tống,

(7) RHD. hs: 706.

(8) Theo báo cáo ngày 15-2-1910 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ, huyện Hoàn Long trải dài theo giới hạn của Thành phố Hà Nội cho đến tận đường vành đai ngăn cách với tỉnh Hà Đông, có diện tích xấp xỉ 4.000 héc-ta, gồm 9 tổng và 61 làng, dân số có khoảng 30.000 người. MHN. hs: 07.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

Xuân Tảo Sở của tổng Trung Tổng và An Hòa của tổng An Hạ, theo Quyết định số 21 ngày 26-12-1899 của Thống sứ Bắc Kỳ J. Morel⁽⁹⁾. Mặc dù đến thời điểm này, ranh giới của Thành phố vẫn là ranh giới được xác định bởi Nghị định ngày 20-2-1895 (tuy có thêm phần đất do Khu Công chính Bắc Kỳ dành để xây ga đường sắt và các công trình phụ trợ) nhưng Nghị định ngày 14-7-1899 cùng với việc lập ra khu ngoại ô Thành phố Hà Nội đã đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo ra một vùng đất dự trữ rộng lớn cho việc mở rộng ranh giới Thành phố ở giai đoạn sau.

Quá trình tạo ra vùng đất dự trữ cho Thành phố Hà Nội được tiếp tục bằng Nghị định ngày 3-3-1903 của Toàn quyền Đông Dương về việc tách các xã Lâm Gio, Phú Viên và các thôn Gia Quất Hạ và Cầu Cá thuộc tổng Gia Thụy, phủ Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh để sáp nhập vào khu vực ngoại ô Hà Nội. Nghị định ngày 3-3-1903 cũng đặt các vùng này dưới quyền quản lý trực tiếp của Đốc lý Thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, 11 năm sau, khu ngoại ô Hà Nội đã bị xóa bỏ kể từ ngày 1-1-1915, theo Nghị định ngày 10-12-1914 của quyền Toàn quyền Đông Dương Van Vollenhoven. Bắt đầu từ ngày 1-1-1915, khu ngoại ô này đã bị sáp nhập vào tỉnh Hà Đông.

Từ năm 1915 cho đến trước tháng 8-1922 hầu như không có một văn bản nào của chính quyền thuộc địa ở Đông Dương về quy hoạch hay mở rộng Thành phố được ban hành. Mối quan tâm của Pháp trong thời kỳ này là tham gia vào cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ nhất và sau đó là đẩy mạnh đầu tư, khai thác thuộc địa nhằm khôi phục nền kinh tế đã bị kiệt quệ sau chiến tranh và củng cố địa vị của mình trên thế giới. Trong giai đoạn này, việc khai thác thuộc địa của Pháp đã gây ra nhiều biến đổi cho nền kinh tế và xã hội ở Việt Nam nói chung và ở Thành phố Hà Nội nói riêng. Vì vậy, việc quy hoạch Thành phố cũng chịu nhiều ảnh hưởng và có những biến đổi đáng kể so với những năm trước.

Để thống nhất việc quy hoạch và mở rộng các thành phố (vào thời điểm đó đang là một vấn đề nóng bỏng) không phải chỉ riêng ở Hà Nội

(9) RHD, hs: 703.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

mà còn ở các thành phố tại các thuộc địa khác của Pháp ở Đông Dương. Tổng thống Pháp đã ra Sắc lệnh ngày 12-7-1928, trong đó điều 4 quy định thành lập một Ủy ban quy hoạch và mở rộng thành phố tại mỗi nước trong Khối Liên hiệp Pháp. Ủy ban này gồm Đốc lý hay Thị trưởng hoặc người đứng đầu thành phố; đại diện của các công sở khác nhau; đại diện của các Hội Kiến trúc sư, Mỹ thuật, Khảo cổ, Lịch sử, Nông nghiệp, Thương mại, Công nghiệp, Thể thao, Giao thông... để trưng cầu ý kiến về các kế hoạch hay các dự án quy hoạch và mở rộng thành phố được các Hội đồng Thành phố thiết lập, sự ảnh hưởng về mỹ thuật hay về vệ sinh môi trường do việc thực hiện các dự án có thể gây ra... Điều 6 quy định: Mỗi thành phố hay trung tâm đô thị, Hội đồng Thành phố hoặc Ủy ban Thành phố, theo đề nghị của Đốc lý sẽ chỉ định một kỹ thuật viên hoặc một tổ chức chịu trách nhiệm nghiên cứu việc lập bản đồ và dự án mở rộng thành phố.

Thực hiện Sắc lệnh ngày 12-7-1928 của Toàn quyền Đông Dương về quy hoạch và mở rộng các thành phố ở Đông Dương, bằng Nghị định ngày 20-11-1930 và Công điện số 6/A ngày 2-1-1931, Thống sứ Bắc Kỳ đã yêu cầu Đốc lý Thành phố chỉ định các thành viên của Hội đồng và kỹ thuật viên lập bản đồ cải tạo và mở rộng Thành phố Hà Nội. Cuối cùng, tại phiên họp thường kỳ ngày 25-2-1931, Hội đồng Thành phố đã quyết định giao cho Sở Địa chính Hà Nội nhiệm vụ nghiên cứu và xây dựng bản đồ quy hoạch và mở rộng Thành phố theo dự án của Hébrard đã vạch ra cho Hà Nội.

Trong vòng mười năm sau đó, Hà Nội chủ yếu tập trung vào việc quy hoạch, cải tạo, sắp xếp các đường phố trong khu vực nội thành. Cho đến cuối năm 1941, quá trình tạo ra vùng đất dự trữ cho việc mở rộng Thành phố mới bắt đầu được khởi động lại, bằng Nghị định ngày 18-10-1941 của Toàn quyền Đông Dương. Theo Nghị định, tất cả các xã trong huyện Hoàn Long, các tổng Thanh Trì, Thịnh Liệt, Khương Đình thuộc huyện Thanh Trì, các tổng Dịch Vọng, Xuân Tảo, Phú Gia của phủ Hoài Đức thuộc tỉnh Hà Đông bắt buộc phải phụ thuộc vào kế hoạch sắp xếp và mở rộng các thành phố ở Đông Dương, theo tinh thần của Sắc lệnh ngày 12-7-1928 và Nghị định ngày 20-11-1930.

Phấn I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

Một năm sau, ngày 25-8-1942, Toàn quyền Đông Dương Decoux đã thông qua Dự ngày 11-7-1942 của vua Bảo Đại về việc quy hoạch và mở rộng địa hạt của Thành phố. Tiếp đó, Toàn quyền Đông Dương lại ra Nghị định ngày 31-12-1942 tách khỏi tỉnh Hà Đông toàn bộ đất đai khu ngoại ô Hà Nội cũ được quy định bằng Dự ngày 11-7-1942 của vua Bảo Đại (bao gồm tất cả các làng trong huyện Hoàn Long, các tổng Thanh Trì, Thịnh Liệt, Khương Đình của huyện Thanh Trì, các tổng Dịch Vọng, Xuân Tảo, Phú Gia của phủ Hoài Đức), kể từ ngày 1-1-1943 và đặt vùng này dưới quyền quản lý của Đốc lý Hà Nội. Vùng mới này được mang tên Đại lý đặc biệt của Hà Nội (Délégation spéciale de Hanoï).

Hàng loạt các sự kiện liên tiếp xảy ra ở Đông Dương giai đoạn 1944-1945 và cuối cùng là sự kiện toàn quốc kháng chiến ngày 19-12-1946 đã làm cho Nghị định ngày 31-12-1942 của Toàn quyền Đông Dương cùng với việc thành lập Đại lý đặc biệt của Hà Nội đã trở thành văn bản cuối cùng của chính quyền thuộc địa Pháp ở Đông Dương về việc mở rộng Thành phố Hà Nội.

Trong thời gian Hà Nội bị tạm chiếm, từ sau năm 1950, Hà Nội có một vài dự án mà tài liệu còn được lưu trữ lại như dự án mở rộng Thành phố Hà Nội năm 1951 của Ty Địa chính và Công thổ, hay đề nghị mở rộng Thành phố Hà Nội về phía sông Hồng bằng cách chuyển đê ra sát lòng sông của ông Solovieff (dự án mở rộng Thành phố Hà Nội tại Giang Khẩu năm 1953). Nhưng cuối cùng, tất cả những dự án này đều chỉ tồn tại trên giấy tờ mà không trở thành hiện thực vì không được Hội đồng Thành phố thông qua.

II. TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

Song song với việc định hình và mở rộng Thành phố về mặt địa giới, ngay từ năm 1886, thực dân Pháp đã chú trọng đến việc xây dựng cho Hà Nội một tổ chức bộ máy cai trị về mặt hành chính. Ở cấp Thành phố, bộ máy đó bao gồm Ủy ban Thành phố và Tòa Đốc lý Thành phố.

1. Ủy ban Thành phố

Ý tưởng ban đầu về việc thành lập cho hai thành phố cấp I (Municipalité de première classe) của Bắc Kỳ (Hà Nội và Hải Phòng) là của Silvestre,

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Giám đốc các công việc dân sự và chính trị. Nhưng do còn phải lo tổ chức các cuộc hành quân nhằm “bình định” Bắc Kỳ nên mãi cho đến ngày 8-1-1886, Tổng Tư lệnh các lực lượng quân đội Pháp ở Bắc Kỳ De Courcy mới ký một quyết định thành lập tại Hà Nội và Hải Phòng mỗi nơi một Ủy ban lâm thời (Commission municipale provisoire) có nhiệm vụ nghiên cứu và soạn thảo một dự luật về tổ chức và hoạt động của một Ủy ban chính thức (Commission municipale définitive) của Thành phố. Đối với Hà Nội, Ủy ban này gồm 6 uỷ viên người Pháp, 5 uỷ viên người Việt và 1 Hội trưởng Hội người Hoa, Chủ tịch là Công sứ Pháp.

Sau hai phiên họp đầu tiên vào các ngày 14-1 và 1-2-1886, Ủy ban lâm thời đã trình lên Tổng Trú sứ một bản dự thảo về tổ chức và quyền hạn của Ủy ban Thành phố Hà Nội. Dự thảo này đã được Tổng Trú sứ Paul Bert chấp thuận bằng Nghị định số 2 ngày 1-5-1886. Nghị định số 2 đã thành lập tại Hà Nội một Ủy ban gồm 4 công chức dân sự và 8 người Pháp sinh sống tại Hà Nội (những người này do Tổng Trú sứ quyết định); 6 thân hào người Việt được bổ nhiệm bởi các cơ quan của các xã ở xung quanh Hà Nội, bao gồm cả huyện Thọ Xương và 2 Hội trưởng Hội người Hoa sinh sống tại Hà Nội. Chủ tịch của Ủy ban này là một công chức người Pháp của Tòa Thống sứ Bắc Kỳ. Ủy ban này được hỏi ý kiến đặc biệt về đường xá, về an ninh và về tất cả các vấn đề có liên quan đến vệ sinh của Thành phố. Sau khi lấy biểu quyết, những ý kiến này sẽ được trình lên Thống sứ Bắc Kỳ, hoàn toàn để tư vấn, không có tính chất quyết định. Chính vì vậy, thời gian đầu nó còn được gọi là Ủy ban Tư vấn (Commission consultative)⁽¹⁰⁾. Sự thành lập của Ủy ban này hoàn toàn không có ảnh hưởng gì đến tổ chức hành chính bên trong của các xã xung quanh Hà Nội, cũng như đến quyền hạn của các thân hào hay các công chức người Việt.

Mặc dù chỉ có tính chất tư vấn nhưng vai trò của Ủy ban này đã được Paul Bert khẳng định trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Bảo hộ Bắc Kỳ

(10) RST. hs. 01

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

ngày 2-5-1886: “*Hà Nội sẽ càng ngày càng trở thành một thành phố châu Âu, phải mau chóng xây dựng cho nó các công trình giao thông, nhà cửa, chợ búa, lò mổ. Để chỉ huy công việc này, cần phải có một chính quyền chăm sóc đặc biệt cho Hà Nội. Chính quyền này chỉ có thể là một Ủy ban thành phố*”(11).

Chính vì vậy mà ngay sau đó, ngày 29-5-1886, Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ đã ký Nghị định số 3 bổ nhiệm các thành viên đầu tiên cho Ủy ban Thành phố.

Tuy nhiên, Nghị định số 2 ngày 1-5-1886 còn chưa xác định rõ chức năng và quyền hạn của Ủy ban Thành phố cũng như của người đứng đầu Ủy ban nên chỉ hai năm sau, Nghị định số 2 này đã được thay thế bằng một văn bản khác: Nghị định ngày 19-7-1888 do Toàn quyền Đông Dương ký.

Nghị định mới này thành lập tại Hà Nội và Hải Phòng, mỗi thành phố một Hội đồng, đứng đầu là một Đốc lý kiêm Chủ tịch Hội đồng Thành phố và 16 uỷ viên, trong đó có 12 người Pháp và 4 người Việt. Những uỷ viên của Hội đồng này được lựa chọn trong số những người Pháp và người Việt trên 25 tuổi, có quyền công dân và chính trị, có thời gian cư trú ở Hà Nội ít nhất là 6 tháng. Trong số 16 uỷ viên, ít nhất có 4 người do Phòng Thương mại Thành phố lựa chọn. Các uỷ viên của Hội đồng Thành phố đều do Tổng Trú sứ bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 3 năm. Giúp việc cho Đốc lý còn có hai Phó Đốc lý và Toà Đốc lý.

Về quyền hạn của Đốc lý, Nghị định ngày 19-7-1888 quy định: Đốc lý là người quản lý hành chính cao cấp nhất của bộ máy chính quyền Thành phố, chịu trách nhiệm trước Thống sứ Bắc Kỳ về mọi mặt hoạt động của Thành phố, từ việc đảm bảo hệ thống an ninh, cảnh sát, quản lý công sản, thuế, xây dựng các công trình công cộng... đến việc ký các văn bản có tính chất quy định của Thành phố. Đốc lý do Thống sứ Bắc Kỳ đề cử và do Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm.

(11) RST, hs: 71344.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Cách tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thành phố được Nghị định ngày 19-7-1888 quy định: Hội đồng Thành phố họp thường kỳ mỗi năm bốn lần, vào đầu các tháng hai, năm, tám và mười một, mỗi phiên họp kéo dài 10 ngày, các phiên họp bất thường sẽ được tổ chức nếu có đề nghị của từ 3 uỷ viên trở lên. Hội đồng Thành phố được quyền đưa ra các ý kiến về các vấn đề có liên quan đến việc quy hoạch các đường lớn trong nội thành; việc sửa đổi giới hạn địa giới hành chính Thành phố và cuối cùng là tất cả các vấn đề được quyết định bởi các quy tắc và nghị định của Thành phố.

Trong các phiên họp, Hội đồng Thành phố lấy biểu quyết về các vấn đề sau: các khoản công trái do Thành phố phát hành và cách thức thanh toán; ngân sách của Thành phố và tất cả các khoản thu chi bình thường và bất thường; giá cả và quy định thu của tất cả các khoản thu nhập riêng của Thành phố; việc mua bán, chuyển nhượng, trao đổi hoặc phân phối và nói chung là tất cả những gì có liên quan đến bảo quản và cải tạo đất đai thuộc quyền sở hữu của Thành phố; những công trình xây dựng, sửa chữa, tất cả các công trình đấu thầu; việc xây dựng các phố, quảng trường công cộng và vạch tuyến đường trong Thành phố...

Theo quy định, nghị quyết của Hội đồng Thành phố phải được ghi lại trong một cuốn sổ có đánh số, theo trật tự ngày tháng và phải được lấy chữ ký của tất cả các uỷ viên. Sau mỗi phiên họp, chủ tọa phải gửi thẳng nghị quyết của Hội đồng lên Tổng Trú sứ.

Hội đồng Thành phố Hà Nội đã được hoàn thiện thêm về tổ chức và được bổ sung thêm một số chi tiết như các điều kiện bầu cử, số lượng uỷ viên... bằng các Nghị định ngày 31-12-1891, 19-7-1904, 16-5-1906, 14-3-1907 của Toàn quyền Đông Dương và các Sắc lệnh ngày 11-7-1908, 18-8-1921 của Tổng thống Pháp. Hội đồng Thành phố Hà Nội đã ngừng hoạt động sau sự kiện ngày Nhật đảo chính Pháp 9-3-1945. Những thay đổi của tổ chức này trong thời kỳ 1946-1954 sẽ được đề cập tới trong phần sau.

2. Tòa Đốc lý Thành phố

Giúp việc cho Đốc lý, ngoài hai viên Phó Đốc lý ra còn có Tòa Đốc lý được thành lập theo Nghị định 19-7-1888 của Toàn quyền Đông Dương và

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

Nghị định số 25 ngày 31-12-1888 của Công sứ - Đốc lý Thành phố với chức năng tương đương với các Tòa Công sứ các tỉnh. Thời gian đầu, tổ chức của Tòa Đốc lý chỉ bao gồm một số đơn vị sau: Văn phòng, Phòng Kế toán, Phòng Cảnh sát, Phòng Quản lý giao thông đường bộ, Phòng Địa chính...

Cùng năm 1888, phần lớn đất đai của huyện Thọ Xương đã bị sáp nhập vào Thành phố Hà Nội. Vì thế, bên cạnh Hội đồng Thành phố và Tòa Đốc lý là hai cơ quan quản lý hành chính của chính quyền thuộc địa còn có một cơ quan của chính quyền người bản xứ là Nha huyện Thọ Xương tồn tại ngay trong phạm vi Thành phố. Nha huyện Thọ Xương tiếp tục hoạt động cho đến ngày 6-10-1896 thì bị bãi bỏ, theo Quyết định số 357 của Kinh lược Hoàng Cao Khải.

Thay thế Nha huyện Thọ Xương là Nha Hiệp Lý được thành lập theo Quyết định số 383 ngày 26-8-1896 của Kinh lược Hoàng Cao Khải⁽¹²⁾. Nha Hiệp Lý bao gồm 1 Kinh lịch, 1 Bát phẩm, 1 Chánh cử phẩm, 1 Thư lại, 1 Lễ mục, 8 lính lệ và 1 viên quan đứng đầu mang chức danh Hiệp Lý với chức năng chính là giải quyết các vấn đề về tư pháp của người bản xứ sống tại Thành phố Hà Nội. Nhưng Nha Hiệp lý cũng chỉ tồn tại đến năm 1897 thì bị xoá bỏ, theo Quyết định ngày 26-2 của Kinh lược Bắc Kỳ. Lý do chính, theo đề nghị của Công sứ - Đốc lý Thành phố, “*Sắc lệnh ngày 15-9-1896 đã mở rộng quyền hạn xét xử người bản xứ cho các Tòa án của hai Thành phố là Hà Nội và Hải Phòng nên viên quan người bản xứ Hiệp lý chỉ đặc biệt phụ trách việc giải quyết các việc án giữa những người An-nam sống trong Thành phố không có lý do gì để tồn tại nữa*”⁽¹³⁾. Tuy nhiên, việc bãi bỏ Nha Hiệp lý có gây ra cho chính quyền thuộc địa ở Thành phố Hà Nội một số khó khăn về quản lý các công việc của người bản xứ nên ngày 2-2-1904, Nha Hiệp lý lại được tái lập. Nhưng do “*hoạt*

(12) RST, hs: 73.949.

(13) Công văn số 74 ngày 16-2-1897 của Công sứ - Đốc lý Hà Nội gửi Phó Toàn quyền Đông Dương. RST, hs: 73.949.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

động không có hiệu quả” nên chỉ hơn một năm sau, đến tháng 10-1905, Nha Hiệp lý đã vĩnh viễn bị xoá bỏ.

Tháng 10-1905, “*để đáp ứng các yêu cầu cấp thiết và được sự chấp thuận của Hội đồng Thành phố và của Phủ Thống sứ Bắc Kỳ*”, Toà Đốc lý Thành phố đã được bổ sung thêm một đơn vị mới: Phòng Quản lý các công việc liên quan đến người bản xứ. Trong báo cáo gửi Thống sứ Bắc Kỳ ngày 4-7-1906, Đốc lý Hà Nội cho rằng “*Phòng phụ trách các công việc liên quan đến người bản xứ là một nơi mà người An-nam tìm thấy các lời khuyên cần thiết và là nơi luôn luôn tiếp nhận các đơn từ khiếu nại mà người An-nam có quyền bày tỏ*” và vì thế, việc thành lập phòng mới này đã “*làm cho mối quan hệ giữa chính quyền Thành phố với dân chúng người An-nam thêm phát triển*”(14). Như vậy là, trên thực tế, việc quản lý người bản xứ ở cấp Thành phố đã chuyển từ Nha huyện Thọ Xương sang Nha Hiệp lý và cuối cùng chuyển vào tay người Pháp, kể từ khi Phòng Quản lý các công việc liên quan đến người bản xứ được thành lập theo Nghị định số 1352 ngày 18-10-1905 của Thống sứ Bắc Kỳ(15).

Ba năm sau, thực hiện Sắc lệnh ngày 11-7-1908 của Tổng thống Pháp về tổ chức Hội đồng Thị chính các Thành phố Sài Gòn, Hà Nội và Hải Phòng, Đốc lý Prêtre đã ký một nghị định vào tháng 2-1908 về tổ chức của Toà Đốc lý. Theo Nghị định này, kể từ ngày 1-3-1908, Toà Đốc lý Thành phố Hà Nội được quy định chính thức gồm các đơn vị sau:

+ Văn phòng: phụ trách các công việc sắp xếp và phân chia công văn đến; chuẩn bị các công việc về bầu cử; công tác lưu trữ; nhân sự (thăng cấp, thưởng phạt, nâng lương, phụ cấp hưu trí, kỷ luật); tập trung các công việc để đưa ra các Ủy ban và Hội đồng Thành phố...

+ Phòng Văn thư: đăng ký công văn đi, đến; chuẩn bị và lập danh sách cử tri và thẻ bầu cử; gửi giấy triệu tập các phiên họp Hội đồng Thành phố; đăng ký các nghị quyết của các phiên họp Hội đồng Thành phố...

(14) RST, hs: 37.

(15) MHN, hs: 23.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

+ Phòng Kế toán: phụ trách các công việc có liên quan đến ngân sách, thuế và các khoản thu của Thành phố; chuẩn bị và thực hiện các cuộc đấu thầu các công trình xây dựng trong Thành phố; kiểm tra các chợ và các lò mổ...

+ Phòng Hộ tịch: phụ trách các công việc thuộc về hộ tịch của người Âu và người Pháp; nhập quốc tịch; khai sinh; các công việc thuộc về cư trú của người nước ngoài...

+ Phòng phụ trách các công việc liên quan đến người bản xứ: nhận và kiểm tra các đơn từ; hộ tịch người bản xứ; tuyển mộ nhân công; bầu cử các Trưởng phố; giám sát và kiểm tra; xác nhận căn cước và đạo đức người bản xứ; nhận thực các chữ ký bằng chữ Hán - Nôm; các hiệp hội của người bản xứ...

+ Phòng kiểm tra các loại thuế: nghiên cứu mọi vấn đề có liên quan đến các loại thuế trực thu; lập và công bố các loại thuế khác...

Năm 1916, Tổng thống Pháp ký Sắc lệnh ngày 19-1 sửa đổi một số điều trong Sắc lệnh ngày 11-7-1908 về tổ chức Hội đồng Thị chính Thành phố Hà Nội. Thực hiện Sắc lệnh này, tổ chức và chức năng của các phòng, ban thuộc Tòa Đốc lý đã được bổ sung, sửa đổi như sau: sáp nhập Phòng Văn thư và bộ phận lưu trữ vào Văn phòng; lập thêm Ủy ban phụ trách vệ sinh Thành phố cho Phòng Quản lý hộ tịch và vệ sinh; sáp nhập Phòng Kiểm tra các loại thuế vào Phòng Kế toán và lập thêm 3 phòng mới là:

- Phòng Quản lý đường bộ, các công trình cấp thoát nước và chiếu sáng đô thị.

- Phòng Quản lý cây trồng đô thị.

- Phòng Địa chính và Công thổ.

Riêng đối với Phòng phụ trách các công việc liên quan đến người bản xứ (bị xoá bỏ theo Nghị định số 617 ngày 23-3-1916 của quyền Thống sứ Bắc Kỳ), Nghị định ngày 13-4 của Đốc lý Thành phố Hà Nội đã phân chia các chức năng, nhiệm vụ của Phòng này sang cho hai đơn vị là Văn phòng

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

và Phòng Hộ tịch và vệ sinh đảm nhiệm⁽¹⁶⁾. Nghị định ngày 13-4 của Đốc lý Thành phố Hà Nội được xem như một văn bản pháp lý về tổ chức Tòa Đốc lý Thành phố Hà Nội có thời gian thi hành lâu nhất trong suốt thời kỳ người Pháp nắm chính quyền ở Hà Nội.

25 năm sau, tổ chức và chức năng của các phòng, ban thuộc Tòa Đốc lý Thành phố mới được bổ sung và sửa đổi lại cho phù hợp với sự phát triển về địa giới hành chính và đô thị hoá của Thành phố. Ngày 23-9-1941, Đốc lý Hà Nội đã gửi cho Trưởng các đơn vị thuộc Tòa Đốc lý Thông tri số 3706, yêu cầu phải làm rõ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình phụ trách, kèm theo bản sao Nghị định ngày 13-4-1916 mà ông ta cho rằng “*không còn cập nhật nữa*”⁽¹⁷⁾. Trên cơ sở các báo cáo của Trưởng các đơn vị, Đốc lý Hà Nội Camille Chapoulart đã ký Nghị định ngày 7-10-1941 quy định lại chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Tòa Đốc lý. Theo Nghị định này, Văn phòng của Tòa Đốc lý đã được bổ sung thêm các chức năng của các Phòng Văn thư, Phòng Quản lý hộ tịch của cả người Âu, người Việt và người Hoa, Phòng cấp giấy phép phá huỷ và sửa chữa nhà cửa. Ngoài ra, có 2 phòng mới được lập thêm là:

- Phòng Tài chính (bao gồm các Phòng Kế toán, Phòng Quản lý thuế đô thị và quản lý chợ và lò mổ, Phòng Từ thiện và Phòng Quản lý các hiệu cầm đồ).
- Phòng Quản lý vệ sinh đô thị.

Sau sự kiện Nhật đảo chính Pháp ngày 9-3-1945, bên ngoài Nhật ra tuyên bố “*chỉ đánh chính phủ hiện thời ở Đông Dương và quân đội của chính phủ ấy*” và “*không tham dự vào chính sách nội trị của nước Việt Nam độc lập*”, nhưng trên thực tế, Nhật Bản đã giữ nguyên cơ cấu của hệ thống hành chính cũ ở Đông Dương, chỉ thay thế người Pháp bằng người Nhật dưới danh nghĩa “*cố vấn*”. Trong chính quyền Thành phố

(16) Nghị định ngày 13-4-1916 của Chủ tịch Ủy ban Thành phố Hà Nội. MHN, hs: 21.

(17) MHN, hs: 22.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

Hà Nội, Tổng lãnh sự Maruyama giữ chức Quyền Đốc lý từ tháng 3 đến tháng 7-1945.

Sau hơn 2 tháng đảo chính Pháp, người Nhật từng bước “trao trả nền độc lập” cho Việt Nam, bắt đầu bằng việc tổ chức cho ông Phan Kế Toại nhậm chức Khâm sai Bắc Kỳ bên cạnh cố vấn Nhật Bản Nishimura. Và cho đến tận ngày 21-7, tức là hơn 5 tháng sau ngày đảo chính, người Nhật mới tiến hành việc trao trả quyền cai quản Thành phố Hà Nội cho người Việt Nam. Bác sĩ Trần Văn Lai được cử làm Đốc lý, một chức vụ được quy định chỉ dành riêng cho người Pháp, do Thống sứ Bắc Kỳ đề cử và do Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm, theo Nghị định ngày 19-7-1888. Song chính quyền mới này chỉ tồn tại chưa đầy một tháng thì cuộc Tổng khởi nghĩa 19-8-1945 đã bùng nổ ở Hà Nội.

Cách mạng tháng Tám thành công, Hà Nội từ trung tâm đầu não của thực dân Pháp đã trở thành trung tâm cách mạng của cả nước, Thủ đô của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, đứng đầu là lãnh tụ Hồ Chí Minh, ngay từ cuối tháng 8, chính quyền nhân dân các cấp nội, ngoại thành đã được thành lập nhằm đưa hoạt động của Thành phố hoà nhịp với cuộc sống cách mạng.

Ngày 30-8-1945, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội do bác sĩ Trần Duy Hưng làm Chủ tịch và ông Khuất Duy Tiến làm Phó Chủ tịch đã chính thức được thành lập. Tháng 10-1945, nội thành Hà Nội được chia làm 47 khu phố. Và ngày 21-12-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 77 quy định về tổ chức, quyền hạn và cách thức làm việc của chính quyền nhân dân ở các thị xã và thành phố. Theo Sắc lệnh này, Thành phố Hà Nội được đặt trực tiếp dưới quyền của chính phủ Trung ương, được đặt ra ba tổ chức chính quyền các cấp là Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban Hành chính Thành phố và Ủy ban Hành chính khu phố. Có thể nói rằng, đây là văn bản quy phạm pháp luật quan trọng đầu tiên của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, đặt nền móng cho việc xây dựng chính quyền nhân dân các cấp, tạo cơ sở vững chắc để bảo vệ chính quyền Trung ương.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Trong khoảng thời gian từ tháng 12-1945 đến ngày Toàn quốc kháng chiến 19-12-1946, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội đã có rất nhiều hoạt động hiệu quả, góp phần củng cố và xây dựng Hà Nội. Thủ đô của nước Việt Nam mới giành được độc lập sau hơn 80 năm bị đế quốc Pháp đô hộ. Có thể dẫn ra trong số những tài liệu được tập hợp trong chuyên đề này một số sự kiện quan trọng về mặt địa giới và tổ chức hành chính của Hà Nội như:

- Ngày 1-12-1945, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Trần Duy Hưng đã ký duyệt tờ trình về việc đặt tên cho các phố ở Hà Nội. Lần đầu tiên, việc đặt tên phố được quy định theo những nguyên tắc thống nhất của Nhà nước Việt Nam mới, trong đó nguyên tắc đầu tiên là phải giữ nguyên tên cũ của Hà Nội 36 phố phường. Chính vì vậy, một loạt tên phố gần gũi, thân thương với người dân Thủ đô như Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Thiếc, Hàng Mắm, Hàng Đường... đã được trở lại với tên gọi từ ngàn xưa, gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của Hà Nội.

- Ngày 20-4-1946, Ủy ban khu phố và đại biểu Ủy ban Hành chính Thành phố đã họp và ra quyết nghị chia Thành phố Hà Nội ra làm 17 khu, đặt tên riêng cho từng khu và ấn định địa giới cho các khu⁽¹⁸⁾. Quyết nghị và danh sách 17 khu này đã được Chủ tịch Ủy ban Hành chính Thành phố Hà Nội Trần Duy Hưng và Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng duyệt y.

Bước sang năm 1946, tình hình chính trị ở Hà Nội ngày càng trở nên căng thẳng. Thực dân Pháp trở mặt phản bội, không thực hiện những điều đã ký kết với chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa. Ngay sau khi ký Hiệp định sơ bộ tháng 6-3, thực dân phản động Pháp ở Việt Nam đã luôn luôn thực hiện những thủ đoạn khiêu khích quân sự nhằm thực hiện dã tâm thôn tính Việt Nam một lần nữa. Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ

(18) Gồm các khu: Trúc Bạch, Đống Xuân, Thăng Long, Đông Thành, Đông Kinh Nghĩa Thục, Hoàn Kiếm, Văn Miếu, Quán Sứ, Đại Học, Bấy Mầu, Chợ Hôm, Lò Dúc, Hồng Hà, Long Biên, Đống Nhân, Văn Thái và Bạch Mai VNDQCB, số 31, ngày 10-8-1946, tr. 409-410.

Phán I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

Chí Minh đã tìm mọi cách hòa hoãn với Pháp để nhân dân Việt Nam có thời gian xây dựng lực lượng, chuẩn bị cho một cuộc kháng chiến trường kỳ. Nhưng phía Việt Nam càng nhân nhượng thì thực dân Pháp càng lấn tới. Và cuối cùng, ngày 19-12-1946, cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam đã nổ ra tại Hà Nội rồi lan ra toàn quốc. Tháng 2-1947, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Chính phủ, sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ, các lực lượng vũ trang của quân đội nhân dân Việt Nam ở Thủ đô đã chủ động rút khỏi Hà Nội để bảo toàn lực lượng.

Năm 1947, để thích ứng với sự biến động về chính trị ở Đông Dương, hệ thống tổ chức hành chính của Pháp đã có nhiều thay đổi. Chức danh Toàn quyền Đông Dương được thay thế bằng Cao uỷ Pháp ở Đông Dương và trụ sở của Phủ Cao uỷ được đặt tại Sài Gòn. Tại Hà Nội, Pháp đặt một trụ sở cho Đại diện của Cao uỷ ở Bắc Kỳ và bắc Trung Kỳ. Ngày 2-6-1947, viên Đại diện này đã ký Nghị định số 367/cab thành lập tại Hà Nội một tổ chức mang tên *Hội đồng an dân* (Comité provisoire de gestion administrative et d'action sociale). Hội đồng này có chức năng “*dảm nhiệm việc quản lý lợi ích hành chính của dân bản xứ gốc Việt và dùng các biện pháp xã hội để cải thiện cuộc sống của họ trong lĩnh vực xã hội, cho đến khi thiết lập lại hoàn toàn trật tự công cộng trên toàn lãnh thổ Bắc Kỳ và bắc Trung Kỳ*”.

Những tài liệu thuộc chủ đề **Địa giới và tổ chức hành chính Hà Nội** cho thấy, về thực chất, Hội đồng an dân chính là Toà Thị chính Thành phố Hà Nội. Tổ chức này đã tồn tại và hoạt động từ trước khi Chính phủ Trung ương lâm thời (Gouvernement provisoire)⁽¹⁹⁾ được thành lập cho đến tận tháng 4-1954 mà Thị trưởng đầu tiên là ông Bùi Văn Quý⁽²⁰⁾. Về cơ bản,

(19) Chính phủ bù nhìn do Pháp dựng lên, do Thiếu tướng Nguyễn Văn Xuân làm Thủ tướng.

(20) Bổ nhiệm theo Quyết định số 192 cab/D ngày 10-3-1948 của Chủ tịch Ủy ban Hành chính lâm thời Bắc Việt. Kể từ ngày 27-2-1950, Thị trưởng Thành phố do Quốc trưởng Bảo Đại bổ nhiệm. TCHN, hs: 23-01.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Toà Thị chính Thành phố Hà Nội vẫn được tổ chức theo các điều khoản được quy định trong Sắc lệnh ngày 11-7-1908 của Tổng thống Pháp về tổ chức Hội đồng Thị chính các Thành phố Sài Gòn, Hà Nội và Hải Phòng. Theo Quyết định số 570 HN/QĐ ngày 22-7-1953 do Thị trưởng Đỗ Quang Giai ký, Toà Thị chính Hà Nội gồm:

- Các Phòng: Văn thư, Hộ tịch, Xã hội, Thông tin, Thanh niên.
- Các Ty: Pháp chính, Tài chính, Kinh tế, Công chính, Địa chính, Y tế, Tiểu học, Thú y, Cảnh binh.

Phụ tá cho Thị trưởng là Tổng Thư ký với nhiệm vụ *“kiểm soát và phối hợp với các Ty và Phòng, phụ trách tất cả các việc “Mặt” hay có tính cách chính trị, đại diện cho Thị trưởng trong các công việc giao thiệp, nhất là đối với Hội đồng Thành phố”*⁽²¹⁾.

Bên cạnh Toà Thị chính còn có Thị chính uỷ-hội hỗn hợp Việt-Pháp Thành phố Hà Nội (Commission municipale mixte franco-vietnamienne de la Ville de Hanoi) được thành lập theo Nghị định số 4 cab/A ngày 8-5-1948 của Chủ tịch Ủy ban Hành chính lâm thời Bắc Việt⁽²²⁾. Thành phần của Thị chính uỷ - hội hỗn hợp gồm có 12 uỷ viên chính thức người Việt, 6 uỷ viên chính thức người Pháp, 4 thành viên dự khuyết người Việt và 2 uỷ viên dự khuyết người Pháp. Tổ chức này hoạt động cho đến ngày 16-12-1952 thì được thay thế bằng Hội đồng Thành phố (Conseil Municipal)⁽²³⁾.

Theo Sắc lệnh số 106-NV ngày 27-12-1952 do Bảo Đại ký, số uỷ viên chính thức người Việt đã được quy định tăng từ 12 lên 18 và số uỷ viên dự khuyết người Việt cũng tăng từ 4 lên 6⁽²⁴⁾. Đối với các uỷ viên người

(21) TCHN, tài liệu đã dẫn.

(22) TCHN, tài liệu đã dẫn.

(23) Theo công văn số 20414/PTH ngày 16-12-1952 của Thủ hiến Bắc Việt gửi Thị trưởng Hà Nội về việc chuẩn bị bầu cử Hội đồng Thành phố. TCHN, hs: 62.

(24) TCHN, hs: 62.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

Pháp, mặc dù số lượng không thay đổi nhưng họ không phải qua bầu cử như các uỷ viên người Việt mà được bổ nhiệm bằng Nghị định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, theo đề nghị của Chính phủ Bắc phần.

Tuy nhiên, Hội đồng Thành phố Hà Nội của Chính phủ Bảo Đại chỉ tồn tại đến hết tháng 4-1954. Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ ngày 7-5-1954 đã chấm dứt hơn 80 năm đô hộ của thực dân Pháp ở Việt Nam. Và ngày 10-10-1954, những tên lính thực dân cuối cùng đã buộc phải vĩnh viễn rút khỏi Hà Nội. Bắt đầu từ ngày này, lịch sử Hà Nội giờ sang trang mới.

TS. ĐÀO THỊ DIỄN



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

L U U T R U V N

ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH

SCTT - 577

Vieux plan de Hanoï de 1873 (avec légende) 1901.

Bản đồ Hà Nội năm 1873 (cùng bản thuyết minh) 1901.

*Hồ sơ này chỉ có một bản đồ Hà Nội năm 1873 (năm Tự Đức 26) tỷ lệ 1/8.800, kích thước 60 x 70cm, kèm theo bản thuyết minh và bài giới thiệu về bản đồ của báo *Eveil économique*.*



NHTX - Tờ 42/Tập 132

downloadsachmienphi.com

Tờ sức ngày 17 tháng 8 năm Kiến Phúc 1 (1884) của Tổng đốc Hà-Ninh gửi huyện Thọ Xương về việc cho huyện lập bản đồ các xã thôn để nộp về tỉnh.

[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](https://downloadsachmienphi.com)

NHTX - 32/T114

Tờ bẩm ngày 12 tháng 12 năm Kiến Phúc 1 (1884) của huyện Thọ Xương xin nhập xã Tứ Châu thuộc huyện Từ Liêm vào tổng Phúc Lâm cùng huyện.

NHTX - 38/T135

Tờ sức ngày 21 tháng 12 năm Kiến Phúc 1 (1884) của Tổng đốc Hà-Ninh gửi huyện Thọ Xương về việc nhập xã Tứ Châu, huyện Từ Liêm vào tổng Phúc Lâm huyện Thọ Xương để tiện quản lý.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

NHTX - 15/T157

Tờ bẩm năm Đồng Khánh Ất Dậu (1885) của huyện Thọ Xương gửi tỉnh Hà Nội về việc xã Đồng Nhân Châu thuộc huyện Thanh Trì xin nhập vào tổng Thanh Nhân, huyện Thọ Xương.

NHTX - 01/T165

Tờ sức ngày 6 tháng 1 năm Đồng Khánh 1 (1886) của Tổng đốc Hà - Ninh gửi huyện Thọ Xương về việc huyện phải khẩn trương họa đồ toàn huyện, chú thích rõ ràng để nộp đúng hạn.

NHTX - 05/T180

Tờ bẩm ngày 23 tháng 6 năm Đồng Khánh 1 (1886) của huyện Thọ Xương gửi Tổng đốc Hà - Ninh về việc đã hoàn thành bản vẽ hội đồ (đất đai, dân cư) thôn Lương Yên, tổng Thanh Nhân.

downloadsachmienphi.com

[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](#)

NHTX - 68/T192

Tờ sức ngày 27 tháng 7 năm Đồng Khánh 1 (1886) của Tổng đốc Hà - Ninh gửi huyện Thọ Xương về việc không đồng ý cho thôn Giản Lỗi, trại Ngọc Hà tách thành một thôn riêng.

NHTX - 33/T180

Tờ bẩm ngày 15 tháng 10 năm Đồng Khánh 1 (1886) của huyện Thọ Xương gửi Tổng đốc Hà - Ninh xin sáp nhập một số dân ở phường Thủy Cơ vào thôn Trúc Vồng cho tiện quản lý.

NHTX - 41/T253

Tờ sức ngày 27 tháng 11 năm Đồng Khánh 1 (1886) của Tổng đốc Hà - Yên gửi huyện Thọ Xương sức cho các xã có thành trì vẽ bản đồ trình bẩm.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

KLBK - 19/T396

Tư trình ngày 8 tháng 4 năm Đồng Khánh 3 (1888) của Tổng đốc Hà - Yên gửi Kinh lược Bắc Kỳ về việc hai huyện Thọ Xương và Vĩnh Thuận chia địa giới làm 6 khu, mỗi khu đặt các chánh, phó Thiên hộ để quản lý.

NHTX - 12/T279

Tờ bảm ngày 8 tháng 5 năm Đồng Khánh 3 (1888) của huyện Thọ Xương về việc phân chia các hộ của hai huyện Thọ Xương, Vĩnh Thuận và đặt các chức chánh, phó Thiên hộ (từ hộ số 1 đến hộ số 6).

NHTX - 37/T270

Tờ trát ngày 12 tháng 5 năm Đồng Khánh 3 (1888) của huyện Thọ Xương gửi các hộ về việc các hộ mới được thành lập khẩn trương trồng cây, phân định ranh giới, vẽ bản đồ từng hộ, chú thích rõ ràng để nộp lên tỉnh.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

NHTX - 10/T479

Tờ bảm ngày 15 tháng 5 năm Đồng Khánh 3 (1888) của hộ số 1 gửi huyện Thọ Xương kê khai số thôn phố và địa giới hộ số 1.

NHTX - 14/T479

Tờ bảm ngày 15 tháng 5 năm Đồng Khánh 3 (1888) của hộ số 4 gửi huyện Thọ Xương kê khai số thôn phố và địa giới hộ số 4.

NHTX - 12/T479

Tờ bảm ngày 16 tháng 5 năm Đồng Khánh 3 (1888) của hộ số 2 gửi huyện Thọ Xương kê khai số thôn phố và địa giới hộ số 2.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

NHTX - 13/T479

Tờ bẩm ngày 16 tháng 5 năm Đồng Khánh 3 (1888) của hộ số 3 gửi huyện Thọ Xương kê khai số thôn phố và địa giới hộ số 3.

NHTX - 15/T479

Tờ bẩm ngày 17 tháng 5 năm Đồng Khánh 3 (1888) của hộ số 5 gửi huyện Thọ Xương kê khai số thôn phố và địa giới hộ số 5.

NHTX - 01/T479

Tờ bẩm ngày 17 tháng 5 năm Đồng Khánh 3 (1888) của huyện Thọ Xương kê trình các xã, phường, giáp, phố được chia thành sáu hộ.

KLBK - 27/T397

Tư trình ngày 21 tháng 5 năm Đồng Khánh 3 (1888) của Tổng đốc Hà - Yên gửi Kinh lược Bắc Kỳ về việc huyện Thọ Xương chia làm sáu hộ có chánh, phó Thiên hộ để làm việc.

NHTX - 17/T280

Tờ tư ngày 10 tháng 8 năm Đồng Khánh 3 (1888) của Nha Kinh lược Bắc Kỳ gửi huyện Thọ Xương về việc phân lập ranh giới Thành phố Hà Nội.

KLBK - 24/T399

Tư trình ngày 29 tháng 8 năm Đồng Khánh 3 (1888) của Tổng đốc Hà - Yên gửi Kinh lược Bắc Kỳ về Nghị định cắt 3 Thành phố Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng thuộc quyền quản lý của người Pháp.

勤政殿大學士欽差北圻經畧大使永賴郡公阮 為崇
 崇奉 恭接 全權大臣咨 教 抄 五 貴 省 城 廟 界 限 設 廟
 社 書 書 案 仍 照 舊 日 何 係 公 土 得 便 均 結 社 民 生 和 福 飭 該
 在 總 董 詳 開 具 稟 懇 乞 聖 鑒 訓 示 因 具 這 札 行 該 界 限 遠 人 民
 受 得 有 証 據 亦 係 便 利 既 經 咨 行 兩 縣 照 案 給 發 牌 照 書
 和 給 詳 究 界 限 因 何 係 公 土 同 民 均 結 何 係 公 土 未 經 交
 民 受 得 有 証 據 亦 係 便 利 既 經 咨 行 兩 縣 照 案 給 發 牌 照 書

Tờ tư ngày 10 tháng 8 năm Đông Khánh 3 (1888) của Kinh lược Bắc Kỳ gửi huyện
 Thọ Xương về việc lập giới hạn Thành phố Hà Nội
 NHTX - 17/T280

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH



HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

J - 143

Moniteur du Protectorat de l'Annam et du Tonkin, 1888, p. 568-569.

Tạp chí xứ Bảo hộ Trung - Bắc Kỳ, 1888, tr. 568-569.

Arrêté du 14 septembre 1888 du Résident général p.i de la République française en Annam et au Tonkin déterminant l'étendue du territoire soumis à l'autorité du Résident-Maire de Hanoï

Nghị định ngày 14-9-1888 của Quyền Tổng Trú sứ Cộng hoà Pháp tại Trung và Bắc Kỳ xác định phạm vi lãnh thổ đặt dưới quyền quản lý của Công sứ - Đốc lý Hà Nội.

Theo Nghị định, Thành phố Hà Nội gồm phần đất nằm trong đường thẳng xuất phát từ Sở Thuế quan (nay là Bảo tàng Cách mạng Việt Nam) chạy qua các điểm sau: Blockhaus Nord (lô cốt phía bắc nay thuộc phố Phó Đức Chính), le Grand Bouddha (đền Quán Thánh), đường chạy quanh Thành Hà Nội, cửa Sơn Tây cho đến đường Phủ Thanh Oai (phố Văn Miếu, một đoạn phố Quốc Tử Giám và một đoạn phố Tôn Đức Thắng), Văn Miếu, chùa Sinh Từ, đường Huế (sau được đặt tên là phố Duy Tân, nay là phố Huế), công sự Huế, đường đê của khu nhượng địa và kết thúc ở đê sông Hồng.

RST - 11630

Au sujet de la délimitation de la Ville de Hanoï 1888.

Về việc vạch ranh giới của Thành phố Hà Nội 1888.

Hồ sơ này gồm Nghị định ngày 14-9-1888 của Quyền Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ ấn định phạm vi lãnh thổ của Thành phố Hà Nội.

MHN - 04

Erection en concessions françaises des territoires des villes de Hanoï, Haiphong et Tourane 1888.

Lập các thành phố Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng thành nhượng địa của Pháp 1888.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

05 8/8
RÉSIDENCE GÉNÉRALE
-
ANNAM ET AU TONKIN

RÉPUBLIQUE FRANÇAISE

2000 k.

122

Bureau
N° 18

M. PARREAU, Résident Général p. i. de la
République Française en Annam et au Tonkin.

Officier de la Légion d'honneur

Cabinet route
et Camp

D. Lami - 1.

R. Phu Ly - 1.

B. Militaire - 2.

L. Bureau - 1.

Résident Titulaire - 1.

L. a. p. - 1.

Pu l'écrité en date du 19 Juillet dernier
instituant une Municipalité à Hoaï;

Considérant qu'il est utile des
déterminer l'étendue du territoire soumis à l'autorité
du Résident Hoaï,

Pu le nom mis à ce sujet par le
Conseil Municipal de Hoaï dans sa séance
du 21 août dernier;

Sur la proposition de M^{le} le Résident
Hoaï de Hoaï

Arrête:

Article 1^{er} - La circonscription de la
ville de Hoaï comprend le territoire situé
en deçà d'une ligne qui, partant de la douane,
passerait par les points suivants: Blockhaus
Nara, le Grand Bouddha, route circulaire de
la citadelle, porte de Sontay, jusqu'à la route
de Phu Thach Hoaï, Pagode des Cochons, Pagode
de Vinh Hoa, route Meandarine de Hoaï, Suinte
de Hoaï, digue de la Concession et aboutissant
au fleuve Rouge.

Article 2 - M^{le} le Résident Hoaï
de Hoaï est chargé de l'exécution des
présent arrêté

Hoaï, le 14 Septembre 1888

S. J. Parreau

Nghị định số 18 ngày 14-9-1888 của Quyền Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ Parreau
về giới hạn Thành phố Hà Nội

J - 143

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Hồ sơ này gồm Dụ ngày 3-10-1888 của vua Đồng Khánh (2 tờ) về việc lập Thành phố Hà Nội thành nhượng địa của Pháp.

MHN - 05

Délimitation de la Ville de Hanoï 1888-1889.

Vạch ranh giới của Thành phố Hà Nội 1888-1889.

Hồ sơ có 4 tờ gồm:

- *Nghị định ngày 14-9-1888 của Quyền Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ ấn định ranh giới của Thành phố Hà Nội.*
- *Nghị định ngày 15-11-1889 của Thống sứ Bắc Kỳ ấn định ranh giới của Thành phố Hà Nội.*



RST - 78647

Délimitation et urbanisme de la Ville de Hanoï 1888-1936.

Vạch ranh giới và đô thị hoá Thành phố Hà Nội 1888-1936.

Hồ sơ gồm 136 tờ và 2 bản vẽ trong đó có:

- *Nghị định ngày 14-9-1888 của Quyền Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ ấn định ranh giới của Thành phố Hà Nội.*
- *Dụ ngày 3-10-1888 của vua Đồng Khánh lập Thành phố Hà Nội thành nhượng địa của Pháp.*
- *Nghị định ngày 15-11-1889 của Thống sứ Bắc Kỳ ấn định ranh giới của Thành phố Hà Nội.*
- *Công văn ngày 30-12-1889 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội về ranh giới của Thành phố Hà Nội.*
- *Nghị định ngày 20-2-1895 của Thống sứ Bắc Kỳ ấn định ranh giới của Thành phố Hà Nội.*
- *Nghị định ngày 14-7-1899 của Toàn quyền Đông Dương tách một số xã của tỉnh Hà Nội để đặt dưới sự quản lý của Công sứ - Đốc lý Hà Nội (có danh sách các xã kèm theo).*
- *Nghị định ngày 10-12-1914 của quyền Toàn quyền Đông Dương xoá bỏ khu ngoại ô của Thành phố Hà Nội.*

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

- Bản đồ phản ánh quá trình mở rộng ranh giới của Thành phố Hà Nội từ năm 1888 đến 1914, tỷ lệ 1/20.000, khổ 30 x 60cm.
- Và một số tài liệu khác...

SCDHN - 800

Limites de la Ville d'Hanoï 1888-1953.

Ranh giới của Thành phố Hà Nội 1888-1953.

Hồ sơ có 34 tờ và 7 bản vẽ gồm:

- Nghị định ngày 14-9-1888 của Quyền Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ ấn định phạm vi lãnh thổ của Thành phố Hà Nội.
- Dụ ngày 3-10-1888 của vua Đồng Khánh lập Thành phố Hà Nội thành nhượng địa của Pháp.
- Nghị định ngày 15-11-1889 của Thống sứ Bắc Kỳ ấn định ranh giới của Thành phố Hà Nội.
- Nghị định ngày 14-7-1899 của Toàn quyền Đông Dương tách một số xã của tỉnh Hà Nội nằm trong giới hạn của Thành phố Hà Nội để đặt dưới sự quản lý của Công sứ - Đốc lý (có danh sách các xã kèm theo).
- Nghị định ngày 31-12-1942 của Toàn quyền Đông Dương tách khỏi tỉnh Hà Đông các địa hạt được nhượng cho Pháp theo Dụ số 59 ngày 11-7-1942 để đặt dưới quyền quản lý của Đốc lý Hà Nội. Theo Nghị định, các địa hạt này sẽ tạo thành một đơn vị hành chính lấy tên là Đại lý đặc biệt Hà Nội.
- Ngoài ra, hồ sơ còn có 7 bản đồ Thành phố Hà Nội, đại lý Hoàn Long với các kích thước và tỷ lệ khác nhau.
- Và một số tài liệu khác...

RST - 30395

Liste des phu, huyện, cantons et villages de la province de Hanoï 1888.

Danh sách các phủ, huyện, tổng và xã của tỉnh Hà Nội 1888.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Danh sách được viết bằng chữ Hán - Nôm, chữ quốc ngữ và chữ Pháp gồm tên và số lượng các phủ, huyện, tổng và xã của tỉnh Hà Nội (tổng số có 4 phủ, 8 huyện, 117 tổng và 1033 xã).

NHTX - 14/T305

Tờ bẩm ngày 12 tháng 2 năm Thành Thái 1 (1889) của huyện Thọ Xương gửi tỉnh Hà Nội xin đổi tên một số xã vì phạm húy.

NHTX - 17/T312

Tờ trình ngày 12 tháng 2 năm Thành Thái 1 (1889) của Chu Văn Hoài (lý trưởng phường Nhật Chiêu) gửi tỉnh Hà Nội xin đổi tên phường thành phường Nhật Tân để tránh phạm húy.



NHTX - 46/T306

Tờ bẩm ngày 28 tháng 2 năm Thành Thái 1 (1889) của huyện Thọ Xương gửi tỉnh Hà Nội xin đổi tên một số thôn vì phạm húy.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

KL BK - 5/T792

Tư trình ngày 6 tháng 3 năm Thành Thái 1 (1889) của tỉnh Hà Nội gửi Kinh lược Bắc Kỳ về việc lý dịch các tổng ngoại ô xin lập huyện lý Vĩnh Thuận tại tổng Hạ.

KL BK - 64, 66, 70/T747

Tư trình ngày 10 tháng 3 năm Thành Thái 1 (1889) của Kinh lược Bắc Kỳ gửi Cơ mật về việc di chuyển tỉnh lý Hà Nội về phủ Lý Nhân.

KL BK - 70/T618

Thư ngày 23 tháng 3 năm Thành Thái 1 (1889) của Kinh lược Bắc Kỳ gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc tỉnh Hà Nội rời về phủ Lý Nhân và đặt viên Hiệp lý lưu lại làm việc.

KLBK - 31/T640

Phúc trình ngày 25 tháng 3 năm Thành Thái 1 (1889) của Kinh lược Bắc Kỳ gửi Cơ mật về việc rời tỉnh lỵ Hà Nội về phủ Lý Nhân.

NHTX - 24/T335

Tờ bẩm ngày 11 tháng 5 năm Thành Thái 1 (1889) của huyện Thọ Xương gửi Tổng đốc Hà - Ninh xin tạm dừng việc chuyển tỉnh lỵ Hà Nội về phủ Lý Nhân.

J - 997

JOIF, 2^e partie: Annam et Tonkin, 1890, N^o 2, p. 14.

Arrêté du 15 novembre 1889 du Résident supérieur du Tonkin déterminant la délimitation de la Ville de Hanoï.

Nghị định ngày 15-11-1889 của Thống sứ Bắc Kỳ ấn định ranh giới của Thành phố Hà Nội.

Theo Nghị định, địa hạt của Thành phố Hà Nội được ấn định phía đông bởi dòng chảy của sông Hồng, phía bắc, phía tây và phía nam bởi một đường thẳng chạy từ các cột mốc được đánh số từ 1 đến 15, cụ thể:

- Cột mốc số 1 sẽ được đặt ở phía bắc thành phố Hà Nội và xã Cơ Xá, cách Blockhaus Nord (lô cốt phía bắc nay thuộc phố Phó Đức Chính) 900 mét.

- Cột mốc số 2 sẽ được đặt bên ngoài cửa lô cốt phía bắc và kéo dài về phía tây đến đoạn giao nhau với bờ hồ Tây.

- Cột mốc số 3 sẽ được đặt cách chùa Cổ Lễ 270 mét về phía đông và trên bờ hồ Tây.

Giữa cột mốc số 2 và 3, ranh giới sẽ chạy theo sườn nước uốn lượn của hồ Tây và gồm cả đảo chùa Trấn Quốc.

- Cột mốc số 4 sẽ được đặt trên con đê có tên là "chaussée Parreau" (phố Hoàng Hoa Thám) tại địa điểm mà con đê nhỏ xuất phát từ cửa Sơn Tây nối với bờ đê này.

Giữa cột mốc 3 và 4, ranh giới sẽ là đường thẳng nối hai mốc này.

- Cột mốc số 5 sẽ được đặt tại góc tây - nam của cửa Sơn Tây.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Giữa cột mốc số 4 và 5, ranh giới sẽ chạy theo ranh giới giữa Thành phố Hà Nội và tỉnh Hà Nội.

- Các cột mốc số 6, 7, 8, 9, 10 và 11 sẽ được đặt trên một đường thẳng chạy song song với trục đại lộ Gambetta (phố Trần Hưng Đạo) và nằm cách trục này 150 mét.

- Cột mốc số 6 sẽ được đặt ở điểm đầu phía tây của đường thẳng này và cách trục đường Phủ Thanh Oai (phố Văn Miếu, một phần phố Quốc Tử Giám và một đoạn phố Tôn Đức Thắng) 340 mét; cột mốc số 7 nằm phía đông của đường này; cột số 8 được đặt ở giữa đường Phủ Thanh Oai với đường Mandarine (sau gộp vào đường Mandarine prolongée thành phố Hàng Long, tiếp đó đổi thành phố Nam Bộ và nay là đường Lê Duẩn); cột số 9 được đặt ở phía đông của đường Mandarine; cột số 10 được đặt ở giữa đường Mandarine với đường Huế; cột số 11 nằm ở phía đông đường Huế.

- Cột mốc số 12 sẽ được đặt ở phía tây của đường Abattoir (đường Lò Lợn, nay là phố Lương Yên), thẳng với một con đường chạy đến phía nam của khu nhượng địa.

- Cột mốc số 13 sẽ được đặt ở đoạn giao nhau giữa đê cao của sông Hồng với chiến hào cũ dẫn đến của Huế, trên đường Huế.

- Cột mốc số 14 sẽ được đặt trên bờ đê cao của sông Hồng, thẳng với một con đường dẫn đến Abattoir (lò mổ lợn của Thành phố).

- Cột mốc số 15 sẽ được đặt cách góc tây bắc của tường ngoài của Abattoir 20 mét.

Giữa cột mốc 12, 13, 14 và 15, ranh giới sẽ chạy theo mép đường và đê dẫn đến Abattoir.

- Từ cột mốc số 15, ranh giới chạy cách tường rào của Abattoir 20 mét và song song với nó để nối với đê sông Hồng.

Các cột mốc trên sẽ được ghi một bên là Thành phố và một bên là tỉnh.

RST - 30441

Au sujet du transfert à Phu Ly du siège de l'Administration provinciale de Hanoi 1889-1890.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

Arrêté du 15 Novembre 1889



LE RESILIENT SUPERIEUR AU TONKIN
Chevalier de la Légion d'Honneur

Vu l'arrêté du 19 Juillet 1888, organique des municipalités
Vu l'arrêté en date du 14 Septembre 1888, déterminant les
limites de la Ville;
Vu l'ordonnance royale en date du 3 Octobre 1888, érigeant
Hanoi, en concession française;
Vu l'arrêté de M. le Gouverneur Général du même jour;
Vu le vœu émis par le conseil municipal de la Ville de Hanoi,
dans sa séance du 6 Octobre 1889;

Considérant que les limites de la Ville de Hanoi, telles qu'elles sont fixées par l'arrêté du 14 Septembre 1888, survisé sont souvent fictives, difficiles à déterminer; que d'autre part en certains point du territoire ces limites sont trop rapprochées du centre de la Ville et peuvent nuire à son développement futur;

Attendu qu'aucun plan n'a été annexé à l'arrêté du 14 Septembre qu'il est urgent de remédier à cet état de choses, et qu'il importe de déterminer exactement le territoire municipal, tant au point de vue des règlements de police à y appliquer qu'à celui de la perception des impôts et des taxes diverses;

Vu le rapport de L. le Résident de France l'aire de Hanoi, en date du 2 Novembre 1889, et sur sa proposition;

Vu le plan dressé par le service de la Voirie et annexé au présent arrêté.

downloadsachmienphi.com

REFERENCES

ART. I.- Le territoire de la ville de Hanoi est limité: à l'Est par l'axe du courant variable du fleuve rouge; au Nord, à l'Ouest et au Sud par une ligne passant par les poteaux indicateurs numérotés de 1 à 5 ainsi qu'ils sont figurés sur le plan ci-joint.

ART.2.- Position des repères. Direction des limites

Le poteau indicateur N° I sera placé au Nord de la Ville de Hanoi et du village de Co-Ya, à 900 mètres à l'Est du Blockhaus Nord

Le N° 2 sera placé en dehors, au nu de la porte du Blockhaus-Nord. Sa limite figurée par les poteaux N° 1 et 2, sera prolongée à l'Ouest du blockhaus jusqu'à son intersection avec les bords du grand lac de Tay-Ho.

Le poteau indicateur N° 3 sera placé à 270 mètres à l'Est de la pagode de Co-Le, sur la rive du lac de Tay-Ho.

Entre les poteaux N° 2 et 3, la limite suivra avec toutes ces

Nghị định ngày 15-11-1889 của Thống sứ Bắc Kỳ Brière về giới hạn thành phố Hà Nội.

1 - 997.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

comprendant la presqu'île de la pagode de Tran-Cuop,

Le poteau indicateur N° 4 sera placé sur la digue dite "chaussée Parreau" au point où la petite digue venant de la porte de Sontay, se rattache à cette chaussée.

Entre les poteaux N° 3 et 4 la limite sera une droite passant par les deux repères.

Le poteau indicateur N° 5 sera placé à l'angle Sud Ouest de la porte de Sontay. Entre les poteaux N° 4 et 5 la limite suivra le pied des talus côté de la province de Hanoi.

Les poteaux indicateurs N° 6, 7, 8, 9, 10 et 11 seront placés sur une ligne droite parallèle à l'axe du Boulevard Gambetta et 150 mètres de cet axe.

Les poteaux N° 6 sera placé au sommet Ouest de cette droite et à 340 mètres de l'axe de la route de Phu-Thanh-Oai; le poteau N° 7 sur le côté Est de cette route; le N° 8 entre la route de Phu-Thanh-Oai et la route Mandarine, le N° 9 sur le côté Est de la route Mandarine, le N° 10 entre la route Mandarine et la route de Hué le N° 11 sur le côté Est de la route de Hué.

Le poteau indicateur N° 12 sera placé sur le côté Ouest de la route de l'abattoir, au droit du chemin menant au Sud de la concession.

Le poteau N° 13 sera placé à l'intersection de la digue haute du fleuve rouge et de l'ancien retranchement aboutissant à la porte de Hué, sur la route de Hué.

Le poteau N° 14 sera placé sur la digue haute du fleuve rouge, au droit de la route menant à l'abattoir.

Le poteau N° 15 sera placé à 20 mètres de l'angle Nord Ouest du mur extérieur des dépendances de l'abattoir.

Entre les poteaux N° 12, 13, 14 et 15 la limite suivra le pied des talus de la route et des digues menant à l'abattoir.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

Le poteau N° 15 la limite suivra à 20 mètres de distance, et parallèlement, les murs de clôture de l'abattoir jusqu'à la rive droite du fleuve rouge en la prolongeant perpendiculairement à l'axe du courant.

ART.3.- Les poteaux indicateurs surmontés d'une plaque numérotée indiquant le côté Ville et le côté province, seront placés par les soins de la Voirie municipale, et les frais résultant de ce travail supportés, moitié par le Protectorat moitié par la Ville.

ART.4.- Dès l'achèvement de ce travail, une commission sera nommée pour constater le bornage et son exactitude comparée aux termes du présent arrêté, et aux indications du plan y annexé.

ART.5.- Le Résident de France, l'aire de Hanoi, est chargé de l'exécution du présent arrêté.



PHIENH.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

L U U T R U V N

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Về việc chuyển trụ sở của tỉnh Hà Nội về Phủ Lý 1889-1890.

Hồ sơ có 20 tờ, gồm:

- Công văn ngày 13-5-1889 và ngày 24-7-1889 của Quyền Kinh lược Bắc Kỳ gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc chuyển trụ sở tỉnh Hà Nội về Phủ Lý
 - Báo cáo ngày 29-5-1890 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương về việc không chuyển trụ sở của tỉnh Hà Nội về Phủ Lý.
 - Nghị định ngày 2-6-1890 của Toàn quyền Đông Dương xác định ranh giới của tỉnh Hà Nội.
- Và một vài tài liệu khác...

KLBK - 70/T645

Tư trình ngày 27 tháng 6 năm Thành Thái 1 (1889) của Kinh lược Bắc Kỳ gửi tỉnh Hà - Yên về ý kiến sáp nhập một số thôn xã ở ngoại ô của huyện Vĩnh Thuận.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

NHTX - 02/T342

Tờ sức ngày 3 tháng 7 năm Thành Thái 1 (1889) của Tổng đốc Hà - Yên gửi huyện Thọ Xương về việc xem xét, đề phương án sáp nhập các thôn xã ở rải rác để trình bẩm về tỉnh.

KLBK - 22/T678

Tư trình ngày 16 tháng 7 năm Thành Thái 1 (1889) của Tổng đốc Hà - Yên gửi Kinh lược Bắc Kỳ về việc sáp nhập một số thôn phường của hai huyện Thọ Xương và Vĩnh Thuận vào huyện Từ Liêm và Thanh Trì - Hà Nội.

KLBK - 21/T869

Phúc thư ngày 17 tháng 7 năm Thành Thái 1 (1889) của Kinh lược Bắc Kỳ gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc Hà Nội kê khai các xã, tổng của 2 huyện Thọ Xương và Vĩnh Thuận sáp nhập vào các huyện Thanh Trì và Vĩnh Thuận.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

NHTX - 51/T346

Tờ bẩm ngày 17 tháng 8 năm Thành Thái 1 (1889) của thôn Yên Nội gửi huyện Thọ Xương xin lập thành một giáp riêng.

NHTX - 13/T347

Tờ sức ngày 27 tháng 8 năm Thành Thái 1 (1889) của huyện Thọ Xương gửi các hộ về việc kê trình địa giới, ao hồ, đất đai các hộ.

NHTX - 23/T10

Tờ sức ngày 14 tháng 9 năm Thành Thái 1 (1889) của phủ Hoài Đức gửi huyện Thọ Xương đề nghị huyện nộp bản đồ toàn địa phương lên phủ theo quy định.

KLBK - 26/T2547

Tờ sức ngày 18 tháng 10 năm Thành Thái 1 (1889) của Kinh lược Bắc Kỳ gửi huyện Thọ Xương về việc các huyện xem xét địa giới các xã giáp các địa phương khác và các xã thôn ven sông để xem xét việc sáp nhập cho thuận tiện.

NHTX - 13/T352

Tờ sức ngày 19 tháng 10 năm Thành Thái 1 (1889) của huyện Thọ Xương gửi các hộ về việc lập bản đồ các phố gửi về huyện.

KLBK - 31/T733

Thư ngày 10 tháng 11 năm Kỷ Sửu (1889) của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Kinh lược Bắc Kỳ về việc đưa các xã ngoại ô Hà Nội sáp nhập vào các huyện Từ Liêm và Thanh Trì không cần lập huyện riêng.

NHTX - 59/T321

Tờ trát năm Thành Thái 1 (1889) của Tổng đốc Hà - Yên gửi huyện Thọ Xương về việc cho vẽ lại bản đồ, kê khai địa thế các thôn xã phường mới sáp nhập giữa hai huyện Vĩnh Thuận và Thọ Xương theo đúng quy định.

河安總督黎 為札仰子查核其地係屬使兩省設五日
 移之... 順... 日... 地... 坊... 縣... 經
 自... 大... 地... 種... 使... 民... 戶... 戶... 戶...
 移... 戶... 戶... 戶... 戶... 戶... 戶... 戶...
 分... 戶... 戶... 戶... 戶... 戶... 戶... 戶...
 計... 戶... 戶... 戶... 戶... 戶... 戶... 戶...
 侯... 戶... 戶... 戶... 戶... 戶... 戶... 戶...

Tờ trát năm Thành Thái 1 (1889) của Tổng đốc Hà Yên giải huyện Thọ Xương về việc vẽ lại bản đồ, kê khai địa thế các thôn, xã, phường mới sáp nhập giữa hai huyện Vĩnh Thuận và Thọ Xương theo đúng quy định.
 NHTX - 59/T280.





Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

RST - 11628

Au sujet de délimitation de la Ville de Hanoï (1889).

Vạch ranh giới của Thành phố Hà Nội (1889).

Hồ sơ này gồm Nghị định ngày 15-11-1889 của Thống sứ Bắc Kỳ quy định cụ thể ranh giới của Thành phố Hà Nội và vị trí của các cột chỉ đường ranh giới.

RST - 30449

Au sujet de la division du village de La Khe, province de Hanoï en quatre villages distincts (1890).

Về việc chia xã La Khê, tỉnh Hà Nội thành 4 xã riêng (1890).

Hồ sơ gồm 15 tờ, trong đó có:

- Đơn ngày 23-3-1890 của dân xã La Khê gửi Đốc lý Hà Nội xin được chia xã La Khê thành 4 xã riêng.

- Công văn ngày 22-7-1890 của quyền Tổng đốc Hà Nội gửi Công sứ Hà Nội về việc chia xã La Khê.

- Công văn ngày 11-10-1890 của Kinh lược Bắc Kỳ gửi Thống sứ Bắc Kỳ và Quyết định của Kinh lược về việc chia xã La Khê thuộc tổng La Nội, huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức thành 4 xã riêng biệt có lý trưởng, con dấu và sổ thuế riêng.

Và một số tài liệu khác...

RST - 30444

Au sujet de l'érection du hameau de Thôn Viên, village de Co Nhuê, province de Hanoï en une nouvelle commune (1890).

Về việc lập thôn Thôn Viên thuộc xã Cổ Nhuế, tỉnh Hà Nội thành một xã mới (1890).

Hồ sơ có 9 tờ, gồm:

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

• Công văn ngày 27-5-1890 của Quyền Kinh lược Bắc Kỳ gửi Thống sứ Bắc Kỳ xin được lập thôn Thôn Viên thuộc xã Cổ Nhuế thành một xã riêng.

• Quyết định ngày 26-11-1890 của Kinh lược Bắc Kỳ lập thôn Thôn Viên thuộc xã Cổ Nhuế, phủ Hoài Đức thành một xã riêng biệt, có sổ thuế, có lý trưởng và có con dấu riêng.

Và một vài tài liệu khác...

KLBK - 1/T1255

Bảng kê ngày 28 tháng 6 năm Thành Thái 2 (1890) các phủ, huyện, tổng, xã, thôn của Thành phố Hà Nội.



KLBK - 12/T1174

Thư ngày 27 tháng 7 năm Thành Thái 2 (1890) của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Kinh lược Bắc Kỳ về đơn của xã La Khê, huyện Từ Liêm xin chia xã đó thành hai thôn.

KLBK - 20/927

Phúc thư ngày 28 tháng 8 năm Thành Thái 2 (1890) của Kinh lược Bắc Kỳ gửi Thống sứ Bắc Kỳ về nghị định phân chia đất đai cho bốn thôn của xã La Khê, huyện Từ Liêm.

KLBK - 10/T1247

Tư di ngày 8 tháng 10 năm Thành Thái 2 (1890) của Kinh lược Bắc Kỳ gửi Tổng đốc Hà-Yên về việc thôn Ngọa Long, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm xin được tách thành hai thôn biệt lập.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

KLBK - 25/T1173 và 21/T1171

Thư ngày 11 tháng 11 năm Thành Thái 2 (1890) của Kinh lược Bắc Kỳ gửi Thống sứ Bắc Kỳ xin chia xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm thành 2 thôn.

KLBK - 50/T153

Thư ngày 26 tháng 11 năm Thành Thái 2 (1890) của Kinh lược Bắc Kỳ gửi Công sứ Hà Nội về việc một thôn ở xã Hạ Hiệp (tỉnh Sơn Tây) xin sáp nhập vào huyện Thọ Xương.

KLBK - 13/T1249

Tư di ngày 6 tháng 12 năm Thành Thái 2 (1890) của Kinh lược Bắc Kỳ gửi Tổng đốc Hà - Yên về việc tái cả các thôn xã nào thuộc huyện Thọ Xương đã niêm yết tại cửa ô đều sáp nhập vào Thành phố Hà Nội, ngoài ra vẫn giữ như cũ.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

NHTX - 05/T428

Tờ trình ngày 23 tháng 4 năm Thành Thái 3 (1891) của làng Chài Dâu gửi huyện Thọ Xương xin sáp nhập vào phường Nhật Tân để tiện sinh sống.

NHTX - 45/T506

Tờ sức ngày 25 tháng 4 năm Thành Thái 3 (1891) của huyện Thọ Xương gửi làng Chài Dâu về việc sáp nhập dân Thuỷ Cơ vào tổng Thượng.

KLBK - 26/T1305

Thư ngày 17 tháng 5 năm Thành Thái 3 (1891) của Kinh lược Bắc Kỳ gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc thành lập các xã mới ở huyện Thọ Xương.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

NHTX - 14/T433

Tờ bẩm ngày 6 tháng 7 năm Thành Thái 3 (1891) của phố Yên Trung Thượng gửi huyện Thọ Xương về việc xin sáp nhập vào hộ số 6 để tiện sinh sống.

NHTX - 56/T440

Tờ trát ngày 27 tháng 7 năm Thành Thái 3 (1891) của Tổng đốc Hà-Yên gửi huyện Thọ Xương về việc hướng dẫn các tổng xã vẽ bản đồ trong đó ghi rõ tình hình đất đai, sông ngòi, địa thế và nộp đúng kỳ hạn.

NHTX - 41/T359

Tờ sức ngày 29 tháng 7 năm Thành Thái 3 (1891) của huyện Thọ Xương gửi các tổng về việc các tổng vẽ bản đồ chú thích rõ ràng tên các thôn, đình, chùa, dân cư và địa thế.

RHD - 696

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Création du quartier de Nghia Giap au village de Yen Thai, huyen de Tho Xuong, province de Hanoi 1892.

Lập phường Nghĩa Giáp thuộc xã Yên Thái, huyện Thọ Xương, tỉnh Hà Nội 1892.

Hồ sơ gồm 9 tờ trong đó có:

- Công văn ngày 20-4-1892 của Tổng đốc Hà Nội gửi Công sứ-Đốc lý Hà Nội về việc một số dân của xã Yên Thái, huyện Thọ Xương xin lập một giáp mới lấy tên là Nghĩa Giáp thuộc xã Yên Thái.
- Công văn ngày 14-6-1892 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Phó Công sứ Hà Nội về đơn của một số dân thuộc xã Yên Thái xin lập một giáp mới và đề nghị Phó Công sứ nghiên cứu vấn đề này.
- Công văn ngày 1-7-1892 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Phó Công sứ Hà Nội thông báo về việc đã phê chuẩn quyết định của Kinh lược Bắc Kỳ lập một giáp mới trong xã Yên Thái.

Và một vài tài liệu khác...

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

KLBK - 4/T1634

Tư trình ngày 7 tháng 5 năm Thành Thái 4 (1892) của Tổng đốc Hà-Yên gửi Kinh lược Bắc Kỳ về việc 5 giáo dân ở phường Yên Thái, huyện Thọ Xương xin lập ấp riêng.

KLBK - 40/T1560

Thư ngày 13 tháng 5 năm Thành Thái 4 (1892) của Kinh lược Bắc Kỳ gửi Thống sứ Bắc Kỳ về Nghị định thành lập thôn Nghĩa Giáp, phường Yên Thái, huyện Thọ Xương.

RST - 30967

Formation du hameau de Nghia Giap, village de Yen Thai, Hanoi 1892.

Lập thôn Nghĩa Giáp, xã Yên Thái, Hà Nội 1892.

Hồ sơ có 5 tờ, gồm:

[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](#)

- Công văn ngày 7-6-1892 của Kinh lược Bắc Kỳ gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc Vũ Khắc Huân người thôn Đoài, xã Yên Thái, huyện Thọ Xương có đơn xin lập thôn Nghĩa Giáp (tách từ xã Yên Thái ra).
- Công văn ngày 27-6-1892 của Công sứ Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ nhất trí việc lập thôn Nghĩa Giáp.
- Quyết định số 16 ngày 30-6-1892 của Kinh lược Bắc Kỳ cho phép lập thôn Nghĩa Giáp thuộc xã Yên Thái, tỉnh Hà Nội.

NHTX - 24/T490

Tờ bẩm ngày 10 tháng 6 năm Thành Thái 4 (1892) của huyện Thọ Xương gửi tỉnh Hà Nội về việc di chuyển phố Khán Xuân vào cửa ô Ngọc Thanh.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

NHTX - 33/T508

Tờ trình ngày 10 tháng 6 năm Thành Thái 4 (1892) của thôn Yên Hoà gửi huyện Thọ Xương xin nhập thôn Yên Hoà và thôn Văn Tân thành một phố.

RST - 30966

Création d'un nouveau village sous le nom de Xuan Bieu, province de Hanoi 1892-1893.

Lập một xã mới lấy tên là Xuân Biều, tỉnh Hà Nội 1892-1893.

Hồ sơ có 6 tờ, gồm:

- Công văn ngày 25-9-1892 của Kinh lược Bắc Kỳ gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc các lý dịch thôn Khán Xuân, huyện Thọ Xương xin được lập xã mới lấy tên là Xuân Biều và đề nghị cho phép ra quyết định thành lập xã.
- Quyết định số 32 ngày 10-10-1892 của Kinh lược Bắc Kỳ lập xã mới lấy tên là Xuân Biều thuộc tổng Nội.

[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](https://downsachhay.com)

NHTX - 02/T465

Tờ sức năm Thành Thái 4 (1892) của Tổng đốc tỉnh Hà - Yên gửi huyện Thọ Xương về việc Công sứ Hà Nội đồng ý sáp nhập châu Tam Xá thuộc xã Yên Lăng vào tổng Phúc Lâm, huyện Thọ Xương.

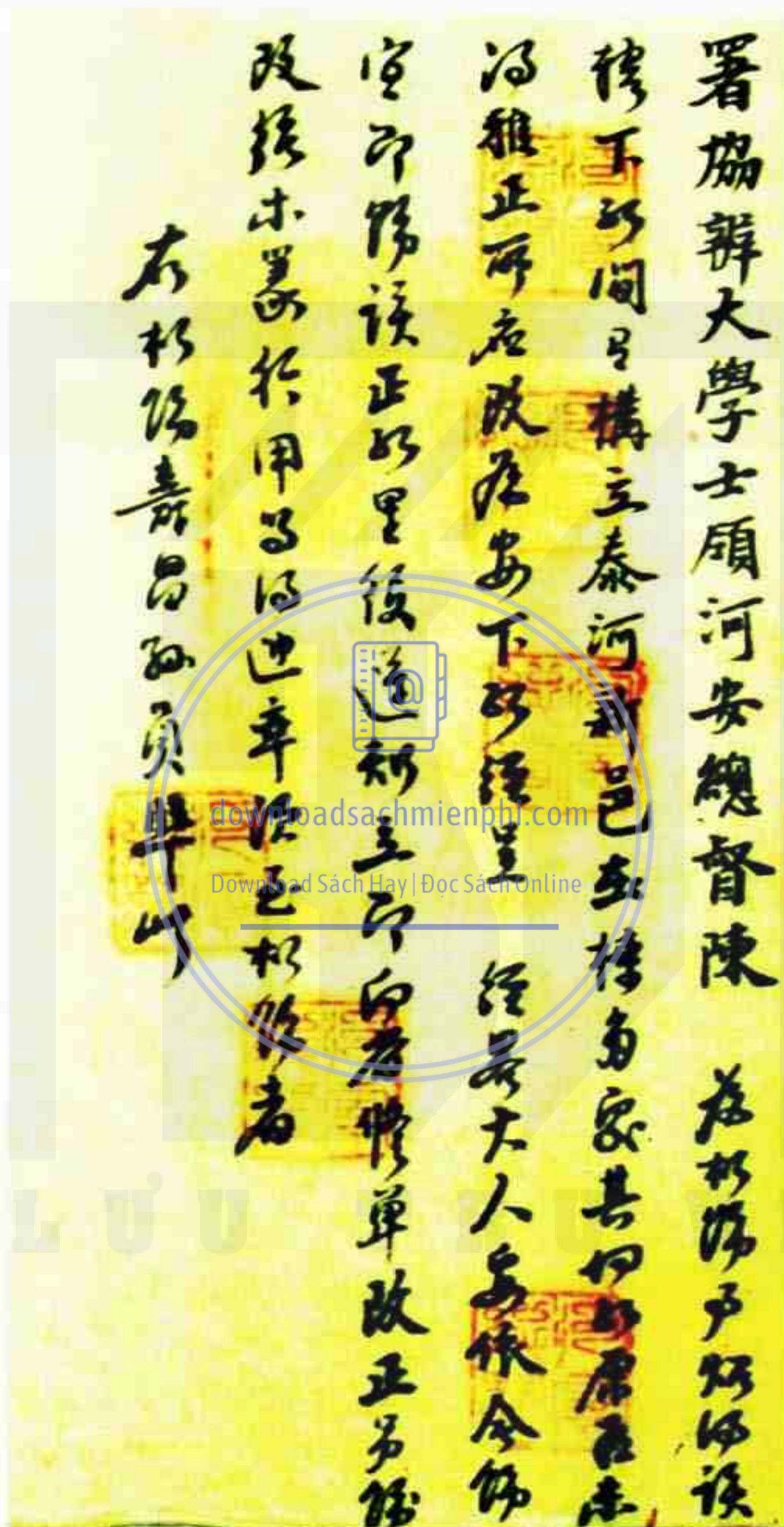
KLBK - 09/T1993

Thư ngày 21 tháng 1 năm Thành Thái 5 (1893) của Kinh lược Bắc Kỳ gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc cho phép thôn Đông Ba, xã Đại Lão, huyện Từ Liêm được lập thành xã riêng.

NHTX- 36/T587

Tờ sức ngày 23 tháng 1 năm Thành Thái 5 (1893) của Tổng đốc Hà - Yên gửi huyện Thọ Xương về việc đổi tên tổng Hạ thành tổng Yên Hạ.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH



Tờ sức ngày 4 tháng 11 năm Thành Thái 5 (1893) của Tổng đốc Hà Yên
 giải huyện Thọ Xương về việc đổi tên tổng Hạ thành tổng Yên Hạ.
 NHTX - 13/T587.



Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

NHTX - 04/T542

Tờ bẩm ngày 3 tháng 5 năm Thành Thái 5 (1893) của hộ số 6 gửi huyện Thọ Xương về việc hai phố Bích Lưu Thượng và Bích Lưu Hạ xin nhập làm một.

KLBK - 15/T1994

Thư ngày 1 tháng 6 năm Thành Thái 5 (1893) của Kinh lược Bắc Kỳ gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc thôn Quán Nhi, xã Vĩnh Tuy, huyện Thanh Trì xin lập thành xã riêng.

RST - 30860

Séparation du hameau de Quan Nhi du village de Vinh Tuy, Hanoï 1893.

Tách thôn Quán Nhi khỏi xã Vĩnh Tuy, Hà Nội 1893.

Hồ sơ có 4 tờ, trong đó có thư ngày 13-7-1893 của Kinh lược Bắc Kỳ gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc tách thôn Quán Nhi, huyện Thanh Trì ra làm một thôn riêng lấy tên là Phú Mỹ đã không gặp thuận lợi vì kỳ dịch ở thôn Quán Nhi có ý chối thác.

KLBK - 09/T1565

Nghị định ngày 9 tháng 9 năm Thành Thái 5 (1893) của Kinh lược Bắc Kỳ về việc sáp nhập thôn Đại Từ, tổng Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì vào tổng Khương Đình.

RST - 30941

Rattachement du village de Thai Ha au canton de Ha du huyện de Vinh Thuan, Hanoï 1893.

Sáp nhập xã Thái Hà vào tổng Hạ của huyện Vĩnh Thuận, Hà Nội 1893.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Hồ sơ có 8 tờ, gồm:

- Công văn ngày 19-9-1893 của Kinh lược Bắc Kỳ gửi Thống sứ Bắc Kỳ về tình trạng khu đất sinh lầy ở Đống Đa thuộc sở hữu của các xã Nam Đống, Thịnh Hào, Yên Lãng, Khương Thượng và Thịnh Quang và đề nghị cho lập ở đó một xã mới lấy tên là Thái Hà.
- Quyết định số 57 ngày 27-11-1893 của Kinh lược Bắc Kỳ về việc lập xã Thái Hà thuộc tổng Hạ, huyện Vĩnh Thuận và quy định về thuế ruộng đất cho xã mới lập.

NHTX - 14/T584

Nghị định ngày 12 tháng 10 năm Thành Thái 5 (1893) của Kinh lược Bắc Kỳ do Tổng đốc Hà - Yên gửi huyện Thọ Xương về việc khai khẩn khu đất hoang thuộc các trại Nam Đống, Thịnh Hào, Yên Lãng lập ấp Thái Hà.

KLBK - 29/T1821

Tư trình ngày 17 tháng 10 năm Thành Thái 5 (1893) của Tổng đốc Hà - Yên gửi Kinh lược Bắc Kỳ về việc xã Mộ Xá, huyện Từ Liêm xin đổi tên thành xã Liên Mộ.

KLBK - 39/T1955

Tư di ngày 24 tháng 10 năm Thành Thái 5 (1893) của Kinh lược Bắc Kỳ gửi Tổng đốc Hà - Yên về việc khai khẩn đất lập ấp tại Nam Đống, Yên Lãng, Thịnh Quang và Khương Thượng.

NHTX - 13/T587

Tờ sức ngày 4 tháng 11 năm Thành Thái 5 (1893) của Tổng đốc Hà - Yên gửi huyện Thọ Xương về việc đổi tên tổng Hạ thành tổng Yên Hạ.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH**KLBK - 37/T1821**

Tư trình ngày 23 tháng 11 năm Thành Thái 5 (1893) của Tổng đốc Hà - Yên gửi Kinh lược Bắc Kỳ xin cho tổng Hạ, huyện Thọ Xương được đổi tên thành phường An Hạ.

NHTX - 14/T587

Nghị định năm Thành Thái 5 (1893) do Tổng đốc Hà - Yên gửi huyện Thọ Xương về việc thành lập ấp Thái Hà thuộc tổng Hạ, huyện Vĩnh Thuận.

RST - 30628

Constitution du hameau de Quan Nhi en un village distinct appelé Phu My, huyện Thanh Trì, province de Cau Do 1894.

Lập thôn Quán Nhi thành một xã riêng lấy tên là Phú Mỹ, huyện Thanh Trì, tỉnh Cầu Đơ 1894. downloadsachmienphi.com

Hồ sơ có 12 tờ, gồm: [Download Sách Hay | Đọc Sách Online](https://downloadsachmienphi.com)

- Tập đơn viết trong tháng 1-1894 của kỳ mục, lý dịch thôn Quán Nhi gửi Công sứ Hà Nội xin lập xã riêng lấy tên là Phú Mỹ và xin được sáp nhập vào tổng Văn La.
- Công văn ngày 30-1-1894 của Công sứ Pháp tại Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc lập thôn Quán Nhi thành một xã lấy tên là Phú Mỹ.
- Quyết định ngày 26-2-1894 của Nha Kinh lược Bắc Kỳ cho phép thôn Quán Nhi lập thành một xã riêng lấy tên là Phú Mỹ và sáp nhập vào tổng Văn La.

Và một vài tài liệu khác...

NHTX - 12/T579

Tấu ngày 28 tháng 2 năm Thành Thái 6 (1894) của Tổng đốc Hà - Yên gửi huyện Thọ Xương về việc lập ấp Thái Hà.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

NHTX - 01/T558

Tờ biên nhận ngày 10 tháng 6 năm Thành Thái 6 (1894) của tỉnh Hà Nội gửi huyện Thọ Xương về số hộ chủ thuộc phường Thụy Khuê đã nhập về Thành phố và số hộ chủ còn lại phường.

KLBK - 23/T1800

Thư ngày 8 tháng 6 năm Thành Thái 6 (1894) của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Kinh lược Bắc Kỳ về việc xét lập một số xã mới ở huyện Thanh Trì.

KLBK - 35/T1997

Thư ngày 24 tháng 7 năm Thành Thái 6 (1894) của Kinh lược Bắc Kỳ gửi Thống sứ Bắc Kỳ trình việc sáp nhập một số tổng ở huyện Thọ Xương và huyện Thanh Trì vào huyện Vĩnh Thuận.

downloadsachmienphi.com

KLBK - 76/T1800

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Thư ngày 24 tháng 7 năm Thành Thái 6 (1894) của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Kinh lược Bắc Kỳ về việc tỉnh Hà Nội xin thành lập một số thôn xã.

RHD - 699

Reconstitution du huyen de Vinh Thuan de la province de Hanoi 1894.

Lập lại huyện Vĩnh Thuận của tỉnh Hà Nội 1894.

Hồ sơ có 7 tờ, gồm:

- Công văn ngày 30-8-1894 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Công sứ Hà Nội thông báo chuẩn y quyết định của Kinh lược Bắc Kỳ về việc lập lại huyện Vĩnh Thuận của tỉnh Hà Nội và xoá bỏ chức bang tá của huyện Thọ Xương.
- Quyết định ngày 30-8-1894 của Kinh Lược Bắc Kỳ về việc lập lại huyện Vĩnh Thuận (gồm 4 tổng: Tổng Thượng, Yên Hạ, Tổng Trung

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

và Tổng Nội); tách hai tổng Khương Đình và Hoàng Mai khỏi huyện Thanh Trì và tách các tổng Kim Liên, Phúc Lâm, Thanh Nhàn và Vĩnh Yên ra khỏi huyện Thọ Xương...

KLBK - 38/T1795

Tư trình ngày 1 tháng 9 năm Thành Thái 6 (1894) của Tổng đốc Hà-Yên gửi Kinh lược Bắc Kỳ trả lời việc điều chỉnh địa giới hai huyện Thọ Xương và Vĩnh Thuận.

KLBK - 62/T1991

Tư trình ngày 10 tháng 9 năm Thành Thái 6 (1894) của Kinh lược Bắc Kỳ gửi Cơ mật về việc sáp nhập 2 tổng Hoàng Mai và Khương Đình vào huyện Vĩnh Thuận.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

RST - 30625

Rattachement du hameau de Dai Tu, huyện Thanh Trì, province de Hanoi au canton de Khuong Dinh 1894.

Sáp nhập thôn Đại Từ, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Nội vào tổng Khương Đình 1894.

Hồ sơ có 11 tờ, gồm:

- Công văn ngày 5-10-1894 của Kinh lược Bắc Kỳ gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc thôn Đại Từ xin được sáp nhập vào tổng Khương Đình.
- Quyết định số 57 ngày 11-10-1894 của Kinh lược Bắc Kỳ sáp nhập thôn Đại Từ vào tổng Khương Đình.
- Sơ đồ thôn Đại Từ, kích thước 20 x 30cm, được vẽ tay có chú thích bằng chữ Hán - Nôm.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

RST - 29972

Restitution des cantons de Hoang Mai et Khuong Dinh au huyen de Thanh Tri 1894-1895.

Trả lại các tổng Hoàng Mai và Khương Đình về cho huyện Thanh Trì 1894-1895.

Hồ sơ có 6 tờ, gồm:

- Công văn ngày 7-10-1894 của Kinh lược Bắc Kỳ gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc trả lại các tổng Hoàng Mai và Khương Đình, trước đây đã được sáp nhập vào huyện Vĩnh Thuận cho huyện Thanh Trì.
- Quyết định số 4 ngày 14-1-1895 của Kinh lược Bắc Kỳ trả các tổng Khương Đình và Hoàng Mai cho huyện Thanh Trì.

KLBK - 22/T1998

Thư ngày 9 tháng 10 năm Thành Thái 6 (1894) của Kinh lược Bắc Kỳ gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc biệt lập huyện lỵ Vĩnh Thuận.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

KLBK - 61/T1988

Tư trình ngày 13 tháng 11 năm Thành Thái 6 (1894) của bộ Lại gửi Kinh lược Bắc Kỳ về việc đưa bốn tổng của huyện Thọ Xương và 2 tổng của huyện Thanh Trì nhập vào huyện Vĩnh Thuận.

KLBK - 32/T1524

Thư ngày 1 tháng 12 năm Thành Thái 6 (1894) của Kinh lược Bắc Kỳ gửi Thống sứ Bắc Kỳ trình việc cắt hai tổng Hoàng Mai, Khương Đình của huyện Thanh Trì để sáp nhập vào huyện Vĩnh Thuận.

KLBK - 45/T1823

Tư trình ngày 3 tháng 12 năm Thành Thái 6 (1894) của Tổng đốc Hà - Yên gửi Kinh lược Bắc Kỳ về việc điều chỉnh địa giới một số phủ huyện của tỉnh Hà Nội.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

KLBK - 49/T1565

Nghị định ngày 8 tháng 12 năm Thành Thái 6 (1894) của Kinh lược Bắc Kỳ về việc sáp nhập 2 tổng Khương Đình và Hoàng Mai của huyện Thanh Trì vào huyện Vĩnh Thuận.

KLBK - 41/T1992

Tư di ngày 19 tháng 12 năm Thành Thái 6 (1894) của Kinh lược Bắc Kỳ gửi Tổng đốc Hà - Yên về việc không đồng ý sáp nhập 2 tổng Khương Đình và Hoàng Mai vào huyện Vĩnh Thuận.

RHD - 701

Rattachement des cantons de Khương Đình, Hoàng Mai au huyện de Thanh Trì (1895).

Sáp nhập các tổng Khương Đình và Hoàng Mai vào huyện Thanh Trì (1895).

Hồ sơ có 3 tờ, gồm:

- Quyết định ngày 14-1-1895 của Kinh lược Bắc Kỳ về việc trả lại các tổng Khương Đình và Hoàng Mai cho huyện Thanh Trì.
- Công văn ngày 14-1-1895 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Công sứ - Đốc lý Hà Nội thông báo về việc đã chuẩn y quyết định trên của Kinh lược Bắc Kỳ.

KLBK - 30/T2338

Tư di ngày 28 tháng 1 năm Thành Thái 7 (1895) của Kinh lược Bắc Kỳ gửi Tổng đốc Hà - Yên về việc sáp nhập một số vùng vào Thành phố Hà Nội.

KLBK - 27/T2345

Thư ngày 12 tháng 2 năm Thành Thái 7 (1895) của Phó Toàn quyền Đông Dương gửi Kinh lược Bắc Kỳ đề nghị xem xét việc cắt đất của huyện Vĩnh Thuận để sáp nhập vào Thành phố Hà Nội.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

KLBK - 22/T2414

Thư ngày 12 tháng 2 năm Thành Thái 7 (1895) của Kinh lược Bắc Kỳ gửi Thống sứ Bắc Kỳ về Nghị định đồng ý cho sáp nhập các thôn xã của huyện Thọ Xương vào Thành phố Hà Nội.

KLBK - 43/T2338

Tư di ngày 15 tháng 2 năm Thành Thái 7 (1895) của Kinh lược Bắc Kỳ gửi Tổng đốc Hà - Yên về việc sáp nhập một số thôn của huyện Vĩnh Thuận vào Thành phố Hà Nội.

KLBK - 4/T1824

Tư trình ngày 16 tháng 2 năm Thành Thái 7 (1895) của Tổng đốc Hà - Yên gửi Kinh lược Bắc Kỳ về việc sáp nhập 2 tổng Hoàng Mai và Khương Đình vào huyện Vĩnh Thuận.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

RST - 11629

Délimitation de la Ville de Hanoï 1895.

Vạch ranh giới của Thành phố Hà Nội 1895.

Hồ sơ gồm Nghị định ngày 20-2-1895 của Thống sứ Bắc Kỳ về việc sáp nhập các vùng bao quanh gồm đường Abattoir (đường Lò Lợn nay là phố Lương Yên), đê giáp khu nhượng địa và đường Mandarine (một đoạn đường Lê Duẩn) vào địa hạt của Thành phố Hà Nội.

J - 1022

JOIF, 2^e partie: Annam et Tonkin, 1895, N^o 16, p. 108.

Arrêté du 20 février 1895 du Résident supérieur du Tonkin rattachant au territoire de la Ville de Hanoï la zone comprise entre la route de l'Abattoire, la digue limitant la concession française et la route Mandarine.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

Nghị định ngày 20-2-1895 của Thống sứ Bắc Kỳ về việc sáp nhập các vùng bao gồm đường Abattoir (đường Lò Lợn nay là phố Lương Yên), đê giáp khu nhượng địa và đường Mandarine (một đoạn đường Lê Duẩn) vào địa hạt của Thành phố Hà Nội.

RST - 29971

Rattachement au territoire de la Ville de Hanoï de certains hameaux du huyen de Vinh Thuan 1895.

Sáp nhập một số thôn của huyện Vĩnh Thuận vào địa hạt Thành phố Hà Nội 1895.

Hồ sơ có 5 tờ, gồm:

- Quyết định ngày 11-3-1895 của Kinh lược Bắc Kỳ sáp nhập các thôn Liên Đường, Thiển Quang, một phần đất của thôn Tiên Mỹ, một ao có diện tích 6 sào thuộc khu Nam Ngự hay phố Nam Ngự, thôn Vân Hồ, Thịnh Yên, Yên Nhất, Hoà Mã, Phúc Lâm Tiêu, Đồng Tâm, Giáo Phương, Phúc Cổ, Lương Yên, Cẩm Hội và Đức Viên của huyện Vĩnh Thuận vào địa hạt của Thành phố Hà Nội.
- Danh sách các xã thuộc tổng Vĩnh An, Kim Liên, Thanh Nhàn được sáp nhập vào Thành phố Hà Nội kèm theo danh sách lý trưởng của các xã thuộc các tổng kể trên.

Và một vài tài liệu khác...

NHTX - 49/T606

Tư văn ngày 1 tháng 8 năm Thành Thái 8 (1896) của Nha Kinh lược Bắc Kỳ do Tổng đốc Hà - Yên gửi huyện Thọ Xương về việc huyện Vĩnh Thuận gồm 8 tổng thêm 2 tổng Hoàng Mai và Khương Đình của huyện Thanh Trì chịu sự quản lý của Đốc lý.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

MHN - 07

Organisation de la zone suburbaine de Hanoï 1899-1934.

Tổ chức khu ngoại ô Hà Nội 1899-1934

Hồ sơ có 42 tờ, gồm:

- *Nghị định ngày 14-7-1899 của Toàn quyền Đông Dương tách một số xã của tỉnh Hà Nội nằm trong giới hạn của Thành phố Hà Nội để đặt dưới sự quản lý của Công sứ - Đốc lý (có danh sách các xã kèm theo).*
 - *Công văn ngày 4-7-1912 của Quyền Thống sứ Bắc Kỳ gửi Công sứ - Đốc lý Hà Nội về việc xoá bỏ khu ngoại ô Hà Nội.*
 - *Công văn ngày 13-7-1912 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về dự định xoá bỏ khu ngoại ô Hà Nội.*
 - *Báo cáo ngày 19-12-1912 của trưởng khu Thái Hà về việc xoá bỏ khu ngoại ô Hà Nội.*
 - *Dự thảo công văn tháng 1-1934 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc lập huyện Hoàn Long thành khu ngoại ô Hà Nội.*
- Và một số tài liệu khác...

J - 1038

JOIF, 2^e partie: Annam et Tonkin, 1899, N^o 58, p. 504 et 534.

Arrêté du 14 juillet 1899 du Gouverneur général de l'Indochine détachant quelques villages compris entre les limites actuelles de la Ville et la route circulaire pour être placés sous l'autorité du Résident-Maire de la Ville de Hanoï.

Nghị định ngày 14-7-1899 của Toàn quyền Đông Dương tách khỏi tỉnh Hà Nội một số xã nằm trong ranh giới hiện tại của Thành phố Hà Nội và đường vành đai để đặt dưới quyền quản lý của Công sứ - Đốc lý.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

Danh sách các xã nằm toàn bộ hoặc một phần trong khu ngoại ô Hà Nội kèm theo Nghị định trên:

Xã	Huyện	Ghi chú
Tam Xá	Vĩnh Thuận	Sáp nhập toàn bộ
Tam Lạc	nt	nt
Tam Ngọc Nội	nt	nt
Tam Ngọc Ngoại	nt	nt
Vân Ngọc Châu	nt	nt
Ngọc Xuyên	nt	nt
Cơ Xá	nt	nt
Quảng Bồ	nt	nt
Tây Hồ	nt	nt
Nghi Tầm	nt	nt
Yên Phụ	nt	nt
Nhật Tân	nt	nt
Quán La	nt	nt
Xuân Tảo Sở	Từ Liêm	Sáp nhập 8 sào
Trích Sài	Vĩnh Thuận	Sáp nhập toàn bộ trừ 7 sào ruộng công
Võng Thị	nt	Sáp nhập toàn bộ
Hồ Khẩu	nt	nt
Yên Thái	nt	nt
Thụy Khuê	nt	nt
Hữu Thiệp	nt	nt
Ngọc Hà	nt	nt
Xuân Biều	nt	nt
Liễu Giai	nt	nt
Đại Yên	nt	nt
Vạn Phúc	nt	nt
Ngọc Khánh	nt	nt
Giảng Vũ Trung	nt	nt
Kim Mã	nt	nt
Cống Vị	nt	nt

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Thủ Lệ	nt	nt
Vĩnh Phúc	nt	nt
An Hoà	Từ Liêm	Sáp nhập 1/4 sào
Yên Lãng	Vĩnh Thuận	Toàn bộ trừ 15 mẫu nằm ngoài khu vực sáp nhập
Nhược Công	nt	Sáp nhập toàn bộ
Thái Hà	nt	nt
Thịnh Quang	nt	nt
Nam Đồng	nt	nt
Thịnh Hào	nt	nt
Khương Thượng	nt	Sáp nhập 125 mẫu
Khương Trung	Thanh Trì	Sáp nhập 4 mẫu 8 sào
Mai Động	nt	Sáp nhập 27 mẫu 7 sào
Phương Liệt	nt	Sáp nhập 162 mẫu
Bạch Mai	Vĩnh Thuận	Sáp nhập 240 mẫu
Hoàng Mai	Thanh Trì	Sáp nhập 24 mẫu
Quỳnh Lôi	Vĩnh Thuận	Sáp nhập 270 mẫu
Vĩnh Tuy	Thanh Trì	Sáp nhập 2/5 thôn Vĩnh Tuy Xã
Lương Yên	Vĩnh Thuận	Sáp nhập toàn bộ
Thanh Nhân	nt	nt
Lạc Trung	nt	nt
Lãng Yên	nt	nt
Trung Tự	nt	nt
Kim Liên	nt	nt
Thổ Quan	nt	nt
Văn Chương	nt	nt
Xã Đàn	nt	nt
Linh Đông	nt	nt
Linh Quang	nt	nt
Mỹ Đức	nt	nt
Trung Phụng	nt	nt

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

Article 5.- Le Résident Supérieur au Tonkin est chargé de l'exécution du présent arrêté .

Hanoi, le 14 Juillet 1899

Paul Doumer

Par le Gouverneur Général

Le Résident Supérieur p.i. au Tonkin

Signé: J. MOREL

LISTE des villages de la province de Hanoi situés en dedans de la Route circulaire, du côté de la ville .

Villages	Huyện	Villages	Huyện
Tam-La	VINH-THUAN	CONG-VY.....	Vinh-Thuan
Tam-Lao	"	Thu-Lã.....	"
Tam-Ngoc-Nôi	"	Vinh-Phuc ...	"
Tam-Ngoc-Ngoai...	"	Yên-Lang.....	"
Van-Ngoc-Chau	"	Nhuoc-Cong....	"
Ngoc-Luyen.....	"	Thai-Hà.....	"
CO-LA.....	"	Thinh-Quang...	"
Quang-Bô.....	"	Nam-Dông.....	"
Nhat-Tân.....	"	Thinh-Hao.....	"
Nhi-Tam	"	Quynh-Lôi.....	"
Tây-Hồ	"	Khuong-Thuong	"
Yên-Phu.....	"	Bach-Mai	"
Xuan-Tao-Se	TU-LIEM	Mai-Dông.....	THANH-TRI
Chich-Sai.....	VINH-THUAN	LUONG-YEN	VINH-THUAN
Vong-THI.....	"	Thanh-Nhan....	"
Hô-Khan	"	Lao-Trung.....	"
Yên-Thai.....	"	Lao-Yên.....	"
Thuy-Khue.....	"	Trung-TU.....	"
HUU-TIEP.....	"	KIM-LIEM.....	"
NGOC-HA.....	"	THO-QUAN.....	"
XUAN-BIEU.....	"	VAN-CHUONG....	"
LIEU-GIAI.....	"	LA-DAN.....	"
DAI-YEN.....	"	LINH-DONG.....	"
VAN-PHUC.....	"	LINH-CUANG....	"
NGOC-KHANH.....	"	MY-DUC.....	"
Giang-Vu-TRUNG...	"	TRUNG-PHUNG...	"
KIM-MA	"		

LISTE des villages compris en totalité ou en partie dans la zone suburbaine de Hanoi .

Ce tableau remplace celui qui était annexé à l'arrêté du 14 Juillet 1899, Journal Officiel n° 58, du 20 Juillet 1899 page 504 .

Tableau

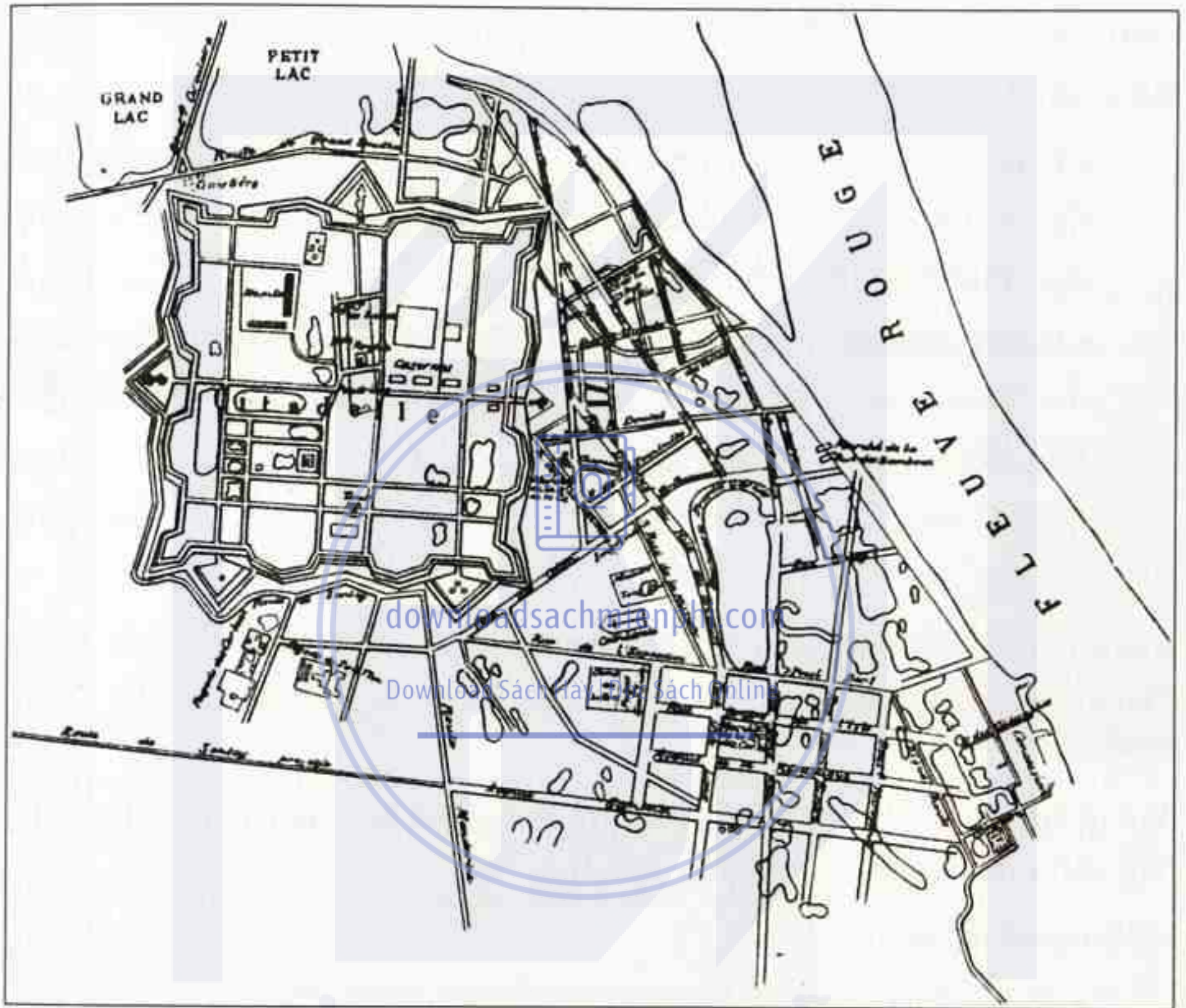
Nghị định ngày 14-7-1899 của Toàn quyền Đông Dương tách khỏi tỉnh Hà Nội một số xã nằm trong danh giới hiện tại của Thành phố Hà Nội và đường vành đai để đặt dưới quyền quản lý của Công sứ Đốc lý.

J - 1038

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

Villages	Huyện	Observations
Tam-Xa	VINH-THUAN	Annexé en totalité
Tam-Lao	"	"
Tam-Ngoc-Hoi	"	"
Tam-Ngoc-Hoi	"	"
Van-Ngoc-Chau	"	"
Ngoc-Luyen	"	"
Co-Xa	"	"
Quang-Bô	"	"
Tây-Hô	"	"
Nghi-Tam	"	"
Yên-Phu	"	"
Nhất-Tân	"	"
Quan-La	"	"
Xuân-Tao-Sô	VU-LIEN	Annexé pour huit sào
Trich-Sai	VINH-THUAN	Annexé pour 16 mẫu 3 sào
		Annexé en totalité moins 7 sào
		de rizières communales.
Vong-Thi	"	Annexé en totalité
Hô-Khau	"	"
Yên-Thai	"	"
Thuy-Khue	"	"
Huu-Tiep	"	"
Ngoc-Hà	"	"
Xuân-Biên	"	"
Liêu-Giai	"	"
Dai-Yên	"	"
Van-Phuc	"	"
Ngoc-Khanh	"	"
Giang-Vu-Trung	"	"
Kim-Ma	"	"
Công-Vy	"	"
Thu-Lê	"	"
Vinh-Phuc	"	"
An-Hoa	TU-LIEN	Annexé pour 1/4 de sào
Yên-Lang	VINH-THUAN	Totalité moins 15 mẫu en dehors
		de la zone annexé.
MHUOC-CONG	"	Annexé en totalité
Thai-Hà	"	"
Thinh-Quang	"	"
Nam-Dông	"	"
Thinh-Hào	"	"
Khuong-Thuong	"	"
Khuong-Trung	Thanh-TRI	Annexé pour 125 mẫu.
Mai-Dông	"	Annexé pour 4 mẫu 8 sào
Phuong-Liet	"	Annexé pour 27 mẫu 7 sào
Bach-Mai	VINH-THUAN	Annexé pour 162 mẫu.
Hoang-Mai	THANH-TRI	Annexé pour 240 mẫu.
Quynh-Lôi	VINH-THUAN	Annexé pour 24 mẫu.
Vinh-Thuy	Thanh-TRI	Annexé pour 270 mẫu.
		Annexé pour 2/3 du hameau de
		VINH-THUY-XA
Luong-Yên	VINH-THUAN	Annexé en totalité
Thanh-Nhan	"	"
Lac-Trung	"	"
Lang-Yên	"	"
Trung-Tu	"	"
KIM-LIEN	"	"
THO-QUAN	"	"
Van-Chuong	"	"
XA-DAM	"	"
LINH-DONG	"	"
LINH-QUANG	"	"
MY-DUC	"	"
TRUNG-PHUNG	"	"

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH



Bản đồ Hà Nội năm 1889.

Sách: Claude Bourrin, *Le vieux Tonkin (Le théâtre - le sport - la vie mondaine)* de 1890 à 1894, Hanoi, Imprimerie d'Extrême - Orient, 1941.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

RHD - 704

Rattachement du village de Bai An du huyện de Vinh Thuan au canton de Xuan Tao, huyện de Tu Liem, province de Hanoi 1899.

Sáp nhập xã Bái Ân của huyện Vĩnh Thuận vào tổng Xuân Tảo, huyện Từ Liêm, tỉnh Hà Nội 1899.

Hồ sơ có 3 tờ, gồm:

- Công văn ngày 9-8-1899 của Công sứ Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc sáp nhập xã Bái Ân, tổng Trung Tổng, huyện Vĩnh Thuận vào tổng Xuân Tảo, huyện Từ Liêm.
- Quyết định ngày 15-8-1899 của Thống sứ Bắc Kỳ sáp nhập xã Bái Ân, tổng Trung tổng, huyện Vĩnh Thuận vào tổng Xuân Tảo, huyện Từ Liêm.



RST - 30552

Rattachement du village de Bai An, canton de Trung Tong, huyện de Vinh Thuan, province de Hanoi au canton de Xuan Tao, huyện de Tu Liem 1899.

Sáp nhập xã Bái Ân thuộc tổng Trung Tổng, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Hà Nội vào tổng Xuân Tảo, huyện Từ Liêm 1899.

Hồ sơ có 6 tờ, gồm:

- Quyết định ngày 15-8-1899 của Thống sứ Bắc Kỳ sáp nhập xã Bái Ân thuộc tổng Trung Tổng, huyện Vĩnh Thuận vào tổng Xuân Tảo, huyện Từ Liêm và vẫn giữ nguyên tên xã.
- Thư ngày 25-8-1899 của Trưởng Phòng 1 thuộc Phủ Thống sứ Bắc Kỳ gửi Trưởng Phòng Quản lý các công việc liên quan đến người bản xứ (thuộc Phủ Thống sứ) về việc xóa bỏ huyện Vĩnh Thuận.

J - 1038

JOIF, 2^e partie: Annam et Tonkin, 1899, N^o 71, p. 613-614.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

Décision du 15 août 1899 du Résident supérieur du Tonkin rattachant le village de Bai An au canton de Xuân Tảo (province de Hanoï).

Quyết định ngày 15-8-1899 của Thống sứ Bắc Kỳ sáp nhập xã Bái Ân thuộc tổng Trung Tổng, huyện Vĩnh Thuận vào tổng Xuân Tảo, huyện Từ Liêm, tỉnh Hà Nội.

J - 1038

JOIF, 2^e partie: Annam et Tonkin, 1899, N^o 69, p. 595.

Arrêté du 18 août 1899 du Gouverneur général de l'Indochine créant un poste administratif dans la zone suburbaine de la Ville de Hanoï au village de Thai Ha.

Nghị định ngày 18-8-1899 của Toàn quyền Đông Dương lập một trung tâm hành chính ở khu ngoại ô Thành phố Hà Nội đặt tại xã Thái Hà.

downloadsachmienphi.com

RHD - 230

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Rattachement des villages de Vinh Tuy, Mai Dong, Hoang Mai, Khuong Trung, An Hoa, Xuan Tảo et Xuan La à la zone suburbaine de Hanoï 1899.

Sáp nhập các xã Vĩnh Tuy, Mai Động, Hoàng Mai, Khương Trung, An Hoà, Xuân Tảo và Xuân La vào khu ngoại ô Hà Nội 1899.

Hồ sơ có 20 tờ, gồm:

- Công văn ngày 1-9-1899 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội về việc sáp nhập các xã Quán La, Trích Sài, Yên Lãng, Khương Thượng, Bạch Mai, Quỳnh Lôi, Xuân Tảo Sở, An Hoà, Khương Trung, Mai Động, Vĩnh Tuy vào khu ngoại ô Hà Nội và thuộc quyền quản lý của Đốc lý Hà Nội.
- Công văn ngày 23-9-1899 của Tri huyện Hoàn Long gửi Đại diện của huyện về việc sáp nhập các xã thuộc huyện Thanh Trì (Vĩnh Tuy, Mai Động, Hoàng Mai, Phương Liệt, Khương Trung) và các xã thuộc huyện Từ Liêm (An Hoà, Xuân Tảo, Quán La) vào khu ngoại ô Hà Nội.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- *Quyết định ngày 26-12-1899 của Thống sứ Bắc Kỳ về việc sáp nhập:*
 - *Xã Vĩnh Tuy (trước đây thuộc tổng Thanh Trì), xã Khương Thượng (trước đây thuộc tổng Khương Đình) vào tổng Hoàng Mai, huyện Hoàn Long.*
 - *Xã Quán La (trước đây thuộc tổng Phú Gia) vào tổng Thượng Tổng.*
 - *Xã Xuân Tảo (trước đây thuộc tổng Xuân Tảo) vào tổng Trung Tổng.*
 - *Xã An Hoà (trước đây thuộc tổng Dịch Vọng) vào tổng An Hạ.*

RST - 30480

Rattachement des villages au canton de Khuong Dinh et au huyen de Hoan Long, province de Hanoi 1899-1900.

Sáp nhập một số xã vào tổng Khương Đình và vào huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Nội 1899-1900.

Hồ sơ có 9 tờ, gồm: downloadsachmienphi.com

- *Quyết định ngày 30-9-1899 của Quyền Thống sứ Bắc Kỳ về việc sáp nhập các xã Tương Mai, Thịnh Liệt thuộc tổng Hoàng Mai vào tổng Khương Đình, tỉnh Hà Nội.*
- *Công văn ngày 16-9-1899 của Công sứ Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc sáp nhập 3 xã của huyện Từ Liêm (Quán La, Xuân Tảo Sở và An Hoà) và 5 xã của huyện Thanh Trì (Khương Đình, Mai Động, Phương Liệt, Hoàng Mai và Vĩnh Tuy) vào huyện Hoàn Long.*

RHD - 702

Rattachement des villages de Tuong Mai, Thinh Liet de canton de Hoang Mai au canton de Khuong Dinh, huyen de Thanh Tri, province de Hanoi 1899.

Sáp nhập các xã Tương Mai, Thịnh Liệt thuộc tổng Hoàng Mai vào tổng Khương Đình, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Nội 1899.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

Hồ sơ này gồm quyết định số 20 ngày 30-9-1899 của Thống sứ Bắc Kỳ về việc sáp nhập các xã Tương Mai và Thịnh Liệt (Giáp Nhất, Giáp Nhị, Giáp Tứ, Giáp Lục, Giáp Thất, Giáp Bát), tổng Hoàng Mai vào tổng Khương Đình, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Nội.

RST - 30481

Au sujet de la constitution du nouveau canton de Thinh Liet dans le huyen de Thanh Tri, province de Hanoi 1899-1900.

Về việc lập tổng mới Thịnh Liệt nằm trong huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Nội 1899-1900.

Hồ sơ có 7 tờ, gồm:

- Đơn ngày 14-11-1899 của lý trưởng các xã Tương Mai và các thôn Giáp Nhất, Giáp Nhị, Giáp Bát, Giáp Tứ, Giáp Lục, Giáp Thất thuộc xã Thịnh Liệt gửi Công sứ Hà Nội xin được lập một tổng riêng.
- Báo cáo ngày 16-12-1899 của huyện Thanh Trì gửi Công sứ Hà Nội và thư ngày 20-7-1900 của Công sứ Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc lập tổng Thịnh Liệt gồm các xã Tương Mai, Thịnh Liệt thuộc huyện Thanh Trì.

RHD - 706

Création et organisation de la zone suburbaine de Hanoi 1899-1912.

Lập và tổ chức khu ngoại ô của Hà Nội 1899-1912.

Hồ sơ có 80 tờ và 3 bản vẽ, gồm:

- Nghị định ngày 14-7-1899 của Toàn quyền Đông Dương tách khỏi tỉnh Hà Nội một số xã để đặt dưới sự quản lý của Công sứ - Đốc lý Hà Nội (có danh sách các xã kèm theo).
- Công văn ngày 21-7-1899 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Công sứ Hà Đông về việc tổ chức khu ngoại ô Hà Nội đặt dưới sự quản lý của Công sứ - Đốc lý Hà Nội.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Dự thảo báo cáo ngày 23-7-1899 về tình hình các xã trực thuộc khu ngoại ô Hà Nội được lập bằng Nghị định ngày 14-7-1899.
- Quyết định ngày 15-8-1899 của Thống sứ Bắc Kỳ sáp nhập xã Bái Ân, tổng Trung Tổng, huyện Vĩnh Thuận vào tổng Xuân Tảo, huyện Từ Liêm, tỉnh Hà Nội.
- Nghị định ngày 18-8-1899 của Toàn quyền Đông Dương lập một trung tâm hành chính tại khu ngoại ô Thành phố Hà Nội đặt tại xã Thái Hà.
- Công văn ngày 1-9-1899 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Công sứ Cầu Đơ về việc sáp nhập một số xã của tỉnh này vào khu ngoại ô Hà Nội.
- Công văn ngày 20-9-1899 của Công sứ - Đốc lý Hà Nội gửi Công sứ Hà Nội thông báo đã lệnh cho Tri huyện Hoàn Long yết thị cho dân biết về việc sáp nhập 13 xã của tỉnh Cầu Đơ gồm Quán La, Trích Sài, Yên Lãng, Khương Thượng, Bạch Mai, Quỳnh Lôi, Xuân Tảo Sở, An Hoà, Khương Trung, Mai Động, Phương Liệt, Hoàng Mai và Vĩnh Tuy vào khu ngoại ô Hà Nội.
- Quyết định ngày 30-9-1899 của Quyền Thống sứ Bắc Kỳ tách các xã Tương Mai và Thịnh Liệt (Giáp Nhất, Giáp Nhị, Giáp Tứ, Giáp Lục, Giáp Thất và Giáp Bát) khỏi tổng Hoàng Mai để sáp nhập vào tổng Khương Đình, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Nội.
- Công văn ngày 3-10-1899 của Quyền Thống sứ Bắc Kỳ gửi Công sứ Hà Nội về việc sáp nhập 2 xã Tương Mai và Thịnh Liệt vào tổng Khương Đình.
- Nghị định ngày 26-12-1899 của Quyền Thống sứ Bắc Kỳ sáp nhập xã Khương Trung và Vĩnh Tuy vào tổng Hoàng Mai thuộc huyện Thanh Trì, xã Quán La vào tổng Thượng Tổng, xã Xuân Tảo Sở vào tổng Trung Tổng, xã An Hoà vào tổng An Hạ.
- Công văn ngày 9-5-1904 của Đốc lý Hà Nội gửi Công sứ Cầu Đơ về việc ấn định ranh giới giữa tỉnh Cầu Đơ và khu ngoại ô Hà Nội.
- Công văn ngày 4-7-1912 của Quyền Thống sứ Bắc Kỳ gửi Công sứ Hà Đông về việc tổ chức lại đơn vị hành chính của tỉnh sau khi xóa bỏ khu ngoại ô Hà Nội.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

• Ngoài ra, trong hồ sơ này còn có 2 bản đồ vẽ tay về địa giới các xã được sáp nhập vào khu ngoại ô Hà Nội (một được chú thích bằng chữ Hán - Nôm và một được chú thích bằng chữ Pháp) và một bản đồ Hà Nội và khu ngoại ô do Sở Địa dư Đông Dương vẽ và in vào khoảng năm 1904. Bản đồ này có tỷ lệ 1/50.000, kích thước 93 x 70cm, có các chú dẫn về đường bộ, đường sắt, đường thủy, hệ thống thủy nông, trồng trọt, các vùng dân cư....

Và một số tài liệu khác...

RHD - 703

Rattachement des villages de Vinh Tuy, Khuong Trung, An Hoa, Xuan Tao So et Quan La du huyen de Hoan Long à des cantons de ce huyen 1899.

Sáp nhập các xã Vĩnh Tuy, Khương Trung, An Hoà, Xuân Tảo Sở và Quán La của huyện Hoàn Long vào các tổng của huyện này 1899.

Hồ sơ có 4 tờ, gồm:

- Công văn ngày 11-11-1899 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội về việc sáp nhập 5 xã Vĩnh Tuy, Khương Trung, An Hoà, Xuân Tảo Sở và Quán La của huyện Hoàn Long vào các tổng cùng huyện.
- Công văn ngày 17-11-1899 của Đốc lý Hà Nội gửi Đại diện Trung tâm hành chính Thái Hà yêu cầu lập một bản đồ của huyện Hoàn Long chỉ rõ ranh giới của các xã cần phải sáp nhập.
- Công văn ngày 27-12-1899 của Quyền Thống sứ Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội về việc gửi bản sao Nghị định số 21 ngày 26-12-1899 sáp nhập các xã nói trên. Theo công văn thì Nghị định này cho phép các xã Vĩnh Tuy và Khương Trung được sáp nhập vào tổng Hoàng Mai, xã Quán La được sáp nhập vào tổng Thượng Tổng, xã Xuân Tảo Sở vào tổng Trung Tổng và xã An Hoà được sáp nhập vào tổng An Hạ.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

RHD - 705

Demande formulée par les habitants du village de Bai An, canton de Xuan Tao, huyện de Tu Liem, en vue d'obtenir le rattachement de leur village au huyện de Hoan Long, zone suburbaine de Hanoi 1899-1900.

Đơn của dân xã Bái Ân, tổng Xuân Tảo, huyện Từ Liêm, xin sáp nhập xã của họ vào huyện Hoàn Long, khu ngoại ô Hà Nội 1899-1900.

Hồ sơ có 6 tờ, gồm các đơn viết trong tháng 12-1899 và tháng 1-1900 của dân xã Bái Ân, tổng Xuân Tảo, huyện Từ Liêm, xin sáp nhập xã của họ vào huyện Hoàn Long thuộc khu ngoại ô Hà Nội.

RST - 36731

Plan du village de Thai Ha, partie est 1901.

Bản vẽ mặt bằng xã Thái Hà, phần phía đông 1901.

Hồ sơ gồm một bản vẽ mặt bằng xã Thái Hà, phần phía đông. Bản vẽ có tỷ lệ 1/1000, khổ rộng 31 x 61cm, được vẽ tay trên giấy can.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

J - 1044

JOIF, 2^e partie: Annam et Tonkin, 1902, N^o 71, p. 803.

Arrêté du 29 août 1902 du Gouverneur général p.i désignant sous le nom de rue Victor Hugo la voie N^o 53 de la Ville de Hanoi.

Nghị định của Quyền Toàn quyền Đông Dương đổi tên đường số 53 thành phố Victor Hugo (sau đổi thành đại lộ Pasquier và nay là phố Hoàng Diệu).

RHD - 711

Création d'un canton sous le nom de Lam Gio et d'une commune distincte sous le nom de Ngoc Lam de la province de Hanoi 1903.

Lập một tổng lấy tên là Lâm Gio và một xã riêng lấy tên là Ngọc Lâm thuộc tỉnh Hà Nội 1903.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

Hồ sơ gồm quyết định ngày 1-9-1903 của Thống sứ Bắc Kỳ về việc sáp nhập các xã Ai Mộ, Phú Viên, Lâm Gio và thôn Cầu Cá để lập thành một tổng mới lấy tên là tổng Lâm Gio và lập thôn Cầu Cá thành một xã riêng lấy tên là Ngọc Lâm.

RHD - 712

Rattachement du hameau de Gia Quat Ha, zone suburbaine de Hanoï au village de Gia Quat, canton de Gia Thuy, phu de Gia Lam, province de Bac Ninh 1903.

Sáp nhập thôn Gia Quất Hạ, khu ngoại ô Hà Nội vào xã Gia Quất, tổng Gia Thuy, phủ Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh 1903.

Hồ sơ này có 3 tờ, trong đó có Nghị định ngày 27-8-1903 của Toàn quyền Đông Dương về việc tách thôn Gia Quất Hạ ra khỏi khu ngoại ô Hà Nội và sáp nhập thôn này vào xã Gia Quất, tổng Gia Thuy, phủ Gia Lâm và đặt dưới quyền của Công sứ Bắc Ninh.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

RST - 74896

Au sujet rattachement du hameau de Gia Quat Ha (Hanoï) à la province de Bac Ninh 1903.

Về việc sáp nhập thôn Gia Quất Hạ (Hà Nội) vào tỉnh Bắc Ninh 1903.

Hồ sơ có 8 tờ, gồm:

- *Nghị định ngày 3-3-1903 của Toàn quyền Đông Dương tách từ tỉnh Bắc Ninh các xã Lâm Gio, Phú Viên, các thôn Gia Quất Hạ và Cầu Cá thuộc tổng Gia Thuy, phủ Gia Lâm và sáp nhập vào khu ngoại ô Hà Nội.*
- *Công văn trao đổi trong tháng 6 và 7-1903 giữa Công sứ Bắc Ninh, Đốc lý Hà Nội và Toàn quyền Đông Dương về hậu quả của việc sáp nhập thôn Gia Quất Hạ, một phần của phủ Gia Lâm vào khu ngoại ô Hà Nội.*

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Công văn ngày 8-8-1903 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương trình dự thảo nghị định về việc trả lại thôn Gia Quất Hạ về tỉnh Bắc Ninh (có dự thảo nghị định kèm theo).

RHD - 231

Réintégration à la province de Bac Ninh des villages de Lam Gio, Phu Vien et hameaux Gia Quat, Cau Ca, canton de Gia Thuy, phu Gia Lam annexés en 1903 à la zone suburbaine de Hanoi 1903-1905.

Trả lại cho tỉnh Bắc Ninh các xã đã được sáp nhập vào khu ngoại ô Hà Nội năm 1903 là Lâm Gio, Phú Viên và các thôn Gia Quất, Cầu Cá thuộc tổng Gia Thuy, phủ Gia Lâm 1903-1905.

Hồ sơ có 4 tờ, gồm:

- Nghị định ngày 3-3-1903 của Toàn quyền Đông Dương tách các xã Lâm Gio, Phú Viên và các thôn Gia Quất Hạ và Cầu Cá khỏi tỉnh Bắc Ninh để sáp nhập vào khu ngoại ô Hà Nội.
- Nghị định ngày 10-2-1905 của Toàn quyền Đông Dương về việc trả lại cho tỉnh Bắc Ninh các xã và các thôn đã được sáp nhập vào khu ngoại ô Hà Nội theo Nghị định ngày 3-3-1903.

RHD - 713

Liste alphabétique des cantons et villages de la zone suburbaine de Hanoi 1904.

Danh sách các tổng và xã của khu ngoại ô Hà Nội xếp theo thứ tự a, b, c năm 1904.

Hồ sơ có 4 tờ, gồm:

- Danh sách các tổng và xã của khu ngoại ô Hà Nội được lập năm 1904 và được xếp theo thứ tự a, b, c. Ngoài tên các tổng và xã, danh sách còn có số đinh và đất của các xã được thống kê để thu thuế năm 1904.
- Danh sách các xã của khu ngoại ô Hà Nội được sắp xếp theo tổng.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

RHD - 232

Au sujet création d'un poste administratif à Gia Lam 1904-1905.

Lập một trung tâm hành chính tại Gia Lâm 1904-1905.

Hồ sơ có 7 tờ, gồm:

- Công văn ngày 28-12-1904 của Công sứ Bắc Ninh gửi Thống sứ Bắc Kỳ đề nghị lập một trung tâm hành chính tại phủ Gia Lâm vì Gia Lâm nằm quá xa thủ phủ của tỉnh Bắc Ninh không tiện cho việc quản lý.
- Công văn ngày 7-1-1905 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội về việc lập một trung tâm hành chính tại Gia Lâm và đề nghị lấy sông Hồng làm ranh giới giữa Bắc Ninh và Hà Nội.
- Công văn ngày 14-2-1905 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội về việc Hà Nội trả lại cho tỉnh Bắc Ninh các xã đã được sáp nhập vào khu ngoại ô Hà Nội theo Nghị định ngày 3-3-1903.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

RST - 5472

Au sujet de création de la Délégation de Gia Lam 1905.

Về việc thành lập Tòa Đại lý Gia Lâm 1905.

Hồ sơ có 12 tờ, gồm:

- Các Nghị định ngày 3-3-1903 và 10-2-1905 của Toàn quyền Đông Dương tách từ tỉnh Bắc Ninh các xã Lâm Gio, Phú Viên và các thôn Gia Quất Hạ, Cầu Cá, tổng Gia Thụy, phủ Gia Lâm và sáp nhập vào khu ngoại ô Hà Nội để lập Tòa Đại lý Gia Lâm.
- Biên bản cuộc họp ngày 23-2-1905 tại Gia Lâm giữa viên quản lý hành chính khu ngoại ô Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh về việc sáp nhập vào tỉnh Bắc Ninh các xã Lâm Gio, Phú Viên, các thôn Gia Quất và Cầu Cá trước đây thuộc ngoại ô Hà Nội.

Và một vài tài liệu khác...

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

RHD - 233

Rattachement du territoire du Centre administratif de Thai Ha à la province de Hadong 1905-1912.

Sáp nhập địa hạt của Trung tâm hành chính Thái Hà vào tỉnh Hà Đông 1905-1912.

Hồ sơ có 17 tờ, gồm:

- Quyết định ngày 6-7-1905 của Toàn quyền Đông Dương về việc bổ nhiệm một viên quản lý hành chính đặt dưới quyền kiểm soát của Đốc lý Hà Nội, chịu trách nhiệm quản lý khu ngoại ô thành phố.
- Danh sách các tổng, xã khu ngoại ô (lập tháng 9-1906).
- Báo cáo ngày 19-12-1912 của viên quản lý hành chính khu vực Thái Hà về việc sáp nhập Trung tâm hành chính Thái Hà vào tỉnh Hà Đông.

Và một vài tài liệu khác...

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

RST - 79024/01

Institution et dénomination des rues de la Ville de Hanoï 1905-1923.

Lập và đặt tên phố của Thành phố Hà Nội 1905-1923.

Hồ sơ có 122 tờ, gồm:

- Trích biên bản cuộc họp ngày 12-2-1909 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc đặt tên cho 9 phố sau:
 1. Đường số 54 nối đại lộ Carnot (phố Phan Đình Phùng) với đường Sinh Từ kéo dài được mang tên đại lộ Nationale (phố Chu Văn An).
 2. Đường số 62 nối Phủ Toàn quyền Đông Dương với đại lộ Victor Hugo được mang tên đại lộ République (sau đổi tên thành đại lộ Honoré Tissot, rồi đổi thành đại lộ Dân Quyền, nay là phố Hoàng Văn Thụ).
 3. Đường số 55 nối đại lộ Carnot (phố Phan Đình Phùng) với đại lộ Borghis Desbordes kéo dài (sau đổi thành phố Duvillier và nay

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

là phố Nguyễn Thái Học) được mang tên đại lộ Brière de l'Isle (phố Hùng Vương).

4. Đường số 60 nối đại lộ Puginier (sau được đổi tên thành phố Dân Chủ Cộng Hoà, rồi đổi thành đại lộ Nguyễn Tri Phương, nay là phố Điện Biên Phủ) với đường Hippodrome (sau đổi tên thành đường Quán Ngựa, nay là phố Đội Cấn) được đổi thành đại lộ Giovaninelli (sau đổi tên thành phố Tôn Trung Sơn, rồi đổi thành đại lộ Tôn Thất Thuyết, nay là phố Lê Hồng Phong).

5. Đường số 44 nối phố Borgnis Desbordes (sau đổi tên thành phố Tràng Thi, rồi đổi thành phố Mỹ Quốc, nay lấy lại tên phố Tràng Thi) với đại lộ Gambetta (phố Trần Hưng Đạo) được mang tên phố Colomb (phố Phan Bội Châu).

6. Đường số 74, phần kéo dài của đại lộ Jauréguiberry sẽ được mang cùng tên đại lộ Jauréguiberry (phố Quang Trung).

7. Đường số 52 nối đại lộ Grand Bouddha (phố Quán Thánh) với đại lộ Carnot (phố Phan Đình Phùng) được mang tên phố Yên Thành (sau đổi tên thành phố Đỗ Hữu Vị và nay là phố Cửa Bắc).

8. Đường số 64 nối phố Tiên Tsin (sau được đổi tên thành phố Broni, rồi lấy lại tên phố Tiên Tsin, nay là phố Hàng Gà) với phố Citadelle (phố Đường Thành) được mang tên phố Feitshamel (phố Nhà Hoả).

9. Đường số 82 nối phố Tubercules (phố Hàng Khoai) với phố Graines (phố Hàng Đậu) được mang tên phố Durantou (sau được đổi tên thành phố Nguyễn Mậu Kiên, nay là phố Nguyễn Thiệp).

- Công văn ngày 8-9-1909 của Quyền Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương báo cáo về việc Hội đồng Thành phố Hà Nội quyết định đặt tên Duvillier (phố Nguyễn Thái Học) cho đường số 59 (đại lộ Borgnis Desbordes kéo dài).

- Trích biên bản cuộc họp ngày 31-7-1909 của Hội đồng Thành phố Hà Nội quyết định đặt tên Duvillier cho đường số 59 (đại lộ Borgnis Desbordes kéo dài).

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Trích biên bản cuộc họp ngày 26-6-1915 của Hội đồng Thành phố Hà Nội và công văn ngày 5-8-1915 của Phòng 1 thuộc Phủ Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương về việc đặt tên Fourès, Bonhour, Broni và Destenay cho một số phố của Thành phố Hà Nội.
- Công văn ngày 20-3-1919 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc đặt tên một số phố của Thành phố Hà Nội kèm theo biên bản cuộc họp ngày 27-2-1919 của Hội đồng Thành phố.
- Trích biên bản cuộc họp ngày 27-2-1919 của Hội đồng Thành phố Hà Nội thông qua việc đặt tên một số phố. Cụ thể:
 1. Đổi tên *dé Commerce* thành *dé Clémenceau* (gồm các phố Trần Nhật Duật, Trần Khánh Dư, Trần Quang Khải và Nguyễn Khoái).
 2. Đổi tên phố Bắc Ninh thành phố *Maréchal Pétain* (sau đổi tên thành phố Phan Thanh Giản và nay là phố Nguyễn Hữu Huân).
 3. Đổi tên đại lộ *Nationale* thành đại lộ *Van Vollenhoven* (phố Chu Văn An).
 4. Đổi tên phố *Est* thành phố *Maréchal Joffre* (phố Lý Nam Đế).
 5. Đổi tên phố *Concession* thành phố *Général Gallieni* (phố Phạm Ngũ Lão).
- Công văn ngày 7-7-1920 của quyền Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương về việc đổi tên một số phố kèm theo biên bản cuộc họp ngày 14-6-1920 của Hội đồng Thành phố Hà Nội.
- Trích biên bản cuộc họp ngày 14-6-1920 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc đổi tên phố *Nouvelle* thành phố *Gaston Hillaret* (sau đổi tên thành phố *Capitel Bruisseau*, rồi đổi thành phố Bùi Bá Kỳ, phố Kỳ Đống, nay là phố Tống Duy Tân).
- Công văn ngày 12-8-1920 của Toàn quyền Đông Dương gửi Thống sứ Bắc Kỳ về đơn của bà Mercier xin đặt tên của mẹ là bà Camille Autigeon cho một trong các phố của Hà Nội vì bà Autigeon đã có công trong việc phát triển ngành thêu ren ở Hà Nội và Bắc Kỳ.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

- *Trích biên bản cuộc họp ngày 25-10-1920 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc đặt tên bà Camille Autigeon cho một trong các phố của Thành phố Hà Nội (phố Đặng Tất).*

Và một số tài liệu khác...

RHD - 625

Publication d'un ouvrage géographique et ethnique sur le Tonkin 1906.

Xuất bản một cuốn sách địa lý và tộc người ở Bắc Kỳ 1906.

Hồ sơ có 9 tờ, gồm:

- Công văn ngày 17-1-1906 của Thống sứ Bắc Kỳ giải chỉ huy các đạo quan binh, Công sứ các tỉnh Bắc Kỳ (trừ Hải Dương) đề nghị hợp tác trong việc lập danh sách các xã, tổng, huyện, phủ và trung tâm hành chính của mỗi tỉnh nhằm xuất bản một cuốn sách địa lý, lịch sử và tộc người về Bắc Kỳ.
- Danh sách các xã thuộc huyện Hoàn Long, khu ngoại ô Hà Nội được lập vào tháng 2-1906. Bản danh sách này được viết bằng chữ Hán - Nôm, được dịch và in ra bằng chữ quốc ngữ và chữ Pháp.

J - 167

BAT, 1906, N° 4, p. 170-171.

Arrêté du 7 février 1906 du Résident supérieur du Tonkin autorisant le hameau de Đông du village de Yên Thái de la zone suburbaine de Hanoi à se constituer en commune distincte.

Nghị định ngày 7-2-1906 của Thống sứ Bắc Kỳ cho phép thôn Đông thuộc xã Yên Thái được lập thành một xã riêng và trực thuộc tổng Trung Tống, huyện Hoàn Long, khu ngoại ô Hà Nội.

RHD - 719

Erection du centre administratif de Thái Hà en centre urbain 1907-1908.

Lập trung tâm hành chính Thái Hà thành trung tâm đô thị 1907-1908.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Hồ sơ có 8 tờ, gồm:

- Công văn ngày 31-12-1907 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ đề nghị thông qua dự thảo nghị định lập trung tâm hành chính Thái Hà thành trung tâm đô thị (có dự thảo nghị định kèm theo).
- Công văn ngày 13-2-1908 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội về việc lập các loại thuế đô thị, thuế tài sản... ở khu ngoại ô Hà Nội khi lập trung tâm hành chính Thái Hà thành trung tâm đô thị.

Và một vài tài liệu khác...

RHD - 232/01

Rattachement le centre urbain proprement dit de Gia Lam à la zone sub-urbaine de la Ville de Hanoï 1908.

Sáp nhập trung tâm đô thị Gia Lâm vào khu ngoại ô Hà Nội 1908.

Hồ sơ có 5 tờ, gồm:

- Công văn ngày 22-4-1908 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội về việc sáp nhập trung tâm đô thị Gia Lâm vào khu ngoại ô của Thành phố Hà Nội do trung tâm hành chính Gia Lâm bị xoá bỏ và chuyển về phủ Thuận Thành.
- Dự thảo công văn số 330 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc quản lý các ao hồ và thuyền bè của trung tâm đô thị Gia Lâm.

RHD - 720

Liste des villages et hameaux de la zone suburbaine de Hanoï.

Danh sách các xã và thôn của khu ngoại ô Hà Nội.

Hồ sơ gồm 6 tờ trong danh sách các xã và thôn thuộc huyện Hoàn Long, khu ngoại ô Hà Nội. Ngoài tên chính thức được viết bằng chữ quốc ngữ và chữ Hán - Nôm, còn có cả tên tục của một số xã và thôn.

J - 181

BAT, 1913, N° 22, p. 1749-1750.

Arrêté du 12 novembre 1913 du Résident supérieur du Tonkin classant définitivement la ruelle de la Citadelle dans sa partie comprise entre la rue du Coton et la rue Nouvelle.

Nghị định ngày 12-11-1913 của Thống sứ Bắc Kỳ sắp xếp ngõ Citadelle (sau đổi tên thành phố Llonde, rồi đổi thành phố Cẩm Chi, phố Lương Văn Can, rồi lấy lại tên phố Cẩm Chi, nay là ngõ Hàng Bông). Theo Nghị định, ngõ Citadelle nằm giữa phố Coton (phố Hàng Bông) và phố Nouvelle (sau đổi tên thành phố Gaston Hillaret, rồi đổi tên thành các phố Capitel Buisseau, phố Bùi Bá Kỳ, phố Kỳ Đồng, nay là phố Tống Duy Tân).



J - 184

BAT, 1914, N° 2, p. 137. downloadsachmienphi.com

Arrêté du 17 décembre 1913 de l'Administrateur-Maire de la Ville de Hanoï supprimant l'emploi de chef de la rue de Phuong Vien et délimitant certaines rues de la Ville de Hanoï.

Nghị định ngày 17-12-1913 của Đốc lý Hà Nội xóa bỏ chức trưởng của các phố Phương Viên, Armand Rousseau và ấn định ranh giới của một số phố của Thành phố Hà Nội.

Theo Nghị định này, một phần của đại lộ Armand Rousseau (phố Lò Đúc) đoạn từ phố Pavie (phố Hàn Thuyên) đến đường Cimetière (sau được mang tên là phố Sergent Larrivée, nay là phố Nguyễn Công Trứ) được sáp nhập vào phố Đức Viên và một phần của đại lộ Doudart de Lagrée (phố Hàm Long) nằm giữa phố Pavie và đại lộ Đồng Khánh (sau đổi tên thành phố Triệu Quang Phục, rồi lấy lại tên đại lộ Đồng Khánh, nay là phố Hàng Bài) được sáp nhập vào phố Nhân Bắc.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

RST - 22439

Arrêté du Maire de la Ville de Hanoï portant la division la Ville de Hanoï en huit quartiers 1914.

Nghị định của Đốc lý Hà Nội chia Thành phố Hà Nội thành 8 khu 1914.

Theo Nghị định dự thảo trong tháng 5-1914 của Đốc lý Hà Nội (gồm 8 tờ), Thành phố Hà Nội được chia ra làm 8 khu. Nghị định cũng ấn định ranh giới giữa các khu trong Thành phố.

J - 185

BAT, 1914, N° 16, p. 1441-1447.

Arrêté du 17 juillet 1914 du Maire de la Ville de Hanoï divisant la Ville de Hanoï en huit quartiers.

Nghị định ngày 17-7-1914 của Đốc lý Thành phố Hà Nội chia Thành phố ra làm 8 khu và ấn định ranh giới giữa các khu.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

RST - 81413

Suppression du poste administratif de la zone suburbaine de et rattachement du huyện de Hoan Long à la province de Hadong 1914.

Xoá bỏ trụ sở hành chính của khu ngoại ô Hà Nội và sáp nhập huyện Hoàn Long vào tỉnh Hà Đông 1914.

Hồ sơ gồm Nghị định ngày 10-12-1914 của Toàn quyền Đông Dương xoá bỏ khu ngoại ô Hà Nội kể từ ngày 1-1-1915 với tư cách là một đơn vị hành chính riêng đặt dưới quyền của Công sứ - Đốc lý Thành phố Hà Nội, xoá bỏ trụ sở hành chính của khu ngoại ô và sáp nhập địa hạt của huyện Hoàn Long vào tỉnh Hà Đông.

17 août 1914

BULLETIN ADMINISTRATIF DU TONKIN

1441

N^o 791. — ARRÊTÉ *divisant la ville de Hanoi en huit quartiers.*

(Du 17 juillet 1914.)

L'Administrateur-Maire de la ville de Hanoi.

Vu le décret du 11 juillet 1908 ;
 Vu l'arrêté du 1^{er} juillet 1904, divisant la ville de Hanoi en huit quartiers ;
 Vu l'arrêté du 7 juillet 1914, réorganisant les chefs de rues et de quartiers ;
 Vu l'arrêté du Gouverneur général, en date du 14 avril 1914, établissant l'état civil indigène dans la ville de Hanoi,


downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LƯU TRỮ VN

Nghị định ngày 17-7-1914 của Đốc lý Thành phố Hà Nội chia Thành phố ra làm 8 khu.

J - 185.

ARRÊTÉ :

Article premier. — La ville de Hanoi est divisée en huit quartiers :

Le premier quartier a pour limites :

La digue de Yên-phu, du pont Doumer à la limite Nord de la ville (poste de police du Blockhaus-Nord); la digue de Trân-vu ou digue des deux lacs. Le boulevard Carnot. La rue de l'Est, du boulevard Carnot à la rue du Cuivre. La rue du Cuivre. La rue Jean-Dupuis et la rue des Nattes en jonc. Le quai du Commerce, de la rue Jean-Dupuis au pont Doumer.

Sont comprises dans les limites du 1^{er} quartier les voies ci-après désignées :

La rue de l'Est, de la rue du Cuivre prolongée au boul. Carnot. Le boulevard Henri d'Orléans, de la rue du Cuivre prolongée au boul. Carnot. La rue de Takou. La rue des Vers blancs, de la rue du Cuivre à la rue du Sông-ô-lich. La ruelle de Ngo-ngang. La rue du Sông-ô-lich. La ruelle de Tu-vi. La rue du Riz. La rue du Papier. La rue des Tubercules. Les voies 24 et 25. La rue Duranton. Les voies 27 et 30. La rampe d'accès au pont Doumer. La rue des Graines. Le boul. Carnot dans toute son étendue. Le quai du Commerce, de la rue des Nattes en jonc au pont Doumer. La digue de Yên-phu, du pont Doumer à la limite de la ville (poste de police du Blockhaus-Nord). La rue du Charbon. Les voies 34 et 91. L'avenue du Grand-Bouddha. La rue de l'Hôpital chinois. Les voies 33 et 89. La voie 57. La rue des Vermicelles. Les voies 90 et 36. La voie 52. La rue de Yên-thanh. La rue du Blockhaus-Nord. Les voies 92, 93, 96 et 98. La rue du Marché neuf. Le village de Nam-trang. La rue de la Briqueterie. Les voies 101 et 102. La digue de Trân-vu ou des deux lacs. La voie 97. Toutes les agglomérations indigènes comprises entre ces différentes voies.

Est également rattachée au 1^{er} quartier la partie du banc de sable comprise entre la rue Jean-Dupuis et le poste de police du Blockhaus-Nord.

Le deuxième quartier a pour limites :

Le boulevard Félix-Faure, de l'avenue Puginier au boulevard Henri d'Orléans. L'avenue Puginier, de la rue du Coton au boulevard Félix-Faure. La rue de l'Est, du boulevard Henri

17 août 1914

BULLETIN ADMINISTRATIF DU TONKIN

1443

d'Orléans à la rue du Cuivre prolongée. La rue du Cuivre. La rue de la Soie. La rue des Cantonnaires. La rue du Sucre. La rue du Chanvre et la rue du Coton jusqu'à l'avenue Puginier.

Les voies comprises dans les limites du 2^e quartier sont les suivantes :

L'avenue Puginier, de la rue du Coton à l'avenue Félix-Faure. L'avenue Félix-Faure, de l'avenue Puginier au boulevard Henri d'Orléans. La rue du Général de Badens. La voie nouvelle. L'impasse de la Citadelle. Le boulevard Henri d'Orléans, de la rue du Coton à la rue du Cuivre. La ruelle de Ha-trung. La voie 23. La voie 85. La rue des Cuirs. La rue de la Citadelle. L'avenue du Général Bichot. La rue Feitshamel. La ruelle de Yên-thai. La ruelle de Tam-thuong. La rue des Stores. La rue des Caisses. La ruelle de Tô-tich. La ruelle de Hàng-chi. La ruelle de Thuận-nv. La voie 19, de la rue du Chanvre à la rue des Eventails. La voie 22, de la rue du Chanvre à la rue des Paniers. La rue des Eventails. La rue des Balances. La rue de la Laque. La rue des Chapeaux. La rue des Pipes. La rue des Ferblantiers. La rue des Paniers. La rue vieille des Tasses. La rue des Médicaments. La rue du vieux Marché. La rue de Hàng-mun. La rue des Tasses. La rue des Etoffes. La rue des Phuc-kiên. La rue de Tien-Tsin. La rue des Vers-blanc, de la rue des Etoffes à la rue du Cuivre. La rue de la Poissonnerie. La rue de Forgerons. La rue du Coton. La rue du Chanvre. La rue de la Soie. La rue des Cantonnaires. La rue du Sucre. La voie 20 de la voie 19 à la rue de la Soie. La voie 21 de la rue de la Soie à la rue des Eventails.

Le troisième quartier a pour limites :

Le boulevard Francis Garnier, de la rue du Chanvre à la rue Fellonneau. Le quai du Commerce, de la rue Fellonneau à la rue des Nattes en jonc. La rue des Nattes en jonc. La rue Jean Dupuis. La rue du Sucre. La rue des Cantonnaires. La rue de la Soie.

Sont comprises dans les limites du 3^e quartier les voies ci-après désignées :

Boulevard Francis Garnier, de la rue de la Soie à la rue Fellonneau. La rue Fellonneau. La rue du Lac. La rue de la Philharmonique. La rue du Pont en bois. La rue des Seaux. La rue de Foutchéou. La rue Odend'hal.

La rue Nguyễn-trong-Hiệp. La rue des Radeaux. La rue de Bac-ninh. La rue des Bambous. La voie n° 20 de la rue de la Soie à la rue Tirant. La rue Tirant. La voie 20 de la rue Tirant au quai du Commerce. La ruelle de Chung-yên. La voie n° 17. La rue des Changeurs. La rue de la Saumure. La ruelle de Phât-lôc. La rue du Sel. La ruelle de Hai-thuong. La voie 23. La voie 16. La rue des Pavillons noirs. La ruelle de Sâm-công. La ruelle des Pavillons noirs. L'impasse de Sâm-công. La rue des Vases. La ruelle de Nôi-miêu. La rue des Voiles. La ruelle de Dòng-thai. La rue des Briques. La place du Commerce. La rue de L'ancien Canal. La ruelle de Thanh-hà. L'impasse de la filature. La voie 24 jusqu'à la voie 26.

Le quatrième quartier a pour limites :

La rue du Coton. La rue du Chanvre. Le boulevard Francis Garnier jusqu'à la rue Fellonneau. La rue Fellonneau. Le quai du Commerce, de la rue Fellonneau à la rue de France. La rue Paul Bert. La rue Borgnis Desbordes.

Les voies comprises dans les limites du 4^e quartier sont les suivantes :

Le quai du Commerce, de la rue de France à la rue Fellonneau. La rue de France. La voie 75. La rue et le passage de la Chaux. La rue du Capitaine Labrousse. La rue Leclanger. La rue de la Banque. La rue Paul Bert. Le boulevard Henri Rivière de la rue Paul Bert à la rue de la Chaux. La rue de l'Intendance. L'avenue Chavassieux. L'avenue Dominé. Le boulevard Amiral Courbet. La rue Balny. Le boulevard Francis Garnier, de la rue Paul Bert à la rue Fellonneau. L'avenue Beauchamp. La rue Potier. La rue Jules Ferry. La ruelle des Oignons. La voie 19, de l'avenue Beauchamp à la rue du Chanvre. L'avenue de la Cathédrale. La rue de la Mission. L'impasse de l'Imprimerie. La rue Julien Blanc. La rue Richaud, de la rue Borgnis Desbordes à la rue du Coton. La ruelle de Hôi-vu.

Le cinquième quartier a pour limites :

La digue, de la rue de France à la limite Sud de la Ville. Le boulevard Doudart de Lagrée, du boulevard Henri Rivière jusqu'au boulevard Gia-long. Les hameaux de Phuc-cò,

Giao-phong, Phuc-lâm et Hào-ma. — La limite Sud de la ville. La rue Paul Bert et la rue de France.

Les rues et voies comprises dans les limites du 5^e quartier sont les suivantes :

Le quai, de la rue de France à la limite de la ville. La rue de la Concession. La rue Laubarède. Le boulevard Bobillot. La rue de l'Ecole de Médecine. Le boulevard Cambetta, du boulevard Gia-long à l'Hôpital de Lanessan. La rue Pavie. Le boulevard Doudart de Lagrée. Le boulevard Henri Rivière, du boulevard Doudart de Lagrée à la rue Paul Bert. Le boulevard Rialan. La rue de la Sapequerie. La rue Dutreuil de Rhins. La rue de Vong-duc. — Les villages de Đông-nhân, de Co-xa-nam et de Luong-yên.

Est également rattachée au 5^e quartier la partie du banc de sable comprise entre la digue Fellonneau et la limite Sud de la ville.

Le sixième quartier a pour limites :

Le lac de Tây-hồ de la route du village de Papier à la limite de la ville. Le boulevard Carnot. L'avenue Puginier de la rue du Coton à la voie 52. La rue de l'Est. La rue Borgnis Desbordes. Le boulevard Gia-long jusqu'au boulevard Gambetta. Le boulevard Gambetta, du boulevard Gia-long à la Gare. La route Mandarine, du boulevard Gambetta au boulevard Carreau. La digue limite Sud de la ville, de la Gare à la Zone suburbaine. La limite Ouest de la ville, de la Zone suburbaine à la route du village du Papier.

Les voies comprises dans les limites du 6^e quartier sont les suivantes :

Le boulevard Gambetta, du boulevard Gia-long à la Gare. La voie 74 et le boulevard Jauréguiberry. La rue des Teinturiers. La rue du Palais de Justice. La rue de la Prison. La rue Richaud, du boulevard Gambetta à la rue Borgnis Desbordes. La rue de Colomb. La route Madarine, de la Gare à l'avenue Puginier. Le boulevard Rollandes, du boulevard Gia-long à la route Mandarine. Le boulevard Carreau, du boulevard Gia-long à la route Mandarine. La rue Neyret. L'avenue Puginier. La voie 52, du boulevard Félix Faure au boulevard Carnot. L'avenue Victor Hugo. L'avenue Nationale (voie 54). L'avenue Brière de l'Isle (voie 55).

La digue Parreau, de l'avenue Carnot à la limite de la ville. La route du village du Papier, du boulevard du Grand Bouddha à la limite de la ville. la voie 60. La route de Son-tây, partie de la ville. La rue de Tuyên-quang. La rue Duvillier (voie 56). La rue de Sinh-tu. La route du Cáu-do, de la voie 54 à la limite de la ville. Les voies non dénommées et les groupements d'habitations compris entre l'avenue Brière de l'Isle et la limite Ouest de la ville. Les hameaux de Nam-ngu, de Vinh-an, de Luong-su, de Thanh-giam, de Ngoc-thach et de Thuy-khue avec toutes leurs dépendances.

Le septième quartier a pour limites :

Le boulevard Gambetta, de la route Mandarine à la voie 74. La voie 74, du boulevard Jauréguiberry, à la voie 68. La 68 de la voie 74 à la voie 77. La voie 77, de la voie 68 à la voie 70. La voie 70 de son terminus à la voie 83. La voie 83. Les hameaux de Yên-nhật, Phuc-lâm et Vân-hồ. La ligne limite Sud de la ville, du village de Vân-hồ, à l'étang de Bảy-mâu. La route de Nam-dinh et la route Mandarine, de la limite Sud de la ville à la Gare.

Les voies et groupements indigènes compris dans les limites du 7^e quartier sont les suivants :

Les hameaux de Liên-my, Tuyên-quang, Kim-liên et Huu-iô. L'étang de Bảy-mâu. La route de Nam-dinh et la route Mandarine, de la limite Sud de la ville à la Gare. La voie 74, de la voie 68 au boulevard Gambetta. La voie 77. Les voies 68, 69, 70 et 71 jusqu'à la voie 83 et son prolongement.

Le huitième quartier a pour limites :

La voie 74. Le boulevard Gambetta, de la voie 74 au boulevard Gia-long. Le boulevard Gia-long, du boulevard Gambetta à la voie 81. Le boulevard Doudart de Lagrée, du boulevard Gia-long, au boulevard Henri Rivière. Les villages de Giao-phuong, Hoa-ma, Đông-nhân, Cam-hôi et Tinh-yên. La ligne limite Sud de la ville du village de Tinh-yên à l'étang de Bảy-mâu. La voie 83 et son prolongement jusqu'à la voie 68.

Les voies et hameaux compris dans les limites du 8^e quartier sont les suivants :

Les voies 68, 69, 70, 71, 75, 76, 78, 79, 80, 81, 83. La route de Hué. Les hameaux de Giao-phuong, Đông-tân, Yên-nhật, Phuc-cô, Vân-hồ, Tinh-yên, Phuc-lâm et Hoa-ma.

17 août 1914

BULLETIN ADMINISTRATIF DU TONKIN

1447

Art. 2.— L'Administrateur Chef du Secrétariat de la Mairie est chargé de l'exécution du présent arrêté.

Hanoi, le 17 juillet 1914.

LOGEROT.

Approuvé :

Hanoi, le 23 juillet 1914.

Le Résident supérieur p. i. au Tonkin.

RIVET.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

L U U T R U V N

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

RST - 38314

Rattachement de la zone suburbaine de Hanoï à la province de Hadong 1914.

Sáp nhập khu ngoại ô Hà Nội vào tỉnh Hà Đông 1914.

Hồ sơ có 7 tờ, gồm:

- Công văn ngày 16-12-1914 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc sáp nhập trung tâm hành chính Thái Hà vào tỉnh Hà Đông.
- Công văn ngày 17-12-1914 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội về việc giải quyết vấn đề nhân sự của trung tâm hành chính Thái Hà khi sáp nhập trung tâm này vào tỉnh Hà Đông.

J - 336

BMHN, 1919, N° 4, p. 322-324.



- Trích biên bản cuộc họp ngày 26-5-1919 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc đặt và đổi tên một số phố.
- Đặt tên Fourès thay cho phố Intendance (phố Fourès sau đổi tên thành phố Tô Hiến Thành, nay là phố Đinh Lễ).
- Đặt tên Broni thay cho phố Tiên - Tsin (phố Broni sau lấy lại tên phố Tiên-Tsin rồi đổi sang tên phố Hàng Gà).
- Đặt tên Destenay thay cho phố France (phố Destenay sau đổi tên thành phố Cao Thắng, nay là phố Nguyễn Cảnh Chân).
- Đặt tên Bonhoure thay cho phố Banque (phố Bonhoure sau đổi tên thành phố Lục Tỉnh rồi sáp nhập vào phố Dominé thành phố Lê Lai).
- Đặt tên Rondony thay cho phố Foutchéou (phố Rondony sau đổi tên thành phố Bình Chuẩn rồi sáp nhập vào phố Seaux thành phố Hàng Thùng).
- Đặt tên phố Raffenel (phố Phan Huy Chú) thay cho phố Ecole de Médecine.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

- Đặt tên *Lagisquet* (phố *Chân Cầm*) thay cho phố *Imprimerie*.
- Đặt tên *Lambert* (phố *Dã Tượng*) thay cho phố *Palais de Justice*.
- Đặt tên *Jouhaux* thay cho đường số 81 (phố *Jouhaux* sau đổi tên thành phố *Khuông Việt*, nay là phố *Ngô Văn Sở*).
- Đặt tên *Wiélé* thay cho đường số 71 (phố *Wiélé* sau đổi tên thành phố *Tô Hiệu*, nay là phố *Tô Hiến Thành*).
- Đặt tên *Lamblot* thay cho phố *Mission* (phố *Lamblot* sau đổi tên thành phố *Nhà Chung*, nay là phố *Lý Quốc Sư*).
- Đặt tên *Đỗ Hữu Vị* (phố *Cửa Bắc*) thay cho phố *Yên Thành*.
- Đặt tên *Cao Đắc Minh* thay cho phố *Thanh Oai* (phố *Cao Đắc Minh* sau đổi tên thành phố *Sĩ Nhiếp*, nay là phố *Văn Miếu*).
- Đặt tên *Charron* thay cho đường số 79 (phố *Charron* sau đổi tên thành phố *Lê Bình*, nay là phố *Mai Hắc Đế*).
- Đặt tên *Chanceaulme* thay cho đường số 78 (phố *Chanceaulme* sau đổi tên thành phố *Galet* rồi đổi thành phố *Bùi Quang Trinh*, nay là phố *Triệu Việt Vương*).
- Đặt tên *Bourret* (phố *Ngõ Trăm*) thay cho đường số 32.
- Đặt tên *Combanère* (phố *Hàng Bút*) thay cho phố *Hàng Mụn* (phố *Chiffons*).
- Đặt tên *Delorme* (phố *Trần Bình Trọng*) thay cho phố *Commisariat Central*.
- Đặt tên *Duvigneau* thay cho đường số 80 (phố *Duvigneau* sau đổi tên thành phố *Minh Khai* rồi đổi tên thành phố *Huyền Trân Công Chúa*, nay là phố *Bùi Thị Xuân*).
- Đặt tên *Dieulefils* thay cho phố *Marché Neuf* (phố *Dieulefils* sau sáp nhập với đường số 94 thành phố *Đặng Dung*).
- Đặt tên *Jambert* (phố *Nguyễn Trường Tộ*) thay cho đường số 34.
- Đặt tên *Goussard* thay cho đường số 70 (phố *Goussard* sau đổi tên thành phố *Thái Phiên*, rồi đổi tên thành phố *Chợ Đuối*, nay là phố *Tuệ Tĩnh*).

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Đặt tên *Riquier* thay cho đường số 68 (phố *Riquier* sau sáp nhập với các phố *Dufourcq* và *Charles Halais* thành phố *Nguyễn Du*).
- Đặt tên *Bourrin* thay cho đường số 36 (phố *Bourrin* sau sáp nhập với phố *Galet* thành phố *Yên Ninh*).
- Đặt tên *Bovet* (phố *Yết Kiêu*) thay cho phố *Exposition*.
- Đặt tên *Llonde* thay cho ngõ *Citadelle* (phố *Llonde* sau được đổi tên thành phố *Cấm Chi*, phố *Lương Văn Can*, rồi lấy lại tên phố *Cấm Chi*, nay là ngõ *Hàng Bông*).

J - 338

BMHN, N° 2, 1920, p. 58-61.

Trích biên bản cuộc họp ngày 5-2-1920 của Hội đồng Thành phố Hà Nội thông qua đơn của Chủ tịch Hội Bảo vệ ký ức Pháp ở Bắc Kỳ yêu cầu đặt tên phố *Sergent Larivière* (phố *Nguyễn Công Trứ*) thay cho phố *Cimetière*.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

J - 338

BMHN, 1920, N° 2, p. 75-77.

Trích biên bản cuộc họp ngày 5-2-1920 của Hội đồng Thành phố Hà Nội thông qua đơn của Chủ tịch Hội Bảo vệ ký ức Pháp ở Bắc Kỳ yêu cầu đặt tên đường *Souvenir* thay cho đường *Sơn Tây*, đoạn nằm trong địa phận của Thành phố Hà Nội.

J - 338

BMHN, 1920, N° 7, p. 337-347.

Trích biên bản cuộc họp ngày 14-6-1920 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về một số đề nghị của Chủ tịch Hội Bảo vệ ký ức Pháp tại Bắc Kỳ đặt và đổi tên một số phố trong Thành phố Hà Nội. Cụ thể:

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

1. Đề nghị thay tên Hulet cho phố Radeaux (phố Hàng Bè).
2. Đề nghị thay tên Julie Blanchart cho phố Briques (phố Ngõ Gạch).
3. Đề nghị thay tên Gaston Hillaret cho phố Nouvelle (phố Tổng Duy Tân).
4. Đề nghị thay tên phố Chabert cho phố Cuirs (phố Hàng Da).
5. Đề nghị giữ nguyên tên các phố Fou-Tcheou, Tiên Tsin và France.

J - 344

BMHN, 1923, N° 5, p. 308-309 et 318-320.

Trích biên bản cuộc họp ngày 23-5-1923 của Hội đồng Thành phố Hà Nội đặt và đổi tên một số phố. Cụ thể:

1. Đặt tên Lucien de Reinach (phố Trần Quốc Toàn) cho đường số 76. Đường số 76 là đường nối đường Huế với đường Mandarine (một đoạn đường Lê Duẩn).
2. Phố Mission (phố Nhà Chung) đã được đổi tên thành phố Lamblot tại phiên họp của Hội đồng ngày 26-5-1919 nay đổi trả lại tên cũ cho đoạn nằm giữa phố Borgnis Desbordes (phố Tràng Thi) và phố Cathédrale (phố Nhà Thờ).

J - 349

BMHN, 1926, N° 5, p. 351.

Báo cáo ngày 24-4-1926 của Đốc lý Hà Nội được Hội đồng Thành phố thông qua trong phiên họp ngày 14-5-1926 về việc đặt tên phố Charles Coulier (sau đổi tên thành phố Tích Quang, nay là phố Khúc Hạo) cho đường số 132. Đường này nằm giữa đại lộ Félix Faure (sau sáp nhập với phố Maréchal Galliéni thành phố Hàm Nghi, nay là phố Trần Phú) và đại lộ Giovaninelli (phố Lê Hồng Phong).

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

RST - 78691

Attribution et dénomination des rues de la Municipalité de Hanoï 1926-1943.

Về việc đặt tên phố của Thành phố Hà Nội 1926-1943.

Hồ sơ có 82 tờ, gồm:

- Trích biên bản cuộc họp ngày 14-5-1926 của Hội đồng Thành phố Hà Nội thông qua việc đặt tên phố Coulier (phố Khúc Hạo) cho đường số 132.
- Công văn ngày 1-6-1926 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương về việc đặt tên phố Coulier cho đường số 132.
- Trích biên bản cuộc họp ngày 24-8-1927 của Ủy ban Thành phố Hà Nội về việc đặt tên phố Jean Soler cho một trong các phố của Thành phố Hà Nội.
- Trích biên bản ngày 21-11-1927 của Hội đồng Thành phố Hà Nội thông qua việc đặt tên Jean Soler cho một phần của phố Teinturiers (phố Thợ Nhuộm), đoạn nằm giữa phố Gambetta (phố Trần Hưng Đạo) và phố Richaud (phố Quán Sứ).
- Trích biên bản cuộc họp ngày 26-5-1930 của Hội đồng Thành phố Hà Nội thông việc đặt tên Pouligo, Pescadores và Baronna cho một số phố của Thành phố Hà Nội. Cụ thể:
 - Đại lộ Bobillot kéo dài (phố Lê Thánh Tông kéo dài) được đổi thành đại lộ Pouligo (sau đổi tên thành phố Hồng Đức, nay là phố Trần Thánh Tông).
 - Đường số 113 xuất phát từ đại lộ Armand Rousseau (phố Lò Đúc) đến đường Huế được đổi thành phố Pescadores (phố Phù Đồng Thiên Vương).
 - Đường số 154 chạy quanh viện Pasteur được đổi thành phố Baronna (sau gộp với phố Trạng Trình thành phố Nguyễn Huy Tự, nay là phố Liên Trì).

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

• Công văn ngày 30-12-1931 của Đốc lý Hà Nội gửi các uỷ viên Hội đồng Thành phố Hà Nội xin ý kiến về việc đặt tên phố Henri de Monpezat cho đường số 138.

• Trích biên bản ngày 26-2-1931 của Hội đồng Thành phố Hà Nội thông qua việc đặt tên một số phố của Thành phố Hà Nội. Theo biên bản:

1. Đường số 9 được đổi thành phố Trạng Trình (sau đổi tên thành phố Đoàn Như Hải, nay là ngõ Đoàn Như Hải).

2. Đường số 33 được đổi thành phố Deydier (sau đổi tên thành phố Lê Hữu Cảnh, rồi đổi thành phố Bùi Viện, nay là phố Phan Huy Ích).

3. Đường số 90 được đổi thành phố Galet (sau đổi thành ngõ Sầm Công, rồi đổi thành phố Ngô Văn Sở, phố Tôn Thất Yên, nay là ngõ Đào Duy Từ)

4. Đường số 92 được đổi thành phố Trần Hưng Đạo (phố Ngũ Xã)

5. Đường số 96 được đổi thành phố Nguyễn Công Trứ (sau sáp nhập với phố Antoine Bonnet thành 1 đoạn phố Châu Long ngày nay).

6. Đường số 107 được đổi thành phố Mạc Đĩnh Chi.

7. Đường số 139 được đổi thành phố Leblois (phố Lê Trực).

8. Đường số 142 được đổi thành phố Mangin (phố Ông Ích Khiêm).

9. Đường số 255 được đổi thành phố Lý Thường Kiệt (phố Ngô Sĩ Liên)

10. Đường số 257 được đổi thành phố Đinh Tiên Hoàng (phố Trần Quý Cáp).

11. Phố Briqueterie được đổi thành phố Madame Autigeon (phố Đặng Tất).

12. Phố Pavillons Noirs được đổi thành phố Đào Duy Từ (phố Mã Mây).

13. Phố Gia Long kéo dài được đổi thành phố Lê Lợi (một đoạn phố Bà Triệu).

14. Phố Lê Lợi được đổi thành phố Lê Quý Đôn (phố Lương Văn Can)

15. Đường số 83 được đổi thành phố Résident Morel (sau đổi tên thành phố Mạc Đình Chi, nay là phố Bà Huyện Thanh Quan).

• Trích biên bản cuộc họp ngày 28-2-1933 của Hội đồng Thành phố Hà Nội thông qua việc đặt tên phố cho một số phố của Thành phố Hà Nội. Theo biên bản:

1. Đường số 170^{bis} được đổi thành phố Paul Simoni (sau đổi tên thành phố Huân Quyền, nay là phố Nguyễn Quyền).

12. Đường số 155 được đổi thành phố Elie Groleau (sau đổi tên thành phố Một Cột, nay là phố Chùa Một Cột).

• Công văn ngày 6-8-1941 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội về việc đồng ý đổi tên một số phố và quảng trường của Hà Nội.

• Nghị định ngày 10-9-1941 của Toàn quyền Đông Dương đổi tên một số phố và quảng trường của Thành phố Hà Nội. Theo Nghị định:

1. Phố số 1 được đổi thành phố Hautefeuille (sau đổi tên thành phố Đặng Đình Nhân, nay là phố Đỗ Hành).

2. Phố số 2 được đổi thành phố Hà Văn Ký (sau đổi tên thành phố Đỗ Quyên, nay là phố Vũ Lợi).

3. Phố số 218 được đổi thành phố Maurice Graffeuil (sau đổi tên thành phố Đặng Trần Côn, nay là phố Bích Câu).

4. Phố số 219 được đổi thành phố Alexandre de Rhodes (sau đổi tên thành phố Bích Câu, nay là phố Đặng Trần Côn).

5. Phố số 220 được đổi thành phố Auguste Tholance (phố Đoàn Thị Điểm).

6. Phố số 113^{bis} được đổi thành phố Alfred Logerot (sau đổi tên thành phố Hoà Mã, nay là phố Phùng Khắc Khoan).

7. Đại lộ République chạy qua Cầu lạc bộ Thể thao được đổi thành đại lộ Honoré Tissot (sau đổi tên thành đại lộ Dân Quyền, nay là phố Hoàng Văn Thụ).

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

- Trích biên bản cuộc họp ngày 25-2-1943 của Hội đồng Thành phố Hà Nội thông qua việc đặt tên phố Nguyễn Du.

- Nghị định ngày 1-4-1943 của Toàn quyền Đông Dương về việc đặt và đổi tên một số phố. Cụ thể:

1. Phố số 202, đoạn từ đường Huế đến đường Mandarine (một đoạn đường Lê Duẩn) được đổi thành phố Nguyễn Du.

2. Phố Nguyễn Du cũ được sáp nhập vào phố Tirant (phố Gia Ngư).

3. Phố số 163, đoạn từ ranh giới phía nam của Viện Pasteur đến đại lộ Armand Rousseau (phố Lò Đúc) được đổi thành phố Jourdran (sau đổi tên thành phố Nguyễn Thị Bình, rồi đổi thành phố Chu Mạnh Trinh, nay là phố Nguyễn Cao).

Và một số tài liệu khác...



J - 352

BMHN, 1927, N^o 11, p. 678.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Báo cáo ngày 15-11-1927 của Đốc lý Hà Nội được Hội đồng Thành phố Hà Nội thông qua trong phiên họp ngày 21-11-1927 về việc đặt tên phố Jean Soler cho một đoạn phố của phố Teinturiers (phố Thợ Nhuộm). Đoạn phố này nằm giữa đại lộ Gambetta (phố Trần Hưng Đạo) và phố Richaud (phố Quán Sứ).

J - 353

BMHN, 1928, N^o 3, p. 171-173.

Báo cáo ngày 25-2-1928 của Đốc lý Hà Nội được Hội đồng Thành phố thông qua trong phiên họp ngày 27-2-1928 về việc đặt và đổi tên một số phố. Cụ thể:

1. Đặt tên phố Colonel Ollivier (sau đổi tên thành phố Hạnh Phúc, nay là phố Tôn Thất Đàm) cho đường số 134. Đường này nằm giữa phố Puginier (phố Điện Biên Phủ) và Bichot (phố Cửa Đông).

2. Đặt tên phố Aspirant Moulun cho đường số 135. Đường này nằm giữa phố Van Vollenhoven (phố Chu Văn An) và Bichot (phố Cửa Đông).
3. Đặt tên phố Beau (phố Nguyễn Chế Nghĩa) cho đường số 131. Đường này nằm giữa đại lộ Brière de l'Isle (phố Hùng Vương) và đại lộ Victor Hugo (phố Hoàng Diệu).
4. Đặt tên Destenay (phố Nguyễn Cảnh Chân) cho đại lộ Van Vollenhoven. Đại lộ này nằm giữa phố République (phố Hoàng Văn Thụ) và đại lộ Carnot (phố Phan Đình Phùng).
5. Đặt tên Soeur Antoine cho đại lộ Van Vollenhoven kéo dài, đoạn từ phố Duvillier (phố Nguyễn Thái Học) đến ranh giới của Thành phố (phố Soeur Antoine sau đổi tên thành phố Hàng Bột, nay là phố Tôn Đức Thắng).
6. Đặt tên Bảng Nhớn Đôn (phố Hàng Cháo) cho đường số 206. Đường này nằm giữa phố Duvillier và đại lộ Van Vollenhoven kéo dài.
7. Đặt tên phố Hai Bà Trưng (phố Deux Soeurs) cho đường số 97, đường này sẽ được lập xung quanh hồ Trúc Bạch (phố Deux Soeurs sau được sáp nhập với đường số 95 và một đoạn đường số 96 thành phố Trúc Bạch năm 1951, nay là 1 đoạn phố Trúc Bạch).
8. Đặt tên dê Lyautey cho đường số 100. Đường này là con dê chia cắt hồ Trúc Bạch và hồ Tây (dê Lyautey sau đổi tên thành đường Cổ Ngư, nay là đường Thanh Niên).
9. Đặt tên Emile Nolly (phố Phạm Hồng Thái) cho đường số 89. Đường này nằm giữa phố Charbon (phố Hàng Than) và hồ Trúc Bạch.
10. Đặt tên Tiên Quân Thành cho đường số 88. Đường này chạy ngang phố Hàng Than (phố Tiên Quân Thành sau đổi tên thành phố Sứ Nhu, nay là phố Nguyễn Khắc Nhu).
11. Đặt tên phố Hillaret cho đường số 20. Đường này nằm giữa phố Radeaux (phố Hàng Bè) và dê Clémenceau (phố Trần Quang Khải)

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

(phố Hillaret sau đổi thành phố Bạch Thái Bưởi, nay là ngõ Nguyễn Hữu Huân).

12. Đặt tên phố Lataste cho đường số 23. Đường này nằm giữa phố Jean Dupuis (phố Hàng Chiếu) và phố Changeurs (phố Hàng Bạc). Phố Lataste sau sáp nhập với phố Nguyễn Duy Hàn thành phố Hàng Giấy.

13. Đặt tên phố Lepage (phố Nguyễn Thiện Thuật) cho đường số 23 kéo dài. Đường này nằm giữa phố Jean Dupuis và phố Tubercules (phố Hàng Khoai).

14. Đặt tên phố Leblanc (phố Gầm Cầu) cho đường số 27. Đường này nằm giữa đại lộ Henri d'Orléans (phố Phùng Hưng) và dé Clémenceau (đường Trần Nhật Duật).

15. Đặt tên phố Grappin (phố Cao Thắng) cho đường số 254. Đường này sẽ lập trong năm 1928 và nằm giữa đường số 23 và dé Clémenceau.

16. Đặt tên phố Nguyễn Duy Hàn cho đường số 23 kéo dài. Đường này nằm giữa phố Jean Dupuis và phố Changeurs (phố Nguyễn Duy Hàn sau sáp nhập với phố Lataste thành phố Hàng Giấy).

17. Đặt tên Lê Lợi cho đường số 19. Đường này là phố Hàng Cân kéo dài (phố Lê Lợi sau đổi tên thành phố Lê Quý Đôn, nay là phố Lương Văn Can).

18. Đặt tên phố Nguyễn Du cho đường số 20. Đường này nằm giữa đường số 19 và phố O'Dendhal (phố Đinh Liệt). Phố Nguyễn Du sau sáp nhập với phố Tirant thành phố Gia Ngư ngày nay.

19. Đặt tên Án Sát Siêu cho phố Hàng Gạch. Phố này nằm giữa đường số 23 và phố Ancien Canal (sau sáp nhập với phố Đào Duy Từ). Phố Án Sát Siêu sau đổi tên thành phố Phương Đình, nay là phố Nguyễn Siêu.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

20. Đặt tên Nguyễn Trãi cho đường số 85. Đường này nằm giữa đại lộ Henri d'Orléans và phố Citadelle (phố Đường Thành). Phố Nguyễn Trãi sau đổi tên thành phố Phan Thanh, nay là phố Nguyễn Văn Tố).

21. Đặt tên Phạm Phú Thứ (phố Hội Tin Lành) cho đường số 114. Đường này nằm giữa đại lộ Henri d'Orléans và phố Bourret (phố Ngõ Trạm).

22. Đặt tên Etienne Géraud (phố Tạ Hiện) cho đường số 16. Đường này nằm giữa phố Changeurs và phố Voiles (phố Hàng Buồm).

23. Đặt tên phố Galet (phố Lương Ngọc Quyến) cho đường số 18. Đường này nằm giữa phố Pétain (phố Nguyễn Hữu Huân) và đường số 23.

24. Đặt tên Charles Halais (một đoạn phố Nguyễn Du) cho đường số 172. Đường này sẽ được lập nằm giữa phố Delorme (phố Trần Bình Trọng) kéo dài và đại lộ Jauréguiberry (phố Quang Trung).

25. Đặt tên André Robert (phố Trương Hán Siêu) cho đường số 77. Đường này xuất phát từ phố Jouhaux (phố Ngô Văn Sở) đến phố Riquier (một đoạn phố Nguyễn Du).

26. Đặt tên phố Chapuis (phố Trần Bình Trọng) cho đường số 171. Đường này nằm quanh hồ Thiên Quang.

27. Đặt tên phố Mongrand (phố Nguyễn Thượng Hiền) cho đường số 170. Đường này nằm giữa đường Mandarine (một đoạn đường Lê Duẩn) và đường số 171.

28. Đặt tên phố Jacquin cho đường số 109. Đường này là đại lộ Henri Rivière kéo dài (phố Ngô Quyền kéo dài). Phố Jacquin sau đổi tên thành phố Kinh Dương Vương, nay là phố Ngô Thì Nhậm.

29. Đặt tên phố Herel de Brisis cho đường số 110. Đường này dự định sẽ lập trong năm 1928 và nằm giữa các đường số 111 (phố Lê Văn Hưu) và 113 (phố Hoà Mã) thuộc khu Hoà Mã. Phố Herel de Brisis sau đổi tên thành phố Lạc Long Quân, nay là phố Thi Sách.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

30. Đặt tên phố Laveran (phố Lê Văn Hưu) cho đường số 111. Đường này sẽ được lập trong khu Hoà Mã và nằm giữa đường Hué (phố Huế) và Armand Rousseau (phố Lò Đúc).

31. Đặt tên Harmand cho đường số 112. Đường này sẽ được lập trong khu Hoà Mã và nằm giữa đường Hué và Armand Rousseau (phố Harmand sau đổi tên thành phố Trần Thánh Tông, nay là phố Trần Xuân Soạn).

32. Đặt tên phố Beylié cho đường số 10. Đường này sẽ được lập năm 1928 và nằm giữa phố Pavie (phố Hàn Thuyên) và đường Cimetière (phố Nguyễn Công Trứ). Phố Beylié sau đổi tên thành phố Lê Quý Đôn, nay là phố Hàng Chuối.

33. Đặt tên phố Luro cho đường số 167. Đường này sẽ được lập trong khu Hoà Mã và nằm giữa đường số 112 (phố Trần Xuân Soạn) và 113 (phố Hoà Mã). Phố Luro sau đổi thành phố Lữ Gia, nay là phố Lê Ngọc Hân.

34. Đặt tên Rodier cho phố Lambert (sau đổi tên thành phố Thi Sách, nay là phố Triệu Quốc Đạt). Phố này nằm giữa Sở Tư pháp và phố Borgnis Desbordes (phố Tràng Thi).

35. Đặt tên Hậu Quân Chất (phố Mai Xuân Thưởng) cho đường số 102. Đường này nằm giữa đường Parreau (phố Hoàng Hoa Thám) và đại lộ Grand Bouddha (phố Quán Thánh).

J - 353

BMHN, 1928, № 8, p. 756.

Báo cáo của Đốc lý Hà Nội được Hội đồng Thành phố thông qua trong phiên họp ngày 24-8-1928 về việc đặt tên phố F. Schneider (phố Nguyễn Biểu) thay cho phố Victor Hugo (phố Hoàng Diệu) nằm giữa đại lộ Carnot (phố Phan Đình Phùng) và đường số 98 (phố Trúc Bạch).

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

J - 355

BMHN, 1929, N^o12, p. 1293-1295.

Trích biên bản cuộc họp ngày 28-11-1929 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc đặt và đổi tên một số phố sau:

1. Đặt tên phố Antoine Bonnet cho đường số 93. Đường này xuất phát từ phố Blockhaus Nord (phố Phó Đức Chính) kết thúc ở giữa bán đảo Nam Tràng (hồ Trúc Bạch). Phố Antoine Bonnet sau sáp nhập vào phố Nguyễn Công Trứ cũ và 1 đoạn đường số 96 thành phố Châu Long.

2. Đặt tên phố Amiral Senès (phố Hoà Mã) cho đường số 113 thuộc khu Hoà Mã.

3. Đặt tên phố Trippenbach cho đường số 91 nằm giữa phố Charbon (phố Hàng Than) và đê. Phố Trippenbach sau đổi tên thành phố Thủ Khoa Trực, nay là phố Nguyễn Trung Trực.

4. Đặt tên phố Dufourcq (một đoạn phố Nguyễn Du) cho phố 168 sẽ được lập. Đường này nằm giữa phố Bovet kéo dài (phố Yết Kiêu kéo dài) và phố Delorme kéo dài (phố Trần Bình Trọng kéo dài).

J - 360

BMHN, 1930, N^o 9, p. 640 et 655.

Báo cáo ngày 19-5-1930 của Đốc lý Hà Nội được Hội đồng Thành phố Hà Nội thông qua trong phiên họp ngày 26-5-1930 về việc đặt và đổi tên một số phố, cụ thể:

1. Đặt tên phố Pouligo (sau đổi tên thành phố Hồng Đức, nay là phố Trần Thánh Tông) cho đại lộ Bobillot kéo dài (phố Lê Thánh Tông kéo dài).

2. Đặt tên phố Pescadores cho đường số 113. Đường này xuất phát từ đại lộ Armand Rousseau (phố Lò Đúc) đến phố Huế. Phố Pescadores sau đổi tên thành phố Phù Đồng, nay là phố Phù Đồng Thiên Vương.

3. Đặt tên phố Baronna (sau gộp với phố Trạng Trình thành phố Nguyễn Huy Tự, nay là phố Liên Trì) cho đường 154. Đường này là ranh giới của viện Pasteur.

J - 360

BMHN, 1930, N^o 9, p. 886.

Báo cáo ngày 26-8-1930 của Đốc lý Hà Nội được Hội đồng Thành phố Hà Nội thông qua trong phiên họp ngày 29-8-1930 về đề nghị đặt tên phố Sergent Giac (ngõ Huế) thay cho đường số 146. Đường này chạy song song với phố Pouligo (phố Trần Thánh Tông).

J - 361

BMHN, 1931, numéro unique, p. 247-248.

Trích biên bản ngày 26-2-1931 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc đặt và đổi tên một số phố. Cụ thể:

1. Đặt tên phố Trạng Trình (ngõ Đoàn Như Hải) cho đường số 9.
2. Đặt tên phố Deydier (phố Phan Huy Ích) cho đường số 33.
3. Đặt tên phố Galet (ngõ Đào Duy Từ) cho đường số 90.
4. Đặt tên phố Trần Hưng Đạo (phố Ngũ Xã) cho đường số 92.
5. Đặt tên phố Nguyễn Công Trứ (phố Trúc Bạch) thay cho đường số 96.
6. Đặt tên phố Mạc Đĩnh Chi cho đường số 107.
7. Đặt tên phố Leblois (phố Lê Trực) cho đường số 139.
8. Đặt tên phố Mangin (phố Ông Ích Khiêm) cho đường số 142.
9. Đặt tên phố Lý Thường Kiệt (phố Ngô Sĩ Liên) cho đường số 255.
10. Đặt tên phố Đinh Tiên Hoàng (phố Trần Quý Cáp) cho đường số 257.
11. Đổi tên phố Madame Autigeon (phố Đặng Tất) cho phố Briqueterie (phố Lò Gạch).

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

12. Đổi tên phố Đào Duy Từ cho phố Pavillons Noirs (phố Mã Mây).

13. Đổi tên phố Lê Lợi (một đoạn phố Bà Triệu) cho phố Gia Long kéo dài.

14. Đổi tên phố Lê Quý Đôn (phố Lương Văn Can) cho phố Lê Lợi.

J - 361

BMHN, 1931, numéro unique, p. 962.

Trích biên bản ngày 31-11-1931 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc đặt và đổi tên một số phố. Cụ thể:

1. Đặt tên phố Chéon (phố Phạm Đình Hổ) cho đường số 149.
2. Đặt tên phố Résident Morel (phố Bà Huyện Thanh Quan) cho một phố sẽ lập tại khu Vélodrome.
3. Đặt tên Hoàng Cao Khải (phố Lê Đại Hành) cho đường số 191.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

J - 363

BMHN, 1932, N° 3, p. 155.

Trích biên bản cuộc họp ngày 25-2-1932 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc đặt tên Henri de Monpezat (phố Ngọc Hà) cho đường số 138.

J - 363

BMHN, 1932, N° 5, p. 512-515.

Trích biên bản cuộc họp ngày 27-5-1932 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc đặt tên phố Paul Doumer (đường Yên Phụ) cho con đường xuất phát từ đê Lyautey (đường Thanh Niên) đến phố Graines (phố Hàng Đậu).

J - 365

BMHN, 1933, N^o 2, p. 102-103.

Trích biên bản cuộc họp ngày 28-2-1933 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc đặt tên cho một số phố. Cụ thể:

1. Đặt tên phố Paul Simoni (sau đổi tên thành phố Huân Quyền, nay là phố Nguyễn Quyền) cho đường số 170^{bis}.

2. Đặt tên phố Elie Groleau (phố Chùa Một Cột) cho đường số 155.

J - 365

BMHN, 1933, N^o 12, p. 1149-1156.

Trích biên bản cuộc họp ngày 23-12-1933 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc đặt và đổi tên một số phố và quảng trường. Cụ thể:

1. Đặt tên quảng trường Berthe de Villers (phố Chu Mạnh Chinh) cho quảng trường hình tam giác nằm trước Bệnh viện De Lanessan (nay là Bệnh viện Trung ương Quân đội 108).

2. Đê Clémenceau nằm giữa phố France (phố Tràng Tiền) và ranh giới nam của Thành phố sẽ được đổi tên thành đê Rheinart (đường Trần Khánh Dư và Nguyễn Khoái).

3. Phần đê Clémenceau nằm giữa đê Fellonneau (đường Hàm Tử Quan) và phố France được đổi tên thành đê Guillemoto (đường Trần Quang Khải).

4. Phố Fellonneau được đổi thành phố Albert Pouyanne (phố Lò Sũ).

5. Đặt tên phố Noguès (phố Lê Văn Linh) cho con đường nối phố Joffre (phố Lý Nam Đế) với đại lộ Henri d'Orléans (phố Phùng Hưng) theo phương thẳng đứng.

6. Một phần của đại lộ Bichot (phố Cửa Đông) xuất phát từ bốn tròn ngã tư Puginier (phố Điện Biên Phủ) đến đại lộ Victor Hugo (phố Hoàng Diệu) được đặt tên thành đại lộ Paul Doumer (khu vực quanh lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh).

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

7. *Đê Paul Doumer sẽ lấy lại tên cũ là đê Yên Phụ.*
8. *Đại lộ Henri d'Orléans kéo dài từ cầu đường sắt đến đê Clémenceau (đường Trần Nhật Duật) trước đây đặt tên là phố Leblanc nay đổi tên thành Henri d'Orléans (phố Phùng Hưng).*
9. *Tên phố Leblanc cũ được đặt cho phố Charron (phố Mai Hắc Đế) kéo dài kể từ phố Wiélé (phố Tô Hiến Thành).*
10. *Tên phố Galet sẽ được đổi thành phố Sám Công (ngõ Đào Duy Từ).*
11. *Tên phố Galet cũ được đặt cho phố Chanceaulme (phố Triệu Việt Vương) kéo dài kể từ phố Wiélé.*
12. *Phố Broni sẽ lấy lại tên cũ là phố Tiên - Tsin (phố Hàng Gà).*
13. *Tên phố Broni sẽ đặt cho đường số 173 nằm trên bờ hồ Thiền Quang.*
14. *Phố Galliéni sẽ lấy lại tên cũ là Concession (phố Phạm Ngũ Lão).*
15. *Tên phố Galliéni cũ được đặt cho một phần của phố Félix Faure (phố Trần Phú) nằm giữa đại lộ Puginier (phố Điện Biên Phủ) và đại lộ Henri d'Orléans (phố Phùng Hưng).*
16. *Đường số 225 nằm ở phía nam của nghĩa trang người Âu sẽ được đặt tên là phố Gustave Dumoutier (sau đổi tên thành phố Tân Trào, nay là phố Chùa Vua).*
17. *Đường số 155 và 170^{bis} đã được đặt thành phố Simoni và Elie Groleau sẽ được đổi tên. Phố Một Cột cũ sẽ mang tên Elie Groleau; phố Palais de Justice sẽ mang tên Paul Simoni (nay là phố 19-12).*

SCDHN - 802

Délimitation des quartiers de la Ville d'Hanoï et établissement des règlements pour les chefs de quartier 1933-1950.

Ấn định ranh giới các khu của Thành phố Hà Nội và thiết lập các quy chế đối với các trưởng khu 1933-1950.

Hồ sơ có 36 tờ gồm:

Phấn I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

- Ấn phẩm dày 19 trang của Nhà in Thanh Niên đăng Nghị định ngày 19-10-1933 của Đốc lý Hà Nội quy định chức năng, nhiệm vụ, lương bổng, cách tuyển bổ, thăng thưởng... của các trưởng phố của Thành phố Hà Nội. Nghị định này cũng chia Hà Nội ra làm 39 khu và ấn định ranh giới của từng khu.
- Công văn ngày 14-12-1949 của Thị trưởng Thành phố Hà Nội gửi Trưởng Ty Địa chính Thành phố về phụ bản của Nghị định Thành phố số 564-ND ngày 29-9-1949 phân chia lại địa phận Thành phố Hà Nội thành 25 khu và đề nghị Trưởng Ty Địa chính cho in 40 bản đồ theo cách phân chia mới.
- Danh sách các khu và ranh giới của mỗi khu của Thành phố được lập ngày 29-9-1949 để kèm theo Nghị định cùng ngày của Thị trưởng Hà Nội.
- Nghị định ngày 25-7-1950 của Thị trưởng Hà Nội chia địa hạt Thành phố Hà Nội ra làm 36 khu được đánh số từ 1 đến 36. Nghị định này cũng quy định chức năng nhiệm vụ, giờ làm việc, tiền phụ cấp, phương thức bổ dụng... các khu trưởng.
- Danh sách các khu và ranh giới của mỗi khu của Thành phố Hà Nội được lập ngày 25-7-1950 để kèm theo Nghị định cùng ngày của Thị trưởng Hà Nội.

J - 368

BMHN, 1934, N^o 1, p. 47-51.

Quyết nghị của Hội đồng Thành phố Hà Nội trong phiên họp ngày 26-1-1934 đổi tên đại lộ Victor Hugo thành đại lộ Pierre Pasquier (phố Hoàng Diệu).

J - 371

BMHN, 1935, N^o 9, p. 1204-1206.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Quyết định của Hội đồng Thành phố Hà Nội trong phiên họp ngày 13-9-1935 về việc đặt và đổi tên một số phố. Cụ thể:

1. Giữ nguyên tên phố Leblanc (phố Gầm Cầu) cho con đường nằm giữa phố Takou (phố Hàng Cót) và dè Clémenceau (phố Trần Nhật Duật) và giữ nguyên tên đại lộ Henri d'Orléans (phố Phùng Hưng) cho con đường kéo dài của đại lộ này đến đại lộ Carnot (phố Phan Đình Phùng).
2. Giữ nguyên tên phố Lê Quý Đôn (phố Lương Văn Can).
3. Trả lại cho phố Bảng Nhãn Đôn (phố Hàng Cháo) tên cũ là đường số 206.

J - 371

BMHN, 1935, N^o 11, p. 1535.



Quyết nghị của Hội đồng Thành phố Hà Nội trong phiên họp ngày 29-11-1935 về việc đặt và đổi tên một số phố. Cụ thể:

1. Đặt tên phố Berthe de Villers (một đoạn phố Đinh Công Tráng) cho phần đường nằm giữa đại lộ Gambetta (phố Trần Hưng Đạo) và dè Rheinart (phố Trần Khánh Dư).
2. Đặt tên phố Monceaux (một đoạn phố Đinh Công Tráng) cho phần đường nằm giữa đại lộ Gambetta và phố Concession (phố Phạm Ngũ Lão).

J- 377

BMHN, 1937, N^o 9, p. 937-938.

Trích biên bản cuộc họp ngày 30-8-1937 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc đổi tên một số phố. Cụ thể:

1. Đặt tên phố Pépinière cho một đoạn đường nằm trong đô thị Hà Nội của đường Làng Giấy. Đoạn đường này nằm giữa phố Hậu Quan Chất (phố Mai Xuân Thưởng) và ranh giới của Thành phố.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

2. Đặt tên phố Pierre Jabouille (phố Hồ Xuân Hương) thay cho đường N. Đường N. nằm giữa phố Daurelle (phố Nguyễn Bình Khiêm) và ngã tư lớn của phố Lê Lợi (một đoạn phố Bà Triệu).

J - 384

BMHN, 1939, N° 8, p. 748-749.

Trích biên bản cuộc họp ngày 31-8-1939 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc đặt tên phố Chapuis (phố Thái Phiên) cho đường số 197. Đường này nằm giữa phố Lê Lợi (một đoạn phố Bà Triệu) và đường Hué (phố Huế).

SCDHN - 15

Limites entre la Ville d'Hanoï et les villages de la province de Hadong 1939-1941.

Ranh giới giữa Thành phố Hà Nội và các xã của tỉnh Hà Đông 1939-1941.

Hồ sơ có 3 tờ gồm:

- *Trích biên bản ngày 29-10-1939 của Hội đồng phân địa giới tỉnh Hà Đông về việc phân địa giới và cắm mốc giữa xã Thụy Khuê, tổng Trung Tổng, huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông và Thành phố Hà Nội, kèm theo bản đồ phác thảo.*
- *Ngoài ra trong hồ sơ còn có 23 bản vẽ từng phần kèm theo biên bản ngày 5-8-1940 của Hội đồng phân địa giới về việc phân định và cắm mốc ranh giới giữa các xã Thụy Khuê, Hữu Tiệp, Xuân Biều, Kim Mã, Ngọc Hà, Thịnh Hào, Văn Chương, Linh Quang, Mỹ Đức, Trung Phụng, Trung Tự, Vạn Phúc, Yên Phụ thuộc tỉnh Hà Đông với Thành phố Hà Nội. Các bản vẽ này có kích thước và tỷ lệ khác nhau.*

SCDHN - 804

Aménagement et extension du territoire de la Ville de Hanoï 1942-1953.

Quy hoạch và mở rộng địa hạt Thành phố Hà Nội 1942-1953.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Hồ sơ có 113 tờ gồm:

- Công văn năm 1949 của Thị trưởng Thành phố Hà Nội gửi Bộ trưởng Bộ Công tác và Kế hoạch về việc mở mang Thành phố Hà Nội.
- Sắc lệnh năm 1950 về việc định lại địa phận Thành phố Hà Nội theo địa giới mới.
- Tờ trình (không có ngày tháng) của kỹ sư Công chính Thành phố về chương trình tổng quát mở mang Thành phố Hà Nội và ngoại thành.
- Tờ trình của Trưởng Ty Địa chính và Công thổ Hà Nội lập ngày 20-2-1951 về việc mở rộng giới hạn Thành phố Hà Nội.
- Công văn ngày 22-6-1951 của Thủ hiến Bắc Việt gửi Tổng trưởng Bộ Kế hoạch và Kiến thiết Quốc gia về dự án mở rộng Thành phố Hà Nội.
- Công văn ngày 21-4-1952 của Thị trưởng Hà Nội gửi Thủ hiến Bắc Việt về việc mở rộng Thành phố Hà Nội kèm theo hai bản đồ. Cụ thể:

1. Bản đồ "Hà Nội và Chung quanh", tỷ lệ 1/20.000, khổ 65 x 79,5 cm. Bản đồ do Ty Địa chính Bắc Việt ấn loát có dẫn giải về địa giới Thành phố Hà Nội theo Dự ngày 3-10-1888 và địa giới dự định mở.
2. Bản đồ "Đại lý Hoàn Long", tỷ lệ 1/50.000, khổ 43,5 x 50 cm. Bản đồ được lập bằng tài liệu của Sở Địa chính Bắc Việt có dẫn giải về địa giới Thành phố trước và sau Dự ngày 11-7-1942 và về địa giới dự định mở.

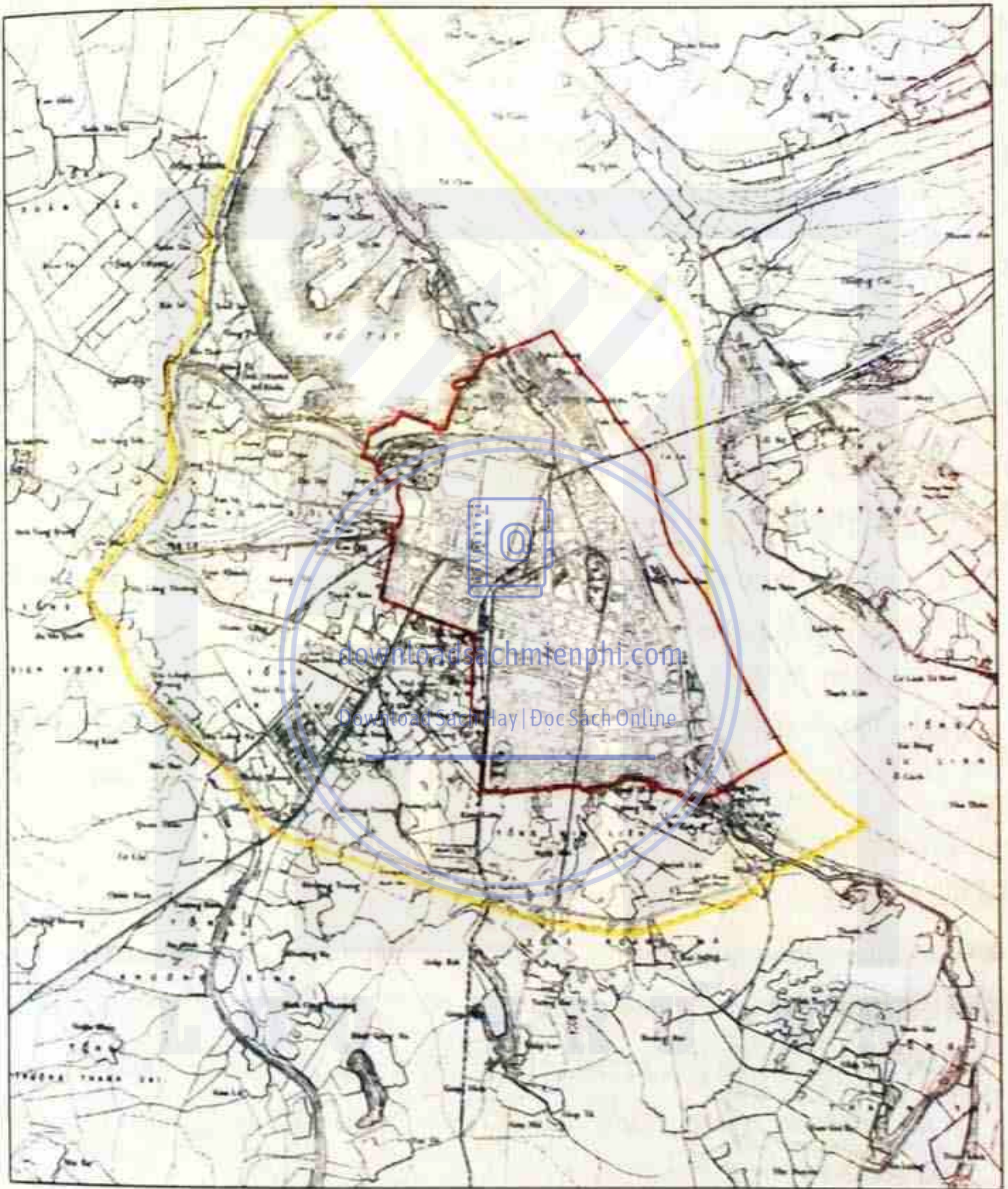
Và một số tài liệu khác...

VNDQCB - số 21, 25-5-1946, tr. 287-291.

Tờ trình về việc đặt tên phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội Trần Duy Hưng duyệt y ngày 1-12-1945 trong đó nêu rõ nguyên tắc và cách thức đổi và đặt tên phố, tên các vườn hoa và tên các khu (có danh sách các phố và vườn hoa cũ thời Pháp được đổi sang tên Việt kèm theo).

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

HÀ NỘI VÀ CHUNG QUANH



Bản đồ "Hà Nội và chung quanh" (Tỷ lệ 1/20.000) Kịch bản: (GSKM)
do Ty Địa chính Bắc Việt ấn loát.

Bản đồ
— đỏ — Địa giới Thành phố Hà Nội ngày 3-10-1888
— vàng — Địa giới Thành phố Hà Nội ngày 3-10-1888
(theo đường vòng đất đai)

Bản đồ "Hà Nội và chung quanh", tỷ lệ 1/20.000 do Ty Địa chính Bắc Việt ấn loát, có dẫn giải về địa giới Thành phố Hà Nội theo Dụ ngày 3-10-1888 của vua Đồng Khánh và địa giới Thành phố Hà Nội dự định mở.
SCDHN - 804.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

VNDQCB - số 21, 25-5-1946, tr. 409-410.

Biên bản cuộc họp ngày 20-4-1946 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc chia Thành phố Hà Nội ra làm 17 khu, mỗi khu có tên riêng và ấn định địa giới các khu.

Theo tài liệu này, Thành phố Hà Nội gồm các khu: Trúc Bạch, Đồng Xuân, Thăng Long, Đông Thành, Đông Kinh Nghĩa Thục, Hoàn Kiếm, Văn Miếu, Quán Sứ, Đại Học, Bảy Mẫu, Chợ Hôm, Lò Đức, Hồng Hà, Long Biên, Đồng Nhân, Vạn Thái và Bạch Mai.

VNDQCB - số 47, 23-11-1946, tr. 622-623.

Biên bản cuộc họp đại hội đồng ngày 2-5-1946 về việc chia ngoại thành Hà Nội ra từng khu.

Cuộc họp gồm các đại biểu Ủy ban Hành chính nội thành, Ủy ban Hành chính ngoại thành và các Ủy ban các làng ngoại thành Hà Nội diễn ra tại Tòa Thị chính, vào hồi 9 giờ sáng. Theo biên bản này, ngoại thành Hà Nội được chia ra làm 5 khu: Lãng Bạc, Đại La, Đống Đa, Đề Thám và Mê Linh, mỗi khu có ấn định địa giới riêng.

TCHN - 41/01

Về việc phân chia các khu phố trong Thành phố Hà Nội 1948-1949.

Hồ sơ có 68 tờ gồm:

- Nghị định ngày 2-12-1948 của Thị trưởng Hà Nội đổi cách gọi các tiểu khu trong thành phố Hà Nội là khu kể từ ngày 1-12-1948 và giữ nguyên giới hạn của các tiểu khu như trước.
- Nghị định ngày 29-9-1949 của Thị trưởng Hà Nội chia Thành phố Hà Nội ra làm 25 khu và ấn định ranh giới giữa các khu. Ngoài ra, Nghị định còn quy định chức năng nhiệm vụ của các trưởng khu.
- Nghị định ngày 25-7-1950 của Thị trưởng Hà Nội chia địa hạt Thành phố Hà Nội ra làm 36 khu và ấn định ranh giới giữa các khu.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

*Nghị định cũng quy định chức năng nhiệm vụ của các trưởng khu.
Và một số tài liệu khác...*

VPBD - 1821

Phủ Thủ tướng: Danh sách các đường cũ đổi ra đường mới tại Thành phố Hà Nội 1949.

Hồ sơ gồm bảng đối chiếu tên phố cũ ra phố mới, được đánh máy và chia làm hai phần: tên phố mới bằng chữ quốc ngữ và tên phố cũ bằng chữ Pháp.

SCDHN - 816

Dénomination et changement des noms des rues de la Ville d'Hanoï 1950-1953.

Đặt và đổi tên một số phố của Thành phố Hà Nội 1950-1953.

Hồ sơ có 126 tờ gồm:

- Công văn ngày 5-4-1952 của Phó Tỉnh trưởng Hà Đông gửi Thị trưởng Thành phố Hà Nội đề nghị đặt tên Lý Triện cho một trong các phố của Thành phố Hà Nội kèm theo bài báo cắt của báo Giang Sơn ra ngày 2 và 3-4-1952 về lịch sử trận đánh Tốt Động - Cầu Ninh của Lý Triện chống quân Minh.
- Danh sách tên các danh nhân có điển tích, do Trưởng Ty Công chính Thành phố lập ngày 20-3-1950, đề nghị xin đặt thay vào các phố không rõ điển tích và những đường dự định mở chưa đặt tên đường. Danh sách gồm nhiều danh nhân có công trong các phong trào chống Pháp như: Cao Đạt, Cả Trọng, Đình Công Tráng, Nguyễn Thị Giang, Trương Định...
- Bản dự định đổi tên các phố trong Thành phố Hà Nội do Văn phòng Tòa Thị chính Hà Nội lập ngày 27-11-1950, gồm danh sách tên phố cũ, tên phố đặt năm 1945-1946, tên phố dự định đặt lại và chú thích tiểu sử của tên phố dự định đặt.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- *Danh sách tên các phố mới trong Thành phố Hà Nội đính kèm Nghị định số 138-ND ngày 28-2-1951 của Thị trưởng Thành phố Hà Nội.*
 - *Bản đồ Thành phố Hà Nội với các tên phố chữ Pháp, tỷ lệ 1/10.000, khổ 55 x 76,5cm.*
 - *Bản đồ Thành phố Hà Nội với các tên phố chữ quốc ngữ, tỷ lệ 1/10.000 do Phòng Công thự thuộc Toà Thị chính lập năm 1945, khổ 52 x 74,5cm.*
- Và một số tài liệu khác...*

TCHN - 144

Dự án mở rộng Thành phố Hà Nội 1951.

Hồ sơ có 29 tờ, gồm:

- *Phiếu gửi ngày 14-2-1951 của Thị trưởng Hà Nội gửi các trưởng ty và các trưởng phòng sự vụ thuộc Toà Thị chính về việc cho ý kiến liên quan đến mở rộng Thành phố.*
- *Dự thảo tờ trình năm 1951 của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam về việc mở rộng giới hạn Thành phố Hà Nội.*
- *Dự thảo Dự của Bảo Đại năm 1951 về việc mở rộng giới hạn của Thành phố Hà Nội.*
- *Tờ trình ngày 20-2-1951 của Trưởng Phòng Pháp chế và Nhà cửa Hà Nội gửi Thị trưởng về việc mở rộng Thành phố.*
- *Tờ trình ngày 20-2-1951 của Trưởng Ty Tài chính Thành phố về việc mở rộng giới hạn Thành phố.*
- *Báo cáo ngày 22-6-1951 của Thủ hiến Bắc Việt gửi Tổng Trưởng Bộ Kế hoạch và Kiến thiết Quốc gia về việc mở rộng Thành phố và đề nghị chưa nên tiến hành.*
- *Bản đồ Thành phố Hà Nội tỷ lệ 1/50.000, khổ 31 x 49cm. Bản đồ có chỉ dẫn các mốc địa giới của Thành phố Hà Nội và Đại lý*

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

Hà Nội theo các đạo dụ ngày 3-10-1888, ngày 11-7-1942 và địa giới dự định mở năm 1951.

Và một số tài liệu khác...

TCHN - 158

Sửa đổi tên các phố trong Thành phố Hà Nội 1951-1952.

Hồ sơ có 15 tờ gồm:

- *Thư ngày 20-4-1951 của luật sư Jacques Rochon gửi Thị trưởng Hà Nội về việc Công ty Địa ốc Hà Nội phản đối Thành phố đổi tên các ngõ riêng ở khu Nhà Chung thuộc sở hữu của Công ty.*
 - *Ý kiến ngày 12-6-1951 của Phòng Pháp chế và Nhà cửa về việc đặt tên phố tại khu Nhà Chung thuộc sở hữu của Công ty Địa ốc Hà Nội.*
 - *Đơn ngày 21-7-1951 của ông Phạm Thọ Cửu tức Chấn Hưng phản đối việc Thành phố đổi tên ngõ riêng của gia đình là Chấn Hưng thành ngõ Hàng Cỏ.*
 - *Công văn ngày 20-8-1951 của Trưởng Ty Địa chính và Công thổ gửi Trưởng Phòng Pháp chế và Nhà cửa thuộc Tòa Thị chính về việc bác đơn của ông Phạm Thọ Cửu và để nguyên tên mới là ngõ Hàng Cỏ.*
- Và một vài tài liệu khác...*

TCHN - 266

Dự án mở rộng Thành phố Hà Nội tại Giang Khẩu 1952-1953.

Hồ sơ có 28 tờ gồm:

- *Công văn ngày 20-10-1952 của ông Solovieff gửi Thị trưởng Hà Nội đề nghị mở rộng Thành phố Hà Nội về phía sông Hồng bằng cách chuyển đê ra sát lòng sông.*
- *Công văn ngày 29-10-1952 của Thị trưởng Hà Nội gửi Thủ hiến Bắc Việt về việc mở rộng giới hạn của Thành phố Hà Nội ra ngoài đê sông Hồng theo đề nghị của ông Solovieff.*

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Công văn ngày 24-11-1952 của Trưởng Ban Đề điều giải Trưởng Khu Thủy nông thuộc Nha Công chính Bắc Việt không đồng ý việc mở rộng Thành phố Hà Nội như đề nghị của ông Solovieff.
- Công văn ngày 14-3-1953 của Thị trưởng Hà Nội gửi Thủ hiến Bắc Việt đề nghị xem xét lại dự án mở rộng Thành phố Hà Nội tại Giang Khẩu.
- Công văn ngày 10-4-1953 của Tổng trưởng Bộ Công chính, Giao thông và Bưu điện gửi Thủ hiến Bắc Việt không tán thành dự án mở rộng Thành phố Hà Nội tại Giang Khẩu.
- Bản đồ Thành phố Hà Nội, tỷ lệ 1/10.000, khổ 110 x 74cm. Bản đồ còn có bảng tra cứu tên phố và các cơ quan bằng chữ quốc ngữ và chữ Pháp.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

L U U T R U V N A

TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

MHN - 2375/01

Liste des Maires de la Ville de Hanoï 1885-1939.

Danh sách các Đốc lý của Thành phố Hà Nội 1885-1939.

Hồ sơ gồm danh sách các Đốc lý và phó Đốc lý của Thành phố Hà Nội từ năm 1885 đến 1939. Danh sách có 4 tờ, gồm họ và tên, chức vụ, ngày bắt đầu và kết thúc nhiệm kỳ.

RST - 34165

Constitution d'une Commission municipale provisoire de la Ville de Hanoï 1886.

Lập một Ủy ban lâm thời của Thành phố Hà Nội 1886.

Hồ sơ gồm 24 tờ trong đó có:

- Quyết định ngày 8-1-1886 của Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ lập tại Hà Nội một Ủy ban lâm thời.
 - Các biên bản ngày 14-1 và 1-2-1886 của Ủy ban lâm thời về việc lập một Ủy ban chính thức của Thành phố Hà Nội.
- Và một số tài liệu khác...

MHN - 01

Institution des Commissions municipales pour les Villes de Hanoï et de Haiphong 1886.

Lập các Ủy ban cho Thành phố Hà Nội và Hải Phòng 1886.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Hồ sơ gồm 4 tờ trong đó có:

- *Nghị định ngày 8-1-1886 của Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ lập tại Hà Nội một Ủy ban chịu trách nhiệm soạn thảo một dự án tổ chức và hoạt động của Ủy ban Thành phố.*
- *Nghị định ngày 1-5-1886 của Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ lập một Ủy ban tư vấn cho Thành phố Hà Nội. Ủy ban này gồm 20 thành viên, sẽ cho ý kiến về các vấn đề liên quan đến giao thông công chính, an ninh, vệ sinh công cộng...*

J - 137

Moniteur du Protectorat de l'Annam et du Tonkin, 1886, p. 92-93.

Công báo xứ bảo hộ Trung và Bắc Kỳ, 1886, tr.92-93.

Arrêté du 1^{er} mai 1886 du Résident général de l'Annam et du Tonkin instituant une commission municipale consultative pour la Ville de Hanoï.

Nghị định ngày 1-5-1886 của Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ lập một Ủy ban tư vấn cho Thành phố Hà Nội.

Theo nghị định, Ủy ban này gồm 4 uỷ viên người Pháp là công chức dân sự, 8 uỷ viên người Pháp sống tại Hà Nội do Tổng Trú sứ chỉ định, 6 uỷ viên người Việt do các xã nằm trong Thành phố bầu và 2 uỷ viên là trưởng khu người Hoa. Hội đồng cho ý kiến về các vấn đề giao thông đường bộ, về an ninh... của Thành phố Hà Nội.

MHN - 02

Nomination des membres de la Commission municipale de la Ville de Hanoï 1886.

Bổ nhiệm các uỷ viên của Ủy ban Thành phố Hà Nội 1886.

Hồ sơ gồm 2 tờ trong đó có Nghị định ngày 29-5-1886 của Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ về việc bổ nhiệm các uỷ viên của Ủy ban Thành phố Hà Nội.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

RST - 4862

Au sujet de fonctionnement de la Commission consultative de la Municipalité de Hanoï 1886-1888.

Về hoạt động của Ủy ban tư vấn của Thành phố Hà Nội 1886-1888.

Hồ sơ gồm 45 tờ trong đó có:

- Nghị định ngày 29-5-1886 của Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ bổ nhiệm các uỷ viên của Ủy ban tư vấn của Thành phố Hà Nội.
- Nghị định ngày 16-1-1887 của Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ bổ nhiệm ông Philippe, thương nhân sống tại phố Jean Dupuis (phố Hàng Chiếu) làm uỷ viên Ủy ban tư vấn.
- Công văn ngày 3-5-1887 của Công sứ Hà Nội gửi Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ về việc đổi mới Ủy ban tư vấn.
- Nghị định ngày 26-5-1887 của Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ bổ nhiệm các uỷ viên Ủy ban tư vấn của Thành phố Hà Nội.

Và một số tài liệu khác...

RST - 5755

Au sujet création des Municipalités de Hanoï et de Haiphong 1888.

Về việc thành lập các Hội đồng Thị chính Hà Nội và Hải Phòng 1888.

Hồ sơ có 2 tờ gồm công văn số 4 ngày 14-7-1888 của Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ về việc lập các Hội đồng Thị chính tại Hà Nội và Hải Phòng.

KLBK - 3/T424

Tư trình ngày 19 tháng 7 năm Đồng Khánh 3 (1888) của Kinh lược Bắc Kỳ gửi Cơ mật về việc đặt một Đốc lý của Thành phố Hà Nội và cơ quan hành chính của tỉnh Hà Nội cũ sẽ di chuyển về phủ Lý Nhân.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

MHN - 03

Institution d'une Municipalité dans chacune des Villes de Hanoï et Haiphong 1888.

Lập một Hội đồng Thị chính ở mỗi Thành phố Hà Nội và Hải Phòng 1888.

Hồ sơ gồm Nghị định ngày 19-7-1888 (24 tờ) của Toàn quyền Đông Dương về việc lập Hội đồng Thị chính tại Hà Nội trong đó quy định thành phần và phương thức bầu các uỷ viên của Hội đồng Thị chính, quyền hạn của Đốc lý và của Hội đồng Thành phố...

J - 142

Moniteur du protectorat de l'Annam et du Tonkin, 1888, p. 392-401.

Tạp chí *Người hướng dẫn xứ bảo hộ Trung - Bắc Kỳ*, 1888, tr. 392-401.

Arrêté du 19 juillet 1888 du Gouverneur général de l'Indochine instituant une Municipalité à Hanoï.

Nghị định ngày 19-7-1888 của Toàn quyền Đông Dương về việc lập Hội đồng Thị chính tại Hà Nội.

Nghị định quy định thành phần và phương thức bầu các uỷ viên của Hội đồng, quyền hạn của Đốc lý và của Hội đồng Thành phố...

RST - 4860

Au sujet d'organisation de la Ville de Hanoï sous le régime de la concession française 1889.

Về việc tổ chức Thành phố Hà Nội dưới chế độ nhượng địa của Pháp 1889.

Hồ sơ gồm 17 tờ trong đó có:

- Công văn số 861 ngày 7-3-1889 của Công sứ - Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc các uỷ viên người Việt trong Hội đồng Thành phố Hà Nội đề nghị xoá bỏ chính quyền quan lại người bản xứ tại Hà Nội, đề nghị người Việt sống ở Thành phố Hà Nội là nhượng địa của Pháp được đóng mức thuế như người Âu...

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

- Công văn ngày 11-5-1889 của Công sứ - Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về báo cáo của huyện Thọ Xương liên quan đến việc phân bổ thuế của người Việt trong Thành phố.
- Công văn ngày 17-10-1889 của Công sứ - Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc tổ chức Thành phố dưới chế độ nhượng địa của Pháp.

Và một số tài liệu khác...

RST - 34168

Projet d'organisation et de règlementation de la Ville de Hanoï 1889-1890.

Dự án tổ chức và quy chế của Thành phố Hà Nội 1889-1890.

Hồ sơ gồm 42 tờ trong đó có:

- Trích biên bản cuộc họp ngày 6-3-1889 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc tổ chức Thành phố Hà Nội.
- Công văn số 861 ngày 7-3-1889 của Công sứ - Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc các uỷ viên người Việt trong Hội đồng Thành phố Hà Nội đề nghị xoá bỏ chính quyền quan lại người bản xứ tại Hà Nội, đề nghị người Việt sống ở Thành phố Hà Nội là nhượng địa của Pháp được đóng mức thuế như người Âu...
- Công văn ngày 1-5-1889 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ về đề nghị của các uỷ viên người Việt trong Hội đồng Thành phố Hà Nội.

Và một số tài liệu khác...

J - 994

JOIF, 2^e partie: Annam et Tonkin, 1889, N^o 56, p. 538.

Arrêté du 6 juillet 1889 du Gouverneur général de l'Indochine instituant dans la Ville de Hanoï un Bureau de l'Enregistrement des Domaines et des Hypothèques.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Nghị định ngày 6-7-1889 của Toàn quyền Đông Dương lập tại Thành phố Hà Nội một Văn phòng Đăng ký tài sản và Cầm cố.

Nghị định quy định phạm vi hoạt động của Văn phòng được giới hạn trong nhượng địa của Pháp tại Hà Nội.

J - 994

JOIF, 2^e partie: Annam et Tonkin, 1889, N^o 71, p. 662.

Arrêté du 20 août 1889 du Gouverneur général de l'Indochine chargeant M. Landes, Résident-Maire de Hanoï de la direction de la province en même temps que de l'administration de la Ville de Hanoï.

Nghị định ngày 20-8-1889 của Toàn quyền Đông Dương giao cho ông Landes, Công sứ - Đốc lý Hà Nội quyền điều hành chính quyền tỉnh Hà Nội và chính quyền Thành phố Hà Nội.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

J - 997

JOIF, 2^e partie: Annam et Tonkin, 1890, N^o 34, p. 410.

Arrêté du 7 avril 1890 du Gouverneur général de l'Indochine nommant M. Tirant Résident - Maire de Hanoï.

Nghị định ngày 7-4-1890 của Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm ông Tirant làm Công sứ - Đốc lý Hà Nội thay thế cho ông Dufrenil được bổ nhiệm vào vị trí khác.

Theo Nghị định, Tirant sẽ chính thức nhậm chức vào ngày 24-4-1890.

KLBK - 28/1228

Thư ngày 23 tháng 12 năm Thành Thái 2 (1890) của Kinh lược Bắc Kỳ gửi Thống sứ Bắc Kỳ về Nghị định thành lập Nha Hiệp lý tại Hà Nội và phiên chế cho Nha Hiệp lý.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

MHN - 35

Rapport sur le fonctionnement de la Municipalité de Hanoï 1891.

Báo cáo về hoạt động của Hội đồng Thị chính Hà Nội 1891.

Hồ sơ gồm 8 tờ trong đó có báo cáo số 4808^{bis} ngày 12-8-1891 của Công sứ - Đốc lý Hà Nội gửi Toàn quyền Đông Dương về hoạt động của Hội đồng Thị chính Hà Nội.

RST - 34170

Fonctionnement de la Municipalité de Hanoï 1891.

Hoạt động của Hội đồng Thị chính Hà Nội 1891.

Hồ sơ gồm 8 tờ trong đó có báo cáo số 4808^{bis} ngày 12-8-1891 của Công sứ - Đốc lý Hà Nội gửi Toàn quyền Đông Dương về hoạt động của Hội đồng Thị chính Hà Nội.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

J - 1008

JOIF, 2^e partie: Annam et Tonkin, 1891, N^o 1, p. 1-9.

Arrêté du 31 décembre 1891 du Gouverneur général de l'Indochine prorogant les pouvoirs des conseils municipaux de Hanoï et de Haiphong.

Nghị định ngày 31-12-1891 của Toàn quyền Đông Dương quy định chức năng của Hội đồng Thành phố Hà Nội và Hải Phòng.

Nghị định cũng quy định cơ cấu của Hội đồng Thành phố Hà Nội, Hải Phòng và các điều kiện bầu cử các uỷ viên của Hội đồng, tổ chức ngân sách và kế toán... của hai thành phố.

MHN - 06

Organisation des Municipalités de Hanoï 1891-1908.

Tổ chức Hội đồng Thị chính Hà Nội 1891-1908.

Hồ sơ có 85 tờ và 1 ấn phẩm dày 26 trang gồm:

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- *Nghị định ngày 31-12-1891 của Toàn quyền Đông Dương quy định cơ cấu và chức năng của Hội đồng Thành phố Hà Nội, các điều kiện bầu cử các uỷ viên Hội đồng...*
- *Nghị định các ngày 4-9-1896, 24-11-1896, 27-1-1897, 3-2-1903, 14-3-1907 và ngày 4-4-1908 về việc sửa đổi một số điều, khoản của Nghị định ngày 31-12-1891.*
- *Trích biên bản cuộc họp ngày 6-8-1904 của Hội đồng Bảo hộ Bắc Kỳ về việc sửa đổi Nghị định ngày 31-12-1891.*
- *Nghị định ngày 16-5-1906 của Toàn quyền Đông Dương quy định thời gian, thể thức triệu tập các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng Thành phố.*
- *Một số công văn trao đổi năm 1904, 1905 giữa Thống sứ Bắc Kỳ và Toàn quyền Đông Dương về việc sửa đổi Nghị định ngày 31-12-1891.*

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

MHN - 20

Fonctionnement et attributions de différents bureaux de la Mairie de Hanoï 1891-1908.

Chức năng và quyền hạn của các phòng ban của Toà Đốc lý Hà Nội 1891-1908.

Hồ sơ có 3 tờ trong đó gồm:

- *Nghị định ngày 31-12-1891 của Toàn quyền Đông Dương về tổ chức Hội đồng Thị chính Hà Nội.*
- *Báo cáo tháng 2-1908 của Chánh Văn phòng Toà Đốc lý gửi Đốc lý Hà Nội về chức năng và quyền hạn của các phòng ban thuộc Toà Đốc lý Hà Nội (gồm Văn phòng, Phòng Văn thư, Phòng Kế toán, Phòng Hộ tịch, Phòng phụ trách các công việc liên quan đến người bản xứ và Phòng Kiểm tra thuế).*

RST - 34175

Note pour la remise de service de la Ville de Hanoï 1893.

Ghi chép để bàn giao quyền lãnh đạo Thành phố Hà Nội 1893.

Hồ sơ gồm bản ghi chép (8 tờ) viết ngày 27-3-1893 của Beauchamp, Đốc lý Hà Nội bàn giao cho người kế nhiệm về một số vấn đề đã, đang và chưa giải quyết trong nhiệm kỳ của mình.

RST - 73949

Suppression du Bureau du huyen de Tho Xuong de la Ville de Hanoï et création du poste de Hiép Ly, spécialement chargé des affaires judiciaires indigènes pour remplacer le huyen Tho Xuong 1895-1904.

Xoá bỏ Nha huyện Thọ Xương của Thành phố Hà Nội và lập một Nha Hiệp lý, chịu trách nhiệm về các vấn đề tư pháp bản xứ để thay thế Nha huyện Thọ Xương 1895-1904.

Hồ sơ gồm 79 tờ, trong đó có:

- Công văn ngày 26-12-1895 của Đốc lý Hà Nội gửi Phó Toàn quyền Đông Dương đề nghị tăng lương cho nhân viên của Nha huyện Thọ Xương.
- Quyết định ngày 5-1-1896 của Kinh lược Bắc Kỳ tăng lương cho nhân viên của Nha huyện Thọ Xương.
- Công văn ngày 24-2-1896 của Đốc lý Hà Nội gửi Phó Toàn quyền Đông Dương yêu cầu bổ nhiệm thêm một Phó Đốc lý phụ trách các vấn đề bản xứ.
- Công văn ngày 26-8-1896 của Kinh lược Bắc Kỳ gửi Phó Toàn quyền Đông Dương về việc lập Nha Hiệp lý cho Thành phố Hà Nội.
- Quyết định ngày 26-8-1896 của Kinh lược Bắc Kỳ lập Nha Hiệp lý thay thế Nha huyện Thọ Xương.
- Quyết định ngày 6-10-1896 của Kinh lược Bắc Kỳ xoá bỏ Nha huyện Thọ Xương.

- Quyết định ngày 27-10-1896 của Kinh lược Bắc Kỳ quy định thành phần của Nha Hiệp lý.
 - Công văn ngày 16-2-1897 của Đốc lý Hà Nội gửi Phó Toàn quyền Đông Dương yêu cầu xoá bỏ Nha Hiệp lý.
 - Quyết định ngày 26-2-1897 của Kinh lược Bắc Kỳ xoá bỏ Nha Hiệp lý.
 - Nghị định ngày 2-2-1904 của Thống sứ Bắc Kỳ lập lại Nha Hiệp lý.
- Và một số tài liệu khác...

J - 1029

JOIF, 2^e partie: Annam et Tonkin, 1897, N^o 10-11, tr. 112.

Arrêté du 27 janvier 1897 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant partiellement l'article 2 de celui 31 décembre 1891, en ce qui concerne les conseillers annamites et chinois dans les Villes de Hanoï et Haiphong.

Nghị định ngày 27-1-1897 của Quyền Toàn quyền Đông Dương sửa đổi một phần của điều 2 Nghị định ngày 31-12-1891 liên quan đến các uỷ viên người Việt và người Hoa thuộc Hội đồng Thành phố Hà Nội và Hải Phòng.

Theo Nghị định này, số uỷ viên người Việt trong Hội đồng Thành phố Hà Nội được nâng từ 3 lên 4 và số uỷ viên người Hoa trong Hội đồng này bị xoá bỏ.

J - 1029

JOIF, 2^e partie: Annam et Tonkin 1897, N^o 32, tr. 340-341.

Arrêté du 14 avril 1897 du Résident - Maire de la Ville de Hanoï divisant la Ville en huit quartiers.

Nghị định ngày 14-4-1897 của Công sứ - Đốc lý Hà Nội chia Thành phố Hà Nội ra làm 8 khu và ấn định ranh giới của các khu.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

Nghị định cũng quy định tiêu chuẩn, phương thức bầu chọn, quyền hạn... của các Trưởng khu của Thành phố Hà Nội.

RST - 78695

Organisation administrative de la Ville de Hanoï 1897-1914.

Tổ chức hành chính của Thành phố Hà Nội 1897-1914.

Hồ sơ có 71 tờ, gồm:

- *Nghị định ngày 14-4-1897 của Đốc lý Hà Nội chia Thành phố Hà Nội thành 8 khu và quy định phương thức bầu, chức năng nhiệm vụ... của các Trưởng khu.*
 - *Công văn ngày 17-6-1904 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về những khó khăn gặp phải sau khi lập lại chức Hiệp lý của Thành phố Hà Nội.*
 - *Nghị định ngày 19-6-1904 của Đốc lý Hà Nội xoá bỏ Nghị định ngày 14-4-1897 về chia Thành phố Hà Nội thành 8 khu và quy định phương thức bầu, chức năng nhiệm vụ... của các Trưởng khu..*
 - *Nghị định ngày 1-7-1904 của Đốc lý Hà Nội chia Thành phố Hà Nội thành 8 khu và quy định việc bầu chọn, chức năng nhiệm vụ của các Trưởng phố.*
 - *Công văn ngày 5-7-1908 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội về an ninh của Thành phố sau khi xoá bỏ Nha Hiệp lý và các Trưởng khu.*
 - *Ghi chép ngày 5-9-1908 của Đốc lý Thành phố Hà Nội về việc lập lại các Trưởng khu trong Thành phố Hà Nội.*
 - *Nghị định ngày 7-7-1914 của Đốc lý Hà Nội quy định cách thức bầu chọn, chức năng nhiệm vụ... của các Trưởng khu và Trưởng phố của Thành phố Hà Nội.*
- Và một vài tài liệu khác...*

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

J - 1037

JOIF, 2^e partie: Annam et Tonkin, 1899, N^o 69, tr. 595.

Arrêté du 18 août 1899 du Gouverneur général de l'Indochine instituant un centre administratif dans la zone suburbaine de Hanoi.

Nghị định ngày 18-8-1899 của Toàn quyền Đông Dương lập một trung tâm hành chính tại khu ngoại ô Hà Nội.

Theo Nghị định, Trung tâm sẽ được đặt tại xã Thái Hà và Trưởng Trung tâm là người chịu trách nhiệm quản lý khu ngoại ô Hà Nội, đặt dưới quyền trực tiếp của Công sứ - Đốc lý.

RST - 2230

Attribution des chefs de rues et de quartiers de la Ville de Hanoi 1899-1943.

Quyền hạn của các Trưởng khu và Trưởng phố của Thành phố Hà Nội 1899-1943.

Hồ sơ có 46 tờ, gồm: downloadsachmienphi.com

- Đơn ngày 10-6-1899 của các Trưởng khu phố của Thành phố Hà Nội gửi Đốc lý xin được hưởng lương.
- Thư ngày 2-5-1925 của Quyền Toàn quyền Đông Dương gửi ông Jean de Kerathy, công chứng viên sống tại số 22 phố Teinturiers (một đoạn phố Thợ Nhuộm) liên quan đến việc các Trưởng phố và Trưởng khu chứng nhận các giấy tờ của người dân Hà Nội.
- Nghị định ngày 23-1-1926 của Đốc lý Hà Nội quy định mức trợ cấp cho các trưởng phố.
- Quyết định ngày 10-12-1932 của Đốc lý Hà Nội chỉ định các Trưởng phố bổ sung.
- Công văn ngày 9-2-1933 của Quyền Thống sứ Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội về việc không cho các Trưởng phố và Trưởng khu chứng thực các chứng thư, văn tự và văn khế của người bản xứ trong Thành phố Hà Nội.

Và một vài tài liệu khác...

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

RST - 6387

Au sujet de nomination de diverses commissions municipales de Hanoï 1901.

Về việc lập một số uỷ ban của Thành phố Hà Nội 1901.

Hồ sơ có 2 tờ gồm trích biên bản cuộc họp ngày 22-5-1901 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc lập một số uỷ ban và bổ nhiệm các thành viên của uỷ ban để giúp Hội đồng như Uỷ ban Tài chính, Uỷ ban Lễ hội...

RST - 13320

Réorganisation de la Municipalité de Hanoï 1901.

Tổ chức lại Hội đồng Thị chính Hà Nội 1901.

Hồ sơ gồm 16 tờ trong đó có:

• Đơn ngày 22-7-1901 của các uỷ viên hội đồng người Việt gồm Lương Văn Can, Phạm Hữu Hoach, Bùi Đình Thông và Tuy (Vĩnh Long) gửi Công sứ - Đốc lý Hà Nội khiếu nại về việc không nhận được thẻ ra vào Diễn đàn chính thức của Hội đồng.

• Báo cáo số 88 ngày 25-7-1901 của Công sứ - Đốc lý gửi Thống sứ Bắc Kỳ báo cáo về lý do các uỷ viên người Việt không được tham gia bỏ phiếu tán thành nghị quyết của Hội đồng và bỏ phiếu bầu phó Đốc lý.

• Dự thảo báo cáo ngày 31-7-1901 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương liên quan đến quyền của các uỷ viên người Việt trong Hội đồng Thành phố Hà Nội.

RST - 78648

Organisation et réorganisation des Municipalités de Hanoï, Haiphong et Saigon 1901-1906.

Tổ chức và tổ chức lại các Hội đồng Thị chính Hà Nội, Hải Phòng và Sài Gòn 1901-1906.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Hồ sơ gồm 144 tờ trong đó có:

- Nghị định ngày 3-2-1903 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi Nghị định ngày 31-12-1891 về tổ chức Hội đồng Thành phố Hà Nội.
- Nghị định ngày 21-3-1904 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi quy định về số lượng uỷ viên trong Hội đồng Thành phố được quy định tại Nghị định ngày 31-12-1891.
- Công văn ngày 3-6-1907 của Toàn quyền Đông Dương gửi Thống sứ Bắc Kỳ về dự thảo sắc lệnh tổ chức lại Hội đồng Thị chính Hà Nội và Hải Phòng.
- Dự thảo sắc lệnh tổ chức lại Hội đồng Thị chính Sài Gòn, Hà Nội và Hải Phòng.
- Báo cáo ngày 11-7-1908 của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa gửi Tổng thống Pháp về việc ký Sắc lệnh tổ chức lại Hội đồng Thị chính của các Thành phố Sài Gòn, Hà Nội và Hải Phòng.
- Nghị định ngày 24-7-1908 của Toàn quyền Đông Dương về việc ban hành Sắc lệnh ngày 11-7-1908 tổ chức lại các Hội đồng Thị chính Sài Gòn, Hà Nội và Hải Phòng.
- Công văn ngày 28-7-1908 của Toàn quyền Đông Dương gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc áp dụng Sắc lệnh ngày 11-7-1908 liên quan đến vấn đề tài chính của Hà Nội và Hải Phòng.
- Nghị định ngày 2-2-1915 của Toàn quyền Đông Dương quy định thời gian họp của Hội đồng Thành phố Hà Nội.

Và một số tài liệu khác...

MHN - 16

Utilisation du titre de “Maire de Hanoi” et “Maire de Haiphong” dans les actes administratifs et les correspondances 1903.

Sử dụng chức danh “Đốc lý Hà Nội” và “Đốc lý Hải Phòng” trong các văn bản hành chính và công văn 1903.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

Hồ sơ gồm công văn số 84 ngày 21-4-1903 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi các Đốc lý của Hà Nội và Hải Phòng về việc đổi cách gọi "Toà Công sứ - Đốc lý" và chức "Công sứ - Đốc lý" thành "Toà Đốc lý" và "Đốc lý" cho các Thành phố Hà Nội và Hải Phòng.

RST - 6465

Attributions des chefs de quartiers dans les Villes de Hanoï et de Haiphong 1903.

Quyền hạn của các trưởng khu phố tại các Thành phố Hà Nội và Hải Phòng 1903.

Hồ sơ gồm 23 tờ trong đó có:

- Công văn số 1796 ngày 30-8-1903 của Giám đốc Sở Tư pháp Đông Dương gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc sao hai nghị định liên quan đến quyền hạn của các trưởng khu phố Chợ Lớn.*
- Báo cáo ngày 26-10-1903 của Văn phòng 3 thuộc Phủ Thống sứ gửi Thống sứ Bắc Kỳ về quyền hạn của các trưởng khu phố Hà Nội.*
- Nghị định số 1277^{bis} ngày 18-11-1903 của Thống sứ Bắc Kỳ quy định quyền hạn của các Trưởng khu phố của Hà Nội.*

Và một vài tài liệu khác...

J - 163

BAT, 1904, N^o 4, p. 177-178.

Arrêté du 2 février 1904 du Résident supérieur du Tonkin portant rétablissement de l'emploi de Hiep ly dans la Ville de Hanoï supprimé par décision du 23 février 1897.

Nghị định ngày 2-2-1904 của Thống sứ Bắc Kỳ lập lại chức Hiệp lý trong Thành phố Hà Nội đã bị xoá bỏ bởi quyết định ngày 23-2-1897.

Theo Nghị định, viên Hiệp lý chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện các nghị định của Thành phố được đặt dưới quyền trực tiếp của

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Đốc lý Hà Nội và được thực hiện tất cả những biện pháp do Chính quyền Thành phố đưa ra đối với dân bản xứ của Thành phố Hà Nội.

J - 163

BAT, 1904, N° 7, p. 334.

Arrêté du 21 mars 1904 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'article 2 paragraphe 1er de l'arrêté du 31 décembre 1891, porté à 12 le nombre des conseillers municipaux français de la Vile de Hanoï.

Nghị định ngày 21-3-1904 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi điều 2, tiết 1 của Nghị định ngày 31-12-1891 nâng số uỷ viên người Pháp của Hội đồng Thành phố Hà Nội lên thành 12 người.



J - 163

BAT, 1904, N° 15, p. 668.

Arrêté du 19 juillet 1904 du Gouverneur général de l'Indochine excluant les membres annamites ou chinois des Conseils municipaux des Villes de Hanoï et de Haiphong des votes pour la désination des adjoints, des membres des commissions municipales et des délégués dans les commissions locales.

Nghị định ngày 19-7-1904 của Toàn quyền Đông Dương xoá bỏ quyền bỏ phiếu của các uỷ viên người Việt và người Hoa trong Hội đồng Thành phố Hà Nội trong việc bầu các Phó Đốc lý, các uỷ viên của Ủy ban Thành phố và các đại diện của các uỷ ban địa phương.

RST - 34182

Modification à la composition du Conseil municipal de Hanoï 1904.

Thay đổi thành phần của Hội đồng Thành phố Hà Nội 1904.

Hồ sơ gồm 13 tờ trong đó có:

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

- *Thư ngày 11-3-1904 của ông Lê Lan, uỷ viên Hội đồng Thành phố gửi Đốc lý Hà Nội đề nghị tăng số uỷ viên người Pháp từ 10 lên 12 người.*
 - *Công văn số 292 ngày 12-3-1904 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về đề nghị của ông Lê Lan.*
 - *Báo cáo ngày 16-3-1904 của Trưởng Phòng 3 thuộc Phủ Thống sứ gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc tăng uỷ viên người Pháp của Hội đồng Thành phố Hà Nội.*
 - *Nghị định số 945 ngày 21-3-1904 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi điều 2, khoản 1 của Nghị định ngày 31-12-1891 nâng số uỷ viên người Pháp của Hội đồng Thành phố Hà Nội lên 12 người.*
- Và một số tài liệu khác...*

RST - 6508

Présentation de l'élément indigène au sein des Conseils municipaux 1904-1905.

Sự có mặt của yếu tố bản xứ trong các Hội đồng Thành phố 1904-1905.

Hồ sơ gồm 25 tờ trong đó có:

- *Công văn số 1792/c ngày 18-6-1904 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương về sự có mặt của yếu tố bản xứ trong các Hội đồng Thành phố.*
- *Trích biên bản cuộc họp ngày 30-6-1904 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc xoá bỏ quyền biểu quyết của các uỷ viên người bản xứ trong Hội đồng.*
- *Công văn số 2009/c ngày 11-7-1904 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương về việc xoá quyền biểu quyết của các uỷ viên người bản xứ trong Hội đồng Thành phố Hà Nội.*
- *Nghị định số 2062 ngày 19-7-1904 của Toàn quyền Đông Dương xoá bỏ quyền biểu quyết của các uỷ viên người bản xứ trong việc bầu các Phó Chủ tịch và các thành viên của các Ủy ban Thành phố.*

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Công văn số 290 ngày 30-11-1904 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương về việc Bộ trưởng Bộ Thuộc địa không tán thành Nghị định ngày 19-7-1904 liên quan đến việc rút một số quyền biểu quyết của các uỷ viên người bản xứ và đề nghị Toàn quyền huỷ bỏ Nghị định này.

- Nghị định số 43 ngày 3-1-1905 của Toàn quyền Đông Dương huỷ bỏ Nghị định ngày 19-7-1904.

Và một số tài liệu khác...

J - 165

BAT, 1905, N° 2, p. 59.

Arrêté du 3 janvier 1905 du Gouverneur général de l'Indochine rapportant celui du 19 juillet 1904 en ce qui concerne les membres annamites des Conseils municipaux des Villes de Hanoï et de Haiphong.

Nghị định ngày 3-1-1905 của Toàn quyền Đông Dương huỷ bỏ Nghị định ngày 19-7-1904 về quyền bỏ phiếu bầu các Phó Đốc lý, các thành viên của Ủy ban Thành phố và các đại diện của các uỷ ban địa phương.

MHN - 09

Projets de réorganisation des Conseils municipaux de Hanoï et Haiphong 1904-1906.

Các dự án tổ chức lại Hội đồng Thành phố Hà Nội và Hải Phòng 1904-1906.

Hồ sơ gồm 73 tờ trong đó có:

- Báo cáo ngày 18-8-1904 của phó Toàn quyền gửi Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức lại các Hội đồng Thị chính Hà Nội và Hải Phòng.

- Công văn trao đổi trong tháng 4 và 5-1906 giữa Phó Đốc lý Thành phố Hà Nội và Toàn quyền Đông Dương về dự án tổ chức lại Hội đồng Thị chính Hà Nội.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

- Dự thảo nghị định (không có ngày tháng) về việc tổ chức lại Hội đồng Thị chính Hà Nội.

Và những tài liệu khác...

RST - 3549

Rapport d'enquête sur le fonctionnement de l'Administration municipale de la Ville de Hanoï 1905.

Báo cáo điều tra về hoạt động của Chính quyền Thành phố Hà Nội 1905.

Hồ sơ gồm 47 tờ trong đó có:

- Nghị định số 2579 ngày 12-9-1905 của Quyền Toàn quyền Đông Dương thành lập một uỷ ban nhằm thẩm tra những lời kết tội chống lại một số uỷ viên của Hội đồng Thành phố Hà Nội.
- Báo cáo điều tra ngày 11-10-1905 về hoạt động của Chính quyền Thành phố Hà Nội.

Và những tài liệu khác...

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

J - 165

BAT. 1905, N° 21, p. 897-898.

Arrêté du 18 octobre 1905 du Résident supérieur du Tonkin p.i portant suppression du bureau du Hiep ly de la Ville de Hanoï.

Nghị định ngày 18-10-1905 của Quyền Thống sứ Bắc Kỳ xoá bỏ Nha Hiệp lý của Thành phố Hà Nội.

J - 165

BAT. 1905, N° 21, p. 898.

Arrêté du 18 octobre 1905 du Résident supérieur du Tonkin p.i créant à la Mairie de Hanoï un emploi de chef du Bureau des Affaires indigènes.

Nghị định ngày 18-10-1905 của Quyền Thống sứ Bắc Kỳ lập tại Toà Đốc lý Hà Nội chức Trưởng phòng phụ trách các công việc liên quan đến người bản xứ.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

J - 165

BAT, 1905, N° 23, p. 995-996.

Arrêté du 28 octobre 1905 du l'Administrateur-Maire de la Ville de Hanoï fixant la composition du Bureau des Affaires indigènes de la Résidence-Maire de Hanoï.

Nghị định ngày 28-10-1905 của Đốc lý Hà Nội ấn định thành phần của Phòng phụ trách các công việc liên quan đến người bản xứ thuộc Toà Đốc lý Hà Nội.

MHN - 18

Au sujet d'attributions du Service de la Voirie municipale de Hanoï 1905.

Về chức năng nhiệm vụ của Sở Quản lý Đường bộ Thành phố Hà Nội 1905.

Hồ sơ gồm 6 tờ trong đó có:

- Công văn số 863 ngày 27-10-1905 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội về việc sửa đổi chức năng nhiệm vụ của Sở Quản lý Đường bộ Thành phố Hà Nội được quy định trong điều 48 của Nghị định ngày 31-12-1891.
- Dự thảo công văn ngày 30-10-1905 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về chức năng nhiệm vụ của Sở Quản lý Đường bộ Thành phố Hà Nội.

Và một vài tài liệu khác...

RST - 78943

Au sujet d'enquête sur l'organisation et fonctionnement de divers services relevant de la Mairie de Hanoï 1905-1906.

Điều tra về tổ chức và hoạt động của các phòng ban thuộc Toà Đốc lý Hà Nội 1905-1906.

Hồ sơ gồm 7 tờ trong đó có:

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

- Công văn số 1076 ngày 31-10-1905 của Toàn quyền Đông Dương gửi Thống sứ Bắc Kỳ về báo cáo của Ủy ban điều tra về quản lý của Hội đồng Thành phố Hà Nội.
- Trích báo cáo (không có ngày tháng) của Ủy ban điều tra những sửa đổi liên quan đến hoạt động và tổ chức của một số phòng ban thuộc Thành phố Hà Nội.

Và một vài tài liệu khác...

MHN - 19

Attributions et composition du Bureau des Affaires indigènes de la Mairie de Hanoï 1905-1913.

Quyền hạn và thành phần của Phòng phụ trách các công việc liên quan đến người bản xứ của Tòa Đốc lý Hà Nội 1905-1913.

Hồ sơ gồm 2 tờ trong đó có:

- Quyết định số 191 ngày 25-10-1905 của Đốc lý Hà Nội quy định thành phần của Phòng phụ trách các công việc liên quan đến người bản xứ thuộc Tòa Đốc lý Hà Nội.
- Quyết định số 200 ngày 9-10-1913 của Đốc lý Hà Nội quy định chức năng, nhiệm vụ của Phòng phụ trách các công việc liên quan đến người bản xứ. Theo Nghị định, Phòng này có nhiệm vụ nhận và xem xét các đơn từ; điều tra và lập báo cáo liên quan đến người bản xứ; nhận thực các giấy tờ bằng chữ Hán - Nôm; bầu và bổ nhiệm các Trưởng khu và Trưởng phố; đề xuất thăng cấp và ban thưởng liên quan đến người bản xứ...

MHN - 23

Création et attributions du Bureau des Affaires indigènes de la Mairie de Hanoï 1905-1916.

Lập và quy định quyền hạn của Phòng phụ trách các công việc liên quan đến người bản xứ thuộc Tòa Đốc lý Hà Nội 1905-1916.

Hồ sơ gồm 26 tờ trong đó có:

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- *Nghị định số 1352 ngày 18-10-1905 của Quyền Thống sứ Bắc Kỳ bổ nhiệm tại Toà Đốc lý Hà Nội một Trưởng Phòng phụ trách các công việc liên quan đến người bản xứ.*
 - *Quyết định số 200 ngày 9-10-1913 của Đốc lý Hà Nội quy định chức năng và quyền hạn của Phòng phụ trách các công việc liên quan đến người bản xứ.*
 - *Báo cáo ngày 26-3-1915 của Trưởng Phòng phụ trách các công việc liên quan đến người bản xứ ở Hà Nội về tổ chức và hoạt động của phòng này.*
 - *Nghị định số 617 ngày 23-3-1916 của Quyền Thống sứ Bắc Kỳ xoá bỏ Phòng phụ trách các công việc liên quan đến người bản xứ thuộc Toà Đốc lý Hà Nội và chức Trưởng phòng này.*
- Và một vài tài liệu khác...



RST - 41579

downloadsachmienphi.com

Voeux du Conseil municipal de Hanoi concernant les réformes d'organisation de l'Administration municipale 1906.

Kiến nghị của Hội đồng Thành phố Hà Nội liên quan đến những cải cách về việc tổ chức Chính quyền Thành phố 1906.

Hồ sơ gồm 42 tờ trong đó có:

- *Trích báo cáo của Ủy ban tài chính tại cuộc họp của Hội đồng Thành phố ngày 30-1-1906 về dự thảo ngân sách Thành phố cho năm 1906.*
- *Trích biên bản cuộc họp ngày 26-2-1906 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về những cải cách liên quan đến tổ chức Chính quyền Thành phố.*
- *Báo cáo ngày 5-4-1906 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương về những kiến nghị của Hội đồng Thành phố Hà Nội liên quan đến tổ chức Chính quyền Thành phố.*

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

- Báo cáo ngày 17-4-1906 của Chánh Văn phòng phủ Toàn quyền gửi Toàn quyền Đông Dương về kiến nghị của Hội đồng Thành phố Hà Nội liên quan đến cải cách tổ chức Chính quyền Thành phố.

- Nghị định ngày 16-5-1906 của Toàn quyền Đông Dương quy định thành phần và chức năng của các uỷ ban chuyên môn do Hội đồng Thành phố lập ra để nghiên cứu các vấn đề do Chính quyền Thành phố hoặc các uỷ viên đặt ra cho Hội đồng Thành phố.

Và một số tài liệu khác...

RST - 78649

Instructions du Résident supérieur au Tonkin sur le fonctionnement de l'Administration municipale 1906.

Chỉ thị của Thống sứ Bắc Kỳ về hoạt động của Chính quyền Thành phố 1906.

Hồ sơ gồm công văn số 4761c ngày 28-2-1906 (có 14 tờ) của Quyền Thống sứ Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội về hoạt động của Chính quyền Thành phố Hà Nội.

J - 167

BAT, 1906, N° 11, p. 547-548.

Arrêté du 16 mai 1906 du Gouverneur général de l'Indochine réglant le fonctionnement des Conseils municipaux de Hanoï et de Haiphong.

Nghị định ngày 16-5-1906 của Toàn quyền Đông Dương quy định hoạt động của các Hội đồng Thành phố Hà Nội và Hải Phòng.

Theo Nghị định, Hội đồng Thành phố tổ chức họp 4 kỳ trong một năm vào tháng 2, 5, 8 và 11. Thời gian của mỗi kỳ họp là 15 ngày, trừ kỳ họp tháng 11 là 30 ngày do phải thông qua ngân sách của Thành phố...

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

MHN - 37

Rapport sur le fonctionnement de l'Administration municipale de Hanoï 1906.

Báo cáo về hoạt động của Chính quyền Thành phố Hà Nội 1906.

Hồ sơ gồm 39 tờ trong đó có:

- Công văn ngày 4-7-1906 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ báo cáo về hoạt động của các sở chuyên môn và về sự phát triển của Thành phố từ ngày 1-7-1905.
 - Bản ghi chép về các hoạt động của Chính quyền Thành phố Hà Nội trong năm 1906.
- Và một vài tài liệu khác...

MHN - 36

Instructions du Résident supérieur au Tonkin sur le fonctionnement de l'Administration municipale de Hanoï 1906-1914.

Các thông tư của Thống sứ Bắc Kỳ về hoạt động của Chính quyền Thành phố Hà Nội 1906-1914.

Hồ sơ gồm 9 tờ trong đó có:

- Trích thông tư ngày 28-2-1906 của quyền Thống sứ Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội về hoạt động của Chính quyền Thành phố liên quan đến vấn đề mua bán đất công.
 - Thông tư ngày 28-2-1906 của quyền Thống sứ Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội về hoạt động của Chính quyền Thành phố Hà Nội liên quan đến quản lý tài sản công, thuế, giao thông công chính, quản lý tài chính...
- Và một vài tài liệu khác...

MHN - 50

Rapports annuels sur la situation générale des Services publics municipaux de Hanoï 1906-1921.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

Báo cáo hàng năm về tình hình chung của các công sở thuộc Thành phố Hà Nội 1906-1921.

Hồ sơ gồm 125 tờ trong đó có:

- Báo cáo về tình hình ngân sách của Thành phố Hà Nội đến ngày 31-12-1906.
 - Báo cáo ngày 16-8-1914 của Chánh Sở Cảnh sát Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội về tình hình và hoạt động của Sở Cảnh sát trong thời gian từ 1-7-1913 đến 15-8-1914.
 - Báo cáo ngày 11-7-1912 của Trưởng Phòng Kiểm soát thuế trực thu của Thành phố Hà Nội về hoạt động của Sở thuế từ ngày 1-7-1911 đến 30-6-1912.
 - Báo cáo ngày 18-7-1912 của Trưởng Phòng phụ trách các công việc liên quan đến người bản xứ về hoạt động của Phòng.
 - Báo cáo ngày 20-8-1914 của Trưởng Phòng phụ trách các công việc liên quan đến người bản xứ về hoạt động của Phòng trong thời gian từ ngày 30-6-1913 và 1-4-1914.
- Và một số báo cáo khác của các sở thuộc Thành phố Hà Nội...

J - 169

BAT, 1907, N^o 7, p. 316-317.

Arrêté du 14 mars 1907 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'article 2 de l'arrêté du 31 décembre 1891, organique des Municipalités de Hanoï et de Haiphong.

Nghị định ngày 14-3-1907 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi điều 2 của Nghị định ngày 31-12-1891 về tổ chức Hội đồng Thị chính Hà Nội và Hải Phòng.

Nghị định quy định Hội đồng Thành phố Hà Nội gồm 12 uỷ viên người Pháp và 4 uỷ viên người Việt; chức Đốc lý Thành phố do một viên chức hành chính hạng nhất của Sở Dân sự Đông Dương hoặc viên chức hành chính hạng 2 đảm nhận và do Toàn quyền bổ nhiệm...

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

RST - 10513

Création d'un village flottant à Hanoï 1907-1908.

Lập một làng nổi tại Hà Nội 1907-1908.

Hồ sơ gồm 7 tờ trong đó có:

- Đơn ngày 31-10-1907 của các hộ dân sống trên các bè mảng tại sông Hồng (đoạn thuộc Hà Nội) xin lập một làng nổi.
- Trích báo cáo số 2042 ngày 11-11-1907 của Cảnh sát trưởng Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội tán thành việc lập một làng nổi tại Hà Nội.
- Trích biên bản ngày 28-2-1908 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc lập một làng nổi tại Hà Nội.
- Công văn số 569 ngày 8-5-1908 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc phê chuẩn biên bản cuộc họp ngày 28-2-1908 của Hội đồng Thành phố Hà Nội liên quan đến việc lập một làng nổi.

Và một vài tài liệu khác...

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

RST - 13322

Au sujet du régime des Municipalités du Tonkin 1908.

Về chế độ của các Hội đồng Thị chính của Bắc Kỳ 1908.

Hồ sơ gồm 4 tờ trong đó có:

- Công văn số 7778 ngày 7-6-1908 của Toàn quyền Đông Dương gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc bầu Đốc lý Hà Nội và về chế độ của các Hội đồng Thị chính ở Bắc Kỳ.
- Công văn ngày 9-6-1908 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương về việc bầu Đốc lý Hà Nội.

RST - 13613

Réorganisation des Municipalités de Saigon, Hanoï et Haiphong 1908.

Tổ chức lại các Hội đồng Thị chính Sài Gòn, Hà Nội và Hải Phòng 1908.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

Hồ sơ gồm Sắc lệnh ngày 11-7-1908 của Tổng thống Pháp (dày 89 tờ) về việc tổ chức lại các Hội đồng Thị chính của các Thành phố Sài Gòn, Hà Nội và Hải Phòng. Sắc lệnh quy định tổ chức, chức năng nhiệm vụ và hoạt động của Hội đồng Thành phố, về phương thức bầu chọn Đốc lý và phó Đốc lý, về chế độ kế toán, ngân sách... của Thành phố.

J - 171

BAT, 1908, N° 16, p. 1001-1032.

Décret du 11 juillet 1908 du Président de la République française portant la réorganisation des Municipalités de Saigon, Hanoï et Haiphong.

Sắc lệnh ngày 11-7-1908 của Tổng thống Pháp tổ chức lại các Hội đồng Thị chính của các Thành phố Sài Gòn, Hà Nội và Hải Phòng.

Sắc lệnh quy định tổ chức, chức năng nhiệm vụ và hoạt động của Hội đồng Thành phố, về phương thức bầu chọn Đốc lý và phó Đốc lý, về chế độ kế toán, ngân sách... của Thành phố.

RST - 38418

Application du Décret du 11 juillet 1908 portant la réorganisation des Municipalités de Saigon, Hanoï et Haiphong pour les élections municipales 1908.

Áp dụng Sắc lệnh ngày 11-7-1908 về tổ chức lại các Hội đồng Thị chính của Sài Gòn, Hà Nội và Hải Phòng đối với bầu cử thành phố 1908.

Hồ sơ gồm 28 tờ trong đó có:

- Báo cáo số 109 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương về Sắc lệnh ngày 11-7-1908 của Tổng thống Pháp liên quan đến tổ chức bầu cử Hội đồng Thành phố.
- Báo cáo số 143 ngày 29-7-1908 của Giám đốc Sở Tư pháp Đông Dương gửi Toàn quyền về những quy định liên quan đến tổ chức bầu cử Hội đồng Thành phố theo Sắc lệnh ngày 11-7-1908.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Dự thảo Nghị định tháng 7-1908 của Thống sứ Bắc Kỳ về việc tổ chức bầu cử Hội đồng Thành phố tại Hà Nội và Hải Phòng.

Và một số tài liệu khác...

RST - 13324

Application du Décret du 11 juillet 1908 portant la réorganisation des Municipalités de Haiphong, Hanoï et Saigon 1908.

Áp dụng Sắc lệnh ngày 11-7-1908 về việc tổ chức lại các Hội đồng Thị chính Hải Phòng, Hà Nội và Sài Gòn 1908.

Hồ sơ gồm 8 tờ trong đó có:

- Công văn số 143 ngày 29-7-1908 của Giám đốc Sở Tư pháp Đông Dương gửi Toàn quyền giải thích một số điều liên quan đến quyền hạn của Đốc lý và phó Đốc lý và đến việc bầu các uỷ viên Hội đồng Thành phố Hà Nội.

- Công văn số 1467/h ngày 29-7-1908 của Toàn quyền Đông Dương gửi Thống sứ Bắc Kỳ yêu cầu Thống sứ đưa ra những đề xuất liên quan đến Sắc lệnh ngày 11-7-1908.

Và một vài tài liệu khác...

MHN - 10

Réorganisation des Municipalités de Hanoï, Haiphong et Saigon 1908-1922.

Tổ chức lại các Hội đồng Thị chính Hà Nội, Hải Phòng và Sài Gòn 1908-1922.

Hồ sơ gồm 45 tờ trong đó có:

- Công văn số 6986 ngày 6-8-1908 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội về việc áp dụng Sắc lệnh ngày 11-7-1908 của Tổng thống Pháp về việc tổ chức các Hội đồng Thị chính.

- Công văn số 3928 ngày 2-6-1909 của quyền Thống sứ Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội về việc sửa đổi điều 36 của Sắc lệnh ngày 11-7-1908.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

- *Thư ngày 31-7-1912 của Hội đồng Thành phố Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc sửa đổi một số điều của Sắc lệnh ngày 11-7-1908.*
- *Sắc lệnh ngày 18-8-1921 sửa đổi điều 2 của Sắc lệnh ngày 11-7-1908 về tổ chức Hội đồng Thị chính Hà Nội. Theo đó, Hội đồng Thành phố Hà Nội gồm 8 uỷ viên người Pháp hoặc mang quốc tịch Pháp và 4 uỷ viên người Việt.*
- *Báo cáo ngày 31-8-1922 của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa gửi Tổng thống Pháp về việc sửa đổi Sắc lệnh ngày 11-7-1908.*
- *Sắc lệnh ngày 31-8-1922 của Tổng thống Pháp sửa đổi một số điều của Sắc lệnh ngày 11-7-1908.*

Và một vài tài liệu khác...

RST - 78548

Au sujet réorganisation des chefs de quartiers et de rues de la Ville de Hanoï 1909-1914.

Về việc tổ chức lại các trường khu và trường phố của Thành phố Hà Nội 1909-1914.

Hồ sơ gồm 72 tờ trong đó có:

- *Công văn ngày 18-5-1909 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc phê chuẩn nghị định lập 8 chức trường khu của Thành phố Hà Nội.*
- *Bảng kê những người bản xứ được đề nghị giữ chức Trường khu, lập ngày 17-5-1908.*
- *Báo cáo ngày 24-5-1909 của Trưởng Phòng nhì thuộc phủ Thống sứ gửi Thống sứ Bắc Kỳ về nội dung nghị định lập lại các khu phố do Đốc lý Hà Nội đề nghị phê chuẩn.*
- *Nghị định ngày 18-3-1909 của Đốc lý Hà Nội lập lại chức Trường khu của Thành phố Hà Nội và phân chia Thành phố Hà Nội làm 8 khu.*

- *Danh sách tên của 8 Trường khu của Thành phố Hà Nội được lập ngày 26-11-1909.*
 - *Công văn ngày 11-6-1914 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc tổ chức lại các Trường phố và Trường khu của Thành phố Hà Nội.*
 - *Nghị định ngày 13-6-1914 của Đốc lý Hà Nội chia Thành phố Hà Nội ra làm 8 khu.*
 - *Nghị định ngày 7-7-1914 của Đốc lý Hà Nội quy định chức năng nhiệm vụ, thể thức bầu... các Trường khu và Trường phố của Thành phố Hà Nội.*
- Và một vài tài liệu khác...*

J - 181

BAT, 1913, N° 12, p. 925-929.



Arrêté du 23 mai 1913 du Résident supérieur du Tonkin portant que le Bureau de l'Etat Civil de Hanoi prend le titre de Bureau d'Hygiène et de l'Etat Civil et règlementant le fonctionnement du dit bureau.

Nghị định ngày 23-5-1913 của Thống sứ Bắc Kỳ đổi tên Phòng Hộ tịch của Thành phố Hà Nội thành Phòng Vệ sinh và Hộ tịch Thành phố và ấn định chức năng nhiệm vụ của phòng này.

RST - 22439

Arrêté portant la division la Ville de Hanoi en huit quartiers 1914.

Nghị định chia thành phố Hà Nội ra thành 8 khu 1914.

Hồ sơ có 8 tờ, gồm dự thảo Nghị định tháng 5-1914 của Đốc lý Hà Nội về việc chia Thành phố Hà Nội ra làm 8 khu.

J - 185

BAT, 1914, N° 15, p. 1302-1308.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

Arrêté du 7 juillet 1914 du l'Administrateur-Maire de la Ville de Hanoi fixant des attributions des chefs de quartiers et chef de rues de la Ville de Hanoi et règlementant les conditions de leurs nomination.

Nghị định ngày 7-7-1914 của Đốc lý Hà Nội quy định chức năng nhiệm vụ, thể thức bầu các Trưởng khu và Trưởng phố của Thành phố Hà Nội.

J - 185

BAT. 1914, N° 16, p. 1447-1456.

Arrêté du 17 juillet 1914 du l'Administrateur-Maire de la Ville de Hanoi fixant le nombre et la zone d'attribution des chefs de rue de la Ville de Hanoi.

Nghị định ngày 17-7-1914 của Đốc lý Thành phố Hà Nội quy định số lượng các Trưởng phố trong mỗi khu và quy định phạm vi quản lý của mỗi Trưởng phố.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

MHN - 32

Organisation des quartiers indigènes et attributions des chefs de quartiers et de rues de la Ville de Hanoi 1914-1935.

Tổ chức các khu bản xứ và nhiệm vụ của các Trưởng khu và Trưởng phố của Thành phố Hà Nội 1914-1935.

Hồ sơ gồm 37 tờ trong đó có:

- *Nghị định số 77 ngày 7-7-1914 của Đốc lý Hà Nội quy định chức năng nhiệm vụ và các thể thức bầu các Trưởng khu và Trưởng phố của Thành phố Hà Nội.*
- *Nghị định ngày 26-7-1928 của Đốc lý Hà Nội ấn định số lượng và phạm vi của các Trưởng phố thuộc khu thứ nhất của Thành phố Hà Nội.*
- *Công văn ngày 6-3-1929 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội về việc chứng nhận các giấy tờ của người bản xứ để đăng ký vào sổ thuế đất.*

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- *Nghị định ngày 19-10-1933 của Đốc lý Hà Nội quy định quyền hạn, cách tuyển dụng, trợ cấp... các Trưởng khu và Trưởng phố của Thành phố Hà Nội.*
- *Bản dịch công văn của một số Trưởng phố gửi Đốc lý Hà Nội nêu những khó khăn trong việc điều tra các công trình văn hoá của Thành phố do sự phân chia mới các khu gây ra.*

J - 189

BAT, 1916, N° 7, p. 430-431.

Décret du 19 janvier 1916 du Président de la République française modifiant les articles 27 et 41 du Décret du 11 juillet 1908 réorganisés le Municipalité de Hanoï.

Sắc lệnh ngày 19-1-1916 của Tổng thống Pháp sửa đổi các điều 27 và 41 của Sắc lệnh ngày 11-7-1908 về tổ chức lại Hội đồng Thị chính Thành phố Hà Nội.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

J - 329

BMHN, 1916, N° 4-5-6, p. 284.

Arrêté du 23 mars 1916 du Résident supérieur p.i du Tonkin portant la suppression le Bureau des Affaires indigènes de la Mairie de Hanoï et l'emploi de chef du dit Bureau.

Nghị định ngày 23-3-1916 của Quyền Thống sứ Bắc Kỳ xoá bỏ Phòng phụ trách các công việc liên quan đến người bản xứ Hà Nội và chức Trưởng phòng này.

J - 329

BMHN, 1916, N° 4-5-6, p. 286-290.

Arrêté du 13 avril 1916 du Résident-Maire de la Ville de Hanoï fixant les attributions des différents services de la Résidence - Maire de Hanoï.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

Nghị định ngày 13-4-1916 của Đốc lý Hà Nội quy định về tổ chức và quyền hạn của các phòng ban và các sở trực thuộc Tòa Đốc lý.

Theo Nghị định, các phòng ban bao gồm: Văn phòng, Phòng Hộ tịch và Vệ sinh, Phòng Kế toán, Phòng Quản lý Giao thông đường bộ...

MHN - 21

Organisation et attributions des différents services de la Mairie de Hanoï 1916-1920.

Tổ chức và chức năng nhiệm vụ của các phòng ban thuộc Tòa Đốc lý Hà Nội 1916-1920.

Hồ sơ gồm 18 tờ trong đó có:

- *Quyết định số 68 ngày 13-4-1916 của Đốc lý Hà Nội quy định về tổ chức và quyền hạn của các phòng ban và các sở trực thuộc Tòa Đốc lý trong đó có các phòng ban: Văn phòng, Phòng Hộ tịch và Vệ sinh, Phòng Kế toán, Phòng Quản lý Giao thông đường bộ...*
- *Quyết định số 59 ngày 13-3-1920 của Đốc lý Hà Nội chỉ định một số công chức của Thành phố được uỷ quyền ký thay Đốc lý.*

J - 191

BAT, 1917, N° 13, p. 652.

Arrêté du 12 juin 1917 du Résident supérieur p.i du Tonkin rattachant le Bureau de l'Etat Civil de la Ville de Hanoï au Secrétariat et le Bureau Municipal d'Hygiène au Service de la Voirie.

Nghị định ngày 12-6-1917 của Quyền Thống sứ Bắc Kỳ sáp nhập Phòng Hộ tịch của Thành phố Hà Nội vào Văn phòng và Phòng Vệ sinh vào Sở Quản lý Đường bộ.

Theo Nghị định, Phòng Hộ tịch của Thành phố Hà Nội được tách khỏi Phòng Vệ sinh và Hộ tịch và được sáp nhập vào Văn phòng; Phòng Vệ sinh của Thành phố được tổ chức bởi Nghị định ngày 23-5-1913 được sáp nhập vào Sở Quản lý Đường bộ.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

J - 332

BMHN, 1917, N° 3, p. 223-224.

Arrêté du 15 juin 1917 du Résident-Maire de la Ville de Hanoï modifiant l'Arrêté du 13 avril 1916 fixé les attributions des différents services de la Résidence-Maire de Hanoï.

Nghị định ngày 15-6-1917 của Đốc lý Hà Nội sửa đổi Nghị định ngày 13-4-1916 ấn định chức năng nhiệm vụ của các phòng ban và các sở thuộc Tòa Đốc lý Hà Nội.

Theo Nghị định, các vấn đề về vệ sinh của Thành phố, trước đây do Phòng Vệ sinh Thành phố nghiên cứu, được chia cho Văn phòng và Sở Quản lý Đường bộ đảm nhận do có sự thay đổi bởi Nghị định ngày 12-6-1917 của Quyền Thống sứ Bắc Kỳ.



J - 340

BMHN, 1921, N° 7, p. 409-410.

Arrêté du 29 juin 1921 du Résident-Maire de la Ville de Hanoï réorganisant les attributions des différents services de la Résidence Mairie de Hanoï.

Nghị định ngày 29-6-1921 của Đốc lý Hà Nội quy định lại chức năng nhiệm vụ của các phòng ban và các sở thuộc Tòa Đốc lý Hà Nội.

Nghị định quy định chức năng nhiệm vụ của Chánh Văn phòng, thành phần và nhiệm vụ của Văn phòng, chức năng nhiệm vụ của các phòng ban và các sở trực thuộc Tòa Đốc lý như: Sở Địa chính Hà Nội, Sở Quản lý Đường bộ... Theo nghị định, Sở Vệ sinh được sáp nhập vào Sở Quản lý Đường bộ và Công chính.

J - 340

BMHN, 1921, N° 9, p. 472.

Décret du 18 août 1921 du Président de la République française modifiant l'article N° 2 du Décret du 11 juillet 1908 organisé la Municipalité de Hanoï.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

Sắc lệnh ngày 18-8-1921 của Tổng thống Pháp sửa đổi điều 2 của Sắc lệnh ngày 11-7-1908 về tổ chức Hội đồng Thị chính Hà Nội.

Theo Sắc lệnh này, Hội đồng Thành phố Hà Nội gồm 8 uỷ viên người Pháp hoặc mang quốc tịch Pháp và 4 uỷ viên người Việt.

MHN - 28

Organisation du Contrôle des contributions directes de la Ville de Hanoï 1921-1942.

Tổ chức Sở Kiểm soát thuế trực thu của Thành phố Hà Nội 1921-1942.

Hồ sơ gồm 20 tờ trong đó có:

- Nghị định ngày 11-5-1921 của Thống sứ Bắc Kỳ bổ nhiệm ông Depert làm kiểm soát viên của Sở Kiểm soát thuế trực thu của Thành phố Hà Nội.
- Nghị định ngày 29-1-1926 của Thống sứ Bắc Kỳ bổ nhiệm ông Batsere làm kiểm soát viên của Sở Kiểm soát thuế trực thu của Thành phố Hà Nội.
- Công văn trao đổi ngày 17-1 và 31-1-1927 giữa Thống sứ Bắc Kỳ và quyền Giám đốc Sở Tài chính Đông Dương về việc trả phụ cấp cho kiểm soát viên của Sở Kiểm soát thuế trực thu của Thành phố Hà Nội.
- Công văn ngày 24-1-1942 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội về việc sáp nhập Sở Kiểm soát thuế trực thu Hà Nội vào phủ Thống sứ Bắc Kỳ.
- Công văn ngày 25-1-1942 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về một số khó khăn liên quan đến tổ chức của Sở Kiểm soát thuế trực thu Hà Nội.

Và một số tài liệu khác...

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

J - 1976

BAT, 1922, N° 7, p. 775.

Arrêté du 31 mars 1922 du Résident supérieur du Tonkin portant la suppression l'Arrêté du 12 juin 1917 rattachant le Bureau Municipal d'Hygiène au Service de la Voirie.

Nghị định ngày 31-3-1922 của Thống sứ Bắc Kỳ huỷ bỏ Nghị định ngày 12-6-1917 sáp nhập phòng Vệ sinh vào Sở Quản lý Đường bộ.

Theo Nghị định này, Phòng Vệ sinh Thành phố sẽ trở lại như nó đã được tổ chức bởi Nghị định ngày 23-5-1913.

J - 342

BMHN, 1922, N° 4, p. 269.

Décision du 18 avril 1922 du l'Administrateur-Maire de la Ville de Hanoi instituant, à titre provisoire, un bureau permanent d'Hygiène de la Ville de Hanoi.

Quyết định ngày 18-4-1922 của Đốc lý Hà Nội lập một Phòng Vệ sinh tạm thời của Thành phố Hà Nội.

Quyết định cũng ấn định thành phần của Phòng Vệ sinh tạm thời (gồm 3 nhân viên người Pháp và 7 nhân viên người Việt).

J - 349

BMHN, 1926, N° 10, p. 680-685.

Décret du 14 septembre 1926 du Président de la République française portant la réorganisation des Municipalités de Saigon, Hanoi et Haiphong (promulgué le 3 octobre 1926).

Sắc lệnh ngày 14-9-1926 của Tổng thống Pháp tổ chức lại các Hội đồng Thị chính Sài Gòn, Hà Nội và Hải Phòng (công bố ngày 3-10-1926).

Theo Sắc lệnh này, số uỷ viên của Hội đồng Thành phố người Pháp hoặc mang quốc tịch Pháp là 12 người và số uỷ viên người Việt là

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

6 người. Sắc lệnh cũng quy định lại các thể thức bầu uỷ viên hội đồng, các Đốc lý và phó Đốc lý...

RST - 78674

Arrêté sur la réorganisation des statuts des chefs de rue de Hanoï 1933.

Nghị định về việc tổ chức lại quy chế của các Trường phố của Hà Nội 1933.

Hồ sơ gồm 35 tờ trong đó có:

- Công văn ngày 27-10-1933 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội về việc sửa đổi một số điều của dự thảo nghị định về việc tổ chức lại quy chế của các Trường phố của Hà Nội.
- Nghị định của Đốc lý Hà Nội quy định quyền hạn, thể thức bầu chọn, trợ cấp... của các Trường phố của Thành phố Hà Nội.
- Và một vài tài liệu khác...

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

MHN - 27

Placement du Service de la Voirie sous le contrôle du Service des Travaux Publics 1936-1937.

Đặt Sở Quản lý Đường bộ dưới sự kiểm soát của Sở Công chính 1936-1937.

Hồ sơ gồm 9 tờ trong đó có:

- Điện ngày 9-3-1936 của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa gửi các Toàn quyền của các thuộc địa yêu cầu tổ chức lại việc quản lý các Sở Công chính.
- Báo cáo ngày 23-5-1936 của Tổng Thanh tra Công chính Đông Dương gửi Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức lại việc quản lý các Sở Công chính của Đông Dương.
- Công văn ngày 26-6-1936 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc đặt Sở Quản lý Đường bộ của Hà Nội dưới quyền kiểm soát của Khu Công chính Bắc Kỳ.
- Và một vài tài liệu khác...

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

J - 382

BMHN, 1938, N° 5, p. 302.

Décision N° 244 du 5 juillet 1938 du l'Administrateur-Maire de la Ville de Hanoï rattachant au Secrétariat le Bureau des Autorisations de construire.

Quyết định số 244 ngày 5-7-1938 của Đốc lý Hà Nội sáp nhập Phòng cấp phép xây dựng vào Văn phòng thuộc Toà Đốc lý Hà Nội.

J - 387

BMHN, 1941, N° 9, p. 385-394.

Arrêté du 7 octobre 1941 du l'Administrateur - Maire de la Ville de Hanoï fixant les attributions des différents services de la Mairie de Hanoï.

Nghị định ngày 7-10-1941 của Đốc lý Hà Nội ấn định tổ chức và nhiệm vụ của các phòng ban và các sở thuộc Toà Đốc lý.

Theo Nghị định này, Toà Đốc lý gồm Văn Phòng, Phòng Tài chính, Sở Quản lý Đường bộ, Sở Nhà đất, Sở Địa chính và Sở Trồng trọt .

MHN - 22

Organisation et attributions des différents services de la Mairie de Hanoï 1941-1944.

Tổ chức và quyền hạn của các phòng ban và các sở thuộc Toà Đốc lý Hà Nội 1941-1944.

Hồ sơ gồm 46 tờ trong đó có:

- Các công văn đề tháng 9-1941 của các sở thuộc Toà Đốc lý gửi Đốc lý Thành phố Hà Nội trả lời thông tri số 3706-A ngày 23-9-1941 về việc cập nhật các quyền hạn của các sở.
- Nghị định số 328 ngày 7-10-1941 của Đốc lý Hà Nội về việc ấn định tổ chức và quyền hạn của các phòng ban và sở trực thuộc Toà Đốc lý. Theo Nghị định, Toà Đốc lý Hà Nội gồm: Văn phòng,

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

Phòng Tài chính, Phòng Vệ sinh, Phòng Công thổ, Phòng Địa chính và Phòng Trồng trọt.

Và một số tài liệu khác...

RST - 81452

Organisation de la Délégation spéciale de Hanoï 1941-1944.

Tổ chức Đại lý đặc biệt Hà Nội 1941-1944.

Hồ sơ gồm 19 tờ trong đó có:

- *Nghị định số 7071 ngày 18-10-1941 của Toàn quyền Đông Dương về việc lập quy hoạch và mở rộng Thành phố Hà Nội. Theo Nghị định, tất cả các xã nằm trong huyện Hoàn Long, các tổng Thanh Trì, Thịnh Liệt, Khương Đình của huyện Thanh Trì, các tổng Dịch Vọng, Xuân Tảo, Phú Gia của phủ Hoài Đức thuộc tỉnh Hà Đông nằm trong phạm vi quy hoạch Thành phố.*
- *Nghị định số 8056 ngày 18-11-1941 của Toàn quyền Đông Dương về việc nghiên cứu và lập các bản đồ quy hoạch và mở rộng Thành phố Hà Nội.*
- *Nghị định ngày 25-8-1942 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn Dự ngày 11-7-1942 về việc quy hoạch và mở rộng Thành phố Hà Nội.*
- *Nghị định ngày 31-12-1942 của Toàn quyền Đông Dương về tổ chức hành chính và tài chính của Đại lý đặc biệt Hà Nội. Theo đó, khu ngoại ô Hà Nội được nhượng cho Pháp bởi Dự ngày 11-7-1942, được tách khỏi tỉnh Hà Đông kể từ ngày 1-1-1943 đặt dưới quyền quản lý của Đốc lý Hà Nội và lập một đơn vị hành chính mới lấy tên là Đại lý đặc biệt Hà Nội.*

Và một vài tài liệu khác...

J - 389

BMHN, 1942, N° 3, p. 69.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Décision N° 76 du 9 mars 1942 du l'Administrateur-Maire de la Ville de Hanoï rattachant au Service financier le Service des Taxes perçues sur ordres de recettes et tickets ainsi que les taxes diverses.

Quyết định số 76 ngày 9-3-1942 của Đốc lý Hà Nội sáp nhập Phòng Thu thuế vào Phòng Tài chính của Tòa Đốc lý.

RST - 58964

Au sujet d'organisation intérieure de la Délégation spéciale de Hanoï 1942-1943.

Về tổ chức bên trong của Đại lý đặc biệt Hà Nội 1942-1943.

Hồ sơ gồm 48 tờ trong đó có:

- Công văn số 1002/A ngày 16-1-1942 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức khu ngoại ô Hà Nội.
- Công văn ngày 27-12-1942 của Toàn quyền Đông Dương gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc ấn định ranh giới của nhượng địa Hà Nội.
- Nghị định số 9465 ngày 31-12-1942 của Toàn quyền Đông Dương ấn định địa giới của khu ngoại ô Hà Nội được nhượng cho Pháp theo Dụ số 59 ngày 11-7-1942 và tổ chức Đại lý đặc biệt của Thành phố Hà Nội.

Và một vài tài liệu khác...

MHN - 29

Réorganisation du personnel de Résidence Mairie de Hanoï 1943.

Tổ chức lại nhân sự của Tòa Đốc lý Hà Nội 1943.

Hồ sơ gồm 21 tờ trong đó có:

- Công văn ngày 24-6-1943 của Toàn quyền Đông Dương gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc gửi báo cáo về thành phần và việc sử dụng nhân sự của Tòa Đốc lý Hà Nội và đề nghị Thống sứ lập kế hoạch tổ chức lại.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

- Báo cáo ngày 10-6-1943 của Trưởng Phòng Nhân sự về thành phần và việc sử dụng nhân sự của Tòa Đốc lý Hà Nội.
- Công văn ngày 18-8-1943 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương về vấn đề tổ chức nhân sự và các phòng ban của Tòa Đốc lý Hà Nội.

Và một vài tài liệu khác...

MHN - 30

Dossier concernant les diverses affaires des Services publics municipaux de Hanoï 1943-1945.

Hồ sơ liên quan đến các việc khác nhau của các Sở thuộc Thành phố Hà Nội 1943-1945.

Hồ sơ gồm 135 tờ trong đó có:



- Bảng phân công công việc, bảng kê nhân sự và lương của Phòng phụ trách các công việc liên quan đến người bản xứ do Trưởng phòng lập tháng 3-1945.

- Báo cáo ngày 31-3-1945 của Trưởng Phòng phụ trách các công việc liên quan đến người bản xứ gửi Đốc lý Hà Nội về tình hình hoạt động của phòng.

Và một số tài liệu khác...

VNDQCB - số 16, 29-12-1945, tr. 197-201.

Sắc lệnh số 77 ngày 21-12-1945 của Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tổ chức chính quyền nhân dân ở các thị xã và thành phố. Theo Sắc lệnh, Hà Nội được đặt làm Thành phố và được đặt trực tiếp dưới quyền Chính phủ trung ương. Tổ chức chính quyền Thành phố Hà Nội gồm ba cơ quan: Hội đồng Nhân dân Thành phố, Ủy ban Hành chính Thành phố và Ủy ban Hành chính khu phố. Ngoài ra, Sắc lệnh còn quy định cách thức tổ chức, quyền hạn, nhiệm vụ và phương pháp làm

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

việc của Hội đồng Nhân dân, của Ủy ban Hành chính Thành phố và Ủy ban Hành chính khu phố...

VNDQCB - số 1, 5-1-1946, tr. 1.

Danh sách Chính phủ Liên hiệp lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thành lập từ ngày mồng một tháng giêng năm 1946.

VNDQCB - số 1, 5-1- 1946, tr. 2-11.

Nghị định số 164 ngày 29-12-1945 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ấn định thể lệ bầu cử các Hội đồng nhân dân và Ủy ban Hành chính xã, huyện, tỉnh và kỳ.

Nghị định gồm:

- *Chương thứ nhất (bầu cử Hội đồng nhân dân): từ điều 1 đến điều 39 quy định chi tiết về cách tính số hội viên, danh sách ứng cử, danh sách cử tri, cổ động bầu cử, tổ chức bầu cử, điểm phiếu, kiểm soát bầu cử, tuyên bố kết quả và bầu cử lần thứ 2, khiếu nại và các hội viên dự khuyết.*
- *Chương thứ hai (bầu cử Ủy ban Hành chính): từ điều 40 đến điều 98 quy định chi tiết về bầu cử các cấp từ thấp đến cao (Ủy ban Hành chính xã, huyện, tỉnh, kỳ) và quy định về khiếu nại.*
- *Chương thứ ba (điều khoản chung): từ điều 99 đến điều thứ 100.*

VNDQCB - số 4, 26-1- 1946, tr. 42.

Sắc lệnh số 3 ngày 9 tháng giêng 1946 của Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ấn định ngày họp Quốc dân đại hội.

Theo Sắc lệnh, Quốc dân đại hội sẽ họp tại Hà Nội vào ngày chủ nhật 3-3-1946.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

VNDQCB - số 15, 13-4-1946, tr. 203-212.

Biên bản buổi họp toàn thể đại hội lần thứ nhất diễn ra tại Nhà Hát lớn Thành phố vào lúc 8 giờ sáng ngày 2-3-1946.

Theo biên bản, đây là cuộc họp toàn thể đại biểu toàn quốc được cử ra do cuộc tổng tuyển cử những ngày 23 tháng chạp 1945 và móng 6 tháng giêng 1946 bằng lối phổ thông đầu phiếu, theo các Sắc lệnh ngày 8-9-1945 và 17-10-1945 của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Những đại biểu có mặt trong cuộc họp này đã họp thành Quốc hội (có danh sách đại biểu có mặt và vắng mặt kèm theo).

VNDQCB - số 36, 7-9-1946, tr. 475.

Nghị định ngày 23-8-1946 của Chủ tịch Ủy ban Hành chính Thành phố Hà Nội Trần Duy Hưng chuẩn y danh sách nhân viên các Ủy ban Hành chính khu phố Hà Nội được bầu trong hai cuộc bầu cử ngày 16-6 và 30-6-1946.

Theo Nghị định, các khu Trúc Bạch, Đống Xuân, Thăng Long, Đống Thành, Đống Kinh Nghĩa Thục, Hoàn Kiếm, Văn Miếu, Quán Sứ, Đại học, Bảy Mẫu, Chợ Hôm, Đống Đa, Long Biên, Đống Nhân, Vạn Thái, Bạch Mai và Lò Đức, mỗi khu 5 nhân viên gồm 1 Chủ tịch, 1 Phó Chủ tịch, 1 Thư ký và 2 uỷ viên.

TCHN - 41

Cải cách thể thức tuyển bổ nhân viên hành chính các khu phố ở Hà Nội 1948-1949.

Hồ sơ có 48 tờ, gồm:

- Báo cáo ngày 1-9-1948 của Chủ sự Phòng Pháp chế thuộc Toà Thị chính Hà Nội đề nghị cải cách thể thức tuyển bổ nhân viên hành chính các khu phố.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Báo cáo ngày 1-9-1948 của Chủ sự Phòng Pháp chế thuộc Toà Thị chính Hà Nội về dự định cải tổ ngạch Tiểu khu Trưởng của Thành phố Hà Nội.
 - Trích biên bản cuộc họp ngày 3-9-1948 của các đại khu trưởng và tiểu khu trưởng của Thành phố Hà Nội tại Toà Thị chính về cải cách chế độ Đại khu Trưởng và Tiểu khu Trưởng.
 - Nghị định ngày 9-11-1948 của Thị trưởng Hà Nội bãi bỏ chức vụ Đại khu trưởng và đổi chức Tiểu khu Trưởng thành Khu Trưởng. Nghị định này cũng quy định các viên chức không được tuyển bổ làm Trưởng khu.
 - Trích báo cáo ngày 9-2-1949 của Trưởng Phòng Hành chính gửi Thị trưởng Hà Nội về tổ chức lại các khu và quy chế của các Trưởng khu.
 - Trích báo cáo ngày 19-2-1949 của Thị trưởng Hà Nội về việc giảm số lượng các Trưởng khu và ấn định chức năng nhiệm vụ của họ.
 - Bản dự thảo nghị định (năm 1949) của Thị trưởng Hà Nội chia thành phố ra làm 25 khu và được đánh số từ 1 đến 25. Dự thảo nghị định còn quy định chức năng nhiệm vụ, điều kiện bầu... các Trưởng khu.
 - Công văn ngày 12-6-1952 của Thị trưởng Hà Nội gửi Thủ hiến Bắc Việt đề nghị bãi bỏ chế độ Khu Trưởng.
 - Bản đồ hành chính Thành phố Hà Nội phân định ranh giới giữa các khu (gồm 25 khu), tỷ lệ 1/10.000, khổ 50,5 x 71,5cm.
- Và một số tài liệu khác... Trong hồ sơ này có nhiều tài liệu bằng chữ quốc ngữ.

SCDHN - 795

Organisation et fonctionnement du Service du Cadastre et du Domaine urbains de la Ville d'Hanoï 1948-1953.

Tổ chức và hoạt động của Ty Địa chính và Công thổ của Thành phố Hà Nội 1948-1953.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

Hồ sơ có 76 tờ, gồm:

- *Trích báo cáo ngày 14-7-1948 của Giám đốc Ty Địa chính và Công thổ thuộc Thành phố Hà Nội về tổ chức và hoạt động của Ty kèm theo sơ đồ chỉ dẫn tổ chức và phân bố nhân sự.*
- *Báo cáo ngày 18-12-1948 của Giám đốc Ty Địa chính và Công thổ Hà Nội về hoạt động của Ty từ tháng 7 đến 12-1948.*
- *Dự thảo Nghị định (tháng 3-1949) của Thị trưởng Thành phố Hà Nội về tổ chức Ty Địa chính và Công thổ Hà Nội.*
- *Các báo cáo của Giám đốc Ty Địa chính và Công thổ Hà Nội về hoạt động của Ty trong các năm từ 1949 đến 1953.*

Và một số tài liệu khác... Trong hồ sơ này có nhiều tài liệu bằng chữ quốc ngữ.



TCHN - 23/01

downloadsachmienphi.com

Về việc tổ chức lại các đơn vị trực thuộc Toà Thị chính Hà Nội 1948-1952.

Hồ sơ có 113 tờ gồm:

- *Nghị định ngày 27-10-1948 của Thị trưởng Thành phố Hà Nội lập Phòng Kinh tế Thành phố thuộc Toà Thị chính. Theo Nghị định, Phòng Kinh tế có trách nhiệm điều tra thời giá các hoá phẩm, dụng phẩm và thực phẩm cần thiết cho đời sống hàng ngày của Thành phố; kiểm soát giá hàng do Hội đồng Hoá giá Thành phố ấn định; nghiên cứu các phương sách để làm hạ giá sinh hoạt và nghiên cứu việc tiếp tế lương thực cho Thành phố.*
- *Tờ trình ngày 1-7-1952 của Trưởng Phòng Pháp chế và Nhà cửa gửi Thị trưởng Hà Nội về việc thành lập phòng Thông tin Mỹ nghệ thuộc Thành phố.*
- *Tờ trình ngày 4-7-1952 của Trưởng Ty Kinh tế Thành phố gửi Thị trưởng về việc sử dụng Phòng Thông tin Mỹ nghệ.*

- Nghị định ngày 5-7-1952 của Thị trưởng Hà Nội lập một Phòng Thông tin Mỹ nghệ tại Hà Nội nhằm mục đích khuyến khích các nhà công nghệ Việt Nam trong việc trưng bày và quảng cáo trong nước cũng như ở ngoại quốc các sản phẩm do họ chế tạo ra, giúp đỡ các nhà công nghệ có thêm khả năng để phát triển tài nghệ, sưu tầm vật liệu và chỉ dẫn cho họ về phương diện chuyên môn. Phòng này sẽ trực thuộc Ty Kinh tế Thành phố.
- Nghị định ngày 27-10-1948 của Thị trưởng Hà Nội lập một Phòng Cứu tế Xã hội tại Toà Thị chính. Nhiệm vụ của Phòng là phụ trách các công việc xã hội và từ thiện, tổ chức việc chẩn tế cho dân nghèo ở nội thành.
- Nghị định ngày 15-7 được bổ sung ngày 31-7-1948 của Thị trưởng Hà Nội lập tại Toà Thị chính Hà Nội các phòng: Pháp chế, Văn thư, Nhân sự và Kế toán. Nghị định này cũng quy định chức năng và nhiệm vụ của các phòng nói trên.
- Nghị định ngày 21-2-1949 của Thị trưởng Hà Nội tổ chức lại và ấn định chức năng nhiệm vụ của các phòng và các sở thuộc Toà Thị chính Hà Nội. Theo Nghị định, Toà Thị chính gồm: Phòng Hành chính, Phòng Hộ tịch và Thị thực, Phòng Kinh tế, Phòng Pháp chế và Nhà cửa, Phòng Cứu tế Xã Hội, Phòng Thuế Thành phố, Phòng Kế toán, Sở Vệ sinh, Sở Công chính Thành phố, Sở Địa chính và Công thổ, Sở Thú y...
- Nghị định ngày 28-12-1949 của Thị trưởng Hà Nội sửa đổi điều 1 của Nghị định ngày 21-2-1949 tổ chức và ấn định chức năng nhiệm vụ của Phòng Hành chính và Phòng Thuế Thành phố.
- Nghị định ngày 2-2-1951 của Thị trưởng Hà Nội xoá bỏ Phòng Kinh tế được lập bởi Nghị định ngày 21-12-1949 và lập một Sở Kinh tế Thành phố và ấn định chức năng nhiệm vụ của Sở. Theo Nghị định, Sở này gồm: Ban Tiếp tế, Ban Kiểm soát các chợ và Ban Thống kê.

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

- *Nghị định ngày 15-4-1950 của Thị trưởng Hà Nội sửa đổi Nghị định ngày 28-12-1949 về tổ chức và ấn định chức năng nhiệm vụ của Phòng Thuế Thành phố.*
 - *Nghị định ngày 24-11-1951 của Thị trưởng Hà Nội ấn định thành phần của các phòng sự vụ thuộc Tòa Thị chính Hà Nội. Theo Nghị định, Tòa Thị chính gồm: Phòng Công văn; Phòng Nhân sự; Kế Toán và Vật liệu; Phòng Hành chính; Phòng Pháp chế và Nhà cửa; Phòng Kinh tế và Phòng Xã hội.*
 - *Nghị định ngày 23-4-1952 của Thị trưởng Hà Nội ấn định thành phần và chức năng nhiệm vụ của các phòng ban và các ty của Tòa Thị chính Hà Nội.*
 - *Nghị định ngày 22-7-1953 của Thị trưởng Hà Nội ấn định thành phần và chức năng nhiệm vụ của các phòng và các ty thuộc Tòa Thị chính Hà Nội.*
- Và một số tài liệu khác... Trong hồ sơ này có nhiều tài liệu bằng chữ quốc ngữ.*

SCDHN - 790

Notice sur activité du Service du Cadastre et du Domaine urbain de la Ville d'Hanoi 1949-1952.

Tiểu dẫn về hoạt động của Sở Địa chính và Công thổ Thành phố Hà Nội 1949-1952.

Hồ sơ có 15 tờ gồm:

- *Công văn ngày 24-1-1949 của Công ty Général Edition And Publicity service gửi Thị trưởng Hà Nội về việc in ấn cuốn "Chuyên khảo các thành phố lớn trên thế giới" và đề nghị Thị trưởng cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến lịch sử, kinh tế, hành chính... của Thành phố Hà Nội và liên quan đến hoạt động của các*

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

phòng ban và sở trực thuộc Toà Thị chính để biên soạn sách.

- *Tiểu dẫn do Sở Địa chính và Công thổ Thành phố Hà Nội lập năm 1949 về hoạt động của Sở từ sau sự kiện ngày 19-12-1946 và các hoạt động trong năm 1947, 1948.*

- *Tờ trình do Trường ty Địa chính và Công thổ Hà Nội lập ngày 10-11-1950 về những công việc chính của Ty Địa chính.*

- *Báo cáo ngày 19-5-1952 của Trường Ty Địa chính và Công thổ Hà Nội về các công việc đã được Ty thực hiện từ năm 1947-1952.*

Và một số tài liệu khác... Trong hồ sơ này có nhiều tài liệu bằng chữ quốc ngữ.

TCHN - 41/03

Về việc thành lập các Hội đồng Khu phố trong Thành phố Hà Nội 1951-1954.

Hồ sơ có 91 tờ gồm:

- *Công văn ngày 8-1-1951 của Thị trưởng Hà Nội gửi Thủ hiến Bắc Việt đề nghị thành lập trong mỗi khu phố một hội đồng giống như Hội đồng Tộc biểu ở các làng xã để giúp Khu Trưởng giải quyết mọi việc liên quan đến khu phố.*

- *Công văn ngày 23-1-1951 của Thủ hiến Bắc Việt gửi Thị trưởng Hà Nội đề nghị xem xét lại việc lập Hội đồng Khu phố vì đã có Hội đồng Thành phố đại diện cho dân chúng và Hội đồng Thành phố có thể sánh với Hội đồng Tộc biểu hàng xã.*

- *Công văn ngày 14-2-1951 của Thị trưởng Hà Nội gửi Thủ hiến Bắc Việt giải trình về lý do lập Hội đồng Khu phố.*

- *Nghị định ngày 24-3-1951 của Thị trưởng Hà Nội thành lập tại mỗi khu phố trong Thành phố Hà Nội một Hội đồng Khu phố để giúp việc cho Khu trưởng. Nghị định cũng quy định cách thức bầu các uỷ viên, ấn định quyền hạn của Hội đồng.*

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

- *Nghị định ngày 6-11-1951 của Thị trưởng Hà Nội bổ nhiệm các uỷ viên của các Hội đồng Khu phố.*

Và một số tài liệu khác liên quan đến các hoạt động của các Hội đồng Khu phố... Trong hồ sơ này có nhiều tài liệu bằng chữ quốc ngữ.

TCHN - 62

Về việc tổ chức bầu cử Hội đồng Nhân dân Thành phố Hà Nội 1952-1954.

Hồ sơ có 127 tờ gồm:

- *Công văn ngày 16-12-1952 của Thủ hiến Bắc Việt gửi Thị trưởng Hà Nội về việc bầu cử Hội đồng Thành phố để thay thế cho Thị chính Ủy viên Hội.*
- *Thông tư ngày 22-12-1952 của Thủ hiến Bắc Việt gửi các Tỉnh trưởng và Đại lý Hành chính Hoàn Long về việc bầu cử Hội đồng Quản trị xã và thị xã vào ngày 25-1-1953.*
- *Nghị định ngày 16-12-1952 của Thủ tướng Việt Nam quy định phương thức ứng cử và bầu cử Hội đồng.*
- *Sắc lệnh ngày 27-12-1952 của Bảo Đại quy định phương thức bầu và ấn định thành phần của Hội đồng Thành phố Hà Nội. Theo Sắc lệnh, số uỷ viên người Việt của Hội đồng là 18 chính thức và 6 dự khuyết; số uỷ viên người Pháp là 6 chính thức và 2 dự khuyết.*

Và một số tài liệu khác... Trong hồ sơ này có nhiều tài liệu bằng chữ quốc ngữ.

SCDHN - 796

Au sujet réforme et réorganisation du Service du Cadastre et du Domaine urbain de la Ville d'Hanoï 1952.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Về cải tổ và tổ chức lại Sở Địa chính và Công thổ của Thành phố Hà Nội 1952.

Hồ sơ có 4 tờ gồm:

- Công văn ngày 25-11-1952 của Thủ hiến Bắc Việt gửi Giám đốc các Nha và Sở thuộc Phủ Thủ hiến Bắc Việt về việc cải tổ các cơ quan hành chính và chuyên môn Bắc Việt.
- Báo cáo ngày 15-12-1952 của Trưởng Ty Địa chính và Công thổ Hà Nội về việc cải tổ Ty Địa chính và Công thổ Thành phố Hà Nội kèm theo bản kê chức năng nhiệm vụ của Văn phòng, Phòng Công thổ và Phòng chuyên môn thuộc Ty.

TCHN - 52



Projet d'ordonnance relative au statut des Municipalités de Saigon, Hanoi et Haiphong 1953.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Dự thảo Dự liên quan đến quy chế của các Hội đồng Thị chính Sài Gòn, Hà Nội và Hải Phòng 1953.

Hồ sơ có 47 tờ gồm bản dự thảo Dự (không có ngày tháng) liên quan đến quy chế của các Hội đồng Thị chính Sài Gòn, Hà Nội và Hải Phòng.

SCDHN - 806

Du No 12 du 30 mai 1954 du Chef d'Etat du Vietnam sur l'organisation des Municipalités de Hanoi, Haiphong, Hué et Danang 1954.

Dụ số 12 ngày 30-5-1954 của Quốc trưởng Việt Nam tổ chức quản trị đô thị Hà Nội, Hải Phòng, Huế và Đà Nẵng 1954.

Hồ sơ có 11 tờ gồm:

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

- *Phiếu gửi ngày 16-7-1954 của Thị trưởng Hà Nội gửi Trưởng Ty Địa chính về bản sao Dự số 12 ngày 30-5-1954 tổ chức quản trị các đô thị Hà Nội, Hải Phòng, Huế và Đà Nẵng.*
- *Dự số 12 ngày 30-5-1954 của Quốc trưởng Việt Nam tổ chức quản trị đô thị Hà Nội, Hải Phòng, Huế và Đà Nẵng. Theo đó, đô thị Hà Nội được đặt dưới quyền quản trị của một Hội đồng Đô thị. Ngoài ra, Dự này còn quy định các phương pháp ứng cử và bầu các uỷ viên, quy định về tổ chức, chức năng nhiệm vụ... của Hội đồng.*



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

L U U T R U V N

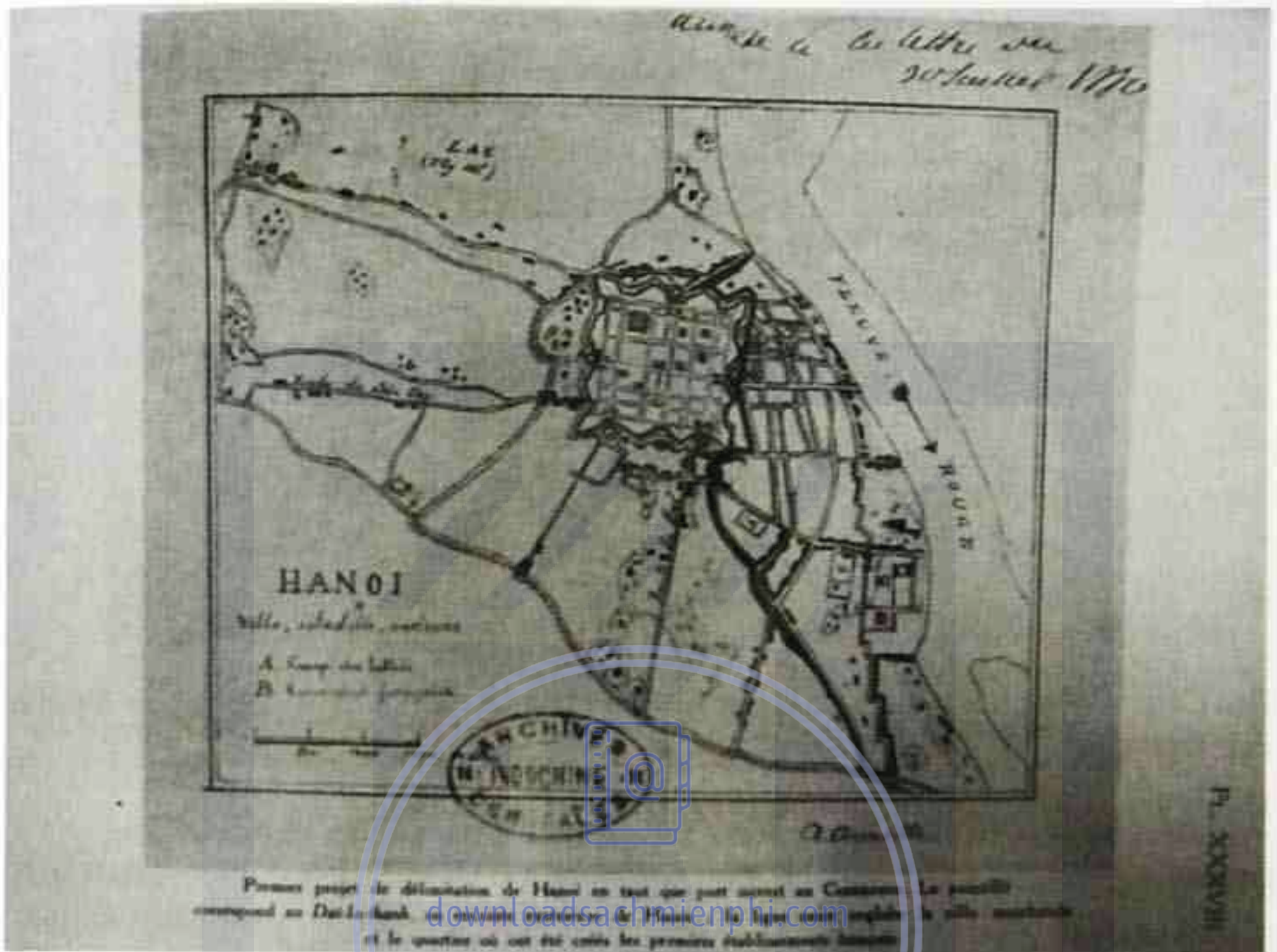
HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954



Mặt bên của Lãnh sự cũ trong khu nhượng địa (sưu tập ảnh của Trường Viễn Đông Bác cổ).

Hanoi pendant la période héroïque (1873-1888), Paris, 1929.

Phân I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH



Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Dự án đầu tiên về giới hạn Thành phố Hà Nội và mở cảng thương mại. Đường chấm tương đương với thành Đại La, thành bao phía trong của Hà Nội. Đường kẻ đen bao quanh khu thương mại và nơi xây dựng những cơ sở đầu tiên của Pháp.

Ảnh chụp lại từ tài liệu bảo quản tại Kho Lưu trữ Trung ương ở Đông Dương, Phòng Đô đốc (Fonds des Amiraux), hồ sơ số 13039 (hiện nay phòng tài liệu này đã được đưa về bảo quản tại Kho Lưu trữ Hải ngoại Pháp ở Aix-en Provence theo Thỏa ước ngày 15-6-1950 giữa chính phủ thuộc địa Pháp và chính phủ Bảo Đại).

Dòng chữ phía trên: "Kèm theo thư ngày 30-7-1880" (thư do Lãnh sự Pháp ở Hà Nội Kergaradec gửi Thống đốc Nam Kỳ Le Myre de Vilers).

Hanoi pendant la période héroïque (1873-1888), Paris, 1929.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954



Toà Công sứ Pháp đầu tiên ở Hà Nội: phòng khách cũ của Công sứ Bonal (sưu tập ảnh của Trường Viễn Đông Bác cổ).

Hanoi pendant la période héroïque (1873-1888), Paris, 1929.

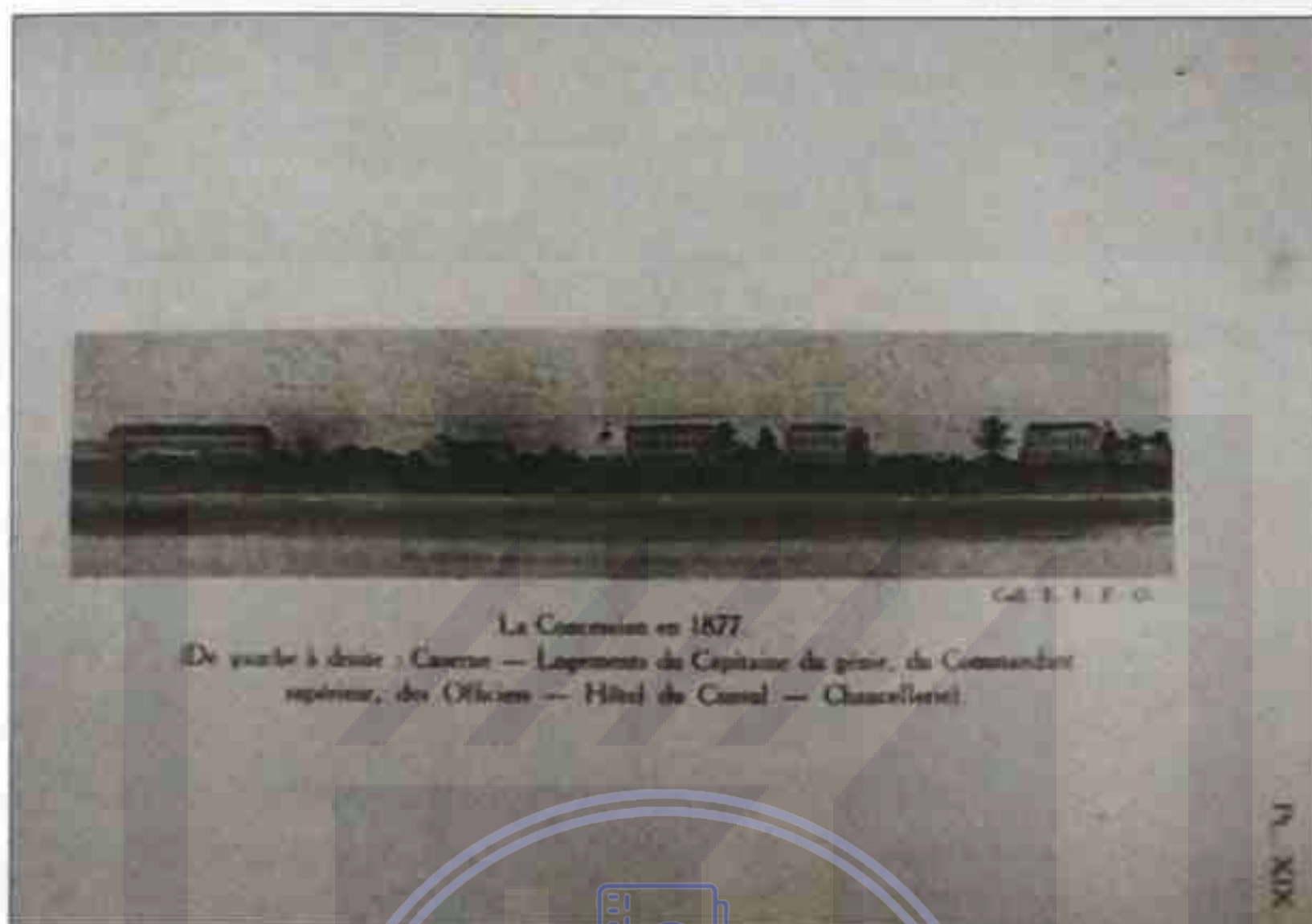


Cổng Pháp quốc. Phía trước là Rue des Incrusteurs (phố Tràng Tiền - Hàng Khay thời Pháp thuộc), phía sau là Khu nhượng địa (sưu tập ảnh của Trường Viễn Đông Bác cổ).

Hanoi pendant la période héroïque (1873-1888), Paris, 1929.

(Cổng Pháp quốc bị phá bỏ vào khoảng cuối tháng 6, đầu tháng 7-1886, cùng thời gian với việc phá bỏ các cọc gỗ và các ụ đất bao quanh khu nhượng địa, theo chỉ thị của Paul Bert trong phiên họp thứ hai của Hội đồng Bảo hộ Bắc Kỳ ngày 8-6-1886).

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH



Khu nhượng địa năm 1887. Từ trái sang phải: Doanh trại - Nơi ở của đại uý công binh, Bộ Tư lệnh tối cao, các sĩ quan - Lãnh sự quán - Sở Tư pháp (sưu tập ảnh của Trường Viễn Đông Bác cổ).

Hanoi pendant la période héroïque (1873-1888), Paris, 1929.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online



Một nét đặc trưng của hồ Gươm năm 1884, gần trụ sở Philharmonique (nay là Nhà Hát mùa rớt Thăng Long). Ảnh do bác sĩ Hocquard chụp năm 1884.

Hanoi pendant la période héroïque (1873-1888), Paris, 1929.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954



Một góc hồ Gươm (ảnh trong *L'Extrême-Orient* của Paul Bonnetain, Paris, 1887). *Connaissance de l'Indochine*, No1, 1917, Hanoi, Société des amitiés Nippo-Indochinoise.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online



Phố Hàng Đào.

René Thery: *L'indochine française*, Paris, 1931.



Pagodes des Corbeaux (Văn Miếu - Quốc Tử Giám).

Connaissance de l'Indochine, 1917, N°1, Hanoi, Société des amitiés Nippo-Indochinoise.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954



Nhà thờ ở Hà Nội xây dựng từ năm 1884 đến 1887 (sưu tập ảnh của Trường Viễn Đông
Bắc cổ).

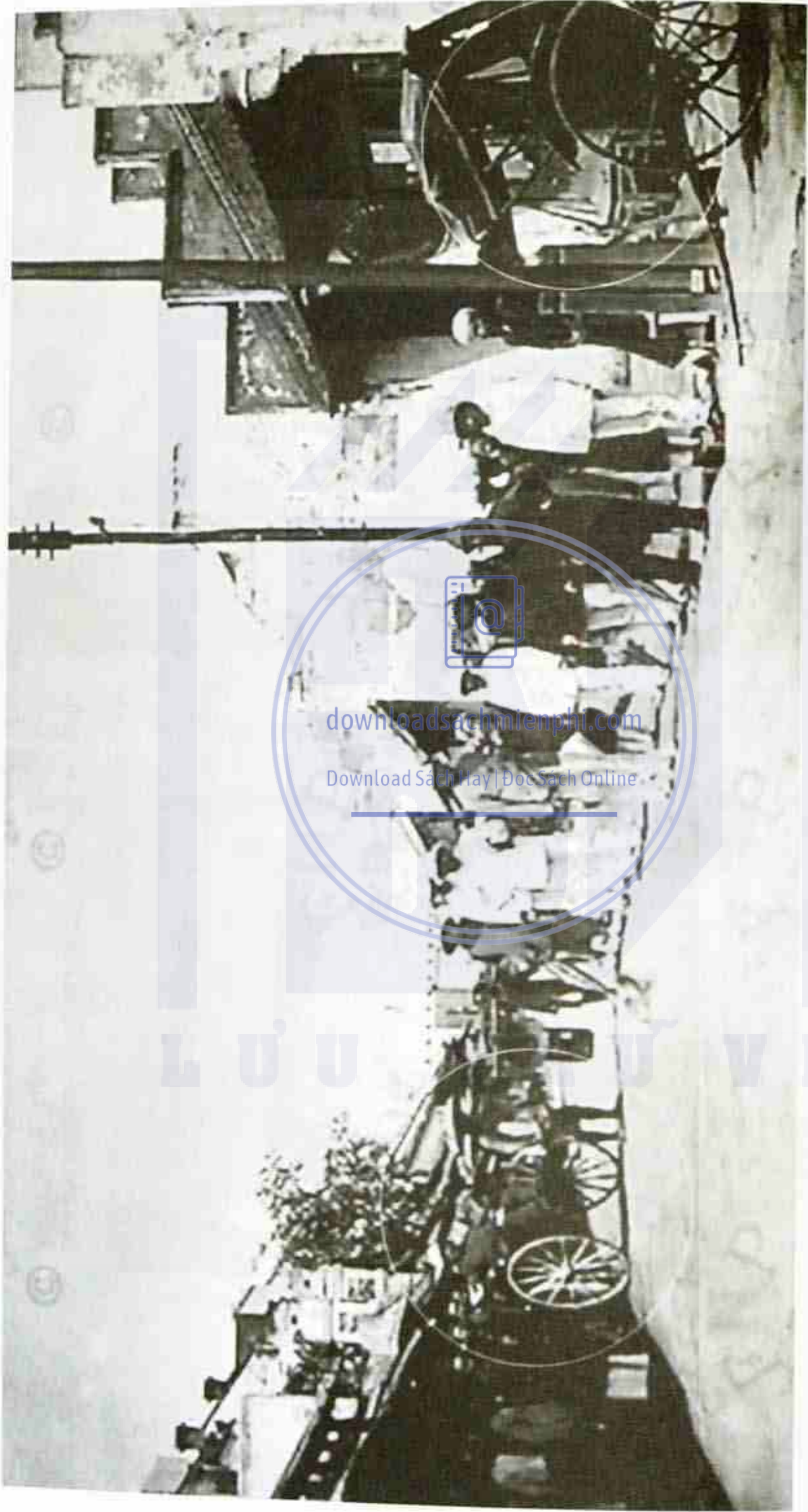
Hanoi pendant la période héroïque (1873-1888), Paris, 1929.

L U U T R U V N

Phần I. ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH



Square Hébrard (Vườn hoa Kinh Thiên, một phần của vườn hoa nay nằm trong khuôn viên nhà số 30 phố Hoàng Diệu).
Indochine hebdomadaire illustré, N^o spécial 164-165, 28 octobre 1943.



*Toà Công sứ Pháp ở phố Hàng Gai.
Connaissance de l'Indochine, 1917, N° 1, Hanoi, Société des amitiés Nippo-Indochinoise.*

Phần II

QUY HOẠCH - XÂY DỰNG



downsachmienphi.com
Tham gia biên soạn

[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](https://downsachmienphi.com)
ĐỖ HOÀNG ANH - ĐÀO THỊ DIỄN

HOÀNG THỊ HẰNG

L U U T R U V N



LỜI DẪN

Tài liệu đang bảo quản ở Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I chứng minh rằng, quá trình xây dựng Hà Nội trở thành “Thủ đô của Bắc Kỳ”, “Thủ đô của Liên bang Đông Dương” được thể hiện rõ nét qua quá trình quy hoạch và xây dựng Thành phố Hà Nội mà Pháp bắt đầu chú trọng đầu tư ngay từ khi Bắc Kỳ còn chưa chính thức trở thành đất “bảo hộ” của Pháp.

Chủ đề *Quy hoạch và Xây dựng ở Hà Nội* được biên soạn thành hai phần, nhằm giúp bạn đọc hình dung được quá trình quy hoạch Thành phố Hà Nội của chính quyền thuộc địa Pháp và quá trình xây dựng tại Hà Nội các công trình kiến trúc thuộc nhiều lĩnh vực. Trên thực tế, hai quá trình đó được tiến hành song song, bắt đầu từ tháng 10-1875, khi Pháp chính thức khởi công xây dựng các công trình kiến trúc trên khu nhượng địa, kết thúc bằng công trình khu Học xá Đông Dương năm 1945 và được tiến hành theo 3 giai đoạn:

1. Giai đoạn 1 (1875-1888)

Trong giai đoạn này, người Pháp thực hiện chính sách “vừa đánh vừa bình định” ở Bắc Kỳ nhằm tạo áp lực với triều đình Huế trong các cuộc “đàm phán ngoại giao” để tiến tới mục đích cuối cùng là thôn tính nốt hai xứ còn lại là Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Những nỗ lực của Pháp cuối cùng đã dẫn tới Hiệp ước Patenotre ngày 6-6-1884 trong đó triều đình Huế “*chấp nhận và thừa nhận nền bảo hộ của Pháp*”, đặt Bắc Kỳ và Trung Kỳ dưới quyền cai trị trực tiếp của một viên Tổng Trú sứ (Résident général). Và ngày 27-1-1886, Hội đồng Bảo hộ Bắc Kỳ (Conseil du Protectorat du Tonkin), cơ quan đại diện cho quyền lực của Chính quyền thuộc địa Pháp tại Bắc và Trung Kỳ đã được thành lập. Chính tại phiên họp đầu tiên vào ngày 2-5-1886, dưới sự chủ tọa của Paul Bert, Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

đầu tiên, Hội đồng Bảo hộ đã quyết định thành lập tại Hà Nội một Ủy ban Thành phố để thực hiện một nhiệm vụ quan trọng là “*làm cho Hà Nội trở thành một thành phố châu Âu*”.

Mặc dù chưa “bình định” được Bắc Kỳ nhưng ngay từ tháng 10-1875, người Pháp đã chú trọng xây dựng Hà Nội nhằm biến Hà Nội thành một trung tâm chính trị, quân sự ở Bắc Kỳ để nhanh chóng thực hiện kế hoạch khai thác thuộc địa, bắt đầu bằng việc khởi công xây dựng các công trình kiên cố trên khu nhượng địa. Tất cả các công trình này đều được bao quanh bằng các ụ đất và các hàng rào cọc gỗ.

Tiếp đó, chính quyền thực dân Pháp cho mở một con đường nối khu nhượng địa với khu vực Trường Thi và Hoàng thành cũ (tháng 6-1883) để làm trục đường chính nhằm mục đích mở rộng các hoạt động xây dựng ở Hà Nội trong nhiều năm sau.

Trong phiên họp thứ hai của Hội đồng Bảo hộ Bắc Kỳ ngày 8-6-1886, Paul Bert cho rằng: “*Những chiếc cọc bao quanh khu nhượng địa không có lý do gì để tồn tại nữa. Việc dỡ bỏ chúng được giải thích dưới nhiều quan điểm: để bảo vệ, chúng bị thừa và cũng không có đủ; chúng gây nên những điều bất lợi, làm cách biệt khu nhượng địa với Thành phố ngày nay đã gần như một thành phố Pháp mà ở trong đó, các khu vực buôn bán của chúng ta đã được thiết lập*”⁽²⁵⁾. Chính vì vậy mà tất cả các cọc gỗ và các ụ đất bao quanh khu nhượng địa đã được dỡ bỏ trong thời gian này.

Những tài liệu thuộc các giai đoạn tiếp theo cho thấy, từ năm 1885, Pháp đã triệt phá các dinh thự cũ dành làm nơi ở cho các quan lại trong Hoàng thành để lấy chỗ xây dựng trại lính cùng các công trình quân sự khác. Trụ sở Bộ Chỉ huy pháo binh của quân đội Pháp (nay là Bảo tàng Quân đội) được xây dựng vào năm 1886 ngay trên nền của điện Kính Thiên. Kể từ giai đoạn này, toàn bộ đất đai thuộc phạm vi thành Hà Nội đều do quân đội Pháp trực tiếp quản lý.

(25) RST, hs:01.

Ngày 19-8-1886, Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ ra Nghị định số 187 thực hiện tại các thành phố ở Bắc Kỳ luật và quy định về đường xá có liên quan đến quy hoạch đô thị. Thực hiện nghị định này, ngày 22-8-1886, một quyết định do Phó Công sứ (Vice - Résident) ở Bắc Kỳ ký cho phép xây dựng một con đường rộng 10 mét xung quanh hồ Hoàn Kiếm. Theo quyết định của Phó Công sứ, không một công trình nào được phép xây dựng dọc theo khu vực này, dù chỉ là nhà bằng tranh⁽²⁶⁾.

Tiếp đó, ngày 26-12-1886, Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ Paul Bert đã ký một nghị định⁽²⁷⁾ ra hạn đến ngày 1-1-1888 phải dỡ bỏ tất cả các nhà làm bằng tranh ở phố Paul Bert⁽²⁸⁾. Trong thời gian từ tháng 10-1886 đến 1888, khu phố Pháp ở phía đông hồ Hoàn Kiếm và phía bắc trục đường Paul Bert đã dần dần được hoàn thiện. Để có đất làm đường và xây dựng khu phố Pháp, trong giai đoạn này, chính quyền thuộc địa đã phá huỷ một số ngôi chùa cổ ở khu vực xung quanh hồ Hoàn Kiếm, bất chấp những lá đơn khiếu nại của dân chúng trong khu vực.

Tháng 10-1887, Sở Nhà cửa Hà Nội đã quy hoạch 4 công trình sẽ xây dựng xung quanh hồ Gươm: Tòa Đốc lý Hà Nội (Résidence de la Mairie de Hanoi), Bưu điện (Hotel des Postes), Kho bạc (Trésor) và Phủ Toàn quyền Đông Dương (ban đầu được gọi là Secrétariat général). Tuy nhiên, trong giai đoạn này, chỉ có một công trình được xây dựng, đó là trụ sở Bộ Chỉ huy pháo binh của quân đội, còn cả bốn công trình trên đều được xây dựng ở giai đoạn sau.

Như vậy là, trong giai đoạn đầu, việc quy hoạch xây dựng các công sở cho các cơ quan quyền lực của Đông Dương, của Bắc Kỳ và của Thành phố Hà Nội cùng với việc mở rộng khu phố Pháp ở khu vực xung quanh

(26) Tạp chí *Người dẫn đường xứ Bảo hộ Trung-Bắc Kỳ* (Moniteur de l'Annam et du Tonkin), 1886, tr. 174-276.

(27) RST, hs: 5400.

(28) Phố Paul Bert sau được tách ra làm hai phố là phố Anh Quốc và phố Pháp Quốc (nay là phố Tràng Tiền và phố Hàng Khay).

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

bộ Guern và việc đặt trụ sở của Bộ Chỉ huy pháo binh ở khu vực Hoàng thành, ngay trên nền của điện Kính Thiên chứng tỏ người Pháp đã bắt đầu thực hiện kế hoạch xây dựng Hà Nội thành trung tâm chính trị, quân sự ở Bắc Kỳ, nhằm nhanh chóng thực hiện kế hoạch khai thác thuộc địa của chúng ở Đông Dương.

2. Giai đoạn II (1888-1920)

Đây là thời kỳ thực dân Pháp tiến hành chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất. Trong giai đoạn này, mọi nỗ lực để xây dựng và mở rộng Hà Nội của Pháp đã được thể hiện thông qua hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền thuộc địa các cấp.

Bảng hàng loạt các Nghị định của Tổng Trú sứ (Résident général), sau này là của Toàn quyền Đông Dương (Gouverneur général) và của Công sứ - Đốc lý (Résident - Maire), trong giai đoạn này, ngoài việc xác định và mở rộng ranh giới Thành phố, định hình Thành phố về mặt địa giới hành chính, chính quyền thuộc địa đã quy hoạch phân chia Thành phố ra làm hai khu vực chính: khu vực dành cho người Âu và khu vực dành cho người bản xứ.

Nếu như trong giai đoạn đầu, Nghị định ngày 26-12-1886 của Tổng Trú sứ chỉ ra lệnh phải dỡ bỏ các nhà mái tranh, vách đất ở khu vực phố Paul Bert thì ở giai đoạn này, các Nghị định ngày 17-2-1891 và 8-6-1892 đã cấm xây dựng và phải dỡ bỏ trong vòng 6 tháng các nhà vách đất, lợp bằng tranh, nứa, lá trong Thành phố bao gồm từ đại lộ Gambetta (phố Trần Hưng Đạo), sông Hồng, đường Mandarine (sau gộp vào đường Mandarine prolongée thành phố Hàng Lọng, tiếp đó đổi thành phố Nam Bộ và nay là phố Lê Duẩn) cho tới tận khu vực Thành. Như vậy có nghĩa là so với giai đoạn I, khu vực người Âu đã được mở rộng rất nhiều.

Để phục vụ việc mở rộng và quy hoạch các khu phố phía tây Hà Nội từ vị trí Thành cổ, ngày 28-8-1893, Hội đồng Thành phố đã nhất trí đề nghị lên Thống sứ Bắc Kỳ và Toàn quyền Đông Dương cho phá hủy nốt phần còn lại của Hoàng Thành, chỉ để lại cổng phía Bắc với vết đạn công thành. Vận động của Hội đồng Thành phố đã dẫn tới các hợp đồng về việc

phá tường Thành được ký kết các ngày 15-1-1894, ngày 2-7-1895 và ngày 1-8-1896.

Từ năm 1897, chính quyền thuộc địa bắt đầu chú trọng đầu tư vào khu phố Pháp, tiến hành việc rải đá mặt đường, làm vỉa hè, xây cống ngầm và hoàn thành hệ thống cung cấp điện và nước... Đồng thời, trong giai đoạn này, vào phiên họp thường kỳ ngày 13-10-1902, Hội đồng Thành phố đã nghiên cứu “*Dự án quy hoạch chung cho khu bản xứ của Sở Đô thị*” được đề xuất trong phiên họp tháng 5-1900⁽²⁹⁾.

Giai đoạn này có một văn bản quan trọng, đó là Nghị định số 29 ngày 14-4-1914 của Đốc lý Hà Nội quy định những điều khoản chung cho tất cả các công trình xây dựng trong Thành phố Hà Nội, kể cả khu người Âu lẫn khu bản xứ. Theo Nghị định đó, tất cả những người muốn xây nhà đều phải trình lên cho chính quyền bản vẽ mặt bằng và mặt cắt của công trình mình định xây, bao gồm mặt bằng tổng thể đất và nhà cửa xung quanh để đảm bảo sự hài hoà chung. Tất cả các công trình lớn nhỏ, kể cả việc làm ống máng nước dọc theo mái nhà cũng phải được phép của chính quyền Thành phố⁽³⁰⁾. Có thể nói rằng, đây là bước chuẩn bị cho việc thực hiện quy hoạch Hà Nội của chính quyền thuộc địa trong giai đoạn sau. Kết thúc giai đoạn này, Thành phố giữ nguyên sự phân chia thành 8 khu theo Nghị định số 791 ngày 17-7-1914 của Đốc lý Thành phố Hà Nội⁽³¹⁾.

Trên lĩnh vực xây dựng, tài liệu lưu trữ cho thấy rằng, giai đoạn này là giai đoạn xây dựng lớn của chính quyền thuộc địa với khoảng 49 công trình lớn nhỏ, là trụ sở của các cơ quan đại diện cho bộ máy chính trị các cấp, từ cấp Liên bang (Đông Dương), cấp Kỳ (Bắc Kỳ) đến cấp Thành phố (Hà Nội); trụ sở của các cơ quan thuộc hệ thống tư pháp, hành chính; trụ sở của các công sở thuộc các ngành kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế...

(29) RST, hs: 6379.

(30) RST, hs: 1914.

(31) *Bulletin administratif du Tokin* (Công báo hành chính Bắc Kỳ). 1914. N°16, tr.1441.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Ngoài ra, trong giai đoạn này, chính quyền thuộc địa còn đầu tư xây dựng tại Hà Nội một số cơ sở sản xuất như nhà máy điện Bờ Hồ (1899-1902), nhà máy tầu điện Hà Nội (1900), nhà máy nước Yên Phụ (1904-1906), nhà máy thuộc da Thụy Khuê (1912), xây dựng và mở rộng một số chợ, nhà ga, vườn hoa, quảng trường, tượng đài kỷ niệm, rạp chiếu phim... Trong số các công trình được xây dựng ở giai đoạn này, có hai cụm công trình tiêu biểu mà hồ sơ thiết kế còn giữ được tương đối đầy đủ, đó là cụm công trình Phủ Toàn quyền Đông Dương và cụm công trình Phủ Thống sứ Bắc Kỳ.

- Cụm công trình Phủ Toàn quyền Đông Dương (Gouvernement général de l'Indochine): vì là một cụm công trình quan trọng, dành riêng cho viên chức cao cấp nhất Đông Dương nên cụm công trình này được xây dựng theo một phương án có chọn lọc kỹ càng, từ việc xác định địa điểm đến việc chọn nguyên vật liệu.

Cụm công trình Phủ Toàn quyền Đông Dương được kiến trúc sư Lichtenfelder thiết kế vào năm 1900 và được xây dựng trong các năm 1903-1904-1905 tại một địa điểm ở phía bắc Thành phố, nơi có địa hình cao đẹp, gần hồ Tây, liền kề với vườn Bách thảo và theo kiến trúc cổ điển.

Nguyên vật liệu để xây dựng được chỉ định chỉ dùng loại tốt nhất: đá xây lấy ở Đông Triều và Kẻ Sỏi; gạch lỗ và ngói máy do hai nhà máy gạch ngói Hà Nội và Đáp Cầu sản xuất đặc biệt; gỗ được dùng cho công trình phải là loại tốt nhất được khai thác ở rừng Bắc và Trung Bộ; gỗ thông của châu Mỹ và Na-uy; xi-măng, đồ sắt, gang, tôn, kính... đều được đặt mua tại Pháp, chỉ có cát vôi là lấy ở các địa phương khác.

Cụm công trình Phủ Toàn quyền Đông Dương gồm hai khu: khu Dinh thự chính (nay là Phủ Chủ tịch) và khu văn phòng. Dinh thự chính gồm 4 tầng: tầng hầm có 11 phòng, tầng trệt có 6 phòng, tầng một có 10 phòng và tầng hai có 9 phòng. Các phòng đều được trang trí theo phong cách vương giả, cầu kỳ và được sửa chữa theo sở thích riêng của mỗi viên Toàn quyền, đặc biệt theo thị hiếu của các phu nhân: phòng khánh tiết lớn (tầng trệt) được trang trí theo kiểu Louis XIV; phòng ăn lớn (tầng một) theo

phong cách thời Phục hưng; phòng khách (tầng một) theo kiểu Louis XV; phòng ngủ và phòng ăn nhỏ (tầng một) theo kiểu Louis XVI; phòng làm việc của viên Toàn quyền (tầng một) theo thời đại đế; phòng ăn lớn (tầng trệt) và một số phòng sau này được tu bổ lại để trang trí theo kiểu hiện đại. Ngoài dinh thự chính ra còn có khu văn phòng (hiện nay là Văn phòng Chính phủ) và các nhà phụ thuộc. Toàn bộ hệ thống nhà cửa trong cụm công trình tính đến ngày 31-12-1939 là ngày sửa chữa cuối cùng có giá trị 1.228.386 đồng Đông Dương, gồm 20 nhà lớn, nhỏ trên diện tích chung là 5.185 mét vuông.

- **Cụm công trình Phủ Thống sứ Bắc Kỳ (Résidence supérieure au Tonkin):** là một cụm công trình được chính quyền thuộc địa quan tâm sau cụm công trình Phủ Toàn quyền Đông Dương vì vị trí quan trọng của viên Thống sứ trên địa bàn Bắc Kỳ. Theo tài liệu lưu trữ thì vị trí của cụm công trình này được xác định ngay từ năm 1887 nhưng ban đầu dự định dành để xây Phủ Toàn quyền Đông Dương⁽³²⁾.

Cụm công trình Phủ Thống sứ Bắc Kỳ được xây dựng trên một vị trí rất đẹp, ở trung tâm Hà Nội và trông ra 3 mặt phố: mặt chính quay về hướng đông là đại lộ Henri Rivière (phố Ngô Quyền), phía bắc dọc theo đại lộ Chavassieux (phố Lê Thạch), phía nam dọc theo phố Intendance (sau đổi tên thành phố Fourès và nay là phố Đinh Lễ). Toàn bộ cụm công trình rộng khoảng 2 héc-ta, mặt chính hướng ra đại lộ Henri Rivière, dài 166 mét, phía bên dọc đại lộ Chavassieux dài 124 mét. Cụm công trình Phủ Thống sứ Bắc Kỳ gồm hai hạng mục chính: Phủ Thống sứ Bắc Kỳ (Bureaux de la Résidence supérieure au Tonkin) và Dinh Thống sứ Bắc Kỳ (Hôtel pour le Résident supérieur au Tonkin).

Phủ Thống sứ Bắc Kỳ được xây dựng vào khoảng 1892, đầu tiên là cánh bên phải với 3 tầng mái ngói, kiến trúc theo kiểu cũ. Năm 1897 xây tiếp phần giữa và cánh bên trái. Ba cánh nhà đều đối xứng, đều cao 3 tầng và cùng một phong cách kiến trúc. Ba phần nhà này nối với nhau ở hai

(32) RST, hs:1887.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

đầu góc nối tiếp, có hai cầu thang chung, hình thành một khu nhà liền khối hình chữ U bao quanh sân vườn ở giữa rộng 40 mét. Mặt chính trông ra đại lộ Henri Rivière, hai tường hồi của hai cánh nhà sát cạnh hè phố trên một chiều dài là 70 mét. Mặt bên dọc theo phố Intendance dài 52 mét. Trong các năm 1908-1909, 1911, 1922, 1927, 1931, 1938-1939, 1941-1943 công trình được xây thêm, mở rộng, cải tạo và sửa chữa. Ngày nay công trình Phủ Thống sứ Bắc Kỳ do Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quản lý.

Dinh Thống sứ Bắc Kỳ được xây dựng vào các năm 1918-1919, sát cạnh nơi làm việc của viên Thống sứ (Phủ Thống sứ Bắc Kỳ), cũng hướng ra đại lộ Henri Rivière và kéo dài đến góc đại lộ Chavassieux. Mặt chính dài 49 mét, xung quanh có hàng rào sắt dọc theo hai mặt phố. Hàng rào mặt chính có 3 cổng vào và các cánh cổng cũng bằng sắt rèn uốn thành khuôn mẫu mỹ thuật. Hàng rào bên dọc theo đại lộ Chavassieux dài 124 mét. Bên kia đại lộ Henri Rivière và đại lộ Chavassieux đều là vườn hoa rộng, thoáng và đẹp mắt. Công trình này được xây theo kiểu cũ, ba tầng mái lợp (một phần bằng đá đen) xây dựng kiên cố, kích thước rộng rãi, trang trí lộng lẫy, gờ chỉ hoa lá cầu kỳ. Tầng hầm dành cho công việc phục vụ, tầng dưới dùng làm nơi tiếp khách và các buổi dạ hội, có phòng khách, phòng ăn lớn và phòng giải trí. Tầng gác là các phòng ngủ và khu vệ sinh với đầy đủ tiện nghi, phần trang trí bên trong các phòng rất được chú trọng. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, công trình Dinh Thống sứ Bắc Kỳ được dùng làm Bắc Bộ phủ và nay là Nhà khách Chính phủ.

Về xây dựng dân dụng, so với giai đoạn trước, số lượng nhà được xây dựng theo kiểu châu Âu, nhà bằng gạch trong toàn Thành phố tăng lên đáng kể song vẫn còn tồn tại một khối lượng lớn nhà vách đất mái lợp lá trong khu bản xứ. Như vậy là, trong giai đoạn này, việc tập trung xây dựng trụ sở của các cơ quan đại diện cho bộ máy chính trị các cấp và việc tập trung hoàn thiện mặt bằng quy hoạch tổng thể cụm công trình trung tâm ở phía đông hồ Hoàn Kiếm, biến khu vực này thành một trung tâm có đầy đủ chức năng hành chính, tín ngưỡng, thương nghiệp, dịch vụ và văn hoá giải trí đã thể hiện chính sách xây dựng Hà Nội không chỉ thành

trung tâm hành chính, chính trị ở Bắc Kỳ mà còn là Thủ đô của Liên bang Đông Dương, nhằm khuyến khích người Pháp sang định cư, làm ăn lâu dài, thể hiện rõ ý đồ xâm chiếm vĩnh viễn các nước Đông Dương của chính quyền thuộc địa Pháp.

3. Giai đoạn III (1920-1945)

Thời kỳ đầu của giai đoạn này là thời kỳ nước Pháp mới bước ra khỏi cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất với tư cách là một nước thắng trận nhưng kiệt quệ về kinh tế. Chính vì vậy, Pháp chủ trương đẩy mạnh đầu tư và khai thác thuộc địa nhằm khôi phục kinh tế và củng cố địa vị của mình trên thế giới.

Trong giai đoạn này, việc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã gây ra nhiều biến đổi cho nền kinh tế và xã hội Việt Nam nói chung và ở Thành phố Hà Nội nói riêng. Sự biến đổi này đã có tác động rõ nét trong cơ cấu quy hoạch đô thị ở Hà Nội với sự cách biệt trong các “khu người Âu” và khu “người bản xứ”.

Do ảnh hưởng của sự biến đổi của nền kinh tế và xã hội mà quy hoạch Thành phố đã có nhiều đặc điểm tiến bộ so với giai đoạn trước. Chính quyền thuộc địa đã ban hành các quy chế, sắc lệnh trên cơ sở vận dụng luật quy hoạch xây dựng của chính quốc có sửa đổi cho phù hợp với hoàn cảnh của Đông Dương. Đó là các sắc lệnh về vệ sinh đô thị, về quy hoạch và mở rộng thành phố... như Nghị định ngày 8-8-1922 của Thống sứ Bắc Kỳ chỉ định một số đường của Thành phố Hà Nội dành riêng cho xây dựng theo kiểu châu Âu; Nghị định ngày 20-11-1930 của Toàn quyền Đông Dương xác định điều kiện để áp dụng Sắc lệnh ngày 12-7-1928 của Tổng thống Pháp về kế hoạch mở rộng và quy hoạch các thành phố ở Đông Dương; Thông tư ngày 20-11-1930 của Toàn quyền Đông Dương có liên quan đến quy hoạch và phát triển đô thị; Nghị định ngày 7-3-1941 của Toàn quyền Đông Dương giao nhiệm vụ nghiên cứu và xây dựng bản đồ quy hoạch và mở rộng Thành phố Hà Nội cho Sở Quy hoạch đô thị và Kiến trúc Đông Dương; Nghị định ngày 18-10-1941 của Toàn quyền Đông Dương về việc sắp xếp và mở rộng ngoại ô Thành phố Hà Nội; Dự ngày

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

11-7-1942 của vua Bảo Đại được Toàn quyền thông qua về việc quy hoạch và mở rộng địa hạt của Thành phố Hà Nội... Đáng chú nhất là Nghị định số 8962 ngày 5-12-1942 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn và công bố các quy định trong đồ án quy hoạch và mở rộng Thành phố Hà Nội và vùng ngoại ô do Sở Quy hoạch đô thị và Kiến trúc Đông Dương lập.

Theo quy định của đồ án, Thành phố Hà Nội sẽ được chia làm 11 khu (zone) mang ký hiệu từ A đến H: Zone A (khu biệt thự); zone B (khu Thương mại); zone C (khu biệt thự kiểu An - nam); zone D (khu nhà chia ô); zone E (khu buôn bán nhỏ theo kiểu An - nam); zone F (khu làng truyền thống của người An - nam); zone G (khu dự phòng cho các mục đích hành chính công cộng); zone H (khu công nghiệp). Ngoài ra còn có các khu trống (espaces libres) dành để xây dựng các khu vui chơi, giải trí, thể thao, công viên... Mỗi khu vực đều có các quy định riêng về kiểu dáng, kích thước, diện tích và vật liệu xây dựng nhà trong khu. Ngoài ra, đồ án còn kèm theo các điều cấm thực hiện trong một số khu như cấm dán yết thị, cấm các chuồng trại lợn, ngựa và các vật nuôi khác...

Trong giai đoạn này, Hà Nội được mở rộng về phía nam (khu vực hồ Bảy Mẫu), nhiều khu phố mới đã được mở như các phố ở khu phía bắc Hoàng Thành cũ. Hầu hết các phố ở Hà Nội đã được rải đá, rải nhựa dưới lòng đường, vỉa hè đã được lát và có hệ thống cống rãnh.

Về xây dựng, trong giai đoạn này có khoảng 22 công trình lớn nhỏ được xây dựng làm trụ sở của các ngành kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế... như Bảo tàng Louis Finot nay là Bảo tàng Lịch sử, Sở Tài chính Đông Dương nay là Bộ Ngoại giao, Viện Pasteur nay là Viện Vệ sinh dịch tễ, Nhà Thương René Robin nay là Bệnh viện Bạch Mai, Trường Trung học Albert Sarraut nay là Văn phòng Trung ương Đảng... Đa số các công trình được xây dựng trong giai đoạn này đều mang phong cách kiến trúc Á Đông, tiêu biểu là công trình Trường Đại học Đông Dương mà hồ sơ thiết kế còn được lưu trữ lại gần như đầy đủ.

Công trình Trường Đại học Đông Dương được xây dựng trên đường Bobillot (phố Lê Thánh Tông), ở điểm giao nhau giữa đường Bobillot với

điểm kết thúc của trục đường Carreau (phố Lý Thường Kiệt) và được xây dựng theo 2 giai đoạn chủ yếu. Giai đoạn 1 khởi công xây dựng Trường Y tức là nhà cánh trái, gồm các hạng mục phía đông-bắc khuôn viên hiện do Trường Đại học Dược quản lý và sử dụng. Giai đoạn 2 được khởi công vào năm 1924 và cơ bản hoàn thành vào năm 1928, gồm các hạng mục ở phía đông và phía đông-nam là nhà cánh phải và tòa nhà chính, hệ thống nhà ăn, nhà ngủ cho sinh viên và các công trình phụ thuộc khác.

Vật liệu dùng để xây dựng công trình này chủ yếu là gạch nung, gỗ và sắt. Bê tông cốt thép tuy đã có nhưng dùng chưa rộng rãi. Các sàn gác và trần nhà đã được dùng gạch rỗng cỡ lớn, kết hợp với rầm sắt IPN và xi-măng. Các vật liệu dùng cho việc trang trí mỹ thuật kiến trúc đều được sản xuất riêng theo tiêu chuẩn mẫu và màu sắc của kiến trúc sư phụ trách thiết kế công trình đưa ra. Trong toàn bộ công trình ở đường Bobillot, tòa nhà chính được xây dựng theo thiết kế của E. Hébrard năm 1922 với giảng đường lớn là những hạng mục công trình đặc biệt nhờ sự hiện diện của bức tranh tường mang tên *La France appelant les Indochinois aux bienfaits de la civilisation* (Nước Pháp làm cho người Đông Dương biết đến lợi ích của văn minh) do Victor Tardieu thực hiện trong một thời gian dài cùng một số cộng sự người Việt Nam.

Từ năm 1939 đến 1942 là thời kỳ mà tình hình trên thế giới và ở Đông Dương có những biến đổi sâu sắc. Ở châu Âu, nước Pháp bị lâm vào cuộc khủng hoảng chính trị trầm trọng. Ở châu Á, Nhật Bản tăng cường hoạt động quân sự, ráo riết chuẩn bị đổ bộ vào Đông Dương. Ở Việt Nam, phong trào cách mạng ngày càng phát triển mạnh mẽ ở cả thành thị đến nông thôn. Tình hình đó buộc thực dân Pháp phải tìm mọi biện pháp để củng cố địa vị của mình cả ở chính quốc và ở thuộc địa.

Ở Đông Dương, mặc dù kế hoạch xây dựng tại các thành phố đã dừng lại kể từ sau khi bùng nổ đại chiến thế giới lần thứ hai và sau đó thì không phát triển thêm được nữa nhưng chính quyền thuộc địa vẫn quyết định xây dựng một khu học xá cho sinh viên ở Hà Nội. Lý do chính là vì thời kỳ này, Trường Đại học Đông Dương đã thực sự trở thành một trung tâm đào tạo bậc đại học không phải chỉ dành riêng cho sinh viên các nước

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Đông Dương mà còn đón nhận sinh viên từ các nước láng giềng như Trung Quốc, Thái Lan, Cam-pu-chia... Vì thế, Toàn quyền Decoux đã quyết định cho xây dựng một khu đại học trên một khoảng đất rộng 55 héc-ta ở làng Bạch Mai, trong đó dành 17 héc-ta để xây dựng khu Học xá Đông Dương, có khu nội trú, nhà ăn cho sinh viên Việt Nam, Pháp và sinh viên các nước khác trong khu vực với đầy đủ tiện nghi sinh hoạt theo kiểu các tầng lớp trên của xã hội lúc đó. Ngoài nhà ở, nhà ăn của sinh viên ra, chính quyền thuộc địa còn dự định xây dựng sân vận động, các bãi chơi thể thao, khu hành chính quản trị, nhà ở cho Giám đốc, Tổng Thư ký, nhân viên, nhà thờ, chùa... Trên khoảng đất 38 héc-ta còn lại dự định để xây Trường Y, nhà bảo tàng, vườn thảo mộc⁽³³⁾...

Theo hồ sơ thiết kế hiện còn lưu giữ lại thì toàn bộ công trình khu Học xá Đông Dương gồm 24 công trình lớn và nhỏ, gồm 10 khu nhà dự tính cho 1.200 sinh viên, khu công trình công cộng, một nhà ăn lớn, một sân vận động có khán đài với 5-6 sân ten-nít và một bể bơi ngoài trời, nhà riêng của Giám đốc và Tổng Thư ký, một số nhà ở cho nhân viên phục vụ, một số nhà thờ và chùa...

Phong cách kiến trúc yêu cầu được xây dựng là vận dụng phong cách kiến trúc Việt Nam kết hợp với yêu cầu kiến trúc hiện đại, cách trang trí trong nhà theo phong cách địa phương ở các xứ thuộc Đông Dương. Vì dự án tương đối lớn nên chính quyền thuộc địa quyết định sẽ xây dựng khu Học xá Đông Dương trong nhiều năm. Sau khi hoàn tất hồ sơ thầu và các nhà thầu chính thức đã được chỉ định⁽³⁴⁾, bốn khu nhà đầu tiên cho sinh viên, nhà ở của Giám đốc, nhà ở của Tổng Thư ký, khu công cộng, nhà ăn, kể cả công việc lấp đất mặt bằng, đắp nền đã được khởi công xây dựng trên một khu đất hình tam giác, nằm không xa Bệnh viện René Robin. Thời gian tiến hành từ tháng 2-1942 đến tháng 3-1944 nhưng tốc

(33) Khởi tài liệu Kiến trúc, công trình Cité Universitaire.

(34) Vì công trình này lớn, chia ra làm nhiều gói thầu nên đã có nhiều nhà thầu tham gia: Vũ Phan, Lê Ngọc Bích, Bùi Văn Nguyên, Nguyễn Ký, Nguyễn Đức Lân, Lê Văn Can... tài liệu đã dẫn.

độ thi công rất chậm vì ở Hà Nội lúc đó luôn luôn có báo động vì bị máy bay Mỹ ném bom và vật liệu thiếu nghiêm trọng, nhất là xi-măng.

Khi khu thứ nhất mang tên “Toà nhà Nam Kỳ” đang ở giai đoạn hoàn thiện để chuẩn bị đón sinh viên ngay từ đầu tháng giêng năm 1943⁽³⁵⁾, Toàn quyền Jean Decoux đã đến thăm công trình và đây là lần đến thăm thứ nhất. Vào thời điểm đó, khu nhà ngủ của sinh viên nội trú đã được xây dựng xong và người ta đã mắc xong các đường điện, lắp đặt xong khu vệ sinh và đang sơn tường.

Trong khi khu thứ nhất còn đang ở giai đoạn hoàn thiện thì về cơ bản, khu thứ hai đã xây gần xong và hai khu nữa cũng đang xây dựng dang dở. Theo dự tính, cả bốn khu này sẽ đón được khoảng 320 sinh viên và khu Học xá Đông Dương sẽ không thua kém gì khu nội trú của các trường đại học ở Paris. Nhưng sau đó, sự kiện Nhật đảo chính Pháp đã xảy ra. Tiếp đó là cuộc tổng khởi nghĩa của Việt Minh đã giành được thắng lợi. Công trình xây dựng khu Học xá Đông Dương vì thế không thể tiếp tục được nữa và đã trở thành công trình xây dựng cuối cùng của chính quyền thực dân trên đất Hà Nội.

Tài liệu lưu trữ trong chủ đề **Quy hoạch và xây dựng Hà Nội** cho thấy, để biến Hà Nội thành “*trung tâm hành chính và chính trị của Bắc Kỳ*”, “*Thủ đô của Liên bang Đông Dương*”, Pháp đã phá huỷ gần như toàn bộ hệ thống di tích văn hoá, kiến trúc truyền thống của Hà Nội. Việc phá dỡ các chùa xung quanh hồ Hoàn Kiếm để xây dựng khu này thành một trung tâm với đầy đủ chức năng văn hoá, chính trị, tín ngưỡng, thương nghiệp, dịch vụ và giải trí, nhằm khuyến khích người Pháp sang định cư, làm ăn lâu dài, thể hiện rõ ý đồ chiếm đoạt vĩnh viễn các nước Đông Dương và việc phá Thành Hà Nội để xây dựng công trình quân sự và khu phố Pháp ở xung quanh Phủ Toàn quyền đã gây bức xúc không phải chỉ

(35) *Le Pavillon dit "de la Cochinchine" à la Cité Universitaire*. Indochine (hebdomadaire illustré publié en Indochine), N°125, 22-1-1943, tr. VII.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

đối với người dân Hà Nội mà ngay cả với một số quan chức trong bộ máy cai trị thực dân.

Về sự kiện phá Thành cổ năm 1897, chính Toàn quyền Paul Doumer cũng phải thốt lên rằng: *“Tôi đến quá chậm để có thể cứu lấy những phần đặc sắc, cụ thể là các cổng thành. Những di tích ấy đáng lẽ phải được bảo tồn. Chúng có những đặc trưng quý giá, chỉ như vậy thôi cũng đáng được chúng ta trân trọng. Đó là những kỷ niệm lịch sử gắn bó với nơi đây, chúng có thể làm đẹp cho các khu xây dựng mới của Thành phố...”*(36).

Còn trong lá thư ngày 17-12-1929 gửi Thống sứ Bắc Kỳ, Nores - Chủ tịch Hội Địa lý Hà Nội đã cho rằng chính Hội đồng Thành phố phải chịu trách nhiệm về những quyết định sai lầm của mình, trong đó có việc phá Thành cổ: *“Tất cả các Ủy viên của Hội đồng Thành phố đều không thể quên được rằng phong cảnh nên thơ của một thành phố chính là một nguồn của cải quý báu, rằng ngay trong chương trình của Hội đồng cũng có ghi một điều là phải bảo vệ những cảnh đẹp của Hà Nội, chống lại những sự phá hoại luôn luôn xảy ra và không ngừng tái diễn (...) Hội đồng Thành phố Hà Nội không được phạm vào những sai lầm và những phá hoại vô ích vì những công trình đó là do sức đóng góp của nhiều nhân vật ở Pháp và ở cả Đông Dương. Chúng tôi vô cùng tiếc và không thể nào quên được sự phá thành cổ với những cánh cửa đẹp tuyệt vời của nó...”*(37).

Một điểm dễ nhận thấy qua việc nghiên cứu những tài liệu lưu trữ trong chủ đề **Quy hoạch và xây dựng Hà Nội**, đó là chính sách bất bình đẳng, phân biệt đối xử, thể hiện rõ bản chất hẹp hòi của chủ nghĩa thực dân trong việc quy hoạch hai khu riêng biệt, một dành cho người Âu với

(36) Paul Doumer: *L'Indochine française (souvenir)*, 1905, p.123. Dẫn theo André Masson: *Hanoi pendant la période héroïque (1873-1888)*, Librairie Orientaliste Paul Geuthner, Paris, 1929, tr. 85.

(37) RST, hs: 78693.

mọi ưu tiên (xây dựng mới, có hệ thống cống ngầm, cung cấp đủ điện nước, trải nhựa mặt đường...) và một cho người bản xứ (chỉ mở mang trên cơ sở đã có sẵn).

Bên cạnh những vấn đề nêu trên, việc nghiên cứu những tài liệu lưu trữ trong chủ đề **Quy hoạch và xây dựng Hà Nội** còn cho ta thấy, trong quá trình quy hoạch và xây dựng Hà Nội, cho dù chỉ là mở rộng hoặc xây dựng thêm các khu phố mới, các kiến trúc sư người Pháp bao giờ cũng coi trọng đến các khoảng không gian, nơi giải trí, nơi trồng cây xanh... để tạo ra những góc đẹp của Thành phố. Họ đã để lại cho Hà Nội những công trình mang đậm phong cách kiến trúc châu Âu và những công trình kết hợp hài hoà giữa phong cách kiến trúc châu Âu với phong cách kiến trúc Á Đông. Những công trình kiến trúc đó ngày nay đã trở thành di sản văn hoá không phải của riêng Hà Nội mà là của cả đất nước Việt Nam. Việc bảo vệ những di sản vô giá này đã trở thành trách nhiệm, niềm vinh dự và tự hào của chính quyền Thành phố và của toàn thể nhân dân Thủ đô.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

TS. ĐÀO THI DIỄN

L U U T R U V N

QUY HOẠCH

RST - 5231

Appropriation des pagodes devant servir de bureaux, magasins et logements au personnel des Travaux Publics 1885.

Chiếm dụng các ngôi chùa để dùng làm văn phòng, kho và nhà ở cho nhân viên Sở Công chính 1885.

Hồ sơ gồm 8 tờ, trong đó có:

- *Bảng kê chi phí, lập ngày 14-2-1885, cho việc hợp thức hoá khu nhà A trước khi được dùng làm văn phòng, kho và nhà ở cho nhân viên Sở Công chính. Theo đó, dự chi cho khu nhà A là 3.000 francs.*
- *Biên bản của Ủy ban tiếp nhận hợp ngày 8-9-1885 để xem xét việc tiến hành hợp thức hoá các ngôi chùa do nhà thầu Shneider thực hiện.*
- *Bảng kê chi phí thực cho việc hợp thức nói trên, lập ngày 9-9-1885. Tổng số chi là 1.500 francs.*

RST - 5830

Au sujet de la zone réservée autour du Petit Lac à la Ville de Hanoï 1886.

Về khu vực được dành ra quanh Hồ Nhỏ (hồ Hoàn Kiếm), Hà Nội 1886.

Hồ sơ gồm 13 tờ, trong đó có:

- *Công văn ngày 28-10-1886 của Phó Công sứ Hà Nội gửi Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ về việc cần phải giữ một khu vực quanh hồ Hoàn Kiếm.*
- *Công văn số 399 ngày 3-11-1886 của Chánh Văn phòng Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ gửi Thống sứ Bắc Kỳ liên quan đến quyết định của Phó Công sứ Hà Nội về khu vực được giữ quanh hồ Hoàn Kiếm. Chiều rộng dành cho khu vực này ít nhất là 20 mét.*



Đoạn đường mang tên “*La promenade des journalistes*” (Nơi dạo chơi của các nhà báo). Ảnh trong L’Etrême-Orient của Paul Bonnetain, Paris, 1887. Connaissance de l’Indochine, N°1, 1917, Hanoi, Société des amitiés Nippo-Indochinoise.

(Đoạn đường này được mở sau khi có quyết định ngày 22-8-1886 của Phó Công sứ Pháp ở Bắc Kỳ cho phép xây dựng một con đường rộng 10 mét xung quanh hồ Gươm).

RST - 7625

Projet d’aménagement aux bâtiments du Lac à Hanoi 1886-1887.

Dự án cải tạo nhà quanh hồ Hoàn Kiếm, Hà Nội 1886-1887.

Hồ sơ gồm 7 tờ và 1 bản vẽ:

- Công văn số 220 ngày 7-6-1887 của Phó Chánh Sở Công chính gửi Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ về việc cải tạo Phòng Khánh tiết của toà nhà số 2 (Kho bạc).

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Công văn số 220 ngày 14-6-1887 của Phó Chánh Sở Công chính gửi Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ về việc cải tạo nội thất của toà nhà số 2 (Kho bạc).
- Nghị định số 9 ngày 17-6-1887 của Tổng trú sứ Trung - Bắc Kỳ mở một tài khoản 2.225 francs để cải tạo tầng trệt của toà nhà số 2.
- Nghị định số 12 ngày 18-6-1887 của Tổng trú sứ Trung - Bắc Kỳ mở một tài khoản 850 francs để cải tạo tầng một của toà nhà số 2.
- Bản vẽ tổng thể các phần sẽ cải tạo, kích thước 41,5 x 71cm, vẽ trên vải.

RHD - 3103

Interdiction de construire des paillottes dans le territoire de Hanoï 1886-1888.

Cấm xây dựng nhà tranh trong Thành phố Hà Nội 1886-1888.

Hồ sơ gồm 4 tờ, trong đó có:

- Nghị định ngày 17-9-1886 của Phó Công sứ Hà Nội nghiêm cấm xây dựng cũng như sửa chữa các công trình bằng tranh ở khu vực có mặt tiền trên các phố Incrusteurs (sau đổi tên thành phố Paul Bert, rồi đổi thành phố Tràng Tiền - Hàng Khay, phố Anh Quốc, nay là phố Hàng Khay), Brodeurs (sau đổi tên thành phố Jules Ferry, nay là phố Hàng Trống), Jean Dupuis (phố Hàng Chiếu).
- Bản thảo Nghị định của Phó Công sứ Hà Nội về việc cấm xây dựng nhà tranh ở các phố Lac (phố Hàng Dấu), Paul Bert (phố Tràng Tiền và phố Hàng Khay), Brodeurs, Henri Rivière (phố Ngô Quyền), Mission (phố Nhà Chung), Coton (phố Hàng Bông), Jean Dupuis, Citadelle (phố Đường Thành), Pavillons Noirs (phố Mã Mây), Voiles (phố Hàng Buồm)...

RST - 5221

Au sujet de la construction des bâtiments de la rue du Lac à Hanoï 1887.

Về việc xây dựng nhà cửa trên phố Lac ở Hà Nội 1887.

Hồ sơ gồm 2 tờ:

- Công văn số 397 ngày 18-4-1887 của Quyền Thống sứ Bắc Kỳ gửi Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ liên quan đến việc thực hiện các công việc về đố mộc của các công trình xây dựng trên phố Lạc (phố Hàng Dấu) ở Hà Nội.
- Dự thảo công văn số 60 ngày 30-4-1887 của Văn phòng Chính phủ Bảo hộ Trung - Bắc Kỳ gửi kỹ sư trưởng Sở Công chính tại Hà Nội về việc khẩn trương hoàn tất việc xây dựng này.

RST - 2792

Au sujet de l'établissement du boulevard du Lac à Hanoï 1887.

Về việc xây dựng đại lộ Lạc tại Hà Nội 1887.

Hồ sơ gồm 2 tờ:

- Dự toán cho việc xây dựng đại lộ Lạc (phố Hàng Dấu), được lập ngày 1-7-1887, với tổng kinh phí là 2000 francs.
- Công văn số 236 ngày 4-7-1887 của Phó Công sứ Pháp tại Hà Nội gửi Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ về những khó khăn về tài chính nếu tiến hành xây dựng đại lộ nói trên.

RST - 10.145

Plan général des bâtiments du Lac à Hanoï 1887.

Bản vẽ tổng thể các toà nhà quanh hồ Hoàn Kiếm, Hà Nội 1887.

Hồ sơ có duy nhất một bản vẽ các toà nhà quanh hồ Hoàn Kiếm, kích thước 50,5 x 65cm, tỷ lệ 0,002 pm, do Kiến trúc sư, Giám đốc Sở Nhà cửa dân sự Hà Nội lập ngày 15-10-1887.

RST - 10.146

Etablissement d'un square situé au point de rencontre du boulevard de Petit Lac et de la rue Paul Bert à Hanoï 1887-1888.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Xây dựng một quảng trường ở góc phố Paul Bert (phố Tràng Tiền và Hàng Khay) và đại lộ Petit Lac (phố Hồ Hoàn Kiếm), Hà Nội 1887-1888.

Hồ sơ gồm 20 tờ, trong đó có:

- *Bảng dự toán chi phí cho việc đắp đất để xây dựng quảng trường lập ngày 10-6-1887.*
- *Công văn số 151 ngày 21-2-1888 của Phó Công sứ tỉnh Hà Nội về việc thi công đắp đất ở khu nhà gần hồ Hoàn Kiếm để xây dựng quảng trường nói trên.*

Và một số tài liệu khác...

MHN - 4175

Création de la rue Balny à la Ville de Hanoï 1888-1891.

Mở phố Balny tại Thành phố Hà Nội 1888-1891.

Hồ sơ gồm 36 tờ trong đó có:

- *Thư số 5 ngày 28-8-1888 của Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội về việc đánh giá đất nơi dự định mở phố Balny (phố Trần Nguyên Hãn)*
- *Biên bản đấu thầu xây dựng phố Balny ngày 29-11- 1890.*
- *Nghị định ngày 19-12-1890 của Đốc lý Hà Nội cấp cho mỗi chủ đất khu vực dự định xây dựng phố Balny mỗi người một khoản trợ cấp là 25 quan tiền...*
- *Nghị định ngày 10-3-1891 của Đốc lý Hà Nội thành lập một ủy ban để bàn về việc trợ cấp cho những người có đất bị trưng dụng.*

SCDHN - 107

Acquisition de terrains sis au Boulevard Bobillot à Hanoï pour l'extension de Pavillon des Dames de l'Hôpital de Lanessan de Hanoï 1891-1927.

Bệnh viện De Lanessan Hà Nội trưng mua đất trên đại lộ Bobillot để mở rộng khu nhà dành cho bệnh nhân nữ 1888-1927.

Hồ sơ gồm 182 tờ, trong đó có:

- Nghị định số 1 ngày 22-12-1891 của Toàn quyền Đông Dương về việc sử dụng khu đất bên bờ phải sông Hồng, về phía nam doanh trại phân đội lính bắc cầu để xây các toà nhà chính của Bệnh viện De Lanessan (nay là Bệnh viện Trung ương Quân đội 108).
- Đơn thư khiếu nại từ 1899-1919 của người dân bản xứ bị buộc di dời khỏi khu vực này yêu cầu chính quyền Thành phố cấp đất và bồi thường tiến đến bù để dựng lại nhà cửa.
- Công văn trao đổi giữa quyền Tổng trú sứ Trung - Bắc Kỳ, Chỉ huy quân đội Đông Dương, Chỉ huy Sở Pháo binh, Đốc lý Hà Nội và Thống sứ Bắc Kỳ trong thời gian từ 1888-1927 về việc sơ tán ngôi làng bản xứ gần Bệnh viện De Lanessan và thực hiện các quy định về an ninh tại khu quân sự này nhằm đảm bảo sự thông thoáng và vệ sinh cho bệnh viện và khu phố bên cạnh; cấp tiến đến bù cho những hộ phải di dời; xây dựng khu nhà bệnh nhân nữ tại bệnh viện này; yêu cầu Chính quyền Quân sự chuyển nhượng miễn phí cho Thành phố Hà Nội một số khu đất ở ngoại thành để kéo dài đại lộ Bobillot (phố Lê Thánh Tông) và vạch ranh giới khu quân sự; công ước trao đổi đất tại khu nhượng địa giữa Chính quyền Quân sự và Thành phố Hà Nội v.v...
- Nghị định số 1381 ngày 6-5-1902 của quyền Toàn quyền Đông Dương liên quan đến việc trả về cho Công sản thuộc địa mảnh đất quân sự thuộc khu nhượng địa Hà Nội ở góc phố Pavie (phố Hàn Thuyên) và đoạn kéo dài đại lộ Bobillot với diện tích 19ha.
- Các Nghị định số 710 ngày 15-6-1903 và số 914 ngày 8-8-1903 của Thống sứ Bắc Kỳ về việc tiến hành cắm mốc phân giới để xây dựng khu nhà cho bệnh nhân nữ tại Bệnh viện Hà Nội, quy định tiến đến bù cho những người bản xứ buộc phải di dời nhà cửa khỏi khu vực này.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- *Danh sách tiền bồi thường cấp cho những người bản xứ phải di dời nhà cửa do việc xây dựng khu nhà bệnh nhân nữ tại Bệnh viện Hà Nội gây nên.*
- *Sơ đồ khu quân sự thuộc phần đất nhượng, tỷ lệ 1/1000, kích thước 116 x 65cm được vẽ trên vải.*
- *Sơ đồ nghiên cứu việc vạch ranh giới các khu quân sự thuộc phần đất nhượng được lập năm 1923, tỷ lệ 1/1000, kích thước 137,5 x 76,5cm, được vẽ trên giấy calque.*
- *Bản vẽ thửa đất số 76 khu J tỷ lệ 1/1000, kích thước 20,2 x 30,2cm, trên giấy calque.*

Và một số tài liệu khác... Trong hồ sơ có một số tài liệu bằng chữ quốc ngữ và chữ Hán - Nôm.



SCDHN - 131

Expropriation de terrains communaux sis aux Boulevards Carreau et Rollandes (Hanoï) pour la construction du Palais de Justice et de la Prison centrale 1888-1906.

Trung dụng đất công trên đại lộ Carreau (phố Lý Thường Kiệt) và Rollandes (phố Hai Bà Trưng-Hà Nội) để xây dựng Tòa án và Nhà lao trung ương 1888-1906.

Hồ sơ gồm 64 tờ, trong đó có:

- *Bảng kê những khu đất cần trưng mua để xây dựng một nhà lao tại Hà Nội và để mở đường dẫn đến nhà lao, cùng với các chỉ dẫn về tiền đền bù.*
- *Danh sách các chủ sở hữu có đất cần trưng mua để xây một tòa án tại Hà Nội và để mở đường dẫn đến tòa án (kèm theo bản vẽ các khu đất và các văn khế nhượng đất).*

Và một số tài liệu khác... Trong hồ sơ có một số tài liệu bằng chữ quốc ngữ và chữ Hán - Nôm.

SCDHN - 296

Expropriation des terrains sis rues du Paul Bert, du Camps des Lettrés, de la Mission d'Hanoï appartenant à Jean Dupuis, explorateur demeurant à Paris par la Ville d'Hanoï en vue de l'établissement des trottoirs et de l'élargissement des voies de ces rues 1888-1894.

Thành phố Hà Nội trưng dụng các khoảnh đất nằm trên phố Paul Bert (đoạn phố Pháp Quốc nay là phố Tràng Tiền), Camps des Lettrés (phố Tràng Thi) và Mission (phố Nhà Chung) của nhà thám hiểm Jean Dupuis ở Paris để làm vỉa hè và mở rộng các đường phố này 1888-1894.

Hồ sơ gồm 73 tờ, trong đó có:

- *Nghị định số 808 ngày 21-8-1888 của Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ về việc thành lập một uỷ ban xác định giá trị phần đất ở góc phố Lac (phố Hàng Dấu) và phố Paul Bert của ông Jean Dupuis để làm đường.*
- *Công văn trao đổi trong thời gian từ 1888-1889 giữa Thống sứ Bắc Kỳ, Đốc lý Hà Nội... về việc cấp tiền đền bù cho Mission và ông Jean Dupuis do bị lấy đất để làm đường và những thoả thuận kèm theo.*
- *Bản kê và bản vẽ những khu đất cần trưng thu của ông Jean Dupuis.*
- *Nghị định số 178 ngày 3-2-1894 của Toàn quyền Đông Dương về việc cấp cho ông Jean Dupuis khoản tiền đền bù là 9000 đồng, đồng thời chuyển nhượng miễn phí cho ông này 4000m² công thổ ở góc phố France (phố Tràng Tiền) và kè Cự Phú (khu vực bãi Cầu Đất) kéo dài.*

Và một số tài liệu khác...

SCDHN - 416

Expropriation des terrains sis à la rue du Riz pour l'établissement du marché de la Ville de Hanoï 1888-1894.

Về việc trưng dụng những khoảnh đất trên phố Riz để dựng chợ của Thành phố Hà Nội 1888-1894.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Hồ sơ gồm 71 tờ, trong đó có:

- Biên bản cuộc họp ngày 14-5-1888 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc Thành phố trưng thu đất của ông Jean Dupuis và một số dân bản xứ để dựng một khu chợ tại phố Riz (phố Đồng Xuân).
- Công văn trao đổi giữa Công sứ Pháp tại Hà Nội, Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ... từ 1888-1894 về việc cấp tiền đền bù cho những hộ dân bản xứ có đất bị trưng thu để dựng chợ (kèm theo một số đơn từ khiếu nại và danh sách các chủ hộ sống trên phố Riz).
- Nghị định số 178 ngày 3-2-1894 của Toàn quyền Đông Dương về việc cấp cho ông Jean Dupuis khoản tiền đền bù là 9000 đồng Đông Dương đồng thời chuyển nhượng miễn phí cho ông này khu công thổ nằm ở góc phố France (phố Pháp Quốc nay là phố Tràng Tiền) và kè Cự Phú (khu vực bãi Cầu Đất) kéo dài với diện tích 4000m², có kèm theo bản vẽ khu công thổ chuyển nhượng cho ông Jean Dupuis và bản vẽ các khu đất trưng thu được của ông ta.

Và một số tài liệu khác... Một số tài liệu trong hồ sơ này bằng chữ quốc ngữ và chữ Hán-Nôm.

RST - 3096

Création d'un jardin entre les Bureaux de la Résidence supérieure et la rue de France 1889.

Xây dựng một vườn hoa giữa Văn phòng của Toà Thống sứ Bắc Kỳ và phố France 1889.

Hồ sơ có 2 tờ và 1 bản vẽ gồm:

- Công văn số 105/A ngày 14-3-1889 của Giám đốc Công chính gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc gửi bản vẽ vườn hoa sẽ xây ở giữa khu Văn phòng của Toà Thống sứ Bắc Kỳ và phố Pháp Quốc (phố Tràng Tiền).
- Bản vẽ khu vườn sẽ được xây với tỉ lệ 0,005, được vẽ trên vải.

MHN - 4201

Construction d'un prison à la rue des Brodeurs à Hanoï 1889.

Xây dựng trại giam ở phố Brodeurs, Hà Nội 1889.

Hồ sơ gồm 16 tờ và 2 bản đồ trong đó có:

- Tập điều kiện đấu thầu dự án thi công trại giam của Thành phố Hà Nội ở phố Brodeurs (phố Hàng Trống) được Thống sứ Bắc Kỳ thông qua ngày 1-4-1889.
- Đồ án thi công công trình trại giam của Thành phố, được Thống sứ Bắc Kỳ thông qua ngày 1-4-1889.
- Biên bản đấu thầu ngày 16-4-1889.
- Bản vẽ tổng thể văn phòng và khu phụ của Sở Cảnh sát Thành phố, vẽ trên vải ngày 28-3-1889, kích thước 31 x 50cm.
- Bản vẽ mặt đứng và mặt cắt ngang của trại giam, kích thước 30 x 69cm, ngày 28-3-1889.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

SCDHN - 29

Cessions à titre gratuit à la Ville de Hanoï des terrains sis à Hanoï appartenant au Domaine colonial par l'Administration du Protectorat du Tonkin 1889-1903.

Chính quyền Bảo hộ Bắc Kỳ chuyển nhượng miễn phí đất đai thuộc Công sản thuộc địa cho Thành phố Hà Nội 1889-1903.

Hồ sơ có 41 tờ, gồm:

- Các Nghị định của Toàn quyền Đông Dương trong thời gian từ 1891-1903 chỉ ra những khu vực có ao hồ thuộc Công sản Thành phố Hà Nội, những khu đất được Chính quyền Bảo hộ chuyển nhượng miễn phí cho Thành phố để xây dựng Nhà hát lớn, mở rộng đường xá xung quanh Nhà hát và một số việc khác... Ngoài ra còn có Nghị định số 18 ngày 28-5-1903 của Toàn quyền Đông Dương nhượng lại cho các Thành phố Hà Nội và Hải Phòng toàn bộ những

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

địa hạt vô chủ thuộc Công sản Thành phố, đất đai các làng trong phạm vi Thành phố để xây dựng các cơ quan hành chính.

- *Các Nghị định ngày 13-9-1889 và 15-4-1903 của Thống sứ Bắc Kỳ về việc chuyển nhượng miễn phí một số mảnh đất cho Thành phố Hà Nội để xây dựng nhà kho của Sở Quản lý Đường bộ.*

- *Ba bản vẽ chỉ ra những khu đất được chuyển nhượng cho Thành phố Hà Nội do Giám đốc Sở Quản lý Đường bộ lập ngày 8-4-1903, tỷ lệ 1/200 và 1/500, có ghi chú diện tích của từng khu đất.*

SCDHN - 543

Achat et échange de terrains sis à la voie N° 81 par la Ville de Hanoï à Bonjour en 1901 et Nguyen Van Ky 1889-1909.

Về việc mua và trao đổi đất trên đường số 81 giữa Thành phố Hà Nội với các ông Bonjour năm 1901 và Nguyễn Văn Ký 1889-1909.

Hồ sơ gồm 70 tờ, trong đó có:

- *Trích biên bản cuộc họp ngày 1-3-1901 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc Thành phố trưng thu thửa đất số 57 khu A ở đầu đại lộ Gia Long (một đoạn phố Bà Triệu) và ở rìa đại lộ Doudart de Lagrée (phố Hàm Long) của ông Bonjour để kéo dài đại lộ Gia Long và mở đường số 81, có kèm theo hợp đồng mua đất của Thành phố và bản vẽ thửa đất.*

- *Thư từ trao đổi, báo cáo, trích biên bản các cuộc họp của Hội đồng Thành phố Hà Nội... năm 1909 liên quan đến việc Thành phố đổi thửa đất số 40/PI khu A để lấy thửa đất số 39 khu cũng nằm trong khu A của ông Nguyễn Văn Ký để mở đường số 81, có kèm theo hợp đồng trao đổi đất giữa Thành phố Hà Nội và ông Nguyễn Văn Ký và bản vẽ hai thửa đất.*

Và một số tài liệu khác...

RST - 5389

Au sujet de l'élargissement et modification de la route du Grand Bouddha à Hanoï 1890.

Về việc mở rộng và cải tạo đường Grand Bouddha ở Hà Nội 1890.

Hồ sơ gồm 4 tờ:

- Công văn số 3155 ngày 25-10-1890 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc cần phải rải đá khu đất nghĩa trang người Âu gần đường Grand Bouddha (phố Quán Thánh).
- Công văn số 7412 ngày 18-12-1890 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội liên quan đến việc mở rộng đường phố nói trên



SCDHN - 28

Reconnaissance des terrains du Domaine colonial dans la Ville de Hanoï 1890-1895.

[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](https://bookykhoe.com)

Về việc xác nhận những khoảnh đất thuộc khối Tài sản thuộc địa trong Thành phố Hà Nội 1890-1895.

Hồ sơ gồm 40 tờ, trong đó có:

- Công văn trao đổi giữa Thống sứ Bắc Kỳ, Đốc lý Hà Nội và người phụ trách các công việc dân sự từ 1890-1895 về việc cho thuê, giao công thổ cho Thành phố Hà Nội; sử dụng nhân công là các phạm nhân hình sự để lấp bờ sông Hồng...
- Nghị định số 69 ngày 16-3-1891 của Thống sứ Bắc Kỳ về việc thành lập một Ủy ban xem xét các vấn đề về nhà cửa, ao hồ và công thổ trong Thành phố Hà Nội đồng thời xác định xem có nên nhượng lại cho Thành phố sở hữu những khu vực đó hay không.
- Các Nghị định ngày 26-5-1891 và ngày 25-4-1895 của Toàn quyền Đông Dương chỉ ra những khu vực có ao hồ và những vùng đất đai thuộc công sản Thành phố.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Nghị định số 1811 ngày 28-11-1895 của Toàn quyền Đông Dương chuyển nhượng cho Thành phố Hà Nội những khu đất thuộc Chính quyền Bảo hộ.
- Bản vẽ các khu công thổ được Chính quyền Bảo hộ chuyển nhượng cho Thành phố Hà Nội do Giám đốc Sở Quản lý Đường bộ lập ngày 10-4-1895, tỷ lệ 1/1000, kích thước 45 x 73cm.
- 2 bản vẽ lô đất thứ 11 đại lộ Bobillot (phố Lê Thánh Tông) do Giám đốc Sở Quản lý Đường bộ lập ngày 25-11-1895, tỷ lệ 0m, 002p m, kích thước 43 x 33cm, một bản được vẽ trên vải và một bản trên giấy croquis.

J - 997

JOIF, 2^e partie: Annam et Tonkin, 1890, N^o 32, p. 394.

Arrêté du 15-2-1890 du Résident supérieur au Tonkin fixant la largeur et la direction des rues anciennes et nouvelles de Hanoi.

Nghị định ngày 15-2-1890 của Thống sứ Bắc Kỳ ấn định chiều dài và hướng các phố cũ và mới của Hà Nội.

Nghị định bao gồm 3 điều, quy định chi tiết về chiều dài, chiều rộng của đường và hệ phố cho các phố cũ và mới. Các chỉ số về chiều dài, chiều rộng của đường và hệ phố mới được chỉ rõ trong các bảng kèm theo Nghị định này. Theo đó, có 50 con đường mới được đánh số từ 1 đến 50, kèm theo là chỉ giới đường đã được thông qua cùng ngày với Nghị định.

RST - 5391

Au sujet des alignements et des autorisations de construire données par le Service des Travaux Publics 1891.

Về việc xác định chỉ giới các đường phố và việc cấp phép xây dựng của Sở Công chính năm 1891.

Hồ sơ gồm 44 tờ, trong đó có:

- Các đơn xin xây dựng nhà của người dân trên bến Cự Phú (khu vực bãi Cầu Đất).
 - Công văn số 4875 ngày 26-8-1891 của Đốc lý Hà Nội gửi Giám đốc cơ sở Công chính về việc phải xác định chỉ giới trước khi cho phép xây dựng nhà cửa trên bến Cự Phú.
 - Công văn số 49 ngày 25-9-1891 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc cho phép xây dựng nhà cửa trên các phố Bambous (phố Hàng Tre), Sel (phố Hàng Muối).
- Và các tài liệu khác...

RST - 5407

Fourniture des plaques de rue et des numéros de maison à Hanoi 1891.

Việc cung cấp biển tên phố và số nhà ở Hà Nội 1891.

Hồ sơ gồm 2 tờ:

- Biên bản đấu thầu việc cung ứng biển tên phố và số nhà ở Hà Nội, ngày 31-1-1891 với kết quả trúng thầu là Công ty Fontaine.
- Công văn số 3520 ngày 4-2-1891 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ thông báo kết quả đấu thầu ngày 31-2-1891.

RST - 5907

Etablissement du boulevard Francis Garnier autour du Petit Lac 1891.

Mở đại lộ Francis Garnier quanh Hồ Nhỏ (hồ Hoàn Kiếm) 1891.

Hồ sơ gồm 7 tờ và 3 bản vẽ:

- Các biên bản giám định ngày 19-3-1891 của Ủy ban trưng dụng bản xứ về việc quyết định mức đền bù cho các chủ sở hữu có nhà bị trưng dụng phục vụ cho việc lập đại lộ Francis Garnier (sau sáp nhập với phố Beauchamps thành phố Lê Thái Tổ, nay là phố Đinh Tiên Hoàng).

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Công văn số 3903 ngày 26-3-1891 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc chi trả trợ cấp đền bù cho việc trưng dụng nhà để làm đường.
- Dự thảo các bản thiết kế thi công đại lộ Francis Garnier, được Giám đốc Sở Quản lý Đường bộ thiết kế ngày 25-3-1891 (đã được Đốc lý Hà Nội thông qua) gồm: bản vẽ tổng thể, bản vẽ chi tiết hệ phố, cống và các lỗ thoát nước.

RST - 11692

Projet de création d'un nouveau cimetière européen à Hanoi, près de la porte de Son Tay 1891-1892.

Dự án lập nghĩa trang mới cho người Âu ở Hà Nội, gần cổng Sơn Tây 1891-1892.

Hồ sơ gồm 60 tờ và 1 bản vẽ:

- Công văn số 3863 ngày 20-3-1891 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc tìm đất để lập nghĩa trang người Âu ở Hà Nội. Đốc lý Hà Nội đề xuất mảnh đất gần cổng Sơn Tây nhưng một phần ba mảnh đất này thuộc sở hữu của Lebras nên cần phải đền bù.
- Công văn số 4075 ngày 15-4-1891 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ đề xuất một mảnh đất khác trên đường Abattoir (đường Lò Lợn nay là phố Lương Yên), rộng hơn mảnh đất gần cổng Sơn Tây và toàn bộ là đất công.
- Trích biên bản phiên họp ngày 27-6-1891 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc chọn vị trí để lập nghĩa trang. Kết quả là Hội đồng thống nhất lựa chọn vị trí trên đường Sơn Tây.
- Nghị định số 459 ngày 6-7-1891 của Thống sứ Bắc Kỳ thông báo việc lập nghĩa trang người Âu ở gần cổng Sơn Tây, Hà Nội. Theo đó, tất cả đất đai cần thiết cho việc xây dựng nghĩa trang sẽ được trưng dụng.

- Bản vẽ đất đai khu nghĩa trang sẽ được xây dựng có kích thước 42 x 30,5cm, tỷ lệ 1/1000, do Giám đốc Sở Quản lý Đường bộ vẽ trên vải ngày 1-9-1891 và được Thống sứ Bắc Kỳ phê chuẩn ngày 3-9-1891. Và một số tài liệu khác...

RST - 11695

Création d'un cimetière annamite à la route de l'Abattoir de Hanoï 1891-1892.

Xây một nghĩa trang người Việt ở đường Abattoir (đường Lò Lợn nay là phố Lương Yên), Hà Nội 1891-1892.

Hồ sơ gồm 27 tờ và 1 bản vẽ:

- Sơ đồ dự án nghĩa trang người Việt, kích thước 42,4 x 30,5cm, tỷ lệ 1/5000, do Giám đốc Sở Quản lý Đường bộ vẽ trên vải ngày 30-10-1891.
- Công văn số 355 ngày 7-1-1892 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc chọn đất ở đường Abattoir để lập nghĩa trang người Việt ở Hà Nội.
- Nghị định số 50 ngày 22-1-1892 của Thống sứ Bắc Kỳ thông báo việc lập nghĩa trang người Việt ở Hà Nội.
- Công văn số 417 ngày 27-1-1892 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc trưng dụng đất để lập nghĩa trang cho người Việt.

RST - 11699

Création d'un cimetière chinois au village de Phuong Liet, Hanoï 1891-1892.

Lập một nghĩa trang người Hoa ở làng Phương Liệt, Hà Nội 1891-1892.

Hồ sơ gồm 8 tờ:

- Công văn số 287 ngày 14-12-1891 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc sẽ lập một nghĩa trang người Hoa giống nghĩa trang người Việt ở Hà Nội.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Công văn số 1108 ngày 23-3-1892 của Công sứ Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc trưng dụng đất ở làng Phương Liệt để lập nghĩa trang người Hoa.

RST - 5516

Au sujet des travaux de remblai et expropriations pour la voie N^o 6 de la voirie urbaine de Hanoï 1892.

Về các công việc đắp đất và trưng dụng đất cho đường số 6 tại Hà Nội 1892.

Hồ sơ gồm 8 tờ và 2 bản vẽ:

- Công văn số 4856 ngày 24-8-1891 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc trưng dụng đất của Tao Hing ở phố Chaux (phố Hàng Vôi) để hoàn tất con đường số 6 (đường nối từ phố Chaux đến kè Cự Phú, khu vực bãi Cầu Đất).
- Công văn số 599 ngày 18-1-1894 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc đắp đất cho đường số 6.
- Bản vẽ mảnh đất gần phố Glacière (phố nối từ phố Chaux đến kè Cự Phú nay là một đoạn phố Trần Quang Khải) được trưng dụng để hoàn tất đường số 6, kích thước 20 x 30,5 cm.
- Bản vẽ mảnh đất trên phố Chaux được trưng dụng để hoàn tất đường số 6, kích thước 20 x 28 cm.

RST - 5719

Modification au plan d'alignement du quai de Cu Phu à Hanoï 1892.

Sửa đổi sơ đồ chỉ giới kè Cự Phú tại Hà Nội 1892.

Hồ sơ có 3 tờ gồm:

- Công văn số 120/A tháng 6-1892 của Giám đốc Công chính Bắc Kỳ gửi Thống sứ Bắc Kỳ đề nghị thông qua bản vẽ sửa đổi xác định chỉ giới kè Cự Phú (khu vực bãi Cầu Đất) đã được thông qua ngày 20-10-1891.

- Công văn số 3082 ngày 28-6-1892 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Giám đốc Công chính Bắc Kỳ nhất trí phê chuẩn bản sửa đổi nói trên.

RST - 5760

Construction du boulevard Rollandes entre la rue de Dong Khanh et le boulevard Bobillot et du boulevard Henri Rivière, entre la rue Paul Bert et le boulevard Gambetta à Hanoï 1892.

Xây dựng đại lộ Rollandes (phố Hai Bà Trưng) đoạn giữa phố Đồng Khánh (phố Hàng Bài) và đại lộ Bobillot (phố Lê Thánh Tông) và đại lộ Henri Rivière (phố Ngô Quyền) đoạn giữa phố Paul Bert (phố Tràng Tiền và Hàng Khay) và đại lộ Gambetta (phố Trần Hưng Đạo) 1892.

Hồ sơ gồm 1 biên bản đấu thầu ngày 23-4-1892 để xây dựng hai đoạn đường nói trên. Theo đó, nhà thầu Darribes đã trúng thầu.

RST - 11698

Création d'un cimetière européen au village de Phuc Lam, près de la route de Hué, Hanoï 1892.

Xây một nghĩa trang người Âu ở làng Phúc Lâm, gần đường Huế, Hà Nội 1892.

Hồ sơ gồm 6 tờ:

- Công văn số 1044 ngày 08-10-1892 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc tiến hành điều tra để lập nghĩa trang mới cho người Âu ở làng Phúc Lâm, gần đường Huế (phố Duy Tân, nay là phố Huế) Hà Nội.
- Công văn số 1149 ngày 11-11-1892 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về kết quả cuộc điều tra nói trên.

SCDHN - 405

Achat de terrains particuliers appartenant aux indigènes par la Ville de Hanoï pour l'ouverture du boulevard Rialan 1892-1899.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Thành phố Hà Nội mua tư thổ của người bản xứ để mở đại lộ Rialan 1892-1899.

Hồ sơ gồm 31 tờ, trong đó có:

- Công văn trao đổi, trích biên bản các cuộc họp của Hội đồng Thành phố Hà Nội trong thời gian từ 1892-1899 về việc Thành phố trưng mua tư thổ của Vũ Tả Chinh, Đỗ Văn Chiếu, Bùi Đình Huy để mở đại lộ Rialan (sau đổi tên thành phố Trạng Trình, nay là phố Phan Chu Trinh), có kèm theo bản vẽ các khu đất và hợp đồng mua đất của Thành phố.

RST - 5519

Au sujet de l'interdiction de la construction des maisons en paillotes dans la Ville de Hanoï 1893.

Về việc cấm xây dựng nhà tranh trong Thành phố Hà Nội 1893.

Hồ sơ gồm 7 tờ, trong đó có:

- Nghị định ngày 17-2-1891 của Đốc lý Hà Nội cấm xây dựng nhà tạm và nhà tranh trong Thành phố Hà Nội. Các khu vực cấm xây dựng được quy định như sau:

- Khu vực giới hạn bởi sông Hồng, phố France (phố Pháp Quốc, nay là phố Tràng Tiền), đại lộ Bobillot (phố Lê Thánh Tông), đại lộ Gambetta (phố Trần Hưng Đạo), đại lộ Jauréguibéry (phố Quang Trung), phố Mission (phố Nhà Chung), phố Chanvre (phố Hàng Gai), phố Pont en Bois (phố Cầu Gỗ), phố Radeaux (phố Hàng Bè) và phố Saumure (phố Hàng Mắm).

- Khu vực trong các phố Paniers (phố Hàng Bồ), Changeurs (phố Hàng Bạc), Jean Dupuis (phố Hàng Chiếu), Cuivre (phố Hàng Mã), Soie (phố Hàng Đào) và phố Cantonnaires (phố Hàng Ngang).

Nghị định còn quy định tất cả nhà tranh đã xây dựng trong khu vực nói trên đều phải phá bỏ trong thời hạn 6 tháng. Việc xây dựng các

ngôi nhà tranh chỉ được phép thực hiện cách khu vực cấm tối thiểu là 40 mét.

- Nghị định số 395 ngày 8-6-1892 của Đốc lý Hà Nội quy định thêm các khu vực cấm xây nhà tranh trong Thành phố Hà Nội và gia hạn cho việc phá bỏ các ngôi nhà tranh đã xây dựng trong vòng 1 năm.

RST - 5776

Démolition des murs de la Citadelle de Hanoï 1893.

Phá các bức tường Thành Hà Nội 1893.

Hồ sơ có 3 tờ gồm:

- Dự thảo công văn của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương liên quan đến đề nghị phá Thành Hà Nội của Hội đồng Thành phố Hà Nội.
- Điện ngày 27-8-1893 của Toàn quyền Đông Dương gửi Thống sứ Bắc Kỳ yêu cầu gửi ngay nghị quyết của Hội đồng Thành phố Hà Nội liên quan đến việc phá tường Thành nói trên.

RST - 5777

Achèvement de la rue de l'Intendance à Hanoï 1893.

Hoàn thành việc thi công đường phố Intendance ở Hà Nội 1893.

Hồ sơ gồm 5 tờ, trong đó có:

- Công văn số 375 ngày 6-6-1893 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ báo cáo về việc đường phố Intendance (sau đổi thành phố Fourès nay là phố Đinh Lễ) vẫn chưa hoàn thiện mặc dù việc thi công đã kết thúc.
- Công văn số 2724 ngày 14-6-1893 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội giao cho Thành phố Hà Nội xử lý việc này.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

RST - 30.862

Au sujet de la révision d'une partie de la carte des environs de Hanoï 1894.

Về việc sửa đổi một phần bản đồ vùng phụ cận Hà Nội 1894.

Hồ sơ gồm một công văn số 13193 ngày 10-6-1894 của Tổng Tư lệnh Quân đội Pháp về việc sửa đổi một phần bản đồ vùng phụ cận Thành phố Hà Nội: khu vực từ đường Sơn Tây và đường Huế đến sông Tô Lịch.

SCDHN - 420

Achat de terrains municipaux sis au boulevard Rollandes par la Ville de Hanoï aux indigènes et européens pour l'ouverture du boulevard 1894-1900.

Thành phố Hà Nội mua đất trên đại lộ Rollandes của người bản xứ và người Âu để mở đại lộ này 1894-1900.

Hồ sơ gồm 24 tờ, trong đó có:

- *Trích biên bản các phiên họp ngày 29-9-1899 và 14-9-1900 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc thanh toán tiền trưng dụng đất cho bà Nguyễn Thị Loan, Nguyễn Thị Thìn và ông Eminente vì đã chuyển nhượng cho Thành phố các khu đất số 108 phố Coton (phố Hàng Bông), 193 phố Teinturiers (một phần phố Thợ Nhuộm) và 125 đại lộ Rollandes (phố Hai Bà Trưng) để mở đại lộ Rollandes đoạn từ phố Teinturiers đến đường số 44, có kèm theo hợp đồng mua đất của Thành phố Hà Nội và bản vẽ các khu đất.*

Và một số tài liệu khác...

SCDHN - 279

Echange des terrains communaux sis à la route de Hué entre la Ville de Hanoï et Blanc, Bunau, Didier, Julien 1895-1919.

Về việc trao đổi công thổ trên đường Huế giữa Thành phố Hà Nội và các ông, bà Blanc, Bunau, Didier và Julien 1895-1919.

Hồ sơ gồm 104 tờ, trong đó có:

- *Trích biên bản phiên họp ngày 1-3-1901 của Hội đồng Thành phố Hà Nội đồng ý chuyển nhượng cho các ông, bà Blanc, Nguyễn Đình Phương, Nguyễn Thị Hanh và Nguyễn Thị Ba sở hữu các căn nhà số 60, 62, 64 và 66 đường Huế (phố Duy Tân nay là phố Huế), khu đất công là ao nằm ở phía sau và kế bên các căn nhà của họ (kèm theo hợp đồng chuyển nhượng và bản vẽ khu đất mà Thành phố Hà Nội nhượng lại cho ông Blanc sống tại phố Paul Bert (phố Tràng Tiền và Hàng Khay).*
 - *Một số báo cáo của Giám đốc Sở Quản lý Đường bộ về việc cấm di chuyển hoặc mở rộng nghĩa trang của người Âu trên đường Huế do các khu mộ trong nghĩa trang này ngày càng nhiều. Theo báo cáo, ông Blanc đồng ý trao đổi với Thành phố một số khu đất trên đường Huế nhằm phục vụ cho mục đích trên (kèm theo bản vẽ các khu đất và hợp đồng trao đổi đất giữa Thành phố Hà Nội và ông Blanc).*
 - *Trích biên bản một số phiên họp của Hội đồng Thành phố Hà Nội và báo cáo của Ủy ban Trưng thu thông qua việc Thành phố bán công thổ trên đường Huế cho các ông, bà Didier, Bunau và Julien (kèm theo bản vẽ các khu đất và hợp đồng bán đất).*
- Và một số tài liệu khác...

SCDHN - 898

Ouverture du Boulevard Carreau (partie comprise entre les carrefours des Boulevards de Dong Khanh et Henri Rivière) à Hanoï 1895-1896.

Về việc mở đại lộ Carreau (gồm cả phần ở giữa ngã tư hai đại lộ Đồng Khánh và Henri Rivière) tại Hà Nội 1895-1896.

Hồ sơ gồm 10 tờ, trong đó có:

- *Danh sách các khu đất cần trưng dụng để mở đại lộ Carreau (phố Lý Thường Kiệt), gồm cả phần ở giữa ngã tư hai đại lộ Đồng Khánh*

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

(phố Hàng Bài) và đại lộ *Henri Rivière* (phố Ngô Quyền) với độ dài 78 mét.

- Nghị định số 1810 ngày 23-12-1896 của Toàn quyền Đông Dương cho phép mở đại lộ *Carreau* và đường số 43 trên địa hạt Thành phố Hà Nội để phục vụ lợi ích công cộng, cụ thể như sau:

- Đại lộ *Carreau*, đoạn từ đại lộ Đồng Khánh đến đại lộ *Henri Rivière*.

- Đường số 43, đoạn từ đường số 41 đến phố *Teinturiers* (một phần phố Thọ Nhuộm).

- Bản vẽ các thửa đất cần trưng dụng để mở rộng đại lộ *Carreau* do Giám đốc Sở Quản lý Đường bộ lập ngày 14-9-1895, tỷ lệ 1/1000, kích thước 20 x 31cm.

- Bản vẽ các khu đất cần trưng dụng để mở rộng đại lộ *Carreau*, gồm cả phần ở giữa ngã tư hai đại lộ Đồng Khánh và *Henri Rivière* với độ dài 78m do Kiến trúc sư - Chánh Sở Quản lý Đường bộ lập ngày 24-9-1896, tỷ lệ 1/1000, kích thước 20 x 31cm.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

RST - 5802

Au sujet du classement des rues de Hanoi et constructions en paillotes 1896.

Về việc xếp hạng các phố ở Hà Nội và các công trình xây dựng bằng tranh tre 1896.

Hồ sơ gồm 11 tờ, trong đó có:

- Trích biên bản phiên họp bất thường ngày 22-12-1895 của Thành phố Hà Nội thảo luận về việc đánh thuế các công trình xây dựng bằng tranh trong khu vực cấm cùng mức với các ngôi nhà bằng gạch một tầng. Kết quả là đề xuất về việc đánh thuế trên đã được Hội đồng nhất trí thông qua.

- Dự thảo Nghị định của Toàn quyền Đông Dương năm 1895 về việc đánh thuế các công trình xây dựng bằng tranh còn tồn tại ở Hà Nội trong khu vực cấm nhà tranh sẽ phải chịu mức thuế đất hạng 2.

- Dự thảo Nghị định của Toàn quyền Đông Dương năm 1896 về việc nâng hạng của một số đường phố và đại lộ ở Hà Nội.

RST - 79024

Construction des trottoirs et classement des rues de Hanoï 1896-1905.

Xây dựng hè phố và sắp xếp phố ở Hà Nội 1896-1905.

Hồ sơ gồm 53 tờ và 2 bản vẽ:

- Nghị định ngày 3-7-1896 của Toàn quyền Đông Dương quy định Sở Quản lý Đường bộ chịu trách nhiệm thực hiện việc xây dựng hè phố trong Thành phố Hà Nội. Theo Nghị định này, chi phí cho việc xây dựng hè phố do Sở Quản lý Đường bộ chịu trách nhiệm một nửa, nửa còn lại do các chủ đất ven đường chịu.
- Công văn số 1381/A ngày 7-1-1904 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc điều chỉnh lại đường vào vườn Bách thảo và bỏ đường số 61. Hai đường này đã có từ 1897, nằm ở vị trí Thành cổ. Theo Đốc lý Hà Nội, cần phải lập một con đường vòng quanh vườn Bách thảo để làm giới hạn cho khu vườn. Đường này dành cho xe ba gác và xe cút kít đi lại.
- Công văn số 3029 ngày 12-2-1904 của Tư lệnh tối cao Quân đội Đông Dương gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc chỉnh trang vườn Bách thảo có liên quan đến các quy định trong Luật ngày 22-6-1854 đối với việc sử dụng đất đai gần các kho thuốc súng. Theo Luật này, không được phép xây dựng bất kỳ công trình nào gần các kho thuốc súng (tối thiểu là 25 mét), trừ tường rào. Ngoài ra, Luật còn cấm làm các đường dẫn ga, hàng rào bằng gỗ và cây khô, cấm tích trữ gỗ, rơm khô hoặc chất cháy nổ và trồng cây thân cao gần các kho thuốc súng.
- Công văn số 1447/A ngày 12-2-1904 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc nghiên cứu những thay đổi đối với đường vào vườn Bách Thảo. Theo đó, để tiến hành thay đổi đường vào vườn

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Bách thảo cần phải xoá bỏ cả đường C, một phần đường số 6 và đại lộ Puginier (phố Điện Biên Phủ).

• Công văn số 26 ngày 4-2-1906 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc đầu thầu đánh bắt cá ở hồ Trúc Bạch.

• Sơ đồ các đường phố khu gần ga Hà Nội, tỷ lệ 1/2000 .

• Sơ đồ kênh thoát nước ở đường số 76 (sau được đặt tên là phố Reinach và nay là phố Trần Quốc Toàn) và đại lộ Gambetta (phố Trần Hưng Đạo).

• Sơ đồ kênh thoát nước sông và nước sinh hoạt của ở khu phía bắc phố Teinturiers (một đoạn phố Thợ Nhuộm) và phía đông đường Mandarine (một đoạn phố Lê Duẩn) và khu phía nam của Khu đấu xảo (nay là Cung Văn hoá Hữu Nghị).

Và một vài tài liệu khác...



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

RHD - 3100

Lettre du Kinh lược Hoàng Cao Khải au sujet du creusement d'un canal dans la plaine de Thai Ha 1896.

Công văn của Hoàng Cao Khải, Kinh lược Bắc Kỳ về việc đào một con kênh ở vùng Thái Hà 1896.

Hồ sơ có 3 tờ, gồm :

• Công văn số 24 ngày 18-7-1896 của Hoàng Cao Khải, Kinh lược Bắc Kỳ gửi Công sứ Hà Đông về việc đào một con kênh tại Cống Mọc và xây dựng một chiếc cống qua đường Thanh Oai.

• Công văn số 69 ngày 20-7-1896 của Công sứ Hà Đông gửi Kinh lược Bắc Kỳ về việc tỉnh không có đủ kinh phí để đào kênh Thái Hà.

RST - 6753

Démolition de la Citadelle de Hanoi 1897

Phá Thành Hà Nội 1897.

Hồ sơ có 5 tờ gồm:

- *Hợp đồng bổ sung cho các hợp đồng ngày 15-2, ngày 2-7 và ngày 1-8-1896 liên quan đến việc phá huỷ Thành Hà Nội được làm tại Hà Nội ngày 11-1-1897.*

Kèm theo hợp đồng bổ sung nói trên là một bản vẽ được vẽ trên vải, kích thước 84 x 93cm, tỷ lệ 1/2.000.

RST - 3046

Installation d'une fabrique de conserve de légumes à Hanoï et aux environs 1898-1899.

Thiết lập một xưởng rau đóng hộp tại Hà Nội và vùng lân cận 1898-1899.

Hồ sơ gồm 10 tờ, trong đó có:

- *Đơn của ông H. Couve, ở số 35, đại lộ Voltaire, tỉnh Meurthe-et-Moselle (Pháp) ngày 27-10-1898 xin thiết lập một xưởng rau đóng hộp ở Hà Nội hoặc vùng lân cận.*
- *Công văn số 1487 ngày 13-2-1899 của Giám đốc Nha Nông nghiệp Bắc Kỳ gửi Thống sứ Bắc Kỳ nêu những khó khăn về đất đai và khí hậu đối với việc thiết lập xưởng rau đóng hộp theo đơn của Couve ở Hà Nội.*
- *Công văn số 331/C ngày 28-2-1899 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương về việc xưởng rau đóng hộp có thể được đặt ở ngoại ô Thành phố, gần sông Hồng.*

RST - 5948

Remise à la Ville de Hanoï des voies de la Citadelle non encore remise au 1^{er} juillet 1898.

Trao trả cho Thành phố Hà Nội các con đường trong Thành mà cho đến ngày 1-7-1898 vẫn còn chưa trả.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Hồ sơ có một biên bản ngày 1-7-1898 về việc Tổng Công ty Nghiên cứu Công nghiệp và Thương mại trao trả cho Thành phố Hà Nội các con đường trong Thành Hà Nội.

J - 1034

JOIF, 2^e partie: Annam-Tonkin, 1898, N^o 105, p. 998.

Arrêté du 23-12-1898 du Gouverneur général p.i de l'Indochine élevant en classe certaines rues de Hanoï.

Nghị định ngày 23-12-1898 của Quyền Toàn quyền Đông Dương nâng hạng một số phố ở Hà Nội.

- Theo Nghị định, các phố được nâng lên hạng nhất gồm: đường số 8, các phố Pipes (phố Hàng Điều), Cuirs (phố Hàng Da), Caisses (phố Hàng Hòm), Sel (phố Hàng Muối), Bambous (phố Hàng Tre) và Cuivre (phố Hàng Mã).

- Các phố được nâng lên hạng nhì gồm: đại lộ Bobillot (phố Lê Thánh Tông), phố Laubarède (phố Đặng Thái Thân), đại lộ Henri Rivière (phố Ngô Quyền, đoạn từ phố Trần Hưng Đạo đến phố Lò Đúc), phố Camps des Lettrés (phố Tràng Thi, đoạn từ phố Quang Trung đến phố Hàng Bông), phố Stores (phố Hàng Mành), phố Forgerons (phố Lò Rèn), phố Chiffons (phố Hàng Mụn), đại lộ Armand Rousseau (phố Lò Đúc, đoạn từ đại lộ Gia Long nay là một đoạn phố Bà Triệu đến đường nghĩa trang), kè Sông Hồng đoạn từ Sở Công chính đến phố Tubercules (phố Hàng Khoai).

- Các phố được nâng lên hạng ba gồm: đại lộ Armand Rousseau (phố Lò Đúc, đoạn từ đường nghĩa trang đến đê Đông Mác), đường Hué (phố Duy Tân nay là phố Hué, đoạn từ phố Lò Đúc đến đường nghĩa trang), đường Mandarine (một phần phố Lê Duẩn, bao gồm cả nghĩa trang Nhà Thờ), phố Poissonnerie (phố Hàng Cá), đường số 23 (đoạn từ phố Jean Dupuis - phố Hàng Chiếu - đến phố Hàng Buồm), các phố Briques (phố Ngõ Gạch), Vers Blancs (phố Hàng Rươi),

Peignes (phố Hàng Lược), kề sông Hồng (đoạn từ phố Tubercules-phố Hàng Khoai-ra đến giới hạn Thành phố), phố Vermicelles (phố Hàng Bún) và tất cả khu đất thuộc thành cổ chưa được xếp hạng.

RST - 3950

Au sujet de l'ouverture de la voie projetée N° 14 de la Ville de Hanoï 1899.

Về việc mở đường số 14 ở Thành phố Hà Nội 1899.

Hồ sơ chỉ có 2 tờ trích biên bản phiên họp ngày 27-4-1899 của Hội đồng Thành phố Hà Nội, kết quả là Hội đồng không chấp thuận đề nghị mở đường số 14.

SCDHN - 505



Achat de terrains particuliers sis aux rues Gambetta et des Teinturiers appartenant à Traubé, Lénormand et Rivaud par la Ville de Hanoï 1899-1902.

Thành phố Hà Nội mua từ thửa trên các phố Gambetta và Teinturiers của các ông Traubé, Lénormand và Rivaud 1899-1902.

• *Hồ sơ có 87 tờ, gồm: báo cáo, trích biên bản các phiên họp của Hội đồng Thành phố Hà Nội... trong thời gian từ 1899-1902 về việc Thành phố trưng mua thửa đất số 38 đại lộ Gambetta (phố Trần Hưng Đạo) và số 19 phố Teinturiers (một đoạn phố Thợ Nhuộm) của các ông Traubé, Lénormand và Rivaud để mở đường số 9 (phố Đoàn Như Hải) đoạn từ phía nam phố Teinturiers, phần kéo dài của phố cho đến đại lộ Gambetta, có kèm theo hợp đồng chuyển nhượng và bản vẽ các thửa đất.*

SCDHN - 410

Achat d'un terrain sis à la voie N° 43 de Tran Duc Tien, originaire du village de La Khê, huyen de Tu Liem, Hanoï par la Ville de Hanoï 1900-1901.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Thành phố Hà Nội mua một khu đất trên đường số 43 của Trần Đức Tiến, người làng La Khê, huyện Từ Liêm, Hà Nội 1900-1901.

Hồ sơ gồm 11 tờ, trong đó có:

- *Trích biên bản phiên họp ngày 9-11-1900 của Hội đồng Thành phố Hà Nội thông qua việc Thành phố mua mảnh đất số 1409, khu C của Trần Đức Tiến để mở đường số 43 nối liền phố Coton (phố Hàng Bông) với phố Borgnis Desbordes (một phần phố Tràng Thi), có kèm theo bản vẽ khu đất và hợp đồng mua đất của Thành phố.*

TPT - 220

Acquisition des immeubles appartenant à M.M Giraud, Constant et Nguyen My Ngoc pour l'agrandissement de l'Hôtel du Procureur général 1900.

Trung mua nhà cửa của các ông Giraud, Constant và Nguyễn Mỹ Ngọc để mở rộng dinh Chương lý 1900.

Hồ sơ gồm 7 tờ, trong đó có:

- *Quyết định số 468 ngày 1-2-1900 của Toàn quyền Đông Dương cho phép Công sản thuộc địa trưng dụng các ngôi nhà và thửa đất số 9, 11 và 13 trên phố Camp des Lettrés (phố Tràng Thi) của các ông Giraud, Constant và Nguyễn Mỹ Ngọc, với số tiền là 6.250 đồng Đông Dương để mở rộng dinh Chương lý tại số 7 phố Camp des Lettrés.*
- *Bản vẽ tổng thể các thửa đất cần trưng dụng để mở rộng khu vực dinh Chương lý tại Hà Nội.*

Và một số tài liệu khác...

RST - 6318

Au sujet du classement des voies du nouveau quartier indigène à Hanoi 1901.

Về việc xếp hạng các con đường ở khu phố mới của người bản xứ ở Hà Nội 1901.

Hồ sơ gồm 7 tờ và 1 bản yết thị:

- *Trích biên bản phiên họp bất thường ngày 3-5-1901 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc đệ trình Thống sứ Bắc Kỳ thông qua bản vẽ tổng thể các con đường dự kiến sẽ mở ở khu vực sắp xây dựng khu phố mới cho người bản xứ ở phía nam Thành phố Hà Nội, được đánh số từ 68 đến 83.*
- *Báo cáo ngày 8-6-1901 của kỹ sư trưởng Khu Công chính Bắc Kỳ về việc căn xác định chỉ giới các con đường sẽ mở nói trên.*
- *Báo cáo ngày 17-6-1902 của kỹ sư trưởng Khu Công chính Bắc Kỳ về việc xếp hạng các con đường từ số 68 đến số 83 ở phía tây đường Huế (phố Huế).*
- *Yết thị của Thành phố Hà Nội ngày 22-4-1902 về dự án xếp hạng các con đường sẽ mở trong khu phố mới dành cho người bản xứ.*

RST - 6330

Au sujet de l'agrandissement du marché de la rue du Riz, Hanoï 1901.

Về việc mở rộng chợ ở phố Riz 1901.

Hồ sơ gồm 6 tờ, trong đó có:

- *Trích biên bản phiên họp bất thường ngày 29-9-1901 của Hội đồng Thành phố Hà Nội bàn về dự án mở rộng chợ ở phố Riz (phố Đồng Xuân).*
- *Báo cáo của Kiến trúc sư trưởng của Sở Công chính Bắc Kỳ về việc xây dựng thêm khu nhà thứ 4 cho chợ ở phố Riz (sau được gọi là Grand Marché, nay là chợ Đồng Xuân).*

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954



Grande Marché (chợ Đông Xuân).

Connaissance de l'Indochine, N°1, 1917, Hanoï, Société des amitiés Nippo-Indochinoise.

RST - 6332

Au sujet de l'ouverture d'une partie du boulevard Carreau 1901.

Về việc mở thêm một phần đại lộ Carreau 1901

Hồ sơ gồm 5 tờ:

- Trích biên bản phiên họp ngày 19-11-1901 của Hội đồng Thành phố Hà Nội liên quan đến mở thêm một phần đại lộ Carreau (phố Lý Thường Kiệt).
- Công văn số 20/A ngày 27-12-1901 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc đắp đất để mở đường.

RST - 6361**Voeu de Dufour au sujet de la création d'une musique municipale 1901.****Đề xuất của ông Dufour về việc lập một đội nhạc Thành phố 1901.**

Hồ sơ gồm phần trích biên bản phiên họp ngày 1-6-1901 của Hội đồng Thành phố Hà Nội. Đa số thành viên có mặt trong cuộc họp này không tán thành đề xuất về việc lập đội nhạc cho Thành phố của ông Dufour, Chủ tịch thứ 2 Hội đồng Thành phố.

RST - 6379**Au sujet de la création du quartier au Sud de la Ville de Hanoï 1901-1902.****Về việc lập khu phố ở phía nam Hà Nội 1901-1902.****Hồ sơ gồm 16 tờ, trong đó có:**

- *Trích biên bản phiên họp bất thường ngày 3-5-1901 của Hội đồng Thành phố Hà Nội bàn về dự án lập khu phố người bản xứ ở phía nam Hà Nội.*
- *Báo cáo số 912/A ngày 12-6-1901 của kỹ sư trưởng Sở Công chính Bắc Kỳ xem xét và cho ý kiến về dự án nói trên.*
- *Công văn số 1085 ngày 29-6-1901 của Tổng Kiểm sát trưởng, Chánh Sở Tư pháp Đông Dương gửi Thống sứ Bắc Kỳ cho ý kiến bác bỏ dự án lập khu phố người bản xứ ở phía nam Thành phố.*
- *Trích biên bản phiên họp ngày 13-10-1902 của Hội đồng Thành phố Hà Nội tiếp tục bàn về việc lập khu phố người bản xứ ở phía nam Hà Nội.*

RST - 29422

Expropriation des immeubles situés à l'angle de la rue Paul Bert et du boulevard Amiral Courbet à Hanoï pour l'embellissement des abords du Théâtre Municipal 1901-1911.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Trung dụng bất động sản nằm ở góc phố Paul Bert và đại lộ Amiral Courbet ở Hà Nội để làm đẹp cảnh quan xung quanh Nhà hát Thành phố Hà Nội 1901-1911.

Hồ sơ gồm 165 tờ và 2 bản vẽ, trong đó có:

- Trích biên bản phiên họp ngày 1-6-1901 của Hội đồng Thành phố Hà Nội bàn về việc trưng dụng các mảnh đất số 725, 726, 727 để làm đẹp cảnh quan xung quanh Nhà hát Thành phố Hà Nội.
- Trích biên bản phiên họp ngày 29-9-1901 của Hội đồng Thành phố Hà Nội nghiên cứu yêu cầu của hai chủ các mảnh đất số 726 và 727 được trưng dụng để làm đẹp cảnh quan xung quanh Nhà hát Thành phố Hà Nội.
- Trích biên bản phiên họp ngày 19-11-1901 của Hội đồng Thành phố Hà Nội bàn về việc trưng dụng đất của chùa Cây Quế ở góc phố Paul Bert (phố Tràng Tiền và Hàng Khay) và đại lộ Amiral Courbet (phố Lý Thái Tổ).
- Công văn số 172/A ngày 23-1-1902 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ báo cáo việc còn hai chủ đất từ chối nhượng đất.
- Trích biên bản phiên họp ngày 11-7-1902 của Hội đồng Thành phố Hà Nội bàn về dự án lập một quảng trường ở góc phố Paul Bert và đại lộ Amiral Courbet gần Nhà hát Thành phố Hà Nội.
- Trích biên bản phiên họp ngày 3-6-1905 của Hội đồng Thành phố Hà Nội bàn về việc trưng dụng đất của 7 chủ sở hữu để lập quảng trường trước Nhà hát Thành phố Hà Nội.
- Nghị định số 1275 ngày 10-9-1906 của Thống sứ Bắc Kỳ ấn định mức trợ cấp cho các chủ đất được trưng dụng theo Nghị quyết của Hội đồng Thành phố Hà Nội ngày 23-8-1906.
- Trích biên bản phiên họp ngày 17-10-1906 của Hội đồng Thành phố Hà Nội bàn về việc các chủ đất từ chối đề xuất trợ cấp tiền của Thành phố.

- *Trích biên bản phiên họp ngày 26-8-1907 của Hội đồng Thành phố Hà Nội bàn về đề xuất chuyển vị trí quảng trường vì lý do mỹ quan và vệ sinh.*
- *Trích biên bản phiên họp ngày 25-10-1910 của Hội đồng Thành phố Hà Nội bàn về việc chuyển quảng trường ra cuối phố Paul Bert (phố Tràng Tiền).*

Và những tài liệu khác...

RST - 21572

Modifications des alignements des voies aux abords de Théâtre de Hanoi 1901-1905.

Những thay đổi về chỉ giới đường quanh Nhà hát Hà Nội 1901-1905.

Hồ sơ có 9 tờ và 4 bản vẽ:

- *Công văn số 2108 ngày 13-2-1905 của Đốc lý Hà Nội gửi Toàn quyền Đông Dương về dự án thay đổi giới hạn đường quanh Nhà hát Hà Nội.*
- *Công văn số 538/C ngày 27-2-1905 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương về việc thay đổi giới hạn đường quanh Nhà hát để dọn quang khu vực quanh công trình này.*
- *Bản vẽ thay đổi giới hạn đường quanh Nhà hát năm 1905, kích thước 25 x 33,5cm, tỷ lệ 1/1000, do Chánh Sở Công chính Thành phố Hà Nội vẽ ngày 10-1-1905 trên giấy croquis*
- *Bản vẽ thay đổi giới hạn đường quanh Nhà hát năm 1905, kích thước 25 x 33,5cm, tỷ lệ 1/1000, do Chánh Sở Công chính Thành phố Hà Nội vẽ ngày 10-1-1905, đã được Thống sứ Bắc Kỳ phê chuẩn ngày 27-2-1905.*
- *Bản vẽ thay đổi giới hạn đường quanh Nhà hát năm 1901, kích thước 56 x 46,5cm, tỷ lệ 1/1000, do Chánh Sở Công chính Thành phố*

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Hà Nội vẽ ngày 11-3-1901, đã được Thống sứ Bắc Kỳ phê chuẩn ngày 22-4-1901.

RST - 11709

Création de nouveaux cimetières indigènes à Hanoï 1901-1902.

Xây các nghĩa trang mới cho người Việt ở Hà Nội 1901-1902.

Hồ sơ gồm 8 tờ:

- *Trích biên bản phiên họp ngày 19-11-1901 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về chi phí cho việc xây 2 nghĩa trang mới cho người Việt ở Bạch Mai và Giảng Võ, Hà Nội.*
- *Công văn số 1789 ngày 27-12-1901 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội về việc mở 2 tài khoản để xây hai nghĩa trang nói trên.*

SCDHN - 85

Au sujet agrandissement du cimetière de Bach Mai, sis au village de Bach Mai, Hanoï 1901-1940.

Về việc mở rộng nghĩa trang Bạch Mai tại làng Bạch Mai, Hà Nội 1901-1940.

Hồ sơ gồm 204 tờ, trong đó có:

- *Đơn thư khiếu nại của một số người dân làng Yên Trạch, Bạch Mai gửi Đốc lý Hà Nội trong thời gian từ 1901-1912 để nghị được hỗ trợ tiền di dời cũng như thanh toán tiền bán đất do Thành phố lấy đất làm đường và xây nghĩa trang.*
- *Nghị định số 267 ngày 11-3-1902 của Đốc lý Hà Nội về việc mở nghĩa trang Bạch Mai trên đường Huế (phố Huế) và nghĩa trang Giảng Võ đường Sơn Tây (phố Sơn Tây).*
- *Trích biên bản một số phiên họp của Hội đồng Thành phố Hà Nội từ 1906-1912 về việc trưng thu đất để mở rộng nghĩa trang Bạch Mai và Giảng Võ do số người được mai táng tại đây ngày càng đông;*

xây dựng một nghĩa trang mới ở phía bắc Thành phố... (kèm theo hợp đồng chuyển nhượng đất được ký kết giữa Thành phố Hà Nội và một số người dân).

- *Nghị định ngày 11-2-1933 của Đốc lý Hà Nội về việc tạm thời sử dụng một khu đất tại nghĩa trang Kim Liên để mai táng những binh lính Đông Dương mất tại Hà Nội.*

- *Danh sách những thửa đất mà Thành phố Hà Nội cần trưng mua để mở rộng nghĩa trang Thành phố tại Bạch Mai.*

- *Sơ đồ mở rộng nghĩa trang Bạch Mai tỷ lệ 1/1000, kích thước 81,8 x 49cm, được vẽ trên giấy thường có tô màu.*

- *Bản vẽ (trên giấy calque) các thửa đất của người dân được Thành phố Hà Nội mua lại để mở rộng nghĩa trang Bạch Mai và lập nghĩa trang mới ở phía bắc Thành phố.*

- *Và một số tài liệu khác như: báo cáo, công văn trao đổi trong thời gian từ 1901-1940 giữa Chánh Sở Quản lý Đường bộ, Đốc lý Hà Nội, Thống sứ Bắc Kỳ, Sở Cảnh sát, Công sứ Hà Đông, Toàn quyền Đông Dương... liên quan đến việc mở rộng nghĩa trang Bạch Mai.*

Tài liệu trong hồ sơ bằng chữ Hán - Nôm và chữ quốc ngữ.

SCDHN - 103

Cession de terrains sis au Boulevard Bobillot à Hanoï à la Ville d'Hanoï par le Domaine colonial pour la construction du Théâtre municipal de cette ville 1901-1918.

Về việc nhượng những khoảnh đất thuộc khối Công sản thuộc địa nằm trên đại lộ Bobillot (phố Lê Thánh Tông) cho Thành phố Hà Nội để xây dựng Nhà hát Thành phố 1901-1918.

Hồ sơ gồm 113 tờ, trong đó có:

- *Trích biên bản các phiên họp trong thời gian từ 1901-1907 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc trưng thu các ngôi nhà xây của*

người Việt và người Hoa ở góc phố Paul Bert (phố Tràng Tiền, Hàng Khay) và đại lộ Amiral Courbet (phố Lý Thái Tổ) để xây Nhà hát Thành phố về phía đông đầu phố Paul Bert và sau này có thể xây thêm một căn nhà dùng làm quán cà phê hoặc khách sạn làm đẹp khu nhà hát; phụ cấp đền bù cho một số người có đất bị trưng thu...

- Báo cáo của Giám đốc Sở Quản lý Đường bộ về việc Thành phố Hà Nội tiếp tục trưng dụng đất, hoàn thành các thủ tục trưng dụng, sở hữu vĩnh viễn 1022m² ở phố Paul Bert và đưa ra dự án xây dựng một quảng trường trên khu đất có giá trị này (kèm theo một số hợp đồng chuyển nhượng đất được ký kết giữa Thành phố Hà Nội và người dân để xây dựng quảng trường).
- Nghị định số 1542 ngày 22-4-1901 của Toàn quyền Đông Dương về việc khôi phục sản cấp xứ nhượng cho Thành phố Hà Nội 5 mảnh đất với diện tích 235,55ha để xây một Nhà hát và mở đường xung quanh Nhà hát.
- Bản vẽ chùa Cây Quế nằm trên phố Paul Bert được lập ngày 3-6-1905, tỷ lệ 1/100, kích thước 23,2 x 39cm, trên giấy calque.
- Bản vẽ tiến dự án quy hoạch các khu vực xung quanh Nhà hát, tỷ lệ 0,001p.m, kích thước 54 x 47,5cm.
- Bản vẽ vị trí Nhà hát do Kiến trúc sư - Giám đốc Sở Quản lý Đường bộ lập ngày 28-12-1900.
- Bản vẽ các đoạn đường thẳng xung quanh Nhà hát được đề nghị chỉnh sửa do Kiến trúc sư - Giám đốc Sở Quản lý Đường bộ Hà Nội lập ngày 11-3-1901, tỷ lệ 1/1000, kích thước 56,8 x 51,5cm, trên giấy calque.
- Bản vẽ 3 dự án bệ để tượng bán thân A.Rousseau, cựu Toàn quyền Đông Dương, do Thanh tra các công trình dân sự lập ngày 18-4-1905, trên giấy croquis.
- Và một số tài liệu khác liên quan đến 2 dự án làm đẹp khu vực

xung quanh Nhà hát, đó là công trình dựng tượng bán thân A.Rousseau ở đầu phố Paul Bert đối diện với xương mọc...

Tài liệu trong hồ sơ này bằng chữ quốc ngữ và chữ Hán - Nôm.

SCDHN - 114

Achat des terrains sis à la rue Borgnis Desbordes entre la Ville d'Hanoi et Tran Hieu Quan, Cruvelier, domiciliés à Hanoi en 1901.

Về việc Thành phố Hà Nội mua các khoảnh đất trên phố Borgnis Desbordes của Trần Hiệu Quan và Cruvelier sống tại Hà Nội năm 1901.

Hồ sơ gồm 29 tờ, trong đó có:

- Các báo cáo số 329 ngày 6-2-1901 và số 487 ngày 30-5-1901 của Giám đốc Sở Quản lý Đường bộ đề nghị Hội đồng Thành phố thông qua việc cấp tiền đền bù cho các ông Cruvelier và Trần Hiệu Quan vì phải phá nhà và nhượng lại cho Thành phố phần đất phạm vào tuyến phố Borgnis Desbordes (phố Tràng Thi).

- Trích biên bản phiên họp ngày 1-3-1901 của Hội đồng Thành phố Hà Nội thông qua việc Thành phố mua lại của ông Cruvelier ngôi nhà số 47 với diện tích 36m², trên phố Borgnis Desbordes do ngôi nhà đã phạm vào tuyến phố này (kèm theo hợp đồng mua và bản vẽ mảnh đất số 47, khu N).

- Trích biên bản phiên họp ngày 1-6-1901 của Hội đồng Thành phố Hà Nội thông qua việc cấp cho Trần Hiệu Quan khoản tiền 60 đồng Đông Dương vì đã nhượng lại cho Thành phố mảnh đất số 45 trên phố Borgnis Desbordes với diện tích là 46m², do ngôi nhà số 45 này đã nhô ra ngoài mặt phố đến 8m70, gây cản trở giao thông (kèm theo hợp đồng chuyển nhượng và bản vẽ mảnh đất).

Và một số tài liệu khác...

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

RST - 6319

Au sujet de l'installation d'urinoirs publics à Hanoï 1902.

Về việc xây dựng các nhà tiểu công cộng ở Hà Nội 1902.

Hồ sơ gồm phần trích biên bản phiên họp ngày 21-4-1902 của Hội đồng Thành phố Hà Nội thảo luận về các vấn đề liên quan đến việc xây dựng các nhà tiểu công cộng ở Thành phố Hà Nội như: lựa chọn loại nhà tiểu, xác định vị trí, chi phí cho việc xây dựng và quét dọn. Sau khi thảo luận, Hội đồng quyết định chọn loại nhà tiểu tốn ít chi phí và dự kiến thử nghiệm ở 3 vị trí: ở gần đồn Cảnh sát ở phố Borgnis Desbordes (phố Tràng Thi), ở gần phố du Lac (phố Hàng Dấu) và ở góc phố Paul Bert (đoạn phố Tràng Tiền) và đại lộ Henri Rivière (phố Ngô Quyền).



RST - 6320

Au sujet du numérotage des maisons de la Ville de Hanoï 1902.

Về việc đánh số nhà ở Thành phố Hà Nội 1902.

Hồ sơ gồm 4 tờ trong đó có trích biên bản phiên họp ngày 21-4-1902 của Hội đồng Thành phố Hà Nội liên quan đến chi phí cho việc đánh số nhà ở Hà Nội do Sở Quản lý Đường bộ thực hiện.

RST - 6415

Au sujet du plan d'alignement de la Ville de Hanoï 1902.

Về bản vẽ giới hạn đường ở Thành phố Hà Nội 1902.

Hồ sơ gồm 25 tờ, trong đó có:

- Trích biên bản phiên họp ngày 21-4-1902 của Hội đồng Thành phố Hà Nội nghiên cứu bản vẽ mới xác định giới hạn đường ở Hà Nội. Hội đồng đưa các đề xuất về xếp hạng các con đường cũ và mới của Hà Nội.

- Báo cáo số 21 ngày 17-6-1902 của kỹ sư trưởng Khu Công chính Bắc Kỳ về việc nghiên cứu bản vẽ mới xác định giới hạn đường ở Hà Nội do Hội đồng Thành phố Hà Nội đệ trình Thống sứ Bắc Kỳ để thông qua.
- Báo cáo số 21 ngày 26-8-1902 của kỹ sư trưởng Khu Công chính Bắc Kỳ về xác định giới hạn của đường số 59 (sau được đặt tên là phố Duvillier và nay là phố Nguyễn Thái Học).

RST - 29459

Indemnité allouées aux habitants du village de My Duc pour l'expropriation des terrains nécessaires à l'agrandissement de la gare de Hanoï 1902.

Đền bù dân làng Mỹ Đức để trưng dụng những khoảnh đất cần cho việc mở rộng ga Hà Nội 1902.

Hồ sơ gồm 12 tờ:

- Công văn số 75 ngày 25-1-1902 và số 249 ngày 13-3-1902 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ báo cáo về việc dân làng Mỹ Đức (ngoại thành Hà Nội) từ chối tiền trợ cấp tái định cư vì tiền đền bù đất quá thấp.
- Công văn số 3722 ngày 29-12-1902 của Tổng Giám đốc Nha Công chính gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc áp dụng Sắc lệnh năm 1893 quy định về trưng dụng đất và về ấn định tiền trợ cấp cho dân.

Và một số tài liệu khác...

TPT - 211

Expropriation de divers immeubles sis à Hanoï en vue de la construction de l'Ecole de Médecine et d'un hôpital indigène 1902.

Về việc trưng thu một số ngôi nhà tại Hà Nội để xây Trường Y và một bệnh viện bản xứ 1902.

- Hồ sơ có 9 tờ, gồm bản kê khoản tiền bồi thường cấp cho dân bản xứ có đất nằm từ phía bắc đường Cimetière (phố Nguyễn Công Trứ),

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

phía nam đường Abattoir (đường Lò Lợn nay là phố Lương Yên), phía đông tuyến đường sông Hồng cho đến phía tây đại lộ Armand Rousseau (phố Lò Đúc) bị trưng thu để xây một Trường Y và một bệnh viện bản xứ tại Hà Nội.

SCDHN - 489

Expropriation par la Ville de Hanoi des terrains appartenant à Mouget, Carnevali, Bernhard et Rendu pour alignement des Boulevards Victor Hugo, Do Huu Vi et Julien Blanc 1902-1936.

Thành phố Hà Nội trưng dụng đất của các ông, bà Mouget, Carnevali, Bernhard và Rendu để làm thẳng các đại lộ Victor Hugo, Đỗ Hữu Vị và Julien Blanc 1902-1936.

• Hồ sơ gồm 99 tờ, trong đó có: trích biên bản các phiên họp của Hội đồng Thành phố Hà Nội, công văn trao đổi, đơn từ khiếu nại, các quyết định cấp tiền đền bù cho các ông, bà Mouget, Carnevali, Bernhard và Rendu do Thành phố trưng thu các thửa đất số 36, 1456, 78, 79 và 37 khu C và khu P của họ để mở rộng phố Julien Blanc (phố Phủ Doãn) ra 20m; làm thẳng và mở rộng đại lộ Victor Hugo (phố Hoàng Diệu) và phố Đỗ Hữu Vị (phố Cửa Bắc) ra 16 mét, có kèm theo bản vẽ các thửa đất, sơ đồ mặt bằng tuyến đại lộ Victor Hugo...

Và một số tài liệu khác...

TPT - 780

Réparations à l'Hôtel du Procureur général 1902.

Về việc sửa sang dinh Chương lý 1902.

Hồ sơ gồm 12 tờ, trong đó có:

• Các công văn số 1083 ngày 17-7-1902 và 1162 ngày 29-7-1902 của phó Chương lý gửi Giám đốc Nha Công chính Bắc Kỳ đề nghị

khẩn trương cho cải tạo dinh Chương lý và sửa sang lớp lát gạch vuông trong các phòng của Ban Thư ký lục sự Tòa án Hà Nội.

- Đồ án thi công, bảng ước tính giá công trình tu sửa dinh Chương lý Hà Nội.
- Các bản vẽ tầng trệt và tầng một dinh Chương lý Hà Nội.

RST- 6518

Au sujet du déplacement du marché aux Bambous à Hanoi 1903-1905.

Về việc di chuyển chợ Tre ở Hà Nội 1903-1905.

Hồ sơ gồm 48 tờ và 1 bản vẽ:

- Công văn số 837/A ngày 16-3-1903 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về dự kiến di chuyển chợ Tre từ trung tâm Thành phố ra cuối phố Yên Thành, gần Nhà máy thuốc lá, vì chợ này lúc đó nằm trong khu vực cấm nhà tranh.
- Báo cáo số 220 ngày 24-4-1903 của kỹ sư trưởng Khu Công chính Bắc Kỳ liên quan đến đề nghị của hai nhà thầu Chesnay và De Boisadam xây dựng chợ Tre mới ở vị trí khác.
- Bản vẽ hai vị trí được đề xuất để chuyển chợ Tre, do kỹ sư Công chính vẽ ngày 24-4-1903, tỷ lệ 1/5000e.
- Trích biên bản phiên họp ngày 19-5-1903 của Hội đồng Thành phố Hà Nội bàn về vị trí để di chuyển chợ Tre. Kết quả là Hội đồng Thành phố đã nhất trí phương án chuyển chợ Tre ra vùng thượng lưu sông Hồng, đối diện Nhà máy nước, do Khu Công chính Bắc Kỳ đề xuất.
- Nghị định số 655 ngày 18-5-1904 của Thống sứ Bắc Kỳ thành lập một Hội đồng để xác định tiền đền bù cho dân ở phố Bambous (phố Hàng Tre) tái định cư.
- Trích biên bản phiên họp ngày 21-11-1904 của Hội đồng Thành phố Hà Nội bàn về việc di chuyển những người buôn bán tre ra bờ sông Hồng, ngoài Thành phố Hà Nội đến khu Nhà máy nước.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

• Công văn số 2599/A ngày 26-6-1905 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về cải tạo mặt bằng đối diện Nhà máy Thuốc lá để di chuyển chợ Tre.

Và một số tài liệu khác...

SCDHN - 30

Cession gratuite des terrains sis à la ruelle de Hoi Vu (Hanoi) par la Ville de Hanoi au Domaine local du Tonkin pour être affecté à l'Hôpital et à la Maternité indigène du Protectorat au Tonkin 1904-1907.

Thành phố Hà Nội chuyển nhượng miễn phí cho Công sản Bắc Kỳ các khu đất ở ngõ Hội Vũ (Hà Nội) để Chính quyền Bảo hộ Bắc Kỳ sử dụng làm bệnh viện và nhà hộ sinh bản xứ 1904-1907.

Hồ sơ có 59 tờ, gồm:

• Công văn trao đổi giữa Thống sứ Bắc Kỳ, Đốc lý Hà Nội, Giám đốc Sở Quản lý Đường bộ, Giám đốc Bệnh viện Bản xứ trong thời gian từ 1904-1907 về các việc: xây nhà dưỡng lão tại Bệnh viện Bản xứ Hà Nội; san phẳng khu vực xung quanh bệnh viện trên các phố Bognis - Desbordes (phố Tràng Thi) và Richaud (phố Quán Sứ) và một số việc khác...

• Các Nghị định số 3 ngày 23-12-1905, số 6 ngày 7-2-1906 và số 95 ngày 11-8-1908 của Toàn quyền Đông Dương về việc chuyển nhượng đất miễn phí cho Bệnh viện và Nhà hộ sinh Bản xứ do Chính quyền Bảo hộ sử dụng.

• Sơ đồ tổng thể Bệnh viện Bản xứ Hà Nội do Giám đốc Sở Kiến trúc Trung ương lập năm 1904, tỷ lệ 0,002p.m, kích thước 57 x 72cm, trên giấy croquis.

• Sơ đồ ngõ Hội Vũ được nhượng theo yêu cầu của Bệnh viện Bản xứ do Giám đốc Sở Quản lý Đường bộ, địa chính Hà Nội lập ngày 1-8-1907, tỷ lệ 1/1000, kích thước 22 x 33cm, được vẽ trên giấy croquis.

Và một số tài liệu khác... Trong hồ sơ có một số tài liệu bằng chữ quốc ngữ và chữ Hán - Nôm.

SCDHN - 449

Achat de terrains sis à la rue du Sucre par la Ville de Hanoï aux indigènes demeurant à Hanoï 1904-1929.

Thành phố Hà Nội mua đất trên phố Sucre của dân bản xứ sống tại Hà Nội 1904-1929.

Hồ sơ gồm 111 tờ, trong đó có:

- *Trích biên bản các phiên họp trong thời gian từ 1904-1929 của Hội đồng Thành phố Hà Nội thông qua việc Thành phố trưng mua các thửa đất số 1420, 1427, 849, 1052, 1435 khu A phố Sucre (phố Hàng Đường) của các ông, bà Nghiêm Xuân Hiệp, Nguyễn Hoàng Đạt, Đặng Thị Lộc, Đặng Thị Hoàn và Đặng Đình Thân để làm thẳng tuyến phố Sucre; cấp tiền đền bù cho các chủ hộ (kèm theo hợp đồng mua đất của Thành phố Hà Nội và bản vẽ các thửa đất).*
- Và một số tài liệu khác...*

SCDHN - 542

Echange de terrain communal sis à la route de Hué entre la Ville de Hanoï et Nguyen Van Nguyen, domicilié au Boulevard Gia Long en 1904.

Về việc trao đổi công thổ trên đường Huế giữa Thành phố Hà Nội và ông Nguyễn Văn Nguyên sống tại đại lộ Gia Long năm 1904.

- *Hồ sơ có 19 tờ, gồm các báo cáo, công văn trao đổi năm 1904 và trích biên bản phiên họp ngày 30-6-1904 của Hội đồng Thành phố Hà Nội... về việc Thành phố đổi khu công thổ trên đường số 80 (sau được đặt tên là phố Duvigneau, rồi đổi tên thành phố Huyền Trân Công Chúa, nay là phố Bùi Thị Xuân) để lấy thửa đất số 169 khu A*

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

đường Huế (phố Duy Tân nay là phố Huế) của ông Nguyễn Văn Nguyên sống tại đại lộ Gia Long (phố Bà Triệu) để nối đường Huế với đường số 70 (sau được đặt tên là phố Goussard, rồi đổi tên thành phố Thái Phiên, phố Chợ Đuôi và nay là phố Tuệ Tĩnh), có kèm theo hợp đồng trao đổi đất và bản vẽ khu A.

J - 1051

JOIF, 1905, N^o4, p. 84.

Arrêté du 31-12-1904 du Gouverneur général de l'Indochine portant classement des rues dans le périmètre de la Ville de Hanoï.

Nghị định ngày 31-12-1904 của Toàn quyền Đông Dương xếp hạng các phố trong khu vực Thành phố Hà Nội.

Nghị định gồm 5 điều, sắp xếp các phố ở Hà Nội theo 5 hạng: ngoại hạng, hạng nhất, hạng nhì, hạng ba và hạng tư.

• Theo Nghị định, các phố ngoại hạng là các phố ở trung tâm Thành phố Hà Nội bao gồm: Paul Bert (phố Tràng Tiền, Hàng Khay), Riz (phố Đồng Xuân), Sucre (phố Hàng Đường), Cantonnaires (phố Hàng Ngang), Soie (phố Hàng Đào), Jule Ferry (phố Hàng Trống), Balny (phố Trần Nguyễn Hãn), Chaux (phố Hàng Vôi), Jean Dupuis (phố Hàng Chiếu), Paniers (phố Hàng Bồ), Phúc Kiến (phố Lãn Ông), Papier (phố Hàng Giấy), Voiles (phố Hàng Buồm), Changeurs (phố Hàng Bạc), Vọng Đức, Radeaux (phố Hàng Bè), Pottier (phố Bảo Khánh), Cuirs (phố Hàng Da), Médicaments (phố Thuốc Bắc), Vieille des Tasses (phố Bát Đàn), Ferblanchiers (phố Hàng Thiếc), Citadelle (phố Đường Thành), Chanvre (phố Hàng Gai), Coton (phố Hàng Bông), Felloneau (một đoạn phố Lò Sũ), Fou-Tchéou (sau được đặt tên là phố Rondony và nay là phố Hàng Thùng), Lac (phố Hàng Dầu), Eventails (phố Hàng Quạt), Takou (phố Hàng Cót), Treuils des Rhins (phố Nguyễn Khắc Cần), Mission (phố Nhà Chung), Tien-Tsin (phố Hàng Gà), Pavillons Noirs (phố Mã Mây),

Teinturiers (một đoạn phố Thợ Nhuộm), *Borgnis Desbordes* (phố Tràng Thi), *Cathédrale* (phố Nhà thờ), *Neyret* (phố Cửa Nam), *Banque* (sau đổi tên thành phố Bonhour rồi sáp nhập với đại lộ *Dominé* thành phố Lê Lai ngày nay), *Richaud* (phố Quán Sứ), *Capitain Labrousse* (phố Lý Đạo Thành), *Leclangé* (phố Lê Phụng Hiểu), *France* (phố Tràng Tiền), *Philharmonique* (phố Hồ Hoàn Kiếm), *Boisières* (phố Nguyễn Xí), *Sapèquerie* (phố Phạm Sư Mạnh), *Intendance* (phố Đinh Lễ) và các đại lộ Bắc Ninh (phố Nguyễn Hữu Huân), *Henri Rivière* (phố Ngô Quyền), *Gia Long* (một đoạn phố Bà Triệu), *Rollandes* (phố Hai Bà Trưng), *Đồng Khánh* (phố Hàng Bài), *Courbet* (phố Lý Thái Tổ), *Francis Garnier* (phố Đinh Tiên Hoàng), *Carreau* (phố Lý Thường Kiệt), *Bobillot* (phố Lê Thánh Tông), *Rialan* (phố Phan Chu Trinh), *Jauréguiberry* (phố Quang Trung), *Armand Rousseau* (phố Lò Đúc), *quai du Commerce* (phố Chợ Gạo), *Beauchamp* (phố Lê Thái Tổ), *Dominé* (phố Lê Lai), *Chavassieux* (phố Lê Thạch), đoạn từ phố Hàng Vôi đến *Place Négrier* (sau đổi thành quảng trường Đông Kinh Nghĩa Thục, nay là khu vực quanh đài phun nước Bờ Hồ).

- Các phố hạng nhất bao gồm phố: *Tasses* (phố Hàng Đồng), *Vers Blancs* (phố Hàng Rươi), *Etoffes* (phố Hàng Vải), *Forgerons* (phố Lò Rèn), *Balances* (phố Hàng Cân), *Vieux Marché* (phố Hàng Phèn), *Charbon* (phố Hàng Than), *Briques* (phố Ngõ Gạch), *Poissonnerie* (phố Hàng Cá), *Ancien Canal* (phố Đào Duy Từ), *Tubercules* (phố Hàng Khoai), *Graines* (phố Hàng Đậu), *Sông Tô Lịch* (phố Hàng Lược), *Pavie* (phố Hàng Thuyên), *Hà Chung*, *Est* (sau đổi tên thành phố *Maréchal Joffre*, rồi đổi tên thành phố Nguyễn Tri Phương, nay là phố Lý Nam Đế), *Hàng Mụn* (một đoạn phố Hàng Bút), *Tirant* (phố Gia Ngư), *O'denhal* (phố Đinh Liệt), *Nguyễn Trọng Hiệp* (sau đổi tên thành phố Cao Bá Nhạ và nay là ngõ Cầu Gỗ), *Palais de Justice* (phố Dã Tượng), *Briqueterie* (sau đổi tên thành phố *Madame Autigeon*, nay là phố Đặng Tất),

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Vermicelles (phố Hàng Bún), Cuivre (phố Hàng Mã), Pont en Bois (phố Cầu Gỗ), Bambous (phố Hàng Tre), Sel (phố Hàng Muối), Caisses (phố Hàng Hòm), Vasses (phố Hàng Chĩnh), Chapeaux (phố Hàng Nón), Stores (phố Hàng Màn), Nattes en Jonc (phố Ô Quan Chưởng), Gambetta (phố Trần Hưng Đạo), Doudard de Lagrée (phố Hàm Long), Hué (phố Huế), Mandarine (một đoạn phố Lê Duẩn) phố Nhà Chung, ngõ Thanh Hà, ngõ Hàng Chỉ, đại lộ Général Bichot (phố Cửa Đông), Grand Bouddha (phố Quán Thánh), Place du Commerce (phố Chợ Gạo)...

- Các phố hạng nhì bao gồm các phố Hôpital Chinois (sau đổi tên thành phố Nhà Thương Khách, nay là phố Hoè Nhai), Blockhaus Nord (phố Phó Đức Chính), Yên Định, Yên Thành, phố Trường Y (phố Ecole de Médecine, sau đổi tên thành phố Raffenel, nay là phố Phan Huy Chú), đại lộ Armand Rousseau (phố Lò Đúc) phần từ đường nghĩa trang đến đê, đường Huế (phố Duy Tân, nay là phố Huế) phần từ đường nghĩa trang đến đê, Mandarine (một phần phố Lê Duẩn) phần từ phố Nhà Chung đến đê, phố Sinh Từ đến Văn Miếu, các ngõ Phát Lộc, Hàng Bông, Hội Võ (Hội Vũ), Sầm Công (ngõ Đào Duy Từ), Mã Mây, Tô Tịch, Hàng Hành, Yên Thái, Hàng Buồm, Tam Thương, Hàng Đậu, Hàng Than, Hải Tượng, Nội Miếu, Ngõ Ngang, Chả Cá, Nam Ngư, Chung Yên, Đông Thái, Hàng Khoai, Hàng Chĩnh, ngõ Sầm Công (ngõ Đào Duy Từ) ...

- Các phố ở hạng ba, hạng bốn là các phố xa trung tâm hơn.

- Ngoài ra, Nghị định cũng quy định việc đánh thuế bất động sản ở các vị trí thuộc nhiều hạng phố khác nhau.

RST - 38989

Au sujet de l'élargissement du boulevard Chavassieux 1905.

Về việc mở rộng đại lộ Chavassieux 1905.

Hồ sơ gồm 7 tờ và 1 bản vẽ:

- Công văn số 342 ngày 10-5-1905 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi kỹ sư trưởng Khu Công chính Bắc Kỳ về việc nhượng đất thuộc Công sản cấp xứ và đất thuộc công viên của Toà Thống sứ Bắc Kỳ để mở rộng đại lộ Chavassieux (phố Lê Thạch).
- Công văn của kỹ sư trưởng Khu Công chính Bắc Kỳ về việc thiết lập hàng rào bằng gỗ quanh Phủ Thống sứ Bắc Kỳ gần đại lộ Chavassieux.
- Bản vẽ mở rộng hệ đường dọc theo công viên của Toà Thống sứ Bắc Kỳ, do Chánh Sở Quản lý Đường bộ Hà Nội vẽ ngày 16-12-1904, tỷ lệ 1/500, kích thước 31,5 x 54cm.

RST - 40.776

Travaux de prolongement et de la construction de la rue Borgnis Desbordes à Hanoi 1905-1906.

Kéo dài và xây dựng phố Borgnis Desbordes, Hà Nội 1905-1906.

Hồ sơ gồm 50 tờ và 1 bản vẽ, trong đó có:

- Trích biên bản phiên họp ngày 21-8-1905 của Hội đồng Thành phố Hà Nội thảo luận việc kéo dài phố Borgnis Desbordes (phố Tràng Thi) để thiết lập tuyến tàu điện Hà Nội - Sơn Tây.
- Báo cáo số 419-1104 ngày 11-12-1905 của kỹ sư trưởng Chánh Sở địa phận, Khu Công chính Bắc Kỳ về việc xây dựng phố Borgnis Desbordes kéo dài (đường này sau được đánh số 59, rồi được đặt tên là phố Duvillier và nay là phố Nguyễn Thái Học).
- Trích biên bản phiên họp ngày 26-2-1906 của Hội đồng Thành phố Hà Nội bàn về việc trưng dụng đất để kéo dài đường Borgnis Desbordes.
- Trích bản vẽ dự án mở đường số 59, phần trước Văn Miếu, tỷ lệ 1/500, kích thước 21 x 30cm, vẽ trên giấy croquis.

Và nhiều tài liệu khác...

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

SCDHN - 529

Achat de terrain pour l'ouverture de la voie N° 59 (rue Borgnis Desbordes prolongée) 1905-1906.

Về việc trưng mua đất để mở đường số 59 (phố Borgnis Desbordes kéo dài) 1905-1906.

Hồ sơ gồm 19 tờ, trong đó có:

- Trích biên bản phiên họp ngày 26-2-1906 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc Thành phố cần trưng thu một số nhà cửa và đất đai để mở đường số 59 (phố Borgnis Desbordes kéo dài sau được đặt tên là phố Duvillier và nay là phố Nguyễn Thái Học).

- Thư từ trao đổi giữa Đốc lý Hà Nội và ông Nguyễn Đình Chú sống tại làng Vĩnh Xương, huyện Thọ Xương về việc ông Nguyễn Đình Chú đồng ý chuyển nhượng cho Thành phố thửa đất số 54, khu K, làng Vĩnh Xương để mở đường số 59, có kèm theo hợp đồng chuyển nhượng và bản vẽ thửa đất.

Và một số tài liệu khác... Tài liệu trong hồ sơ này bằng chữ quốc ngữ, chữ Hán - Nôm và chữ Pháp.

RST - 21580

Au sujet de la construction du nouveau Théâtre de Hanoï 1906-1909.

Về việc xây dựng Nhà hát mới ở Hà Nội 1906-1909

Hồ sơ gồm 72 tờ, trong đó có:

- Công văn số 3823/A ngày 25-8-1906 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc Hội đồng Thành phố Hà Nội đã quyết định nguyên tắc để xây dựng một Nhà hát mới của Hà Nội ở phố Takou (phố Hàng Cót).

- Trích biên bản phiên họp ngày 14-01-1907 của Hội đồng Thành phố Hà Nội nghiên cứu dự án xây dựng nhà hát Hà Nội.

- Nghị định ngày 15-4-1907 của Đốc lý Hà Nội giao nhiệm vụ nghiên cứu và thực hiện công trình nhà hát Hà Nội cho Bossard, kỹ sư của Sở Nhà cửa Hà Nội.
- Bản ước toán công trình xây dựng nhà hát Hà Nội do kỹ sư của Sở Nhà cửa dân sự Hà Nội lập ngày 16-11-1907.
- Công văn số 2380 ngày 27-3-1908 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội về việc chỉ định một kỹ sư để lập dự toán công trình Nhà hát Hà Nội.
- Tập điều kiện đấu thầu cung cấp và sửa chữa đồ trang trí Nhà hát Hà Nội ở phố Takou ngày 6-8-1909.
- Bản thông báo mời thầu xây dựng công trình Nhà hát Hà Nội ngày 1-9-1909.



RST - 58851

Déclassement de la voie N° 75 à Hanoï 1906-1907.

Xoá bỏ đường số 75 ở Hà Nội 1906-1907.

Hồ sơ gồm 41 tờ, trong đó có:

- Công văn số 1787/A ngày 6-8-1906 của Tổng Giám đốc Nha Công chính Đông Dương gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc xoá bỏ đường số 75 để xây dựng Nha Thương Chính Đông Dương ở Hà Nội.
- Trích biên bản buổi họp ngày 11-8-1906 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc xoá bỏ đường số 75.
- Công văn số 1787 ngày 13-9-1906 của Giám đốc Nha Công chính gửi Thống sứ Bắc Kỳ và trích biên bản buổi họp ngày 14-1-1907 của Hội đồng Thành phố Hà Nội nhất trí xoá bỏ đường số 75.

Và các tài liệu khác...

RST - 80034

Arrêté règlementant l'écoulement au caniveau des eaux provenant de l'égout des toits, terrasses, marquises et auvents 1906.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Nghị định quy định việc cho nước từ trên ống máng mái nhà, sân thượng, mái che và mái hiên chảy xuống rãnh 1906.

Hồ sơ gồm 5 tờ, trong đó có:

- Công văn ngày 21-6-1906 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc phê chuẩn Nghị định số 4152/A ngày 16-6-1906 quy định cho nước chảy xuống rãnh chứ không được cho rơi trực tiếp xuống đường di công cộng (kèm theo là bản sao Nghị định trên).

RST - 3996

Au sujet de la modification de l'alignement approuvé de la rue de l'Ancien Canal entre la rue des Pavillons noirs et le Quai du Commerce de la Ville de Hanoï 1907.

Về việc thay đổi chỉ giới đã được phê chuẩn của phố Ancien Canal giữa phố Pavillons Noirs và Quai du Commerce 1907.

Hồ sơ gồm 2 tờ trích biên bản phiên họp bất thường ngày 14-1-1907 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc thay đổi chỉ giới phố Ancien Canal (phố Đào Duy Từ) nằm giữa phố Pavillons noirs (phố Mã Mây) và Quai du Commerce (phố Chợ Gạo). Theo biên bản, Hội đồng không chấp thuận thay đổi chỉ giới nói trên.

RST - 41056

Echange de terrain et prolongement de la voie 62 à Hanoï 1907-1908.

Trao đổi đất và kéo dài đường số 62 ở Hà Nội 1907-1908.

Hồ sơ gồm 6 tờ:

- Công văn số 71002 ngày 28-12-1907 của Tư lệnh cao cấp quân đội Đông Dương gửi Thống sứ Bắc Kỳ liên quan đến vấn đề quy hoạch đất đai để kéo dài đại lộ Bobillot (phố Lê Thánh Tông) và đường 62 (sau được đặt tên là đại lộ République, rồi đổi thành đại lộ Honoré Tissot, đại lộ Dân Quyền, nay là phố Hoàng Văn Thụ).

- Công văn số 375 ngày 14-01-1908 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội về giải pháp để thực hiện các quy định về đất đai phục vụ việc kéo dài đại lộ Bobillot và đường 62.

RST - 28975

Achat d'un terrain à Boisadam pour l'alignement du boulevard Gambetta à Hanoï 1907.

Mua đất của Boisadam để điều chỉnh giới hạn đại lộ Gambetta, Hà Nội 1907.

Hồ sơ gồm phần trích biên bản phiên họp ngày 26-8-1907 của Hội đồng Thành phố Hà Nội bàn về việc ấn định giá mua đất của Boisadam ở đại lộ Gambetta (phố Trần Hưng Đạo) phục vụ cho việc điều chỉnh giới hạn đại lộ này. Theo biên bản, Thành phố Hà Nội và chủ đất chưa thống nhất được giá cuối cùng.

RST - 28976

Construction d'un marché au riz à Hanoï 1907.

Xây một chợ gạo ở Hà Nội 1907.

Hồ sơ gồm phần trích biên bản phiên họp ngày 26-8-1907 của Hội đồng Thành phố Hà Nội thảo luận về dự án xây dựng chợ gạo ở vị trí giữa phố Commerce (phố Chợ Gạo) và phố Briques (phố Ngõ Gạch).

MHN - 38

Développement de l'économie, de la santé publique, la communication de la Ville de Hanoï du 1er janvier 1902 au 30 juin 1907.

Sự phát triển kinh tế, y tế, giao thông của Thành phố Hà Nội từ ngày 1-1-1902 đến 30-6-1907.

Hồ sơ gồm 36 tờ ghi chép về sự phát triển của Thành phố Hà Nội trong đó có các vấn đề cụ thể như: xây dựng, đường xá, giao thông công chính, thuế khoá... Bản ghi chép này thống kê rất chi tiết về số

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

lượng các công trình xây dựng theo kiểu châu Âu, kiểu bản xứ cùng với tổng diện tích các công trình đó của từng năm từ 1902 đến 1907.

RHD - 2974

Projet de classement des routes de la zone suburbaine de Hanoï 1908-1909.

Dự án sắp xếp các con đường ở ngoại thành Hà Nội 1908-1909.

Hồ sơ gồm 10 tờ, trong đó có:

- *Thông tư số 65 ngày 11-4-1908 của Thống sứ Bắc Kỳ về việc chuẩn bị công việc sắp xếp các đường phố ở các tỉnh Bắc Kỳ.*
- *Công văn ngày 28-1-1909 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc sắp xếp các con đường ở ngoại thành Hà Nội.*



SCDHN - 31

Délimitation des terrains militaires de la concession à Hanoï 1908-1911.

Về việc vạch ranh giới các khu quân sự thuộc khu nhượng địa tại Hà Nội 1908-1911.

Hồ sơ gồm 82 tờ, trong đó có:

- *Công văn trao đổi trong thời gian từ 1908-1911 giữa Thống sứ Bắc Kỳ, Phó Chỉ huy Pháo binh Thành phố Hà Nội, Chỉ huy tối cao Quân đội Đông Dương, Chỉ huy Pháo binh Trung - Bắc Kỳ, Giám đốc Bệnh viện Lanessan (Bệnh viện Trung ương Quân đội 108)... về việc kéo dài đại lộ Bobillot (phố Lê Thánh Tông) và đường số 62 qua phố Citadelle (phố Đường Thành); nhượng một khu đất quân sự ở Bạch Mai để xây nghĩa trang; vạch ranh giới khu quân sự; xây lại tường bao khu bệnh nhân nữ tại Bệnh viện Lanessan nhằm đảm bảo an ninh và an toàn vệ sinh (kèm theo bản vẽ những khu đất dùng để xây phần phụ của khu nhà này như nhà hộ sinh và khu cách ly được vẽ tay trên giấy croquis); vạch ranh giới các phần đất nhượng tại Hà Nội; tìm giải pháp cho các vấn đề liên quan đến đất đai giữa Thành phố Hà Nội và Chính quyền Quân sự...*

- Biên bản các phiên họp ngày 3-3, 14-4-1909 và ngày 19-1-1910 của Ủy ban xác định ranh giới các khu quân sự nằm trong khu nhượng địa (Hà Nội) chấp nhận một số đề nghị của Thành phố Hà Nội, Chính quyền Quân sự và của Phủ Toàn quyền về việc phân định ranh giới một số khu vực thuộc Công sản nhà nước; trao đổi đất đai giữa Nhà nước với Thành phố Hà Nội; Chính quyền Bảo hộ chịu các khoản phí trưng thu đất của các cá nhân, kể cả những mảnh đất được Thành phố nhượng lại cho Nhà nước...
- Bảng ước tính phần đất đai sở hữu của các cá nhân cần được trưng thu để mở rộng Bệnh viện Quân đội và thành lập khu bảo hộ.
- Bảng kê tiền phụ cấp đền bù cho các hộ dân làng Cơ Xá phá nhà tranh để mở rộng Bệnh viện Quân đội và lập khu bảo hộ.
- Sơ đồ khu đất nhượng do Sở Chỉ huy Pháo binh lập ngày 21-12-1908, tỷ lệ 1/1000, kích thước 125 x 61,3cm, vẽ trên giấy thường, có tô màu ranh giới các khu đất.
- Sơ đồ khu đất quân sự thuộc phần đất nhượng được đính kèm biên bản cuộc họp ngày 3-3 và 14-4-1909, tỷ lệ 1/1000, kích thước 114,3 x 61,5cm.
- Sơ đồ mở rộng Bệnh viện Quân đội và thành lập một khu bảo hộ, tỷ lệ 1/1000, kích thước 39,5 x 30,5cm, trên giấy croquis.

MHN - 4202

Plan de la Mairie de Hanoï 1909.

Bản vẽ Toà Đốc lý Hà Nội 1909.

Hồ sơ gồm một bản calque trên giấy croquis, tỷ lệ 1/200, kích thước 48 x 60cm, trên đó có xác định vị trí khu đất của Toà Đốc lý.

SCDHN - 175

Cession par les indigènes à la Ville de Hanoï de terrains sis à la rue du Cuivre pour aménagement de cette rue 1911-1936.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Về việc người bán xứ chuyển nhượng cho Thành phố Hà Nội một số khu đất tại phố Cuivre để quy hoạch phố này 1911-1936.

Hồ sơ gồm 84 tờ, trong đó có:

- Trích biên bản các phiên họp trong thời gian từ 1911-1936 của Hội đồng Thành phố Hà Nội thông qua việc các ông Chu Tuấn Đức, Lê Văn Phú, Nguyễn Văn Tiên, Nguyễn Văn Tính và Trần Hữu chuyển nhượng cho Thành phố mảnh đất số 376/1, 369/1, 1358, 297, 898 khu A phố Cuivre (phố Hàng Mã) để quy hoạch khu phố này, đồng thời cấp cho họ khoản tiền đền bù tương ứng với mỗi mảnh đất được chuyển nhượng (kèm theo bản vẽ các khu đất và hợp đồng chuyển nhượng).

Và một số tài liệu khác...

RST - 10930

Installation d'un jardin d'agrément autour du nouveau bâtiment de la Télégraphie militaire sis à l'Avenue Puginier, Hanoi 1912.

Lập một vườn cảnh quanh khu nhà mới của nhân viên điện báo quân sự ở đại lộ Puginier, Hà Nội 1912.

Hồ sơ gồm 5 tờ:

- Công văn số 165B/M ngày 22-5-1912 của Toàn quyền Đông Dương gửi Đốc lý Hà Nội về việc lập một vườn cảnh ở khu nhà mới xây dành cho nhân viên điện báo quân sự ở đại lộ Puginier (phố Điện Biên Phủ) nhằm mục đích làm đẹp cảnh quan.
- Công văn số 1031 ngày 13-6-1912 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương báo cáo về các biện pháp thực hiện để chỉnh trang vườn cảnh ở phố Puginier.

SCDHN - 899

Au sujet du prolongement du Boulevard Bobillot et variante de la Route du Cimetière à Hanoi 1912.

Về việc kéo dài đại lộ Bobillot và thay đổi đường Cimetière tại Hà Nội 1912.

Hồ sơ gồm 2 tờ và 3 bản vẽ:

- Báo cáo của Sở Công chính và Sở Quản lý Đường bộ Thành phố Hà Nội được trình bày trong phiên họp của Hội đồng Thành phố diễn ra vào tháng 10-1912 về việc tập hợp Ủy ban hỗn hợp chịu trách nhiệm tìm giải pháp cho các vấn đề về công sản giữa Thành phố và Chính quyền Quân sự. Theo báo cáo, đại diện của Sở Pháo binh và Kiến trúc sư sẽ lập một bản đồ xác định ranh giới hiện tại thuộc Công sản nhà nước.
- Bản vẽ ranh giới các khu đất quân sự.
- Bản vẽ tổng thể khu nhượng địa.
- Bản vẽ kéo dài đại lộ Bobillot (phố Lê Thánh Tông) và thay đổi đường Cimetière (phố Nguyễn Công Trứ).

RST - 29.452

downloadsachmienphi.com

Rétrocession gratuite à **Nguyễn Thị Đum** du terrain vendu à la Ville de Hanoï pour l'ouverture de la voie N° 87, 1913.

Nhượng miễn phí cho bà Nguyễn Thị Đum mảnh đất mà bà đã bán cho Thành phố Hà Nội để mở đường số 87, 1913.

Hồ sơ gồm 12 tờ, trong đó có:

- Trích biên bản phiên họp ngày 20-1-1913 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc nhường lại cho Nguyễn Thị Đum mảnh đất mà bà đã bán cho Thành phố Hà Nội để mở đường số 87 năm 1903.
- Công văn số 104 ngày 22-1-1913 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ báo cáo kết quả phiên họp bàn về việc nhường lại đất cho bà Nguyễn Thị Đum.

MHN - 4405

Rattachement du Jardin botanique à la Ville de Hanoï 1913-1925.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Sáp nhập vườn Bách thảo vào Thành phố Hà Nội 1913-1925.

Hồ sơ gồm 88 tờ, trong đó có:

- Nghị định số 532 ngày 13-3-1918 của Toàn quyền Đông Dương liên quan đến vườn Bách thảo Hà Nội. Theo Nghị định này, vườn Bách thảo không còn chịu sự quản lý của Giám đốc Sở Nông Nghiệp và Thương mại Bắc Kỳ như quy định tại điều 1 Nghị định ngày 7-4-1910 về quyền hạn của Sở Nông Nghiệp và Thương mại Bắc Kỳ. Theo đó, Vườn Bách thảo được chia thành hai phần: một phần làm công viên, phần còn lại dành cho vườn thực nghiệm, các công trình phục vụ quản lý và thí nghiệm. Việc quản lý và chăm sóc công viên do các sở của Thành phố Hà Nội đảm nhiệm. Khu vực còn lại chịu sự quản lý của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông nghiệp.
- Nghị định số 720 ngày 12-4-1918 về việc cử 4 nhân viên trước đó làm ở Vườn Bách thảo về làm việc tại Tòa Thị chính Hà Nội.
- Công văn số 915 ngày 26-2-1919 gửi Hiệu trưởng Trường Đại học Nông nghiệp liên quan đến việc phân chia dụng cụ của vườn Bách thảo giữa Thành phố Hà Nội và Trường Đại học Nông nghiệp.
- Công văn số 3958-A ngày 27-3-1925 của Thống sứ Bắc Kỳ liên quan đến đề xuất sáp nhập vườn Bách thảo vào Trường Đại học Nông nghiệp.

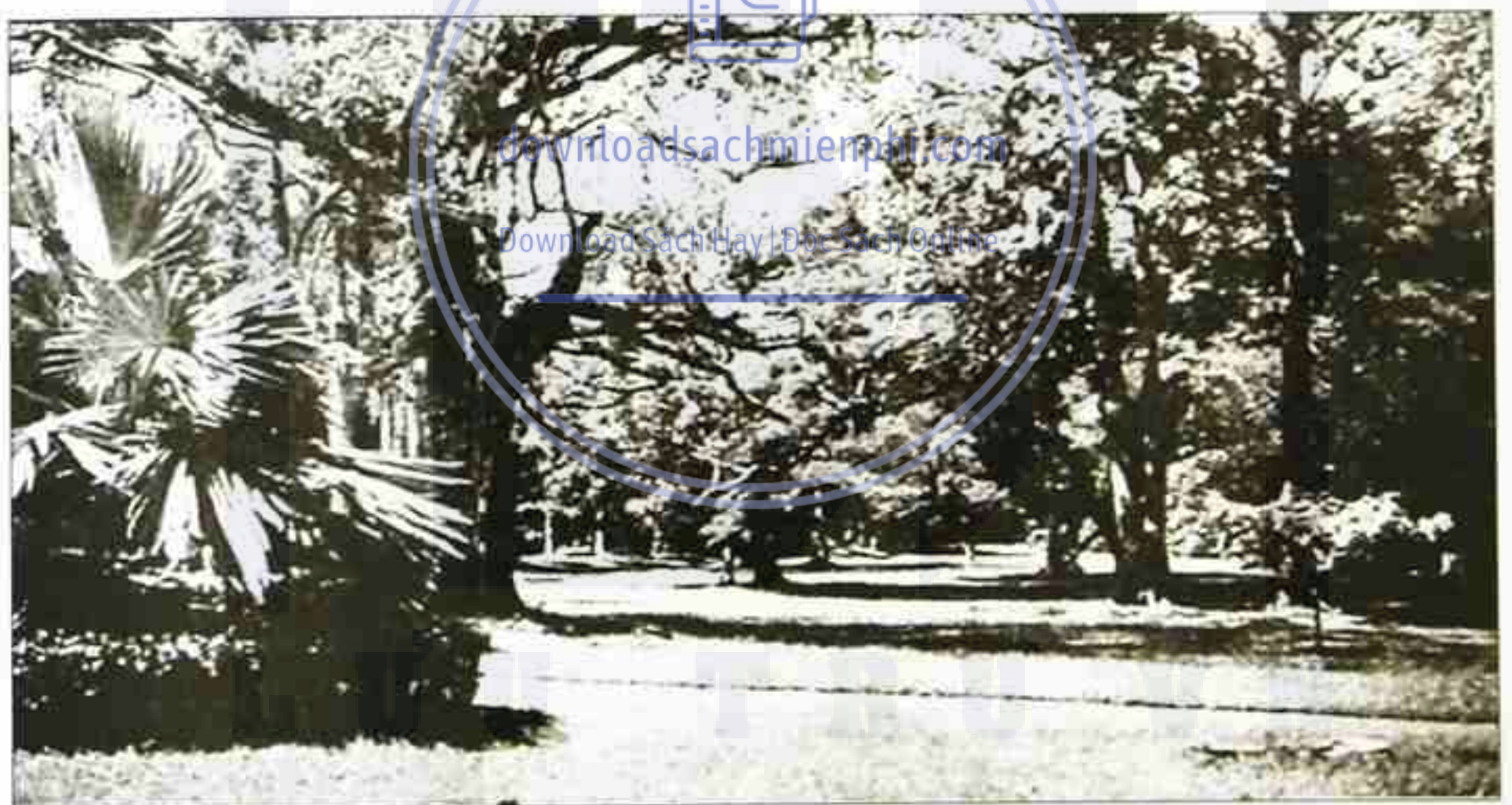
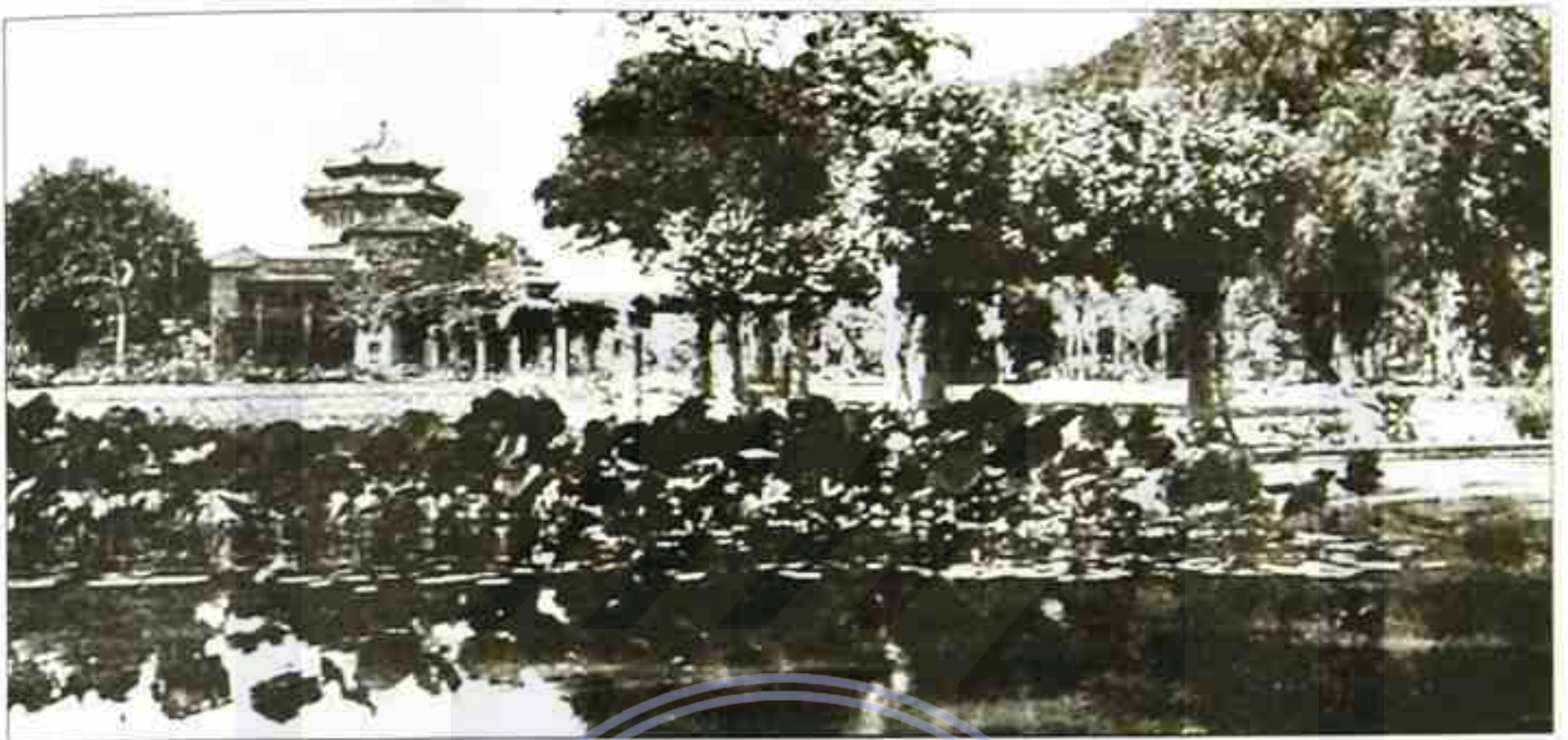
Và một số tài liệu khác...

SCDHN - 33

Cession par la Ville de Hanoï au Protectorat du Tonkin des terrains communaux sis aux rues Lê Loi et Miribel destinés à l'Institut Ophtalmologique 1913-1936.

Về việc Thành phố Hà Nội nhượng cho Chính quyền Bảo hộ Bắc Kỳ các khu công thổ nằm trên phố Lê Lợi (một đoạn phố Bà Triệu) và Miribel (phố Trần Nhân Tông) để xây Viện Mắt 1913-1936.

Hồ sơ gồm 57 tờ, trong đó có:



Jardin botanique (Vườn bách thảo).

Connaissance de l'Indochine, N°1, 1917, Hanoï, Société des amitiés Nippo-Indochinoise.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Công văn trao đổi giữa Đốc lý Hà Nội, Trưởng Ban Nhà của dân sự Bắc Kỳ, Tổng Nha Giáo dục công Đông Dương từ 1913-1936 về việc mở rộng toà nhà chính của Viện Mắt trên mảnh đất ven đường số 69, 75 và 80 do Thành phố Hà Nội chuyển nhượng; nhượng thửa đất số 203 và 204 khu S cho Công sản cấp xứ...
- Trích biên bản phiên họp ngày 12-3-1936 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc Thành phố quyết định chuyển nhượng cho Công sản cấp xứ các thửa đất số 203 và 204 khu S có diện tích 5.700m² để xây Viện Mắt.
- Một số bản vẽ tổng thể, mặt trước, mặt cắt Viện Mắt và phòng chữa bệnh được lập cùng ngày 29-10-1913, trên giấy thường với các kích cỡ khác nhau.
- Bản vẽ khu đất có thể sử dụng để mở rộng Viện Mắt, tỷ lệ 1/500, kích thước 17 x 47,8cm, trên giấy calque.
- Bản vẽ tổng thể Viện Mắt được lập ngày 22-6-1926, tỷ lệ 0,002, kích thước 49,5 x 32,5cm, trên giấy thường, có tô màu.
- Bản vẽ mảnh đất số 203 khu S, tỷ lệ 1/200, kích thước 57 x 41,2cm, trên giấy calque.

SCDHN - 441

Vente à la Ville de Hanoï des terrains particuliers sis à la rue de la Soie (Hanoï) appartenant aux indigènes domiciliés à Hanoï 1913-1922.

Về việc những người bản xứ sống tại Hà Nội bán tư thổ trên phố Soie (Hà Nội) cho Thành phố Hà Nội 1913-1922.

Hồ sơ gồm 103 tờ, trong đó có:

- Trích biên bản các phiên họp trong thời gian từ 1913-1922 của Hội đồng Thành phố thông qua việc Thành phố trưng mua các công thự số 249, 238, 272 khu D và thửa đất số 729 khu C phố Soie (phố Hàng Đào) của các ông Lê Văn Du, Nguyễn Liêm, Nguyễn Sâm và Đào Phổ Tư để mở một con đường mới dẫn từ phố Soie đến phố

*Tirant (phố Gia Ngư); cấp tiền đền bù cho các chủ hộ (kèm theo hợp đồng mua đất của Thành phố Hà Nội và bản vẽ các thửa đất).
Và một vài tài liệu khác...*

RST - 4760

Condition de construction à Hanoï 1914.

Điều kiện xây dựng ở Hà Nội 1914.

Hồ sơ gồm Nghị định số 39 của Đốc lý Hà Nội được Thống sứ Bắc Kỳ phê chuẩn ngày 14-4-1914 quy định các điều kiện xây dựng trong Thành phố Hà Nội. Theo Nghị định, tất cả các công trình xây dựng và sửa chữa lớn trong Thành phố Hà Nội chỉ được thực hiện với điều kiện được Chính quyền cho phép và các nhà kiến thiết phải tuân thủ các quy định về chỉ giới đường cũng như các thủ tục cần thiết khác.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

SCDHN - 418

Achat de terrains particuliers sis à la rue du Riz par la Ville de Hanoï aux indigènes domiciliés à cette rue 1914-1928.

Thành phố Hà Nội mua tư thổ trên phố Riz của những người bản xứ sống tại phố này 1914-1928.

Hồ sơ gồm 33 tờ, trong đó có:

- Đơn xin phụ cấp tiền đền bù của các ông Lê Văn Phú, Trương Đình Phương và Đỗ Văn Khoa sống trên phố Riz (phố Đồng Xuân) do Thành phố trưng thu đất của họ để làm thẳng khu phố này.
- Trích biên bản các phiên họp ngày 28-5-1914, 28-2-1917 và 27-2-1928 của Hội đồng Thành phố Hà Nội thông qua việc cấp tiền đền bù cho các chủ hộ đã nêu, có kèm theo hợp đồng mua đất của Thành phố và bản vẽ các khu đất số 641, 441 và 236 khu A phố Riz.
Và một số tài liệu khác...

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

RST - 4746

Au sujet du programme d'assainissement de la Ville de Hanoï 1915.

Về chương trình vệ sinh Thành phố Hà Nội 1915.

Hồ sơ gồm 6 tờ, trong đó có:

- *Điện số 379 ngày 16-7-1915 của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa gửi Toàn quyền Đông Dương về việc thiết lập kế hoạch vệ sinh tổng thể Thành phố Hà Nội.*
- *Công văn số 1683/F ngày 12-9-1915 của Toàn quyền Đông Dương gửi Thống sứ Bắc Kỳ yêu cầu xem xét giải pháp hợp tác giữa Thành phố Hà Nội và Sở Công chính để thiết lập kế hoạch vệ sinh Thành phố.*



RST - 78690

Interdiction de la constitution de dépôts de Bambous et paillettes dans la zone urbaine en dehors de l'emplacement spécialement affecté au commerce de ces matériaux sur la berge droite du Fleuve Rouge 1915.

Cấm lập kho chứa tranh tre trong khu vực Thành phố trừ vị trí chuyên dùng để buôn bán các vật liệu này trên bờ phải sông Hồng 1915.

Hồ sơ gồm 5 tờ:

- *Công văn số 394 ngày 19-3-1915 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ đệ trình phê chuẩn một nghị định về việc lập các kho chứa tranh tre. Nghị định này sẽ thay thế cho Nghị định ngày 28-3-1906.*
- *Nghị định số 21 ngày 12-3-1916 của Chủ tịch Ủy ban thành phố Hà Nội cấm lập các kho chứa tranh, tre trong khu vực thành phố trừ vị trí chuyên dùng để buôn bán các vật liệu này trên bờ sông Hồng.*

TPT - 591

Construction d'un Laboratoire de Chimie 1915-1920.

Xây dựng một Phòng Thí nghiệm Hoá học 1915-1920.

Hồ sơ có khoảng 107 tờ, trong đó có:

- Thông tri số 1^{bis} ngày 10-12-1915 của ông Saurel, đại diện cho Nha Mỏ về việc lựa chọn địa điểm xây dựng Phòng Thí nghiệm Hoá học. Theo đó, khu đất nằm ở góc phố Concession (phố Phạm Ngũ Lão) và phố France (phố Pháp Quốc nay là phố Tràng Tiền) được xem là phù hợp hơn cả và lại liền kề với khu đất mà Nha Địa chất đang sử dụng. Vì vậy, có thể lập Phòng Thí nghiệm tại đây đồng thời dành một khoảng để sau này dựng một khu nhà cho Nha Mỏ. Vào thời điểm đó, khu đất được lựa chọn đang được Nha Thương chính sử dụng nhưng chỉ chiếm một phần nhỏ. Ông Saurel đề nghị Tổng Thanh tra Công chính báo cáo chi tiết vấn đề này cho Trưởng Nha Thương chính đồng thời kiến nghị với Ban Nhà cửa dân sự và Nha Thương chính nghiên cứu.

- 1- Dự án về toà nhà mới thay thế toà nhà mà Nha Thương chính đang sử dụng trên khu đất Nha Mỏ xin chuyển nhượng.

- 2- Một dự án về Phòng Thí nghiệm Hoá học và khu nhà dành cho Nha Mỏ cần được xây dựng trên khu đất này.

- Công văn trao đổi trong thời gian từ 1915-1917 giữa Trưởng Khu Công chính Bắc Kỳ, Trưởng Nha Thương chính, Tổng Thanh tra Công chính... về việc lựa chọn địa điểm xây dựng Phòng thí nghiệm cho Nha Mỏ đóng và mở rộng khu nhà Nha Thương chính nằm trên phố France...

- Một số báo cáo từ 1915-1917 của Trưởng Ban Nhà cửa dân sự về việc tổ chức đấu thầu công trình xây dựng Phòng Thí nghiệm Hoá học cho Nha Mỏ tại Hà Nội.

- Tập điều kiện thầu và bản tính ước tính giá công trình xây dựng Phòng Thí nghiệm Hoá học do Trưởng Ban Nhà cửa dân sự lập ngày 15-10-1917. Tập điều kiện thầu gồm 19 điều quy định phương thức tiến hành đấu thầu, tiến bảo lãnh thầu, việc lập Hội đồng xét thầu, phê chuẩn thầu, thời hạn thi công, phương thức thanh toán...

• Biên bản buổi đấu thầu công trình diễn ra ngày 20-12-1917 với sự tham gia của Hội đồng xét thầu, công chúng và các nhà thầu Labeye, Verneuil et Graveriau, Blot, Leroy, Trần Viết Soạn, Roux và Trần Ngọc Diễm. Kết quả ông Leroy là người trúng thầu công trình xây dựng Phòng thí nghiệm Hoá học với tổng dự toán lên tới 52.000 đồng Đông Dương.

• Báo cáo ngày 7-7-1919 của Trưởng Ban Nhà cửa dân sự liên quan đến một số công trình cải tạo. Theo báo cáo, công trình xây dựng một Phòng Thí nghiệm Hoá học cho Nha Mỏ do nhà thầu Leroy đảm nhiệm đã hoàn thành sau 12 tháng. Tuy nhiên để đưa khu nhà này vào sử dụng, cần phải cải tạo một số công trình nữa với tổng chi phí ước tính khoảng 5.900 đồng Đông Dương, cụ thể như sau:

1- Cải tạo các phòng phân tích, nhà máy rửa quặng và kho chứa hoá phẩm.

2- Hệ thống phân phối nước bên trong.

3- Hệ thống tháo nước cống.

4- Xây dựng một lò nung hai chén.

5- Thiết bị axétilen.

• Các bản vẽ tổng thể, phân móng, mái, mặt cắt trên phố Concession (phía đông), mặt cắt chính trên phố France (phía bắc), mặt bên, tầng trệt và tầng một, các mặt cắt ngang theo B A và D C... Phòng Thí nghiệm Hoá học đều do Trưởng Ban Nhà cửa dân sự lập ngày 27-7-1916 trên giấy thường và giấy calque.

• Sơ đồ mở rộng các phòng làm việc của Nha Thương chính tại Hà Nội gồm tầng trệt, tầng một do Trưởng Ban Nhà cửa dân sự lập ngày 31-1-1916.

• Bản vẽ các khu đất xung quanh Nhà hát Thành phố.

SCDHN - 519

Achat des immeubles sis à la rue des Tubercules de Hoang Duong Ky, Le Sy Dien, Le Sy Bang par la Ville de Hanoï pour ouverture de la voie N^o 30 (1916-1922).

Thành phố Hà Nội mua các ngôi nhà trên phố Tubercules của Hoàng Dương Ký, Lê Sỹ Điền, Lê Sỹ Băng để mở đường số 30 (1916-1922).

• *Hồ sơ gồm 52 tờ, gồm: báo cáo, công văn trao đổi giữa Chánh Sở Địa chính Hà Nội, Đốc lý Hà Nội, Chủ tịch Ủy ban Trưng thu... từ 1916-1922 về việc Thành phố trưng mua ngôi nhà số 569, 581 và 585 khu A phố Tubercules (phố Hàng Khoai) của Hoàng Dương Ký, Lê Sỹ Điền và Lê Sỹ Băng để mở đường số 30, mở rộng đường số 27 (sau được đặt tên là phố Leblanc, tiếp đó đổi tên thành phố Henri d'Orléans, rồi lấy lại tên phố Leblanc, nay là phố Gắm Cầu) và làm vệ sinh khu Phúc Nghĩa, có kèm theo hợp đồng mua đất của Thành phố Hà Nội và bản vẽ các thửa đất.*

Và một vài tài liệu khác...



SCDHN - 522

Achat d'un terrain particulier sis à la rue de Yen Thanh par la Ville de Hanoï à Dinh Van Thuan, domicilié à la rue Fellonneau, Hanoï en 1916.

Thành phố Hà Nội mua tư thổ trên phố Yên Thành của Đinh Văn Thuận sống ở phố Fellonneau, Hà Nội năm 1916.

• *Hồ sơ có 19 tờ, gồm các báo cáo, công văn trao đổi từ 1916-1920, trích biên bản phiên họp ngày 6-3-1916 của Hội đồng Thành phố Hà Nội... về việc Thành phố trưng mua hai thửa đất số 114 và 115 khu P phố Yên Thành của Đinh Văn Thuận và Trần Văn Giên sống ở phố Fellonneau (sau đổi tên thành phố Albert Pouyanne, nay là phố Lò Sũ) để mở đường số 34 (phố Hoè Nhài) đoạn từ đường số 36 (đường này sau được đặt tên là phố Bourrin, nay là phố Yên Ninh) đến phố Yên Thành, có kèm theo hợp đồng mua thửa đất số 114 của Thành phố Hà Nội và bản vẽ thửa đất.*

Và một số tài liệu khác...

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

MHN - 4404

Entretien des jardins du Gouvernement général de l'Indochine, du Résidence supérieure du Tonkin et de la Direction des Finances de l'Indochine 1916-1925.

Chăm sóc khu vườn của Phủ Toàn quyền Đông Dương, Phủ Thống sứ Bắc Kỳ, Nha Tài chính Đông Dương 1916-1925.

Hồ sơ gồm 139 tờ trong đó có:

- *Nghị định số 532 ngày 13-3-1918 của Toàn quyền Đông Dương liên quan đến vườn Bách thảo Hà Nội. Theo Nghị định này, Vườn Bách thảo không còn chịu sự quản lý của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Thương mại Bắc Kỳ như quy định tại điều 1 Nghị định ngày 7-4-1910 về quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Thương mại Bắc Kỳ. Vườn Bách thảo được chia thành hai phần: một phần làm công viên, phần còn lại dành cho vườn thực nghiệm, các công trình phục vụ quản lý và thí nghiệm. Việc quản lý và chăm sóc công viên do các sở của Thành phố Hà Nội đảm nhiệm. Khu vực còn lại chịu sự quản lý của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông nghiệp.*

- *Nghị định số 903 ngày 6-5-1918 của Thống sứ Bắc Kỳ cấp cho Thành phố Hà Nội một khoản trợ cấp 11.061 đồng Đông Dương để chăm sóc công viên.*

- *Nghị định số 4566 ngày 24-12-1923 của Toàn quyền Đông Dương cấp cho Thành phố Hà Nội một khoản trợ cấp 4.000 đồng Đông Dương để chăm sóc khu vườn của Phủ Toàn quyền Đông Dương.*

- *Công văn số 2140/A ngày 20-8-1928 của Giám đốc Nha Tài chính Đông Dương gửi Đốc lý Hà Nội liên quan đến dự toán ngân sách cho việc chăm sóc khu vườn của Nha Tài chính Đông Dương năm 1929.*

- *Quyết định số 40/D ngày 9-9-1915 của Chánh Sở Tài chính Đông Dương giao việc chăm sóc khu vườn cho Sở Cây trồng Thành phố Hà Nội.*

Và các tài liệu khác...

J - 329

BMHN, 1916, N° 2, p. 109.

Arrêté du 11 mars 1902 du Maire de Hanoï, créant deux nouveaux cimetières publics pour les Asiatiques, l'un à Bach Mai, l'autre à Giang Vu.

Nghị định ngày 11-3-1902 của Đốc lý Hà Nội về việc lập hai nghĩa trang chung cho người châu Á, một ở Bạch Mai, một ở Giảng Vũ.

• *Nghị định gồm 5 điều trong đó quy định nghĩa trang Bạch Mai ở đường Huế (phố Huế) dành cho người châu Á sống tại phía nam và phía đông theo đường Mandarine (một đoạn phố Lê Duẩn), từ ranh giới phía nam Thành phố đến đại lộ Gambetta (phố Trần Hưng Đạo), từ đại lộ Gambetta đến phố Richaud (phố Quán Sứ), từ phố Coton (phố Hàng Bông) đến phố Caisses (phố Hàng Hòm), phố Eventails (phố Hàng Quạt), phố Paniers (phố Hàng Bó), phố Changeurs (phố Hàng Bạc) và phố Saumure (phố Hàng Mắm). Nghĩa trang Giảng Vũ phố Sơn Tây dành cho người châu Á sống tại phía bắc và phía tây tuyến đường đã nêu. Những người châu Á sống tại Thành phố Hà Nội buộc phải mai táng trong những nghĩa trang này sau khi được cấp giấy phép của cảnh sát. Tuy nhiên, họ cũng có thể được mai táng tại địa hạt các làng ngoài Thành phố.*

RST - 29303

Cession de terrain à la Ville de Hanoï par Nguyễn Thị Chiêu pour la mise à l'alignement de la rue de Papier 1917.

Nguyễn Thị Chiêu nhượng đất cho Thành phố Hà Nội để xác định giới hạn đất cho phố Papier 1917.

Hồ sơ gồm một bản hợp đồng nhượng đất của Nguyễn Thị Chiêu cho Thành phố Hà Nội để xác định giới hạn đất cho phố Papier (phố Hàng Giấy), kèm theo bản vẽ khu đất này, tỷ lệ 1/500, kích thước 17 x 25cm.

SCDHN - 495

Cessions des terrains et de l'immeuble sis à la Route du village du Papier

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

(Hanoï) à la Ville de Hanoï par Levée, Martin et Perroud, demeurant à Hanoï 1917-1923.

Về việc các ông, bà Levée, Martin và Perroud chuyển nhượng đất và nhà cửa trên đường làng Papier cho Thành phố Hà Nội 1917-1923.

- Hồ sơ gồm 132 tờ, trong đó có các báo cáo, công văn trao đổi, trích biên bản các phiên họp của Hội đồng Thành phố... trong thời gian từ 1917-1923 liên quan đến việc các ông, bà Levée, Martin và Perroud chuyển nhượng cho Thành phố Hà Nội ngôi nhà số 16 và các thửa đất số 11, 13 và 17 khu N đường làng Papier (làng Giấy nay là phố Thụy Khuê) để làm nhà ở cho viên phó giám sát khu vực vườn ươm và để mở rộng vườn ươm của Thành phố; cấp tiền đền bù cho các ông, bà có tên nêu trên, có kèm theo hợp đồng chuyển nhượng và bản vẽ các thửa đất.

Tài liệu trong hồ sơ này bằng chữ quốc ngữ và chữ Hán - Nôm.

SCDHN - 559

Echange de terrains sis à la voie N° 109 de Hanoï entre la Ville de Hanoï et Dao Ngoc Giu, Dao Ngoc Ho et Dao Ngoc Khue domiciliés aux villages de Duc Vien et Hoa Ma de cette Ville 1917-1926.

Về việc trao đổi đất trên đường số 109 giữa Thành phố Hà Nội và các ông Đào Ngọc Giu, Đào Ngọc Hồ và Đào Ngọc Khuê sống tại các làng Đức Viên và Hoà Mã, Thành phố Hà Nội 1917-1926.

Hồ sơ gồm 62 tờ, trong đó có:

- Thư từ trao đổi, báo cáo, trích biên bản các phiên họp của Hội đồng Thành phố Hà Nội... từ 1917-1926 liên quan đến việc Thành phố đổi các thửa đất công số 125 và 1781 khu I lấy thửa đất số 127 của các ông Đào Ngọc Giu và Đào Ngọc Hồ, và số 1772 cũng trong khu I của ông Đào Ngọc Khuê để mở đường số 109 (đường này sau được mang tên là phố Jacquin, nay là phố Ngô Thì Nhậm) có kèm theo hợp đồng trao đổi đất giữa Thành phố Hà Nội với các ông Đào Ngọc Giu, Đào Ngọc Hồ và Đào Ngọc Khuê, bản vẽ các thửa đất.

TPT - 644

Construction de bâtiments à Bach Mai pour l'Institut Vaccinogène 1917-1919.

Xây dựng một số ngôi nhà tại Bạch Mai cho Viện Vacxin 1917-1919.

Hồ sơ gồm 45 tờ, trong đó có:

- Công văn ngày 15-11-1917 của Giám đốc Viện Vacxin Bắc Kỳ gửi Thống sứ Bắc Kỳ đề nghị cho mở rộng Viện Vacxin tại Thái Hà vì cơ sở hiện có không đủ để làm việc và để ở.
- Điện ngày 6-12-1917 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Giám đốc Khu Công chính Bắc Kỳ đề nghị cho biết ý kiến về việc Giám đốc Viện Vacxin Bắc Kỳ đề nghị mở rộng nhà ở tại Thái Hà.
- Báo cáo ngày 24-12-1917 của Trưởng Ban Nhà cửa thuộc Khu Công chính Bắc Kỳ về dự án mở rộng nhà ở của Giám đốc Viện Vacxin Bắc Kỳ. Theo báo cáo, Trưởng Ban Nhà cửa đề nghị không tiến hành mở rộng mà cho tiến hành xây dựng lại ngôi nhà với khoản kinh phí là 50.000 đồng Đông Dương (chưa kể tiền lắp đặt điện nước).
- Báo cáo ngày 25-12-1917 của Trưởng Ban Nhà cửa dân sự gửi Giám đốc Khu Công chính Bắc Kỳ về dự án mở rộng nhà ở cho Giám đốc Viện Vacxin Bắc Kỳ. Theo báo cáo, Trưởng Ban Nhà cửa đề nghị chuyển Viện Vacxin đến đặt trong các toà nhà của Sở Thú y, Chăn nuôi và Dịch động vật.
- Một số công văn trao đổi giữa Thống sứ Bắc Kỳ với Giám đốc Sở Thú y, Chăn nuôi và Dịch động vật, Giám đốc Khu Công chính Bắc Kỳ, Giám đốc Viện Vacxin Bắc Kỳ, Trưởng Ban Nhà cửa dân sự từ 1917-1919 về việc chuyển Viện Vacxin đến đặt tại các cơ sở chăn nuôi ở Bạch Mai.

TPT - 926

Installation de l'université dans l'immeuble Debeaux, rue Paul Bert à Hanoi 1917-1918.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Về việc bố trí Trường Đại học Đông Dương vào toà nhà Debeaux, phố Paul Bert, Hà Nội 1917-1918.

Hồ sơ gồm 27 tờ, trong đó có:

- Dự án trưng dụng ngôi nhà số 47 phố Paul Bert và số 22, 24 đại lộ Rollandes (phố Hai Bà Trưng) của gia đình Debeaux cho Công sản thuộc địa để bố trí một số trường học mới thuộc Đại học Đông Dương dự kiến sẽ được thành lập.
- Bản ước tính sơ bộ chi phí bố trí Trường Đại học Đông Dương vào toà nhà Debeaux phố Paul Bert (phố Tràng Tiền và Hàng Khay) như: sửa sang một số chi tiết (vách ngăn, sơn tường, cửa kính, bếp), hệ thống dẫn nước, điện, lắp đặt bồn rửa, nhà vệ sinh, phòng học, phòng ngủ...
- Báo cáo số 174/A ngày 13-12-1917 của Trưởng Ban Nhà cửa dân sự đề nghị mở khoản tín dụng là 16.000 đồng để thanh toán các chi phí liên quan đến việc cải tạo toà nhà Debeaux, phố Paul Bert phục vụ cho việc bố trí Trường Đại học Đông Dương.
- Quyết định số 783 ngày 31-12-1917 của Toàn quyền Đông Dương cho phép tiến hành việc bố trí Trường Đại học Đông Dương vào toà nhà Debeaux phố Paul Bert.
- Hai bản vẽ tầng trệt và tầng một các toà nhà của gia đình Debeaux trên phố Paul Bert và đại lộ Rollandes do ông Bussy, Trưởng Ban Nhà cửa dân sự lập ngày 11-9-1917.

Và một số tài liệu khác...

J - 332

BMHN, 1917, N° 1, p. 21.

Arrêté du 18 décembre 1916 du Résident supérieur p.i. au Tonkin portant classement des voies comprises dans le périmètre de la Ville de Hanoi, à compter du 1er janvier 1917.

Nghị định ngày 18-12-1916 của Quyền Thống sứ Bắc Kỳ về việc phân loại các đường trong Thành phố Hà Nội kể từ ngày 1-1-1917.

Nghị định gồm 3 điều, theo đó các đường trong Thành phố Hà Nội được phân thành 4 loại và một số đường không được phân loại.

SCDHN - 187

Cession d'un terrain communal sis à l'Avenue Dominé par la Ville d'Hanoï à la Trésorerie générale de l'Indochine à Hanoï en 1918.

Về việc Thành phố Hà Nội chuyển nhượng cho Sở Ngân khố Đông Dương khu công thổ nằm trên đại lộ Dominé năm 1918.

Hồ sơ gồm 10 tờ, trong đó có:

- Công văn trao đổi giữa Giám đốc Sở Ngân khố Đông Dương, Chủ tịch Hội đồng Thành phố Hà Nội và Thống sứ Bắc Kỳ trong năm 1918 về việc Thành phố Hà Nội chuyển nhượng cho Sở Ngân khố khu đất có diện tích 321m² để xây phòng thu thuế Thành phố trên đại lộ Dominé (phố Lê Lai).
- Trích biên bản cuộc họp ngày 20-5-1918 của Hội đồng Thành phố Hà Nội quyết định chuyển nhượng khu đất trên với điều kiện khu đất này chỉ được dựng để mở rộng phòng thu thuế Thành phố. Trong trường hợp Sở Ngân khố chuyển địa điểm đi nơi khác, khu đất này phải được trả về cho Công sản công dụng (kèm theo hợp đồng chuyển nhượng và trích lục bản vẽ tổng thể Toà Thị chính Thành phố và các khu nhà phụ thuộc).
- Nghị định số 2085 ngày 25-8-1918 của Phủ Toàn quyền Đông Dương về việc Thành phố Hà Nội chuyển nhượng cho Công sản thuộc địa khu đất tiếp giáp với các toà nhà của Sở Ngân khố Đông Dương tại Hà Nội để mở rộng Sở này.

SCDHN - 12

Plans d'aménagement de la Ville et de la zone suburbaine d'Hanoï 1919-1940.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Sơ đồ quy hoạch Thành phố và khu ngoại thành Hà Nội 1919-1940.

Hồ sơ gồm 49 tờ, trong đó có:

- Luật ngày 4-3-1919 về việc xác định ranh giới, phân lô và tập trung ruộng đất của các chủ sở hữu tại những khu vực bị chiến tranh tàn phá.
- Luật ngày 14-3-1919 liên quan đến việc mở rộng và quy hoạch các thành phố.
- Báo cáo ngày 12-7-1928 của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa gửi Tổng thống nước Cộng hoà Pháp về việc không thể áp dụng tại các thuộc địa những điều luật quy định việc mở rộng và quy hoạch các thành phố ở chính quốc mà nên để Toàn quyền tự quyết định vấn đề này tại những thành phố ở Đông Dương.
- Công văn trao đổi từ 1930-1940 giữa Thống sứ Bắc Kỳ, Đốc lý Hà Nội và Công sứ Hà Đông về việc quy hoạch và mở rộng Thành phố Hà Nội.
- Nghị định ngày 20-11-1930 của Toàn quyền quy định các điều kiện áp dụng sắc lệnh ngày 12-7-1928 về việc mở rộng và quy hoạch các thành phố ở Đông Dương.
- Nghị định số 639/S ngày 23-8-1938 của Toàn quyền Đông Dương quy định những người thuê đất của Thành phố Hà Nội có thể làm đơn mua mảnh đất mà họ đã tiến hành xây dựng theo thoả thuận, trừ các đối tượng bị cấm mua hoặc có đất thuộc diện quy hoạch, không tập trung được hay những người xây dựng không tuân theo các quy định về vệ sinh và quy hoạch đô thị.
- Sơ đồ quy hoạch vùng ngoại thành Hà Nội do kỹ sư địa chính Deschamps lập năm 1940, kích thước 77,5 x 83,5cm, vẽ mẫu trên giấy calque.
- Sơ đồ các đường phố dự định xây gần chợ nằm ở ngã tư Trung Hiến, làng Bạch Mai, tỉnh Hà Đông. Sơ đồ này cũng do Deschamps lập năm 1940, kích thước 66,5 x 83cm, tỷ lệ 1/1000, trên giấy calque.

J - 338

BMHN, 1920, N° 1, p. 5.

Arrêté N° 1 du 25 décembre 1919 du Résident supérieur p.i. au Tonkin portant nouveau classement des voies de la Ville de Hanoï.

Nghị định số 1 ngày 25-12-1919 của Quyền Thống sứ Bắc Kỳ về việc phân loại các đường trong Thành phố Hà Nội.

Nghị định gồm 2 điều, theo đó những đường phố và khu dân cư không nằm trong diện được phân loại theo Nghị định ngày 18-12-1916 hoặc bị bỏ sót hoặc được mở sau ngày ban hành Nghị định cũng được phân ra làm 4 loại.

RST - 79013

Règlement sanitaire pour la protection de la santé publique à la Ville de Hanoï 1920-1930.

Quy định về vệ sinh để bảo vệ sức khỏe cộng đồng ở Thành phố Hà Nội 1920-1930.

Hồ sơ gồm 82 tờ và 1 bản vẽ:

- *Biên bản phiên họp lần thứ 2 tại Tòa Đốc lý Hà Nội ngày 4-12-1920 của Ủy ban chịu trách nhiệm nghiên cứu các biện pháp để giữ gìn mỹ quan trong các khu phố ở Hà Nội và Hải Phòng. Ủy ban đề xuất sửa đổi quy định liên quan đến việc xây dựng và sửa chữa các công trình trong khu vực được coi là dành cho người Âu.*
- *Trích biên bản phiên họp ngày 29-12-1920 của Ủy ban Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi quy định về vệ sinh ở Hà Nội. Theo đó, quy định về vệ sinh sẽ áp dụng cho các công trình trên các đường phố: Balny (phố Trần Nguyên Hãn), đại lộ Beauchamp (phố Lê Thái Tổ), đại lộ Bobillot (phố Lê Thánh Tông), phố Borgnis Desbordes (phố Tràng Thi), phố Banque (phố Lê Lai), đại lộ Carnot (phố Phan Đình Phùng), đại lộ Carreau (phố Lý Thường Kiệt), đại lộ Courbet*

(phố Lý Thái Tổ), đại lộ Đồng Khánh (phố Hàng Bài) đoạn giữa đại lộ Rollandes (phố Hai Bà Trưng) và Doudart de Lagrée (phố Hàm Long), phố Trường Y (phố Phan Huy Chú), đại lộ Félix Faure (phố Trần Phú), đại lộ Gambetta (phố Trần Hưng Đạo), đại lộ Gia Long (một phần phố Bà Triệu), đại lộ Victor Hugo (phố Hoàng Diệu), đại lộ Jauréguiberry (phố Quang Trung), phố Capitaine Larousse (phố Lý Đạo Thành), phố Lecranger (phố Lê Phụng Hiểu), phố Pavie (phố Hàn Thuyên), đại lộ Puginier (phố Điện Biên Phủ), phố Palais de Justice (sau đổi tên thành phố Lambert nay là phố Dã Tượng), đại lộ Rialan (phố Phan Chu Trinh), đại lộ Henri Rivière (phố Ngô Quyền), phố Richaud (phố Quán Sứ) đoạn giữa đại lộ Trần Hưng Đạo và phố Borgnis Desbordes (phố Tràng Thi), đại lộ Rollandes (phố Hai Bà Trưng), phố Teinturiers (một đoạn phố Thợ Nhuộm) và các đại lộ nằm trong khu đất của Société Foncière (khu vực nằm giữa đại lộ Carnot (phố Phan Đình Phùng) và phố Duvillier (phố Nguyễn Thái Học).

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

• Trích biên bản phiên họp ngày 31-3-1921 của Hội đồng Thành phố Hà Nội đề nghị phê chuẩn dự thảo Nghị định về các công trình xây dựng mới trên các phố và đại lộ đã được liệt kê trong biên bản ngày 29-12-1920. Theo dự thảo Nghị định do Hội đồng Thành phố Hà Nội đệ trình thì các nhà xây dựng mới trên các phố và đại lộ nói trên chỉ được xây theo kiểu Âu. Cấm xây dựng nhà theo kiểu truyền thống bảm địa và kiểu nhà chung cư. Dự thảo còn quy định số lượng người trong khu vực này phải đảm bảo 25,3 mét trở lên trên đầu người. Trên các đường phố này, các nhà xây dựng phải cách tường rào ngăn cách với nhà bên cạnh hoặc đường giới hạn đất đang xây dựng là 2 mét trở lên. Các nhà xây dựng cách chỉ giới dưới 2 mét không được phép có cửa sổ cánh mở, hoặc nếu có cánh mở thì chỉ là để bảo vệ cửa kính. Các nhà đã xây dựng nếu có sửa chữa cũng phải tuân theo quy định này.

• Trích biên bản phiên họp ngày 16-6-1922 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi Nghị định ngày 7-7-1921 quyết định các con đường chỉ dành riêng cho xây dựng theo kiểu Âu. Hội đồng đề nghị bổ sung thêm vào danh sách các con đường nói trên các phố và đại lộ sau: phố Paul Bert (phố Tràng Tiền và Hàng Khay) và phần kéo dài, phố Boissière (phố Nguyễn Xí), phố Fourès (trước kia là phố Intendance sau đổi tên là phố Đình Lễ), phố Chaux (phố Hàng Vôi) (đoạn từ phố Leclanger (phố Lê Phụng Hiểu) đến phố Balny (phố Trần Nguyên Hãn), phố Laubarède (phố Đặng Thái Thân) và phố Maréchal Galiéni (phố Phạm Ngũ Lão), quai Clémenceau (phố Trần Nhật Duật) (đoạn từ phố France (Pháp Quốc, nay là Tràng Tiền) đến phố Fellonneau (phố Lò Sũ), đại lộ Rollandes (phố Hai Bà Trưng) đến phố Colomb (phố Phan Bội Châu), đại lộ Gia Long (một phần phố Bà Triệu) đến phố Riquier (một phần phố Nguyễn Du), phố Colomb (phố Phan Bội Châu), đại lộ Doudard de Lagrée (phố Hàm Long), đại lộ Henri Rivière (phố Ngô Quyền) kéo dài, đại lộ Đồng Khánh (phố Hàng Bài) đến phố Miribel (phố Trần Nhân Tông), đường số 76 (sau được đặt tên là phố Reinach, nay là phố Trần Quốc Toàn), phố Pavie (phố Hàn Thuyên) và phố Jouhaux (phố Ngô Văn Sở), phố Graines (phố Hàng Đậu), phố Sapèquerie (phố Phạm Sư Mạnh), phố Dutreuil de Rhins (phố Nguyễn Khắc Cần), phố Vọng Đức. Ba phố cuối cùng tuy không quan trọng nhưng chúng nằm trong khu phố người Âu. Hội đồng cũng sửa đổi điều 1 của Nghị định ngày 7-7-1921 để tránh những tranh cãi có thể nảy sinh trong các trường hợp nhà xây dựng nằm ở góc giữa một phố quy định xây nhà theo kiểu Âu và một phố không bắt buộc. Đối với trường hợp này, Hội đồng đề xuất quy định các công trình xây dựng ở góc phố sẽ được phép xây dựng theo kiểu nhà ô với điều kiện phần xây dựng theo kiểu này phải cách phố cấm 40 mét.

• Trích biên bản phiên họp ngày 5-9-1924 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc đề nghị sửa đổi Nghị định ngày 8-8-1922 sắp xếp các đường phố dành cho các công trình xây dựng kiểu Âu.

- Trích biên bản phiên họp ngày 31-5-1926 của Hội đồng Thành phố Hà Nội đề nghị sửa đổi điều 34 Nghị định ngày 12-11-1925 quy định các đường vành đai cấm xây dựng nhà kiểu bản địa và kiểu nhà chia ô. Theo đó, đại lộ Rialan (phố Phan Chu Trinh) và phố Raffenel (phố Phan Huy Chú) đã bị bỏ sót trong Nghị định nói trên vì 2 đường phố này nằm trong khu phố Âu, do vậy tại hai phố này chỉ được xây dựng nhà kiểu Âu.
- Nghị định số 2691 ngày 15-7-1926 của Thống sứ Bắc Kỳ bổ sung phố Raffenel và đại lộ Rialan vào danh sách các đường phố dành cho các công trình theo kiểu Âu đã được quy định trong điều 34 của Nghị định ngày 12-11-1925.
- Trích biên bản phiên họp ngày 27-2-1928 của Hội đồng Thành phố Hà Nội đề nghị sửa đổi bổ sung Nghị định ngày 12-11-1925 về danh sách các phố quy định xây dựng nhà kiểu Âu. Hội đồng đề nghị bổ sung vào danh sách trên các phố sau: đại lộ Grand Bouddha (phố Quán Thánh), phố Bovet (phố Yết Kiêu), đại lộ Brière de l'Isle (phố Hùng Vương) và phần kéo dài, phố Delorme (phố Trần Bình Trọng), phố Duvillier (phố Nguyễn Thái Học), đại lộ Francis Garnier (phố Đinh Tiên Hoàng), đại lộ Gia Long kéo dài (đoạn giữa phố Riquier và phố Wiélé (phố Tô Hiến Thành), đường Mandarine (một đoạn phố Lê Duẩn) đến đường Cầu Đơ, phố Tuyên Quang (phố Cao Bá Quát), đại lộ Van Vollenhoven (phố Chu Văn An), đại lộ Victor Hugo (phố Hoàng Diệu).
- Trích biên bản phiên họp ngày 26-2-1930 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về quy hoạch khu hồ Bảy Mẫu và sắp xếp đường phố xây dựng nhà theo kiểu Âu. Theo đó, khu hồ Bảy Mẫu được giới hạn bởi phố Reinach (phố Trần Quốc Toản), đường số 202 (một đoạn đường Đại Cồ Việt), đại lộ Gia Long và đường Mandarine. Hội đồng đưa ra danh sách các đường phố xây dựng nhà theo kiểu Âu thuộc khu hồ Bảy Mẫu gồm các phố: phố Halais (một đoạn phố Nguyễn Du, đoạn dọc hồ Thiền Quang), phố Riquier (một đoạn phố Nguyễn Du, đoạn dọc hồ Thiền Quang), đoạn giữa đại lộ Jauréberry (phố Quang Trung) và đại lộ Gia Long, phố Miribel kéo dài (đoạn giữa đường

Mandarine và đại lộ Gia Long, đường Madarine kéo dài (đoạn giữa phố Reinach và đường giới hạn thành phố, phố Bovet kéo dài, phố Delorme (phố Trần Bình Trọng), đường 168 (sau được đặt tên là phố Dufourcg, sáp nhập với các phố Charles Halais và Riquier thành phố Nguyễn Du), 169, phố Mongrand (phố Nguyễn Thượng Hiền), phố Chapuis (phố Thái Phiên), đường 173, 174, 175, 183, 184, 185, 190, 191 (phần giữa đường Mandarine và đường Gia Long; đường 191 sau được đặt tên là phố Hoàng Cao Khải nay là phố Lê Đại Hành), đường số 193, 189, 188, 186, 194, 195, 196, 198, 199, 201, 202 (phần giữa đường Mandarine và đường Gia Long kéo dài, đại lộ Gia Long (phần giữa phố Wiélé (phố Tô Hiến Thành) kéo dài, đường 176, 177, 178, 179, 180, 181, 182.

- Bản vẽ các đường phố ở khu phố hồ Bảy Mẫu được quy định phải xây dựng nhà theo kiểu Âu, tỷ lệ 1/2000.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

SCDHN - 77

Achat de terrain sis au N° 2, Rue des Voiles à Tran Thị Lang et N° 20, Rue de l'Ancien en Canal d'Hanoï à Sauer et Tran Thị Them (sa fille) domiciliés à Hanoï par la Ville d'Hanoï pour l'élargissement de ces rues 1921-1931.

Thành phố Hà Nội mua thửa đất số 2 phố Voiles của bà Trần Thị Lãng và thửa đất số 20 phố Ancien en Canal của ông Sauer và con gái là Trần Thị Thêm sống tại Hà Nội để mở rộng những đường phố này 1921-1931.

Hồ sơ gồm 67 tờ, trong đó có:

- Trích biên bản phiên họp ngày 29-12-1920 của Hội đồng Thành phố Hà Nội thông qua việc Thành phố mua $52m^2$ đất đã được xây dựng của ông Sauer và con gái là Trần Thị Thêm với giá 8 đồng/ m^2 để mở rộng phố Ancien en Canal (phố Đào Duy Từ) do tuyến phố này đông người qua lại (kèm theo hợp đồng mua thửa đất số 1041 khu A của Thành phố Hà Nội và bản vẽ thửa đất).

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Trích biên bản phiên họp ngày 9-6-1921 của Hội đồng Thành phố Hà Nội thông qua việc Thành phố mua ngôi nhà có tổng diện tích là $91,59m^2$ của bà Trần Thị Lãng để làm thẳng tuyến phố Ancien en Canal và phố Voiles (phố Hàng Buồm), đồng thời cấp cho bà Lãng khoản tiền đền bù là 2000 đồng Đông Dương (kèm theo hợp đồng mua đất được ký kết giữa Thành phố Hà Nội và bà Trần Thị Lãng, và bản vẽ thửa đất số 1040 khu A).

- Và một số tài liệu khác như: báo cáo của Ủy ban Trưng thu, thư từ trao đổi giữa luật sư bào chữa gửi Đốc lý Thành phố, các yêu cầu của bà Trần Thị Lãng, ông Sauer và con gái là Trần Thị Thêm... từ 1921-1931 cũng liên quan đến các việc đã nêu trên.

Trong hồ sơ này có nhiều tài liệu bằng chữ quốc ngữ.



SCDHN - 191

Achat d'un terrain sis au village de Dong Nhân par la Ville de Hanoï à Cai Ngoc Giu, Cai Van Huong, Cai Van Cat, Cai Van Mô propriétaires, domiciliés à Hanoï, en 1921.

Về việc Thành phố Hà Nội mua một thửa đất tại làng Đồng Nhân của Cái Ngọc Giu, Cái Văn Hương, Cái Văn Cát, Cái Văn Mô sống tại Hà Nội, năm 1921.

Hồ sơ gồm 15 tờ, trong đó có:

- Thư ngày 15-1-1920 của Cái Ngọc Giu gửi Đốc lý Hà Nội đề nghị được thanh toán đền bù vì đã nhượng lại cho Thành phố thửa đất số 142 khu J có diện tích $1.309m^2$ đất để mở rộng khu Abattoir (khu lò mổ lợn của Thành phố).

- Trích biên bản phiên họp ngày 29-12-1920 của Hội đồng Thành phố Hà Nội thông qua việc Thành phố mua đất của Cái Ngọc Giu với giá 0,30 đồng/ $1m^2$ (kèm theo hợp đồng mua đất của Thành phố và bản vẽ thửa đất số 142 khu J).

Và một số tài liệu khác... Trong hồ sơ này có nhiều tài liệu bằng chữ quốc ngữ và chữ Hán - Nôm.

J - 340

BMHN, 1921, N^o 7, p. 415.

Arrêté N^o 91 du 7 juillet 1921 du Résident supérieur au Tonkin au sujet des constructions nouvelles dans certaines voies de la Ville de Hanoï.

Nghị định số 91 ngày 7-7-1921 của Thống sứ Bắc Kỳ về các công trình xây mới tại một số đường của Thành phố Hà Nội.

Nghị định gồm 7 điều quy định tại 26 con đường của Thành phố Hà Nội và tất cả các đại lộ được mở trên khu đất của Công ty Điện thổ, từ đại lộ Carnot (phố Phan Đình Phùng) đến đường Duvilliers (phố Nguyễn Thái Học), chỉ được phép xây dựng những căn nhà kiểu Âu, cấm xây nhà kiểu bản xứ hoặc nhà chia ô. Số người sử dụng ở mỗi phòng ngủ tối đa là 1 người/25m². Tuy nhiên cũng tại khu vực này, các phòng dùng làm nhà ở cho gia nhân, diện tích có thể nhỏ hơn 75m²... Đối với những căn nhà có sẵn từ trước, cần được sửa chữa lại cho phù hợp với quy định mới.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

TPT - 4656

Aménagement du quartier du Gouvernement général de l'Indochine 1922-1936.

Quy hoạch khu phố Phủ Toàn quyền Đông Dương 1924-1936.

Hồ sơ gồm 12 tờ và 16 bản vẽ, trong đó có:

- Báo cáo số 140 ngày 10-1-1924 của kiến trúc sư trưởng Sở Nhà cửa Trung ương đề nghị phê chuẩn dự án quy hoạch khu phố Phủ Toàn quyền Đông Dương.
- Nghị định số 4251 ngày 15-11-1924 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn bản đồ chỉ giới đường khu phố Phủ Toàn quyền Đông Dương.
- Sơ đồ các tuyến phố khu phố Phủ Toàn quyền Đông Dương, tỷ lệ 1/1000 kèm theo Nghị định ngày 15-11-1924 của Toàn quyền Đông Dương.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Công văn số 13573 ngày 26-12-1924 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương đề nghị hỗ trợ kinh phí cho việc quy hoạch khu phố Phủ Toàn quyền Đông Dương.
- Công văn số 16629 ngày 3-10-1936 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương liên quan đến việc thay đổi chỉ giới khu phố Phủ Toàn quyền Đông Dương.
- Trích lược bản đồ khu vực hồ Tây, trong đó có khu phố Phủ Toàn quyền Đông Dương.
- Bản vẽ thực trạng khu phố Phủ Toàn quyền Đông Dương, tỷ lệ 0,0005.
- Bản sơ thảo khu phố Phủ Toàn quyền Đông Dương tháng 2-1922
- Bản vẽ thiết kế quy hoạch khu phố Phủ Toàn quyền Đông Dương ngày 10-1-1924, tỷ lệ 0,0005.
- Bản vẽ thiết kế quy hoạch khu phố Phủ Toàn quyền Đông Dương ngày 25-6-1924, tỷ lệ 0,005.
- Bản vẽ chi tiết khu phố Phủ Toàn quyền Đông Dương, tỷ lệ 0,001.

J - 342

BMHN, 1922, N^o 8, p. 496.

Arrêté N^o 117 du 8 août 1922 du Résident supérieur au Tonkin complétant l'article 1er de l'arrêté du 7 juillet 1921, désignant les voies de Hanoï dans lesquelles ne pourront être construites que des maisons de type européen.

Nghị định số 117 ngày 8-8-1922 của Thống sứ Bắc Kỳ bổ sung điều 1 trong Nghị định ngày 7-7-1921 chỉ rõ những con đường của Hà Nội chỉ được xây nhà kiểu Âu.

Nghị định gồm 2 điều, trong đó chỉ rõ ngoài những con đường của Thành phố Hà Nội chỉ được phép xây nhà kiểu Âu theo điều 1 Nghị định ngày 7-7-1921, Nghị định này còn bổ sung 12 con đường khác cũng được phép xây nhà kiểu Âu.

SCDHN - 144

Achat de terrains particuliers sis à la rue du Chanvre à la Ville d'Hanoï par la Ville d'Hanoï à Dang Dam Doanh, Dang Thị Gian, Nguyen Huu Gi, Nguyen Mai, Nguyen Huu Nhu, Duong Thuc domiciliés à la dite rue 1923-1940.

Thành phố Hà Nội mua tư thổ tại phố Chanvre của Đặng Đàm Doanh, Đặng Thị Gián, Nguyễn Hữu Gi, Nguyễn Mai, Nguyễn Hữu Như, Dương Thứ cũng sống tại phố này 1923-1940.

Hồ sơ gồm 123 tờ, trong đó có:

- Các giấy tờ liên quan đến việc Thành phố Hà Nội trưng mua các thửa đất số 764, 612, C.597, C.595, C.565, C.1578 khu C phố Chanvre (phố Hàng Gai) của các ông, bà Đặng Đàm Doanh, Đặng Thị Gián, Nguyễn Hữu Gi, Nguyễn Mai, Nguyễn Hữu Như, Dương Thứ để mở rộng khu phố này (kèm theo một số hợp đồng chuyển nhượng tư thổ cho Thành phố bản vẽ các thửa đất và đơn đề nghị thanh toán tiền đền bù của các ông, bà có tên nêu trên trong khoảng thời gian từ 1923-1940).

Và một số tài liệu khác... Trong hồ sơ này có nhiều tài liệu bằng chữ quốc ngữ.

RST - 58863

Plans d'alignement des quartiers et rues de la Ville de Hanoï 1924-1925.

Bản vẽ xác định giới hạn phố và khu phố của Thành phố Hà Nội 1924-1925.

Hồ sơ gồm 23 tờ, trong đó có:

- Công văn số 1291-V ngày 21-7-1925 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về xác định giới hạn khu phố Toàn quyền và khu phố cổ của người bản xứ.
- Trích biên bản phiên họp ngày 5-6-1925 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về xác định giới hạn khu phố nghĩa trang trên đường Mandarine

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

(một đoạn phố Lê Duẩn), khu phố ở sau ga, đường Hà Đông, phố Duvillier (phố Nguyễn Thái Học).

- Trích biên bản phiên họp ngày 5-6-1925 của Hội đồng Thành phố Hà Nội xác định giới hạn khu phố Chợ gồm các phố Tubercules (phố Hàng Khoai), Riz (phố Đồng Xuân), Jean Dupuis (phố Hàng Chiếu), Quai Clémenceau (phố Trần Nhật Duật), Graines (phố Hàng Đậu), đại lộ Henri d'Orléans (phố Phùng Hưng).

- Trích biên bản phiên họp ngày 5-6-1925 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về thay đổi giới hạn khu phố Toàn quyền, phố Duvillier, Văn Miếu.

- Công văn số 9920/A ngày 11-8-1925 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương đề nghị phê chuẩn các bản vẽ xác định giới hạn khu phố ở Hà Nội.

- Công văn số 3030/SA ngày 16-11-1925 của Toàn quyền Đông Dương gửi Thống sứ Bắc Kỳ yêu cầu sửa đổi các dự thảo nghị định xác định giới hạn khu phố nói trên.

Và các tài liệu khác...

MHN - 4177

Classement des voies de la Ville de Hanoï au point de vue de l'impôt foncier 1924-1926.

Sắp xếp đường phố Hà Nội theo thuế đất 1924-1926.

Hồ sơ có 23 tờ gồm:

- Nghị định ngày 29-2-1924 của Thống sứ Bắc Kỳ sắp xếp các đường phố của Thành phố Hà Nội theo thuế đất. Theo Nghị định này, các đường phố được xếp thành 5 hạng: ngoại hạng, hạng 1, hạng 2, hạng 3 và hạng 4.

- Nghị định số 176 ngày 1-5-1925 của Đốc lý Hà Nội thiết lập một loại thuế để phục vụ cho việc bảo dưỡng các con đường đã quy hoạch của Thành phố Hà Nội

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Nghị định ngày 15-5-1925 sắp xếp các đường phố đã quy hoạch thành 4 loại theo thuế bảo dưỡng đường phố.
- Nghị định số 17 ngày 7-1-1926 của Đốc lý Hà Nội sửa đổi một số điều của Nghị định số 176 ngày 1-5-1925.

MHN - 4187

Extraits des procès-verbeaux du Conseil municipal de Hanoï concernant la construction, l'entretien et le carrelage des trottoirs des rues de la Ville de Hanoï 1924-1925.

Trích biên bản các phiên họp Hội đồng Thành phố Hà Nội liên quan đến xây dựng, bảo dưỡng và lát gạch vỉa hè các đường phố Hà Nội 1924-1925.

Hồ sơ có 29 tờ trích biên bản các phiên họp các ngày 30-5-1924, 22-9-1924, 10-12-1924 và 18-2-1925 của Hội đồng Thành phố Hà Nội liên quan đến các công việc về chỉnh trang các đường phố Hà Nội

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

SCDHN - 560

Achat de terrain de Ha Van Duoc, Ha Van Mo, Ha Van Mui sis à la voie N° 109 d'Hanoï par la Ville de Hanoï pour l'élargissement de cette voie 1924-1928.

Thành phố Hà Nội mua đất của các ông Hà Văn Được, Hà Văn Mô và Hà Văn Mùi sống tại đường số 109 để mở rộng đường này 1924-1928.

Hồ sơ có 32 tờ, gồm thư từ trao đổi, trích biên bản các phiên họp của Hội đồng Thành phố Hà Nội... từ 1924-1928 về việc Thành phố trưng mua thửa đất số 214 khu I làng Đức Viên của các ông Hà Văn Được, Hà Văn Mô và Hà Văn Mùi để mở rộng đường số 109 ra 20 mét (đường số 109 sau được đặt tên là phố Jacquin, nay là phố Ngô Thì Nhậm), có kèm theo hợp đồng mua đất của Thành phố và bản vẽ thửa đất.

SCDHN - 567

Acquisition de terrains pour l'ouverture de la voie N° 113 (1924-1928).

Thành phố Hà Nội trưng mua đất để mở đường số 113 (1924-1928).

- *Hồ sơ có 63 tờ, gồm: thư từ trao đổi, báo cáo, nghị định quy định giới hạn tuyến đường, trích biên bản các phiên họp của Hội đồng Thành phố Hà Nội... từ 1924-1928 về việc Thành phố trưng mua các ngôi nhà và thửa đất số 269, 188, 189 và 235 khu I của các ông, bà Đặng Đình Diển, Đình Thị Hoà, Nguyễn Hữu Thư, Tạ Đình Thọ để làm thẳng và mở rộng đường số 113 ra 20 mét (đường số 113 sau được đặt tên là phố Amiral Senès, nay là phố Hoà Mã), có kèm theo hợp đồng mua đất của Thành phố và bản vẽ các thửa đất.*

Và một số tài liệu khác...

SCDHN - 791

Tập thông tư, chỉ thị về tổ chức hành chính và hướng dẫn chuyên môn của cơ quan cấp trên gửi đến 1924-1954.

Hồ sơ gồm 164 tờ, trong đó có:

- *Tập sao chép các sắc lệnh và nghị định cũ từ 1924-1949 về việc quản thủ điền thổ; công dụng trưng thu; quy hoạch và mở rộng giới hạn Thành phố; kiến thiết đô thị...*
- *Các thông cáo từ 1952-1954 về việc chia đất ra thành lô nhỏ; chỉnh định địa giới; kiến thiết đô thị...*

Và một số tài liệu khác... Trong hồ sơ này có nhiều tài liệu bằng chữ quốc ngữ.

J - 345

BMHN, 1924, N° 9, p. 539.

Arrêté N° 157 du 3 septembre 1924 du Gouverneur général de l'Indochine approuvant le plan d'alignement annexé à la délibération du Conseil

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

municipal de Hanoï du 30 mai 1924 et portant prolongement du boulevard Henri d'Orléans jusqu'à la rue Borgnis Desbordes.

Nghị định số 157 ngày 3-9-1924 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn mặt bằng tuyến được đính kèm theo nghị quyết của Hội đồng Thành phố Hà Nội ngày 30-5-1924 và kéo dài từ đại lộ Henri d'Orléans đến phố Borgnis Desbordes.

Theo Nghị quyết ngày 30-5-1924, Hội đồng Thành phố quyết định kéo dài đại lộ Henri d'Orléans (phố Phùng Hưng) đến phố Borgnis Desbordes (phố Tràng Thi) và quy định giới hạn của đại lộ này phải phù hợp với sơ đồ do Sở Quản lý Đường bộ Thành phố đưa ra.

J - 345

BMHN, 1924, N° 11, p. 728.

Arrêté N° 226 du 16 novembre 1924 du Gouverneur général de l'Indochine approuvant le plan d'alignement des voies existantes ou à créer dans le quartier du Gouvernement général à Hanoï.

Nghị định số 226 ngày 16-11-1924 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn mặt bằng tuyến những đường đã có hoặc lập mới trong khu Gouvernement général tại Hà Nội.

Nghị định gồm 5 điều phê chuẩn mặt bằng tuyến những đường đã có hoặc lập mới trong khu Gouvernement général (khu Phủ Toàn quyền) tại Hà Nội như nghị quyết của Hội đồng Thành phố Hà Nội đã thông qua ngày 22-9-1924. Theo đó, chiều rộng, việc đánh số và trục đường được quy định phải phù hợp với các chỉ dẫn trong bảng I và II đính kèm theo Nghị định.

J - 1119

JOIF, 1932, N° 48, p. 1815.

Extrait d'un Arrêté du 3-9-1924 du Gouverneur général de l'Indochine approuvant le plan d'alignement portant prolongement du boulevard Henri d'Orléans jusqu'à la rue Borgnis Desbordes de la Ville de Hanoï.

Trích Nghị định ngày 3-9-1924 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn bản đồ xác định giới hạn đại lộ Henri d'Orléans (phố Phùng Hưng) kéo dài đến phố Borgnis Desbordes (phố Tràng Thi).

J - 1119

JOIF, 1924, N° 93, p. 2202.

Arrêté du 15-11-1924 du Gouverneur général de l'Indochine approuvant le plan d'alignement des voies existances ou à créer dans le quartier du Gouvernement général à Hanoi.

Nghị định ngày 15-11-1924 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn bản đồ xác định giới hạn các đường đã tồn tại hoặc sẽ xây dựng trong khu Phủ Toàn quyền tại Hà Nội.

Nghị định gồm 5 điều và hai bảng quy định chỉ giới kèm theo, thay đổi giới hạn của 28 đường và phố ở khu Phủ Toàn quyền Đông Dương.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

RST - 58278

Au sujet de modification d'un plan d'alignement concernant la suppression de la voie N° 145 (1925-1929).

Về việc sửa đổi bản vẽ xác định giới hạn liên quan đến việc xóa bỏ đường số 145 (1925-1929).

Hồ sơ gồm 34 tờ và 1 bản vẽ:

- *Nghị định ngày 31-3-1925 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn bản vẽ xác định giới hạn các đường thuộc khu phố Bệnh viện Quân đội, trong đó có đường số 145. Theo đó, đường số 145 được xác định từ đường số 149 (sau được đặt tên là phố Chéon và nay là phố Phạm Đình Hổ) đến đường Nghĩa trang (phố Nguyễn Công Trứ), dài 350 mét, cắt các đường số 174 và 149.*
- *Trích biên bản phiên họp ngày 24-8-1928 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc xóa bỏ đường số 145.*

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Công văn số 17690/A ngày 18-12-1928 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương đề nghị phê chuẩn những thay đổi của bản vẽ xác định giới hạn khu phố Bệnh viện Quân đội liên quan đến việc xoá bỏ đường số 145.
- Nghị định số 112 ngày 12-1-1929 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn bản vẽ đính kèm Nghị quyết của Hội đồng Thành phố Hà Nội ngày 24-8-1928 về xác định giới hạn đường của khu phố Bệnh viện Quân đội và quyết định xoá bỏ đường số 145.
- Bản vẽ xoá bỏ đường số 145, kích thước 42 x 8-30,5 cm, tỷ lệ 1/1000, do Chánh Sở Quản lý Đường bộ Hà Nội vẽ ngày 30-7-1928, đã được Đốc lý Hà Nội phê chuẩn.

RST - 79020

Classement et alignement des voies de la Ville de Hanoï 1925-1928.

Sắp xếp và xác định giới hạn các tuyến đường ở Thành phố Hà Nội 1925-1928.

Hồ sơ gồm 161 và 9 bản đồ:

- Nghị định ngày 31-3-1925 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn bản đồ xác định giới hạn các đường đã tồn tại và sẽ xây dựng trong khu phố Bệnh viện Quân đội, nằm giữa đại lộ Gambetta (phố Trần Hưng Đạo), de Clémenceau (phố Trần Nhật Duật), đường 161 và đại lộ Armand Rousseau (phố Lò Đúc). Theo đó, các đường sẽ xây dựng mới trong khu phố Bệnh viện Quân đội gồm đường số 147, 148, 162 (chỉ giới và mốc giới được quy định chi tiết trong hai bảng kèm theo Nghị định).
- Nghị định số 626 ngày 11-2-1927 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn bản đồ xác định giới hạn các đường và phố sau: phố Llondes (phố Cấm Chi), các đường trong khu phố Grand Marché và khu phố Sinh Từ, khu Hoà Mã, khu Bệnh viện, khu Abattoir, khu Toàn quyền.

- Trích biên bản phiên họp ngày 30-5-1928 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về bản đồ xác định giới hạn quảng trường phía trước bức tường phía bắc Văn Miếu. Dự án quy hoạch quảng trường này đã được xây dựng năm 1925. Theo dự án năm 1925, quảng trường sẽ xây dựng với chiều rộng là 46 mét nằm giữa bức tường phía bắc của Văn Miếu và bức tường của khu đất tư số 261. Hội đồng xem xét lại dự án trên và cho ý kiến sửa đổi. Theo đó, quảng trường chỉ cần rộng 44 mét.
- Trích biên bản họp ngày 30-5-1928 về giới hạn khu phố chùa Tú Uyên được giới hạn bởi phố Duvillier (phố Nguyễn Thái Học), đường Hà Đông và giới hạn phía nam và phía bắc Thành phố.
- Nghị định ngày 19-11-1928 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn các bản đồ xác định giới hạn các đường chính của khu phố chùa Tú Uyên, sắp xếp và ấn định chiều rộng của quảng trường sau Văn Miếu và mở rộng ngõ Etoffes (ngõ Cổng Đục). Theo bảng số 3 và 4 kèm theo Nghị định, quảng trường sau Văn Miếu được ấn định rộng 44 mét dài 100 mét và giới hạn bởi phố Cao Đắc Minh (nay là phố Văn Miếu) và đại lộ Van Vollenhoven (phố Chu Văn An).
- Trích biên bản phiên họp ngày 23-8-1933 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về xác định giới hạn đại lộ Henri d'Orléans (phố Phùng Hưng) và phố Leblanc (phố Nguyễn Hữu Huân).
- Nghị định ngày 14-10-1933 của Thống sứ Bắc Kỳ phê chuẩn bản đồ xác định giới hạn các đường và phố: phố Leblanc, đại lộ Carnot (phố Phan Đình Phùng) kéo dài, phố Durantou (phố Nguyễn Thiệp), phố Papier (phố Hàng Giấy), đường số 30, 30bis, đại lộ Henri d'Orléans (phố Phùng Hưng), đường số 268 (ngõ Yên Thế), 269, 270, quảng trường Tổng đốc Nguyễn Bách (nằm trước chùa Đế Thích) và ngõ Chung Yên.
- Trích biên bản phiên họp ngày 20-2-1935 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về thay đổi giới hạn phố Sergent Giac (ngõ Duy Tân).

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Trích biên bản phiên họp ngày 28-2-1935 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về thay đổi giới hạn phố Duvillier (phố Nguyễn Thái Học) ở bên phải Văn Miếu.
- Bản vẽ chi tiết những thay đổi về giới hạn quảng trường ở sau Văn Miếu, tỷ lệ 0,0002 p.m. Bản vẽ được vẽ trên vải, các nét vẽ màu xanh là chỉ giới cũ, các nét vẽ màu đỏ là chỉ giới mới của khu vực này.
- Bản vẽ chi tiết những thay đổi về giới hạn của khu phố Chợ, tỷ lệ 0,001 p.m. Bản vẽ được vẽ trên vải, các nét vẽ màu xanh là chỉ giới cũ, các nét vẽ màu đỏ là chỉ giới mới của khu vực này.
- Bản vẽ chi tiết những thay đổi về giới hạn của phố Sergeant Giac (ngõ Huế), đường số 147, 148, 162, tỷ lệ 1/500. Bản vẽ được vẽ trên vải, các nét vẽ màu xanh là chỉ giới cũ, các nét vẽ màu đỏ là chỉ giới mới của khu vực này.
- Nghị định số 1977/A ngày 25-5-1935 phê chuẩn những thay đổi về giới hạn các đường và phố sau: phố Sergeant Giac, đường 147, 148, 162, đại lộ Henri d'Orléans, phố Leblanc, phố Duranton và phố Duvillier (phần nằm sau Văn Miếu).
- Nghị định số 470 ngày 20-1-1930 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn bản đồ xác định giới hạn các phố chính của khu Nghĩa trang người Âu. Khu phố này được giới hạn bởi đường Cimetière (phố Nguyễn Công Trứ), đường Huế (phố Huế), giới hạn phía nam thành phố và đại lộ Armand Rousseau (phố Lò Đúc). Các đường chính trong khu phố này gồm đường số 232, 191 kéo dài (đường 191 sau được đặt tên là phố Hoàng Cao Khải và nay là phố Lê Đại Hành), 231, 230 (phố Trần Cao Vân), 225 (đường này sau được đặt tên là phố Dumoutier và nay là phố Chùa Vua), 228, 229, 226, 223, 224, 222, 227, 233 (đường 233 nay là phố Yên Bái), 234, 260, 261, 262, 263, 264, 265, 266. Chỉ giới và mốc giới của các đường kể trên được quy định chi tiết trong hai bảng kèm theo Nghị định này.

• Nghị định số 4186/A ngày 27-10-1934 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn bản đồ xác định giới hạn các đường và phố sau: phố Maréchal Joffre (phố Lý Nam Đế), đường số 236, 237, 197 (đường 197 sau được đặt tên là phố Chapuis và nay là phố Thái Phiên), 230. Theo bảng số 1 kèm theo Nghị định, phố Joffre được giới hạn bởi đại lộ Carnot (phố Phan Đình Phùng) và đại lộ Félix Faure (phố Trần Phú), dài 1103 mét; đường 236 được giới hạn bởi đường Sinh Từ (phố Nguyễn Khuyến) và đường số 237, dài 204 mét; đường số 237 được giới hạn bởi đường số 243 và phố Đinh Tiên Hoàng (phố Trần Quý Cáp), dài 267 mét. Đường số 197 được giới hạn bởi đường 198 và đường Huế (phố Duy Tân, nay là phố Huế), dài 455 mét; đường số 230 (phần sửa đổi) được giới hạn bởi đường số 233 và đường Huế. Các chỉ giới và mốc giới được quy định chi tiết trong bảng số 1 và 2 kèm theo Nghị định.

• Trích biên bản phiên họp ngày 16-12-1936 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về thay đổi giới hạn khu Nghĩa trang người Âu. Theo đó, sẽ có những thay đổi như: Xóa bỏ đường số 191 kéo dài (đại lộ Hoàng Cao Khải cũ), đường số 236, 231, một phần đường số 232, 266 và những thay đổi giới hạn của các tuyến đường số 260 bis, 261, 230, 228, 224, 262, 227...

• Trích biên bản phiên họp ngày 16-12-1936 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về thay đổi giới hạn khu phố Sinh Từ. Theo đó sẽ có những thay đổi như: thay đổi giới hạn tuyến đường số 221, 220, 247, phố Đinh Tiên Hoàng (phố Trần Quý Cáp), đường số 256, 221 và xây dựng mới một đường rộng 20 mét nối trực tiếp đường Sinh Từ với đường Mandarine (một đoạn phố Lê Duẩn) và các thay đổi khác...

• Trích biên bản phiên họp ngày 16-12-1936 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc lập đường G giữa đường F và phố Lê Lợi (một đoạn phố Bà Triệu).

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Nghị định số 1065 A ngày 01-3-1937 của Thống sứ Bắc Kỳ phê chuẩn bản đồ xác định giới hạn đường G-2 và hai khu phố Sinh Từ và Nghĩa trang người Âu. Các bảng quy định chỉ giới và mốc giới được đính kèm Nghị định này. Bản vẽ chi tiết những thay đổi về giới hạn của khu phố Sinh Từ, tỷ lệ 1/1000. Bản vẽ được vẽ trên vải, các nét vẽ màu xanh là chỉ giới cũ, các nét vẽ màu đỏ là chỉ giới mới, các nét đứt là chỉ giới sẽ huỷ bỏ. Bản vẽ do Chánh Sở Công chính Thành phố thực hiện ngày 25-11-1936.
- Bản vẽ chi tiết những thay đổi về giới hạn của đường G2, tỷ lệ 1/500. Bản vẽ được vẽ trên vải, do Chánh Sở Công chính Thành phố thực hiện ngày 25-11-1936.
- Bản vẽ chi tiết những thay đổi về giới hạn của khu phố Nghĩa trang người Âu, tỷ lệ 1/1000. Bản vẽ được vẽ trên vải, các nét vẽ màu đỏ là chỉ giới mới, các nét đứt là chỉ giới sẽ huỷ bỏ. Bản vẽ do Chánh Sở Công chính Thành phố vẽ ngày 25-11-1936.
- Trích biên bản phiên họp ngày 23-11-1937 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về thay đổi giới hạn đường số 209.
- Nghị định số 3135/A ngày 23-6-1938 của Thống sứ Bắc Kỳ phê chuẩn bản đồ thay đổi giới hạn đường 209.
- Bản vẽ thay đổi giới hạn đường số 209, tỷ lệ 1/1000. Bản vẽ được vẽ trên vải, các nét vẽ màu đỏ là chỉ giới mới của đường 209. Bản vẽ được Thống sứ Bắc Kỳ thông qua ngày 23-6-1938.
- Nghị định số 2906/A ngày 15-6-1938 của Thống sứ Bắc Kỳ phê chuẩn bản đồ thay đổi giới hạn đường số 218 và 220 và lập mới đường 218^{bis}.
- Bản vẽ những thay đổi giới hạn của khu phố Chùa Tú Uyên, tỷ lệ 1/1000, được vẽ trên vải, các nét vẽ màu đỏ là chỉ giới mới của đường số 218 và 220. Bản vẽ được Thống sứ Bắc Kỳ thông qua ngày 15-6-1938.
- Biên bản phiên họp ngày 30-5-1940 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc thay đổi giới hạn khu phố Chùa Tú Uyên. Theo đó,

Hội đồng đề nghị xoá bỏ đường số 218 bis và lập lại đường 218 rộng 18 mét.

- *Nghị định số 4057/A ngày 03-8-1940 của Thống sứ Bắc Kỳ phê chuẩn bản đồ xác định giới hạn kèm theo Nghị quyết của Hội đồng Thành phố Hà Nội ngày 30-5-1940 xoá bỏ đường số 218 bis và lập lại đường số 218. Các chỉ giới và mốc giới được quy định chi tiết trong hai bảng kèm theo Nghị định.*

- *Bản vẽ những thay đổi về giới hạn đường số 218 và 218^{bis} thuộc khu phố Chùa Tú Uyên. Theo đó, đường số 218^{bis} sẽ được xoá bỏ và đường 218 cũ bị xoá bỏ, thay vào đó là đường 218 mới rộng 18 mét, nằm song song với đường 218 cũ. Bản vẽ được Thống sứ Bắc Kỳ thông qua ngày 3-8-1940.*

MHN - 4178



Rechargement de la rue Maréchal Joffre de la Ville de Hanoï 1925.

Rải đá phố Maréchal Joffre của Thành phố Hà Nội 1925.

Hồ sơ gồm 9 tờ trong đó có:

- *Báo cáo tại phiên họp thường kỳ của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc quân đội dự định nhượng phố Maréchal Joffre (phố Lý Nam Đế) cho Thành phố Hà Nội.*

- *Thư số 1719 ngày 26-9-1925 của Đốc lý Hà Nội gửi đại tá Chỉ huy trưởng Bộ Tư lệnh Pháo binh về chi phí bảo dưỡng đường Maréchal Joffre.*

Và các tài liệu khác...

SCDHN - 136

Acquisitions de terrains particuliers sis à la rue de Chanceaulme appartenant aux indigènes à Hanoï pour l'aménagement de cette rue 1925-1942.

Về việc Thành phố Hà Nội trưng mua tư thổ trên phố Chanceaulme của người bản xứ tại Hà Nội để quy hoạch đường phố này 1925-1942.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Hồ sơ gồm 191, trong đó có:

- Trích biên bản các phiên họp từ 1925-1935 của Hội đồng Thành phố Hà Nội thông qua việc ông, bà Bùi Xuân Dương, Đỗ Huy Khanh, Hà Ngọc Đống, Lưu Văn Thủy, Ngô Huy Văn, Nguyễn Bá Cán, Nguyễn Bá Tào, Nguyễn Thị Toàn, Nguyễn Văn Thanh, Nguyễn Văn Tương và Trần Văn Tường chuyển nhượng cho Công sản công dụng các mảnh đất số 290, 41, 444, 463, 142, 144, 323, 3231, 134, 464 và 170 khu S phố Chancelme (phố Triệu Việt Vương) để quy hoạch khu phố này, đồng thời cấp cho họ khoản tiền đền bù tương ứng với mỗi mảnh đất được chuyển nhượng (kèm theo bản vẽ các khu đất và hợp đồng chuyển nhượng).
- Và một số tài liệu khác như: cam kết, đơn xin trợ cấp tiền đền bù, đơn thư khiếu nại của các chủ sở hữu khi chuyển nhượng đất... từ 1925 đến 1942.

Toàn bộ tài liệu trong hồ sơ bằng chữ Pháp và chữ quốc ngữ.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

SCDHN - 239

Expropriation pour cause d'utilité publique des terrains et bâtiments pour l'élargissement de la rue des Graines 1925-1927.

Về việc trưng thu đất và nhà cửa để mở rộng phố Graines phục vụ lợi ích công cộng 1925-1927.

Hồ sơ gồm 196 tờ, trong đó có:

- Khiếu nại của một số người dân phố Graines (phố Hàng Đậu) có đất bị trưng thu làm đường yêu cầu được thanh toán tiền đền bù hoặc được đổi lấy khu đất khác (kèm theo bản vẽ một số khu đất).
- Nghị định số 142 ngày 31-3-1925 của Toàn quyền Đông Dương thông qua một số việc như sau:
 - Mở rộng phố Graines, phố Chanvre (phố Hàng Gai) và sắp xếp đại lộ Rollandes (phố Hai Bà Trưng) theo Nghị định ngày 29-4-1890.

- Sắp xếp đường số 96 (phố Trúc Bạch) theo Nghị định ngày 4-7-1903 của Thống sứ Bắc Kỳ.

- Sắp xếp các đường từ đại lộ Doudart de Lagrée (phố Hàm Long), đại lộ Armand Rousseau (phố Lò Đúc), đường Cimetière (phố Nguyễn Công Trứ) cho đến đường Huế (phố Huế). Độ rộng, việc đánh số và trục của các tuyến đường này được quy định phải phù hợp với các chỉ dẫn trong bảng I và II được đính kèm Nghị định.

• Nghị định số 3550 ngày 22-9-1925 của quyền Toàn quyền Đông Dương cho phép mở rộng phố Graines ra 20 mét từ Quai Clémenceau (phố Trần Nhật Duật) cho đến phố Papier (phố Hàng Giấy).

• Biên bản phiên họp ngày 18-12-1925 của Hội đồng Thành phố về việc lập danh sách 20 kỳ mục được lựa chọn làm thành viên hội đồng đặc biệt để giải quyết tiền phụ cấp đền bù do việc trưng thu đất phục vụ lợi ích công cộng gây nên.

• Sơ đồ mở rộng phố Graines do R. David, Chánh Sở Quản lý Đường bộ lập ngày 17-2-1925, được vẽ trên vải.

• Nghị định số 1351/A ngày 10-4-1926 của Thống sứ Bắc Kỳ về việc cán chuyển nhượng các ngôi nhà có tên trong sổ địa bạ của Thành phố, tại khu P để mở rộng phố Graines ra 20 mét. Theo đó, kể từ ngày 1-10-1926, Thành phố Hà Nội sẽ sở hữu các ngôi nhà này với điều kiện đã thanh toán hoặc ký gửi tiền. Khoản tiền này sẽ do Hội đồng trưng thu quy định hoặc theo thoả thuận (kèm theo danh sách các chủ sở hữu có đất cần trưng thu).

• Bản kê khai việc lựa chọn cư trú của các chủ sở hữu có đất bị trưng thu để mở rộng phố Graines phục vụ lợi ích công cộng.

• Sơ đồ mặt bằng tuyến phố Graines, khu P, tỷ lệ 1/500, kích thước 58 x 21,5cm, được vẽ trên giấy calque, trong đó chỉ ra những khu đất cần được trưng thu để mở rộng phố Graines.

Và một số tài liệu khác... Một số tài liệu trong hồ sơ này bằng chữ quốc ngữ và chữ Hán - Nôm.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

SCDHN - 421

Cession de terrain local sis à la rue Lambert et boulevard Rollandes par le Domaine local du Tonkin à la Ville d'Hanoï pour la construction d'un dispensaire municipal d'Hanoï 1925.

Về việc Công sản Bắc Kỳ nhượng cho Thành phố Hà Nội khu đất nằm trên phố Lambert và đại lộ Rollandes để xây dựng một phòng chữa bệnh của Thành phố 1925.

Hồ sơ gồm 40 tờ, trong đó có:

- Công văn trao đổi trong năm 1925 giữa Thống sứ Bắc Kỳ, Giám đốc Nha Y tế, Đốc lý Hà Nội về việc Công sản Bắc Kỳ chuyển nhượng miễn phí cho Thành phố phần đất thuộc tu viện dòng Các-men cũ nằm trên phố Lambert (phố Dã Tượng) và đại lộ Rollandes (phố Hai Bà Trưng) để xây dựng một phòng chữa bệnh của Thành phố.

- Hợp đồng chuyển nhượng và bản vẽ phần đất mà Công sản Bắc Kỳ đồng ý chuyển nhượng miễn phí cho Thành phố.

Và các tài liệu khác...

J - 347

BMHN, 1925, N° 4, p. 376.

Arrêté N° 131 du 31 mars 1925 du Gouverneur général de l'Indochine approuvant le plan d'alignement des voies existantes ou à créer dans le quartier de l'Hôpital militaire, compris entre le boulevard Gambetta, le quai Clémenceau, la voie 161 et le boulevard Armand Rousseau de la Ville de Hanoï.

Nghị định số 131 ngày 31-3-1925 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn mặt bằng tuyến những đường đã có hoặc lập mới trong khu Hôpital militaire (khu Bệnh viện Quân đội) đoạn từ đại lộ Gambetta, Quai Clémenceau, đường số 161 đến đại lộ Armand Rousseau của Thành phố Hà Nội.

Nghị định gồm 5 điều, phê chuẩn mặt bằng tuyến những đường đã có hoặc lập mới trong khu Hôpital militaire đoạn từ đại lộ Gambetta (phố Trần Hưng Đạo), Quai Clémenceau (phố Trần Nhật Duật), đường số 161 đến đại lộ Armand Rousseau (phố Lò Đúc) của Thành phố Hà Nội. Chiều rộng, việc đánh số và trục của những con đường này được quy định phải phù hợp với những chỉ dẫn trong bảng I và II đính kèm theo Nghị định.

J - 1121

JOIF, 1925, N° 27, p.65.

Arrêté du 31-3-1925 du Gouverneur général de l'Indochine approuvant le plan d'alignement des voies existantes ou à créer dans le quartier de l'Hôpital militaire, compris entre le boulevard Gambetta, le quai Clémenceau, la voie 161 et le boulevard Armand Rousseau de la Ville de Hanoi.

Nghị định ngày 31-3-1925 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn bản đồ xác định giới hạn các con đường đã tồn tại và các đường sẽ xây dựng trong khu phố Bệnh viện Quân đội, nằm trong khu vực giữa đại lộ Gambetta (phố Trần Hưng Đạo), quai Clémenceau (phố Trần Nhật Duật), đường số 161 và đại lộ Armand Rousseau (phố Lò Đúc) ở Thành phố Hà Nội.

Nghị định gồm 5 điều và 2 bảng tên các đường phố mới kèm theo. Theo Nghị định này, Thành phố sẽ xây dựng 24 đường mới theo các chỉ giới được quy định chi tiết trong hai bảng đính kèm. Các đường phố mới gồm đường Nghĩa Trang (phố Nguyễn Công Trứ), đường số 10 (đường số 10 sau được đặt tên là phố Général Beylié, rồi đổi tên thành phố Lê Quý Đôn, nay là phố Hàng Chuối) và 22 đường được đánh số từ số 145 đến số 166.

J - 1121

JOIF, 1925, N° 27, p. 658.

Arrêté du 31-3-1925 du Gouverneur général de l'Indochine approuvant:

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- *L'élargissement de la rue des Graines, de la rue du Chanvre, du boulevard Rollandes prolongé.*
- *Les modifications apportées à la voie 96.*
- *Le classement des voies entre le boulevard Doudard de Lagrée, le boulevard Armand Rousseau, la route du Cimetière et la route de Hué de la Ville de Hanoï.*

Nghị định ngày 31-3-1925 của Toàn quyền Đông Dương thông qua các vấn đề:

- *Mở rộng phố Graines (phố Hàng Đậu), Chanvre (phố Hàng Gai) và đại lộ Rollandes (phố Hai Bà Trưng) kéo dài.*
- *Những thay đổi của đường 96 (một đoạn phố Châu Long).*
- *Sắp xếp các con đường nằm giữa đại lộ Doudard de Lagrée (phố Hàm Long), đại lộ Armand Rousseau (phố Lò Đúc), đường Nghĩa trang (phố Nguyễn Công Trứ), đường Hué (phố Huế).*
- *Những thay đổi về chỉ giới của các đường phố trên được quy định trong trong hai bảng đính kèm Nghị định.*

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

RST - 58.283

Au sujet de l'alignement de la rue Larrivé 1926.

Về việc xác định giới hạn phố Larrivé 1926.

Hồ sơ gồm 9 tờ và 3 bản vẽ:

- *Nghị định số 158 ngày 19-2-1926 của Đốc lý Hà Nội xác định giới hạn phố Larrivé (đường Nghĩa trang cũ nay là phố Nguyễn Công Trứ), phần liên quan đến đất của bà Loisy, một bản vẽ tỷ lệ 1/500, kích thước 21 x 30cm kèm theo.*
- *Nghị định số 159 ngày 19-2-1926 của Đốc lý Hà Nội xác định giới hạn phố Larrivé, phần liên quan đến đất của ông Hoàng Văn Hoàn, một bản vẽ tỷ lệ 1/500, kích thước 21 x 30cm kèm theo.*
- *Nghị định số 160 ngày 19-2-1926 của Đốc lý Hà Nội xác định giới hạn phố Larrivé, đường Nghĩa trang cũ, phần liên quan đến đất*

của bà Nguyễn Thị Cả, một bản vẽ tỷ lệ 1/500, kích thước 21 x 30cm kèm theo.

RST - 58274

Au sujet d'alignement et de nivellement des quartiers de la Ville de Hanoï 1926-1932.

Về việc xác định giới hạn và san đường của các khu phố ở Thành phố Hà Nội 1926-1932.

Hồ sơ gồm 39 tờ và 8 bản vẽ, trong đó có:

- *Trích biên bản phiên họp ngày 30-8-1926 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về bản vẽ xác định giới hạn và san đường của khu phố Sinh Từ và những thay đổi về giới hạn đường của khu phố Hoà Mã và quảng trường Cột cờ.*
- *Trích biên bản phiên họp ngày 30-8-1926 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về bản vẽ xác định giới hạn phố Llonde (phố Cấm Chỉ), phố Nouvelle (sau đổi tên thành phố Gaston Hillaret, rồi đổi tên thành phố Capitel Bruisseau, phố Bùi Bá Kỳ, phố Kỳ Đống và nay là phố Tống Duy Tân), khu phố Bệnh viện Quân đội và khu Abattoir (khu lò mổ lợn của Thành phố).*
- *Bảng chỉ dẫn về các chỉ số để san đường ở khu phố Sinh Từ ngày 30-8-1926, đã được Đốc lý Hà Nội và Thống sứ Bắc Kỳ phê chuẩn.*
- *Công văn số 1754/V ngày 30-10-1926 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ để nghị phê chuẩn Nghị quyết ngày 30-8-1926 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc xác định giới hạn đường của các khu phố ở Hà Nội.*
- *Bảng chỉ dẫn về các chỉ số để san đường ở khu phố Sinh Từ (phố Nguyễn Khuyến) ngày 29-1-1932, đã được Đốc lý Hà Nội và Thống sứ Bắc Kỳ phê chuẩn.*

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Bản vẽ giới hạn phố Llonde và phố Nouvelle, kích thước 44 x 30,5cm, tỷ lệ 1/500, do Giám đốc Sở Quản lý Đường bộ Hà Nội vẽ ngày 30-7-1926, đã được Đốc lý Hà Nội phê chuẩn.
- Bản vẽ xác định giới hạn khu phố Chợ (phố Chợ Đồng Xuân), kích thước 53 x 44cm, tỷ lệ 1/1000, do Giám đốc Sở Quản lý Đường bộ Hà Nội vẽ ngày 30-8-1926, đã được Đốc lý Hà Nội phê chuẩn.
- Bản vẽ xác định giới hạn khu phố Sinh Từ, kích thước 110 x 92cm, tỷ lệ 1/1000, do Giám đốc Sở Quản lý Đường bộ Hà Nội vẽ ngày 30-8-1926, đã được Đốc lý Hà Nội phê chuẩn.
- Bản vẽ giới hạn khu phố nằm giữa đường Hué (phố Hué), đại lộ Doudart de Lagrée (phố Hàm Long), đại lộ Armand Rousseau (phố Lò Đúc), đường Nghĩa Trang (phố Nguyễn Công Trứ), kích thước 90 x 77cm, tỷ lệ 1/1000, do Giám đốc Sở Quản lý Đường bộ Hà Nội vẽ ngày 30-8-1926, đã được Đốc lý Hà Nội phê chuẩn.
- Bản vẽ giới hạn khu phố Bệnh viện và khu Abattoir, kích thước 75,5 x 55cm, tỷ lệ 1/1000, do Giám đốc Sở Quản lý Đường bộ Hà Nội vẽ ngày 30-8-1926, đã được Đốc lý Hà Nội phê chuẩn.
- Bản vẽ san đường khu phố Sinh Từ, kích thước 10,2 x 94cm, tỷ lệ 1/1000, do Giám đốc Sở Quản lý Đường bộ Hà Nội vẽ ngày 30-8-1926, đã được Đốc lý Hà Nội phê chuẩn.
- Bản vẽ san đường khu phố Sinh Từ, kích thước 96 x 100cm, tỷ lệ 1/1000, do Giám đốc Sở Quản lý Đường bộ Hà Nội vẽ ngày 29-1-1932, đã được Đốc lý Hà Nội phê chuẩn.
- Bản vẽ dự kiến thay đổi khu Cột cờ, kích thước 70 x 47cm, do Giám đốc Sở Quản lý Đường bộ Hà Nội vẽ trên vải ngày 30-8-1925, đã được Đốc lý Hà Nội phê chuẩn.

RST - 58861

Aménagement, embellissement et extention des Villes 1926.

Quy hoạch, làm đẹp và mở rộng các thành phố 1926.

Hồ sơ gồm 170 tờ, trong đó có:

- Dự thảo Sắc lệnh liên quan đến quy hoạch, làm đẹp và mở rộng các thành phố ở Đông Dương. Dự thảo Sắc lệnh gồm 18 điều, dày 29 trang. Điều 1 của dự thảo quy định tất cả các thành phố 10.000 dân trở lên, đã được nâng thành thành phố cấp 1, ngoài việc có bản vẽ giới hạn chung, phải có bản kế hoạch chỉnh trang, làm đẹp và mở rộng thành phố. Dự thảo đưa ra các quy định để tiến hành lập kế hoạch quy hoạch, làm đẹp và mở rộng thành phố. Tuy nhiên, dự thảo này có nhiều chỗ phải sửa đổi, bổ sung.

- Dự thảo Sắc lệnh liên quan đến thành lập các tổ chức đại diện cho các nghiệp đoàn trong khu vực thành phố để thực hiện các bản vẽ xác định giới hạn, mở rộng, chia lô đất, chỉnh trang và sửa chữa đường, hè, rãnh và cống. Dự thảo gồm 17 điều, dày 14 trang quy định:

- Cách thức thành lập các nghiệp đoàn: Theo dự thảo, một tổ chức đại diện cho các nghiệp đoàn ở thành phố được thành lập theo ý tưởng của người đứng đầu chính quyền thành phố hoặc địa phương hoặc theo đề nghị của các nghiệp đoàn. Sau khi nghiên cứu, người đứng đầu chính quyền thành phố hoặc địa phương sẽ cho thiết lập bản vẽ giới hạn khu vực và lập dự thảo điều lệ trong đó xác định mục tiêu của tổ chức cũng như các quy định về tổ chức và hoạt động. Bản vẽ và dự thảo điều lệ của tổ chức được đệ trình lên Đốc lý để xem xét. Một Đại hội đồng thành viên phải họp để bỏ phiếu thông qua dự thảo điều lệ và bổ nhiệm thành viên của nghiệp đoàn.

- Hiệu lực pháp lý của việc thành lập nghiệp đoàn: Theo quy định tại điều 6 của dự thảo Sắc lệnh, không một công trình nào được phép xây dựng trên khu đất đã được giới hạn trong bản vẽ giới hạn khu vực của nghiệp đoàn; công việc sửa chữa các công trình đã tồn tại trong khu vực đó phải xin phép chính quyền địa phương.

- Bổ nhiệm Ủy ban nghiệp đoàn: tại điều 8 của dự thảo, một Ủy ban đại diện cho nghiệp đoàn sẽ được thành lập từ 4 đến 8 thành viên do

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Đại hội đồng thành viên bầu ra. Mục đích hoạt động của Hội đồng này là đưa ra các đề xuất cho nghiệp đoàn liên quan đến những thay đổi về bất động sản, điều chỉnh và bảo dưỡng đường xá...

- Công văn số 56/A ngày 9-1-1926 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ đệ trình dự thảo Sắc lệnh liên quan đến quy hoạch và mở rộng thành phố.

- Công văn số 105/A ngày 14-4-1926 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương về việc nghiên cứu 2 dự thảo Sắc lệnh nói trên.

Và các tài liệu khác...

SCDHN - 476

Elargissement de la rue des Tubercules de Hanoï par la Ville de Hanoï 1926-1930.

Thành phố Hà Nội mở rộng phố Tubercules 1926-1930.

Hồ sơ có 24 tờ, gồm:

- Sổ kê khai việc lựa chọn cư trú của các chủ sở hữu có đất bị trưng thu để mở rộng phố Tubercules (phố Hàng Khoai) ra 12 mét (kết quả cuộc điều tra lần 1).

- Nghị định ngày 27-8-1927 của Toàn quyền Đông Dương cho phép mở rộng phố Tubercules ra 12 mét.

- Danh sách các chủ sở hữu có đất bị trưng thu để mở rộng phố Tubercules.

- Sơ đồ mặt bằng tuyến phố Tubercules, tỷ lệ 1/500, kích thước 84,5 x 29,5cm được vẽ trên giấy calque.

- Và một số tài liệu khác như yết thị, thư từ trao đổi giữa Đốc lý Hà Nội và luật sư bào chữa về việc buộc phải trục xuất những chủ sở hữu không chịu giải phóng phần đất thuộc diện trưng thu theo phán quyết của Tòa án dân sự Hà Nội ngày 17-3-1928...

Trong hồ sơ có một số tài liệu bằng chữ Hán - Nôm và chữ quốc ngữ.

SCDHN - 511

L'élargissement et prolongement de la voie N° 19, Ville de Hanoï 1926-1931.

Về việc mở rộng và kéo dài đường số 19, Thành phố Hà Nội 1926-1931.

Hồ sơ gồm 66 tờ, trong đó có:

- Nghị định ngày 27-8-1927 của Toàn quyền Đông Dương cho phép mở rộng đường số 19 từ phố Eventails (phố Hàng Quạt) cho đến đại lộ Beauchamp (phố Lê Thái Tổ) ra 12 mét, phục vụ lợi ích công cộng.

- Nghị định số 419/A ngày 2-2-1928 của quyền Thống sứ Bắc Kỳ về việc cần chuyển nhượng một số công thự thuộc khu C Thành phố Hà Nội để mở rộng đường số 19 ra 12 mét (đường số 19 là phố Hàng Cân kéo dài, được đặt tên là phố Lê Lợi, sau đổi tên thành phố Lê Quý Đôn và nay là phố Lương Văn Can), kèm theo sổ đăng ký việc lựa chọn cư trú của các chủ sở hữu có đất bị trưng thu để mở rộng đường số 19, trong cuộc điều tra lần 1 và lần 2, và bản vẽ các thửa đất cần trưng thu.

Và một số tài liệu khác như danh sách các chủ sở hữu có đất bị trưng thu để làm thẳng và kéo dài các phố Chanvre (phố Hàng Gai), phố Tirant (phố Gia Ngư), đường số 18 (sau được đặt tên là phố Galet và nay là phố Lương Ngọc Quyến) và mặt bằng tuyến đường số 18 được dự kiến mở rộng...

SCDHN - 562

Echange de terrains sis à la voie N° 110 d'Hanoï entre la Ville de Hanoï et Busy Léon, sous intendant militaire en retraite domicilié à Paris, France, Tran Mau Lam, Vu Dinh Loi, Vu Dinh Le domiciliés dans la Ville d'Hanoï 1926-1930.

Về việc Thành phố Hà Nội trao đổi đất trên đường số 110 với ông Busy Léon, một nhân viên hậu cần đã nghỉ hưu sống tại Paris (Pháp) và các ông Trần Mậu Lâm, Vũ Đình Lợi và Vũ Đình Lễ sống tại Thành phố Hà Nội 1926-1930.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

• Hồ sơ có 39 tờ, gồm thư từ trao đổi, trích biên bản các cuộc họp của Hội đồng Thành phố Hà Nội trong thời gian từ 1926-1930... về việc Thành phố đổi thửa đất số 221 khu I lấy thửa đất số 2211 và 222 cũng thuộc khu I của ông Busy Léon; và đổi thửa số 2411 và 233/1 lấy thửa số 2231 của ông Trần Mậu Lâm và số 224 của các ông Vũ Đình Lợi và Vũ Đình Lễ để mở rộng đường số 110 ra 20 mét (đường số 110 được đặt tên là phố Herel de Brisis, sau đổi tên thành phố Lạc Long Quân và nay là phố Thi Sách), có kèm theo hợp đồng trao đổi đất và bản vẽ các thửa đất.

Và một số tài liệu khác...

RST - 58201

Plans d'alignement de la rue Maréchal Joffre, des voies N° 236, 237, 197 et 230 de la Ville de Hanoi 1927-1935.

Bản vẽ xác định giới hạn phố Maréchal Joffre, đường số 236, 237, 197 và 230 của Thành phố Hà Nội 1927-1935.

Hồ sơ gồm 81 tờ và 6 bản vẽ, trong đó có:

Về giới hạn đường số 197 và 230:

- Nghị định số 2322 ngày 13-5-1929 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn bản vẽ xác định giới hạn các đường chính của khu hồ Bảy Mẫu, trong đó có đường số 197 (đường này sau được đặt tên là phố Chapuis, sau đổi tên thành phố Đội Cung, nay là phố Thái Phiên), ngõ Nam Ngự và đường số 110^{bis}. Theo bảng chỉ giới đính kèm Nghị định này, đường số 197 được xác định, từ đường số 198 đến đường Huế (phố Duy Tân, nay là phố Huế), dài 454 mét, cắt các con đường số 199, 75, 200 và phố Chanceaulme (phố Triệu Việt Vương).
- Bản calque chỉ giới đường khu Hồ Bảy Mẫu năm 1929, trong đó có đường số 197, kích thước 30 x 65cm, tỷ lệ 1/1000.
- Nghị định số 470 ngày 20-1-1930 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn bản vẽ xác định giới hạn các đường chính của khu phố

Nghĩa trang người Âu, trong đó có đường số 230. Theo bảng chỉ giới đính kèm Nghị định này, đường số 230 được xác định từ đường Huế (phố Duy Tân, nay là phố Huế) đến đường số 263, dài 545 mét, cắt các đường số 233, 260, 261, 262.

- Bản calque chỉ giới các đường khu Nghĩa trang người Âu năm 1929, trong đó có đường số 230 (đường này sau được mang tên là phố Chùa Vua, nay là phố Trần Cao Vân), kích thước 30 x 41cm, tỷ lệ 1/1000.
- Trích biên bản phiên họp ngày 30-9-1934 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc đề xuất những thay đổi về chỉ giới đường số 197 và 230. Chỉ giới hai đường này đã được phê chuẩn năm 1929 (đường số 197), năm 1930 (đường số 230).
- Bản vẽ thay đổi chỉ giới đường 197 và 230, kích thước 30 x 90 cm, tỷ lệ 1/1000, do Chánh Sở Công chính Thành phố Hà Nội vẽ trên vải ngày 29-8-1934, đã được Đốc lý Hà Nội và Thống sứ Bắc Kỳ phê chuẩn.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Về giới hạn đường số 236 và 237:

- Nghị định ngày 11-2-1927 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn bản vẽ xác định giới hạn các đường phố, trong đó có đường số 236 và 237. Theo bảng chỉ giới đính kèm, đường số 236 được xác định từ đường số 237 đến đường Sinh Từ, dài 199 mét, cắt các đường số 255 và 245. Đường số 237 (chia làm hai đoạn) được xác định từ đường số 243 đến đường số 245 rồi tiếp tục đến trước nhà Ga, dài 278 mét, cắt các đường số 236, 256, 257.
- Bản calque chỉ giới các đường khu phố Sinh Từ (phố Nguyễn Khuyến) năm 1926, trong đó có đường số 236, 237, kích thước 30 x 42cm, tỷ lệ 1/1000.
- Trích biên bản phiên họp ngày 30-8-1934 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc đề xuất những thay đổi về chỉ giới đường số 236 và 237. Chỉ giới hai con đường này đã được phê chuẩn năm 1927.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Bản vẽ giới hạn đường 263 và 237. kích thước 40,5 x 75 cm, tỷ lệ 1/1000, do Chánh Sở Công chính Thành phố Hà Nội vẽ trên vải ngày 29-8-1934, đã được Đốc lý Hà Nội và Thống sứ Bắc Kỳ phê chuẩn.

Về giới hạn phố Maréchal Joffre (phố Lý Nam Đế):

- Trích biên bản phiên họp ngày 26-2-1930 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc quân đội chuyển nhượng phố Maréchal Joffre cho Thành phố Hà Nội.
- Nghị định ngày 5-4-1934 của Toàn quyền Đông Dương ban bố Sắc lệnh ngày 26-1-1934 tại Đông Dương. Sắc lệnh này phê chuẩn hiệp ước ngày 24-11-1930 quy định điều kiện nhượng đất thuộc sở hữu của quân đội ở Hà Nội cho Thành phố Hà Nội để mở rộng đường Maréchal Joffre.
- Bản vẽ xác định giới hạn phố Maréchal Joffre do Chánh Sở Công chính Thành phố Hà Nội vẽ ngày 29-8-1934, đã được Đốc lý Hà Nội và Thống sứ Bắc Kỳ phê chuẩn, kích thước 30,5 x 258cm, tỷ lệ 0,002 pm.

Những thay đổi cho cả 5 đường và phố nói trên:

- Nghị định số 4186 ngày 27-10-1934 của Thống sứ Bắc Kỳ phê chuẩn bản vẽ xác định giới hạn phố Maréchal Joffre, các đường số 236, 237, 197 và 230. Chỉ giới các đường phố này được quy định trong bảng 1 đính kèm Nghị định. Theo đó:
 - Phố Maréchal Joffre được xác định từ đại lộ Carnot (phố Phan Đình Phùng) đến đại lộ Félix Faure (phố Trần Phú), dài 1103 mét, cắt hai đại lộ République (phố Hoàng Văn Thụ) và đại lộ Général Bichot (phố Cửa Đông).
 - Đường số 236 được xác định từ đường Sinh Từ đến đường 237, dài 204 mét, cắt đại lộ Carreau (phố Lý Thường Kiệt).
 - Đường số 237 được xác định từ đường số 243 đến đại lộ Francis Garnier (phố Đinh Tiên Hoàng), dài 267 mét, cắt đại lộ Carreau, đường 236 và đường 256.

Phần II. QUY HOẠCH - XÂY DỰNG

- Đường số 197 được xác định từ đường 198 đến đường Hué (phố Duy Tân, nay là phố Hué), dài 455 mét, cắt các đường số 198^{bis}, 199, 75, phố Chanceaulme và phố Charron (phố Mai Hắc Đế).
- Đường số 230 (phần được chỉnh sửa) được xác định từ đường số 233 đến đường Hué, dài 71 mét, cắt các đường số 198^{bis}, 199, 75, phố Chanceaulme và phố Charron.

RST - 58409

Déclaration d'utilité publique et autorisation des travaux d'élargissement des voies à Hanoï 1927-1928.

Công bố và cho phép mở rộng đường ở Hà Nội 1927-1928.

Hồ sơ gồm 91 tờ và 4 bản đồ:

- Báo cáo ngày 28-5-1926 trình bày trước Hội đồng Thành phố Hà Nội của Đốc lý Hà Nội về vấn đề cải chỉnh để chỉnh trang Thành phố Hà Nội. Hội đồng đã nhất trí dự chi cho các công việc như rải nhựa đường, xây dựng cống, làm rãnh bên lề đường, mở rộng chợ và phố Tubercules (phố Hàng Khoai), phố Chanvre (phố Hàng Gai), đường số 19 (phố Lương Văn Can), phố Laque (phố Chả Cá), chỉnh trang Port de Commerce và khu phố Hoà Mã. Tổng số tiền dự chi cho các công việc trên là 1.000.000 đồng Đông Dương.
- Nghị định số 636-S ngày 27-8-1927 của Toàn quyền Đông Dương công bố và cho phép mở rộng phố Laque thành 12 mét, nằm giữa phố Phúc Kiến (phố Lãn Ông) và phố Changeurs (phố Hàng Bạc).
- Bản đồ xác định chỉ giới mở rộng phố Laque kích thước 77 x 30cm, tỷ lệ 1/500.
- Nghị định số 637-S ngày 27-8-1927 của Toàn quyền Đông Dương công bố và cho phép mở rộng đường số 19 thành 12 mét, nằm giữa phố Eventails (phố Hàng Quạt) và đại lộ Beauchamp (phố Lê Thái Tổ).

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Bản vẽ xác định chỉ giới mở rộng đường số 19, kích thước 101 x 30cm, tỷ lệ 1/500.
 - Nghị định số 638-S ngày 27-8-1927 của Toàn quyền Đông Dương công bố và cho phép mở rộng các đường số 109 (đường này là đại lộ Henri Rivière kéo dài, sau được mang tên là phố Jacquin, nay là phố Ngô Thì Nhậm), 110 (phố Thi Sách), 111 (sau được đặt tên là phố Laveran và nay là phố Lê Văn Hưu), 112 (sau được mang tên là phố Harmand và nay là phố Trần Xuân Soạn), 113 (phố Hoà Mã) thành 20 mét, và đường số 167 (sau được đặt tên là phố Luro rồi đổi thành phố Lữ Gia và nay là phố Lê Ngọc Hân) thành 14 mét.
 - Bản vẽ xác định chỉ giới mở rộng đường số 110 và 111 khu Hoà Mã, kích thước 55,5 x 30cm, tỷ lệ 1/1000.
 - Nghị định số 639-S ngày 27-8-1927 của Toàn quyền Đông Dương công bố và cho phép mở rộng phố Tubercules thành 12 mét.
 - Bản vẽ xác định chỉ giới mở rộng phố Tubercules, kích thước 87 x 30cm, tỷ lệ 1/500.
 - Nghị định số 419/A ngày 2-2-1928 của Thống sứ Bắc Kỳ công bố cần mua nhà của một số chủ sở hữu để mở rộng đường số 19.
 - Nghị định số 420/A ngày 2-2-1928 của Thống sứ Bắc Kỳ công bố cần mua nhà của một số chủ sở hữu để mở rộng phố Laque.
 - Nghị định số 421/A ngày 2-2-1928 của Thống sứ Bắc Kỳ công bố cần mua nhà của một số chủ sở hữu để mở rộng phố Tubercules.
 - Nghị định số 425/A ngày 2-2-1928 của Thống sứ Bắc Kỳ công bố cần mua nhà của một số chủ sở hữu để mở rộng đường số 110 và 111 của khu phố Hoà Mã.
- Và những tài liệu khác...

MHN - 4180

Division des rues et avenues en secteurs de surveillance et d'entretien de la Ville de Hanoï 1927.

Phân chia các đường phố thành các khu vực giám sát và bảo dưỡng ở Hà Nội 1927.

Hồ sơ gồm danh sách các đường phố có 21 tờ được chia thành 3 khu vực có chỉ dẫn về chiều dài các con đường, chiều dài các đoạn đã rải đá và các đoạn chưa rải đá.

SCDHN - 295

Achat de 8m² de terrain de la maison N° 7 rue Jean Dupuis appartenant à Luc Van Ty domicilié à Hanoï par la Ville de Hanoï en vue d'élargir le trottoir de la rue 1927-1929.

Thành phố Hà Nội mua 8m² đất ngôi nhà số 7 phố Jean Dupuis của Lục Văn Ty sống tại Hà Nội để mở rộng hành lang đường phố này 1927-1929.

Hồ sơ gồm 14 tờ, trong đó có:

- *Trích biên bản phiên họp ngày 26-11-1928 của Hội đồng Thành phố Hà Nội thông qua việc Thành phố mua lại của Lục Văn Ty 8m² đất phố Jean Dupuis (phố Hàng Chiếu) với giá 84 đồng để mở rộng hành lang tuyến phố này (kèm theo hợp đồng chuyển nhượng và bản vẽ khu đất).*
- *Đơn xin cấp tiền đền bù của Lục Văn Ty gửi Đốc lý Hà Nội.*

SCDHN - 393

Expropriation d'immeubles appartenant aux indigènes domiciliés à Hanoï pour l'aménagement du Quartier du Grand Marché de Dong Xuan par la Ville d'Hanoï 1927-1930.

Thành phố Hà Nội trưng thu một số ngôi nhà của dân bản xứ sống tại Hà Nội để quy hoạch khu phố Grand Marché 1927-1930.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Hồ sơ gồm 185 tờ, trong đó có:

- Nghị định ngày 11-2-1927 của quyền Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn mặt bằng tuyến dinh kèm theo nghị quyết của Hội đồng Thành phố Hà Nội ngày 30-8-1926 về việc sắp xếp và quy định tuyến phố Llonde (phố Cấm Chi) và phố Nouvelle (phố Tống Duy Tân), những tuyến đường hiện có hoặc cần lập mới tại khu Grand Marché (khu chợ Đống Xuân) và khu Sinh Từ (phố Sinh Từ); sửa đổi mặt bằng tuyến phố Hoà Mã, khu Hôpital (khu Bệnh viện), khu Abattoir (khu lò mổ lợn của Thành phố) và khu Gouvernement général (khu Phủ Toàn quyền).
- Trích biên bản phiên họp ngày 21-11-1927 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc quy hoạch khu Grand Marché bằng việc kéo dài phố Duranton (phố Nguyễn Thiếp), đường số 23 (đường này được đặt tên là phố Lataste sau gộp với phố Nguyễn Duy Hàn thành phố Hàng Giấy ngày nay), ở phía bên kia phố Tubercules (phố Hàng Khoai) cho đến phố Jean Dupuis (phố Hàng Chiếu) và mở lối cho một đường mới số 254 (đường này sau được đặt tên là phố Grappin, rồi đổi tên là phố Nguyễn Cảnh Chân và nay là phố Cao Thắng), nối liền phố Duranton kéo dài với Quai Clémenceau (phố Trần Nhật Duật). Điều này buộc Thành phố phải trưng dụng những khu đất tiếp giáp với chợ và thuộc phần đất sở hữu của Công ty Sợi Bắc Kỳ.
- Nghị định số 949 ngày 28-2-1928 của quyền Toàn quyền Đông Dương cho phép mở rộng đường số 23 ra 12 mét, ngõ Thanh Hà 10 mét và đường số 254 là 16 mét theo tuyến đường mới để phục vụ lợi ích công cộng.
- Các giấy tờ, công văn trao đổi từ 1927-1930 liên quan đến việc Thành phố Hà Nội trưng thu các khu đất số 246, 247, 248, 249, 298, 300, 304 và 305 thuộc khu A của các ông, bà Daurelle René, Hoàng Thị Chinh, Đỗ Văn Gị, Hoàng Thị Huế, Ngõ Như Tuy, A. Can, Trịnh Văn Tích và Trịnh Văn Cấu để quy hoạch chợ Đống Xuân và mở một

số đường trong khu phố này (kèm theo bản vẽ mặt bằng tuyến khu Grand Marché, khu A...).

Và một vài tài liệu khác...

SCDHN - 563

Achat de terrains de Rochat (Mandataire des héritiers Loiry) sis au quartier de Hoa Ma d'Hanoi par la Ville d'Hanoi 1927-1928.

Thành phố Hà Nội mua đất của Rochat (người được uỷ quyền thừa kế của gia đình Loiry) trên khu Hoà Mã, Hà Nội 1927-1928.

Hồ sơ có 8 tờ, gồm Nghị định số 388 ngày 26-11-1927 của Đốc lý Hà Nội, các thông đạt của Hội đồng Trưng thu... liên quan đến việc ông Rochat chuyển nhượng thửa đất số 140 khu I phố Hoà Mã để mở rộng và làm thẳng các tuyến đường số 110 (phố Thi Sách) và 112 (đường này sau được mang tên phố Harmand, rồi đổi tên thành phố Trần Thánh Tông, nay là phố Trần Xuân Soạn), có kèm theo bản vẽ thửa đất.

[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](https://bookykhoea.com)

SCDHN - 575

Echange et achat de terrains sis à la voie N° 167 entre la Ville de Hanoi et Dang Xuan Hoanh, Tran Dinh Binh, Tran Dinh Quan 1927-1943.

Về việc trao đổi và mua đất trên đường số 167 giữa Thành phố Hà Nội và Đặng Xuân Hoành, Trần Đình Bình, Trần Đình Quán 1927-1943.

• *Hồ sơ có 16 tờ, gồm: thư từ trao đổi, trích biên bản các phiên họp của Hội đồng Thành phố Hà Nội... từ 1927-1943 về việc Thành phố đổi thửa đất số 251 lấy thửa đất số 243 của ông Đặng Xuân Hoành và trưng mua thửa số 247 khu I của các ông Trần Đình Bình và Trần Đình Quán để mở rộng đường số 167 ra 14 mét (đường số 167 sau được mang tên là phố Luro, rồi đổi thành phố Lữ Gia, nay là phố Lê Ngọc Hân). có kèm theo các hợp đồng trao đổi, trưng mua đất và bản vẽ các thửa đất.*

Và một số tài liệu khác...

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

SCDHN - 908

Au sujet de l'élargissement de la ruelle de Sinh Tu et ouverture de la voie N° 236 à Hanoï 1927-1928.

Về việc mở rộng ngõ Sinh Từ và mở đường số 236 tại Hà Nội 1927-1928.

Hồ sơ gồm 12 tờ, trong đó có:

- *Nghị định ngày 11-2-1927 của quyền Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn các mặt bằng tuyến kèm theo nghị quyết của Hội đồng Thành phố Hà Nội ngày 30-8-1926, về việc:*
 - *Sắp xếp và quy định các tuyến phố Llonde (phố Cấm Chi) và phố Nouvelle (phố Tống Duy Tân), các đường hiện có hoặc lập mới trong khu Grand Marché (khu chợ Đồng Xuân) và trong khu phố Sinh Từ (phố Nguyễn Khuyến).*
 - *Quy định việc sửa đổi các mặt bằng tuyến phố Hoà Mã, khu Hôpital (khu Bệnh viện), khu Abattoir (khu lò mổ lợn của Thành phố) và khu Gouvernement général (khu Phủ Toàn quyền). Độ rộng và việc đánh số, trục của các tuyến đường này được quy định phải phù hợp với các chỉ dẫn trong các bảng kèm theo nghị quyết.*
- *Trích biên bản phiên họp ngày 30-5-1928 của Hội đồng Thành phố quy định khoản tiền đền bù di dời cho những người thuê công thổ tại khu phố Sinh Từ.*
- *Danh sách các đường hiện có cần được sắp xếp và đường cần lập mới trong khu phố Sinh Từ.*
- *Khiếu nại của một số người dân sống tại khu phố Sinh Từ gửi Đốc lý Hà Nội năm 1928 đòi được thanh toán tiền đền bù di dời xứng đáng.*
- *Bản vẽ khu phố Sinh Từ, tỷ lệ 1/500, kích thước 42,5 x 40,5cm, trên giấy calque.*

J - 1131

JOIF, 2^e semestre 1927, N^o 74, p. 2434-2435.

Arrêtés du 27-8-1927 du Gouverneur général de l'Indochine déclarant d'utilité publique l'extension:

- à 12m des rues de la Laque, des Tubercules et de la voie N^o 19.
- à 20m des voies N^o 109, 110, 111, 112, 113.
- à 14m de la voie N^o 167

Nghị định ngày 27-8-1927 của Toàn quyền Đông Dương thông báo việc mở rộng:

- phố Laque (phố Chả Cá), Tubercules (phố Hàng Khoai) và đường số 19 (phố Lương Văn Can) thành 12 mét.
- các đường số 109 (phố Ngô Thì Nhậm), 110 (phố Thi Sách), 111 (phố Lê Văn Hưu), 112 (phố Trần Xuân Soạn), 113 (phố Hoà Mã) thành 20 mét.
- đường số 167 (phố Lê Ngọc Hân) thành 14 mét.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

J - 1129

JOIF, 1927, N^o 15, p. 522-532.

Arrêté du 11-2-1927 du Gouverneur général de l'Indochine approuvant les plans d'alignement annexés à la délibération du 30-8-1926 du Conseil municipal de Hanoï portant classement et fixation des alignements de certaines rues de Hanoï.

Nghị định ngày 11-2-1927 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn bản đồ xác định giới hạn đường kèm theo Nghị quyết phiên họp ngày 30-8-1926 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc sắp xếp và xác định chỉ giới một số phố ở Hà Nội.

Nghị định gồm 6 điều, quy định chi tiết những thay đổi về chỉ giới của các đường phố: Llonde (ngõ Cấm Chỉ), Nouvelle (phố Tống Duy Tân), các khu phố Grand Marché (khu Chợ Đồng Xuân), Sinh

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Từ (phố Nguyễn Khuyến), Hoà Mã, khu Bệnh viện và khu Abattoir (khu lò mổ lợn của Thành phố) và đường 142 (Ông Ích Khiêm) ở khu phố Phủ Toàn quyền.

Có 14 bảng chỉ giới chi tiết kèm theo Nghị định này:

- *Bảng số 1 và 2: quy định chỉ giới và mốc giới cho hai phố Llonde và Nouvelle.*
- *Bảng số 3 và 4: quy định chỉ giới và mốc giới cho các đường ở khu phố Grand Marché.*
- *Bảng 5 và 6: quy định chỉ giới và mốc giới cho các đường ở khu phố Sinh Từ.*
- *Bảng 7 và 8: quy định chỉ giới và mốc giới cho các đường ở khu phố Hoà Mã.*
- *Bảng 9 và 10: quy định chỉ giới và mốc giới cho các đường ở khu Bệnh viện và khu Abattoir.*
- *Bảng 11 và 12: quy định chỉ giới và mốc giới cho đường số 142 ở khu Phủ Toàn quyền Đông Dương.*
- *Bảng 13 và 14: quy định chỉ giới và mốc giới cho các con đường sẽ xây dựng.*

RST - 39.617

Plan d'alignement du quartier de Hoa Ma à Hanoï 1928.

Bản vẽ xác định giới hạn khu phố Hoà Mã, Hà Nội 1928.

Hồ sơ gồm một bản vẽ xác định giới hạn đường số 110 (phố Thi Sách), và 111 (phố Lê Văn Hưu) ở khu phố Hoà Mã, tỷ lệ 1/1000, kích thước 29,5 x 57,5cm.

RST - 39615

Plan d'alignement de la rue de la Laque à Hanoï 1928.

Bản vẽ xác định giới hạn phố Laque 1928.

Hồ sơ gồm 2 bản vẽ:

- Bản vẽ xác định giới hạn phố Laque (phố Hàng Chả Cá), tỷ lệ 1/500, kích thước 30 x 75cm.
- Bản vẽ xác định giới hạn phố Tubercules (phố Hàng Khoai), tỷ lệ 1/500, kích thước 30 x 75cm.

RST - 58.408

Autorisation des travaux d'élargissement de la ruelle de Sinh Tu et de la voie N° 236 à Hanoï 1928

Cho phép mở rộng ngõ Sinh Từ và đường số 236 ở Hà Nội 1928.

Hồ sơ gồm 20 tờ và 2 bản vẽ:

- Công văn số 1484/D ngày 8-9-1928 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ liên quan đến việc trưng dụng đất để mở rộng ngõ Sinh Từ và mở đường số 236 (đường số 236 bị xoá bỏ năm 1936 trong dịp thay đổi giới hạn khu Nghĩa trang người Âu).
- Công văn số 15820/A ngày 12-11-1928 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương đề trình phê chuẩn dự thảo nghị định công bố việc mở rộng ngõ Sinh Từ và mở đường số 236.
- Trích biên bản phiên họp ngày 30-10-1928 của Hội đồng Thành phố Hà Nội thông qua dự thảo nghị định nói trên.
- Nghị định số 5036 ngày 30-11-1928 của Toàn quyền Đông Dương công bố và cho phép mở rộng ngõ Sinh Từ một phần 10 mét, một phần 12 mét và mở đường số 236 dài 30 mét.
- Hai bản vẽ chỉ giới mới của ngõ Sinh Từ và đường 236, trên giấy calque, tỷ lệ 1/500, kích thước 21 x 27cm.

RST - 58412

Déclassement de la voie N° 4 à Hanoï 1928.

Xoá bỏ đường số 4 ở Hà Nội 1928.

Hồ sơ gồm 25 tờ và 2 bản vẽ:

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Nghị định ngày 15-2-1890 của Thống sứ Bắc Kỳ xác định giới hạn các phố ở Hà Nội (có các bảng chỉ giới chi tiết kèm theo). Đây là Nghị định quy định giới hạn phố đầu tiên cho Thành phố Hà Nội. Theo Nghị định này, đường số 4 được giới hạn từ đường số 3 đến đại lộ Bobillot (phố Lê Thánh Tông), dài 176 mét.

- Trích biên bản các phiên họp của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc xoá bỏ đường số 4.

- Nghị định số 5025 ngày 17-12-1928 của Thống sứ Bắc Kỳ chuyển khu đất đường số 4 thành tài sản tư nhân của Thành phố Hà Nội.

- Bản vẽ xoá bỏ đường số 4, kích thước 40,5 x 30,5cm, tỷ lệ 1/1000.

- Bản vẽ xoá bỏ đường số 4, kích thước 40,5 x 31,5cm, tỷ lệ 1/1000.

Và các tài liệu khác...



RST - 58413

Déclaration d'utilité publique et autorisation des travaux d'ouverture des voies de Hanoi 1928-1929.

Công bố và cho phép mở đường ở Hà Nội 1928-1929.

Hồ sơ gồm 45 tờ và 1 bản vẽ:

- Công văn số 2118/A ngày 13-2-1928 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương xin phê chuẩn nghị định công bố và cho phép mở rộng đường số 23 (phố Hàng Giấy) thành 12 mét, ngõ Thanh Hà thành 10 mét và đường số 254 (phố Cao Thắng) thành 16 mét và mở rộng khu Đồng Xuân của Thành phố Hà Nội.

- Trích biên bản phiên họp ngày 30-1-1928 của Hội đồng Thành phố Hà Nội đề nghị phê chuẩn dự thảo Nghị định cho phép mở rộng các đường và khu phố nói trên.

- Nghị định số 949 ngày 28-2-1928 của Toàn quyền Đông Dương công bố và cho phép mở rộng đường số 23 (phố Hàng Giấy) thành 12 mét, ngõ Thanh Hà thành 10 mét và đường số 254 thành 16 mét

và mở rộng khu Chợ Đồng Xuân của Thành phố Hà Nội.

- Nghị định số 2565 ngày 5-7-1928 thông báo cần mua các ngôi nhà để mở rộng đường số 23, ngõ Thanh Hà và đường số 254 và mở rộng khu Chợ Đồng Xuân của Thành phố Hà Nội.

- Bản vẽ xác định chỉ giới mở rộng đường số 23, ngõ Thanh Hà và đường số 254, kích thước 83 x 29cm, tỷ lệ 1/500.

Và một số tài liệu khác...

RST - 58418

Délibération du Conseil municipal de Hanoï, séance du 27 Février 1928.

Nghị quyết của Hội đồng Thành phố Hà Nội, phiên họp ngày 27-2-1928.

Hồ sơ gồm 70 tờ và 2 bản vẽ:

- Trích nghị quyết phiên họp ngày 27-2-1928 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về những thay đổi về giới hạn khu phố Sinh Từ.

- Công văn số 456/V ngày 23-3-1928 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ để nghị phê chuẩn bản vẽ xác định giới hạn của đường Huế (phố Huế) và thay đổi giới hạn khu phố Sinh Từ.

- Trích nghị quyết phiên họp ngày 27-2-1928 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về xác định giới hạn đường Huế.

- Nghị định số 626 ngày 11-2-1927 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn các bản vẽ xác định giới hạn các phố và khu phố, trong đó có khu phố Sinh Từ.

- Nghị định số 2161 ngày 11-5-1928 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn bản vẽ xác định giới hạn của đường Huế kéo dài và những thay đổi về giới hạn của khu phố Sinh Từ.

- Bản vẽ xác định giới hạn đường Huế, kích thước 82 x 31cm, tỷ lệ 1/1000, được vẽ trên vải.

- Bản vẽ xác định giới hạn khu phố Sinh Từ, kích thước 61 x 101cm, tỷ lệ 0,001p.m.

Và những tài liệu khác...

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

SCTT - 536

Aménagement et extension de la Ville d'Hanoï et sa zone suburbaine 1928-1944.

Quy hoạch và mở rộng Thành phố Hà Nội và vùng ngoại ô 1928-1944.

Hồ sơ gồm 139 tờ và 9 bản vẽ:

- Bản trích Sắc lệnh ngày 12-7-1928 của Tổng thống Pháp về kế hoạch quy hoạch và mở rộng các thành phố ở Đông Dương.

- Sắc lệnh gồm 6 phần, 14 điều quy định chung về các vấn đề chính như sau:

- Về kế hoạch quy hoạch và mở rộng các thành phố: Tất cả các thành phố ở Đông Dương phải lập kế hoạch tổng thể về quy hoạch và mở rộng thành phố, trong đó phải xác định chiều rộng, hướng và tính chất các con đường đã tồn tại và sẽ xây dựng; vị trí, độ rộng và cách bố trí sắp xếp các quảng trường, vườn hoa, công viên, khu vực trồng cây và các khoảng không đã có và sẽ thiết lập; các quy định về an ninh công cộng, vệ sinh, giao thông và thẩm mỹ; bản đồ quy hoạch và mở rộng thành phố do các kỹ thuật viên thiết kế và đệ trình lên một Hội đồng tư vấn. Thẩm quyền phê chuẩn bản đồ này thuộc về Toàn quyền Đông Dương. Các chi phí thiết lập kế hoạch quy hoạch và mở rộng thành phố do các thành phố chịu trách nhiệm. Thời hạn thiết lập kế hoạch này do Toàn quyền Đông Dương ấn định.

- Về việc chia lô đất: việc chia lô đất để xây dựng phải phù hợp với bản đồ quy hoạch tổng thể. Bản đồ chia lô đất phải thay đổi để phù hợp với các yêu cầu về an ninh công cộng, vệ sinh, giao thông và thẩm mỹ đã quy định trong bản đồ quy hoạch.

- Về các công trình đô thị: các công trình mới bên cạnh các con đường hay các vị trí quy hoạch chỉ được xây dựng nếu phù hợp với chỉ giới và yêu cầu quy định trong bản đồ quy hoạch và phải xin phép nhà chức trách do Toàn quyền chỉ định.

- Về việc xử phạt: mọi sự vi phạm các quy định của Sắc lệnh đều phải chịu mức phạt từ 50 đến 1.600 francs.

- Nghị định số 8110 ngày 19-11-1941 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi Nghị định ngày 20-11-1930. Theo Nghị định, điều 12, 13 của Nghị định ngày 20-11-1930 quy định về hồ sơ thủ tục của việc chia lô đất.

- Nghị định số 8962 ngày 5-12-1942 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn và công bố các quy định trong đồ án quy hoạch và các quy định bắt buộc của Thành phố Hà Nội và vùng ngoại ô. Dự án chỉnh trang, làm đẹp và mở rộng thành phố bao gồm chỉ dẫn về: các quy định về kiến trúc, vệ sinh, thẩm mỹ... tính chất và các mặt cắt của các tuyến đường, các vị trí dự kiến quy hoạch hoặc bảo tồn, các hạng khu vực, giới hạn khu vực, và các quy định khác.

- Đồ án quy hoạch và mở rộng Thành phố Hà Nội. Đồ án này dài 25 trang, được in năm 1943, được phê chuẩn bởi Nghị định số 8962 ngày 5-12-1942 của Toàn quyền Đông Dương gồm 3 phần, 30 điều:

- Điều 2 quy định bản đồ quy hoạch, làm đẹp và mở rộng Thành phố Hà Nội gồm các khu: A, B, C, D, E, F, G, H, khu nông thôn, khu trống. Đặc điểm của từng khu được quy định tại các điều khoản tiếp theo của Nghị định.

- Điều 3: Zone A (Khu biệt thự): trong khu này chỉ được phép xây dựng nhà gia đình riêng hoặc nhiều nhất là nhà chung cho hai gia đình. Đốc lý có thể áp đặt kiểu kiến trúc cho một số khu nhà theo ý kiến của Sở Quy hoạch và Kiến trúc Trung ương. Diện tích mặt bằng không thể dưới $540m^2$ đối với công trình độc lập và đối với biệt thự cặp đôi trong Thành phố là $330m^2$ và ngoại thành là $390m^2$. Diện tích mặt bằng xây dựng công trình trong thành phố không được vượt quá 40% diện tích đất và không quá 35% diện tích đất ở ngoại thành. Cầu thang ngoài, sân thượng, bậc thêm, ban công mở và các chi tiết trang trí không tính vào phần diện tích xây cất nói trên.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Khoảng cách giữa hai mặt bên của nhà chính và giới hạn chung giữa hai nhà liền kề cũng được quy định chi tiết cho từng trường hợp tại điều này. Chiều cao tối đa của nhà chính tính từ hè đường đến mái đua hoặc máng ở mái nhà không được vượt quá 12m. Chiều cao tối đa của tầng nhà được ấn định là 3,50m từ sàn đến trần nhà. Chiều cao của tầng trệt không nâng nền là 2,80m nếu nó chỉ bao gồm các khu phụ và 3,50m nếu nó bao gồm các khu để ở. Trong trường hợp các biệt thự có điều hoà không khí thì chiều cao tối đa được ấn định là 3 mét từ sàn đến trần nhà. Số lượng tầng được giới hạn là 2 tầng gác và một tầng trệt. Được phép xây dựng một tầng lửng với diện tích không quá 1/2 diện tích tầng chính theo mẫu. Các khu phụ tách biệt với nhà chính không được xây dựng đối diện mặt tiền trên đường công cộng. Khu phụ có thể có tầng gác với diện tích tối đa là 1/2 tổng diện tích, chiều cao của tầng gác này không được thấp hơn 3m. Các khu phụ độc lập có thể được dùng chung. Đốc lý Hà Nội ấn định kiểu hàng rào bao quanh các đường công cộng. Các hàng rào khác không được cao quá 2,20m.

Trong khu vực này, cấm dán yết thị, cấm các chuồng trại lợn, ngựa và các loại chăn nuôi dễ gây ra những bất tiện cho các gia đình xung quanh.

- Điều 4: Zone B (Khu tập thể và Thương mại): trong khu vực này được phép xây dựng nhà có tầng gác theo kiểu Âu để ở tập thể hoặc dùng cho Thương mại hoặc nghề nghiệp. Diện tích xây dựng không được vượt quá 60% tổng diện tích đất. Số tầng gác không được quá 4 tầng và chiều cao của công trình không được quá 21m tính từ hè phố đến nóc nhà hoặc mái đua. Chiều cao tối thiểu của tầng trệt được ấn định là 4,50m tính từ nền đến trần nhà. Chiều cao tối thiểu của tầng gác là 3,50m trừ trường hợp nhà có lắp đặt điều hoà không khí. Nhà có lắp đặt điều hoà không khí thì chiều cao tối thiểu được quy định là 3m. Riêng với các công trình dành cho việc buôn bán

ban ngày hoặc để làm khách sạn, rạp chiếu bóng, phòng hoà nhạc, ngân hàng... thì các quy định về tỷ lệ phần đất xây dựng và kiểu mẫu có thể có thay đổi.

Chiều cao của mặt tiền nhà được quy định không được vượt quá 8,50m đối với nhà ở mặt đường rộng 10m trở xuống; không được vượt quá 12,50m đối với nhà ở mặt đường rộng trên 10m; không được vượt quá 17m đối với nhà ở mặt đường rộng trên 18m; không được vượt quá 21m đối với nhà ở mặt đường rộng trên 25m.

Trong khu này, các biệt thự cũng được phép xây dựng với điều kiện phải theo các quy định của khu này. Trường hợp công trình xây dựng nằm ở góc giữa 2 phố có chiều rộng không bằng nhau, chiều cao tối đa cho phép của mặt nhà quay ra phố rộng được chấp nhận cho chiều cao mặt quay ra phố hẹp hơn, tuy nhiên, chiều dài của nó không vượt quá 1,5 lần chiều rộng của phố hẹp. Ngoài ra, kích thước của các phần nhô ra ở mặt tiền như chân cột, cột trụ, bệ cửa, bậc cầu thang, ngưỡng cửa, ô-văng... cũng được quy định rất chi tiết trong điều này.

- Điều 5: Khu C (Biệt thự kiểu bản địa): trong khu này chỉ được phép xây dựng nhà ở độc lập hoặc nhà cặp đôi theo kiểu bản địa. Diện tích biệt thự độc lập không được nhỏ hơn 390m² và 330m² đối với biệt thự chung tường. Diện tích phần xây dựng không được vượt quá 40% tổng diện tích đối với công trình trong Thành phố Hà Nội và 35% đối với công trình ở ngoại thành, trong đó phần diện tích xây dựng không bao gồm cầu thang ngoài và các chi tiết trang trí theo kiểu bản địa.

Chiều cao tối đa của nhà chính không vượt quá 11m tính từ hệ đường đến máng thoát nước trên mái nhà. Chiều cao tối đa của mỗi tầng gác được quy định là 3,30m. Chiều cao của tầng trệt được ấn định là 2,80m nếu tầng này bao gồm khu phụ và là 3,30m nếu được dùng để ở. Chiều cao tối thiểu của các biệt thự có điều hoà không khí là 3m.

Kiến trúc của các công trình này bắt buộc phải theo kiểu truyền thống hoặc thể hiện nghệ thuật truyền thống địa phương. Các công trình này phải được lợp mái ngói kiểu bản địa hoặc kiểu Trung Quốc, không dùng ngói làm bằng máy mang tính chất châu Âu. Chính quyền sẽ quy định kiểu hàng rào quay ra đường. Các hàng rào còn lại không thể cao quá 2,20m. Trong khu này cấm dán yết thị.

- Điều 6: Khu D (Nhà chia ô): các công trình được gọi là nhà chia ô bao gồm các công trình xây chung tường kiểu bản địa có hoặc không có tầng gác, được một hoặc nhiều gia đình sử dụng và có thể dùng để kinh doanh.

Công trình nằm ở đường rộng 20m trở lên có thể xây hai tầng gác và một tầng trệt không nâng nền. Công trình nằm ở đường rộng bằng hoặc lớn hơn 10m được xây một tầng gác và một tầng trệt không nâng nền. Công trình nằm ở đường có chiều rộng dưới 10m chỉ được xây một tầng trệt.

Diện tích đất của công trình không được nhỏ hơn 80m² đối với nhà có một tầng trệt và một tầng gác, 180m² đối với nhà có hai tầng gác và một tầng trệt. Diện tích phần xây dựng bao gồm cả khu phụ không vượt quá 60% tổng diện tích đất. Chiều cao không quá 12m đối với nhà nằm trên đường rộng từ 20m trở lên; 9m đối với nhà trên đường rộng dưới 20m; 5m đối với đường rộng dưới 10m. Chiều cao tối thiểu của tầng trệt là 4m, của tầng gác là 3,30m. Các quy định về phần đắp nổi và các điều cấm giống như quy định của khu B.

- Điều 7: Khu E (Khu buôn bán theo kiểu bản địa): các công trình liền kề dùng một phần hoặc chuyên dùng cho mục đích thương mại được phép xây dựng bên đường trong khu này.

Diện tích xây dựng bao gồm cả khu phụ không vượt quá 70% diện tích đất đối với công trình trong thành phố và 60% đối với công trình ngoại thành.

Chiều cao của công trình trong thành phố không vượt quá 8, 50m đối với công trình trên đường có chiều rộng nhỏ hơn 10m; 13m đối với công trình trên đường rộng 10m trở lên; 18m đối với công trình trên đường rộng 16m trở lên. Chiều cao của tầng trệt được quy định là 4,50m; chiều cao mỗi tầng gác được quy định là 3,30m.

Đối với các công trình dùng cho mục đích công cộng và thương mại như rạp chiếu bóng, nhà hát, phòng hoà nhạc... thì các quy định trên đối với diện tích xây dựng có thể thay đổi.

- Điều 8: Khu F (Làng theo kiểu truyền thống bản địa): trong khu này, các làng cần phải gìn giữ tính chất nông thôn và các hoạt động thủ công của chúng. Có một số trong các làng này là mục tiêu của kế hoạch chỉnh trang sau này như Thái Hà ấp.

Các công trình buộc phải theo kiểu truyền thống, phải được xây dựng bằng các nguyên liệu địa phương như gỗ, tranh, vách rơm nhồi đất và được lợp bằng ngói kiểu bản địa hoặc kiểu Trung Quốc, hoặc lợp bằng tranh. Không được dùng ngói máy kiểu Âu hoặc các nguyên vật liệu khác để lợp như đá, tôn, kẽm, bê tông... Công trình chỉ có một tầng trệt nền cao tối đa 1 mét. Tuy nhiên, các công trình này có thể có tầng gác nhưng phải được phép của Đốc lý Hà Nội.

Chiều cao tối đa của công trình không quá 8m. Diện tích xây dựng không vượt quá 30% tổng diện tích đất.

Trong khu vực này, nghiêm cấm chặt cây để mở đường, chia lô đất, đào hoặc lấp ao, làm nhà xây hoặc nhà gỗ mà không được phép của chính quyền.

- Điều 9: Khu G - Khu đất dự phòng cho các mục đích hành chính công cộng: khu vực này dùng để xây các công trình công cộng như trường học, chợ, đồn cảnh sát.

- Điều 10: Khu H (Khu Công nghiệp): khu này dành cho các công trình mang tính chất công nghiệp. Tất cả các công trình mới hạng nhất, hạng hai buộc phải nằm trong khu này.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Điều 11: Khu nông thôn: các công trình trong khu này có một tầng trệt theo kiểu bản địa, tuy nhiên có thể có thêm một tầng gác lửng với diện tích không quá $\frac{1}{3}$ tổng diện tích công trình.

Đôi với khu vui chơi giải trí, các quy định này có thể thay đổi.

- Điều 12: Khu vực trống (*espaces libres*) : khu vực này được thể hiện bằng màu xanh trên bản đồ, dùng để lập các khoảng không, khu vui chơi, khu thể thao, công viên...

Các điều khoản còn lại quy định chi tiết về việc chia lô đất, chia nhóm nhà ở và việc xử lý vi phạm.

- Bản đồ quy hoạch đô thị, của Thành phố Hà Nội, do Sở Địa chính Thành phố lập, in năm 1939 tại nhà in IDEO-Hà Nội.

- Sơ đồ tổng thể các bản vẽ sẽ lập cho từng khu trong Thành phố, do Sở Địa chính Thành phố lập, in năm 1939 tại nhà in IDEO-Hà Nội, kích thước 29 x 37,5cm, tỷ lệ 1/16.000.

- Sơ đồ tổng thể các bản vẽ sẽ lập cho 29 khu sẽ mở rộng của Thành phố, kích thước 38,5 x 48,5cm, tỷ lệ 1/15.000.

- Sơ đồ tổng thể các bản vẽ sẽ lập cho 13 khu huyện Hoàn Long và một phần Thành phố, kích thước 31 x 42cm, tỷ lệ 1/40.000

MHN - 4161

Extension et aménagement des Villes en Indochine 1928-1930.

Mở rộng và quy hoạch các thành phố ở Đông Dương 1928-1930.

Hồ sơ gồm 25 tờ trong đó có:

- Sắc lệnh ngày 12-7-1928 quy định về mở rộng và quy hoạch các thành phố ở Đông Dương, ban hành ngày 14-9-1928, gồm 13 điều quy định chung về kế hoạch sắp xếp và mở rộng thành phố với một số nội dung như:

+ mỗi nước ở Đông Dương phải thiết lập kế hoạch sắp xếp và mở rộng thành phố trong đó phải ấn định chiều dài, hướng và tính chất

Phần II. QUY HOẠCH - XÂY DỰNG

các đường phố đã tồn tại và các đường phố sẽ xây dựng; chỉ rõ các vị trí và cách bố trí quảng trường, vườn hoa, công viên, các khu vực trồng cây... đã tồn tại hoặc sẽ xây dựng; các quy định về an ninh công cộng, vệ sinh, đi lại hoặc thẩm mỹ.

+ việc thực hiện kế hoạch này được coi là công việc vì lợi ích công cộng.

+ yêu cầu về bản kế hoạch quy hoạch: thời hạn thiết lập, chi phí cho việc thiết lập...

+ điều kiện và yêu cầu đối với việc chia đất liên quan đến kế hoạch quy hoạch chung.

+ các quy định, điều kiện và thẩm quyền cấp phép xây dựng ở thành phố do Toàn quyền quy định.

+ quy định về việc xử phạt từ 50 đến 1600 francs hoặc giam giữ từ 6 ngày đến một tháng đối với những trường hợp vi phạm những điều khoản của sắc lệnh.

+ các biện pháp áp dụng sắc lệnh này do Toàn quyền quy định.

• Nghị định ngày 20-11-1930 của Toàn quyền Đông Dương quy định các điều kiện áp dụng Sắc lệnh ngày 12-7-1928 về mở rộng và quy hoạch các thành phố ở Đông Dương.

Nghị định này gồm 4 phần, 23 điều.

- Phần thứ nhất gồm 9 điều quy định chi tiết về kế hoạch sắp xếp và mở rộng các thành phố như:

+ thời hạn xây dựng kế hoạch sắp xếp và mở rộng thành phố được ấn định là 3 năm (điều 2).

+ tỷ lệ bản đồ và các chỉ dẫn về các khu dân cư, công nghiệp, Thương mại, bờ biển; xác định hướng, chiều dài và tính chất của các đường phố sẽ thiết lập hoặc thay đổi; xác định vị trí và cách bố trí quảng trường, vườn hoa, công viên, bãi tắm công cộng, khu vui chơi giải trí, nơi để ô tô... (điều 3).

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

+ thành lập ở mỗi nước của Liên bang Đông Dương một Ủy ban địa phương về quy hoạch và mở rộng thành phố để nghiên cứu các bản kế hoạch sắp xếp và mở rộng thành phố (điều 4).

+ thành lập Ủy ban cao cấp quy hoạch, làm đẹp và mở rộng thành phố, giúp việc cho Toàn quyền dưới sự chỉ đạo của Phó Toàn quyền Đông Dương (điều 5)...

- Phần thứ hai gồm 9 điều quy định về việc chia đất. Các điều khoản trong phần này quy định cụ thể về các yêu cầu đối với hồ sơ, thủ tục chia đất cũng như các điều kiện khác có liên quan.

- Phần thứ ba gồm 3 điều quy định về việc thực hiện kế hoạch sắp xếp và các công trình đô thị như:

+ việc trưng dụng đất được coi là vì lợi ích công cộng.

+ quyền hạn cấp phép xây dựng.

+ các quy định có liên quan khác...

- Phần thứ tư là những quy định chung về việc áp dụng các điều khoản ở phần nhất và ba đối với các công trình xây dựng.

• Thông tư ngày 20-11-1930 của Toàn quyền Đông Dương về việc hướng dẫn thi hành một số điều trong Nghị định ngày 30-11-1930.

SCDHN - 266

Expropriation par la Ville d'Hanoï des immeubles sis à la route de Hué appartenant à Nguyen Thị Gian, Ha Quang Lien et Chu Kim Pac pour l'élargissement du quartier de Hoa Ma, Hanoï 1928-1929.

Thành phố Hà Nội trưng thu nhà cửa trên đường Huế của Nguyễn Thị Giân, Hà Quang Liên và Chu Kim Pac để mở rộng khu phố Hoà Mã, Hà Nội 1928-1929.

Hồ sơ gồm 22 tờ, trong đó có:

• Trích lục bản án trưng thu đất của phòng lục sự Tòa Sơ thẩm Hà Nội ngày 17-3-1928 công bố việc trưng thu các ngôi nhà số 61, 58

và 62 khu I đường Huế (phố Huế) của bà Nguyễn Thị Gián và ông Chu Kim Pac để mở các con đường thuộc khu phố Hoà Mã (kèm theo bản vẽ khu I, phố Hoà Mã).

- Biên bản cuộc họp ngày 12-2-1929 của Đoàn hội thẩm thông qua việc cấp tiền đền bù cho của ông, bà Chu Kim Pac và Nguyễn Thị Gián.

Và một số tài liệu khác...

SCDHN - 569

Echange de terrains sis à la voie N° 127^{bis} à Hanoï entre la Ville d'Hanoï et Pasqualini domicilié au Boulevard de Dong Khanh à cette ville 1928-1936.

Về việc trao đổi đất trên đường số 127^{bis} tại Hà Nội giữa Thành phố Hà Nội và Pasqualini sống ở đại lộ Đồng Khánh, Hà Nội 1928-1936.

- Hó sơ có 32 tờ, gồm: thư từ trao đổi, trích biên bản các phiên họp của Hội đồng Thành phố Hà Nội từ 1928 đến 1936 liên quan đến việc Thành phố đổi thửa đất số 122/2 khu R lấy thửa đất số 119/4a của ông Pasquilini ở đại lộ Đồng Khánh (phố Hàng Bài) để mở đường số 127^{bis}, có kèm theo hợp đồng trao đổi và bản vẽ các thửa đất.

J - 1134

JOIF, 1928, N° 18, p. 1337.

Arrêté du 11-5-1928 du Gouverneur général de l'Indochine approuvant les plans:

- *Portant classement et fixant les alignements de la route de Hué prolongée;*
- *Fixant les modifications à apporter au plan d'alignement du quartier de Sinh Tu.*

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Nghị định 11-5-1928 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn bản đồ:

- *Sắp xếp và xác định giới hạn đường Huế kéo dài (phố Huế).*
- *Quy định các thay đổi về chỉ giới của khu phố Sinh Từ (phố Nguyễn Khuyến).*

Có 5 bảng quy định chỉ giới kèm theo Nghị định này:

- *Bảng 1 và 2 quy định chỉ giới và mốc giới của đường Huế kéo dài.*
- *Bảng 3 và 4 quy định chỉ giới và mốc giới khu phố Sinh Từ.*
- *Bảng 5 quy định các đường sẽ xây dựng trong khu phố Sinh Từ.*

J - 1136

JOIF, 1928, N° 93, p. 3447-3452.

Arrêté du 19-11-1928 du Gouverneur général de l'Indochine approuvant les plans d'alignement annexés à la délibération du Conseil municipal de Hanoï du 30-5-1928:

- *Portant classement et fixant les alignements des principales voies du quartier de la pagode de Tu Uyên.*
- *Portant classement et fixant les largeurs de la place située derrière la Pagode des Corbeaux.*
- *Portant élargissement de la ruelle des Etofles.*

Nghị định ngày 19-11-1928 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn bản đồ xác định giới hạn đi kèm Nghị quyết phiên họp ngày 30-5-1928 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc:

- *Sắp xếp và xác định chỉ giới các đường chính của khu chùa Tú Uyên.*
- *Sắp xếp và ấn định chiều rộng của sân sau Pagode des Corbeaux (Văn Miếu - Quốc Tử Giám).*
- *Mở rộng ngõ Etofles (ngõ Cổng Đục).*

Nghị định gồm 5 điều và 6 bảng kèm theo, trong đó:

- *Chỉ giới và mốc giới đường của khu chùa Tú Uyên được quy định trong bảng 1 và 2.*

*Chiều rộng sân sau Văn Miếu được quy định trong bảng 3 và 4.
Bảng 5 và 6 quy định chỉ giới mới cho ngõ Cổng Đục.*

J - 1136

JOIF, 1928, N° 75, p. 2710.

Décret du 12-7-1928 du Président de la République française réglant l'extension et l'aménagement des Villes en Indochine, promulgué par l'arrêté du Gouverneur général de l'Indochine le 14-9-1928.

Sắc lệnh của Tổng thống Pháp ngày 12-7-1928 quy định việc mở rộng và quy hoạch các thành phố ở Đông Dương, được công bố ở Đông Dương bằng Nghị định của Toàn quyền Đông Dương ngày 14-9-1928.

Sắc lệnh gồm 6 phần, 14 điều. Sắc lệnh quy định chung về các vấn đề chính như sau:

- Về kế hoạch quy hoạch và mở rộng các thành phố:

Tất cả các thành phố ở Đông Dương phải lập kế hoạch tổng thể về quy hoạch và mở rộng thành phố, trong kế hoạch đó phải xác định:

- *Chiều rộng, hướng và tính chất các con đường đã tồn tại và sẽ xây dựng.*
- *Vị trí, độ rộng và cách bố trí sắp xếp các quảng trường, vườn hoa, công viên, khu vực trồng cây và các khoảng không đã có và sẽ thiết lập.*
- *Các quy định về an ninh công cộng, vệ sinh, giao thông và thẩm mỹ.*
- *Đồ án quy hoạch và mở rộng thành phố do các kỹ thuật viên lập và đệ trình lên một hội đồng tư vấn. Thẩm quyền phê chuẩn bản đồ này thuộc về Toàn quyền Đông Dương. Các chi phí thiết lập đồ án quy hoạch và mở rộng thành phố do các thành phố chịu trách nhiệm. Thời hạn thiết lập kế hoạch này do Toàn quyền Đông Dương ấn định.*

- Về việc chia lô đất: việc chia lô đất để xây dựng phải phù hợp với bản đồ quy hoạch tổng thể. Bản đồ chia lô đất phải thay đổi để phù

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

hợp với các yêu cầu về an ninh công công, vệ sinh, giao thông và thẩm mỹ đã quy định trong đồ án quy hoạch.

- Về các công trình đô thị: các công trình mới bên cạnh các con đường hay các vị trí quy hoạch chỉ được xây dựng nếu phù hợp với chỉ giới và yêu cầu quy định trong bản đồ quy hoạch và phải xin phép nhà chức trách do Toàn quyền chỉ định.

- Về việc xử phạt: mọi sự vi phạm các quy định của sắc lệnh đều phải chịu mức phạt từ 50 đến 1.600 francs.

J - 1134

JOIF, 1928, N° 18, p. 488.

Arrêté du 28-2-1928 du Gouverneur général de l'Indochine déclarant d'utilité publique et autorisant les travaux d'élargissement de certaines voies de la Ville de Hanoï.

Nghị định ngày 28-2-1928 của Toàn quyền Đông Dương công bố và cho phép mở rộng một số đường phố ở Thành phố Hà Nội.

Theo Nghị định, đường số 23 (phố Hàng Giấy) sẽ mở rộng thành 12 mét, ngõ Thanh Hà sẽ mở rộng thành 10 mét và đường 245 mở rộng thành 16 mét (đường số 245 sau được mang tên là phố Grappin, nay là phố Cao Thắng) theo giới hạn quy định trong bản đồ kèm theo.

RST - 58862

Exécution des plans d'alignement des voies et rues dans la Ville de Hanoï 1929

Thực hiện việc xác định giới hạn đường và phố trong Thành phố Hà Nội 1929.

Hồ sơ gồm 67 tờ, trong đó có:

- *Trích biên bản phiên họp ngày 27-2-1929 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc chỉnh trang lại ngõ Nam Ngư, đường 110^{bis} khu Hoà Mã, khu hồ Bảy Mẫu.*

- Trích biên bản phiên họp ngày 6-4-1929 của Hội đồng Thành phố Hà Nội thống nhất thông qua dự thảo nghị định về việc sắp xếp và ấn định giới hạn các con đường khu phố hồ Bảy Mẫu, ngõ Nam Ngự và đường số 110^{bis}.
- Công văn số 6161/A ngày 25-4-1929 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương để nghị phê chuẩn các dự thảo nghị định xác định giới hạn các phố chính của khu hồ Bảy Mẫu, ngõ Nam Ngự và đường số 110^{bis}.
- Công văn số 6161/A ngày 25-4-1929 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương về việc đệ trình thông qua dự thảo nghị định nói trên.
- Nghị định ngày 13-5-1929 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn bản đồ giới hạn các tuyến phố khu hồ Bảy Mẫu, phố Nam Ngự và đường số 110^{bis}. Có các bảng chỉ giới và mốc giới kèm theo nghị định này.

Và các tài liệu khác...

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

SCDHN - 8

Aménagement du quartier Soeur Antoine, Hanoï 1929-1941.

Quy hoạch khu phố Soeur Antoine 1929-1941.

Hồ sơ gồm 71 tờ, trong đó có:

- Hợp đồng cho thuê mảnh đất số 127, khu L, đường Cầu Đơ được ký kết ngày 28-12-1929 giữa Đốc lý Hà Nội và bà Nguyễn Thị Hai (kèm theo bản vẽ khu đất).
- Đơn từ khiếu nại của các gia đình sống tại phố Soeur Antoine (phố Hàng Bột) gửi Đốc lý Thành phố để nghị được làm lại nhà, bán nhà, thuê đất, đổi tên, đền bù thiệt hại do việc quy hoạch khu phố gây nên...
- Danh sách những người sử dụng công thổ tại khu L, phố Soeur Antoine.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- *Thông báo của Đốc lý Hà Nội yêu cầu các gia đình thuộc diện quy hoạch chuyển đi nơi khác.*
- *Bản đồ Thành phố Hà Nội do Sở Địa chính Thành phố lập năm 1939, in trên giấy croquis, tỷ lệ 1/16.000, kích thước 29,5 x 37cm, có đánh dấu những khu vực bị giải toả.*
- *Bản vẽ các khu đất của từng gia đình sống tại khu L, phố Soeur Antoine, tỷ lệ 1/200, vẽ trên giấy calque.*

Trong hồ sơ có một số tài liệu bằng chữ quốc ngữ.

SCDHN - 432

Cession de terrains particuliers sis à la route de Sinh Tu d'Hanoï à la Ville d'Hanoï par Dao Thị Loc, Do Thị Oanh et sa fille Tran Thi Duong domiciliées à Hanoï 1929-1941.

Về việc Đào Thị Lộc, Đỗ Thị Oanh và con gái Trần Thị Dương sống tại Hà Nội chuyển nhượng tư thổ trên đường Sinh Từ cho Thành phố Hà Nội 1929-1941.

Hồ sơ gồm 40 tờ, trong đó có:

- *Trích biên bản các phiên họp ngày 13-9-1937 và 6-12-1940 của Hội đồng Thành phố Hà Nội thông qua việc Thành phố trưng dụng các thửa đất số 348 và 630 khu K đường Sinh Từ (phố Nguyễn Khuyến) của Đào Thị Lộc, Đỗ Thị Oanh và con gái là Trần Thị Dương để mở phố Lý Thường Kiệt (phố Ngô Sĩ Liên), kèm theo hợp đồng chuyển nhượng và bản vẽ các thửa đất.*

Và một số tài liệu khác... Trong hồ sơ này có một số tài liệu bằng chữ quốc ngữ.

SCDHN - 580

Echange de terrain entre la Ville de Hanoï et Nguyen Van Ich, demeurant au N° 20, rue Le Loi pour l'ouverture de la voie N° 174 (1929-1937).

Về việc trao đổi đất giữa Thành phố Hà Nội và Nguyễn Văn Ích sống tại số 20, đường Lê Lợi để mở đường số 174 (1929-1937).

Hồ sơ gồm 47 tờ, trong đó có:

- Nghị định số 2322 ngày 13-5-1929 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn các mặt bằng tuyến được đính kèm Nghị quyết ngày 27-2-1929 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc sắp xếp và quy định các tuyến đường chính của khu phố Bảy Mẫu, ngõ Nam Ngự và đường 110bis.
- Thư từ trao đổi từ 1929 - 1937, trích biên bản phiên họp ngày 28-2-1935 của Hội đồng Thành phố Hà Nội liên quan đến việc Thành phố đổi thửa đất số 777/1 lấy thửa số 764/2 của ông Nguyễn Văn Ích sống tại số 20, đường Lê Lợi (một đoạn phố Bà Triệu) để mở đường số 174 đoạn từ đường số 190 đến phố Miribel (phố Trần Nhân Tông), có kèm theo hợp đồng trao đổi đất và bản vẽ các thửa đất.
- Ngoài ra còn một số tài liệu như: bảng ngân sách bổ sung niên khoá 1933; sổ đăng ký việc lựa chọn cư trú của các chủ sở hữu có đất bị trưng thu để mở đường số 174 (từ đường số 190 cho đến phố Miribel) trong cuộc điều tra lần nhất...

SCDHN - 596

Cession de terrains particuliers sis à la route de Hué à la Ville de Hanoi par Luu Van Chu, Luu Van Ba, Luu Van Giap à cette route 1929-1953.

Về việc các ông Lưu Văn Chứ, Lưu Văn Ba, Lưu Văn Giáp chuyển nhượng tư thổ trên đường Huế (phố Huế) cho Thành phố Hà Nội 1929-1953.

Hồ sơ gồm 74 tờ, trong đó có:

- Đơn thư của các ông Lưu Văn Chứ, Lưu Văn Ba và Lưu Văn Giáp từ 1929-1936 gửi Đốc lý Hà Nội để nghị xác định rõ phần đất mà Thành phố sẽ lấy để mở tuyến đường số 225 (phố Chùa Vua) và xác nhận việc anh em họ phân chia đất như đã trình bày theo biên bản ngày 23-9-1933.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

• Nghị định số 387 ngày 27-10-1933 của Đốc lý Hà Nội quy định giới hạn tuyến đường số 225. Theo đó, các ông Lưu Văn Chứ, Lưu Văn Ba và Lưu Văn Giáp chuyển nhượng cho Thành phố thửa đất số 443/2 khu 1 để mở tuyến đường này.

• Trích biên bản phiên họp ngày 24-2-1934 của Hội đồng Thành phố Hà Nội thông qua việc Thành phố trưng thu thửa đất số 443/2 của các ông Lưu Văn Chứ, Lưu Văn Ba và Lưu Văn Giáp và cấp tiền đền bù cho họ, có kèm theo hợp đồng chuyển nhượng đất và bản vẽ thửa đất.

Và một số tài liệu khác... Trong hồ sơ này có một số tài liệu bằng chữ quốc ngữ.

J - 1137

JOIF, 1929, N° 5, p. 200.

Arrêté du 12-1-1929 du Gouverneur général de l'Indochine approuvant le plan d'alignement annexés à la délibération du Conseil municipal de Hanoï du 24-8-1928 et portant déclassement de la voie N° 145 classée par Arrêté du 31-3-1925.

Nghị định ngày 12-1-1929 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn bản đồ xác định chỉ giới kèm theo Nghị quyết của Hội đồng Thành phố Hà Nội ngày 24-8-1928 và giáng hạng của đường số 145 đã được xếp hạng bởi Nghị định ngày 31-3-1925.

J - 1137

JOIF, 1929, N° 39, p. 1750-1760.

Arrêté du 13-5-1929 du Gouverneur général de l'Indochine approuvant les plans d'alignement des principales voies du quartiers du lac de Bay Mâu, de la ruelle de Nam Ngu et de la voie N° 110^{bis} de la Ville de Hanoï.

Nghị định ngày 13-5-1929 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn các bản đồ xác định giới hạn các đường chính của khu phố hồ Bảy Mẫu, ngõ Nam Ngu và đường số 110^{bis} ở Thành phố Hà Nội.

Nghị định gồm 5 điều và 4 bảng kèm theo:

- *Bảng 1 và 2 quy định chỉ giới và mốc giới của các đường ở khu Hồ Bảy Mẫu.*
- *Bảng 3 và 4 quy định chỉ giới và mốc giới của ngõ Nam Ngự và đường số 110^{bis}.*

RST - 58866

Plan d'alignement des rues de la Ville de Hanoï 1930.

Bản đồ xác định giới hạn các phố ở Thành phố Hà Nội 1930.

Hồ sơ gồm 27 tờ và 4 bản đồ:

- *Trích biên bản phiên họp ngày 29-8-1930 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về bản đồ xác định giới hạn ngõ Thanh Miến, đường 198^{bis}, 200^{bis} và 266 kéo dài.*
- *Trích biên bản phiên họp ngày 17-10-1930 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc thông qua dự thảo Nghị định phê chuẩn bản đồ xác định giới hạn các đường phố nói trên.*
- *Bản đồ xác định giới hạn ngõ Thanh Miến, kích thước 62,5 x 49cm, tỷ lệ 2m/m p.m, đã được Phó Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn ngày 16-11-1930. Theo đó, ngõ Thanh Miến được xác định từ phố Cao Đắc Minh (phố Văn Miếu) đến đại lộ Victor Hugo (phố Hoàng Diệu) kéo dài.*
- *Bản đồ xác định giới hạn đường số 198^{bis}, kích thước 83 x 69,5cm, tỷ lệ 2m/m p.m, đã được Phó Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn ngày 16-11-1930. Theo đó, đường số 198^{bis} được xác định từ đường số 197 đến đường 191.*
- *Bản đồ xác định giới hạn đường số 200^{bis}, kích thước 52,5 x 49cm, tỷ lệ 2m/m p.m, đã được Phó Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn ngày 16-11-1930. Theo đó, đường số 200^{bis} được xác định từ đường số 197 (phố Thái Phiên) đến đường số 202 (sau gộp với đường số 222 và 164 thành đường Đại Cồ Việt).*

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Bản đồ xác định giới hạn đường số 266 kéo dài, kích thước 85 x 69,5cm tỷ lệ 2m/m p.m, đã được Phó Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn ngày 16-11-1930. Theo đó, đường số 266 kéo dài được xác định từ đường số 226 đến đường 227

RST - 58867

Plan d'alignement de l'alignement de la voie N° 190 prolongée de la Ville de Hanoï 1930.

Bản vẽ xác định giới hạn đường số 190 kéo dài ở Thành phố Hà Nội 1930.

Hồ sơ gồm 18 tờ, trong đó có:

- Trích biên bản buổi họp ngày 26-5-1930 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về bản vẽ giới hạn đường số 190 kéo dài (phố Ngô Thì Nhậm kéo dài). Theo đó, đoạn đường 190 kéo dài nằm giữa các đường số 75, 173, 174 và phố Miribel (phố Trần Nhân Tông).
- Công văn số 11347/A ngày 15-7-1930 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương về việc nghiên cứu dự thảo nghị định xác định giới hạn đường 190 kéo dài do Thành phố Hà Nội đệ trình và đề nghị Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn.
- Nghị định số 544/S ngày 28-7-1930 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn sơ đồ tuyến đường số 190 kéo dài đã được Hội đồng Thành phố Hà Nội thông qua ngày 26-5-1930. Theo đó, phần kéo dài của đường 190 được xác định từ đường 174 đến đường Trần Nhân Tông, dài 135 mét.

SCDHN - 41

Demande de cession de deux parcelles de terrains situées sur les voies N° 146 et N° 159 à Hanoï en vue de la construction des logements des ouvriers formulée par la Société française des Distilleries de l'Indochine 1930.

Nhà máy rượu Đông Dương của Pháp xin được nhượng hai mảnh đất trên các đường số 146 và 159 tại Hà Nội để xây nhà cho công nhân 1930.

Hồ sơ gồm 31 tờ, trong đó có:

- Công văn của Nhà máy rượu Đông Dương của Pháp gửi Đốc lý Thành phố Hà Nội đề nghị Thành phố chuyển nhượng một số khu đất để thực hiện hai dự án xây nhà ở cho thư ký và công nhân của nhà máy.
- Biên bản phiên họp thường kỳ tháng 5 năm 1930 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về dự án chuyển nhượng hai mảnh đất với giá rẻ cho Nhà máy rượu Đông Dương để xây 8 nhà đôi cho thư ký trên khu đất (A) với diện tích $7.200m^2$ trên đường số 10 (đường này sau được mang tên phố Beylié nay là phố Hàng Chuối), 146 (ngõ Huế) và đường Cimetière (phố Nguyễn Công Trứ), và 30 nhà đôi khác cho công nhân trên mảnh đất có diện tích $18.800m^2$ đường 159 (đường Lương Yên) gần Abattoir (khu lò mổ lợn của Thành phố). Tuy nhiên, dự án làm nhà cho thư ký trên khu đất A không thực hiện được do trên khu đất này người ta sẽ dựng lại trường dành cho trẻ em Đông Dương bị bỏ rơi, do vậy Hội đồng Thành phố đề nghị Nhà máy rượu Đông Dương tìm một địa điểm mới để thực hiện dự án trên (kèm theo mẫu hợp đồng bán đất của Thành phố Hà Nội cho Nhà máy rượu Đông Dương để xây nhà cho công nhân).
- Bản vẽ khu nhà đôi dành cho thư ký Nhà máy rượu Đông Dương được lập ngày 23-5-1930, tỷ lệ $1m/mp.m$, kích thước $27,5 \times 21,5cm$, trên giấy thường.
- Bản vẽ 30 nhà đôi cho công nhân Nhà máy rượu Đông Dương được lập ngày 10-2-1930, tỷ lệ $1m/m.p.m$, kích thước $27,4 \times 21,2cm$, trên giấy thường.

Và một vài tài liệu khác...

SCDHN - 561

Echange de terrains sis à la voie N° 109^{bis} d'Hanoï entre la Ville de Hanoï et Vu Khac Minh domicilié à la rue de Vers Blancs d'Hanoï 1930-1938.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Về việc Thành phố Hà Nội trao đổi đất trên đường số 109^{bis} với ông Vũ Khắc Minh sống tại phố Vers Blancs, Hà Nội 1930-1938.

• *Hồ sơ có 24 tờ, gồm thư từ trao đổi, trích biên bản phiên họp của Hội đồng Thành phố Hà Nội tháng 2-1932... về việc Thành phố đổi các thửa đất số 277 và 277/1 khu I lấy thửa đất số 280/1 và 258 khu K của ông Vũ Khắc Minh sống tại phố Vers Blancs (phố Hàng Rươi) để mở đường số 109^{bis} và làm thẳng phố Duvillier (phố Nguyễn Thái Học), có kèm theo hợp đồng trao đổi đất và bản vẽ các thửa đất.*

Và một số tài liệu khác...

SCDHN - 573

Echange de terrains sis à la voie N^o 155 à Hanoï entre la Ville d'Hanoï et Doan Nhu Khue, Tran Duc Tien domiciliés au Boulevard de Grand Boudhha à Hanoï 1930-1941.

Về việc trao đổi đất trên đường số 155 tại Hà Nội giữa Thành phố Hà Nội và Đoàn Như Khuê, Trần Đức Tiến sống tại đại lộ Grand Bouddha, Hà Nội 1930-1941.

• *Hồ sơ có 127 tờ, gồm: thư từ trao đổi, báo cáo, trích biên bản các phiên họp của Hội đồng Thành phố Hà Nội... từ 1930-1941 về việc Thành phố đổi các thửa đất số 126/1 và 125/2 khu J lấy thửa đất số 129 của ông Trần Đức Tiến sống tại đại lộ Grand Bouddha (phố Quán Thánh) và số 139 của ông Đào Ngọc Khuê để mở đường số 155 (đường này sau được đặt tên là phố Elie Groleau, rồi đổi tên thành phố Một Cột, nay là phố Chùa Một Cột), có kèm theo hợp đồng trao đổi và bản vẽ các thửa đất.*

Và một số tài liệu khác...

SCDHN - 584

Cession des terrains particuliers sis à Hanoï pour l'alignement de la voie N^o 190 par Truong Trong Vong, entrepreneur, demeurant à Hanoï 1930-1935.

Về việc ông Trương Trọng Vọng, chủ thầu sống tại Hà Nội nhượng tư thổ tại Hà Nội để làm thẳng tuyến đường số 190 (1930-1935).

Hồ sơ gồm 44 tờ, trong đó có:

- Trích biên bản phiên họp ngày 26-5-1930 của Hội đồng Thành phố Hà Nội thông qua dự án xây dựng mặt bằng tuyến đường số 190 kéo dài với chiều rộng là 14 mét, có kèm theo bản vẽ mặt bằng tuyến đường này và bản vẽ khu phố Thể Giao.
- Thư từ trao đổi giữa Đốc lý Hà Nội và luật sư của ông Trương Trọng Vọng từ 1930-1935, trích biên bản phiên họp ngày 30-8-1934 của Hội đồng Thành phố Hà Nội... về việc ông Trương Trọng Vọng chuyển nhượng cho Thành phố thửa đất số 598/1 khu S để làm thẳng tuyến đường số 190, có kèm theo hợp đồng chuyển nhượng và bản vẽ thửa đất.



J - 238

BAT, 1930, N° 11, p. 2130.

Arrêté du 14 juin 1930 du Résident supérieur au Tonkin autorisant la Société des tramways de l'Indochine à construire un aqueduc de 1,60m d'ouverture au P.K 3+900 de la route coloniale N° 6 de Hanoï à Hadong.

Nghị định ngày 14-6-1930 của Thống sứ Bắc Kỳ cho phép Công ty Tàu điện Đông Dương xây dựng một chiếc cống rộng 1,60m tại km 3+900 trên đường thuộc địa số 6 từ Hà Nội đi Hà Đông.

J - 1141

JOIF, 1930, N° 8, p. 359.

Arrêté du 20-1-1930 du Gouverneur général de l'Indochine approuvant le plan d'alignement des principales voies du quartier du cimetière européen de la Ville de Hanoï.

Nghị định ngày 20-1-1930 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn bản đồ chỉ giới các đường chính ở khu nghĩa trang người Âu trong Thành phố Hà Nội.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Nghị định này (gồm 5 điều và hai bảng kèm theo) phê chuẩn bản đồ chỉ giới kèm theo nghị quyết ngày 29-8-1929 của Hội đồng Thành phố Hà Nội. Theo đó, chiều dài số nhà và hướng của các con đường ở khu nghĩa trang người Âu được quy định chi tiết trong hai bảng kèm theo Nghị định.

- *Chiều dài và chiều rộng của các đường chính của khu Nghĩa trang người Âu được giới hạn bởi đường Nghĩa trang (phố Nguyễn Công Trứ), đường Hué (phố Huế), giới hạn phía nam thành phố và đại lộ Armand Rousseau (phố Lò Đức). Các chỉ giới được quy định chi tiết trong bảng kèm theo cho từng con đường trong khu này dựa trên các giới hạn nói trên.*

- *Các mốc chỉ hướng và chỉ giới hạn của các đường chính của khu nghĩa trang người Âu được giới hạn bởi đường nghĩa trang, đại lộ Armand Rousseau, về giới hạn phía nam thành phố. Các mốc chỉ hướng của từng con đường được quy định chi tiết trong bảng kèm theo Nghị định.*

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

J - 1143

JOIF, 1930, N° 68, p. 2991.

Arrêté du 28-7-1930 du Gouverneur général de l'Indochine approuvant le plan d'alignement de la voie N° 190 prolongée de la Ville de Hanoï.

Nghị định ngày 28-7-1930 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn bản đồ xác định giới hạn đường số 190 kéo dài ở Thành phố Hà Nội.

Nghị định gồm 5 điều và 2 bảng kèm theo, quy định chi tiết các chỉ giới và mốc giới của đường này.

J - 1143

JOIF, 1930, N° 94, p. 4168.

Arrêté du 16-11-1930 du Gouverneur général de l'Indochine approuvant les plans d'alignement de la ruelle de Thanh Mien et des voies N° 198, 200^{bis}, 266 prolongée de la Ville de Hanoï.

Nghị định ngày 16-11-1930 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn bản đồ xác định giới hạn ngõ Thanh Miến và các đường số 198, 200^{bis}, 266 kéo dài ở Thành phố Hà Nội.

Nghị định gồm 5 điều và 2 bảng quy định chỉ giới và mốc giới của các đường nói trên.

J - 1143

JOIF, 1930, N° 98, p. 4438.

Circulaire du 20-11-1930 du Gouverneur général de l'Indochine relative aux plans de l'extension et l'aménagement des Villes en Indochine.

Thông tư ngày 20-11-1930 của Toàn quyền Đông Dương liên quan đến kế hoạch sắp xếp và mở rộng các thành phố ở Đông Dương.

Thông tư của Toàn quyền Đông Dương gửi các địa phương hướng dẫn việc áp dụng Sắc lệnh ngày 12-7-1928 của Tổng thống Pháp về kế hoạch sắp xếp và mở rộng các thành phố ở Đông Dương.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

RST - 58865

Plan d'alignement des voies et quartiers de la Ville de Hanoï 1931.

Bản đồ xác định giới hạn các đường và khu phố của Thành phố Hà Nội 1931.

Hồ sơ gồm 16 tờ:

- Công văn số 645/V ngày 2-4-1931 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc xác định giới hạn đường số 221 (đường số 221 sau được đặt tên là phố Trương Vĩnh Ký nay là phố Phan Văn Trị), 168 (đường số 168 sau được đặt tên là phố Dufourcg rồi sáp nhập với các phố Charles Halais và Riquier thành phố Nguyễn Du ngày nay), 168^{bis}, 169, 172 (đường số 172 được mang tên là phố Charles Halais, sau khi phố Charles Halais sáp nhập với hai phố Dufourcg và Riquier để thành phố Nguyễn Du thì số 172 lại được đánh cho một đường khác mới mở. Đường mới sau được đổi tên thành phố Nguyễn Trung Ngạn), và đường số 172^{bis}.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Trích biên bản phiên họp ngày 16-5-1931 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc thông qua dự thảo Nghị định phê chuẩn bản đồ xoá bỏ 2 mét của đường số 221 về phía bắc.
- Nghị định số 3378 ngày 11-6-1931 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn Nghị quyết ngày 26-2-1931 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc xoá bỏ 2 mét đường 221 về phía bắc.

MHN - 4162

Institution d'une commission locale d'aménagement et d'extension des Villes en Indochine 1931-1941.

Thành lập một Ủy ban địa phương quy hoạch và mở rộng các thành phố ở Đông Dương 1931-1941.

Hồ sơ gồm 12 tờ trong đó có:



- Trích Nghị định số 300/S ngày 21-9-1931 của Toàn quyền Đông Dương thành lập hai ủy ban: Ủy ban cao cấp quy hoạch, làm đẹp và mở rộng các thành phố ở Đông Dương và Ủy ban địa phương về sắp xếp và mở rộng các thành phố ở Bắc Kỳ.
- Nghị định số 2294 ngày 30-5-1934 của Thống sứ Bắc Kỳ chỉ định chủ tịch và các thành viên của Ủy ban địa phương về quy hoạch và mở rộng các thành phố ở Bắc Kỳ.
- Biên bản phiên họp ngày 21-2-1935 của Ủy ban địa phương về quy hoạch và mở rộng thành phố bàn về các nguyên tắc chính để chỉ đạo các thành phố trong việc áp dụng Nghị định ngày 20-11-1930 về quy hoạch và mở rộng thành phố. Sau khi trao đổi, Ủy ban này đã nhất trí đưa ra 4 quy tắc chung để chỉ đạo việc xây dựng các bản đồ quy hoạch và mở rộng các thành phố ở Bắc Kỳ.
- Nghị định số 1648 ngày 7-3-1941 của Toàn quyền Đông Dương giao nhiệm vụ nghiên cứu và xây dựng bản đồ quy hoạch và mở rộng Thành phố Hà Nội cho Sở Quy hoạch đô thị và Kiến trúc Đông Dương.

SCDHN - 43

Etats des immeubles appartenant à la Ville de Hanoï 1931.

Danh sách các công thự của Thành phố Hà Nội 1931.

Hồ sơ có 5 tờ, gồm bảng tổng kết bất động sản của Thành phố Hà Nội năm 1931.

J - 1147

JOIF. 1931. N° 78. p. 3202.

Arrêté du 21-9-1931 du Gouverneur général de l'Indochine fixant la composition de la commission supérieure et des commissions locales d'aménagement, d'embellissement et d'extension des Villes en Indochine.

Nghị định ngày 21-9-1931 của Toàn quyền Đông Dương ấn định thành phần các Ủy ban quy hoạch, làm đẹp và mở rộng thành phố ở trung ương và địa phương.

downloadsachmienphi.com

Nghị định quy định thành phần của một Ủy ban cấp trung ương và năm Ủy ban địa phương ở Bắc Kỳ, Nam Kỳ, Trung Kỳ, Lào và Cam-pu-chia. Theo đó thành viên của Ủy ban cấp trung ương và Ủy ban ở Bắc Kỳ được quy định như sau:

Thành phần của Ủy ban cấp trung ương gồm 10 thành viên:

- Phó Toàn quyền Đông Dương làm Chủ tịch.
- Giám đốc Nha Tài chính Đông Dương.
- Tổng Thanh tra Công chính.
- Tổng Thanh tra Y tế.
- Giám đốc Trường Mỹ thuật Đông Dương.
- Giám đốc Trường Viễn Đông Bác cổ.
- Kiến trúc sư trưởng, Chánh Sở Nhà cửa.
- Ba thành viên của Đại Hội đồng Lợi ích kinh tế và Tài chính Đông Dương, do Toàn quyền Đông Dương chỉ định.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Thành viên của Ủy ban quy hoạch, làm đẹp và mở rộng thành phố ở Bắc Kỳ gồm 14 thành viên:

- Một viên quản lý hành chính Sở Dân sự do Thống sứ Bắc Kỳ chỉ định làm Chủ tịch.
- Đốc lý Hà Nội.
- Đốc lý Hải Phòng.
- Công sứ Nam Định.
- Công sứ Hải Dương.
- Kỹ sư trưởng Khu Công chính Bắc Kỳ.
- Giám đốc Sở Y tế.
- Trưởng Ty Nhà cửa của Khu Công chính Bắc Kỳ.
- Đại biểu của Phòng Thương mại Hà Nội.
- Đại biểu của Phòng Thương mại Hải Phòng.
- Đại biểu của Hội đồng Lợi ích kinh tế và tài chính cho người Pháp ở Bắc Kỳ.
- Đại biểu của Viện Dân biểu Bắc Kỳ.
- Hai thành viên còn lại do Thống sứ Bắc Kỳ chỉ định.

RST - 58212

Au sujet des plans d'alignement des rues de Vélodrome et Philharmonique (Hanoi) 1932.

Về bản vẽ xác định giới hạn hai phố Vélodrome và Philharmonique (Hà Nội) 1932.

Hồ sơ gồm 19 tờ và 2 bản vẽ, trong đó có:

- Công văn số 6756 A/4 ngày 2-5-1932 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương đề nghị phê chuẩn dự thảo Nghị định về xác định giới hạn hai phố Vélodrome (trước là đường số 115 sau đổi tên thành phố Résident Morel, rồi đổi thành phố Mạc Đĩnh Chi và nay

là phố Bà Huyện Thanh Quan) và Philharmonique (phố Hồ Hoàn Kiếm), có dự thảo Nghị định kèm theo.

- Nghị định số 38/D ngày 31-5-1932 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn bản vẽ xác định giới hạn hai phố Vélodrome và Philharmonique. Theo đó, phố Vélodrome được xác định từ đại lộ Puginier (phố Điện Biên Phủ) đến đại lộ Giovaninelli (phố Lê Hồng Phong), dài 226 mét, cắt phố Một Cột (phố Chùa Một Cột). Phố Philharmonique được xác định từ phố Cầu Gỗ đến đại lộ Francis Garnier (phố Đinh Tiên Hoàng), dài 50 mét.
- Bản vẽ xác định giới hạn khu phố Vélodrome, kích thước 62 x 81 cm, tỷ lệ 1/500, do Giám đốc Sở Quản lý Đường bộ vẽ ngày 20-5-1931, được Đốc lý Hà Nội và Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn.
- Bản vẽ xác định giới hạn phố Philharmonique, kích thước 30,5 x 42 cm, tỷ lệ 1/200, do Giám đốc Sở Quản lý Đường bộ vẽ ngày 24-7-1931, đã được Đốc lý Hà Nội và Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn...

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

RST - 58240

Plan d'alignement du boulevard Giovaninelli et de la route Mandarine à Hanoi 1932.

Bản vẽ giới hạn đại lộ Giovaninelli và đường Mandarine 1932.

Hồ sơ gồm 16 tờ, trong đó có:

- Công văn số 6715A/4 ngày 30-4-1932 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương đề nghị phê chuẩn dự thảo Nghị định về việc xác định giới hạn đại lộ Giovaninelli (sau được đổi tên thành phố Tôn Trung Sơn, rồi đổi thành đại lộ Tôn Thất Thuyết, nay là phố Lê Hồng Phong) và đường Mandarine (một đoạn phố Lê Duẩn).
- Nghị định số 39/D ngày 31-5-1932 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn bản vẽ xác định giới hạn đại lộ Giovaninelli. Theo đó,

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

dại lộ này được xác định từ đại lộ Puginier (phố Điện Biên Phủ) đến tường Thành, dài 233 mét, cắt đại lộ Victor Hugo (phố Hoàng Diệu).

- Nghị định số 40D ngày 31-5-1932 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn bản vẽ xác định giới hạn đường Mandarine. Theo đó, đường này được chia làm 2 đoạn: đoạn thứ nhất được xác định từ đại lộ Gambetta (phố Trần Hưng Đạo) đến đường số 191 (phố Lê Đại Hành), dài 808 mét, cắt các phố Reinach (phố Trần Quốc Toản), Mongrand (phố Nguyễn Thượng Hiền) và Miribel (phố Trần Nhân Tông); đoạn thứ 2 được xác định từ đường 191 đến đường 202 (đường này sau được mang tên phố Nguyễn Du, rồi đổi thành phố Tirant và nay là phố Gia Ngư), dài 1.020 mét, cắt đường 193 và 201.

MHN - 4163



Au sujet du remblaiement d'une superficie de 9.975m² du Grand Lac "Tây Hồ" par la Ville de Hanoi 1932-1933.

Về việc Thành phố Hà Nội lấp 9.975m² hồ Tây 1932-1935.

Hồ sơ gồm:

- 1 bản vẽ trên giấy croquis về giới hạn khu đất lấp, kích thước 24 x 30cm.
- Các công văn trao đổi để chuẩn bị cho việc lấp 9.975m² hồ Tây.

MHN - 4412

Proposition pour l'agrandissement du Jardin Botanique à Hanoi 1932.

Đề xuất mở rộng Vườn Bách Thảo Hà Nội 1932.

Hồ sơ gồm 2 tờ có bản đề xuất mở rộng vườn Bách thảo Hà Nội do Feyssal, uỷ viên Hội đồng Thành phố trình bày tại Hội đồng Thành phố Hà Nội. Theo đề xuất này, nhà tu, chùa Một Cột, pháo đài đang dùng làm kho thuốc súng nên nhập vào vườn Bách Thảo.

MHN - 5480

Pose de la plaque commémorative du Général Mangin à l'angle du boulevard Victor Hugo et boulevard Giovaninelli 1932.

Đặt tấm biển tưởng niệm Đại tướng Mangin ở góc phố giao nhau giữa 2 đại lộ Victor Hugo và Giovaninelli 1932.

Hồ sơ gồm 2 tờ:

- Công văn số 227/3.I ngày 3-3-1932 của Đại tướng Chỉ huy quân đội Đông Dương gửi Đốc lý Hà Nội đề xuất cho đặt biển tưởng niệm Đại tướng Mangin ở góc phố giao nhau giữa hai phố Victor Hugo (phố Hoàng Diệu) và Giovaninelli (phố Lê Hồng Phong).
- Công văn số 431/A ngày 4-3-1932 của Đốc lý Hà Nội đồng ý việc cho đặt biển tưởng niệm nói trên.

SCDHN - 6

Extension des zones interdites aux constructions en paillotes en Ville d'Hanoi 1932.

Mở rộng các khu vực cấm làm nhà tranh trong Thành phố Hà Nội 1932.

Hồ sơ có 7 tờ, gồm:

- Công văn trao đổi bắt nguồn từ cuộc họp Hội đồng Thành phố Hà Nội tháng 8 năm 1932 đề cập đến việc cấm làm nhà tranh trên phố Sergent Larrivé (phố Nguyễn Công Trứ), cải tạo các khu phố bị ô nhiễm của Thành phố Hà Nội. Để làm được điều này, Thành phố Hà Nội đã chia ra làm 4 khu vực không được phép làm nhà tranh (ranh giới các khu vực này được trình bày chi tiết trong Nghị định số 672 ngày 21-12-1932).
- Nghị định số 672 ngày 21-12-1932 của Đốc lý Hà Nội về việc mở rộng các khu vực cấm làm nhà tranh:
 - Khu A: phía bắc có phố Wiélé (phố Tô Hiến Thành), đường Cimetière (phố Nguyễn Công Trứ) và đại lộ Gambetta (phố Trần

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Hưng Đạo); phía đông là Quai Clémenceau (phố Trần Nhật Duật), đại lộ Armand Rousseau (phố Lò Đúc) và đường 260 (ngõ Trần Cao Vân); phía nam gồm các đường 158, 226, 225 (phố Chùa Vua), 222 (sau gộp với các đường số 202 và 164 thành đường Đại Cồ Việt) và 202 (phố Gia Ngư); phía tây là đường 199.

- Khu B: có phố Reinach (Phố Trần Quốc Toàn) và phố Riquier (một đoạn phố Nguyễn Du) ở phía bắc; phía nam có phố Wiélé và đường 191 (phố Lê Đại Hành); phố Lê Lợi (phố Bà Triệu) ở phía đông và phía tây có đường Mandarine (một đoạn phố Lê Duẩn).

- Khu C: phía bắc có đường Sinh Từ (phố Nguyễn Khuyến); phía nam có đường 221 (phố Phan Văn Trị); phía đông là các đường 240 và 243; đường 214 (phố Trịnh Hoài Đức) ở phía tây.

- Khu D: đường Sinh Từ ở phía bắc; đường 238 (phố Quốc Tử Giám) ở phía nam; phía đông là đường 257 (phố Trần Quý Cáp) và phía tây là đường Cao Đắc Minh (phố Văn Miếu).

• Bản đồ Thành phố Hà Nội do Sở Công chính Thành phố lập tháng 11 năm 1928, in trên giấy croquis, tỷ lệ 1/1000, kích thước 46,5 x 70cm, có đánh dấu các khu vực cấm làm nhà tranh.

SCDHN - 90

Au sujet de l'expropriation des immeubles sis à la rue des Paniers au carrefour de la rue des Balances en vue de rectification de la rue des Balances par la Ville d'Hanoï 1932-1933.

Thành phố Hà Nội trưng thu công thự trên phố Paniers (phố Hàng Bồ) tại ngã tư phố Balances để chỉnh sửa phố Balances 1932-1933.

Hồ sơ gồm 11 tờ, trong đó có:

• Danh sách các đền, đình, chùa cần được chỉnh sửa do Chánh Sở Địa chính Thành phố lập ngày 26-1-1932, kèm theo bản ước tính giá cả cho việc chỉnh sửa phố Balances (phố Hàng Cân) năm 1933.

- *Bản vẽ khu C của Thành phố Hà Nội năm 1932, tỷ lệ 1/200, kích thước 86,5 x 53cm, trên giấy calque, có tô màu.*

Trong hồ sơ này có 2 bản viết tay bằng chữ quốc ngữ và chữ Pháp.

J - 1149

JOIF, 1932, N° 48, p. 1812.

Arrêté du 31-5-1932 du Gouverneur général de l'Indochine approuvant les plans d'alignement annexés aux délibérations du Conseil municipal de Hanoï des 28 mai et 27 août 1931 portant classement de la rue du Vélodrome et modification à apporter aux alignements de la rue Philharmonique.

Nghị định ngày 31-5-1932 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn bản đồ xác định giới hạn đường đi kèm Nghị quyết của Hội đồng Thành phố Hà Nội trong các phiên họp các ngày 18-5 và 27-8-1931 về việc xếp hạng phố Vélodrome và thay đổi giới hạn phố Philharmonique.

- *Theo đó, phố Vélodrome (phố Bà Huyện Thanh Quan) được xác định giới hạn từ đại lộ Puginier (phố Điện Biên Phủ) đến đại lộ Giovaninellie (phố Lê Hồng Phong) cắt phố Một Cột (phố Chùa Một Cột).*
- *Phố Philharmonique (phố Hồ Hoàn Kiếm) được xác định giới hạn từ phố Pont en Bois (phố Cầu Gỗ) đến đại lộ Francis Garnier (phố Đinh Tiên Hoàng).*
- *Chiều dài rộng, chiều rộng của đường và vỉa hè được quy định cụ thể trong Nghị định.*

Nghị định này cũng được đăng Công báo Thành phố Hà Nội tháng 6 năm 1932, số 6, trang 533.

J - 1149

JOIF, 1932, N° 48, p. 1813.

Arrêté du 31-5-1932 du Gouverneur général de l'Indochine approuvant les plans d'alignement annexés aux délibérations du Conseil municipal

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

de Hanoï du 25-2-1932 portant modifications à apporter aux alignements de la route Mandarine.

Nghị định ngày 31-5-1932 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn bản đồ xác định giới hạn đường đính kèm Nghị quyết của Hội đồng Thành phố Hà Nội trong phiên họp ngày 25-2-1932 về thay đổi giới hạn đường Mandarine.

Theo nghị định, đường Mandarine (một đoạn phố Lê Duẩn) chia làm 2 phần: phần thứ nhất được giới hạn từ đại lộ Gambetta (phố Trần Hưng Đạo) đến đường số 191 (phố Lê Đại Hành), phần thứ 2 từ đường số 191 đến đường 202 (một đoạn đường Đại Cồ Việt), cắt các phố Rheinart (phố Nguyễn Khoái), Mongrand (phố Nguyễn Thượng Hiền), Miribel (phố Trần Nhân Tông) và đường số 193 và 201. Chiều dài, chiều rộng và các chỉ giới được quy định cụ thể trong Nghị định.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

J - 1149

JOIF, 1932, N° 48, p. 1815.

Arrêté du 31-5-1932 du Gouverneur général de l'Indochine approuvant le plan d'alignement annexés à la délibération du Conseil municipal de Hanoï du 25-2-1932 portant prolongement du boulevard Giovaninelli.

Nghị định ngày 31-5-1932 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn bản đồ xác định giới hạn đường đi kèm Nghị quyết của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc kéo dài đại lộ Giovaninelli.

Theo Nghị định, đoạn đại lộ Giovaninelli (phố Lê Hồng Phong) kéo dài được xác định từ đại lộ Puginier (sau được đổi tên thành phố Dân Chủ Cộng Hoà, rồi đại lộ Nguyễn Tri Phương và nay là phố Điện Biên Phủ) đến bức tường Thành, cắt đại lộ Victor Hugo (phố Hoàng Diệu).

J - 1151

JOIF, 1932, N° 68, p. 2687.

Extrait de l'Arrêté du 11-8-1932 du Gouverneur général de l'Indochine autorisant la cession gratuite au Protectorat du Tonkin de divers immeubles à Hanoï.

Trích Nghị định ngày 11-8-1932 của Toàn quyền Đông Dương cho phép nhượng một số nhà ở Hà Nội cho Chính quyền Bảo hộ.

Theo Nghị định này, có 4 ngôi nhà được nhượng cho Chính quyền Bảo hộ để mở rộng Bệnh viện Bản xứ Hà Nội.

MHN - 12

Projet de division de la Ville de Hanoï en groupes de quartier 1933.

Dự án chia Thành phố Hà Nội thành các nhóm khu phố 1933.

Hồ sơ gồm 2 bản đồ:

- Bản đồ Thành phố Hà Nội được vẽ theo dự kiến ngày 29-6-1933 chia Thành phố thành 5 khu phố được đánh dấu bằng các chữ cái H, K, L, M, F.
- Bản đồ Thành phố Hà Nội được vẽ theo dự kiến ngày 29-6-1933 chia Thành phố thành 6 khu phố được đánh dấu bằng các chữ cái H, K, N, R, S, T. Cả 2 bản đồ trên đều có tỷ lệ 1/10.000 và kích thước 53,5 x 80cm.

MHN - 4184

Classement des voies de la Ville de Hanoï au point de vue de la taxe d'entretien 1933.

Sắp xếp đường phố của Thành phố Hà Nội theo thuế bảo dưỡng 1933.

Hồ sơ gồm 4 tờ, trong đó có một Nghị định số 69 của Đốc lý Hà Nội ngày 15-2-1933 sắp xếp lại đường phố dựa trên mức thuế bảo dưỡng đường đô thị đã được quy hoạch. Theo Nghị định này, các đường của Thành phố Hà Nội được sắp xếp thành bốn hạng.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

MHN - 349

Extrait du procès-verbaux du Conseil municipal de Hanoï, session ordinaire d'août, séance du 23 août 1933.

Trích biên bản phiên họp ngày 23-8-1933, khoá thường kỳ tháng 8 năm 1933 của Hội đồng Thành phố Hà Nội.

Hồ sơ gồm 12 tờ, trong đó có:

- *Trích biên bản phiên họp ngày 23-8-1933, khoá thường kỳ tháng 8 năm 1933 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc thông qua dự án sửa đổi giới hạn khu phố Đế Thích (khu Chùa Vua) và lấy tên Tổng đốc Nguyễn Bách (Tổng đốc Bắc Ninh) đặt cho một vườn hoa mới xây dựng.*
- *Nghị định số 3244 ngày 14-10-1933 của Thống sứ Bắc Kỳ phê chuẩn các dự án xác định giới hạn đường và khu phố của Hội đồng Thành phố Hà Nội ngày 23-8-1933, trong đó có đường phố số 233^{bis} (ngõ Chùa Vua), đường số 260^{bis} (phố Trần Cao Vân), Duranton (phố Nguyễn Thiệp), phố Papier (phố Hàng Giấy). Chiều dài, hướng, của các đường phố này được quy định chi tiết trong hai bảng số 1 và số 2 đi kèm Nghị định này. Theo đó, vườn hoa Tổng đốc Nguyễn Bách nằm trước chùa Đế Thích và được giới hạn bởi các đường số 230 (phố Trần Cao Vân), 233^{bis}, 260^{bis} và 225 (phố Chùa Vua).*

MHN - 4520

Ouverture du nouveau marché aux porcs vivants à Hanoï 1933-1936.

Mở một chợ mới bán lợn tại Hà Nội 1933-1936.

Hồ sơ gồm 7 tờ, trong đó có:

- *Biên bản phiên họp ngày 12-10-1933 của Hội đồng Thành phố về việc mở một chợ mới để bán lợn tại Hà Nội.*
- *Nghị định số 363 ngày 14-10-1933 của Đốc lý Hà Nội cho phép mở một chợ mới để bán lợn tại Hà Nội cạnh khu Abattoir (khu lò*

mở lợn của Thành phố) kể từ ngày 19-10-1933. Nghị định này cũng quy định về vệ sinh chợ và chuồng lợn của khu chợ. Nghị định cấm chuyên chở lợn trong phạm vi Thành phố kể từ 22h đến 5h sáng để tránh tiếng ồn.

SCDHN - 10

Organisation du territoire de la Ville de Hanoï dénommé Banc de Sable 1933 - 1940.

Tổ chức khu Banc de Sable (khu bãi sông Hồng) của Thành phố Hà Nội 1933-1940.

Hồ sơ gồm 43 tờ, trong đó có:

- Đơn từ khiếu nại của trưởng khu phố Jean Dupuis (phố Hàng Chiếu) và các gia đình sống ở khu bãi sông Hồng gửi Đốc lý Hà Nội đề nghị tái tổ chức các khu nhà ở; xin gia hạn thời gian chuyển nhà đi nơi khác và hỗ trợ kinh phí làm nhà ở mới; xin phép chăn nuôi gia súc, gia cầm; xin miễn thuế thổ trạch và xin được bầu lý trưởng, hương hội...

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

- Các quyết định của Đốc lý Hà Nội năm 1937 về ranh giới các làng ở bãi sông Hồng như Nghĩa Dũng và một thôn của Nghĩa An, thôn Tân Ấp, Phúc Xá hạ; lập lại tổ chức hành chính của khu vực này đồng thời quy định các điều kiện vệ sinh, an ninh trật tự công cộng... Ngoài ra còn có quyết định số 113 ngày 5-3-1937 của Đốc lý Hà Nội về việc bổ nhiệm ông Phạm Ngọc Châu làm lý trưởng làng Nghĩa Dũng.

- Và một số tài liệu khác liên quan đến việc thu thuế đất tại một số làng thuộc khu bãi sông Hồng; cấp giấy phép cho người dân làm nhà vệ sinh tại bãi Nghĩa Dũng, Phúc Xá hạ và Phúc Tân...

Tài liệu trong hồ sơ này bằng chữ Pháp và chữ quốc ngữ.

SCDHN - 258

Prolongement et aménagement du boulevard Henri d'Orléans (compris entre la rue Cuivre prolongée et la rue Papier) d'Hanoï 1933-1934.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Kéo dài và chỉnh trang đại lộ Henri d'Orléans đoạn từ phố Cuivre kéo dài đến phố Papier Hà Nội 1933-1934.

Hồ sơ gồm 70 tờ, trong đó có:

- *Danh sách các căn nhà bị trưng thu hoặc mua theo thoả thuận.*
- *Nghị định số 3244/A ngày 14-10-1933 của Thống sứ Bắc Kỳ phê chuẩn các mặt bằng tuyến dính kèm nghị quyết ngày 23-8-1933 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc sắp xếp và quy định mặt bằng các tuyến đường sau: phố Leblanc (phố Nguyễn Hữu Huân), đại lộ Carnot (phố Phan Đình Phùng) kéo dài, phố Durantou (phố Nguyễn Thiệp), phố Papier, đường số 30, đường 30^{bis}, đại lộ Henri d'Orléans, đường 168 (phố Nguyễn Du), đường 269, đường 270, quảng trường Tổng đốc Nguyễn Bách (nằm trước chùa Đế Thích), ngõ Chung Yên. Độ rộng, trục các tuyến đường này được quy định phải phù hợp với các bảng số 1 và 2 dính kèm theo Nghị định.*
- *Nghị định số 10/S ngày 7-5-1934 của quyền Toàn quyền Đông Dương cho phép quy hoạch đại lộ Henri d'Orléans (phố Phùng Hưng), đoạn từ phố Cuivre kéo dài (phố Hàng Mã kéo dài) đến phố Papier (phố Hàng Giấy), kèm theo hai sơ đồ mặt bằng tuyến.*
- *Sổ đăng ký việc lựa chọn cư trú của các chủ sở hữu có đất bị trưng thu để mở rộng đại lộ Henri d'Orléans từ phố Cuivre đến phố Papier, trong cuộc điều tra lần 1 và lần 2.*
- *Sơ đồ mặt bằng khu chợ, tỷ lệ 0.001 p.m, kích thước 79,8 x 41,9cm, vẽ trên giấy calque.*
- *Sơ đồ đại lộ Henri d'Orléans kéo dài, khu A, tỷ lệ 1/200, kích thước 106 x 43,2cm, vẽ trên giấy thường.*
- *Và một số tài liệu khác như biên bản các phiên họp của Hội đồng Thành phố, báo cáo về khoản kinh phí dự trù cho việc mở rộng đại lộ Henri d'Orléans ...*

Trong hồ sơ có một số tài liệu bằng chữ quốc ngữ và chữ Hán - Nôm.

SCDHN - 601

Acquisitions de terrains sis à la rue Ly Thuong Kiet par la Ville de Hanoi à Nguyen Van Thai, Kieu Thi Yen, Nguyen Van Xuyen 1933-1937.

Thành phố Hà Nội trưng mua các thửa đất trên phố Lý Thường Kiệt (phố Ngô Sĩ Liên) của vợ chồng ông, bà Nguyễn Văn Thái, Kiều Thị Yên và ông Nguyễn Văn Xuyen 1933-1937.

- Hồ sơ gồm 46 tờ, trong đó có: thư từ trao đổi từ 1933-1937, quyết định quy định giới hạn tuyến đường, trích biên bản phiên họp ngày 13-11-1933 của Hội đồng Thành phố Hà Nội... về việc Thành phố trưng dụng các thửa đất số 478 và 147 khu K để mở đường số 236 và 256, có kèm theo hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 478 và bản vẽ các thửa đất.

Và một số tài liệu khác...



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

SCDHN - 802

Délimitation des quartiers de la Ville de Hanoi et établissement des règlements pour les Chefs de quartiers 1933-1950.

Chia lại địa phận các khu phố trong Thành phố Hà Nội và thiết lập quy chế Khu trưởng 1933-1950.

Hồ sơ gồm 36 tờ, trong đó có:

- Nghị định ngày 19-10-1933 của Đốc lý Hà Nội gồm 15 điều quy định chức quyền, lương bổng, cách tuyển bổ, thăng thưởng, từ dịch, trừng phạt, quyền... của các phố trưởng thuộc Thành phố Hà Nội và địa giới các khu của Phố trưởng (ấn phẩm của nhà in Thanh niên, dày 19 trang, kích thước 15,5 x 23,5cm, in bằng chữ quốc ngữ).
- Phụ bản Nghị định ngày 29-9-1949 của Thị trưởng Thành phố Hà Nội phân chia lại địa phận Thành phố Hà Nội thành 25 khu (có danh sách các phố trong từng khu), tài liệu đánh máy bằng chữ Pháp.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- *Nghị định số 338/NĐ ngày 25-7-1950 của Thị trưởng Thành phố Hà Nội gồm 15 điều. Theo đó, địa hạt Thành phố Hà Nội được chia làm 36 khu. Mỗi khu sẽ do một khu trưởng quản lý. Nghị định còn quy định cụ thể nhiệm vụ của khu trưởng, giờ làm việc, việc bố dụng, từ dịch, kỷ luật... (kèm theo phụ bản chia Thành phố Hà Nội làm 36 khu). Nghị định này được đánh máy và sao in bằng chữ quốc ngữ.*

J - 364

BMHN, 1933, N° 2, p. 81.

Arrêté N° 57 du 11 février 1933 du Maire de la Ville de Hanoï affectant provisoirement à l'inhumation des militaires indochinois, décédés à Hanoï, une parcelle de terrain dépendant du cimetière municipal de Kim Lien.

Nghị định số 57 ngày 11-2-1933 của Đốc lý Hà Nội về việc tạm thời sử dụng một mảnh đất trong nghĩa trang Kim Liên của Thành phố để mai táng những quân nhân Đông Dương mất tại Hà Nội.

- *Nghị định gồm 4 điều cho phép sử dụng tạm thời một mảnh đất trong nghĩa trang Kim Liên của Thành phố. Mảnh đất này được tạo bởi một hình tứ diện ABCD và xác định thành tọa độ địa hình theo các chỉ số được chỉ rõ trong Nghị định. Về mặt hành chính, nhất là liên quan đến việc bốc mộ, nghĩa trang này vẫn thuộc Thành phố Hà Nội. Việc khai quật sẽ được thực hiện theo yêu cầu của chính quyền Thành phố nhưng Chính quyền Quân sự phải chịu trách nhiệm hoàn trả tiền.*

J - 364

BMHN, 1933, N° 9, p. 756.

Arrêté N° 343 du 23 septembre 1933 du Résident supérieur au Tonkin approuvant le plan d'alignement portant classement de la route du village du Papier et fixant les alignements de la dite route.

Nghị định số 343 ngày 23-9-1933 của Thống sứ Bắc Kỳ phê chuẩn mặt bằng tuyến về việc sắp xếp đường làng Papier và quy định các tuyến của con đường này.

Nghị định gồm 4 điều phê chuẩn mặt bằng tuyến được đính kèm nghị quyết ngày 29-5-1933 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc sắp xếp đường làng Papier (làng Giấy nay là phố Thụy Khuê) và quy định các tuyến của con đường này. Chiều rộng, các trục đường làng Papier được quy định phải phù hợp với bảng số 1 và 2 được đính kèm Nghị định.

J - 364

BMHN, 1933, N° 10, p. 802.

Arrêté N° 370 du 14 octobre 1933 du Résident supérieur au Tonkin approuvant les plans d'alignement annexés aux délibérations du 23 août 1933 du Conseil municipal de Hanoï portant classement et fixant les alignements des voies suivantes: rue Leblanc, boulevard Carnot prolongé, rue Duranton, rue du Papier, voie N° 30, voie N° 30^{bis}, boulevard Henri d'Orléans, voie N° 268, voie N° 26, voie N° 270, Place Tong-doc Nguyen Bach, ruelle de Chung Yên.

Nghị định số 370 ngày 14-10-1933 của Thống sứ Bắc Kỳ phê chuẩn mặt bằng tuyến kèm theo các nghị quyết ngày 23-8-1933 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc sắp xếp và quy định mặt bằng các tuyến đường sau: phố Leblanc, đại lộ Carnot kéo dài, phố Duranton, đường Papier, đường số 30, đường số 30^{bis}, đại lộ Henri d'Orléans, đường số 268, đường số 26, đường số 270, quảng trường Tổng đốc Nguyễn Bách, ngõ Chung Yên.

Nghị định gồm 4 điều phê chuẩn mặt bằng tuyến kèm theo các nghị quyết ngày 23-8-1933 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc sắp xếp và quy định mặt bằng các tuyến đường sau: phố Leblanc (phố Gầm Cầu), đại lộ Carnot kéo dài (phố Phan Đình Phùng kéo dài), phố Duranton (phố Nguyễn Thiệp), đường Papier (đường làng Giấy nay là phố Thụy Khuê), đường số 30, đường số 30^{bis}, đại lộ Henri

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

d'Orléans (phố Phùng Hưng), đường số 268 (ngõ Yên Thế), đường số 26, đường số 270, quảng trường Tổng đốc Nguyễn Bách (nằm trước chùa Đế Thích) và ngõ Chung Yên. Chiều rộng và trục các tuyến đường này được quy định phải phù hợp với bảng số 1 và 2 được đính kèm Nghị định.

J - 1158

JOIF, 1933, N° 80, p. 3238.

Arrêté du 23-9-1933 du Résident Supérieur au Tonkin approuvant le plan d'alignement annexé à la délibération du 29 mai 1933 du Conseil municipal de Hanoï portant classement de la route du village de Papier et fixant les alignements de la dite route.

Nghị định ngày 23-9-1933 của Thống sứ Bắc Kỳ phê chuẩn bản đồ xác định giới hạn kèm theo Nghị quyết ngày 29-5-1933 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về sắp xếp và ấn định giới hạn đường làng Giấy.

Theo Nghị định này, đường làng Giấy (phố Thụy Khuê) được xác định từ phố Hậu Quân Chắt đến giới hạn Thành phố, dài 795 mét, lòng đường rộng 12 mét và hai vỉa hè, mỗi bên rộng 2 mét.

J - 1158

JOIF, 1933, N° 85, p. 3493.

Arrêté du 14-10-1933 du Résident supérieur au Tonkin approuvant les plans d'alignement annexés aux délibérations du 23-8-1933 du Conseil municipal de Hanoï portant classement et fixant les alignements de certaines voies de la Ville.

Nghị định ngày 14-10-1933 của Thống sứ Bắc Kỳ phê chuẩn các bản đồ xác định giới hạn kèm theo Nghị quyết ngày 23-9-1933 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về sắp xếp và ấn định giới hạn của một số đường của Thành phố.

Nghị định quy định chỉ giới và mốc giới chi tiết ở hai bảng kèm theo của phố Leblanc (phố Gầm Cầu), đại lộ Carnot kéo dài (phố Phan Đình Phùng kéo dài), phố Duranton (phố Nguyễn Thiệp), phố Papier (phố Hàng Giấy), đường số 30, 30^{bis}, đại lộ Henri d'Orléans (phố Phùng Hưng), đường số 268 (sau được đổi tên là phố Nguyễn Công Trứ, nay là phố Yên Thế), 269, 270, quảng trường Tổng đốc Nguyễn Bách (nằm trước chùa Đế Thích), ngõ Chung Yên.

RST - 58852

Exécution des travaux d'aménagement des boulevards et rues à Hanoi 1934.

Thực hiện các công việc chỉnh trang đường phố và đại lộ ở Hà Nội 1934.

Hồ sơ gồm 15 tờ:

- Công văn số 667 ngày 1-3-1934 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về ngân sách để kéo dài đại lộ Henri d'Orléans (phố Phùng Hưng), phố O'Dendhal (phố Đinh Liệt) và mở rộng đường 174.
- Trích biên bản phiên họp ngày 7-4-1934 của Hội đồng Thành phố Hà Nội nhất trí thông qua dự thảo các nghị định cho phép chỉnh trang một số phố ở Hà Nội.
- Nghị định số 10/S ngày 7-5-1934 của Toàn quyền Đông Dương công bố và cho phép chỉnh trang lại đại lộ Henri d'Orléans, phần nằm giữa hai phố Cuivre (phố Hàng Mã) và phố Papier (phố Hàng Giấy).
- Nghị định số 11/S ngày 7-5-1934 của Toàn quyền Đông Dương công bố và cho phép chỉnh trang lại đường số 174, phần nằm giữa đường 190 và phố Miribel (phố Trần Nhân Tông).
- Nghị định số 12-S ngày 7-5-1934 của Toàn quyền Đông Dương công bố và cho phép chỉnh trang lại phố O'Dendhal, phần nằm giữa hai phố Tirant (phố Gia Ngư) và phố Changeurs (phố Hàng Bạc).

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

MHN - 361

Extension et aménagement de la Ville de Hanoï 1934-1938.

Mở rộng và quy hoạch Thành phố Hà Nội 1934-1938.

Hồ sơ gồm 542 tờ, trong đó có:

- Biên bản phiên họp ngày 21-2-1935 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc mở rộng và quy hoạch Thành phố Hà Nội.
- Biên bản phiên họp ngày 4-5-1935 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc xem xét dự án quy hoạch khu hồ Bảy Mẫu ở Hà Nội.
- Trích biên bản phiên họp ngày 8-3-1935 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về dự án quy định giới hạn cho khu hồ Bảy Mẫu.
- Trích biên bản phiên họp ngày 14-6-1935 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về dự án vay 100.000 đồng Đông Dương để quy hoạch khu hồ Bảy Mẫu.
- Dự thảo hợp đồng vay 100.000 đồng Đông Dương dùng vào việc quy hoạch khu hồ Bảy Mẫu.
- Thư số 2309 ngày 10-8-1935 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc xây dựng đê Kim Liên để phục vụ cho việc quy hoạch khu hồ Bảy Mẫu.

Và nhiều công văn trao đổi khác...

MHN - 4166

Aménagement du quartier de Bay Mau de la Ville de Hanoï 1934-1935.

Quy hoạch khu hồ Bảy Mẫu của Thành phố Hà Nội 1934-1935.

Hồ sơ gồm 145 tờ, trong đó có:

- Công văn số 4251/A ngày 6-1-1934 của Đốc lý Hà Nội gửi Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ trợ cấp dân sự bản xứ về việc vay 3000.000 đồng Đông Dương để phục vụ cho việc tiến hành quy hoạch khu hồ Bảy Mẫu. Khoản vay này sẽ được hoàn trả trong 10 năm.

- *Biên bản phiên họp ngày 4-5-1935 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc xem xét dự án quy hoạch khu hồ Bảy Mẫu ở Hà Nội.*
 - *Trích biên bản phiên họp ngày 8-3-1935 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về dự án quy định giới hạn cho khu hồ Bảy Mẫu.*
 - *Dự thảo hợp đồng vay 100.000 đồng Đông Dương dùng vào việc quy hoạch khu hồ Bảy Mẫu.*
 - *Công văn số 2309/A ngày 10-8-1935 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc cải tạo khu hồ Bảy Mẫu, trong đó có việc cải tạo đê Kim Liên.*
 - *Công văn số 1560/F ngày 9-10-1935 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội đề nghị cấp 16.000 đồng Đông Dương để tiến hành việc cải tạo đê Kim Liên, chống lụt cho Thành phố.*
- Và rất nhiều công văn trao đổi khác...*

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

MHN - 4165

Aménagement du quartier de Bay Mâu de la Ville de Hanoï 1934-1935.

Quy hoạch khu hồ Bảy Mẫu của Thành phố Hà Nội 1934-1935.

Hồ sơ gồm 25 tờ, trong đó có:

- *Bản thảo kế ước cho Thành phố Hà Nội vay 100.000 đồng Đông Dương để quy hoạch khu hồ Bảy Mẫu với các điều khoản quy định cụ thể về lãi suất và phương thức thanh toán.*
- *Công văn ngày 10-7-1935 của Thống sứ Bắc Kỳ liên quan đến việc thông qua nghị quyết của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc vay vốn của Thành phố.*
- *Công văn trao đổi về việc vay vốn của Thành phố Hà Nội để thực hiện việc quy hoạch khu hồ Bảy Mẫu.*

Và một số tài liệu khác...

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

TPT - 3435

Demande d'aménagement d'un chemin et de construction d'un aqueduc formulée par les habitants du village de Phuc Xa (Hanoï) 1934.

Về việc dân làng Phúc Xá xin cải tạo đường và xây một chiếc cống 1934.

Hồ sơ gồm 4 tờ, trong đó có :

- Đơn ngày 4-5-1934 của dân làng Phúc Xá gửi Đốc lý Thành phố Hà Nội xin phép xây một chiếc cống bằng gạch và tu sửa đường dẫn vào làng.
- Công văn ngày 15-6-1934 của kỹ sư, Chánh Khu Thủy lợi gửi Chánh Khu Công chính Bắc Kỳ tán thành việc xây cống và sửa chữa đường của làng Phúc Xá.



J - 1162

JOIF, 1934, N° 39, p. 1377-1378.

Arrêtés du 7-5-1934 du Gouverneur général de l'Indochine déclarant d'utilité publique et autorisant les travaux d'aménagement du boulevard Henri d'Orléans, de la voie N° 174 et de la rue O'Dendhal à Hanoï.

Các Nghị định ngày 7-5-1934 của Toàn quyền Đông Dương công bố và cho phép điều chỉnh đại lộ Henri Orléans, đường số 174 và phố O'Dendhal ở Hà Nội.

- Nghị định thứ nhất công bố và cho phép điều chỉnh đại lộ Henri d'Orléans (phố Phùng Hưng), khu vực giữa hai phố Cuivre (phố Hàng Mã) và Papier (phố Hàng Giấy).
- Nghị định thứ hai công bố và cho phép điều chỉnh đường 174, khu vực giữa đường 190 và phố Miribel (phố Trần Nhân Tông).
- Nghị định thứ ba công bố và cho phép điều chỉnh phố O'Dendhal (phố Đinh Liệt), khu vực giữa phố Tirant (phố Gia Ngư) và phố Changeurs (phố Hàng Bạc).

MHN - 4179

Alignement de la rue Maréchal Joffre de la Ville de Hanoï 1935.

Xác định giới hạn phố Maréchal Joffre của Thành phố Hà Nội 1935.

Hồ sơ gồm Nghị định số 1070 ngày 27-11-1935 của Thống sứ Bắc Kỳ xác định giới hạn phố Maréchal Joffre (phố Lý Nam Đế) kèm theo các chỉ số chi tiết về chiều dài, rộng, hè phố...

MHN - 4170

Articles de presse critiquants le projet de finacement du quartier de Bay Mau de la Ville de Hanoï 1935.

Bài báo chỉ trích dự án cấp vốn cho khu phố hồ Bảy Mẫu Thành phố Hà Nội 1935.

Hồ sơ gồm một bài báo lên tiếng chỉ trích việc chi phí cho quy hoạch khu hồ Bảy Mẫu và một bức tranh biếm họa.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

MHN - 4167

Voeu de crédits formulé par le Conseil municipal de Hanoï pour l'aménagement et extension des quartiers de la Ville de Hanoï en 1935.

Đề xuất xin kinh phí của Thành phố Hà Nội phục vụ quy hoạch và mở rộng các khu phố của Hà Nội năm 1935.

Hồ sơ gồm 10 tờ, trong đó có:

- Trích biên bản phiên họp Hội đồng Thành phố Hà Nội ngày 14-7-1935 về đề xuất xin kinh phí phục vụ quy hoạch khu hồ Bảy Mẫu.
- Công văn số 2076/A ngày 12-7-1935 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ giải trình về kinh phí phục vụ quy hoạch khu hồ Bảy Mẫu.
- Công văn số 13116/E của Thống sứ Bắc Kỳ trả lời công văn số 2076/A về việc Toàn quyền Đông Dương không tán thành việc cấp kinh phí nói trên.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

MHN - 4168

Délibération du 8-3-1935 du Conseil municipal de Hanoï sur le plan d'aménagement du quartier de Bay Mau de la Ville de Hanoï 1935

Nghị quyết phiên họp ngày 8-3-1935 của Hội đồng Thành phố Hà Nội liên quan đến bản đồ quy hoạch khu hồ Bảy Mẫu.

Hồ sơ gồm 44 trang và 12 bản vẽ:

- Nội dung của Nghị quyết gồm các vấn đề: tính tất yếu phải mở rộng thành phố, xác định vị trí trong bản đồ mở rộng, bản đồ quy hoạch, kinh phí cho dự án quy hoạch, quản lý đất đai đã quy hoạch, bản thiết kế thi công... Kèm theo nghị quyết này có một số bức ảnh khu vực quá đông dân cư và 12 bản đồ kích thước 22 x 30cm.

- Bản đồ số 1: bản đồ Thành phố Hà Nội, tỷ lệ 1/25.000, in ngày 22-3-1935, kèm theo chỉ dẫn về sự phân bố dân cư trong Thành phố.

- Bản đồ số 2: bản đồ Thành phố Hà Nội, tỷ lệ 1/25.000, in ngày 22-3-1935, kèm theo chỉ dẫn về các khu phố có thể quy hoạch.

- Bản đồ số 3: bản đồ quy hoạch khu hồ Bảy Mẫu, tỷ lệ 1/10.000, in ngày 25-2-1935.

- Bản đồ số 4: bản đồ quy hoạch khu hồ Thiền Quang và hồ Bảy Mẫu, tỷ lệ 1/10.000, in ngày 22-3-1935.

- Bản đồ số 5: bản đồ dự án quy hoạch khu hồ Bảy Mẫu, tỷ lệ 1/10.000, in ngày 22-3-1935.

- Bản đồ số 6: bản đồ phân bố đất đai khu hồ Thiền Quang, tỷ lệ 1/10.000, in ngày 22-3-1935.

- Bản đồ số 7: bản đồ dự án quy hoạch khu hồ Bảy Mẫu kèm theo sự phân bố các khu phố: khu phố công nghiệp, khu thị dân, khu phố người bản địa, khu phố Thương mại, khu phố của người nghèo, tỷ lệ 1/10.000, in ngày 22-3-1935.

- Bản đồ số 8: bản đồ hệ thống cống của khu hồ Bảy Mẫu, tỷ lệ 1/10.000, in ngày 22-3-1935.

- Bản đồ số 9: bản đồ hệ thống cấp nước của khu hồ Bảy Mẫu, tỷ lệ 1/10.000, in ngày 22-3-1935.
- Bản đồ số 10: bản đồ dự án quy hoạch khu hồ Bảy Mẫu có kèm theo chỉ dẫn về diện tích các khu vực được sử dụng vào những mục đích khác nhau, tỷ lệ 1/10.000, in ngày 22-3-1935.
- Bản đồ số 11: bản đồ phân chia các chiến dịch thi công dự án quy hoạch khu hồ Bảy Mẫu, tỷ lệ 1/10.000, in ngày 22-3-1935.
- Bản đồ số 12: bản đồ khu dự trữ đất bồi, tỷ lệ 1/25.000, in ngày 22-3-1935.

MHN - 4169

Projet d'emprunt de 100.000 \$ pour l'aménagement du quartier de Bay Mâu et du projet de l'affermage du Mont de Piété de Hanoï 1935.

Dự án vay 100.000 đồng Đông Dương để quy hoạch khu hồ Bảy Mẫu và dự án đấu thầu hiệu cầm đồ Hà Nội 1935.

Hồ sơ gồm 97 tờ, toàn bộ là bản trích biên bản các cuộc thảo luận trong phiên họp ngày 14-6-1935 của Hội đồng Thành phố Hà Nội liên quan đến kinh phí phục vụ quy hoạch khu hồ Bảy Mẫu, trong đó có phần kinh phí lấy từ tiền đấu thầu hiệu cầm đồ.

SCDHN - 88

Reconstruction du marché de Cho Mo, Hanoï 1935-1936.

Xây dựng lại chợ Mơ, Hà Nội 1935-1936.

Hồ sơ gồm 9 tờ, trong đó có:

- Công văn trao đổi giữa Trưởng Phòng nhất của Phủ Thống sứ Bắc Kỳ, Đốc lý Hà Nội, Công sứ Pháp tại Hà Đông trong thời gian từ 1935-1936 về việc xây dựng lại chợ Mơ; nghiên cứu dự án về một số tuyến đường nhằm đảm bảo việc đi lại xung quanh chợ; dự kiến

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

mặt bằng tuyến bao quanh khu chợ mới là Bạch Mai; chỉ định một quan chức Thành phố tham gia vạch ranh giới và cắm mốc phân giới một khu quân sự ở Bạch Mai cùng với Chính quyền Quân sự.

- Biên bản cuộc họp ngày 7-11-1936 về việc xác định ranh giới khu đất E tại làng Bạch Mai do Chính quyền Quân sự nhượng lại cho Chính quyền Bảo hộ theo công ước ngày 23-3-1936. Khu đất này được tạo nên từ hai mảnh a và b (kèm theo bản vẽ).

Mảnh a được giới hạn như sau:

- Phía bắc là một con đường làng.
- Phía nam và đông là một khu đất của Thành phố Hà Nội trước đây trưng dụng từ Chính quyền Quân sự.
- Phía tây là đường Huế (phố Huế).

Mảnh b được giới hạn như sau:

- Phía bắc là khu đất của Thành phố Hà Nội đã được chỉ rõ.
- Phía nam và đông là thửa đất E thuộc đất của Chính quyền Quân sự.
- Phía tây là đường Huế.

- Bản vẽ những khu đất được Chính quyền Quân sự nhượng lại cho Chính quyền Bảo hộ theo công ước ngày 23-3-1936, tỷ lệ 1/1000, kích thước 42,2 x 49,3cm, trên giấy calque.

- Bản vẽ vị trí khu chợ Mơ tương lai, tỷ lệ 1/1000, kích thước 45 x 49cm, trên giấy calque.

SCDHN - 603

Cession de terrain particulier sis à la rue de Luong Su par Nguyen Thi Chinh à la Ville de Hanoï 1935-1938.

Về việc bà Nguyễn Thị Chính chuyển nhượng tư thổ trên phố Lương Sứ cho Thành phố Hà Nội 1935-1938.

• Hồ sơ gồm 21 tờ, trong đó có: thư từ trao đổi từ 1935-1938, trích biên bản phiên họp ngày 28-2-1935 của Hội đồng Thành phố Hà Nội... về việc bà Nguyễn Thị Chính chuyển nhượng thửa đất số 541 khu K trên phố Lương Sứ cho Thành phố để quy hoạch các đường số 238 (phố Quốc Tử Giám) và 245, có kèm theo hợp đồng chuyển nhượng và bản vẽ thửa đất.

Và một số tài liệu khác...

SCDHN - 815

Relevés des terrains et immeubles à Hanoï appartenant aux Domaines colonial, local, municipal et de l'Etat 1935-1955.

Bảng kê khai các khu đất và công thự tại Hà Nội thuộc Công sản thuộc địa, địa phương, thành phố và nhà nước 1935-1955.

Hồ sơ gồm 115 tờ, trong đó có:

- Bảng kê các khu đất và công trình xây dựng thuộc Công sản Thành phố Hà Nội và Hải Phòng do Trưởng Ban Nhà của dân sự lập ngày 7-12-1935.
- Nghị định số 1164 ngày 27-2-1936 của Toàn quyền Đông Dương cho phép Ty Công chính sử dụng các thửa đất số 186, 187, 188 và 189 ở góc phố Ollivier (sau đổi tên thành phố Hạnh Phúc, nay là phố Tôn Thất Đạm) và đại lộ Puginier (phố Điện Biên Phủ) thuộc Công sản thuộc địa.
- Bảng thống kê bất động sản thuộc quân đội Pháp cũ tại Thành phố Hà Nội do Chủ sự Phòng Địa chính lập ngày 18-2-1946.
- Danh sách các công thự thuộc Công sản thuộc địa do Trưởng Ty Địa chính và Công thổ Hà Nội lập ngày 15-3-1948.
- Bảng kê khai các toà nhà hành chính thuộc Tư sản Thành phố Hà Nội do Trưởng Ty Địa chính Hà Nội lập ngày 19-11-1948.
- Bảng kê những công thự thuộc Công sản Thành phố do Trưởng Ty Địa chính và Công thổ lập vào ngày 23-2-1949.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- *Bảng kê những công thự thuộc Công sản cấp xứ Thành phố Hà Nội được lập vào các ngày 15-2-1949, 11-9-1949 và 9-12-1949.*
 - *Bảng kê bất động sản thuộc Công sản thuộc địa do Trường Ty Địa chính và Công thổ lập vào ngày 11- 9-1949.*
 - *Bảng kê các khu đất và công trình xây dựng thuộc Công sản Thành phố Hà Nội do Trường Ty Địa chính và Công thổ Hà Nội lập ngày 11-9-1949.*
 - *Danh sách các công thự thuộc Công sản Thành phố do Chính quyền Quân sự sử dụng do Trường Ty Địa chính và Công Thổ lập ngày 11-9-1949.*
 - *Danh sách các công thự thuộc Công sản nhà nước do Trường Ty Địa chính Hà Nội lập ngày 11-9-1949.*
 - *Bảng kê các bất động sản thuộc Đông Dương tư sản do Trường Ty Địa chính và Công thổ Hà Nội lập vào tháng 12-1952.*
 - *Danh sách các toà nhà hành chính thuộc các Công sản khác nhau.*
 - *Danh sách các công thự thuộc ngân sách Thành phố tại Hà Nội được lập năm 1952.*
 - *Bảng kê những công thự thuộc Tư sản Thành phố Hà Nội do Ty Địa chính và Công thổ lập năm 1954.*
 - *Một số bản vẽ các khu đất thuộc Công sản thuộc địa, nhà nước năm 1943, 1948...*
- Và một số tài liệu khác... Trong hồ sơ này có một số tài liệu bằng chữ quốc ngữ.*

J - 371

BMHN, 1935, N° 11, p. 1337.

Décision N° 657 du 26 octobre 1935 du Maire de la Ville de Hanoi autorisant la construction en paillotes dans la zone comprise entre les voies N° 220, 221.

Quyết định số 657 ngày 26-10-1935 của Đốc lý Hà Nội cho phép làm nhà tranh tại khu vực có các đường số 220 (đường này sau được mang tên là phố Tholance nay là phố Đoàn Thị Điểm), 221 (đường này được đặt tên là phố Trương Vĩnh Ký sau đổi tên thành phố Phan Văn Trị).

SCDHN - 22

Construction des habitations à bon marché et vente à long terme aux habitants par la Ville d'Hanoï 1936-1939.

Thành phố Hà Nội xây nhà giá rẻ và bán dài hạn cho người dân 1936-1939.

Hồ sơ gồm 145 tờ, trong đó có:

- Công văn trao đổi giữa Toàn quyền Đông Dương, Thống sứ Bắc Kỳ, Đốc lý Hà Nội, Đốc lý Đà Lạt, Chánh Sở Trước bạ, Tài sản và Tem Đông Dương... trong thời gian từ 1936 - 1939 về dự án làm nhà giá rẻ để cho thuê dài hạn hoặc bán cho những người có thu nhập thấp. Dự án cũng đề ra các nêu chỉ xây dựng, thời hạn, điều kiện thanh toán...
- Thông tri số 2639/A ngày 11-10-1937 của Toà Đốc lý Hà Nội gửi các doanh nhân và trưởng các xí nghiệp lớn thông báo việc họ có thể tham gia dự án xây nhà cho thuê hoặc bán cho những cá nhân xứng đáng.
- Danh sách doanh nhân và trưởng các xí nghiệp lớn của Thành phố Hà Nội năm 1937.
- Nghị định số 602 ngày 3-2-1938 của Toàn quyền Đông Dương cho phép Thành phố Hà Nội chuyển nhượng nhà cửa hoặc đất đai của Thành phố dưới hình thức thuê hoặc bán theo thoả thuận (kèm theo hợp đồng thuê hoặc bán nhà do Thành phố Hà Nội xây dựng). Hình thức này chỉ áp dụng cho những người có thu nhập thấp và có đầy đủ các điều kiện sau:
 - Sống tại Thành phố Hà Nội và nộp đủ thuế thân ít nhất là từ 3 năm.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- *Kết hôn hợp pháp.*
- *Có việc làm và được trả lương ổn định.*
- *Chưa sở hữu một căn nhà nào.*
- *Biên bản phiên họp ngày 22-7-1938 của Ủy ban Thành phố Hà Nội về việc cấp 4 căn nhà rẻ tiền trên đường số 191 do Thành phố xây dựng cho các ông Luu Van Quynh, Nguyen Ngoc Hoa, Phan Van Bao và Pham Huu Phung.*
- *Bản đồ Thành phố Hà Nội được lập vào tháng 7 năm 1936, tỷ lệ 1/10000, kích thước 57 x 85,5cm, được vẽ trên giấy croquis.*
- *Và một số tài liệu liên quan đến Điều lệ của Quỹ tín dụng ruộng đất Đông Dương, khoản ngân sách bổ sung niên khoá 1937 của Thành phố Hà Nội, các khoản vay Quỹ tín dụng ruộng đất của Pháp để Thành phố xây dựng một số công trình lớn...*

SCDHN - 48

downloadsachmienphi.com

Etat des immeubles appartenant au Domaine local à Hanoï 1936.

Danh sách các công thự thuộc Công sản cấp xứ tại Hà Nội 1936.

Hồ sơ gồm 12 tờ, trong đó có:

- *Công văn trao đổi trong năm 1936 giữa Thống sứ Bắc Kỳ và Đốc lý Hà Nội về việc gửi danh sách các khu đất và công trình xây dựng thuộc Công sản cấp xứ tại Hà Nội.*
- *Danh sách các khu đất thuộc Công sản cấp xứ tại Hà Nội.*

SCDHN - 807

Délimitation et aménagement du Port fluvial de Hanoï 1936-1953.

Về việc định ranh giới và quy hoạch Cảng sông Hà Nội 1936-1953.

Hồ sơ gồm 10 tờ, trong đó có:

- *Quyết định số 41 ngày 31-7-1936 của Thống sứ Bắc Kỳ gồm 3 chương:*

- *Chương I: Xác định ranh giới Cảng sông Hà Nội.*

a) *Giới hạn ở phía thượng lưu: Một đường song song với trục của cầu Doumer (cầu Long Biên) nằm cách trục đường này 500 mét về phía thượng lưu.*

b) *Giới hạn ở phía hạ lưu: Một đường vuông góc ở bờ sông được tạo bởi điểm giao nhau của con đê và ranh giới giữa Thành phố Hà Nội với tỉnh Hà Đông được quy định trong Nghị định ngày 15-11-1899 của Thống sứ Bắc Kỳ.*

c) *Phía đất liền: Là đỉnh con đê phòng hộ của Thành phố Hà Nội.*

d) *Phía sông: Bờ tả ngạn từ nhánh phải con sông Hồng cho tới đường song song với trục cầu Doumer, cách trục đường này 1000 mét ở phía thượng nguồn và một đường song song với bờ hữu ngạn sông Hồng, cách bờ sông này 300 mét.*

Các cột mốc đánh dấu những ranh giới này trên đất liền sẽ do Sở Công chính lắp đặt.

- *Chương II: Tổ chức các đơn vị phụ trách cảng sông Hồng.*

- *Chương III: Về sự lưu thông và điểm đỗ của thuyền bè tại Cảng sông Hà Nội.*

- *Biên bản ngày 29-10-1953 của Hội đồng xem xét vấn đề quản trị giang khẩu và đất đai ven bờ sông trong địa phận Thành phố Hà Nội do ông Thủ hiến Bắc Việt triệu tập.*

- *Bản vẽ sao y bản chính Cảng Hà Nội.*

Trong hồ sơ này có một số tài liệu bằng chữ quốc ngữ.

J - 1173

JOIF, 1936, N° 91, p. 3240.

Arrêté du 30-10-1936 du Résident supérieur au Tonkin approuvant les plans d'alignement des voies N° 202, 222 à Hanoï.

Nghị định ngày 30-10-1936 của Thống sứ Bắc Kỳ phê chuẩn bản đồ quy hoạch các đường số 202 và 222 (phố Trần Khát Chân) ở Hà Nội.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Kèm theo Nghị định này là 2 bảng quy định chỉ giới và mốc giới của hai con đường nói trên. Theo đó, đường số 202 (một đoạn đường Đại Cồ Việt) được giới hạn từ đường Madarine (một đoạn phố Lê Duẩn) đến đường Huế (phố Huế), dài 1055 mét. Đường số 222 (sau sáp nhập với các đường số 202 và 164 thành đường Đại Cồ Việt) được giới hạn từ đường Huế đến đại lộ Armand Rousseau (phố Lò Đúc), dài 1056 mét.

J - 1173

JOIF, 1936, N° 106, p. 3861.

Arrêté du 21-12-1936 du Gouverneur général de l'Indochine déclarant d'utilité publique les travaux d'élargissement du terrain d'atterrissage de Bach Mai.

Nghị định ngày 21-12-1936 của Toàn quyền Đông Dương công bố việc mở rộng khu đất sân bay Bach Mai. Theo đó có 3 lô đất sẽ được dùng để mở rộng sân bay Bach Mai thuộc các làng Khương Thượng, Khương Trung, Định Công Thượng, Định Công Hạ và Giáp Bát.

J - 1172

JOIF, 1936, N° 44, p. 1557.

Arrêté du 16-5-1936 du Résident supérieur au Tonkin approuvant les modifications au plan d'alignement du boulevard Rollandes.

Nghị định ngày 16-5-1936 của Thống sứ Bắc Kỳ phê chuẩn những thay đổi của bản đồ xác định giới hạn đại lộ Rollandes (phố Hai Bà Trưng). Theo đó, phần thay đổi là 100 mét đoạn cuối đại lộ này đến đường Mandarine (một đoạn phố Lê Duẩn).

MHN - 376

Au sujet du reclassement des voies réservées aux constructions des maisons du type européen dans la Ville de Hanoï 1937.

Về việc sắp xếp lại các con đường dành cho các công trình xây dựng theo kiểu châu Âu ở Thành phố Hà Nội 1937.

Hồ sơ có 4 tờ gồm:

- *Báo cáo của Đốc lý Hà Nội đọc tại phiên họp ngày 30-8-1937, khoá họp tháng 8 năm 1937 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc sắp xếp lại các con đường dành cho các công trình xây dựng theo kiểu châu Âu.*
- *Nghị định ngày 30-6-1937 của Đốc lý Hà Nội bổ sung thêm danh sách các con đường vào điều 53 của Nghị định thành phố ngày 19-2-1930 về việc sắp xếp các con đường nơi chỉ các ngôi nhà kiểu Âu mới được xây dựng. Theo đó, sẽ có 33 đường phố và đại lộ được sắp xếp lại dành cho các công trình xây dựng kiểu Âu. Nghị định còn quy định thêm tại điều 2 là "chính thức cấm xây dựng nhà theo kiểu bản xứ hoặc kiểu nhà tập thể ở các phố này".*

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

MHN - 5182

Création d'un Cité Universitaire à Hanoï 1937-1944.

Thành lập Khu Học xá tại Hà Nội 1937-1944.

Hồ sơ gồm 19 tờ, trong đó có:

- *Công văn số 673/A ngày 18-3-1937 của Đốc lý Hà Nội đề xuất ý tưởng xây dựng Khu Học xá tại Hà Nội.*
- *Trích Nghị định số 372/D ngày 12-5-1943 của Toàn quyền Đông Dương chỉ định các thành viên của Hội đồng Quản trị Khu Học xá Đại học (gồm 11 thành viên), trong đó Giám đốc Nha Học chính làm Chủ tịch.*

MHN - 4185

Classement des voies de la Ville de Hanoï où ne pourront être construites que des maisons du type européen 1937-1938.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Sắp xếp các con đường của Thành phố Hà Nội nơi chỉ có nhà kiểu Âu mới được xây dựng 1937-1938.

Hồ sơ có 3 tờ gồm:

- *Nghị định ngày 30-6-1937 của Đốc lý Hà Nội bổ xung thêm danh sách các con đường vào điều 53 của Nghị định thành phố ngày 19-2-1930 về việc sắp xếp các con đường nơi chỉ các ngôi nhà kiểu Âu mới được xây dựng. Theo đó, sẽ có 33 đường phố và đại lộ được sắp xếp lại dành cho các công trình xây dựng kiểu Âu. Nghị định còn quy định thêm tại điều 2 là “chính thức cấm xây dựng nhà theo kiểu bản xứ hoặc kiểu nhà tập thể ở các phố này”.*
- *Biên bản phiên họp ngày 29-1-1938 của Hội đồng Thành phố về việc niêm yết ở 26 địa điểm khác nhau của Thành phố Hà Nội các bản sao Nghị định số 529 ngày 30-9-1937 liên quan đến việc sắp xếp các con đường dành cho các công trình xây dựng kiểu Âu.*

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

MHN - 4203

Exploitation des Bains Douches publics dans la Ville de Hanoï 1937-1945.

Khai thác Phòng tắm công cộng ở Hà Nội 1937-1945.

Hồ sơ gồm 24 tờ trong đó có:

- *Thông cáo của Đốc lý Hà Nội ngày 13-1-1937 về việc khai trương Phòng tắm công cộng của Thành phố ở Chợ Gạo, phố Bờ Sông vào ngày 25-1-1937.*
- *Nghị định số 141 ngày 1-5-1944 của Đốc lý Hà Nội thay đổi giá của Phòng tắm công cộng.*

J - 375

BMHN, 1937, N° 4, p. 295.

Arrêté N° 122 du 2 mars 1937 du Maire de la Ville relatif aux travaux d'aménagement de la rue privée Bernard de Beaux.

Nghị định số 122 ngày 2-3-1937 của Đốc lý Hà Nội về việc cải tạo phố tư nhân Bernard de Beaux.

- *Nghị định gồm 4 điều, theo đó phố tư nhân Bernard de Beaux (phố Nguyễn Chế Nghĩa) gồm phố Doudart (phố Hàm Long) và đại lộ Gambetta (phố Trần Hưng Đạo) cần được Sở Công chính Thành phố tiến hành cải tạo khẩn cấp. Công trình này bao gồm xây cống thoát nước mưa và nước thải, các đường nhánh riêng đảm bảo việc đi lại cho các nhà, xây vỉa hè, lát rãnh lề đường và miệng cống; lát gạch, rải đá và rải nhựa đường.*

J - 379

BMHN, 1938, N° 6, p. 236.

Arrêté N° 163 du 15 juin 1938 du Résident supérieur au Tonkin approuvant le plan d'alignement portant modifications à apporter au plan d'alignement des Voies 218 et 220 et portant création de la Voie 218^{bis}.

Nghị định số 163 ngày 15-6-1938 của Thống sứ Bắc Kỳ phê chuẩn mặt bằng tuyến gồm việc sửa đổi mặt bằng các tuyến đường số 218 và 220, và lập mới tuyến đường 218^{bis}.

- *Nghị định phê chuẩn mặt bằng tuyến được đính kèm nghị quyết ngày 9-3-1938 của Ủy ban Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi mặt bằng các tuyến đường số 218 (sau được đặt tên là phố Maurice Graffeuil và nay là phố Bích Câu) và 220 (sau được đặt tên là phố Tholance và nay là phố Đoàn Thị Điểm), lập mới đường số 218^{bis} (đường này bị xoá bỏ năm 1940 trong dịp thay đổi giới hạn khu phố Chùa Tú Uyển). Chiều rộng, trục của những tuyến đường này được quy định phải phù hợp với các bảng số 1 và 2 được đính kèm theo. Những đường không được xếp loại nằm trong bảng số 3 kèm theo Nghị định.*

J - 379

BMHN, 1938, N° 6, p. 244.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Arrêté N° 66 du 23 juin 1938 du Résident supérieur au Tonkin approuvant le plan d'alignement portant modifications à apporter à celui de la Voie N° 209.

Nghị định số 166 ngày 23-6-1938 của Thống sứ Bắc Kỳ phê chuẩn việc sửa đổi mặt bằng tuyến đường số 209.

- *Nghị định phê chuẩn mặt bằng tuyến được đính kèm nghị quyết ngày 23-11-1937 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi mặt bằng tuyến đường số 209 (phố Lê Phụng Hiểu). Chiều rộng, trục của tuyến đường này được quy định phải phù hợp với các bảng số 1 và 2 được đính kèm theo. Những đường không được xếp loại nằm trong bảng số 3 kèm theo Nghị định.*

J - 379

BMHN, 1938, N° 6, p. 248.

Arrêté N° 167 du 23 juin 1938 du Résident supérieur au Tonkin approuvant les plans d'alignement portant classement du passage de Tam Thuong et modifications à apporter au plan d'alignement de la Voie N° 169.

Nghị định số 167 ngày 23-6-1938 của Thống sứ Bắc Kỳ phê chuẩn các mặt bằng tuyến bao gồm việc sắp xếp ngõ Tam Thương và sửa đổi sơ đồ mặt bằng tuyến đường số 169.

- *Nghị định phê chuẩn các mặt bằng tuyến được đính kèm nghị quyết ngày 31-8-1937 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc sắp xếp ngõ Tam Thương và sửa đổi mặt bằng tuyến đường số 169. Chiều rộng, trục của tuyến đường này được quy định phải phù hợp với các bảng số 1 và 2 kèm theo Nghị định.*
- *Nghị quyết ngày 31-8-1937 của Hội đồng Thành phố Hà Nội nhất trí thông qua cách sắp xếp đã dự kiến là mở rộng ngõ Tam Thương ra 4 mét để xây dựng các công trình, làm đẹp khu phố và đảm bảo cho các phương tiện giao thông của Thành phố đi lại dễ dàng trong trường hợp hoả hoạn hay làm vệ sinh.*

J - 380

BMHN, 1938, N° 8, p. 356.

Arrêté N° 256 du 4 août 1938 du Résident supérieur au Tonkin approuvant le plan d'alignement portant classement de la Voie N° 109^{bis}.

Nghị định số 256 ngày 4-8-1938 của Thống sứ Bắc Kỳ phê chuẩn sơ đồ mặt bằng tuyến đó là sắp xếp đường số 109^{bis}.

- *Nghị định phê chuẩn mặt bằng tuyến được đính kèm nghị quyết ngày 14-6-1938 của Ủy ban Thành phố Hà Nội về việc sắp xếp đường số 109^{bis}. Chiều rộng, trục tuyến đường này được quy định phải phù hợp với các bảng số 1 và 2 kèm theo Nghị định.*
- *Nghị quyết ngày 14-6-1938 của Ủy ban Thành phố Hà Nội thông qua mặt bằng tuyến đường số 109^{bis} nằm giữa phố Huế và phố Jacquin (phố Ngô Thì Nhậm) nhằm điều chỉnh tình hình thực tế và vệ sinh khu phố đông dân này.*

MHN - 4229

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Logements des officiers et des sous officiers européens mariés dans les grandes Villes du Tonkin 1939.

Nhà ở cho sĩ quan và hạ sĩ quan người Âu đã kết hôn trong các thành phố lớn ở Bắc Kỳ 1939.

Hồ sơ gồm 8 tờ trong đó có:

- *Báo cáo số 924/4-A ngày 5-5-1939 của chỉ huy quân đội Đông Dương gửi Toàn quyền Đông Dương trình bày những khó khăn về nhà ở cho sĩ quan và hạ sĩ quan người Âu đã kết hôn tại các thành phố lớn ở Bắc Kỳ và những đề xuất về biện pháp giải quyết tình trạng này.*
- *Công văn số 4084-SE/3 ngày 25-5-1939 của Toàn quyền Đông Dương gửi Thống sứ Bắc Kỳ yêu cầu thành lập một Ủy ban để xây dựng chương trình hành động và đưa ra những đề xuất liên quan đến nạn khan hiếm nhà dành cho sĩ quan quân đội ở các thành phố lớn ở Bắc Kỳ.*

SCDHN - 15

Limites entre la Ville d'Hanoï et les villages de la province de Ha Dong 1939-1941.

Ranh giới giữa Thành phố Hà Nội và các làng thuộc tỉnh Hà Đông 1939-1941.

• Hồ sơ gồm 21 bản vẽ được thực hiện tại Hà Đông ngày 5-8-1940, có chữ ký của Tri huyện phụ trách tư pháp và đại diện của Thành phố Hà Nội, có dấu và chữ ký của lý trưởng, thân hào các làng Thụy Khuê, Hữu Tiệp, Xuân Biên, Kim Mã, Ngọc Hà, Thịnh Hào, Văn Chương, Linh Quang, Mỹ Đức, Trung Phụng, Trung Tự, Vạn Phúc và Yên Phụ, cụ thể như sau:

1. Ranh giới giữa Thành phố Hà Nội và làng Thịnh Hào, vẽ làm 6 mảnh đánh số từ 1 đến 6, tỷ lệ 1/200.
2. Ranh giới giữa Thành phố Hà Nội và làng Trung Phụng, tỷ lệ 1/500.
3. Ranh giới giữa Thành phố Hà Nội và làng Trung Tự, tỷ lệ 1/500.
4. Ranh giới giữa Thành phố Hà Nội và làng Văn Chương, tỷ lệ 1/200.
5. Ranh giới giữa Thành phố Hà Nội và làng Mỹ Đức, tỷ lệ 1/1000.
6. Ranh giới giữa Thành phố Hà Nội và làng Hữu Tiệp, tỷ lệ 1/500.
7. Ranh giới giữa Thành phố Hà Nội và làng Ngọc Hà, tỷ lệ 1/200.
8. Ranh giới giữa Thành phố Hà Nội và làng Xuân Biều, tỷ lệ 1/200.
9. Ranh giới giữa Thành phố Hà Nội và làng Yên Phụ, tỷ lệ 1/1000.
10. Ranh giới giữa Thành phố Hà Nội và làng Vạn Phúc, tỷ lệ 1/200.
11. Ranh giới giữa Thành phố Hà Nội và làng Linh Quang, vẽ làm 2 mảnh, tỷ lệ 1/500.
12. Ranh giới giữa Thành phố Hà Nội và làng Thụy Khuê, tỷ lệ 1/500.

SCDHN - 54

Liste des établissements classés à la 1^{ère} catégorie à Hanoï par Arrêté du Gougal de l'Indochine N° 8220 du 27-11-1939.

Danh sách các cơ sở được xếp hạng nhất tại Hà Nội theo Nghị định của Toàn quyền Đông Dương số 8220 ngày 27-11-1939.

Hồ sơ gồm 4 tờ danh sách 55 cơ sở được xếp hạng nhất tại Hà Nội cần được bảo vệ trước những nguy hiểm do cuộc không chiến của Nhật có thể gây ra (theo Nghị định số 8220 ngày 27-11-1939 của Toàn quyền Đông Dương).

J - 1200

JOIF, 1940, N° 62, p. 2291.

Arrêté du 31-7-1939 du Résident supérieur au Tonkin approuvant le plan d'alignement annexé à la délibération du 12-6-1939 du Conseil municipal de Hanoï et portant classement de la voie N° 272.

Nghị định ngày 31-7-1939 của Thông sứ Bắc Kỳ phê chuẩn bản đồ xác định giới hạn kèm theo Nghị quyết ngày 12-6-1939 của Hội đồng Thành phố Hà Nội và sắp xếp đường số 272

Nghị định gồm 4 điều, theo đó, đường số 272 (phố Nguyễn Trung Ngạn) được giới hạn từ phố Chéon (phố Phạm Đình Hổ) đến phố Sergent Larrivé (phố Nguyễn Công Trứ), dài 220 mét.

SCTT - 568

Expropriation ses terrains sis aux villages de Khuong Thuong et Khuong Trung, huyện de Hoàn Long pour agrandissement du camps d'aviation de Bach Mai 1918-1940.

Trung dụng đất của làng Khương Thượng và Khương Trung để mở rộng trường bay Bạch Mai 1918-1940.

Hồ sơ gồm 123 tờ và 8 bản vẽ, trong đó có:

- Bản vẽ khu trường bay Bạch Mai sẽ mở rộng ra hai làng Khương Trung và Khương Thượng, kích thước 43 x 29cm, tỷ lệ 1/10.000. Theo ghi chú trên bản vẽ, trong khu vực bay không được phép trồng cây.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Nghị định số 3381 ngày 27-8-1937 của Toàn quyền Đông Dương thành lập một Ủy ban để quyết định mức tiền đền bù cho những người có đất được trưng dụng làm sân bay. Kèm theo Nghị định là danh sách các chủ đất ở làng Khương Thượng và Phương Liệt của tỉnh Hà Đông.
 - Nghị định số 167 ngày 14-1-1938 của Toàn quyền Đông Dương công bố việc mở rộng sân bay Bạch Mai trên đất của tỉnh Hà Đông.
 - Nghị định số 6202 ngày 16-11-1938 của Toàn quyền Đông Dương thành lập một Ủy ban để quyết định mức tiền đền bù cho các lô đất được trưng dụng làm sân bay ở làng Giáp Bát, Khương Thượng và Phương Liệt của tỉnh Hà Đông.
 - Nghị định số 2861 ngày 25-4-1940 của Toàn quyền Đông Dương thành lập một Ủy ban để quyết định tiền đền bù cho các lô đất được trưng dụng làm sân bay ở các Khương Trung, Khương Hạ, Định Công Thượng, Giáp Bát và Khương Thượng của tỉnh Hà Đông.
 - Danh sách các chủ đất được trưng dụng ở các làng thuộc huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông.
- Và các tài liệu khác...

J - 385

BMHN, 1940, N° 1, p. 32.

Arrêté N° 35 du 12 janvier 1940 du Résident supérieur au Tonkin réglant le stationnement des autocars de luxe dans la Ville de Hanoï.

Nghị định số 35 ngày 12-1-1940 của Thống sứ Bắc Kỳ quy định điểm đỗ xe khách hạng sang trong Thành phố Hà Nội.

- Nghị định quy định những xe khách hạng sang có thể đỗ ở Hà Nội, tại những địa điểm đặc biệt dành riêng cho loại xe này: đệ Yên Phụ, đại lộ Rollandes (phố Hai Bà Trưng), công viên tại ngã tư đại lộ Henri Rivière (phố Ngô Quyền), các phố Balny (phố Trần Nguyễn Hãn) và Chaux (phố Hàng Vôi). Xe khách hạng sang phải đáp ứng các điều kiện như: động cơ mạnh và êm, thiết bị tiện lợi cho hành khách, kiểu dáng đẹp. Những đặc điểm này sẽ được một ban kiểm

tra đánh giá và lập biên bản đề xuất việc xếp hạng hoặc không xếp hạng đối với phương tiện đã kiểm tra. Việc xếp hạng này có giá trị trong 6 tháng kể từ ngày ban kiểm tra lập biên bản xếp hạng. Biên bản sẽ do các chủ phương tiện quản lý, hết thời hạn ban này sẽ triệu tập một cuộc họp mới.

J - 1212

JOIF, 1940, N° 12, p. 1244

Arrêté du 9-12-1940 du Gouverneur général de l'Indochine portant création à l'Inspection générale des Travaux Publics de l'Indochine d'un Service central d'urbanisme et d'architecture.

Nghị định ngày 9-12-1940 của Toàn quyền Đông Dương thành lập Sở Quy hoạch và Kiến trúc thuộc Tổng Thanh tra Công chính Đông Dương.

Nghị định gồm 5 điều, trong đó, điều 2 quy định rõ thẩm quyền của Sở Quy hoạch và Kiến trúc Đông Dương như sau:

- *Giải quyết các vấn đề liên quan đến quy hoạch đô thị ở Đông Dương, đặc biệt là đưa ra các quy định chung trong việc chuẩn bị các dự án quy hoạch, làm đẹp và mở rộng thành phố.*
- *Nghiên cứu và thiết lập bản đồ quy hoạch, làm đẹp và mở rộng thành phố.*
- *Giám sát việc nghiên cứu và thi công các công trình kiến trúc trong thành phố.*
- *Chuẩn hoá vật liệu công trình.*

J - 1212

JOIF, 1940, N° 12, p. 1247.

Arrêté du 14-12-1940 du Gouverneur général de l'Indochine portant institution d'une Commission supérieure d'aménagement, d'embellissement et d'extension des Villes.

Nghị định ngày 14-12-1940 của Toàn quyền Đông Dương thiết lập một Ủy ban quy hoạch, làm đẹp và mở rộng thành phố. Nghị định gồm 4 điều:

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Điều 1: bãi bỏ điều 4 của Nghị định ngày 20-11-1930 về việc thành lập ở mỗi nước của Liên bang Đông Dương một Ủy ban địa phương về quy hoạch và mở rộng thành phố để nghiên cứu các bản kế hoạch sắp xếp và mở rộng thành phố.

Điều 2: sửa đổi điều 5 của Nghị định ngày 20-11-1930 về việc thành lập Ủy ban cao cấp chịu sự chỉ đạo của Phó Toàn quyền Đông Dương, giúp Toàn quyền Đông Dương trong việc quy hoạch, làm đẹp và mở rộng thành phố được sửa đổi như sau:

- *Thiết lập một Ủy ban cao cấp để giúp Toàn quyền Đông Dương trong việc quy hoạch, làm đẹp và mở rộng thành phố. Ủy ban này gồm 9 thành viên do Phó Toàn quyền Đông Dương làm Chủ tịch.*
- *Ủy ban này cho ý kiến về các quy định chung để thiết lập bản đồ quy hoạch và mở rộng thành phố, các bản đồ quy hoạch để đệ trình lên Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn các quy định về thẩm mỹ, vệ sinh...*

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

MHN - 4171

Plan d'aménagement et extension de la Ville de Hanoï 1941-1944.

Kế hoạch quy hoạch và mở rộng Thành phố Hà Nội 1941-1944.

Hồ sơ có 47 tờ và 1 bản đồ gồm:

- *Công văn số 10694 ngày 21-8-1941 của Chánh Sở Quy hoạch và Kiến trúc trung ương gửi Đốc lý Hà Nội về kết quả điều tra việc cư trú của người Âu ở Hà Nội.*
- *Sắc lệnh ngày 12-6-1942 sửa đổi Sắc lệnh ngày 12-7-1928 quy định việc quy hoạch và mở rộng đô thị ở Đông Dương.*
- *Nghị định số 805-D/bis của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn Dự số 59 ngày 11-7-1942 của vua Bảo Đại liên quan đến quy hoạch và mở rộng Thành phố Hà Nội.*
- *Dự số 59 ngày 11-7-1942 của vua Bảo Đại liên quan đến việc mở rộng nhượng địa của Pháp tại Hà Nội.*

- Bản đồ Thành phố Hà Nội, kích thước 30 x 48cm, tỷ lệ 1/10.000.
Và nhiều tài liệu khác...

SCDHN - 14

Amesnagement et extension de la Ville de Hanoï 1141-1944.

Quy hoạch và mở rộng Thành phố Hà Nội 1941-1944.

Hồ sơ có 96 tờ, gồm:

- Sắc lệnh ngày 12-7-1928 của Tổng thống Pháp quy định một số vấn đề cụ thể cho quy hoạch và mở rộng các thành phố ở Đông Dương.
- Nghị định ngày 5-12-1942 của Toàn quyền Đông Dương Decoux sửa chữa điều 12 và 13 của Nghị định ngày 20-11-1930 về dự kiến phân từng lô đất trong quy hoạch thành phố.
- Báo cáo ngày 12-3-1941 của Giám đốc Sở Đô thị và Kiến trúc Trung ương về dự án quy hoạch đô thị.

Ngoài ra, trong hồ sơ còn có 7 sơ đồ tỷ lệ 1/16.000 và 1/50.000 có chỉ dẫn về Thành phố Hà Nội cũ, giới hạn vùng mới mở rộng, giới hạn huyện Hoàn Long, đường sắt và các đường chính... do Sở Địa chính và Đo đạc vẽ.

Đặc biệt hồ sơ còn có 6 bản đồ do Cérutti, Kiến trúc sư trưởng Sở Đô thị và Kiến trúc Trung ương vẽ ngày 18-12-1941 với tỷ lệ 1/1.000, gồm: 1- Bản đồ quy hoạch khu Bảy Mẫu, kích thước 161,5 x 75cm.

2- Bản đồ quy hoạch khu Abattoir, kích thước 98,5 x 90cm.

3- Bản đồ quy hoạch khu Sinh Từ, kích thước 100 x 80cm.

4- Bản đồ quy hoạch khu công viên Pasteur, kích thước 113 x 75cm.

5- Bản đồ quy hoạch khu nghĩa trang - Viện Pasteur, kích thước 113 x 75cm.

6- Bản đồ quy hoạch khu Cát Linh, kích thước 110 x 86cm.

SCDHN - 14

Plan de la Ville de Hanoï indiquant les différents domaines 1941.

Bản đồ chỉ dẫn những vùng đất đai sở hữu của Thành phố Hà Nội 1941.

Hồ sơ có 3 tờ, gồm:

- Công văn số 4203/A ngày 7-11-1941 của Chánh Văn phòng Phủ Thống sứ Bắc Kỳ gửi Thống sứ Bắc Kỳ trả lời công điện số 16940/AE về việc gửi bản đồ chỉ dẫn những vùng đất thuộc quyền sở hữu của Thành phố Hà Nội. Kèm theo thư là bản đồ do Sở Địa chính Thành phố lập năm 1939, được in tại nhà in IDEO (Nhà in Viễn Đông), tỷ lệ 1/16000, kích thước 29,5 x 37,5cm, có tô màu những vùng đất đai sở hữu.

SCDHN - 17

Désignation de l'Inspecteur général des Travaux publics chargé du contrôle des plans de lotissement des terrains urbains dans les provinces du Tonkin 1941-1943.

Chỉ định Tổng Thanh tra Công chính kiểm tra kế hoạch phân chia các lô đất thành thị tại các tỉnh Bắc Kỳ 1941-1943.

Hồ sơ có 6 tờ, gồm:

- Nghị định số 8110 ngày 19-11-1941 của Toàn quyền Đông Dương quy định thời hạn và thể thức trình duyệt hồ sơ phân chia đất đai.
- Công văn trao đổi trong thời gian từ ngày 29-4 đến ngày 9-5-1942 giữa Tổng Thanh tra Công chính Đông Dương, Thống sứ Bắc Kỳ và Đốc lý Hà Nội về việc lập bản đồ phân chia đất thành thị được áp dụng theo điều 3 của Nghị định ngày 3-7-1931.
- Thông tri số 75/A2 ngày 29-1-1943 của quyền Thống sứ Bắc Kỳ gửi Tỉnh trưởng, Chỉ huy các Đạo quan binh, Đốc lý Hà Nội và Hải Phòng, Công sứ - Đốc lý Nam Định, Hải Dương và Bắc Ninh yêu

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

cầu các tỉnh và thành phố khi lập sơ đồ quy hoạch, chỉnh trang và mở rộng bắt buộc phải xin ý kiến của Sở Quy hoạch đô thị và Kiến trúc Trung ương.

SCDHN - 141

Cession par Phan Thị An et Le Van Binh à la Ville d'Hanoï de leurs terrains sis à la rue des Changeurs 1941-1942.

Về việc bà Phan Thị An và ông Lê Văn Bình chuyển nhượng đất trên phố Changeurs cho Thành phố Hà Nội 1941-1942.

Hồ sơ gồm 44 tờ, trong đó có:

- *Trích biên bản các phiên họp ngày 29-8-1941 và ngày 8-9-1942 của Hội đồng Thành phố Hà Nội thông qua việc Thành phố trưng mua tư thổ trên phố Changeurs (phố Hàng Bạc) của bà Phan Thị An và ông Lê Văn Bình với giá 10 đồng/m² để quy hoạch phố này (kèm theo bản vẽ hai khu đất, hợp đồng chuyển nhượng và bản ước tính giá cho việc sửa sang phố Changeurs).*

Và một số tài liệu khác có liên quan đến việc chuyển nhượng đất ở phố Changeurs.

SCDHN - 900

Au sujet aménagement et extension de la Ville de Hanoï 1941.

Về việc quy hoạch và mở rộng Thành phố Hà Nội 1941.

Hồ sơ gồm 47 tờ, trong đó có:

- *Công văn trao đổi giữa Trưởng Ty Đô thị và Kiến trúc trung ương, Đốc lý Hà Nội năm 1941 về việc lập hồ sơ đô thị liên quan đến khu vực Hà Nội, yêu cầu gồm có:*

- Danh sách các bản đồ cần lập: bảng kê các công trình xây dựng hiện có; bản đồ phân chia dân cư theo quốc tịch (người Âu, người

Hoa, người Việt và người Ấn); bản đồ công sản; bản đồ các khu vực hiện còn trống (công viên và đất vườn của tư nhân hoặc chưa xây dựng) và nguồn nước máy, nước tù; bản đồ đất; bản đồ chỉ dẫn các cơ quan hành chính; bản đồ mật độ dân cư; bản đồ các khu phố không an toàn và các khu nhà ổ chuột; bản đồ các nghĩa trang hiện có...

- Biểu đồ và các thông tin liên quan đến nguồn nước, điện, ngân sách, cảng thương mại, ruộng lúa, chợ, lò mổ, nghĩa trang, hàng không, dân số...

- Thống kê về giao thông gồm: bản đồ, biểu đồ và các con số thống kê; giao thông công cộng; dịch vụ xe hơi công cộng; xe ngựa kéo, xích lô; số vụ tai nạn...

- Điều tra về nhà ở tư nhân của người Âu

- Điều tra về nhà ở của dân châu Á

• *Bản vẽ thửa đất số 715 trên phố Reinach (phố Trần Quốc Toản), khu C do Chánh Sở Địa chính Thành phố Hà Nội lập ngày 12-5-1941, tỷ lệ 1/200, kích thước 20,5 x 27cm.*

Trong hồ sơ này có một số tài liệu bằng chữ quốc ngữ.

J - 387

BMHN, 1941, N° 9, p. 345.

Arrêté N° 217 du 29 août 1941 du Résident supérieur au Tonkin fixant les voies où devront être construites des fosses septiques autoépuratrices.

Nghị định số 217 ngày 29-8-1941 của Thống sứ Bắc Kỳ quy định những tuyến đường được xây hố tiêu tự hoại.

• *Theo Nghị định, việc xây hố tiêu tự hoại có thể phải tính đến vị trí, kiểu xây, mục đích sử dụng của ngôi nhà hoặc của cơ sở có liên quan, hoặc bị bắt buộc, hoặc được Đốc lý cho phép (kèm theo danh sách những tuyến đường được xây hố tiêu tự hoại).*

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

J - 1214

JOIF, 1941, N° 26, p. 881.

Arrêté du 26-3-1941 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'arrêté du 20-11-1941 sur l'aménagement et extension des Villes en Indochine.

Nghị định ngày 26-3-1941 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi Nghị định ngày 20-11-1941 về quy hoạch và mở rộng các thành phố ở Đông Dương.

Nghị định này sửa đổi điều 3 của Nghị định ngày 20-11-1941. Theo đó tỷ lệ bản đồ quy hoạch được quy định là 1/1000 và bản đồ mở rộng là 1/1500.

J - 1214

JOIF, 1941, N° 21, p. 695.

Arrêté du 7-3-1941 du Gouverneur général de l'Indochine chargeant le Service Central d'Urbanisme et d'Architecture de l'Indochine de l'étude et de la confection des plans d'aménagement et d'extension de la Ville de Hanoï.

Nghị định ngày 7-3-1941 của Toàn quyền Đông Dương giao trách nhiệm cho Sở Quy hoạch và Kiến trúc Đông Dương nghiên cứu lập đồ án quy hoạch Thành phố Hà Nội.

J - 1220

JOIF, 1941, N° 86, p. 2989.

Arrêté du 18-10-1941 du Gouverneur général de l'Indochine relative à l'aménagement et l'extension de la zone suburbaine de Hanoï.

Nghị định ngày 18-10-1941 của Toàn quyền Đông Dương liên quan đến quy hoạch và mở rộng vùng ngoại thành Hà Nội.

Theo Nghị định, tất cả các làng trong huyện Hoàn Long, tổng Thanh Trì, Thịnh Liệt, Khương Đình của huyện Thanh Trì, tổng Dịch Vọng, Xuân Tảo, Phú Gia của phủ Hoài Đức đều phải theo đồ án tổng thể về quy hoạch và mở rộng thành phố ở Đông Dương.

J - 1220

JOIF, 1941, N° 95, p. 3310.

Arrêté du 18-11-1941 du Gouverneur général de l'Indochine chargeant le Service Central d'Urbanisme et d'Architecture de l'Indochine de l'étude des plans d'aménagement et d'extension de la zone suburbaine de Hanoi.

Nghị định ngày 18-11-1941 của Toàn quyền Đông Dương giao trách nhiệm cho Sở Quy hoạch và Kiến trúc Đông Dương nghiên cứu đồ án quy hoạch và mở rộng vùng ngoại thành Hà Nội.

J - 1220

JOIF, 1941, N° 95, p. 3312.

Arrêté du 19-11-1941 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant les articles 12 et 13 de l'Arrêté du 20-11-1930 fixant mesures d'application du Décret du 12-7-1928 règlementant l'aménagement et l'extension des Villes en Indochine.

Nghị định ngày 19-11-1941 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi các điều 12 và 13 của Nghị định ngày 20-11-1930 quy định các biện pháp áp dụng Sắc lệnh ngày 12-7-1928 về quy hoạch và mở rộng các thành phố ở Đông Dương. Nghị định sửa đổi 2 điều 12 và 13 liên quan đến hồ sơ và thủ tục chia lô đất trong quá trình thực hiện quy hoạch.

J - 1227

JOIF, 1942, N° 98, p. 3545.

Arrêté du 5-12-1941 du Gouverneur général de l'Indochine approuvant et déclarant d'utilité publique les dispositions du plan d'aménagement ainsi

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

que le programme des servitudes de la Ville de Hanoï et de sa zone sub-urbaine.

Nghị định ngày 5-12-1941 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn và công bố các quy định của đồ án quy hoạch cũng như các quy định của Thành phố và ngoại thành Hà Nội.

Theo Nghị định này, dự án quy hoạch, làm đẹp và mở rộng Thành phố bao gồm nội dung về:

- *Các quy định về kiến trúc, y tế, thẩm mỹ...*
- *Tính chất và mặt cắt ngang của các con đường.*
- *Các hạng khác nhau của các khu vực.*
- *Và một số quy định khác.*

BMHN, 1942, N° 9, p. 295.

Arrêté N° 264 du 3 septembre 1942 du Résident supérieur portant classement en quatre catégories les voies de la Ville.

Nghị định số 264 ngày 3-9-1942 của Thống sứ về việc xếp hạng các đường của Thành phố ra làm 4 loại.

• *Theo Nghị định số 356 ngày 3-9 được Thống sứ Bắc Kỳ thông qua ngày 7-9-1942 và theo các quy định của điều 11 ngày 1-5-1925, về mặt thuế bảo dưỡng đường giao thông đô thị, các con đường của Thành phố Hà Nội sắp xếp thành 4 loại theo chỉ dẫn tại các bảng như sau:*

- *Loại 1: gồm 81 phố và đại lộ.*
- *Loại 2: 99 phố, đại lộ và ngõ.*
- *Loại 3: 55 phố, ngõ và đường.*
- *Loại 4: 41 ngõ, phố và đường.*

SCDHN - 16

Rectification de la limite du Jardin Botanique en bordure du Gouvernement général 1942.

Sửa đổi ranh giới vườn Bách Thảo phía giáp Phủ Toàn quyền Đông Dương 1942.

Hồ sơ có 4 tờ, gồm:

- Công văn trao đổi năm 1942 giữa Chánh Văn phòng Phủ Toàn quyền Đông Dương và Đốc lý Hà Nội về việc sửa lại bức tường rào ngăn cách Phủ Toàn quyền với vườn Bách Thảo, phía gần khu nhà phụ của Phủ do ranh giới hiện có không đều, tạo nên các góc làm mất mỹ quan.
- Bản vẽ vị trí bức tường rào ngăn cách Phủ Toàn quyền Đông Dương và vườn Bách Thảo, tỷ lệ 1/500, kích thước 55 x 27,2cm, trên giấy calque.

SCDHN - 57

Aménagement d'un terrain destiné à l'édification de la pagode Royale sur les rives du Grand Lac à Hanoi 1942-1957.

Quy hoạch một khu đất để xây chùa Royale (chùa Vua) ven bờ hồ Tây ở Hà Nội 1942-1957.

Hồ sơ gồm 34 tờ, trong đó có:

- Kế hoạch chi tiết về việc quy hoạch khu đất để xây chùa Royale ven bờ hồ Tây do Trưởng khu Công chính lập ngày 21-1-1942.
- Quyết định số 33 ngày 22-1-1943 của Đốc lý Hà Nội về việc thành lập một Ủy ban quy định tiền đền bù cho những người có đất bị trưng thu tại các làng Tây Hồ và Quảng Bá để xây chùa Royale và dinh Bảo Đại ven bờ hồ Tây (kèm theo biên bản cuộc họp ngày 26-1-1943 của Ủy ban này quy định cụ thể khoản tiền đền bù cho các chủ sở hữu).
- Công văn, thư từ trao đổi trong thời gian từ 1942-1943 giữa Đốc lý Hà Nội, một số luật sư bào chữa và Trưởng Đại lý đặc biệt Hà Nội về việc một người dân sở hữu mảnh đất số 25 và 103 làng Quảng Bá

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

muốn đổi lấy phần đất khác của Thành phố mà không nhận tiền đền bù. Tuy nhiên, yêu cầu này không được chấp nhận.

Và một số tài liệu từ 1956-1957 liên quan đến làng Tây Hồ. Có một số tài liệu trong hồ sơ này bằng chữ quốc ngữ.

SCDHN - 86

Expropriation de terrains sis au village de Bach Mai pour la Ville de Hanoï pour réalisation du plan d'aménagement du quartier de la Cité Universitaire à Bach Mai, Hanoï 1942-1945.

Về việc Thành phố Hà Nội trưng thu đất làng Bạch Mai để triển khai việc quy hoạch khu Học xá tại Bạch Mai, Hà Nội 1942-1945.

Hồ sơ gồm 63 tờ, trong đó có:

- *Nghị định số 223/D ngày 15-6-1942 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn các quy định về việc quy hoạch khu Học xá gồm một phần nằm trong huyện Hoàn Long và một phần tại Thành phố Hà Nội.*
- *Danh sách các khu đất cần trưng thu để quy hoạch đường A và B bao quanh khu Học xá.*
- *Công văn trao đổi giữa Trưởng khu Công chính Đông Dương, Thống sứ Bắc Kỳ, Đốc lý Hà Nội... trong thời gian từ 1942-1945 về việc quy hoạch khu Học xá; tiến hành các thủ tục trưng thu đất để đắp đất nền đường A, B; yêu cầu các chủ sở hữu hoặc những người thuê nhà tranh trên đường B di dời và bồi thường cho họ một khoản tiền.*
- *Khiếu nại của một số người dân làng Bạch Mai năm 1944 có đất bị trưng thu làm đường, yêu cầu được thanh toán tiền đền bù.*
- *Danh sách các gia đình buộc phải di dời vì có nhà thuộc phạm vi đất trưng dụng để xây Học xá Đông Dương và danh sách các chủ nhà chưa nhận được phụ cấp đền bù do bị phá nhà.*

- Nghị định số 4944/A ngày 29-12-1944 về việc trưng thu tư thổ để thực hiện kế hoạch xây dựng khu Học xá. Việc trưng thu này được áp dụng đối với những khu đất đã xây hoặc chưa xây tại Bạch Mai có tên trên bản đồ và danh sách kèm theo bản gốc Nghị định này.
 - Sơ đồ làng Bạch Mai do Chánh Sở Địa chính Thành phố lập ngày 12-10-1944, tỷ lệ 1/1000, kích thước 95,5 x 24cm, được vẽ trên giấy thường.
 - Bản trích lục của Phòng Lục sự Tòa Sơ thẩm Hà Nội chế định việc trưng thu đất làng Bạch Mai phục vụ lợi ích công cộng.
- Và một số tài liệu khác... Trong hồ sơ này có một số tài liệu bằng chữ quốc ngữ.



SCDHN - 804

Aménagement et extension du territoire de la Ville de Hanoï 1942-1953.

Quy hoạch và mở rộng địa hạt Thành phố Hà Nội 1942-1953.

Hồ sơ gồm 113 tờ, trong đó có:

- Công văn trao đổi giữa Thị trưởng Thành phố Hà Nội, Thủ hiến Bắc Việt và các Bộ về việc kiến thiết và mở mang Thành phố Hà Nội (cả nội và ngoại thành) như: phân chia từng khu và các hình thức xây dựng nhà cửa tại mỗi khu; mở rộng thủ đô Bắc Việt theo quy mô của các đô thị lớn châu Âu; hợp thức hoá quyền chiếm hữu đất bị coi như công thổ và việc cho phép làm nhà...
- Nghị định số 6153/PTH/ND của Phủ Thủ hiến Bắc Việt ngày 28-12-1951 về việc thành lập một Hội đồng địa phương tu tạo đô thị chịu trách nhiệm xếp hạng các đô thị, lập các dự án, bản đồ đô thị.
- Biên bản phiên họp ngày 19-11-1953 của Hội đồng địa phương tu tạo đô thị Bắc - Việt bàn về các vấn đề sau:

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Trưng cầu dân ý cho các dự án bản đồ đô thị đã hoàn chỉnh.
 - Dự án kiến thiết đô thị Hà Đông.
 - Dự án kiến thiết các đô thị Sơn Tây và Phúc Yên.
 - Dự án kiến thiết Nam Định và Thái Bình.
 - Dự án kiến thiết Hà Nội.
 - Dự án kiến thiết Hải Phòng và Hải Dương.
 - Bản đồ “Hà Nội và chung quanh” có tỷ lệ 1/20.000, kích thước 65 x 79,5cm do Ty Địa chính Bắc Việt ấn loát, có dẫn giải về địa giới Thành phố Hà Nội theo Dự ngày 3-10-1888, được in trên giấy croquis.
 - Bản đồ hành chính “Đại lý Hoàn Long” (được thiết lập bằng tài liệu Sở Địa chính Bắc Việt), tỷ lệ 1/50.000, kích thước 43,5 x 50cm với các dẫn giải về:
 - Địa giới Thành phố trước Dự ngày 11-7-1942.
 - Địa giới Thành phố theo Dự ngày 11-7-1942.
 - Địa giới Thành phố dự định mở mang.
- Và một số tài liệu khác như thể lệ về việc chia lô xây dựng và kiến thiết khu vực Hà Nội... Phần lớn tài liệu trong hồ sơ này bằng chữ quốc ngữ, số còn lại bằng chữ Pháp.

J - 1224

JOIF, 1942, N° 20, p. 779.

Arrêté du 5-3-1942 du Gouverneur général de l'Indochine dénommant le square situé en face de la Faculté de Droit et donnant sur le boulevard Bobillot “Square Lieutenant Robert Dennery”.

Nghị định ngày 5-3-1942 của Toàn quyền Đông Dương đặt tên quảng trường đối diện Khoa Luật, quay ra đại lộ Bobillot (phố Lê Thánh Tông) là Quảng trường Lieutenant Robert Dennery.

RST - 58955

Au sujet de la demande de renseignements sur l'exécution du plan d'urbanisme de Hanoï 1942.

Yêu cầu thông tin về việc thực hiện kế hoạch quy hoạch đô thị Thành phố Hà Nội 1942.

Hồ sơ gồm 5 tờ, trong đó có:

- Công văn số 17409 A/2 ngày 16-10-1942 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội liên quan đến việc thực hiện kế hoạch quy hoạch Hà Nội và việc mua bán đất phục vụ quy hoạch.
- Và các đơn thư khác...

SCTT - 537

Expropriation des terrains privés sis au village de Bach Mai pour la construction de la Cité Universitaire 1942-1944.

Trưng dụng đất tư nhân ở làng Bạch Mai để xây dựng khu Học xá 1942-1944.

Hồ sơ gồm 19 tờ và 4 bản vẽ:

- Nghị định số 761/A ngày 03-02-1942 của Thống sứ Bắc Kỳ quyết định trưng dụng đất ở làng Bạch Mai, tổng Kim Liên, huyện Hoàn Long để xây dựng khu Học xá.
- Bản vẽ có tỷ lệ 1/1000 về khu đất trưng dụng (từ khu A đến khu Z) trích từ bản đồ địa chính làng Bạch Mai, dùng để xây dựng khu Học xá kèm theo Nghị định ngày 3-2-1942 với các chỉ dẫn về giới hạn khu đất trưng dụng, các công trình bằng gạch, bằng tranh, tường rào, nghĩa trang...
- Quyết định số 1422 ngày 22-2-1943 của Toàn quyền Đông Dương cho phép trả tiền trợ cấp cho các chủ đất được trưng dụng để xây khu Học xá.
- Nghị định số 2500/A ngày 19-6-1944 của Thống sứ Bắc Kỳ quyết định trưng dụng đất thuộc quyền sở hữu của Hội người Hoa ở Triều Châu nằm trong khu vực Học xá.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- *Sơ đồ phần đất số 22 F11 được trưng dụng để xây dựng tỷ lệ 1/500, được vẽ trên giấy croquis.*

MHN - 4173

Aménagement du quartier dite “Cité Universitaire” situé presque en totalité dans la province de Ha Dong 1942-1944.

Quy hoạch khu Học xá gần như toàn bộ nằm ở tỉnh Hà Đông 1942-1944.

Hồ sơ gồm 20 tờ và 3 bản đồ trong đó có:

- *Nghị định số 4309 ngày 28-5-1942 của Toàn quyền Đông Dương ấn định ngày họp của Ủy ban quy hoạch, làm đẹp và mở rộng các thành phố để xem xét hồ sơ liên quan đến khu Học xá. Ủy ban này gồm 9 thành viên do Phó Phủ Toàn quyền Đông Dương làm chủ tịch.*
- *Thư ngày 8-6-1942 của Thư ký Ủy ban quy hoạch, làm đẹp và mở rộng các thành phố về việc bàn bạc chương trình quy hoạch Thành phố Hà Nội ở khu Học xá.*
- *Thư số 2242/A ngày 16-9-1944 của kỹ sư trưởng Khu Công chính Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội về việc trưng dụng hai đường phố gần kề Khu Học xá.*

MHN - 4172

Extraits des procès-verbaux du Conseil municipal de Hanoï sur le plan d'aménagement et d'extension de la Ville de Hanoï 1942.

Trích biên bản các phiên họp Hội đồng Thành phố Hà Nội về dự án quy hoạch và mở rộng Thành phố Hà Nội 1942.

Hồ sơ gồm 83 tờ trích biên bản các phiên họp bất thường tháng 4 và thường kỳ tháng 5 năm 1942 của Hội đồng Thành phố Hà Nội:

- *Trích biên bản phiên họp ngày 28-4-1942 thảo luận dự thảo Nghị định về các điều khoản bắt buộc đối với dự án quy hoạch và mở rộng Thành phố Hà Nội.*

• Trích biên bản phiên họp ngày 22-5-1942 tiếp tục thảo luận về các điều khoản bắt buộc đối với dự án quy hoạch và mở rộng Thành phố Hà Nội.

• Trích biên bản phiên họp ngày 29-5-1942 tiếp tục bàn về dự án quy hoạch Thành phố và các điều khoản về đất đai có liên quan.

• Trích biên bản phiên họp ngày 12-6-1942 tiếp tục bàn về dự án quy hoạch Thành phố và các điều khoản về đất đai có liên quan. Sau khi thảo luận, Hội đồng Thành phố đã đi đến nhất trí thông qua bản kiến nghị liên quan đến dự án quy hoạch Thành phố nói trên với các điều kiện:

- Việc thi hành dự án trên trước hết được giới hạn ở các khu phố mới sẽ quy hoạch.

- Các thay đổi về mọi mặt của Nghị định về các điều khoản và dự án chia khu phải được Đốc lý chấp thuận trong các khu phố đã xây dựng.

- Có văn bản để tạo điều kiện cho việc tập trung đất thành thị.

Ngoài ra, Hội đồng còn đưa ra đề xuất nên để lại diện tích nhất định dành cho cơ quan đường sắt trong khu vực ngoại thành.

MHN - 4230

Construction de maisons à loyer modéré dans la Ville de Hanoï par l'Office public d'habitations économiques 1942.

Phòng nhà ở công cộng xây dựng nhà cho thuê giá rẻ ở Hà Nội 1942.

Hồ sơ gồm 21 tờ trong đó có:

• Trích biên bản phiên họp ngày 28-4-1942 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc nhượng đất cho Phòng nhà ở công cộng để xây nhà cho thuê giá rẻ.

• Công văn số 2999 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Phòng nhà ở công cộng về việc xây dựng thể thức cho thuê nhà, kèm theo mẫu

hợp đồng thuê nhà để Giám đốc Ngân khố Đông Dương, Đốc lý Hà Nội và thành viên Hội đồng quản trị Phòng nhà ở công cộng xem xét góp ý.

• *Nghị định ngày 17-7-1945 của Bắc Kỳ Khâm sứ Đại thần thay đổi cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị Phòng nhà ở công cộng.*

Và một số tài liệu khác...

J - 1229

JOIF, 1942, N° 42, p. 1544.

Arrêté du 18-5-1942 du Gouverneur général de l'Indochine portant réglementation des nouvelles constructions dans certaines Villes, centres et agglomérations de l'Indochine.

Nghị định ngày 18-5-1942 của Toàn quyền Đông Dương quy định đối với các công trình xây mới trong một số thành phố, trung tâm và vùng ngoại vi ở Đông Dương.

Theo Nghị định, dự án các công trình xây mới, với diện tích phần chính 100m² trở lên, phải do người có trách nhiệm lập và có chữ ký của một kiến trúc sư được Toàn quyền công nhận. Đối với công trình xây liền kề (chung tường) thì diện tích nói trên giảm xuống 80m². Hồ sơ được lập có kèm theo đơn xin phép xây dựng để gửi lên Đốc lý hoặc tỉnh trưởng bao gồm: bản vẽ tổng thể tỷ lệ 1/1500, bản vẽ móng, tầng trệt, từng tầng gác, hình vẽ các mặt và các mặt cắt cũng như bản vẽ các hình thức thoát nước sông, nước thải sinh hoạt...

J - 1229

JOIF, 1942, N° 50, p. 1760.

Arrêté du 15-6-1942 du Gouverneur général de l'Indochine approuvant, rendant applicables et déclarant d'utilité publique les dispositions du plan

d'aménagement ainsi que le programme des servitudes du quartier "Cité Universitaire".

Nghị định ngày 15-6-1942 của Toàn quyền Đông Dương thông qua và công bố và áp dụng các quy định trong dự án quy hoạch cũng như những điều khoản bắt buộc đối với khu Học xá.

J - 1230

JOIF, 1942, N° 56, p. 1967.

Arrêté du 6-7-1942 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant de l'arrêté du 20-11-1930 fixant mesures d'application du Décret du 12-7-1928 relatif à l'aménagement et l'extension des Villes en Indochine.

Nghị định ngày 6-7-1942 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi Nghị định ngày 20-11-1930 quy định các biện pháp áp dụng Sắc lệnh ngày 12-7-1928 về quy hoạch và mở rộng các thành phố ở Đông Dương. Nghị định này sửa đổi các điều 2, 6, 8 và 9 của Nghị định ngày 20-11-1930.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

J - 1230

JOIF, 1942, N° 64, p. 2200-2201.

Arrêtés du 6-8-1942 du Gouverneur général de l'Indochine assujettissant à l'obligation d'un plan général d'aménagement et d'extension:

- *La Ville de Hanoï.*
- *La commune de Hadong.*
- *Les villages compris dans le huyen de Hoan Long, les cantons de Thanh Tri, Thanh Liet, Khuong Dinh du huyen de Thanh tri, les cantons de Dich Vong, Xuan Tao, Phu Gia du Phu de Hoai Duc faisant de la province de Ha Dong.*

Các Nghị định ngày 6-8-1942 của Toàn quyền Đông Dương quy định thành phố Hà Nội, thị xã Hà Đông và các làng thuộc huyện Hoàn Long, các tổng Thanh Trì, Thanh Liệt, Khương Đình thuộc huyện Thanh Trì, các

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

tổng Dịch Vọng, Xuân Tảo, Phú Gia thuộc phủ Hoài Đức (tỉnh Hà Đông) phải tuân theo đồ án tổng thể về quy hoạch và mở rộng.

J - 1230

JOIF, 1942, N° 70, p. 2387.

Arrêté du 28-8-1942 du Gouverneur général de l'Indochine portant modification des échelles des plans d'aménagement et d'extension des Villes.

Nghị định ngày 28-8-1942 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi quy định về tỷ lệ xích của các bản đồ quy hoạch và mở rộng thành phố.

J - 1230

JOIF, 1942, N° 73, p. 2523.

Du N° 71 du 14-8-1942 du Roi Bao Dai rendant applicables au Tonkin des dispositions du Décret du 12-7-1928 portant réglementation de l'aménagement et l'extension des Villes.

Dụ số 71 ngày 14-8-1942 của vua Bảo Đại thực hiện các quy định của Sắc lệnh ngày 12-7-1928 về quy hoạch và mở rộng thành phố.

J - 1230

JOIF, 1942, N° 70, p. 2390.

Arrêté du 25-8-1942 du Gouverneur général de l'Indochine approuvant le Du N°59 du 11-7-1942 du Roi Bao Dai sur l'aménagement et extension de la Ville de Hanoï.

Nghị định ngày 25-8-1941 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn Dụ số 59 ngày 11-7-1942 của vua Bảo Đại về quy hoạch và mở rộng Thành phố Hà Nội.

SCDHN - 846

Agrandissement de la zone de la gare de Hanoï 1944-1955.

Về việc mở rộng khu vực nhà ga Hà Nội 1944-1955.

Hồ sơ gồm 61 tờ, trong đó có:

- *Nghị định số 2729/D ngày 12-9-1944 của Toàn quyền Đông Dương cho phép Thành phố Hà Nội chuyển nhượng cho Đông Dương công sản các thửa đất thuộc khu K trong địa hạt Thành phố với tổng trị giá là 100.000 đồng. Số tiền này sẽ được nộp vào ngân sách Thành phố Hà Nội.*
- *Đơn từ của dân làng Linh Động đề nghị được đi qua Nhà máy Cưa Constantis ở sau ga Hà Nội.*
- *Bản vẽ tổng thể nhà ga Hà Nội, tỷ lệ 1/1000, kích thước 166 x 43,5cm, trên giấy thường.*
- *Và một số tài liệu như công văn, thư từ trao đổi giữa Chánh Ty Địa chính Hà Nội, kỹ sư Địa chính thành phố, Thị trưởng, Thủ hiến Bắc Việt... từ 1944-1955 về việc cấm mốc địa giới mới để mở rộng nhà ga Hà Nội, chuyển nhượng đất... có kèm theo bản vẽ một số khu đất được chuyển nhượng.*

Trong hồ sơ này có một số tài liệu bằng chữ quốc ngữ.

SCDHN - 803

Rapport du Chef du Service du Cadastre et du Domaine de Hanoï sur la reconstruction et l'entretien des immeubles dans la Ville de Hanoï 1946-1948.

Báo cáo của Chánh ty Địa chính Hà Nội về việc tái thiết và sửa sang các ngôi nhà của Thành phố Hà Nội 1946-1948.

Hồ sơ gồm 8 tờ, trong đó có:

- *Danh sách các ngôi nhà tại Hà Nội bị phá huỷ sau sự kiện tháng 12-1946.*
- *Báo cáo số 733 ngày 17-12-1948 của Chánh Ty Địa chính Thành phố về việc tái thiết và sửa sang Thành phố Hà Nội.*

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

SCDHN - 835

Tarifs de location des terrains communaux de la Ville de Hanoï 1946-1953.

Biểu giá thuê đất công của Thành phố Hà Nội 1946-1953.

Hồ sơ gồm 128 tờ, trong đó có:

- *Nghị định số 254 của Ủy ban hành chính Thành phố Hà Nội liên quan đến biểu giá thuế đất, hồ, ao và nhà cửa thuộc về tư sản của Thành phố Hà Nội năm 1946.*
- *Báo cáo, quyết định, công văn trao đổi giữa Chủ tịch Ủy ban hành chính Thành phố, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Cố vấn Ty Địa chính và Công thổ, Cố vấn Thành phố Hà Nội, Thị trưởng Thành phố Hà Nội... từ 1946-1953 về việc cho thuê công thổ của Thành phố Hà Nội.*
- *Và một số tài liệu như: biểu giá thuê đất công, danh sách các phố xếp theo vắn và hạng thuế các năm, bản đồ Thành phố Hà Nội in năm 1950...*

Trong hồ sơ này có một số tài liệu bằng chữ quốc ngữ.

SCDHN - 99

Création d'une Commission consultative mixte des logements et réquisitions pour la Ville de Hanoï en 1948 1947-1949.

Thành lập một Ủy ban tư vấn nhà cửa và trưng dụng Pháp - Việt cho Thành phố Hà Nội 1948.

Hồ sơ gồm 42 tờ, trong đó có:

- *Trích Sắc lệnh ngày 19-11-1947 quy định về việc sung công nhà cửa. Sắc lệnh gồm 4 phần quy định về chức năng, nhiệm vụ của Sở Nhà cửa và Sung công, thủ tục tiến hành sung công nhà cửa, các điều bắt buộc đối với chủ đất và người thuê đất phải thực hiện để sung công nhà cửa và việc xử phạt đối với các trường hợp vi phạm.*

- Công văn số 96/P ngày 26-4-1948 của Đốc lý Hà Nội gửi Chủ tịch Ủy ban hành chính lâm thời Bắc-Việt về dự định thành lập Ủy ban tư vấn nhà cửa.
 - Nghị định số 632 ngày 13-5-1948 của Ủy viên Cộng hoà Pháp ở Bắc Kỳ tạm thời thành lập Sở Nhà cửa và Sung công trung ương tại Hà Nội.
 - Quyết định số 633 ngày 13-5-1948 của Ủy viên Cộng hoà Pháp ở Bắc Kỳ bổ nhiệm Chánh Sở Nhà cửa và Sung công trung ương tại Hà Nội.
- Trong hồ sơ này có một số tài liệu bằng chữ quốc ngữ.

TCHN - 100

Về việc thành lập Cục Kiến thiết để giải quyết vấn đề hiếm nhà ở Thành phố Hà Nội. 1947-1950.

Hồ sơ gồm 176 tờ và 1 bản đồ, trong đó có:

- Nghị định ngày 21-3-1942 của Toàn quyền Đông Dương thành lập ở Bắc Kỳ một Cục Nhà cửa công cộng. Cục này được thành lập với mục đích chính là: sắp xếp, xây dựng, quản lý và mua bán nhà cửa cũng như vệ sinh nhà cửa và thiết lập các khu thành phố vườn, khu nhà công nhân...
- Công văn số 1484/Cab/AC ngày 27-12-1947 của Ủy viên Cộng hoà Pháp ở Bắc Kỳ về việc kiến thiết lại Thành phố Hà Nội.
- Biên bản họp ngày 12-12-1947 của Ủy ban chịu trách nhiệm nghiên cứu giải pháp kiến thiết lại Thành phố Hà Nội.
- Biên bản họp ngày 8-10-1948 của Ủy ban hỗn hợp Thành phố Hà Nội bàn về các vấn đề trong đó có dự án thiết lập Kiến thiết Cục cho Thành phố Hà Nội.
- Quyết định số 332/ND ngày 28-7-1949 của Thị trưởng Thành phố Hà Nội thành lập một Hội đồng nghiên cứu phương pháp hoạt động

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

của “Kiến thiết Cục”. Hội đồng này gồm 6 thành viên do Chánh Văn phòng Tòa Thị chính làm Chủ tịch.

- Công văn số 2771 ngày 4-8-1949 của Thị trưởng Thành phố Hà Nội gửi Thủ hiến Bắc phần Việt Nam báo cáo về việc lập “Kiến thiết Cục” ở Bắc Kỳ.

- Dự thảo sắc lệnh năm 1950 của Quốc trưởng Bảo Đại về quy chế của Kiến thiết Cục ở Hà Nội.

- Dự thảo Nghị định thành lập Hội đồng Kiến thiết Thành phố Hà Nội năm 1950 của Thị trưởng Thành phố Hà Nội.

- Bản đồ quy hoạch thành phố Hà Nội, kích thước 40 x 49cm.

Tài liệu trong hồ sơ này bằng chữ quốc ngữ và chữ Pháp.



TL - 164

Cầu vượt kênh số 7 tại Bạch Mai. Dự án từ nhịp cầu bằng thép Eiffel số 17 dài 24 mét đến bản cầu bằng bê tông cốt thép 1949.

Hồ sơ có 16 tờ, gồm:

- Bản dự toán khối lượng các công việc, nguyên vật liệu của dự án cầu vượt kênh số 7 tại Bạch Mai do Khu Thủy lợi Hà Nội lập tháng 5-1949.

- Trích bản đồ tỷ lệ 1/25.000 của Ban Thủy nông thuộc Khu Công chính Bắc Kỳ lập ngày 20-6-1949 chỉ vị trí cầu dự định xây trên kênh số 7, khổ rộng 20 x 30cm. Bản đồ được vẽ tay trên giấy croquis.

- Ngoài ra, trong hồ sơ còn có 14 bản vẽ kỹ thuật của dự án xây dựng chiếc cầu dài 24 m qua kênh số 7. Các bản vẽ này được lập tháng 5-1949 trên giấy croquis với nhiều tỷ lệ và kích thước khác nhau.

VPBĐ - 1438

Phủ Thủ tướng: Kiến thiết các đô thị 1949.

Hồ sơ có 2 tờ, gồm:

- Công văn số 682/GTCC ngày 17-9-1949 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Công chính gửi Thủ hiến Bắc Việt về việc kiến thiết đô thị và yêu cầu lệnh cho các Ty Công chính và Địa chính gửi bản đồ hiện trạng các đô thị về Bộ Giao thông Công chính.
- Công văn số 578/CC ngày 5-9-1949 của kỹ sư Thanh tra Công chính Bắc Việt gửi Bộ trưởng Bộ Công chính đề nghị cho biết những quy tắc xây dựng đô thị và địa đồ của các đô thị Bắc Ninh, Gia Lâm, Hà Đông, Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Hoàn Long, Kiến An, Nam Định, Quảng Yên, Sơn Tây. Các công văn này được đánh máy bằng chữ quốc ngữ.

VPBD - 1641

Phủ Thủ tướng: Trường bay Bạch Mai 1949.

Hồ sơ gồm 4 tờ, trong đó có:

- Công văn số 15464/AG ngày 12-10-1949 của Chỉ huy sư đoàn Alessandri, Ủy viên Pháp Quốc gửi Thủ hiến Bắc Việt về việc cải tạo một đường ống dẫn nước tại trường bay Bạch Mai và công văn khẩn số 10.030 PC/THP ngày 22-10-1949 của Thủ hiến Bắc Việt gửi Quốc trưởng đề nghị ra chỉ thị về vấn đề đã nêu.

Tài liệu trong hồ sơ bằng chữ quốc ngữ và chữ Pháp.

VPBD - 1821

Phủ Thủ tướng: Danh sách các đường cũ đổi ra đường mới tại Thành phố Hà Nội 1949.

Hồ sơ gồm bảng đối chiếu tên phố cũ ra phố mới, được đánh máy và chia làm hai phần: tên phố mới bằng chữ quốc ngữ và tên phố cũ bằng chữ Pháp.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

TCHN - 95

Règlements en matière de réquisition et l'attribution de logement à Hanoï en 1949.

Quy định về trưng dụng và cấp nhà ở Hà Nội 1949.

Hồ sơ gồm công văn số 777 (5 tờ) của Đốc lý Hà Nội ngày 9-3-1949 liên quan đến những quy định về nhà cửa ở Hà Nội như tổ chức hoạt động của Ủy ban nhà cửa, quy định về trưng dụng và cấp nhà...

TCHN - 127

Nguyên tắc xây dựng và quản lý nhà cửa trong Thành phố Hà Nội 1949-1954.

Hồ sơ gồm 185 tờ trong đó có:



- Báo cáo số 777-T/PCNC ngày 9-3-1949 của Đốc lý Hà Nội gửi Thủ hiến Bắc Việt về các quy định hiện hành liên quan đến vấn đề nhà cửa của Thành phố Hà Nội.
- Công văn số 4447 T/PCNC ngày 28-11-1949 của Thị trưởng Thành phố Hà Nội gửi Bộ trưởng Giao thông và Kiến thiết đề nghị đặt thể lệ mới liên quan đến việc vẽ kiểu nhà ở Hà Nội.
- Dự thảo Nghị định của Thủ hiến Bắc Việt về việc ấn định thể lệ áp dụng cho việc xây dựng nhà ở các tỉnh thuộc quyền của Thủ hiến Bắc Việt năm 1950.
- Công văn số 40/GTCC ngày 12-1-1950 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Công chính và Kiến thiết gửi Thủ hiến Bắc Việt về việc tạm áp dụng các quy định về thể lệ xin phép xây nhà ở các đô thị theo các văn bản sau:
 - Nghị định ngày 7-8 -1929 của Toàn quyền Đông Dương quy định về vệ sinh chung ở Bắc Việt.

- Nghị định ngày 19-2-1930 của Toàn quyền Đông Dương quy định về vệ sinh trong Thành phố Hà Nội.
- Sắc lệnh ngày 12-12-1919 của Tổng thống Pháp quy định điều kiện sửa chữa và phá huỷ nhà ở Đông Dương. Sắc lệnh này được sửa đổi bằng Sắc lệnh ngày 6-12-1934 của Tổng thống Pháp Albert Lebrun.
- Nghị định số 181-ND ngày 2-5-1950 của Thị trưởng Thành phố Hà Nội quy định về việc xúc đất, gạch vỡ cùng rác bẩn ở các ngôi nhà bị hư hỏng trong Thành phố Hà Nội để đảm bảo vệ sinh và an ninh trong Thành phố. Theo đó, các chủ đất hoặc người trông coi các thửa đất phải dọn hết đất, gạch vỡ và rác bẩn trước ngày 30-5-1950.
- Biên bản họp ngày 15-4-1953 của một Hội đồng tại Ty Pháp chế Thành phố để bàn về việc cấp giấy phép xây dựng và sửa chữa nhà cửa ở Hà Nội.
- Ý kiến của Phòng Pháp chế Nhà cửa Thành phố Hà Nội ngày 4-1-1954 về việc vẫn tiếp tục thi hành Nghị định ngày 18-5-1942 bắt buộc các kiểu nhà trên 100m² phải do một kiến trúc sư được Chính phủ công nhận vẽ mới hợp lệ.
- Nghị định ngày 18-5-1942 của Toàn quyền Đông Dương quy định về việc xây dựng các công trình mới trong các thành phố, trung tâm và các vùng phụ cận ở Đông Dương. Theo đó, các nhà xây dựng với diện tích từ 100m² trở lên (không kể phần nhà phụ) phải do kiến trúc sư được chính phủ công nhận vẽ, ký nhận và chịu trách nhiệm. Đối với nhà xây chung tường thì diện tích quy định là 80m². Quy định này cũng áp dụng cho cả việc sửa chữa nhà với diện tích bằng hoặc lớn hơn diện tích nói trên.

Tài liệu trong hồ sơ này bằng chữ quốc ngữ và chữ Pháp.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

TCHN - 102

Dự án mở rộng dinh Quốc trưởng Bảo Đại ở Hà Nội 1950.

Hồ sơ gồm 4 tờ (bằng chữ Quốc ngữ) trong đó có dự thảo sắc lệnh của Quốc trưởng Bảo Đại về việc mở rộng dinh Quốc trưởng tại Hà Nội 1950.

TCHN - 148

Chia đất ra từng lô nhỏ để bán hoặc xây dựng 1950-1953.

Hồ sơ gồm 24 tờ, trong đó có:

- *Thông cáo của Thành phố Hà Nội về việc chia đất thành lô nhỏ để bán hay xây dựng.*
- *Thông cáo của Thành phố Hà Nội về việc mua bán đất ở Hà Nội và vùng ngoại ô.*
- *Công văn số 3555 ngày 27-7-1952 của Thị trưởng Thành phố Hà Nội gửi Thủ Hiến Bắc Việt yêu cầu hướng dẫn thi hành việc chia lô đất trong Thành phố.*
- *Tờ trình ngày 11-2-1953 của Trưởng Ty Pháp chính Hà Nội gửi Thị trưởng Thành phố Hà Nội về việc cho thuê đất công của Thành phố số 134/I khu L tại Hàng Bột.*

Và một vài tài liệu khác... Tài liệu trong hồ sơ này bằng chữ quốc ngữ và chữ Pháp.

TCHN - 153

Trung thu nhà và đất trong Thành phố Hà Nội để mở mang đường xá 1950-1952.

Hồ sơ gồm 30 tờ trong đó có:

- *Công văn của Thị trưởng Thành phố Hà Nội gửi Thủ hiến Bắc Việt đề nghị ban hành các văn bản cần thiết về việc trưng dụng đất và nhà trong Thành phố Hà Nội.*

- *Nghị định số 198/ND ngày 27-3-1951 của Thị trưởng Thành phố Hà Nội thiết lập tại Hà Nội một Hội đồng để định giá nhà trưng thu ở phố Hàng Đào và Hàng Gai.*

Tài liệu trong hồ sơ này bằng chữ quốc ngữ và chữ Pháp.

SCDHN - 826

Expropriation des terrains des particuliers pour l'élargissement des voies par la Ville de Hanoï 1950-1952.

Thành phố Hà Nội trưng thu tư thổ để mở rộng đường xá 1950-1952.

Hồ sơ gồm 26 tờ, trong đó có:

- *Nghị định số 198/ND ngày 27-3-1951 của Thị trưởng Thành phố Hà Nội về việc thành lập một Hội đồng định giá bất động sản ở góc phố Hàng Đào và Hàng Gai mà Thành phố Hà Nội trưng thu để mở mang đường xá.*
- *Công văn trao đổi trong thời gian từ 1950-1952 giữa kỹ sư Công chính Thành phố Hà Nội, Giám đốc Nha Công chính Bắc Việt, Thị trưởng Thành phố Hà Nội, Thủ hiến Bắc Việt về việc công dụng trưng thu nhà cửa của tư nhân để mở rộng đường phố theo lô giới "Cérutti" và những đề xuất liên quan đến việc xây dựng nhà cửa theo chỉ giới mới tại một số khu chật hẹp...*

Tài liệu trong hồ sơ này bằng chữ Pháp và chữ quốc ngữ.

SCDHN - 843

Projet d'extension du Palais du Chef de l'état et des bâtiments sis à la Ville de Hanoï 1950.

Dự án mở rộng dinh Bảo Đại và các nhà phụ thuộc tại Thành phố Hà Nội 1950.

Hồ sơ có 11 tờ, gồm:

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

• *Tờ trình của Thị trưởng Hà Nội tại Hội đồng Thành phố về việc Bảo Đại giao cho Thành phố Hà Nội nghiên cứu kế hoạch mở rộng địa phận biệt điện và các nhà phụ thuộc tại Hà Nội, gồm có:*

- *Một bản đồ tỷ lệ 1/1000 do Ty Địa chính thành phố phác họa trong bản đồ địa giới mới của biệt điện.*

- *Một dự thảo sắc lệnh để duyệt y kế hoạch đó bao gồm ngoài việc được mở rộng, địa phận dinh Bảo Đại và các nhà phụ thuộc tại Bắc Việt sẽ giáp giới:*

+ *Về phía bắc: đê Parreau (đường Hoàng Hoa Thám) và đại lộ Carnot (phố Phan Đình Phùng).*

+ *Về phía nam: phố Một Cột (phố Chùa Một Cột), con đường dự định mở và đường Ngọc Hà.*

+ *Về phía Đông: đại lộ Brière de l'Isle (phố Hùng Vương).*

+ *Về phía tây: đường Ngọc Hà.*

• *Bản vẽ dinh Bảo Đại ngày 19-8-1949, tỷ lệ 1/500, kích thước 130,5 x 71cm, trên giấy calque.*

• *Bản vẽ dinh Bảo Đại và khu vực phụ cận, tỷ lệ 1/1000, kích thước 81 x 76cm, trên giấy thường có chú giải địa giới, chỉ giới, đền, chùa...*

Tài liệu trong hồ sơ này bằng chữ Pháp và chữ quốc ngữ.

SCDHN - 832

Expropriation pour cause d'utilité publique des terrains sis à l'angle des rues de Hang Dao et Hang Gai pour l'élargissement de ces rues 1951-1952.

Về việc công dụng trưng thu đất ở góc các phố Hàng Đào và Hàng Gai để mở rộng các khu phố này 1951-1952.

Hồ sơ gồm 83 tờ, trong đó có:

• *Nghị định số 2263-THP/ND ngày 20-6-1952 của Thủ hiến Bắc Việt cho phép Thành phố Hà Nội trưng dụng ngôi nhà số 106 phố*

Hàng Đào của Đoàn Văn Hân để mở rộng phố Hàng Gai với giá 228.000 đồng, có kèm theo hợp đồng bán đất.

- Công văn trao đổi giữa Chánh ty Địa chính và Công thổ Thành phố Hà Nội, Thị trưởng Thành phố, Giám đốc Sở Trước bạ... từ 1951 - 1952 về việc bồi thường cho các chủ sở hữu có nhà cửa bị xén ở góc phố Hàng Đào và Hàng Gai, có kèm theo bản vẽ những nhà bị xén ở phố Hàng Gai.

Và một số tài liệu khác... Tài liệu trong hồ sơ này bằng chữ Pháp và chữ quốc ngữ.

SCDHN - 833

Expropriation de l'immeuble sis au N° 73, rue de Cho Duoi pour l'ouverture de la rue Nguyen Binh Khiem 1952-1956.

Về việc trưng thu ngôi nhà số 73, phố Chợ Đuối để mở phố Nguyễn Bình Khiem 1952- 1956.

- Hồ sơ có 41 tờ, gồm các tài liệu liên quan đến việc Thành phố trưng thu ngôi nhà số 73 phố chợ Đuối của bà quả phụ Phạm Gia Vinh tức Nguyễn Thị Minh để mở phố Nguyễn Bình Khiem, có kèm theo trích lục bản đồ thừa đất số 84734 của bà Minh có ngôi nhà số 73 bị phạm vào đường và 5 tấm ảnh chụp ngôi nhà.

SCDHN - 851

Plans généraux du Marché de Cua Nam de la Ville de Hanoi 1951.

Bản vẽ tổng thể khu chợ Cửa Nam của Thành phố Hà Nội 1951.

Hồ sơ có 3 bản vẽ:

- Bản vẽ mặt trước chợ Cửa Nam trên đường Mandarine (một đoạn phố Lê Duẩn) với các chỉ dẫn bằng chữ Pháp.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- *Bản đồ đất công Thành phố Hà Nội trên có nhà lá (lạc giới lợt địa phận làng Bạch Mai và Hoàng Mai thuộc Đại lý Hoàn Long) với chỉ dẫn bằng chữ quốc ngữ.*
- *Bình diện toàn thể đồ chợ Cửa Nam với chỉ dẫn bằng chữ quốc ngữ.*

VPBD - 2108

Hồ sơ các công thự thuộc quyền sử dụng của các bộ tại Hà Nội 1951.

Hồ sơ gồm khoảng 34 tờ, trong đó có:

- *Bảng kê khai các công thự trong Thành phố Hà Nội do Chính phủ mua của tư nhân.*
 - *Các phiếu chuyển giao, công văn trao đổi giữa Đại diện Tổng trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Thủ tướng, Chánh Sự vụ Sở Kế toán công thự và vật liệu, Giám đốc Sở Quản lý công thự và vật liệu, Tổng trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng trưởng Bộ Công tác, Giao thông và Kiến thiết, Đốc lý Hà Nội trong thời gian từ tháng 10 năm 1949 đến tháng 3 năm 1951 về việc cho thuê nhà, gia hạn thời gian thuê nhà, các yêu cầu sửa chữa và giao trả một số trụ sở.*
 - *Danh sách các công sở của Chính phủ Việt Nam tại Hà Nội.*
- Tài liệu trong hồ sơ này bằng chữ quốc ngữ và chữ Pháp.*

TCHN - 144

Dự án mở rộng Thành phố Hà Nội 1951.

Hồ sơ gồm 29 tờ trong đó có:

- *Tập bản sao Dự và các Nghị định về xác định ranh giới Thành phố Hà Nội:*
- *Dự ngày 3-10-1888 của vua Đồng Khánh thiết lập nhượng địa Pháp tại Hà Nội và Hải Phòng.*

Phần II. QUY HOẠCH - XÂY DỰNG

- Nghị định ấn định địa giới Thành phố Hà Nội (không có ngày tháng).
 - Nghị định số 805-D/bis ngày 25-8-1942 của Toàn quyền Đông Dương chuẩn y Dự số 59 ngày 11-7-1942 của vua Bảo Đại về sắp xếp và mở rộng Thành phố Hà Nội.
 - Nghị định ngày 31-12-1942 của Toàn quyền Đông Dương thành lập Đại lý đặc biệt Hà Nội...
 - Dự thảo Dự của Quốc trưởng Bảo Đại về mở rộng Thành phố Hà Nội.
 - Báo cáo số 12504-HC/PTH ngày 22-6-1951 của Thủ hiến Bắc Việt gửi Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Kiến thiết quốc gia về dự án mở rộng Thành phố Hà Nội. Theo báo cáo này, Thủ hiến Bắc Việt cho rằng chưa nên thi hành dự án mở rộng Thành phố.
 - Bản đồ hành chính Đại lý Hoàn Long, kích thước 31,5 x 49,5cm tỷ lệ 1/50.000, trên đó có phác thảo ranh giới dự định mở rộng của Thành phố Hà Nội.
- Tài liệu trong hồ sơ này bằng chữ quốc ngữ và chữ Pháp.

SCDHN - 863

Règlementations de construction des Hôtels à Hanoï en 1952.

Quy chế xây dựng các khách sạn tại Hà Nội năm 1952.

Hồ sơ gồm 6 tờ, trong đó có:

- Công văn số 3260 ngày 7-7-1952 của Thị trưởng Thành phố Hà Nội gửi các ông Trưởng Ty Công chính Thành phố, Trưởng Ty Địa chính Thành phố, Trưởng Ty Y tế Thành phố và Chủ sự Phòng Pháp chế và Nhà cửa yêu cầu triệu tập một Hội đồng với sự tham gia của một số chủ khách sạn để bàn về việc xây dựng khách sạn trong Thành phố Hà Nội.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

• *Biên bản của Hội đồng Thành phố họp ngày 11-7-1952 để đạt thể lệ riêng biệt về việc xây dựng khách sạn. Theo biên bản này, Hội đồng nhất trí thông qua các tiêu chí được đề ra trong cuộc họp ngày 24-4-1952, cụ thể là:*

- Về khách sạn, gồm: cầu thang, cửa ra vào, buồng khách chung, lối đi vào, buồng ngủ, nhà bếp.

- Về các tiệm ăn, tiệm cà phê: cách xếp đặt bàn ghế, diện tích cho mỗi bàn.

Tài liệu trong hồ sơ này bằng chữ quốc ngữ.

TCHN - 296

Về việc xây các khách sạn và phòng trọ trong Thành phố Hà Nội 1952-1953.

Hồ sơ gồm 30 tờ trong đó có:

• *Biên bản họp ngày 11-7-1957 của Hội đồng nghiên cứu thể lệ cho việc xây dựng khách sạn tại Hà Nội.*

• *Các công văn số 533 ngày 27-1-1953, số 1616 ngày 2-4-1953, số 2656 ngày 1-6-1953 của Thị trưởng Thành phố Hà Nội thông báo về việc cho phép mở phòng trọ tại các phố Nguyên Lai Thạch, Ô Quan Chưởng, Phan Đình Phùng...*

Và các tài liệu khác... Tài liệu trong hồ sơ này bằng chữ quốc ngữ và chữ Pháp.

TCHN - 09

Bảng kê các công thự trong Thành phố Hà Nội 1953.

Hồ sơ gồm 6 tờ trong đó có:

• *Thông tư số 88-VL/PTH/TT ngày 6-2-1953 của Thủ hiến Bắc Việt về việc kê khai công thự trong Thành phố Hà Nội.*

Phần II. QUY HOẠCH - XÂY DỰNG

• *Bảng kê các nhà thuê làm trụ sở cho các quận và đồn cảnh binh, do Ty Cảnh binh Thành phố lập ngày 24- 2-1953.*

• *Bảng kê các công thự thuộc tư sản Thành phố Hà Nội do Ty Địa chính và công thổ lập ngày 12-3-1953.*

Tài liệu trong hồ sơ này bằng chữ quốc ngữ.

SCDHN - 849

Elargissement du Stade de Hang Day de la Ville de Hanoï en 1953.

Về việc mở rộng sân vận động Hàng Đẫy của Thành phố Hà Nội năm 1953.

• *Hồ sơ có 6 tờ gồm là công văn trao đổi giữa Giám đốc Nha Thanh niên và Bình dân giáo dục Bắc Việt, Thị trưởng Thành phố Hà Nội, Giám đốc Nha Kiến thiết, Trưởng Ty Địa chính và Công thổ Thành phố Hà Nội... trong thời gian từ 1952-1953 về việc xem xét sơ đồ mở rộng sân vận động Hàng Đẫy và nghiên cứu chỉ giới xung quanh sân vận động.*

• *Trích lục bản đồ kiến thiết tiểu đảo sân vận động Hàng Đẫy*

• *Bản đồ chỉ giới đại lộ Hùng Vương dự định mở.*

Toàn bộ tài liệu trong hồ sơ này bằng chữ quốc ngữ.

SCDHN - 3

Projet de constitution d'une Commission pour classer les cimetières indigènes, les régler et rechercher les emplacements destinés à recevoir les sépultures des indigènes à Hanoï (sans date).

Dự án thành lập một Ủy ban phân loại, quy định các nghĩa trang bản xứ và tìm địa điểm tiếp nhận hài cốt của người bản xứ ở Hà Nội (không ngày tháng).

• *Hồ sơ gồm 6 tờ, nội dung đề cập tới sự cần thiết của việc thành lập một Ủy ban phân loại, quy định các nghĩa trang bản xứ và tìm*

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

địa điểm để tiếp nhận hài cốt của người bản xứ. Văn bản nêu lên cơ sở pháp lý của việc mở các nghĩa trang tại Bắc Kỳ cũng như thực trạng một số nghĩa trang ở Hà Nội vào thời điểm đó (tài liệu này không đề ngày tháng cũng như tên tác giả).

MHN - 4186

Plan des rues de la Ville de Hanoï (sans date).

Bản đồ đường phố Hà Nội (không có thời gian).

Hồ sơ gồm 1 bản đồ đường phố Hà Nội, kích thước 44 x 44cm, có thuyết minh vị trí các công sở, bệnh viện, trường học, bảo tàng, chợ và khách sạn.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

L U U T R U V N

XÂY DỰNG

I. KHỐI CÔNG SỞ HÀNH CHÍNH

CỤM CÔNG TRÌNH

TOÀ THỐNG SỨ BẮC KỲ

Résidence supérieure au Tonkin
Hôtel pour le Résident supérieur
(1892-1946)

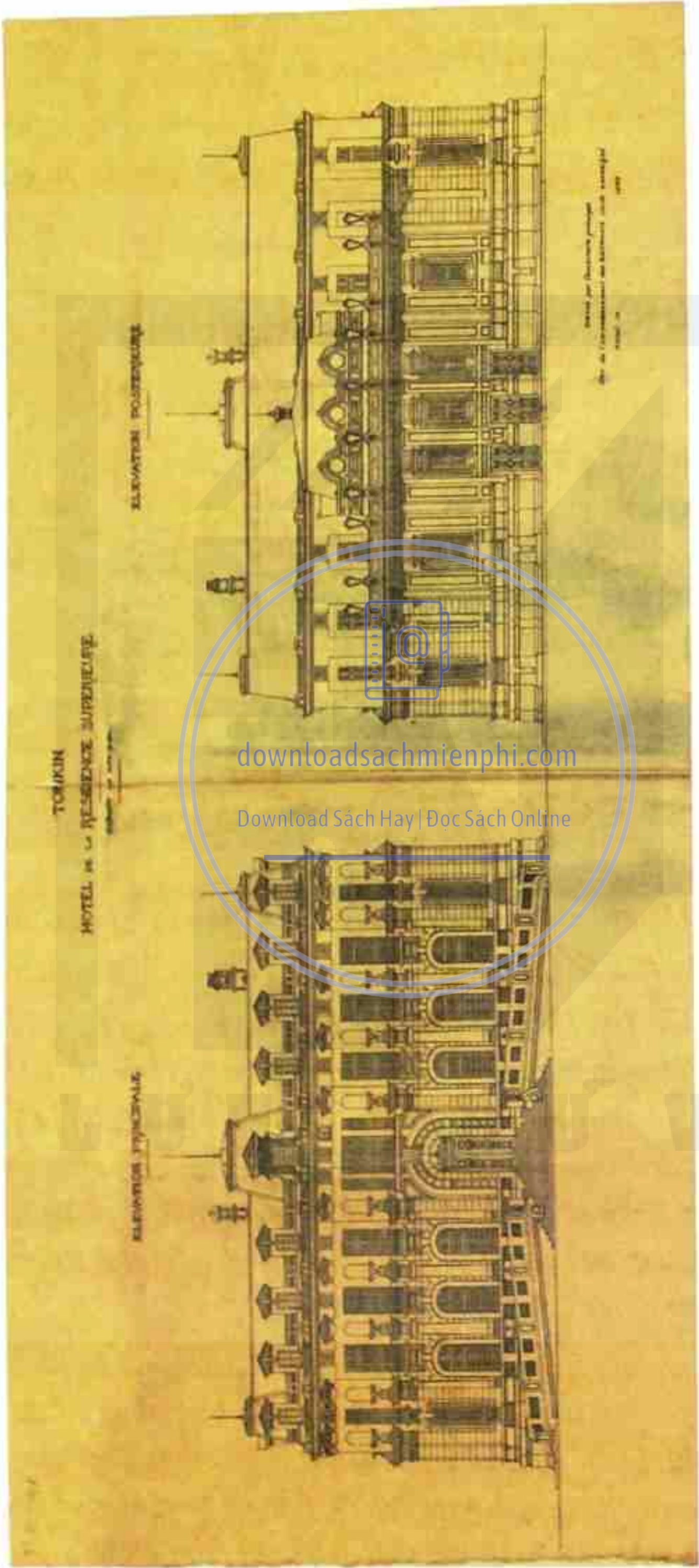
downloadsachmienphi.com

Tài liệu về công trình Toà Thống sứ Bắc Kỳ gồm hai loại: tài liệu kỹ thuật và tài liệu hành chính.

A. TÀI LIỆU KỸ THUẬT: gồm 36 hồ sơ trong các hộp từ 17 đến 20 thuộc khối tài liệu kiến trúc, trong đó có các bản vẽ và các tài liệu có liên quan.

Cụm công trình Toà Thống sứ Bắc Kỳ nằm ở trung tâm Hà Nội, trông ra 3 mặt phố: mặt chính về hướng đông là đại lộ Henri Rivière (phố Ngô Quyền), về phía bắc dọc theo đại lộ Chavassieux (phố Lê Thạch), về phía nam dọc theo phố Intendance (phố Đinh Lễ), phía sau giáp khu Bưu điện. Toàn bộ công trình Toà Thống sứ Bắc Kỳ nằm trên một khu đất rộng 2ha, mặt chính trên đại lộ Henri Rivière dài 166 mét, mặt trên phố Chavassieux dài 124 mét.

Theo tài liệu, công trình chính là Bureaux (trước gọi là Phủ Thống sứ) được xây dựng từ 1897 (một phần cánh bên phải đã được xây dựng trước đó, phần giữa và cánh bên trái dọc theo phố Intendance được tiếp tục xây dựng vào năm 1897). Bản vẽ có thời gian sớm nhất (bản thiết kế móng và bê-tông, tỷ lệ 0,02) là năm 1892.



Bản vẽ mặt đường trước và sau của Dinh Thống sứ Bắc Kỳ (nay là Nhà khách Chính phủ) do kiến trúc sư trưởng, Chánh Sở Nhà cửa dân sự lập năm 1909, tỷ lệ 1/100, kích thước góc 35cm x 80cm.
KT - 20/35.

Cụm công trình Toà Thống sứ Bắc Kỳ gồm 2 công trình sau:

- Bureaux de la Résidence supérieure (Phủ Thống sứ Bắc Kỳ), được xây dựng từ 1892, sau được dùng làm Bắc Bộ phủ, nay do Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội quản lý và sử dụng.
- Hôtel pour le Résident supérieur (dinh Thống sứ), được xây dựng từ năm 1918, sau này được dùng làm nhà khách của Chính phủ (số 12 phố Ngô Quyền)

Ngoài ra còn có các công trình phụ như chuồng ngựa, nhà xe, nhà vệ sinh, tường...

B. TÀI LIỆU HÀNH CHÍNH: gồm 1 hồ sơ.

TPT - 193

Construction d'un Hôtel pour le Résident supérieur au Tonkin 1917.

Xây dựng Dinh Thống sứ Bắc Kỳ 1917.

Hồ sơ gồm 53 tờ, trong đó có:

- Báo cáo ngày 12-12-1917 của Trưởng Ban Nhà cửa dân sự về dự án đấu thầu việc xây Dinh Thống sứ Bắc Kỳ tại Hà Nội, chi phí ước tính lên tới 98.000 đồng được trích từ ngân sách của Bắc Kỳ.
- Đơn của các nhà thầu Verneuil & Gravereaud, A.Leroy, Trần Viết Soạn, Trần Ngọc Diễn, Mul... xin tham gia đấu thầu công trình.
- Biên bản buổi đấu thầu công trình xây dựng Dinh Thống sứ Bắc Kỳ diễn ra vào ngày 9-2-1918 và báo cáo ngày 10-2-1918 của Trưởng Ban Nhà cửa dân sự thông báo và đề nghị thông qua kết quả cuộc đấu thầu này. Theo đó, ông Trần Ngọc Diễn trở thành người lãnh thầu và kinh phí để thực hiện công trình này ban đầu ước tính là 98.000 đồng Đông Dương nhưng sau đó giảm xuống còn 85.670 đồng.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

• Báo cáo ngày 19-4-1918 của Trường Ban Nhà cửa dân sự giải Thống sứ Bắc Kỳ đề nghị thông qua đề xuất của ông Trần Ngọc Diễn về việc tái sử dụng khối nguyên vật liệu nhất là sắt từ công trình cũ vốn là dinh Trường khu Hành chính Bắc Kỳ vì đề xuất này có lợi cho chính quyền.

• Các bản vẽ bề tổng và móng, mặt bằng tầng hầm, tầng trệt, tầng hai, mặt tiền, mặt bên, mặt cắt dọc, mặt cắt ngang của Dinh Thống sứ. Các bản vẽ này đều do Trường Ban Nhà cửa lập ngày 12-12-1917 trên giấy thường.

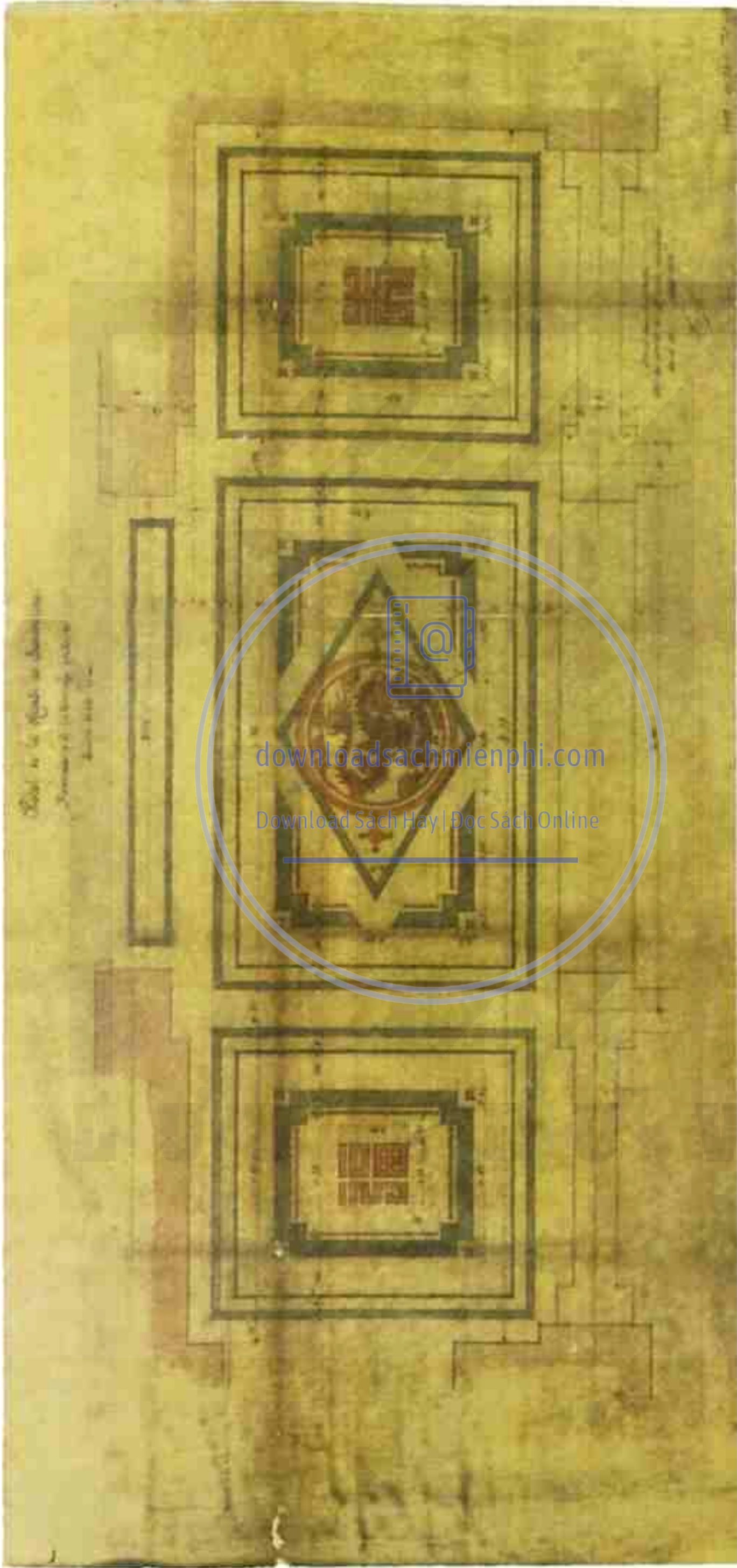
Và một số tài liệu liên quan đến nguyên vật liệu của công trình và việc thanh toán tiền đặt cọc cho nhà thầu sau khi công trình hoàn thành vào ngày 3-2-1920.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

L U U T R U V N



Bản thiết kế trang trí kiểu ghép mảnh hiện sau của Dinh Thống sứ Bắc Kỳ, do kiến trúc sư Adolphe Bussy lập tháng 7-1919.

tỷ lệ 1/10, kích thước gốc 46cm x 100cm.

KT - 19/23.

CÔNG TRÌNH

NHA KINH LƯỢC BẮC KỲ

Palais du Kinh luoc du Tonkin
(1895-1896)

Tài liệu về công trình Nha Kinh lược Bắc Kỳ gồm hai loại: tài liệu kỹ thuật và tài liệu hành chính.

A. TÀI LIỆU KỸ THUẬT: gồm hồ sơ số 34 trong hộp 49 thuộc khối tài liệu kiến trúc trong đó có các bản vẽ kỹ thuật về Nha Kinh lược, phòng khánh tiết, nhà ở của Kinh lược và các bản vẽ chi tiết về cửa, hàng rào... của công trình.

Công trình này nằm trên một mảnh đất vuông vẫn quay mặt ra 3 phố Borgnis Desbordes (phố Tràng Thi), đại lộ Jauréguiberry (phố Quang Trung) và đại lộ Rollandes (phố Hai Bà Trưng), nay là khuôn viên của Thư viện Quốc gia.

B. TÀI LIỆU HÀNH CHÍNH: gồm 1 hồ sơ.

TPT - 350

Construction des bureaux de la Direction de l'Agriculture et du Commerce à Hanoï, sur les terrains libres du Palais du Kinh Luoc 1897-1908.

Về việc xây các phòng làm việc của Nha Nông nghiệp và Thương mại Hà Nội trên khu đất trống của dinh Kinh Lược 1897-1908.

Hồ sơ gồm khoảng 75 tờ, trong đó có:

- *Quyết định số 995 ngày 20-10-1897 của Toàn quyền Đông Dương liên quan đến các toà nhà của Chính quyền Bảo hộ. Theo đó, kể từ*

ngày 1-11-1897, các toà nhà này trước đây dùng làm nhà ở của cựu Kinh lược Bắc Kỳ sẽ được sử dụng làm Phòng Thương mại Hà Nội, Phòng Nông nghiệp Bắc Kỳ cũng như làm Bảo tàng Thương mại do hai cơ quan này sắp đặt. Mọi chi phí trùng tu và sửa chữa sẽ tiếp tục do Chính quyền Bảo hộ đảm nhiệm.

• Công văn số 713 ngày 9-11-1904 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Trưởng khu 1 đề nghị khẩn trương xây dựng một số công trình theo chỉ thị của Toàn quyền, cụ thể như sau:

- Xây cho Nha Nông nghiệp và Thương mại Đông Dương một số phòng làm việc tại địa điểm trước đây là Nha Kinh Lược và hiện tại là Phòng Thương mại và Nông nghiệp. Công trình mới này có thể được xây ở bên phải và bên trái khu vườn của Phòng Thương mại và Nông nghiệp, phía trước dinh thự.

- Dựng một toà nhà trên khu đất được dùng để xây các phòng làm việc hiện có của Nha Nông nghiệp và Thương mại Đông Dương. Toà nhà này phải được xây kế tiếp toà nhà làm việc của Nha Nông nghiệp và Thương mại, và theo mô hình toà nhà có sẵn nhưng sẽ có cửa chớp ở tầng một. Cùng với các phòng làm việc của Nha Nông nghiệp và Thương mại, toà nhà này sẽ được dùng làm Trường Nữ sinh tại Hà Nội.

- Xây một khách sạn cho các Thanh tra thuộc địa đang công tác tại Bắc Kỳ, trên một khu đất nằm ở góc đại lộ Beauchamp (phố Lê Thái Tổ) và phố Jules Ferry (phố Hàng Trống).

• Các báo cáo, công văn trao đổi trong thời gian từ 1897-1908 giữa Trưởng Nha Nông - Lâm - Thương mại Đông Dương, Phó Toàn quyền Đông Dương, Trưởng Nha Công chính Đông Dương... về sơ thảo dự án xây dựng toà nhà làm việc của Nha Nông - Lâm - Thương mại Đông Dương trên đại lộ Jaurreguiberry và phố Borgnis - Desbordes. Theo đó, tầng trệt của toà nhà này dành cho Phòng Lâm nghiệp, tầng một là Phòng Nông nghiệp, với tổng diện tích là 972m².

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Quyết định số 2218 ngày 1-8-1905 của quyền Toàn quyền Đông Dương công bố các ông H và L.Chavan trúng thầu công trình xây dựng phòng làm việc của Nha Nông nghiệp và Thương mại Đông Dương với tổng chi phí cho phép là 125.000 francs.
 - Bản vẽ tổng thể Phòng Thương mại (trước đây là dinh Kinh lược Bắc Kỳ) được lập ngày 8-9-1905, trên giấy calque.
 - Bản vẽ các phòng làm việc của Nha Nông - Lâm - Thương mại do Giám đốc Sở Kiến trúc lập tháng 11 năm 1905, trên giấy calque.
- Và một số tài liệu khác...



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

L U U T R U V N

CỤM CÔNG TRÌNH**PHỦ TOÀN QUYỀN ĐÔNG DƯƠNG****Palais du Gouverneur général de l'Indochine****(1900-1943)**

Tài liệu về cụm công trình này tương đối đầy đủ, gồm tài liệu kỹ thuật và tài liệu hành chính.

A. TÀI LIỆU KỸ THUẬT: gồm 219 hồ sơ trong các hộp từ 1 đến 13 thuộc khối tài liệu kiến trúc, được sắp xếp theo từng công trình. Theo đó, cụm công trình Phủ Toàn quyền Đông Dương gồm 3 công trình sau:

a. Dinh thự chính của Toàn quyền (nay là Phủ Chủ tịch).

Nhóm này gồm 88 hồ sơ chia làm 2 phần: phần thiết kế kỹ thuật (từ hồ sơ số 1 đến hồ sơ 56) và phần thiết kế thi công (từ hồ sơ số 57 đến hồ sơ 88) nằm trong các hộp số 1 đến 8. Tài liệu của các hồ sơ này gồm các bản thiết kế tổng thể, bản vẽ các mặt của công trình, bản thiết kế móng, các bản thiết kế chi tiết khác về cửa, mái, cầu thang, sân, ban công, đồ mộc, trát tường, sơn, khoá, chiếu sáng... và các bản vẽ về những thay đổi nhiều phần của công trình vào các năm 1907, 1937-1939, 1940, 1941, 1942, 1943.

Theo các hồ sơ trên, công trình Dinh thự chính của Toàn quyền được kiến trúc sư Lichtenfelder thiết kế năm 1900 với diện tích xây dựng khoảng 1200m². Công trình này được tiến hành thi công trong các năm 1903-1905 tại một địa điểm cao ráo, cạnh hồ Tây, có phong cảnh đẹp, yên tĩnh và có nhiều cây xanh.

Các tiêu chuẩn lựa chọn nguyên vật liệu cũng được quy định rất chi tiết trong tập điều kiện đấu thầu do Kiến trúc sư Lichtenfelder lập

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

ngày 20-8-1900. Nguyên vật liệu được chọn lọc từ những loại tốt nhất như đá Đông Triều, Kẻ Sỡ; gạch ngói của hai nhà máy Hà Nội và Đáp Cầu sản xuất; các loại gỗ tốt như gỗ lim ở Bắc và Trung Bộ Việt Nam; gỗ thông của châu Mỹ và Na Uy; xi-măng, tôn, sắt, kính của Pháp.

Các tiêu chuẩn trong việc sử dụng nguyên vật liệu cho công trình cũng được quy định rất chi tiết: cát để trộn vữa phải được rửa thật sạch không còn lẫn đất và cỏ rác; vôi phải được mang đến công trường ở dạng đá loại một và không được còn quá 10% chưa nung chín; đá để trộn bê tông cũng phải được rửa sạch; gạch, ngói, gạch lát nền được chọn từ các lò tốt nhất, phải chắc và danh, phải được nung chín, vuông vắn và không vênh váo; mẫu gạch rỗng và đá xây của cuốn dùng để thi công phải theo các chỉ dẫn và kích thước đã quy định và phải được kiến trúc sư của công trình chấp nhận; gỗ dùng trong công trình là gỗ lim và gỗ thông, gỗ phải thẳng thớ, không có mắt, mấu, không lẫn gỗ tạp và hư hỏng hay các lỗi khác, gỗ phải hoàn toàn khô khi sử dụng; xi măng của Pháp nhưng phải được đóng trong thùng kín, khô ráo... Các khâu thi công và kỹ thuật thi công cũng được quy định rất chi tiết trong Tập điều kiện đấu thầu năm 1900.

Theo thiết kế, dinh thự chính gồm 4 tầng: 1 tầng hầm, 1 tầng trệt và 2 tầng gác có cầu thang ngoài:

- Tầng hầm gồm 11 phòng dùng để lương thực, thực phẩm, rượu, làm bếp, phục vụ... trong đó có 1 bàn giấy và phòng lưu trữ công văn.
- Tầng trệt gồm 6 phòng chính: 1 phòng khánh tiết lớn, 1 phòng ăn lớn, 3 phòng làm việc và 1 thư viện.
- Tầng một gồm 10 phòng chính: 1 phòng khách, 1 phòng ăn, 3 phòng ngủ, 1 phòng làm việc riêng của Toàn quyền, 1 phòng họp của Hội đồng cấp cao Đông Dương, 1 phòng của sỹ quan tùy tùng, 2 phòng làm việc và 1 phòng của nhân viên phục vụ.

- Tầng hai gồm 9 phòng chính: 2 phòng khách, 2 phòng ngủ lớn, 5 phòng ngủ nhỏ và có sân trời.

Phong cách trang trí của dinh thự này rất cầu kỳ và tỷ mỉ: phòng khánh tiết lớn được thiết kế theo phong cách vua Louis XIV; phòng ăn lớn theo phong cách thời Phục Hưng; phòng riêng của Toàn quyền theo phong cách thời đại đế Pháp. Tuy nhiên, các chi tiết trang trí cũng nhiều lần được tu bổ và sửa chữa theo ý thích của từng viên Toàn quyền. Từ 1914 đến 1944 dinh thự này được chỉnh trang sửa chữa 20 lần, không kể những lần quét vôi, sơn cửa thường xuyên.

b. Khu nhà Văn phòng (nay là Văn phòng Chủ tịch nước).

Tài liệu về khu nhà Văn phòng có 25 hồ sơ (từ hồ sơ 89 đến hồ sơ 113) nằm trong các hộp số 9 đến 11, gồm các bản thiết kế tổng thể, bản thiết kế móng, bản vẽ các mặt công trình, bản vẽ các mặt cắt, các bản thiết kế chi tiết khác về cửa, mái, cầu thang, sân, trát tường, nhà để xe ô tô...

Khu nhà Văn phòng được xây dựng làm nhiều đợt với tổng diện tích là 1.235m².

Khu nhà phía đông được xây dựng năm 1906, gồm 2 tầng. Năm 1939, khu này được xây thêm 1 tầng. Đến năm 1942-1944, diện tích được mở rộng gấp hai lần so với diện tích cũ, phần mở rộng này cũng gồm 3 tầng.

Khu nhà phía tây được xây dựng năm 1920, tiếp giáp khu phía đông, gồm 3 tầng. Năm 1927-1928, khu này được mở rộng cho vuông góc theo hình chữ nhật, phần mở rộng này cũng được xây 3 tầng.

Cả hai khu nhà phía đông và phía tây đều được xây bằng gạch, mái ngói theo kiến trúc cổ điển. Dầm mái được làm bằng gỗ lim và sắt, cửa bằng gỗ lim, dầm sàn bằng bê tông cốt thép.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

c. Các nhà phụ.

Tài liệu về các nhà này có 55 hồ sơ (từ hồ sơ 114 đến hồ sơ 168) trong các hộp số 12-13, gồm các bản thiết kế tổng thể và bản vẽ các mặt cắt, các bản vẽ chi tiết về cầu thang, tường, sân, đồ gỗ... của 18 nhà lớn nhỏ với tổng diện tích xây dựng 2.650m², gồm các khu nhà chính:

- Khu nhà của Quản trị trưởng.
- Khu nhà của Chánh Văn phòng ở vườn Bách thảo.
- Khu nhà của sỹ quan tùy tùng.
- Khu nhà của Đội cảnh vệ.
- Khu nhà của Giám đốc chính trị và an ninh chung.
- Khu nhà của phụ tá văn phòng.
- Khu nhà ở của nhân viên bản xứ.
- Khu nhà của Đồng lý văn phòng.

Các khu nhà trên được xây dựng vào các thời điểm khác nhau và có nhiều lần sửa chữa.

Ngoài ra còn có 51 hồ sơ (từ hồ sơ số 169 đến số 219 trong hộp 12-13) gồm công văn trao đổi và các văn bản khác có liên quan đến quá trình xây dựng cụm công trình nói trên.

B. TÀI LIỆU HÀNH CHÍNH: tài liệu thuộc khối này gồm các hồ sơ sau:

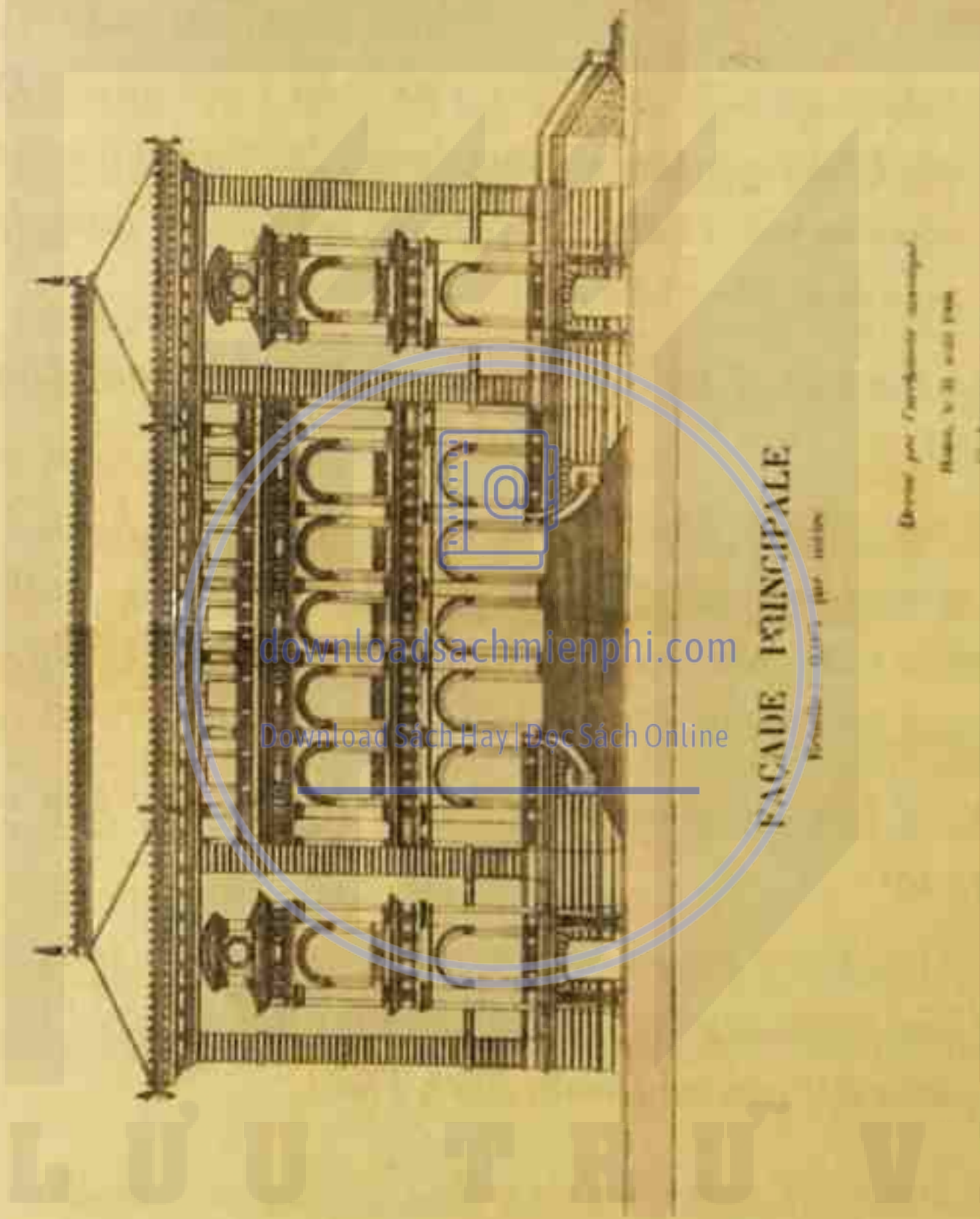
1. TPT - 344

Bâtiments Civils. Construction de l'Hôtel du Gouvernement général.

Expropriation. Acquisition de terrains. Achat à la Société Immobilière d'un terrain du Quartier de la Citadelle 1899-1900.

Nhà cửa dân sự. Xây Phủ Toàn quyền. Trưng thu. Trưng mua đất. Mua một mảnh đất trong khu vực Thành Hà Nội của Công ty bất động sản 1899-1900.

HOTEL DU GOUVERNEMENT GÉNÉRAL A HANOI



Bản vẽ mặt trước Dinh Toàn quyền Đông Dương (nay là Phủ Chủ tịch) tại Hà Nội do kiến trúc sư Charles Lichtenfelder lập năm 1900, tỷ lệ 1/2000, kích thước gốc 31cm x 42cm.
KT-5/57.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Hồ sơ gồm 128 tờ, trong đó có:

- Công văn số 4399 ngày 24-6-1899 của Raveau, đại diện cho Công ty Bất động sản gửi Toàn quyền Đông Dương về việc Công ty này đồng ý chuyển nhượng miễn phí 10.000 mét đất cho Chính quyền Bảo hộ để xây dựng và mở rộng Phủ Toàn quyền tại khu vườn thử nghiệm.
- Nghị định số 371 ngày 20-1-1900 của Toàn quyền Đông Dương cho phép Phủ Toàn quyền trưng dụng 22.070m² đất của Công ty Bất động sản khu vực Thành Hà Nội với giá 22.000 đồng Đông Dương (kèm theo hợp đồng bán đất).
- Trích lục bản vẽ mốc phân giới các khu đất thuộc khu vực Thành Hà Nội.
- Hai bản vẽ các khu đất được bán cho Pierre Léon Leclerc, một luật sư bào chữa sống tại Hà Nội và anh em nhà Guillaume là các nhà thầu cũng sống tại Hà Nội do Giám đốc Sở Quản lý Đường bộ lập ngày 28-3-1894 và 7-4-1894, đều có tỷ lệ 1/1000 vẽ trên vải.
- Bản vẽ khu vực phía đông Thành Hà Nội tại khu vực giáp với đường sắt.

Ngoài ra, trong hồ sơ còn có một số báo cáo, công văn trao đổi cũng liên quan đến việc chuyển nhượng đất để xây Phủ Toàn quyền trên phần đất phụ của vườn Bách Thảo.

2. TPT - 4614

Avant-projet de la construction de l'Hôtel du Gouverneur général de l'Indochine 1896-1899.

Sơ thảo dự án công trình Phủ Toàn quyền Đông Dương 1896-1899.

Hồ sơ gồm khoảng 100 tờ và 17 bản vẽ

- Bản thiết kế tổng thể ngày 21-3-1896 khu nhà của Phủ Toàn quyền Đông Dương ở vườn Bách thảo với tỷ lệ 0,001.

- Bản thiết kế tầng trệt và các tầng trên năm 1895 của Phủ Toàn quyền Đông Dương ở vườn Bách thảo Hà Nội tỷ lệ 0,005.
- Các bản vẽ mặt đứng và mặt cắt ngang của Phủ Toàn quyền Đông Dương ở vườn Bách thảo tỷ lệ 0,05p.m.
- Bản thiết kế tổng thể Phủ Toàn quyền Đông Dương do kiến trúc sư Henri Vildieu lập tháng 8-1899.
- Các bản thiết kế nền, tầng trệt và tầng trên của Phủ Toàn quyền Đông Dương do kiến trúc sư Henri Vildieu lập ngày 20-9-1899 tỷ lệ 0,02.
- Các bản vẽ mặt đứng, mặt bên, mặt sau, mặt cắt dọc và mặt cắt ngang của Phủ Toàn quyền Đông Dương do kiến trúc sư Henri Vildieu thiết kế ngày 20-9-1899 tỷ lệ 0,02.
- Tập dự toán và điều kiện đấu thầu số 1 cho các công việc như đắp đất, xây, khung nhà bằng gỗ, bằng sắt, đồ gỗ, đồ sắt và khoá do kiến trúc sư Henri Vildieu lập ngày 20-9-1899.
- Tập dự toán và điều kiện đấu thầu số 2 cho các công việc như làm mái, lắp đặt đường nước, thiết bị vệ sinh, đồ mạ kẽm do kiến trúc sư Henri Vildieu lập ngày 20-9-1899.
- Tập dự toán và điều kiện đấu thầu số 3 cho các công việc sơn, kính, phủ tường, mạ vàng, trang trí... do kiến trúc sư Henri Vildieu lập ngày 20-9-1899.
- Các biểu giá cho các số 1, 2, 3 do kiến trúc sư Henri Vildieu lập ngày 20-9-1899.
- Bảng dự toán chi tiết do kiến trúc sư Henri Vildieu lập ngày 20-9-1899. Theo đó, tổng kinh phí dự kiến là 150.000 đồng Đông Dương.

3. TPT - 4616

Construction du bâtiment principal de l'Hôtel du Gouvernement général de l'Indochine 1900.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Xây dựng nhà chính cho Phủ Toàn quyền Đông Dương 1900.

Hồ sơ gồm 25 tờ, trong đó có:

- Nghị định ngày 17-9-1900 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn dự án xây dựng Phủ Toàn quyền Đông Dương.
- Thông báo đấu thầu thi công lô 1 (nhà chính) của Phủ Toàn quyền Đông Dương ngày 22-9-1900.
- Công văn ngày 18-10-1900 của Giám đốc Sở Công chính Bắc gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc xác định vị trí cho công trình trên ở vườn Bách thảo.
- Nghị định số 416 ngày 6-12-1900 của Toàn quyền Đông Dương huỷ bỏ kết quả đấu thầu ngày 12-11-1900 vì người trúng thầu Leyret đã bị chết.



4. TPT - 4617

downloadsachmienphi.com

Correspondances relatives à l'adjudication et l'exécution du bâtiment principal de l'Hôtel du Gouvernement général de l'Indochine 1901-1904.

Văn bản giấy tờ liên quan đến việc đấu thầu và thi công nhà chính của Phủ Toàn quyền Đông Dương 1901-1904.

Hồ sơ gồm khoảng hơn 200 tờ, trong đó có:

- Biên bản đấu thầu việc thi công toà nhà chính của Phủ Toàn quyền Đông Dương và Toà án Thành phố diễn ra ngày 31-12-1900. Kết quả là nhà thầu Labeye đã trúng thầu.
- Nghị định số 1702 ngày 14-5-1901 của Toàn quyền Đông Dương chấp thuận việc thay thế nhà thầu Labeye bằng công ty M. Labeye & Abt - Garnier trong việc tiến hành thi công công trình Phủ Toàn quyền Đông Dương.
- Báo cáo ngày 28-3-1902 của kiến trúc sư Lichtenfelder liên quan đến chi phí để hoàn thành công trình Phủ Toàn quyền Đông Dương.

- Báo cáo ngày 13-11-1902 của kỹ sư trưởng Henri Vildieu về việc tăng chi phí cho công trình (có kèm theo bảng so sánh giữa dự chi và thực chi do kiến trúc sư Lichtenfelder lập).
- Thỏa thuận ký ngày 21-3-1903 giữa đại diện của Toàn quyền Đông Dương và công ty M. Labeye & Abt - Garnier đồng ý huỷ bỏ hợp đồng thi công công trình Phủ Toàn quyền Đông Dương vì lý do tài chính.
- Báo cáo ngày 2-4-1903 của kiến trúc sư trưởng Henri Vildieu về việc Công ty M. Labeye & Abt - Garnier xin tiếp tục thi công công trình.
- Và nhiều công văn trao đổi giữa Công ty M. Labeye & Abt-Garnier và kỹ sư trưởng trong quá trình thi công công trình.

5. TPT - 4618

Menuiserie et quincaillerie pour la construction du Gouverneur général de l'Indochine 1902.

Đồ mộc và kính cho công trình Phủ Toàn quyền Đông Dương 1902.

Hồ sơ gồm 11 tờ và 13 bản vẽ:

- Tập điều kiện đấu thầu do kiến trúc sư Lichtenfelder lập ngày 31-7-1902 cho phần đồ gỗ và kính cho nhà chính của công trình Phủ Toàn quyền Đông Dương. Việc tiến hành các công việc trên phải tuân theo các bản vẽ thiết kế của kiến trúc sư Lichtenfelder.
- Các bản vẽ cửa 2 cánh, 4 cánh có lắp kính, chớp cho tầng hầm do kiến trúc sư Lichtenfelder thiết kế ngày 31-7-1902 và được Toàn quyền Đông Dương thông qua ngày 2-9-1902, tỉ lệ 0,1.
- Các bản vẽ cửa kính, cửa chớp cho tầng trệt do kiến trúc sư Lichtenfelder thiết kế ngày 31-7-1902 và được Toàn quyền Đông Dương thông qua ngày 2-9-1902, tỉ lệ 1/10.
- Bản vẽ các loại cửa (cửa sổ, cửa chớp kiểu cuốn, cửa lan can...) cho tầng 1 do kiến trúc sư Lichtenfelder thiết kế ngày 31-7-1902 và được Toàn quyền Đông Dương thông qua ngày 2-9-1902, tỉ lệ 0,1.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Bản vẽ các loại cửa (cửa sổ, cửa chớp, cửa kính và cửa lan can...) tầng 2 do kiến trúc sư Lichtenfelder thiết kế ngày 31-7-1902 và được Toàn quyền Đông Dương thông qua ngày 2-9-1902, tỉ lệ 0,1.
- Biểu giá đồ gỗ và kính cho nhà chính của Phủ Toàn quyền Đông Dương do kiến trúc sư Lichtenfelder thiết kế ngày 31-7-1902 và được Toàn quyền Đông Dương thông qua ngày 2-9-1902.
- Bảng dự toán chi tiết cho phần đồ gỗ và kính dành cho nhà chính của Phủ Toàn quyền Đông Dương do kiến trúc sư Lichtenfelder thiết kế ngày 31-7-1902 và được Toàn quyền Đông Dương thông qua ngày 2-9-1902. Theo đó, ước tính tổng kinh phí cho phần này là 34.000 đồng Đông Dương.
- Biên bản đấu thầu tổ chức ngày 25-10-1902 về việc thi công đồ gỗ và kính cho nhà chính công trình Phủ Toàn quyền Đông Dương. Kết quả là nhà thầu Durupt đã trúng thầu.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

6. TPT - 4619

Menuiserie et quincaillerie du bâtiment principal de l'Hôtel du Gouvernement général de l'Indochine 1902-1903

Đồ gỗ và kính cho nhà chính Phủ Toàn quyền Đông Dương 1902-1903

- Hồ sơ gồm 8 bản thiết kế tầng hầm, tầng trệt, tầng 1, tầng 2 của nhà chính do kiến trúc sư Lichtenfelder lập ngày 31-8-1900 tỷ lệ 0,005.

7. TPT - 4620

Appel d'offres pour l'exécution des travaux pour l'achèvement du bâtiment principal de l'Hôtel du Gouvernement général de l'Indochine 1903.

Mời thầu thi công nhà chính Phủ Toàn quyền Đông Dương 1903.

Hồ sơ gồm 44 tờ, trong đó có:

- Thông báo mời thầu ngày 23-4-1903 thi công toà nhà chính Phủ Toàn quyền Đông Dương gồm các việc: cung cấp và lắp đặt đồ gỗ, cải tạo và sửa chữa, cung cấp và lắp đặt cột thu lôi, trang trí nội, ngoại thất và lát nền gạch vuông và ghép mảnh.
- Tập dự toán và điều kiện đấu thầu cung cấp và lắp đặt đồ gỗ cho nhà chính Phủ Toàn quyền Đông Dương do kiến trúc sư Lichtenfelder lập ngày 10-4-1903. Công việc của gói thầu này gồm: cung cấp và lắp đặt cầu thang thẳng có 97 bậc và chiều nghỉ, cung cấp và lắp đặt cầu thang xoáy có 97 bậc và chiều nghỉ và các ván sàn. Gỗ làm cầu thang là gỗ lim, làm rầm đỡ sàn là gỗ lãnh sam. Tất cả gỗ đều phải là loại 1. Công việc phải hoàn thành trong vòng 6 tháng.
- Tập dự toán và điều kiện đấu thầu cải tạo và sửa chữa nhà chính Phủ Toàn quyền Đông Dương do kiến trúc sư Lichtenfelder lập ngày 10-4-1903. Công việc của gói thầu này gồm di chuyển để di chuyển rầm và sàn sắt, phá huỷ và xây lại tường và mở lối vào...
- Tập dự toán và điều kiện đấu thầu cung cấp và lắp đặt cột thu lôi cho nhà chính Phủ Toàn quyền Đông Dương do kiến trúc sư Lichtenfelder lập ngày 10-4-1903. Công việc của gói thầu này gồm: cung cấp và lắp đặt cột thu lôi và các phụ kiện kèm theo như ống dẫn điện, sứ cách điện..., làm cầu thang bằng kẽm để lên nóc nhà, làm ống thoát nước, làm ban công bằng gang ở hai bên. Thời hạn hoàn thành công việc là 6 tháng.
- Tập dự toán và điều kiện đấu thầu trang trí nội và ngoại thất cho nhà chính Phủ Toàn quyền Đông Dương do kiến trúc sư Lichtenfelder lập ngày 10-4-1903.
- Tập dự toán và điều kiện đấu thầu lát nền bằng gạch vuông và ghép mảnh cho nhà chính Phủ Toàn quyền Đông Dương do kiến trúc sư Lichtenfelder lập ngày 10-4-1903.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

8. TPT - 4621

Travaux d'aménagement et de réfection du bâtiment principal de l'Hôtel du Gouvernement général de l'Indochine 1903-1904.

Việc cải tạo và sửa chữa nhà chính của Phủ Toàn quyền Đông Dương 1903-1904.

Hồ sơ gồm 41 tờ, trong đó có:

- Tập dự toán và điều kiện đấu thầu cho nhà chính Phủ Toàn quyền Đông Dương do kiến trúc sư Lichtenfelder lập ngày 10-4-1903 và được Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn ngày 3-6-1903.
 - Biên bản bỏ thầu ngày 11-5-1903 cho việc hoàn thành nhà chính của Phủ Toàn quyền Đông Dương. Kết quả là nhà thầu Leroy đã trúng thầu lô số 2 về việc cải tạo và sửa chữa nhà chính.
 - Thông báo kết quả đấu thầu cho nhà thầu Leroy ngày 1-7-1903 và các công văn trao đổi giữa kiến trúc sư Lichtenfelder và nhà thầu Leroy liên quan đến quá trình thi công công việc.
- Và nhiều tài liệu khác...

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

9. TPT - 4622

Fourniture et pose de charpente en bois pour escalier et de parquets et chambranles de l'Hôtel du Gouverneur général de l'Indochine 1903-1908.

Cung cấp và lắp đặt đồ gỗ cho cầu thang và khung cửa cho Phủ Toàn quyền Đông Dương 1903-1908.

Hồ sơ gồm khoảng 130 tờ, trong đó có:

- Bản giao kèo cung cấp vật liệu làm cầu thang và sàn gỗ cho nhà chính Phủ Toàn quyền Đông Dương ký ngày 26-12-1903 giữa đại diện của Toàn quyền Đông Dương và Công ty Lâm nghiệp và Thương mại Bến Thủy (Vinh) .
- Công văn ngày 18-11-1905 của kiến trúc sư Lichtenfelder gửi kỹ sư trưởng Khu Công chính Bắc Kỳ đề nghị thay đổi giao kèo với nhà cung cấp để điều chỉnh biểu giá.

- Công văn ngày 15-12-1905 của kiến trúc sư Lichtenfelder gửi Giám đốc Công ty Lâm nghiệp và Thương mại Bến Thủy yêu cầu Công ty chuyển vật liệu bằng đường sắt để thúc đẩy tiến độ giao nhận và tránh mất mát khi vận chuyển.
- Báo cáo ngày 16-12-1905 của kiến trúc sư Lichtenfelder về tổng chi phí để cung cấp gỗ lên đến 3.000 francs.
- Bản giao kèo cung cấp ván sàn và khung nhà cho nhà chính Phủ Toàn quyền Đông Dương. Theo bản giao kèo, hạn giao vật liệu là ngày 31-12-1905 ký ngày 16-12-1905 giữa đại diện của Toàn quyền Đông Dương và Công ty Lâm nghiệp và Thương mại Bến Thủy.
- Nghị định số 2757 ngày 4-12-1907 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thanh toán khoản tiền 60 francs cho Công ty Lâm nghiệp và Thương mại Bến Thủy.

Và những tài liệu khác...

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

10. TPT - 4624

Attachement des enduits extérieurs de l'Hôtel du Gouverneur général de l'Indochine 1903-1904.

Về việc trang trí bên ngoài của Phủ Toàn quyền Đông Dương 1903-1904.

Hồ sơ gồm các bản vẽ phác thảo sau:

- Bản phác thảo số 60 năm 1903 gồm các kiểu trang trí mũ cột theo kiểu cô-ranh-tơ (Hy Lạp).
- Bản phác thảo số 121 năm 1903 gồm các kiểu trang trí mũ cột, cột, mái đua, rầm chìa...
- Bản phác thảo số 135 năm 1903 về kiểu trang trí đầu hồ với lá cuộn hai bên.
- Bản phác thảo số 78, 79, 80 năm 1904 về các kiểu trang trí mũ cột có đường kẻ chỉ hình hoa hồng, mũ cột kiểu vòm tam giác, kiểu vòng

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

xuyến có kẻ chỉ kết hợp với hình nổi lá cây thẳng, chân cột có đường kẻ chỉ, trang trí rầm chìa kiểu kẻ chỉ...

- *Bản phác thảo số 86 năm 1904 gồm mặt cắt ngang các kiểu trang trí mũ cột có đường kẻ chỉ hình hoa hồng, cột trụ, mũ cột hình tam giác, kiểu trang trí vòng xuyến có đường kẻ chỉ và hình trang trí chân cột có kẻ chỉ.*

- *Bản phác thảo số 98 năm 1904 gồm kiểu trang trí hình lá cuộn, kiểu bức hoành có khung kẻ chỉ, trang trí đường kẻ và văn hoa giữa các cột của tầng trệt, trang trí rầm rỗng bắc ngang trên đầu cột.*

- *Bản phác thảo số 117, 118 năm 1904 gồm các kiểu trang trí rầm chìa có hình răng vuông kiểu cô-ranh-tơ kết hợp với đường kẻ, thân cột kiểu cô-ranh-tơ có rãnh khía, đường trang trí cột phía dưới ban công, trán tường hình mắt bò.*

- *Bản phác thảo số 126, 136 năm 1904 gồm các kiểu trang trí hình chuỗi hạt hình trái tim, đường kẻ kết hợp với hình trứng nhỏ ở giữa, bức hoành có hình lá cọ đối xứng, trang trí hình hoa hồng, trang trí rầm chìa ở khung cửa.*

11. TPT - 4625

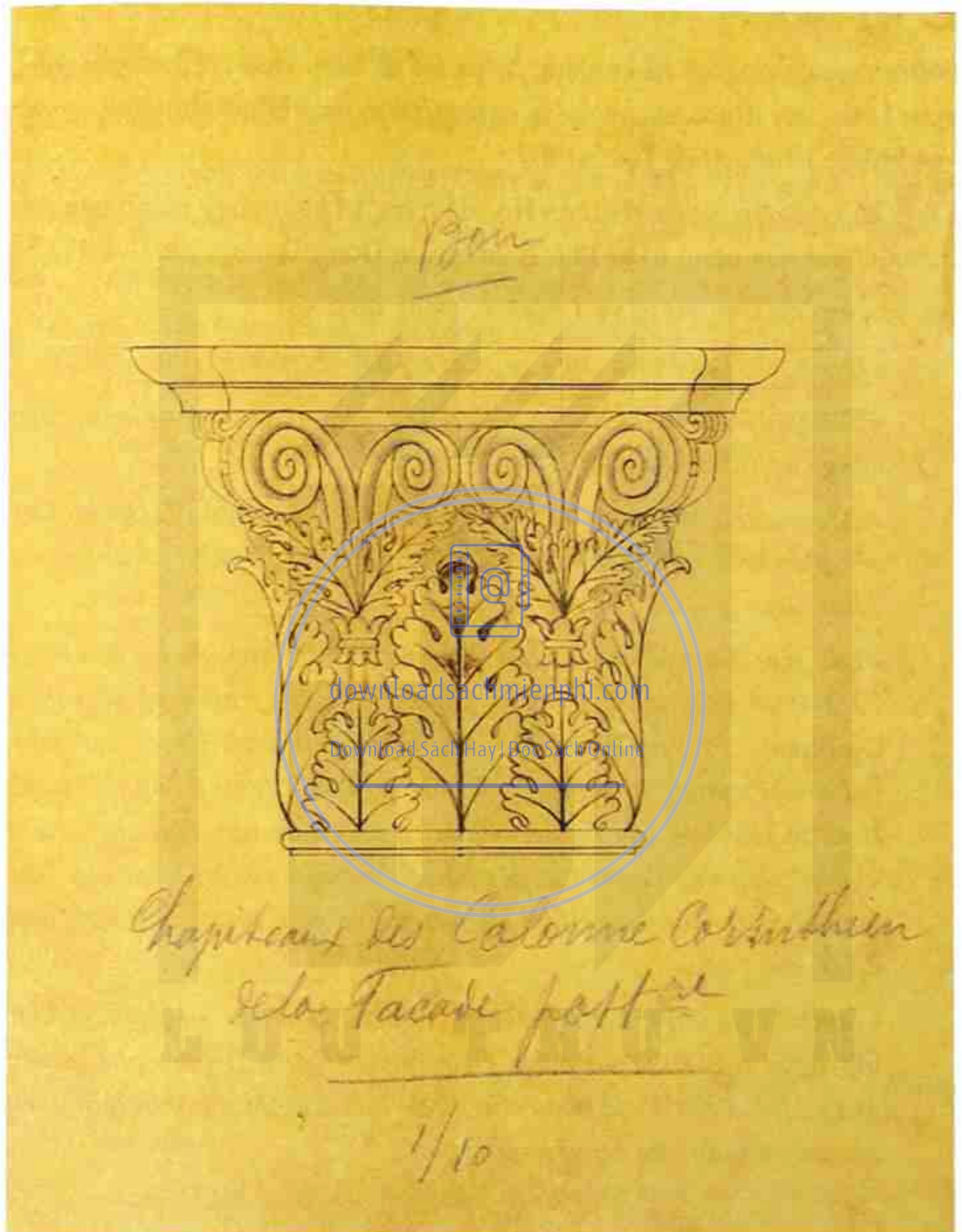
Pose des parquets pour l'Hôtel du Gouverneur général de l'Indochine 1903-1904.

Lắp đặt sàn ván cho Phủ Toàn quyền Đông Dương 1903-1904.

Hồ sơ gồm 5 tờ, trong đó có:

- *Thư ngày 22-12-1903 của Lichtenfelder gửi ông Coissandeau, Giám đốc Công ty xây dựng về việc cung cấp khoảng 50m³ gỗ lãnh sam làm rầm đỡ sàn cho Phủ Toàn quyền Đông Dương.*

- *Thư trả lời của công ty xây dựng của Coissandeau về đơn giá của rầm đỡ sàn và tấm ván sàn.*



**Bản thiết kế mẫu mũ cột theo kiểu Co-ranh-tơ (Hy Lạp) ở mặt bên
Phủ Toàn quyền (mẫu trình duyệt năm 1903).**

TPT - 4651/28.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

12. TPT - 4626

Fourniture de marbre de couleur, de pierre de Biên Hoà pour mosaïques, pour l'escalier d'honneur pour la construction de l'Hôtel du Gouverneur général de l'Indochine 1903-1907.

Cung cấp đá cẩm thạch, đá Biên Hoà để trang trí kiểu ghép mảnh cho cầu thang chính của công trình Phủ Toàn quyền Đông Dương 1903-1907.

Hồ sơ gồm khoảng 80 tờ và 1 bản vẽ, trong đó có:

- *Danh sách các nhà cung cấp cát và đất cho công trình.*
- *Thư ngày 18-10-1904 của nhà thầu Chesnay et Boisadam về việc cung cấp 80m³ đá Biên Hoà.*
- *Báo cáo số 297/A ngày 28-3-1904 của kỹ sư trưởng Lichtenfelder về việc khám phá một mỏ đá đẹp ở Phú Liên để phục vụ cho công trình này.*
- *Bản giao kèo chính thức về việc cung cấp đá được thông qua ngày 27-2-1904 giữa Desbos, kỹ sư trưởng Sở Công chính và nhà thầu Guillaume Frères. Theo đó, nhà thầu Guillaume Frères sẽ đảm nhận việc cung cấp khoảng 100 tấm đá hoa cương trắng từ Thanh Hoá để làm bậc cầu thang. Ngoài ra nhà thầu này còn chịu trách nhiệm cung cấp đá và lắp đặt bậc thêm, mép vỉa hè bằng đá. Bản giao kèo này cũng quy định chi tiết giá và kích thước của từng loại đá sẽ cung cấp.*
- *Bản vẽ kích thước bậc cầu thang chính do kiến trúc sư Lichtenfelder lập ngày 6-2-1904 và được Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn ngày 21-3-1904. Việc cung cấp đá để làm cầu thang phải tuân theo các quy chuẩn của bản vẽ này.*

13. TPT - 4627

Confection des menuiseries de luxe pour la salle à manger et divers compartiments du 1^{er} étage de l'Hôtel du Gouverneur général de l'Indochine 1906.

Chế tạo đồ gỗ cao cấp cho phòng ăn và các phòng khác ở tầng 1 của Phủ Toàn quyền Đông Dương 1906.

Hồ sơ gồm 2 tờ và 8 bản vẽ thi công:

• Bản giao kèo giữa Phủ Toàn quyền Đông Dương và công ty Viterbo được thông qua ngày 24-4-1906 về các công việc:

- Chế tạo và cung cấp gỗ gụ cho phòng ăn tầng 1 gồm 5 cửa hai cánh uốn vòng cung, trần tường và khung cửa.

- Chế tạo và cung cấp ván trần cho phòng ăn bằng gỗ gụ.

- Chế tạo và cung cấp gỗ gụ cho phòng bi-a, gồm 2 cửa bốn cánh với ô trần có đường kẻ và khung cửa.

Theo bản giao kèo này, hạn giao sản phẩm đã hoàn thành vào ngày 31-5-1902

• Bản vẽ cửa hai cánh cho phòng ăn tầng 1.

• Bản vẽ mặt cắt dọc cửa lớn phòng bi-a ở tầng 1.

• Bản vẽ thi công khổ lớn mặt cắt dọc cửa lớn Phòng Louis XV ở tầng 1.

• Bản vẽ thi công khổ lớn và chi tiết khung cửa có đường kẻ của Phòng bi-a ở tầng 1.

• Bản vẽ thi công khổ lớn và chi tiết về kính cao cấp của cửa bốn cánh cho tầng 1.

• Bản vẽ thi công khổ lớn mặt cắt dọc tấm ván vách trần lớn ở phòng ăn tầng 1.

• Bản vẽ thi công khổ lớn mặt cắt ngang tấm ván vách trần lớn ở phòng ăn tầng 1.

• Bản vẽ thi công khổ lớn mặt cắt dọc và ngang tấm ván vách trần nhỏ ở phòng ăn tầng 1.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

14. TPT - 4628

Construction des bureaux du Gouvernement général de l'Indochine 1903.

Xây dựng văn phòng cho Phủ Toàn quyền Đông Dương 1903.

Hồ sơ gồm khoảng 15 tờ và 22 bản vẽ và bản can, trong đó có:

- Công văn số 95/c ngày 28-1-1903 của Phó Toàn quyền Đông Dương gửi Giám đốc Nha Công chính yêu cầu làm dự toán cho công trình nhà ở cũng như phòng làm việc cho Phủ Toàn quyền Đông Dương.
- Công văn số 534 ngày 5-6-1903 của kỹ sư trưởng Khu Công chính Bắc Kỳ gửi Giám đốc Nha Công Chính Đông Dương về việc đề nghị thông qua sơ thảo dự án xây dựng văn phòng cho Phủ Toàn quyền Đông Dương ở vườn Bách thảo do kiến trúc sư Lichtenfelder đệ trình.
- Bản thiết kế mặt tiền khu nhà văn phòng của Phủ Toàn quyền Đông Dương do kiến trúc sư Lichtenfelder thực hiện ngày 15-5-1903.
- Bản thiết kế tầng trệt khu nhà văn phòng của Phủ Toàn quyền Đông Dương do kiến trúc sư Lichtenfelder thực hiện ngày 25-5-1903 tỷ lệ 0,005.
- Bản thiết kế tầng 1 khu nhà văn phòng của Phủ Toàn quyền Đông Dương do kiến trúc sư Lichtenfelder xây dựng ngày 25-5-1903 tỷ lệ 0,005.
- Bản thiết kế mặt tiền khu nhà văn phòng của Phủ Toàn quyền Đông Dương do kiến trúc sư Lichtenfelder thực hiện ngày 25-5-1903 tỷ lệ 0,005.
- Công văn của kiến trúc sư Lichtenfelder gửi kỹ sư trưởng Khu Công chính Bắc Kỳ đệ trình một dự án mới để xây dựng khu phòng làm việc của Phủ Toàn quyền Đông Dương với chi phí khoảng 300.000 francs (có kèm theo các bản thiết kế, các bản vẽ mặt cắt, tầng trệt, móng, bê tông, nền, rầm, lanh tô cho khu phòng làm việc, phòng Hội đồng... của Phủ Toàn quyền Đông Dương).

15. TPT - 4629

Construction du bâtiment des bureaux du Gouvernement général de l'Indochine 1906.

Xây dựng khu nhà văn phòng của Phủ Toàn quyền Đông Dương 1906.

Hồ sơ gồm 12 bản thiết kế:

- Các bản vẽ mặt chính diện, mặt sau, mặt bên, mặt cắt ngang và mặt cắt dọc của khu nhà văn phòng Phủ Toàn quyền Đông Dương ở vườn Bách thảo, tỷ lệ 0,01 và 0,02.
- Bản thiết kế bê tông, cốt thép của khu nhà văn phòng của Phủ Toàn quyền Đông Dương ở vườn Bách thảo tỷ lệ 0,01.
- Bản thiết kế rầm sàn cao của tầng trệt và tầng 1 khu nhà văn phòng của Phủ Toàn quyền Đông Dương ở vườn Bách thảo tỷ lệ 0,02 và 0,01.
- Bản vẽ hiện trạng của khu nhà văn phòng của Phủ Toàn quyền Đông Dương ở vườn Bách thảo tỷ lệ 0,001.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

16. TPT - 4630

Menuiseries pour les bureaux de l'Hôtel du Gouvernement général de l'Indochine.

Đồ gỗ cho phòng làm việc của Phủ Toàn quyền Đông Dương.

Hồ sơ gồm 11 bản vẽ, trong đó có:

- Các bản thiết kế cửa vào A, B tầng trệt, tỷ lệ 0,1.
- Bản thiết kế cửa sổ lắp kính và chớp C tầng trệt, tỷ lệ 0,1.
- Bản thiết kế cửa kính E và cửa kính I của tầng 1 và tầng trệt, tỷ lệ 0,1.
- Bản thiết kế cửa kính H và J của tầng 1 và tầng trệt, tỷ lệ 0,1.
- Bản thiết kế cửa sổ lắp kính và chớp A của tầng 1, tỷ lệ 0,1...
- Bản thiết kế cửa cuốn ở mái nhà, tỷ lệ 0,1.
- Bản thiết kế khung cửa bằng sắt rèn ở tầng trệt, tỷ lệ 0,1.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

17. TPT - 4631

Plans du logement du Garde principal de l'Hôtel du Gouvernement général de l'Indochine 1902.

Sơ đồ nhà ở của đội lính khố xanh ở Phủ Toàn quyền Đông Dương 1902.

Hồ sơ gồm các bản vẽ:

- Bản thiết kế tầng trệt gồm các mặt cắt và mặt tiến, tỷ lệ 0,02.
- Bản thiết kế mặt sau tỷ lệ 0,02.
- Bản thiết kế mặt bên, tỷ lệ 0,02.

18. TPT - 4632

Construction d'un pavillon annexe des bureaux de l'Hôtel du Gouvernement général de l'Indochine 1906-1907.

Xây dựng nhà phụ cho các phòng làm việc của Phủ Toàn quyền Đông Dương 1906-1907.

Hồ sơ gồm khoảng trên 120 tờ, trong đó có:

- Thông báo và biên bản đấu thầu thi công nhà phụ cho các phòng làm việc của Phủ Toàn quyền Đông Dương. Kết quả là Công ty Viterbo đã trúng thầu tạm thời.
- Thỏa thuận ngày 17-11-1906 giữa đại diện của Toàn quyền Đông Dương và nhà thầu Roux ở phố Henri Rivière (phố Ngô Quyền) về gói thầu thi công xây dựng nhà phụ cho các phòng làm việc của Phủ Toàn quyền Đông Dương, được Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn ngày 24-11-1906 với tổng giá trị là 100.000 francs và hoàn thành trong vòng 4 tháng kể từ ngày thông báo (12-12-1906).
- Nghị định số 3305 ngày 24-11-1906 của Toàn quyền Đông Dương quyết định không phê chuẩn kết quả đấu thầu ngày 15-11-1906 và phê chuẩn thỏa thuận ngày 17-11-1906 với nhà thầu Roux để thi công công trình này. Nghị định ấn định kinh phí cho công trình là 100.000 francs.

- *Nghị định số 542 ngày 8-3-1907 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi điều 3 Nghị định ngày 24-11-1906 về kinh phí cho công trình. Theo đó, kinh phí tăng lên là 115.000 francs.*
- *Báo cáo số 4 ngày 4-5-1907 của kiến trúc sư Lichtenfelder về việc hoàn lại 300 francs tiền đặt cọc cho nhà thầu Roux sau khi công trình đã kết thúc.*
- *Và một số tài liệu có liên quan đến việc xây dựng nhà phụ cho các phòng làm việc của Phủ Toàn quyền Đông Dương 1906-1907.*

19. TPT - 4633

Fourniture et pose de chambranles moulurées, menuiseries, serrureries pour l'Hôtel du Gouvernement général de l'Indochine 1906-1908.

Cung cấp và lắp đặt khung cửa có đường kẻ chỉ, đồ gỗ, khoá cho công trình Phủ Toàn quyền Đông Dương 1906-1908.

Hồ sơ gồm khoảng 80 tờ, trong đó có:

- *Thông báo đấu thầu gói thầu cung cấp và lắp đặt khung cửa có đường kẻ chỉ, đồ gỗ, khoá cho công trình Phủ Toàn quyền Đông Dương ngày 23-8-1906.*
- *Thông báo đấu thầu và tập điều kiện đấu thầu gói thầu cung cấp và lắp đặt khung cửa có đường kẻ chỉ, đồ gỗ, khoá cho công trình Phủ Toàn quyền Đông Dương ngày 23-8-1906, 29-7-1906, được Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn ngày 16-8-1906 với tổng giá trị 20.000 francs.*
- *Nghị định ngày 2876 ngày 2-10-1906 của Toàn quyền Đông Dương ấn định kinh phí cho công trình này là 20.000 francs.*
- *Và nhiều thư từ và công văn trao đổi giữa nhà thầu và kiến trúc sư công trình trong quá trình thi công.*

20. TPT - 4634

Dessins d'exécution du pavillon du Garde meuble de l'Hôtel du Gouvernement général de l'Indochine 1907.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Các bản thiết kế thi công khu nhà của nhân viên quản lý tài sản của Phủ Toàn quyền Đông Dương 1907.

Hồ sơ gồm 7 bản vẽ mặt bằng, mặt tiền, mặt sau, mặt bên, mặt cắt dọc và ngang, nền, móng khu nhà của nhân viên quản lý tài sản của Phủ Toàn quyền Đông Dương ngày 2-3-1907, tỷ lệ 0,02.

21. TPT - 4635

Construction des dépendances de l'Hôtel du Gouvernement général de l'Indochine 1904-1905.

Xây dựng công trình phụ của Phủ Toàn quyền Đông Dương 1904-1905.

Hồ sơ gồm khoảng 15 tờ và 14 bản vẽ, trong đó có:

- Công văn số 532 ngày 22-4-1904 của Toàn quyền Đông Dương gửi Giám đốc Nha Công chính về việc chuẩn bị dự án xây dựng công trình phụ ở Phủ Toàn quyền Đông Dương.
 - Bản vẽ mặt bằng tổng thể khu công trình phụ của Phủ Toàn quyền Đông Dương ngày 15-3-1901, tỷ lệ 0,005.
 - Bản vẽ nhà xe và nhà ở của nhân viên người bản xứ, tỷ lệ 0,01.
 - Bản vẽ các mặt cắt của công trình phụ ở Phủ Toàn quyền Đông Dương, tỷ lệ 0,01.
 - Bản vẽ mặt tiền của khu nhà ở năm 1905, tỷ lệ 0,02.
 - Bản vẽ mặt sau của khu nhà ở năm 1905, tỷ lệ 0,02.
- Và các bản vẽ khác...

22. TPT - 4636

Aménagement du parc et dépendances de l'Hôtel du Gouvernement général de l'Indochine 1904.

Cải tạo công viên và khu phụ của Phủ Toàn quyền Đông Dương 1904.

Hồ sơ gồm trên 50 tờ và 8 bản vẽ, trong đó có:

- Các bản vẽ mặt bằng, mặt tiền, mặt bên, mặt cắt dọc, mặt sau, mặt bên và mặt cắt ngang của nhà ở khu Phủ Toàn quyền Đông Dương ngày 20-4-1904, tỷ lệ 0,01.
- Bản vẽ sơ đồ đường ống của công trình phụ Phủ Toàn quyền Đông Dương, tỷ lệ 0,005.
- Tập điều kiện đấu thầu do kiến trúc sư của công trình lập ngày 30-4-1904, được Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn ngày 14-6-1901. Kèm theo tập điều kiện đấu thầu là biểu giá vật liệu.
- Thông báo đấu thầu ngày 20-6-1904 và biên bản đấu thầu việc cải tạo công trình phụ Phủ Toàn quyền Đông Dương ngày 23-7-1904. Kết quả là nhà thầu Marron & Allaume đã trúng thầu.
- Nghị định số 2272 ngày 9-8-1904 của Toàn quyền Đông Dương tuyên bố nhà thầu Marron & Allaume trúng thầu công trình cải tạo khu phụ Phủ Toàn quyền Đông Dương với tổng giá trị gói thầu là 140.000 francs.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

23. TPT - 4637

Aménagement de la remise de l'Hôtel du Gouvernement général de l'Indochine 1904-1905.

Cải tạo nhà xe của Phủ Toàn quyền Đông Dương 1904-1905.

Hồ sơ gồm 22 bản vẽ:

- Các bản thiết kế mặt tiền, mặt cắt ngang của tầng trệt và tầng trên của nhà xe ngày 20-4-1904, tỷ lệ 0,01.
- Các bản thiết kế của nhà xe.
- Các bản thiết kế cửa cho tầng 1, tỷ lệ 0,1.
- Bản thiết kế lanh-tô và đường chạy cho cửa trượt của nhà xe ngày 14-1-1905.
- Bản thiết kế rãnh chứa con lăn cho cửa trượt của nhà xe.
- Bản thiết kế cột góc tầng 1 của nhà xe năm 1905.
- Và nhiều bản thiết kế thi công khác.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

24. TPT - 4638

Aménagement des dépendances de la maison d'habitation à l'Hôtel du Gouvernement général de l'Indochine 1904-1905.

Cải tạo khu công trình phụ của nhà ở của Phủ Toàn quyền Đông Dương 1904-1905.

Hồ sơ gồm 18 bản vẽ, trong đó có:

- Bản vẽ mặt tiền gian nhà lớn của khu nhà ở của Toàn quyền Đông Dương ngày 20-12-1904, tỷ lệ 0,1.
- Bản vẽ mặt sau gian nhà hai gian của khu nhà ở của Toàn quyền Đông Dương năm 1904, tỷ lệ 0,1.
- Bản vẽ mặt cắt khu vệ sinh khu nhà ở của Toàn quyền Đông Dương ngày 12-1-1905, tỷ lệ 0,1.
- Bản vẽ gian lớn khu công trình phụ Phủ Toàn quyền Đông Dương năm 1905, tỷ lệ 0,1.
- Bản vẽ gian nhỏ khu công trình phụ Phủ Toàn quyền Đông Dương năm 1905, tỷ lệ 0,1.
- Bản thiết kế mẫu gạch men cho công trình phụ Phủ Toàn quyền Đông Dương (7 mẫu).

25. TPT - 4639

Aménagement du parc et dépendances de l'Hôtel du Gouvernement général de l'Indochine 1904.

Chỉnh trang công viên và khu công trình phụ cho Phủ Toàn quyền Đông Dương 1904.

Hồ sơ gồm:

- Bản vẽ mặt tiền, mặt cắt của khu chuồng ngựa ở Phủ Toàn quyền Đông Dương ngày 20-4-1904.
- Bản vẽ mặt bên của khu chuồng ngựa ngày 28-2-1905.

- *Bản thiết kế cửa chớp của phần giữa khu chuồng ngựa tỷ lệ 0,1.*
- *Bản thiết kế cột góc tầng 1 của khu chuồng ngựa ở Phủ Toàn quyền Đông Dương năm 1905.*
- *Bản thiết kế đồ gỗ tầng 1 tỷ lệ 0,1.*
- *Bản thiết kế vách ngăn chuồng ngựa tỷ lệ 0,1.*

26. TPT - 4640

Aménagement du parc et dépendances de l'Hôtel du Gouvernement général de l'Indochine 1904-1905.

Cải tạo công viên và khu phụ của Phủ Toàn quyền Đông Dương 1904-1905.

Hồ sơ gồm 12 bản vẽ, trong đó có:

- *Bản thiết kế đồ gỗ mặt chính, mặt sau và đồ gỗ bên trong cho phòng vệ sinh của khu nhà dành cho người bản xứ tỷ lệ 0,1.*
- *Bản thiết kế cửa kính cho khu nhà dành cho người bản xứ tỷ lệ 0,1.*
- *Bản thiết kế cửa sổ kính và chớp cho khu nhà dành cho người bản xứ tỷ lệ 0,1.*

27. TPT - 4641

Aménagement du parc et dépendances de l'Hôtel du Gouvernement général de l'Indochine 1908-1909.

Cải tạo công viên và khu phụ của Phủ Toàn quyền Đông Dương 1908-1909.

Hồ sơ gồm 38 tờ, trong đó có:

- *Thư ngày 2-9-1908 của nhà thầu Maron ở phố Charbon (phố Hàng Than) gửi kiến trúc sư Lichtenfelder liên quan đến việc cải tạo khu công trình phụ của Phủ Toàn quyền Đông Dương.*
- *Báo cáo ngày 20-5-1909 của kiến trúc sư Lichtenfelder liên quan đến những đề nghị của nhà thầu Maron. Theo báo cáo, Công ty Maron & Alleaume đã gặp khó khăn khi nhà thầu Alleaume chết và đề xuất biện pháp giải quyết.*

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

28. TPT - 4642

Fourniture du mobilier pour l'Hôtel du Gouvernement général de l'Indochine 1903-1908.

Cung cấp đồ đạc cho Phủ Toàn quyền Đông Dương 1903-1908.

Hồ sơ gồm khoảng trên 120 tờ và 11 bản vẽ trong đó có:

- Công văn số 704 ngày 30-3-1905 của Toàn quyền Đông Dương gửi Bộ trưởng Bộ Thuộc địa báo cáo về dự thảo tập điều kiện đấu thầu cung cấp đồ đạc cho công trình Phủ Toàn quyền Đông Dương lập dựa trên các đồ án của hai công ty "Les grands Magasins du Louvre" và "La Maison Maubert" ở Paris cung cấp.
- Bản dự toán cho việc cung cấp đồ đạc và trang trí tường cho Phủ Toàn quyền Đông Dương do Công ty "La Maison Maubert" lập ngày 20-9-1903.
- Bản đồ án việc cung cấp đồ đạc cho Phủ Toàn quyền Đông Dương do Công ty "Les grands Magasins du Louvre" lập. Công ty này cung cấp các mẫu hàng trong bản đồ án.
- Hợp đồng cung cấp đồ đạc cho tầng 1 của Phủ Toàn quyền Đông Dương giữa Bộ trưởng Bộ Thuộc địa và Công ty "La Maison Maubert" ngày 31-1-1905.
- Các bản vẽ sơ đồ bài trí đồ đạc trong các phòng ăn tầng trệt, phòng khánh tiết, phòng khách, phòng khách lớn tầng 1, văn phòng Toàn quyền và thư viện ở tầng 1, phòng ngủ ở tầng 1 của công trình Phủ Toàn quyền Đông Dương do kiến trúc sư Lichtenfelder lập ngày 31-1-1905.
- Tập điều kiện đấu thầu cung cấp đồ đạc dành cho lễ tân và cho các phòng riêng của Toàn quyền ở Phủ Toàn quyền Đông Dương do kiến trúc sư Lichtenfelder lập ngày 31-1-1905 và ngày 5-10-1906, được Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn ngày 12-10-1906.
- Gói thầu cung cấp và lắp đặt đồ đạc bài trí cho Phủ Toàn quyền Đông Dương.

Phần II. QUY HOẠCH - XÂY DỰNG

- Thông báo đấu thầu ngày 13-10-1906 và biên bản đấu thầu tổ chức ngày 5-11-1906 cung cấp và lắp đặt đồ đạc cho công trình Phủ Toàn quyền Đông Dương. Kết quả là Công ty Viterbo đã trúng thầu.
- Công văn ngày 4-7-1907 của kiến trúc sư trưởng của Sở Kiến trúc Trung ương gửi Công ty Viterbo về những sai sót của đồ đồng mạ vàng cung cấp cho Phủ Toàn quyền Đông Dương.
- Công văn ngày 22-8-1907 của kiến trúc sư Lichtenfelder, Giám đốc Sở Kiến trúc Trung ương gửi Công ty Viterbo về việc Công ty này đã dùng đồng để mạ đồ của phòng khánh tiết thay vì phải mạ vàng như trong thoả thuận. Ngoài ra, Công ty này cũng không thực hiện đúng theo mẫu ghế kiểu Louis XV như hướng dẫn là sơn men trắng có đường chỉ mạ vàng.
- Công văn ngày 24-4-1908 của kiến trúc sư Lichtenfelder, Giám đốc Sở Kiến trúc Trung ương gửi kỹ sư trưởng Khu Công chính Bắc Kỳ đề nghị cho phân tích vàng do ông Séchez, nhà thầu ở phố Jules Ferry (phố Hàng Trống) cung cấp để mạ đồ đạc ở Phủ Toàn quyền Đông Dương.
- Báo cáo ngày 30-4-1908 của kiến trúc sư Lichtenfelder đề nghị thay đổi mức giá cho vàng lá dùng để mạ đồ đạc.
- Báo cáo số 18 ngày 19-5-1908 của kiến trúc sư Lichtenfelder về việc Công ty Viterbo đề nghị hoàn lại 2.000 francs tiền đặt cọc mặc dù Công ty này đã giao đồ đạc không đạt yêu cầu.
- Nghị định số 1906 ngày 16-6-1908 của Toàn quyền Đông Dương quyết định hoàn trả 2.000 francs tiền đặt cọc cho Công ty Viterbo.
- Nghị định số 1992 ngày 26-6-1908 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thanh toán 2.859,40 francs tiền tăng thêm khi thực hiện việc cung cấp đồ đạc cho Phủ Toàn quyền Đông Dương.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

29. TPT - 4643

Construction d'un égout pour l'Hôtel du Gouvernement général de l'Indochine 1904.

Xây cống cho Phủ Toàn quyền Đông Dương 1904.

Hồ sơ gồm 15 tờ, trong đó có:

- Tập điều kiện đấu thầu do kiến trúc sư Lichtenfelder lập ngày 12-1-1904.
- Thoả thuận giữa đại diện Toàn quyền Đông Dương và nhà thầu Henri Jaques ở Hà Nội về việc xây dựng cống cho Phủ Toàn quyền Đông Dương với tổng giá trị là 15.000 francs. Theo đó, công ty của ông Jaques chịu trách nhiệm thi công xây dựng cống từ Phủ Toàn quyền Đông Dương đến công viên Bách thảo.

30. TPT - 4644

Installations de cuisines à l'Hôtel du Gouvernement général de l'Indochine 1901.

Lắp đặt nhà bếp cho Phủ Toàn quyền Đông Dương 1901.

Hồ sơ gồm 4 bản vẽ:

- Bản thiết kế nhà bếp cho Phủ Toàn quyền Đông Dương, tỷ lệ 0,04. Bản thiết kế này đã được giải vàng của Triển lãm quốc tế năm 1900, do hãng Ateliers Briffaut có trụ sở tại đại lộ Parmentier (Paris) cung cấp.
- Bản thiết kế mẫu bếp cho nhà bếp của Phủ Toàn quyền Đông Dương, tỷ lệ 1/10. Bản thiết kế này đã được giải vàng của Triển lãm quốc tế năm 1900, do Hãng Ateliers Briffaut cung cấp. Kèm theo là các mẫu bếp của Hãng này.
- Bản thiết kế bệ rửa bát cho nhà bếp của Phủ Toàn quyền Đông Dương, tỷ lệ 1/10. Bản thiết kế này đã được giải vàng của Triển lãm quốc tế năm 1900, do Hãng Ateliers Briffaut cung cấp.

- *Bản thiết kế bể rửa bát bằng bạc cho nhà bếp của Phủ Toàn quyền Đông Dương, tỷ lệ 1/10. Bản thiết kế này đã được giải vàng của Triển lãm quốc tế năm 1900, do Hãng Ateliers Briffaut cung cấp.*

31. TPT - 4645

Peinture et vitrerie pour l'Hôtel du Gouvernement général de l'Indochine 1903-1906.

Sơn và kính cho công trình Phủ Toàn quyền Đông Dương 1903-1906.

Hồ sơ gồm khoảng hơn 80 tờ, trong đó có:

- *Bản mời thầu gói thầu sơn và kính cho đồ gỗ hạng nhỏ của công trình Phủ Toàn quyền Đông Dương ngày 30-9-1903.*
- *Báo cáo số 602/A ngày 4-8-1904 của kỹ sư trưởng Desbos về việc phê chuẩn tập điều kiện đấu thầu trang trí phòng khánh tiết của Phủ Toàn quyền Đông Dương.*
- *Bản giao thoả thuận ngày 13-8-1904 giữa đại diện của Phủ Toàn quyền Đông Dương và Giám đốc Công ty Ott & Cie về sơn và việc trang trí phòng khánh tiết của Phủ Toàn quyền Đông Dương. Theo bản thoả thuận, tổng giá trị hợp đồng này là 19.800 francs và thời hạn hoàn thành trong 6 tháng. Bản thoả thuận này đã được Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn ngày 20-9-1904.*
- *Nghị định số 2687 ngày 13-9-1906 của Toàn quyền Đông Dương quyết định hoàn trả 650 francs tiền đặt cọc cho Công ty Ott & Cie.*

Và nhiều tài liệu khác...

32. TPT - 4646

Installation électrique pour l'Hôtel du Gouvernement général de l'Indochine 1903-1906.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Lắp đặt điện cho Phủ Toàn quyền Đông Dương 1903-1906.

Hồ sơ gồm khoảng trên 120 tờ và 7 bản vẽ, trong đó có:

- *Bản thoả thuận ngày 25-6-1903 giữa đại diện của Toàn quyền Đông Dương và ông Marcel Pierron, kỹ sư xây dựng ở số 33 đại lộ Henri Rivière (phố Ngô Quyền) về gói thầu bảo dưỡng hệ thống điện chiếu sáng và thông gió cho các công trình dân sự ở Thành phố Hà Nội từ ngày 1-1-1904 đến ngày 31-12-1906. Theo đó, nhà thầu chịu trách nhiệm các công việc bảo dưỡng hệ thống điện để chiếu sáng và thông gió ở các công trình dân sự của Thành phố Hà Nội, lắp đặt thêm hoặc sửa chữa hệ thống điện cho các công trình nói trên và cung cấp bóng đèn, quạt và các phụ kiện khác. Bản thoả thuận này đã được Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn ngày 6-8-1903.*
- *Bản thoả thuận ngày 17-5-1904 giữa đại diện của Toàn quyền Đông Dương và ông Marcel Pierron, kỹ sư xây dựng ở số 33 đại lộ Henri Rivière về gói thầu lắp đặt hệ thống điện cho Phủ Toàn quyền Đông Dương được Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn ngày 28-6-1904. Theo đó, nhà thầu chịu trách nhiệm thực hiện các công việc cung cấp thiết bị điện, dây điện hoặc dây cáp để lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng và thông gió cho công trình Phủ Toàn quyền Đông Dương và lắp đặt các thiết bị này. Các quy chuẩn về thiết bị và dây điện được quy định chi tiết trong bản thoả thuận. Tổng giá trị thoả thuận trên là 10.000 francs. Thời hạn kết thúc công việc được quy định trong 7 tháng.*
- *Bản vẽ tổng thể công trình Phủ Toàn quyền Đông Dương, trong đó có phác thảo sơ đồ hệ thống điện, tỷ lệ 0,001.*
- *Bản thiết kế sơ đồ hệ thống đèn và thiết bị điện tầng 2 của công trình Phủ Toàn quyền Đông Dương do Công ty Điện máy Đông Dương, trụ sở tại 219 phố Vaugirard (Paris) thiết kế ngày 6-1-1905. Công ty này thay thế cho nhà thầu Pierron trong hợp đồng cung cấp và lắp đặt điện cho Phủ Toàn quyền Đông Dương.*

- *Bản thiết kế sơ đồ hệ thống đèn và thiết bị điện tăng hãm của công trình Phủ Toàn quyền Đông Dương do Công ty Điện máy Đông Dương thiết kế ngày 6-1-1905.*
 - *Sơ đồ hệ thống cung cấp điện chiếu sáng cho Phủ Toàn quyền Đông Dương.*
 - *Bản thiết kế sơ đồ hệ thống điện của tầng trệt Phủ Toàn quyền Đông Dương.*
 - *Nghị định số 1440 ngày 9-5-1906 của Toàn quyền Đông Dương quyết định hoàn trả 400 francs tiền đặt cọc cho nhà thầu Pierron.*
- Và các tài liệu khác...*

33. TPT - 4647

Fourniture et installation de paratonnerres de l'Hôtel du Gouvernement général de l'Indochine 1903.

Cung cấp và lắp đặt cột thu lôi cho Phủ Toàn quyền Đông Dương 1903.

Hồ sơ gồm khoảng 40 tờ, trong đó có:

- *Bản nghiên cứu khảo sát để lập tập điều kiện đấu thầu và mời thầu gói thầu cung cấp và lắp đặt cột thu lôi cho công trình Phủ Toàn quyền Đông Dương của kiến trúc sư Lichtenfelder.*
- *Báo cáo ngày 7-5-1902 của kiến trúc sư Lichtenfelder về việc chuẩn bị tập điều kiện đấu thầu.*
- *Công văn số 7 ngày 6-4-1903 của kiến trúc sư Lichtenfelder gửi kỹ sư trưởng Khu Công chính Bắc Kỳ về việc chuẩn bị tập điều kiện đấu thầu làm cột thu lôi cho công trình.*
- *Thông báo mời thầu ngày 23-4-1903 về các gói thầu trong đó có việc cung cấp và lắp đặt cột thu lôi cho công trình Phủ Toàn quyền Đông Dương.*
- *Bản dự toán kinh phí và tập điều kiện đấu thầu do Lichtenfelder lập ngày 10-4-1903, được Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn ngày*

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

3-6-1903, với kinh phí là 14.500 francs. Theo tập điều kiện đấu thầu, gói thầu này gồm các công việc cung cấp, lắp đặt cột thu lôi và các phụ kiện, làm cầu thang bằng kẽm để lên mái, làm ống thoát nước và làm ban công ở hai bên. Hạn hoàn thành gói thầu này là 6 tháng.

34. TPT - 4648

Travaux de décoration en stuc de la construction de l'Hôtel du Gouvernement général de l'Indochine 1904-1909.

Trang trí Phủ Toàn quyền Đông Dương bằng đá hoa 1904-1909.

Hồ sơ gồm 100 tờ, trong đó có:

- Công văn số 245 ngày 28-9-1905 của kỹ sư trưởng Khu Công chính Bắc Kỳ gửi Giám đốc Nha Công chính Đông Dương về việc chuẩn bị tập điều kiện đấu thầu gói thầu trang trí đá hoa cho Phủ Toàn quyền Đông Dương.
- Tập điều kiện đấu thầu gói thầu trang trí đá hoa và thạch cao cho Phủ Toàn quyền Đông Dương do kỹ sư Desbos lập ngày 2-10-1905, được Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn ngày 3-10-1905. Theo tập điều kiện đấu thầu, gói thầu gồm các công việc trát thạch cao và đá hoa cho phòng ăn lớn, trang trí đá hoa ở tiền sảnh, trang trí đá hoa ở hành lang, trang trí đá hoa ở thành của cầu thang lớn và trang trí đá hoa màu ở ống khói phòng khánh tiết. Tổng chi phí dự kiến là khoảng 59.780 francs. Hạn hoàn thành trong vòng 6 tháng. Nhà cung cấp là Công ty trang trí nội ngoại thất OTT&Cie.
- Công văn ngày 23-11-1906 của Giám đốc Công ty trang trí nội ngoại thất OTT&Cie về việc chi trả khoản tiền mua thạch cao cho công trình.
- Công văn số 16 ngày 6-6-1908 của kiến trúc sư Lichtenfelder gửi kiến trúc sư trưởng Khu Công chính Bắc Kỳ đề nghị kiểm tra thi công của Công ty OTT&Cie

- Quyết định số 249 ngày 23-1-1909 của Toàn quyền Đông Dương quyết toán công trình với tổng chi phí lên tới 99.208,58 francs.

35. TPT - 4650

Grille de l'entrée principale et de l'entrée des communs 1906-1910.

Làm hàng rào ở lối vào chính và lối vào chung 1906-1910.

Hồ sơ gồm trên 70 tờ và 4 bản vẽ, trong đó có:

- Tập điều kiện đấu thầu xây dựng hàng rào sắt cho lối vào Phủ Toàn quyền Đông Dương do Joyeux, thanh tra công trình lập ngày 12-12-1906, được Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn ngày 24-12-1906 với tổng giá trị 37.500 francs.
- Thông báo mời đấu thầu gói thầu làm lưới sắt cho hai lối vào của Phủ Toàn quyền Đông Dương ngày 28-12-1906.
- Biên bản đấu thầu ngày 26-1-1907, được Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn ngày 16-2-1907. Kết quả là Công ty của Viên - Cheong - Nguyen trúng thầu.
- Báo cáo ngày 30-6-1908 của kiến trúc sư Lichtenfelder về việc thiếu tôn nhẹ và đề xuất thay thế bằng gang để trang trí cho hàng rào.
- Công văn số 1613 ngày 9-7-1909 của Toàn quyền Đông Dương gửi Giám đốc Nha Công chính yêu cầu xem xét việc nhà thầu đã dùng sắt thay cho gang trong khi thi công.
- Báo cáo ngày 15-12-1909 của kiến trúc sư chính Henri Vildieu về việc giải quyết các đề nghị của nhà thầu liên quan đến những thay đổi trong quá trình thi công.
- Các bản vẽ mặt cắt ngang và mặt đứng của hàng rào cổng vào Dinh thự Toàn quyền Đông Dương, tỷ lệ 0,02.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Báo cáo ngày 27-4-1910 của kiến trúc sư chính Henri Vildieu đề nghị cấp cho nhà thầu Vien - Cheong - Nguyên khoản trợ cấp 3.000 francs cho những chi phí phát sinh do phải thay đổi các chi tiết trong quá trình thi công.
- Công văn số 170 ngày 15-7-1910 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương về việc nhà thầu Vien - Cheong - Nguyên đã khiếu kiện Phủ Toàn quyền Đông Dương lên Hội đồng tài phán Trung - Bắc Kỳ về vụ việc không thanh toán khoản chi phí tăng thêm do phải thay đổi các chi tiết trong quá trình thi công.
- Báo cáo ngày 6-10-1910 của kiến trúc sư chính Khu Công chính Bắc Kỳ đề nghị thanh toán cho nhà thầu Vien - Cheong - Nguyên khoản tiền 5.500 francs cho những chi phí phát sinh do phải thay đổi các chi tiết trong quá trình thi công.

36. TPT - 4651

Fourniture de la lustrerie pour l'Hôtel du Gouvernement général de l'Indochine 1905-1908.

Cung cấp đèn cho Phủ Toàn quyền Đông Dương 1905-1908.

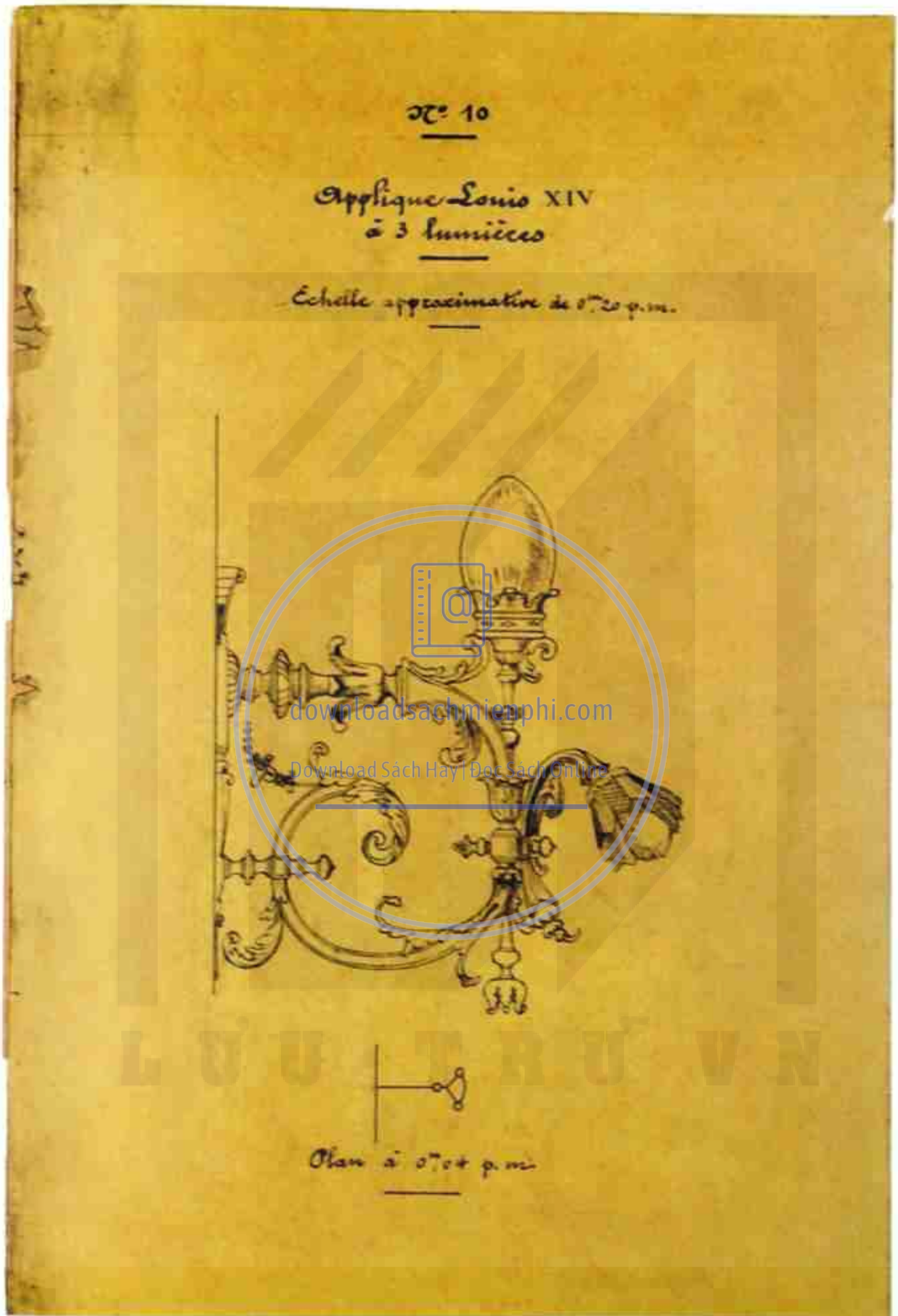
Hồ sơ gồm trên 70 tờ và 60 bản vẽ, trong đó có:

- Tập điều kiện đấu thầu cung cấp đèn cho Phủ Toàn quyền Đông Dương do kiến trúc sư Lichtenfelder lập ngày 20-4-1905, được Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn ngày 30-5-1905 với tổng giá trị là 80.000 francs. Công ty Henri Beau & Cie do Marcel Pierron làm đại diện đã trúng thầu.
- Nghị định số 428 ngày 14-2-1906 của Toàn quyền Đông Dương tuyên bố ông Henri Beau, Giám đốc Công ty Điện máy Đông Dương có trụ sở ở phố Vaugirard (Paris) trúng thầu gói thầu cung cấp đèn cho Phủ Toàn quyền Đông Dương với tổng chi phí là 80.000 francs.

- Công văn ngày 14-6-1906 của ông Pierron, đại diện Công ty Điện máy Đông Dương gửi kỹ sư trưởng Khu Công chính Bắc Kỳ về việc đề nghị cho gia hạn hoàn thành gói thầu cung cấp đèn cho Phủ Toàn quyền Đông Dương.
- Công văn ngày 31-8-1906 của Công ty Điện máy Đông Dương gửi kỹ sư trưởng Khu Công chính Bắc Kỳ thông báo Công ty Beau & Cie do Pierron làm đại diện sẽ thay thế Công ty Điện máy Đông Dương.
- Báo cáo ngày 8-9-1906 của kỹ sư trưởng Khu Công chính Bắc Kỳ đề nghị Toàn quyền Đông Dương gia hạn việc cung cấp đèn của Công ty Điện máy Đông Dương.
- Nghị định số 786 ngày 29-3-1907 của Toàn quyền Đông Dương quyết định hoàn trả 2.000 francs tiền đặt cọc cho Công ty Beau & Cie.
- Báo cáo số 77 ngày 30-4-1908 của kiến trúc sư Henri Vildieu về đề nghị tăng chi phí cho việc cung cấp đèn.
- Báo cáo số 77 ngày 26-7-1908 của kiến trúc sư Henri Vildieu đề xuất thanh toán 880 francs tiền chi phí tăng thêm cho Công ty Beau & Cie.
- Quyết định số 2531 ngày 28-8-1908 của Toàn quyền Đông Dương cấp cho Công ty Beau & Cie khoản trợ cấp 880 francs.
- Tập các bản vẽ kiểu dáng đèn do kiến trúc sư Lichtenfelder thiết kế ngày 20-4-1905, được Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn ngày 30-5-1905. Tập bản vẽ này gồm 27 mẫu đèn khác nhau của nhiều loại như đèn trần, đèn chùm, đèn góc, đèn đứng... Kèm theo là bản sơ đồ lắp đặt hệ thống đèn cho tầng trệt và tầng 1.
- Tập các bản thiết kế chi tiết cho 29 mẫu đèn khác nhau.

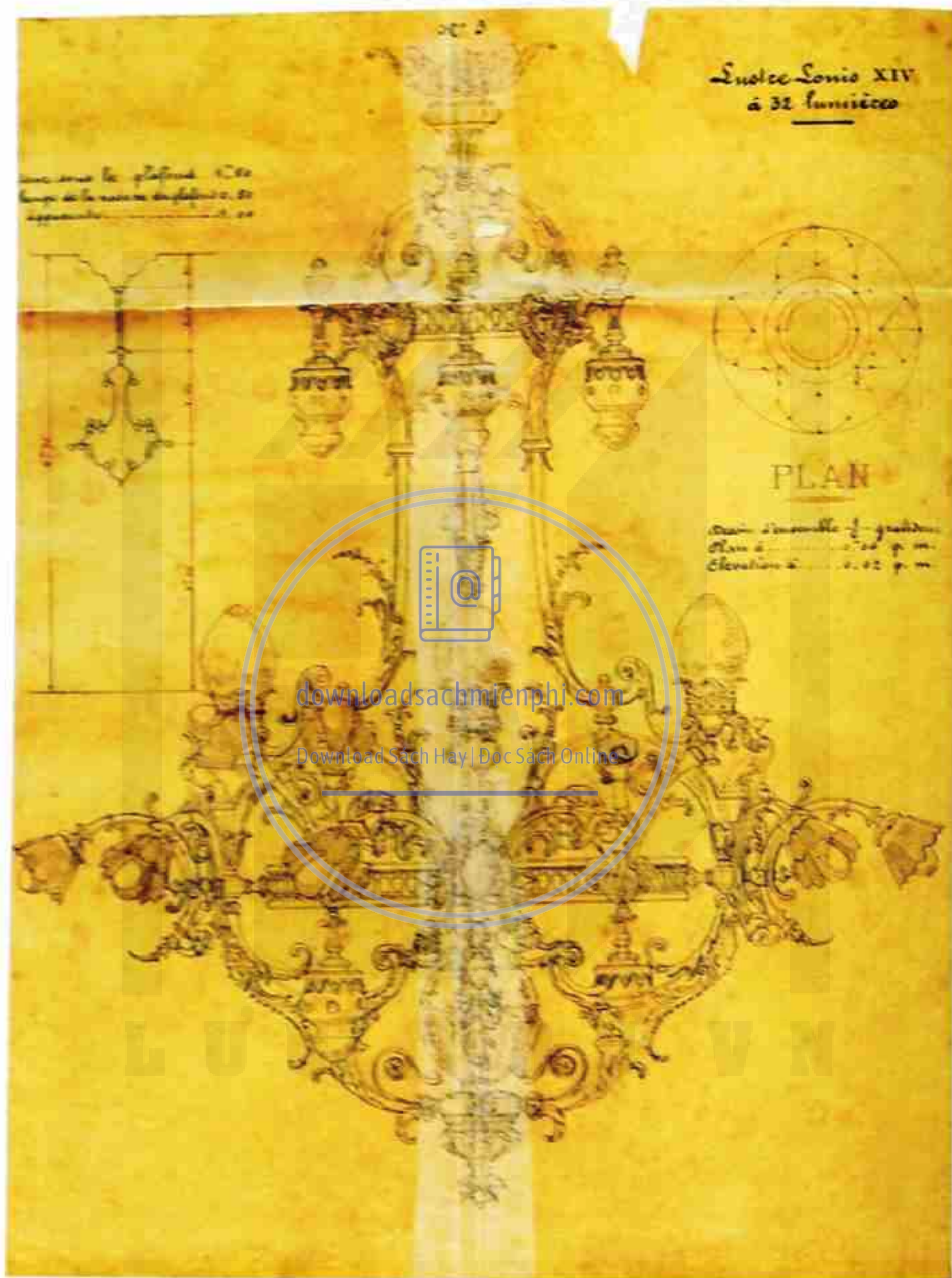


Bản thiết kế đèn chùm 3 bóng theo phong cách thời Louis XIV tại Dinh Toàn quyền Đông Dương do kiến trúc sư Charles Lichtenfelder vẽ năm 1905. tỉ lệ khoảng 0.06p.m. kích thước gốc 20cm x 30cm. TPT-4651/21.



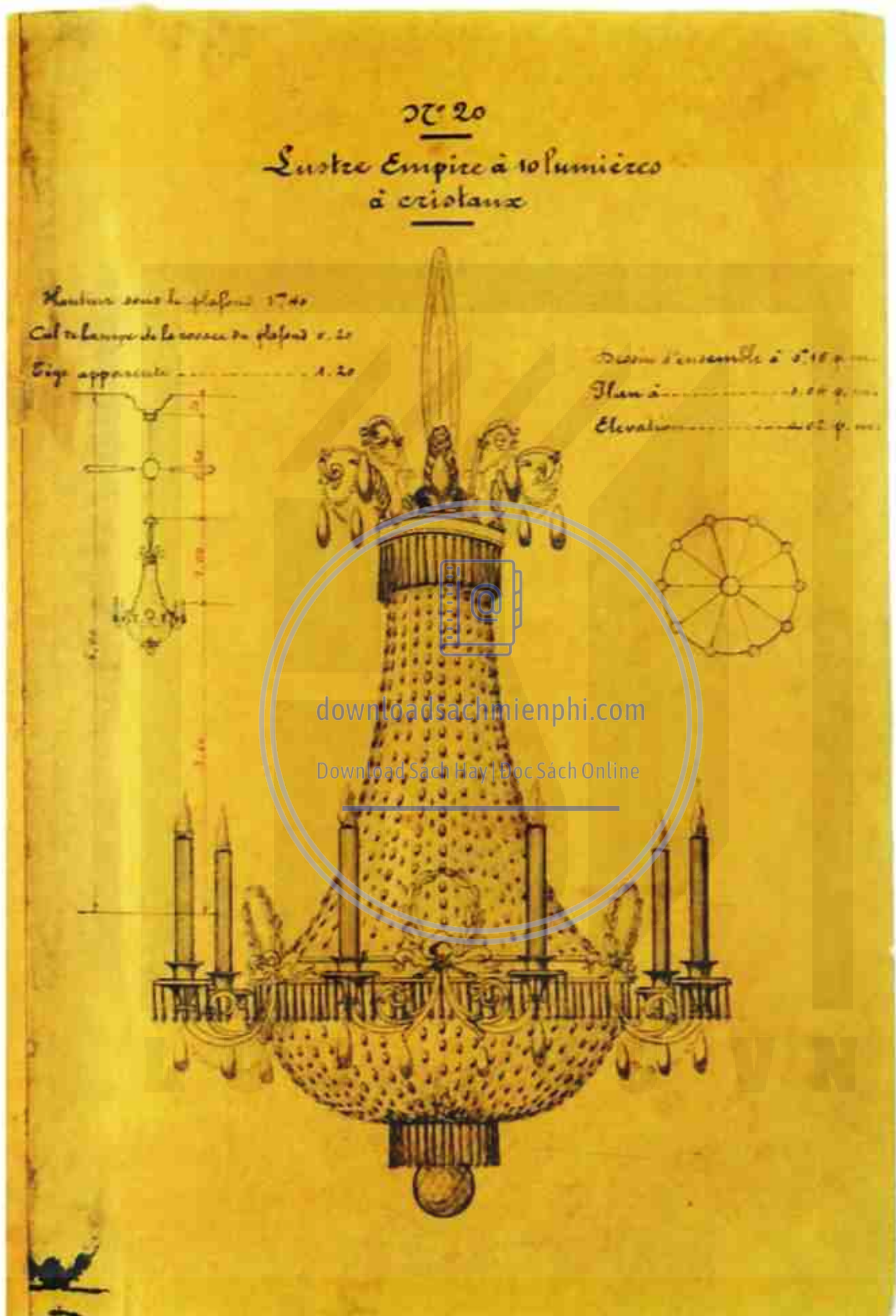
Bản thiết kế đèn vách 3 bóng theo phong cách thời Louis XIV tại Dinh Toàn quyền Đông Dương do kiến trúc sư Charles Lichtenfelder vẽ năm 1905, tỷ lệ 1/50, kích thước gốc 20cm x 30cm.

TPT-4651/21.



Bản thiết kế đèn chùm 32 bóng theo phong cách thời Louis XIV tại Dinh Toàn quyền Đông Dương do kiến trúc sư Charles Lichtenfelder vẽ năm 1905. tỷ lệ 1/6. kích thước gốc 37cm x 37cm.

TPT-4651/21.



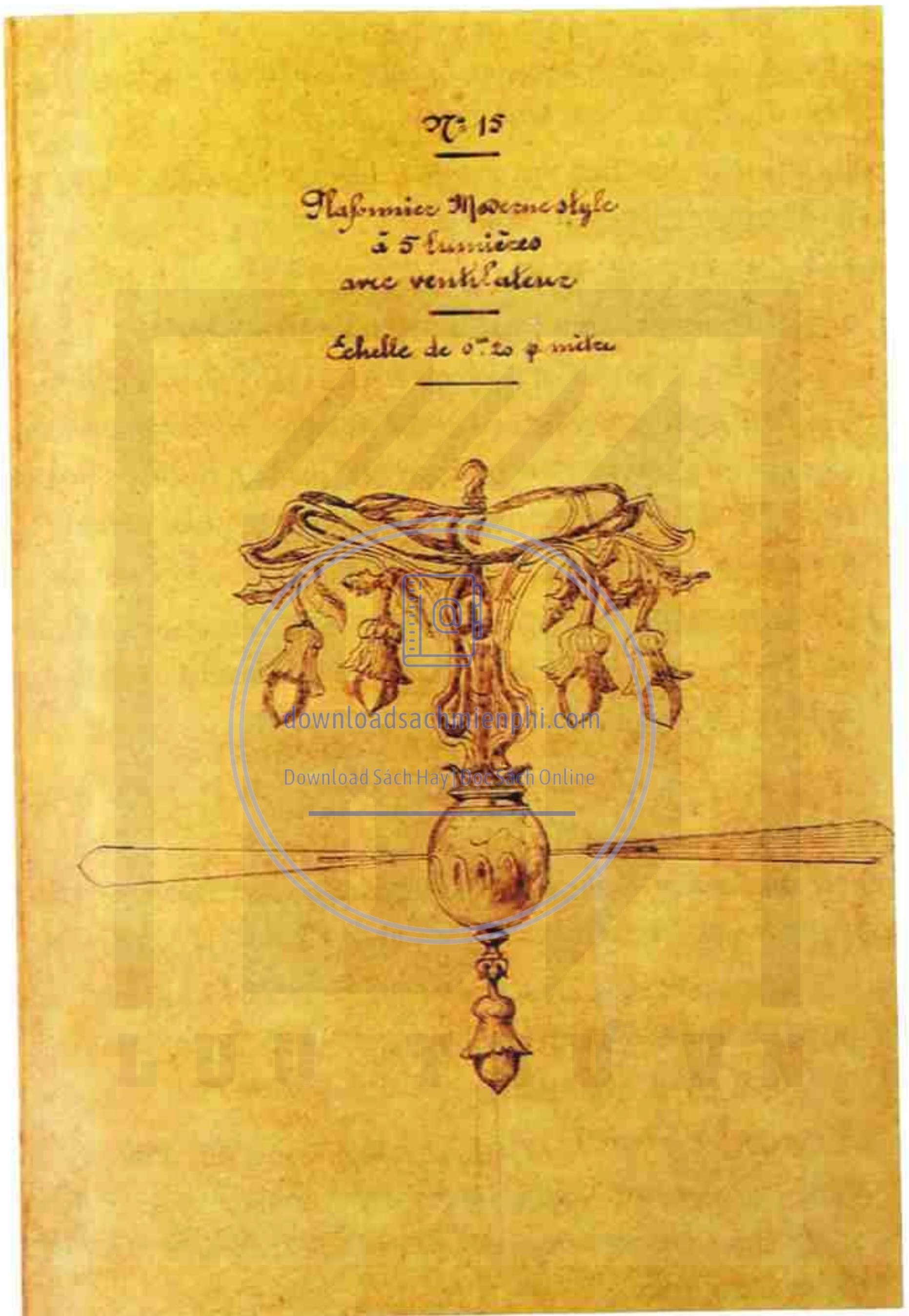
Bản thiết kế đèn chùm pha lê 10 bóng theo phong cách thời Đế chế tại Dinh Toàn quyền Đông Dương do kiến trúc sư Charles Lichtenfelder vẽ năm 1905, tỷ lệ 1/50, kích thước gốc 20cm x 30cm.

TPT-4651/21.



Bản thiết kế đèn vách 5 bóng theo phong cách thời Phục Hưng tại Dinh Toàn quyền Đông Dương do kiến trúc sư Charles Lichtenfelder vẽ năm 1905, tỷ lệ 1/50, kích thước gốc 20cm x 30cm.

TPT-4651/21.



Bản thiết kế đèn chùm 5 bóng có quạt theo phong cách Hiện đại tại Dinh Toàn quyền Đông Dương do kiến trúc sư Charles Lichtenfelder vẽ năm 1905, tỷ lệ 0,20pm (mẫu được duyệt ngày 20-4-1905).

TPT - 4651/26.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

37. TPT - 4652

Construction de deux portes provisoires à l'Hôtel du Gouvernement général et d'une porte pour les bureaux 1907.

Xây hai cửa tạm cho Dinh thự của Phủ Toàn quyền Đông Dương và một cửa cho khu phòng làm việc 1907.

Hồ sơ gồm 18 tờ, trong đó có:

- *Thỏa thuận ngày 3-7-1907 giữa đại diện Toàn quyền Đông Dương và nhà thầu Chavan ở Hà Nội về việc xây hai cửa tạm cho Dinh thự của Phủ Toàn quyền Đông Dương và một cửa cho khu phòng làm việc với tổng trị giá 2400 francs. Thỏa thuận này được Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn ngày 11-7-1907. Thời hạn hoàn thành là trong vòng 3 tháng kể từ ngày 11-7-1907.*

- *Công văn số 95 ngày 26-9-1907 của kiến trúc sư, Giám đốc Sở Kiến trúc Trung ương gửi nhà thầu Chavan về việc lắp đặt khoá, làm sạch, đánh vec-ni và sơn khung cửa.*

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

38. TPT - 4653

Fourniture du courant électrique pour l'éclairage de l'Hôtel, des bureaux et dépendances du Gouvernement général de l'Indochine 1907-1909.

Cung cấp điện chiếu sáng Dinh thự, phòng làm việc và khu phụ của Phủ Toàn quyền Đông Dương 1907-1909.

Hồ sơ gồm trên 20 tờ, trong đó có:

- *Thư ngày 1-4-1907 của ông Chassain, Giám đốc Công ty Địa ốc Đông Dương (trụ sở tại Paris) gửi kiến trúc sư công trình Phủ Toàn quyền Đông Dương về việc lắp đặt và cung cấp điện cho Phủ Toàn quyền Đông Dương.*

- *Thỏa thuận ngày 15-4-1907 giữa đại diện của Toàn quyền Đông Dương và ông Chassain, đại diện Công ty Địa ốc Đông Dương về việc cung cấp điện chiếu sáng cho Phủ Toàn quyền Đông Dương.*

Theo đó, tổng giá trị hợp đồng là 15.000 francs. Thoả thuận này đã được Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn ngày 31-12-1907.

- Thoả thuận ngày 20-6-1908 giữa đại diện của Toàn quyền Đông Dương và ông Monavon, đại diện Công ty Địa ốc Đông Dương về việc cung cấp điện chiếu sáng cho Phủ Toàn quyền Đông Dương. Theo đó, tổng giá trị hợp đồng là 15.000 francs. Thoả thuận này đã được Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn ngày 4-8-1908. Theo thoả thuận, Công ty này chịu trách nhiệm cung cấp điện chiếu sáng cho Phủ Toàn quyền Đông Dương trong 11 tháng rưỡi, từ 15-2-1908 đến 31-1-1909.

39. TPT - 4655

Fourniture du mobilier pour les bâtiments de l'Hôtel du Gouvernement général de l'Indochine 1907.

Cung cấp đồ đạc cho các khu nhà của Phủ Toàn quyền Đông Dương 1907.

Hồ sơ gồm 17 tờ và 22 bản vẽ, trong đó có:

- Biên bản mời thầu cung cấp đồ dùng cho các phòng của Phủ Toàn quyền Đông Dương ngày 21-3-1907.
- Thoả thuận cung cấp đồ đạc cho Phủ Toàn quyền Đông Dương ngày 25-3-1907 giữa đại diện Phủ Toàn quyền Đông Dương và Hiệp hội Thương mại Đông Dương với tổng giá trị là 3.850 francs. Thoả thuận đã được Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn ngày 2-4-1907.
- Các bản thiết kế tủ đựng hồ sơ, bàn, tủ... cho các phòng làm việc của Phủ Toàn quyền Đông Dương do kiến trúc sư Lichtenfelder lập ngày 18-3-1907, tỷ lệ 0,1.

CÔNG TRÌNH

DINH THỰ CỦA PHÓ TOÀN QUYỀN ĐÔNG DƯƠNG

Hôtel du Secrétaire général du
Gouvernement général de l'Indochine
(1902-1948)

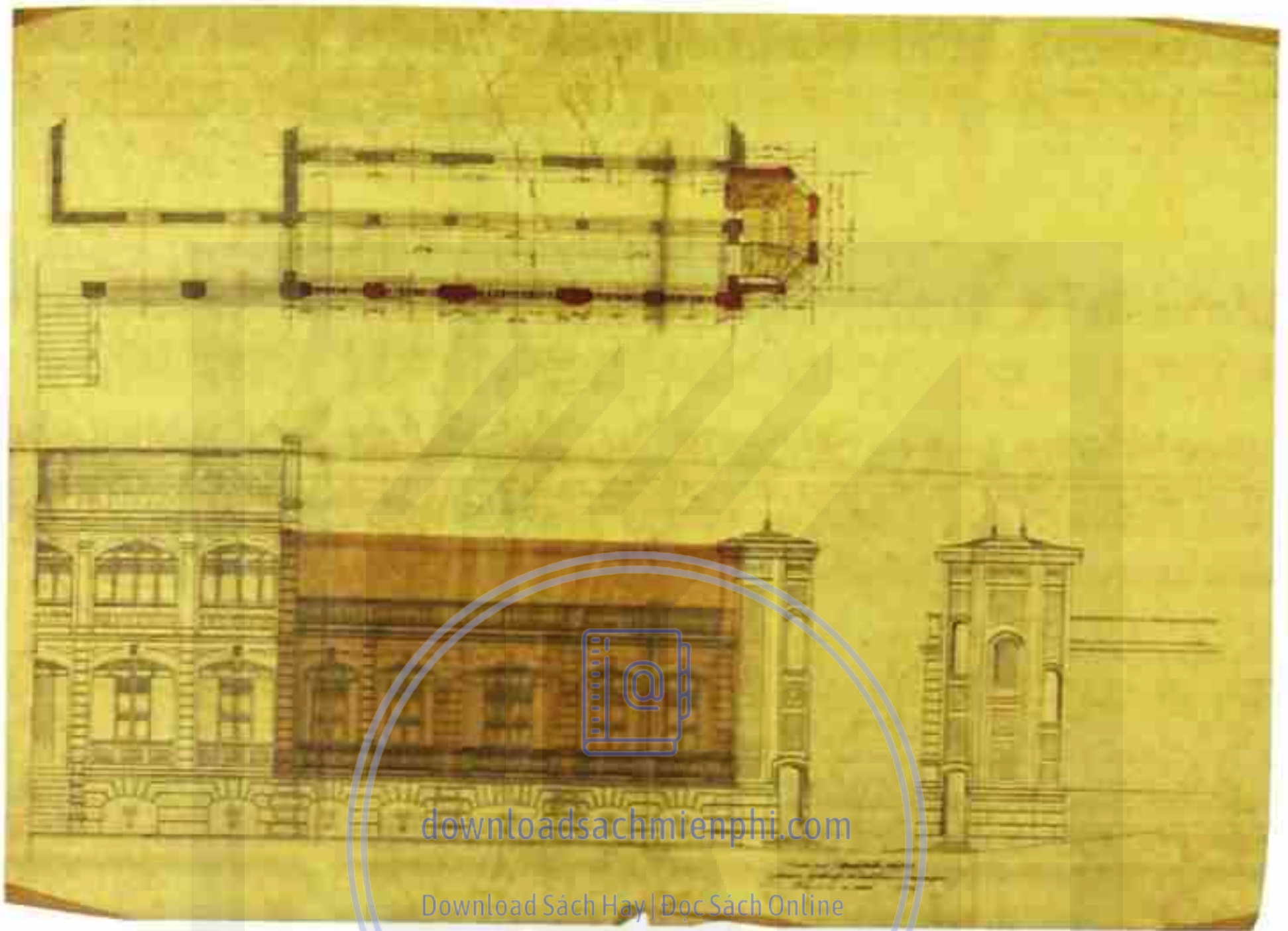
Dinh thự của Phó Toàn quyền Đông Dương rộng 8438m², phía bắc giáp phố Pottier (phố Bảo Khánh), phía nam giáp đền Vua Lê Thái Tổ, phía tây giáp phố Jules Ferry (phố Hàng Trống), phía đông giáp phố Beauchamp (phố Lê Thái Tổ).

Phần phía bắc của khu nhà này vốn là của Ngân hàng Đông Dương được xây dựng từ trước 1902. Năm 1902 nhà của Ngân hàng Đông Dương được sáp nhập vào khu nhà của Giám đốc phụ trách các vấn đề dân sự ở phía nam.

Năm 1904, hai khu nhà trên được chuyển thành biệt thự của Phó Toàn quyền Đông Dương và các văn phòng phụ thuộc, trong đó có Sở Công thổ và Trước bạ. Sau đó, khu nhà phía nam được chuyển cho Nha Tài chính Đông Dương (Direction générale des Finances de l'Indochine) dùng làm trụ sở cho đến 1927. Sau khi Nha Tài chính chuyển đến trụ sở mới ở đường Puginier (phố Điện Biên Phủ) thì khu nhà phía nam được dùng làm trụ sở của Sở Bưu điện Đông Dương.

Tài liệu về công trình này gồm 13 hồ sơ trong các hộp số 14-15 thuộc khối tài liệu kiến trúc gồm các bản thiết kế tổng thể của Ngân hàng Đông Dương, bản thiết kế tổng thể khu nhà của Phó Toàn quyền Đông Dương, của Giám đốc phụ trách các vấn đề về dân sự và các bản vẽ chi tiết về công trình này từ năm 1902-1903 và được sửa chữa và mở rộng các năm 1922, 1937, 1939, 1942.

Công trình dinh thự của Phó Toàn quyền Đông Dương nay được dùng làm trụ sở của Báo Nhân dân, cơ quan Trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam.



Bản vẽ mặt bằng và mặt trước Dinh Phó Toàn quyền Đông Dương (nay là trụ sở của Báo Nhân Dân) do Sở Kiến trúc Trung ương thiết kế năm 1904, tỷ lệ 1/50, kích thước gốc 60cm x 80cm.

KT-14/3.

L U U T R U V N

CÔNG TRÌNH

TOÀ ĐỐC LÝ HÀ NỘI

Hôtel du Résident-Maire de Hanoi
(1921)

Hồ sơ về công trình này không đầy đủ, chỉ còn 2 công văn trao đổi liên quan đến quá trình thi công và các bản vẽ mặt chính, mặt bên, mặt cắt đứng của toà nhà và mặt cắt ngang của tầng trệt và tầng gác thứ 1 của công trình.

Trụ sở của Ủy ban Nhân dân Thành phố ngày nay được xây dựng trên khuôn viên của Toà Đốc lý Hà Nội trước kia.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

L U U T R U V N

CÔNG TRÌNH DINH CAO ỦY PHÁP

Maison de France
(1951-1954)

Tài liệu liên quan đến công trình này gồm 3 hồ sơ trong hộp 15 thuộc khối kiến trúc, các tài liệu này cho thấy:

Công trình Dinh Cao uỷ Pháp ở Đông Dương trước đây vốn là nhà của tư nhân ở số 57 phố Gambetta (phố Trần Hưng Đạo), được Chính phủ Pháp mua lại và cho tiến hành tu sửa mở rộng trong các năm 1951-1954. Các công việc tu bổ sửa sang khu nhà này do nhà thầu Curzi ở Hải Phòng đảm nhiệm.

Công trình này hiện nay do Đại sứ quán nước Cộng hoà Pháp quản lý và sử dụng.

LƯU TRỮ VN

II. KHỐI CÔNG SỞ CHUYÊN MÔN

CÁC CÔNG TRÌNH CỦA

NHA THƯƠNG CHÍNH ĐÔNG DƯƠNG

Constructions du Service des Douanes et Régies à Hanoi
(1893-1952)

Tài liệu về các công trình của Nha Thương chính Đông Dương có trong hai khối tài liệu kỹ thuật và tài liệu hành chính.

A. TÀI LIỆU KỸ THUẬT: gồm 15 hồ sơ trong các hộp số 252 đến 257 thuộc khối tài liệu kiến trúc. Theo các tài liệu này, các công trình của Nha Thương chính gồm:

a. Direction générale des Douanes et Régies à Hanoi.

Tài liệu về công trình trụ sở của Nha Thương chính có 7 hồ sơ nằm trong các hộp từ 252 đến 255 gồm các bản thiết kế thi công và các văn bản liên quan đến việc xây dựng và cải tạo công trình từ năm 1906 đến 1952. Theo tài liệu, trụ sở của Giám đốc Thương chính trước năm 1905 nằm ở phố Francis Garnier (phố Đinh Tiên Hoàng), sau đó vị trí này dành để xây dựng Nhà máy Đèn Bờ Hồ.

Dự án xây trụ sở mới cho Nha Thương chính được Toàn quyền Đông Dương phê duyệt năm 1906. Công trình này được xây dựng cùng năm 1906 tại một địa điểm ở Quai Clémenceau (phố Trần Nhật Duật) được mở rộng nhiều lần. Hiện nay, công trình này do Bảo tàng Cách mạng Việt Nam quản lý và sử dụng.

b. Logement du Receveur principal des Douanes et Régies à Hanoï.

Nhà ở của Giám đốc Nha Thương chính ở góc phố Amiral Courbet (Lý Thái Tổ) và phố Henri Rivière (Ngô Quyền).

Toàn bộ hồ sơ về khu nhà này chỉ còn một phần tài liệu về ngôi nhà 2 tầng dùng làm nơi làm việc của Nha Thương chính, gồm một số bản thiết kế sơ bộ và các công văn kèm theo năm 1905 (1 hồ sơ trong hộp số 256).

c. Recette subordonnée des Douanes.

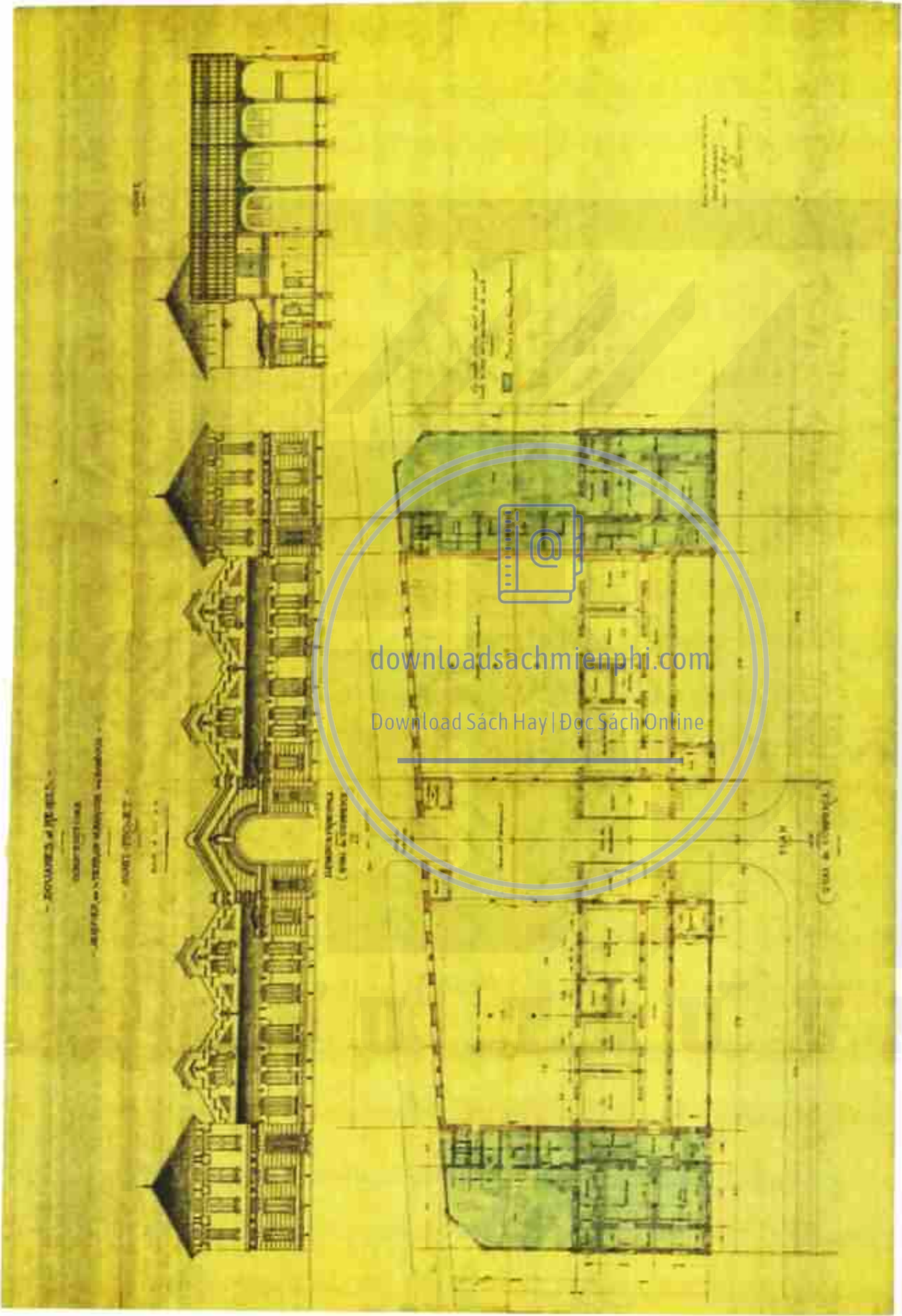
Phòng thu các khoản phụ thu của Nha Thương chính được xây dựng vào những năm cuối thế kỷ 19. Tài liệu về công trình này còn lại rất ít, chỉ có 2 hồ sơ, trong đó có 10 bản vẽ vào các năm 1893, 1895, 1897, 1933 và các văn bản kèm theo về việc sửa chữa công trình này trong những năm 1926, 1928, 1937 và 1952. Theo các tài liệu còn lại, công trình này quay mặt ra các phố Chaux (Hàng Vôi), Leclanger (Lê Phụng Hiểu) và Commerce (Chợ Gạo). Khu nhà này sau được dùng làm phòng làm việc của Bộ Tài chính.

d. Hall de Vérification.

Tài liệu về công trình Phòng Kiểm tra của Nha Thương chính còn rất ít, chỉ có 17 bản vẽ các năm 1903-1909 và tập công văn các năm 1908, 1944, 1948, được sắp xếp thành 2 hồ sơ nằm trong hộp 256. Công trình này quay ra phố Bambous (Hàng Tre) và phố Commerce.

e. Entrepôt et Hôtel de l'Inspecteur des Douanes.

Khu công trình Kho và Dinh Chánh Thanh tra Nha Thương chính quay ra phố Chaux (Hàng Vôi) và Balny (Trần Nguyên Hãn). Tài liệu của công trình này gồm các bản vẽ và công văn về việc xây dựng và sửa chữa, được sắp xếp thành 3 hồ sơ nằm trong hộp số 257.



*Bản thiết kế sơ bộ mặt bằng, mặt cắt và mặt đứng của Nhà Thương chính Đông Dương (nay là Bảo tàng Cách mạng Việt Nam) do kiến trúc sư Henri Vildieu, Chánh Sở Kiến trúc Trung ương lập năm 1905, tỷ lệ 1/100, kích thước gốc 70cm x 95cm.
KT - 256/1.*

B. TÀI LIỆU HÀNH CHÍNH: gồm các hồ sơ sau:

1. TPT - 800

Construction d'un bureau de Douanes et Régies à Hanoï 1895-1897.

Xây dựng văn phòng Nha Thương chính tại Hà Nội 1895-1897.

Hồ sơ gồm khoảng 26 tờ và 19 trang, trong đó có:

- *Bảng kê giá dự án xây dựng văn phòng Nha Thương chính tại Hà Nội do quyền Trưởng Ban Nhà cửa dân sự lập ngày 7-1-1895.*
- *Biên bản đấu thầu công trình xây dựng một căn nhà và một kho cho Nha Thương chính tại Hà Nội diễn ra vào ngày 31-1-1895. Kết quả là ông Labeye Alfred là người trúng thầu công trình.*
- *Báo cáo của Trưởng Ban Nhà cửa dân sự về khoản tín dụng được dự kiến để hoàn tất các công trình xây dựng Nha Thương chính như: bãi để than, các nhà phụ thuộc, tường bao; chỉ định ban nghiệm thu công trình xây dựng toà nhà chính của Nha Thương chính.*
- *Nghị định số 408 ngày 22-6-1896 của phó Toàn quyền về việc triệu tập ban nghiệm thu công trình xây dựng các phòng làm việc, nhà ở và nhà kho của Nha Thương chính tại Hà Nội.*
- *Bản dự toán, tập điều kiện đấu thầu công trình xây dựng các nhà phụ thuộc và một tường bao Phòng thu thuế của Nha Thương chính tại Hà Nội; nhà ở cho giám sát viên Sở Bưu điện tại Ba Hoà.*
- *Bản vẽ tổng thể toà nhà Nha Thương chính tại Hà Nội do Trưởng Ban Nhà cửa dân sự lập ngày 10-9-1895.*

Và một số tài liệu khác...

2. TPT - 802

Construction des bureaux de la Direction générale des Douanes et Régies et aménagement de l'hôtel du Directeur général 1903-1908.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Xây dựng văn phòng của Nha Thương chính và cải tạo văn phòng cho Giám đốc Sở 1903-1908.

Hồ sơ có 142 tờ và 2 bản vẽ gồm :

- Công văn ngày 22-6-1903 của Giám đốc Nha Thương chính Đông Dương gửi Giám đốc Sở Công chính Đông Dương về việc xây dựng văn phòng của Nha Thương chính tại Hà Nội. Giám đốc Nha Thương chính cho biết, các phòng làm việc của Nha nằm ở góc phố Balny (phố Trần Nguyễn Hân) và Francis Garnier (phố Đinh Tiên Hoàng) rất tạm bợ và cũ nát, chủ yếu được cải tạo từ các công trình phụ như bếp, chuồng ngựa... nên không đủ tiện nghi cho nhân viên và không đảm bảo an toàn cho tài liệu lưu trữ của Nha Hơn nữa, Toàn quyền Đông Dương đã quyết định chuyển một số ban của Nha từ Sài Gòn ra Hà Nội nên sẽ rất thiếu phòng làm việc. Vì vậy, Giám đốc Nha Thương chính đề nghị cho tiến hành xây dựng khẩn cấp các phòng làm việc của Nha Thương chính tại Hà Nội.

- Báo cáo ngày 22-6-1903 của quyền Trưởng Ban Kiến trúc Trung ương thuộc Khu Công chính Bắc Kỳ về sơ thảo dự án xây dựng văn phòng cho Nha Thương chính Đông Dương. Theo báo cáo, toà nhà sẽ được xây dựng trên diện tích 1100m² với số tiền là 247.500 francs. Tầng hầm của toà nhà dùng làm kho hoặc văn phòng cho người bán xú. Tầng trệt dùng làm văn phòng của Giám đốc Sở, Phó Giám đốc, phòng chờ, phòng nhân sự và văn phòng. Tầng trên dùng cho các phòng lưu trữ, kế toán, thống kê.

- Bản vẽ mặt bằng tổng thể tầng trệt của Nha Thương chính Đông Dương do quyền Trưởng Ban Kiến trúc trung ương lập ngày 22-6-1903 trên giấy calque.

- Công văn ngày 9-10-1903 của Giám đốc Sở Công chính Đông Dương gửi Giám đốc Nha Thương chính Đông Dương thông báo dự án trụ sở của Nha không thể thực hiện được do thiếu vốn và đề nghị lùi thời gian xây dựng vào các năm sau.

- Công văn các ngày 23 và 24-10-1905 của Giám đốc Nha Thương chính Đông Dương gửi Toàn quyền Đông Dương đề nghị dành câu lạc bộ quân sự xây dựng trên phố Chaux (Hàng Vôi) cho Nha Thương chính để làm văn phòng.
- Công văn ngày 26-10-1905 của Phó Toàn quyền Đông Dương gửi Giám đốc Sở Công chính Đông Dương về đề nghị kiểm tra khả năng tài chính để thực hiện dự án chuyển câu lạc bộ quân sự ở phố Chaux thành văn phòng Nha Thương chính vào năm 1906.
- Báo cáo ngày 24-1-1906 của Trưởng Ban Kiến trúc trung ương gửi Giám đốc Khu Công chính Bắc Kỳ cho biết số tiền dự kiến cho công trình cải tạo câu lạc bộ quân sự thành văn phòng của Giám đốc Nha Thương chính và xây dựng trụ sở cho Nha là 260.000 đồng.
- Công văn ngày 4-4-1906 của Giám đốc Nha Thương chính Đông Dương gửi Giám đốc Sở Công chính Đông Dương đề nghị cho đẩy nhanh tiến độ lập bản vẽ và dự toán xây dựng văn phòng của Sở trên khu đất nằm giữa đường Commerce (phố Trần Quang Khải) và các phố France (phố Tràng Tiền), Chaux (phố Hàng Vôi).
- Đơn đệ tháng 12-1906 của nhà thầu Brossard & Mopin, Guillaume Frères, Guillier Renversade & Cie... xin tham gia đấu thầu xây dựng văn phòng làm việc cho Nha Thương chính Đông Dương.
- Biên bản ngày 29-12-1906 của Hội đồng xét thầu công trình xây dựng văn phòng làm việc cho Nha Thương chính. Theo đó, sau khi xem xét các đơn xin thầu, Hội đồng đã quyết định chọn Guiller Renversade & Cie làm nhà thầu chính thức cho công trình.
- Báo cáo ngày 3-1-1907 của Giám đốc Khu Công chính Bắc Kỳ đề nghị thông qua biên bản thầu và ra một nghị định ấn định số tiền được phép chi cho công trình.
- Nghị định ngày 25-4-1907 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn biên bản mở thầu ngày 29-12-1906, hợp đồng giao kèo với

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

công ty Guillier Renversade & Cie ký kết ngày 16-4-1907 và cho phép chi một khoản tiền là 70.000 đồng Đông Dương cho công trình xây dựng văn phòng làm việc của Nha Thương chính.

- *Báo cáo ngày 14-10-1907 của Giám đốc Khu Công chính Bắc Kỳ về việc hoàn trả 2.000 francs tiền bảo lãnh thầu cho nhà thầu Guillier vì công trình xây dựng văn phòng của Nha Thương chính đã hoàn tất.*

- *Nghị định ngày 26-11-1907 của Toàn quyền Đông Dương cho phép hoàn trả số tiền 2.000 francs mà nhà thầu Guillier Renversade & Cie đã nộp để thực hiện công trình cải tạo cầu lạc bộ quân sự thành văn phòng của Nha Thương chính.*

Và một số tài liệu khác...



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

3. TPT - 806

Agrandissement des bureaux de la Direction des Douanes et Régies à Hanoï 1918-1922.

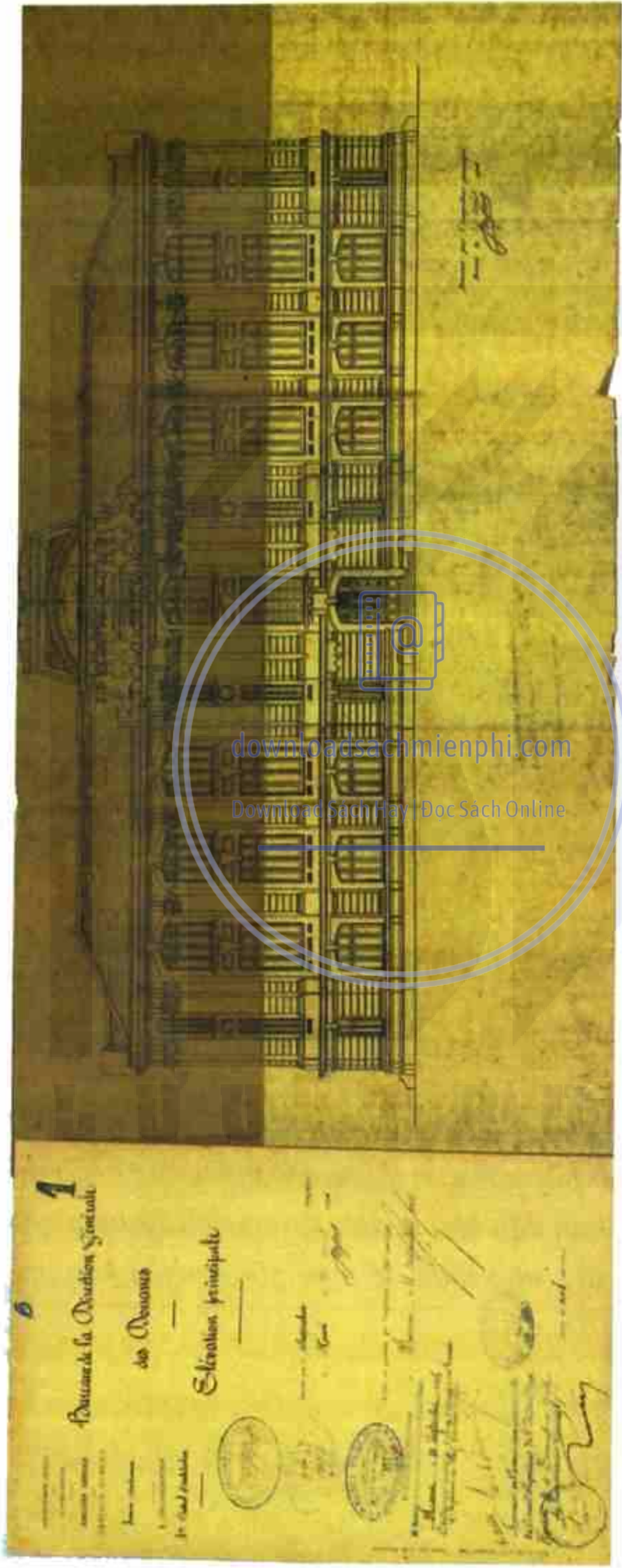
Mở rộng văn phòng của Nha Thương chính Đông Dương tại Hà Nội 1918-1922.

Hồ sơ có 70 tờ, 25 trang và 4 bản vẽ gồm :

- *Công văn ngày 7-6-1918 của Giám đốc Nha Thương chính Đông Dương gửi Trưởng Ban Nhà cửa dân sự đồng ý dự án mở rộng văn phòng của Nha Thương chính và đề nghị sớm cho thực hiện dự án này.*

- *Báo cáo ngày 31-7-1918 của Trưởng Ban Nhà cửa dân sự về dự án mở rộng văn phòng của Nha Thương chính Đông Dương tại Hà Nội. Theo đó, số tiền được dự kiến cho dự án này là 80.000 đồng Đông Dương.*

- Tập điều kiện thầu (gồm 20 điều quy định điều kiện tham gia thầu, phương thức xét thầu...), bản mô tả công việc phải thực hiện và bản ước tính giá công trình mở rộng văn phòng của Nha Thương chính Đông Dương được lập ngày 31-7-1918
 - Các bản vẽ mặt bằng tầng trệt, tầng trên, mặt tiền và mặt cắt của văn phòng Nha Thương chính Đông Dương cần mở rộng. Các bản vẽ này đều do Trưởng Ban Nhà cửa lập ngày 31-7-1918 trên giấy thường.
 - Biên bản ngày 21-12-1918 của Hội đồng xét thầu công trình mở rộng văn phòng của Nha Thương chính. Sau khi xem xét các đơn xin đấu thầu, Hội đồng đã quyết định chọn Verneuil & Gravereaud làm nhà thầu chính thức cho công trình.
 - Báo cáo ngày 24-12-1918 của Trưởng Ban Nhà cửa dân sự đề nghị phê chuẩn biên bản mở thầu và lập một khoản kinh phí cần thiết cho việc thực hiện công trình.
 - Báo cáo ngày 8-5-1919 của Trưởng Ban Nhà cửa dân sự về đề nghị huỷ kết quả đấu thầu ngày 21-12-1918 và cho tiến hành một cuộc đấu thầu mới vì những khó khăn xảy ra giữa Thành phố Hà Nội và Nha Thương chính về vấn đề quyền sở hữu đất và vì các bản vẽ dùng làm cơ sở tính toán cho các nhà thầu bị thay đổi theo yêu cầu của Nha Thương chính.
 - Công văn ngày 17-5-1919 của nhà thầu Verneuil & Gravereaud gửi Giám đốc Sở Kiểm tra tài chính Đông Dương báo cáo việc thay đổi các bản vẽ ban đầu không ảnh hưởng đến sự tăng giá thực hiện công trình. Vì vậy, nhà thầu đề nghị giữ nguyên kết quả đấu thầu ngày 21-12-1918.
- Và một số tài liệu khác...



Bản vẽ mặt đứng phía trước khu văn phòng của Nha Thương chính Đông Dương do Thanh tra Jean Bossard lập năm 1906, tỷ lệ 1/100, kích thước gốc 40cm x 60cm.
KT-254/3.

CÔNG TRÌNH**TOÀ NHÀ BƯU ĐIỆN HÀ NỘI**

Recette principale des Postes Télégraphes et Téléphones à Hanoï
(1894- 1944)

Tài liệu của cụm công trình này gồm 31 hồ sơ trong các hộp từ 167 đến 173 thuộc khối tài liệu kiến trúc, liên quan đến hai công trình nhỏ:

1. Công trình Toà nhà Bưu điện.

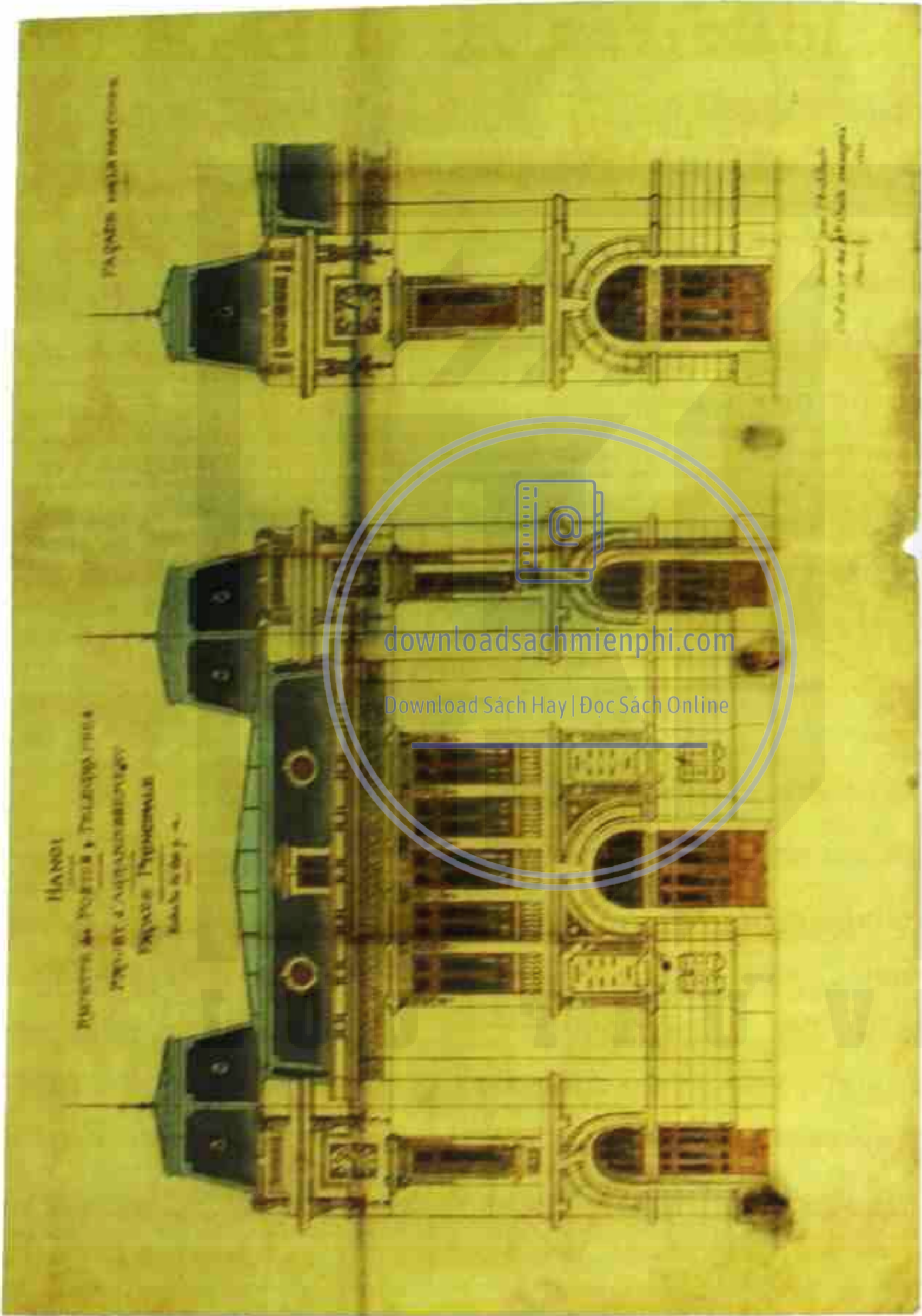
Công trình Toà nhà Bưu điện (thường gọi là Nhà Bưu điện Bờ Hồ) có mặt chính quay ra phố Francis Garnier (phố Đinh Tiên Hoàng), hai mặt bên trông ra phố Chavassieux (phố Lê Thạch) và công viên Paul Bert (vườn hoa Lý Thái Tổ). Tài liệu về công trình này có thời gian sớm nhất là bản vẽ năm 1894 (bản vẽ mặt đứng và bản vẽ mặt cắt ngang của Phòng Giao dịch). Như vậy, công trình này có thể được xây dựng từ 1894 trở về trước.

2. Công trình Toà nhà Bưu điện mới.

Công trình Toà nhà Bưu điện mới (Hôtel des Postes Télégraphes et Téléphones) nằm ngay cạnh công trình Toà nhà Bưu điện. Chủ trương xây dựng công trình này có từ 1903 nhưng không được thực hiện và được xem xét lại vào năm 1927. Tuy nhiên, cho đến 1939, công trình này mới được thi công và được hoàn thành năm 1940.

Cụm công trình này ngày nay do Bưu điện Thành phố Hà Nội quản lý và sử dụng.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954



Bản vẽ mặt trước phòng thu cước phi của Sở Bưu điện Thành phố Hà Nội (nay là Bưu điện Thành phố Hà Nội) do kiến trúc sư chính Adolphe Bussy, Chánh Sở Nhà cửa dân sự lập năm 1921, tỷ lệ 1/50, kích thước gốc 50cm x 70cm.
KT - 169/7.

CỤM CÔNG TRÌNH CỦA**TỔNG THANH TRA CÔNG CHÍNH ĐÔNG DƯƠNG
VÀ SỞ CÔNG CHÍNH BẮC KỲ**

Constructions de l'Inspection générale des Travaux Publics et de la
Circonscription des Travaux Publics du Tonkin
(1896-1952)

Tài liệu về cụm công trình này chỉ tập trung ở khối tài liệu kỹ thuật, gồm 34 hồ sơ trong các hộp từ 143 đến 153 thuộc khối kiến trúc.

1. Khu nhà của Nha Tổng Thanh tra Công chính (Inspection générale des Travaux Publics) ở phố Bambous (Hàng Tre).

Khu nhà này gồm có biệt thự của Tổng Thanh tra Công chính và toà nhà Văn phòng. Không có tài liệu cho biết chính xác thời gian xây dựng khu công trình này.

• *Biệt thự của Tổng Thanh tra Công chính: có 2 tầng và 1 tầng hầm. Năm 1904, được xây dựng thêm một cái cầu nhỏ nối liền biệt thự với Văn phòng.*

• *Toà nhà Văn phòng: có 2 tầng gác và một tầng hầm.*

Tài liệu về khu công trình này gồm 12 hồ sơ trong đó có các bản thiết kế, bản vẽ chi tiết và các văn bản có liên quan. Tài liệu sớm nhất trong khối này là năm 1903.

2. Khu nhà của Sở Công chính Bắc Kỳ (Circonscription territoriale des Travaux Publics du Tonkin) ở phố Chaux (Hàng Vôi) gồm.

Khu nhà này gồm có:

• *Trụ sở của Sở Công chính:*

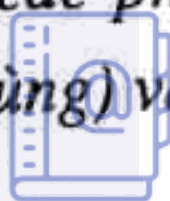
HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Toà nhà đầu tiên của công trình được xây dựng vào năm 1903-1904, nằm sát phố Fellonneau (phố Lò Sũ), gồm 4 tầng.

Tài liệu về công trình này còn lại không đầy đủ gồm 12 hồ sơ trong đó có các bản thiết kế, bản vẽ và các văn bản có liên quan đến xây dựng và cải tạo công trình. Tài liệu sớm nhất trong khối này là năm 1897.

- *Kho, xưởng và nhà ở của nhân viên Sở Công chính: tài liệu về công trình này gồm 10 hồ sơ trong các hộp từ 150 đến 153.*

Theo các tài liệu này khu nhà xưởng và kho của Sở Công chính được đặt ở các phố Yên Ninh, Balny (phố Trần Nguyên Hãn), Careau (phố Lý Thường Kiệt), Colomb (phố Phan Bội Châu), các khu nhà ở của nhân viên nằm trên các phố Rialan (phố Phan Chu Trinh), Carnot (phố Phan Đình Phùng) và Victor Hugo (phố Hoàng Diệu).



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

L U U T R U V N

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Báo cáo ngày 11-4-1913 của Trưởng Ban Nhà của dân sự thuộc Khu Công chính Bắc Kỳ đề nghị thông qua dự án mở rộng trụ sở của Sở Kiểm tra tài chính tại Hà Nội và cho phép chi ngân sách một khoản tiền 10.000 đồng Đông Dương cho dự án.
 - Công văn trao đổi ngày 26-7-1913 và ngày 26-7-1913 giữa Giám đốc Khu Công chính Bắc Kỳ và Giám đốc Sở Tài chính Đông Dương về việc cử uỷ viên tham gia hội đồng xét thầu dự án mở trụ sở của Sở Kiểm tra tài chính. Ông Filatriau, phó Chánh Văn phòng thuộc Sở Tài chính được cử đại diện cho Sở làm uỷ viên hội đồng này.
 - Biên bản mở thầu ngày 31-7-1913 của Hội đồng xét thầu công trình mở rộng trụ sở của Sở Kiểm tra tài chính và các đơn đề ngày 31-7-1913 của các nhà thầu A. Leroy, Blot René, Olivier, Péès & Chazeau... xin tham gia đấu thầu. Sau khi xem xét các đơn xin dự thầu, Hội đồng xét thầu quyết định chọn Péès & Chazeau làm nhà thầu chính thức cho công trình.
 - Báo cáo ngày 4-8-1913 của Trưởng Ban Nhà của dân sự gửi Thống sứ Bắc Kỳ đề nghị trình biên bản của Hội đồng xét thầu lên Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn và đề nghị cấp một khoản tín dụng 8.700 đồng Đông Dương để thực hiện công trình.
 - Báo cáo ngày 10-12-1913 của kiến trúc sư Bussy thuộc Ban Nhà của dân sự về việc hoàn thành dự án mở rộng trụ sở của Sở Kiểm tra tài chính và đề nghị cấp thêm một khoản kinh phí 970 đồng Đông Dương để mở rộng văn phòng.
 - Báo cáo ngày 6-3-1914 của kiến trúc sư Bussy thuộc Ban Nhà của dân sự về công trình trụ sở của Sở Kiểm tra tài chính đã hoàn thành và được tiếp nhận tạm thời vào ngày 12-12-1913. Vì vậy, kiến trúc sư Bussy đề nghị thanh toán cho nhà thầu khoản tiền bảo lãnh 700 francs.
 - Nghị định ngày 23-3-1914 của Toàn quyền Đông Dương cho phép hoàn trả nhà thầu Péès & Chazeau 700 francs tiền bảo lãnh thầu công trình mở rộng trụ sở của Sở Kiểm tra tài chính.
- Và một số tài liệu khác...

CÔNG TRÌNH
CƠ SỞ CHĂN NUÔI GIA SÚC Ở BẠCH MAI
Etablissement Zootechnique à Bach Mai
(1898-1937)

Tài liệu về công trình này gồm 8 hồ sơ nằm trong hai hộp số 224 và 225 thuộc khối tài liệu kiến trúc.

Theo tài liệu hiện có, công trình này đã có trước 1898. Tuy nhiên, các bản vẽ và tài liệu kèm theo không đầy đủ nên không xác định được chính xác năm xây dựng đầu tiên của cơ sở này.

Các tài liệu khác là những bản thiết kế cải tạo mở rộng công trình từ 1905 đến 1937. Theo đó, công trình này nằm ở vị trí phía bắc giáp Bệnh viện Bạch Mai, phía nam giáp Kho dự trữ nhiên liệu Cống Vọng, phía đông giáp quốc lộ I và phía tây giáp sông Đào.

L U U T R U V N

CÔNG TRÌNH

SỞ NGÂN KHỐ ĐÔNG DƯƠNG

Trésorerie générale de l'Indochine
(1903-1942)

Công trình Sở Ngân khố Đông Dương nằm ở góc phố Dominé (phố Lê Lai) và Amiral Courbet (phố Lý Thái Tổ), mặt chính quay ra công viên Paul Bert (sau đổi tên thành vườn hoa Chí Linh, rồi đổi thành vườn hoa India Gandhi, nay là vườn hoa Lý Thái Tổ).

Tài liệu về công trình này có trong hai khối tài liệu kỹ thuật và tài liệu hành chính.

A. TÀI LIỆU KỸ THUẬT: có 8 hồ sơ nằm trong các hộp từ 277 đến 279 thuộc khối kiến trúc bao gồm:

a. Nhà Văn phòng:

Số ít tài liệu còn lại cho thấy, từ năm 1903, trong chính quyền thực dân đã có ý kiến cho rằng cần xây một kho bạc. Đến năm 1912, có nhiều dự án về vấn đề này đã hình thành nhưng không có dự án nào được chấp nhận. Sau đó khu nhà Văn phòng này đã ra đời nhưng vì thiếu tài liệu nên không xác định được thời gian xây dựng. Công trình này sau được dùng làm Ngân hàng Hoàn Kiếm và Ngân hàng Công thương Hà Nội.

b. Nhà ở cho Giám đốc Kho bạc:

Toà nhà này nằm trong khu công trình Kho bạc, được xây dựng vào năm 1912-1913. Khu nhà này sau được dùng làm Cục Thương nghiệp.

c. Cercle d'Union (tạm dịch là Câu lạc bộ Thống nhất).

Năm 1895, Toàn quyền Đông Dương đã quyết định nhượng cho Cercle d'Union mảnh đất ở góc phố Lê Lai và Lý Thái Tổ để xây nhà làm nơi hội họp. Tuy nhiên, do không có kinh phí trả cho nhà thầu nên năm 1919, Cercle d'Union đã nhượng lại khu đất và nhà trên cho Chính quyền Bảo hộ. Sau đó, khu này trở thành Dinh thự của Tổng Giám đốc Kho bạc Đông Dương. Sau này, khu này được dùng làm Cung Thiếu nhi của Thành phố.

B. TÀI LIỆU HÀNH CHÍNH: có 3 hồ sơ.

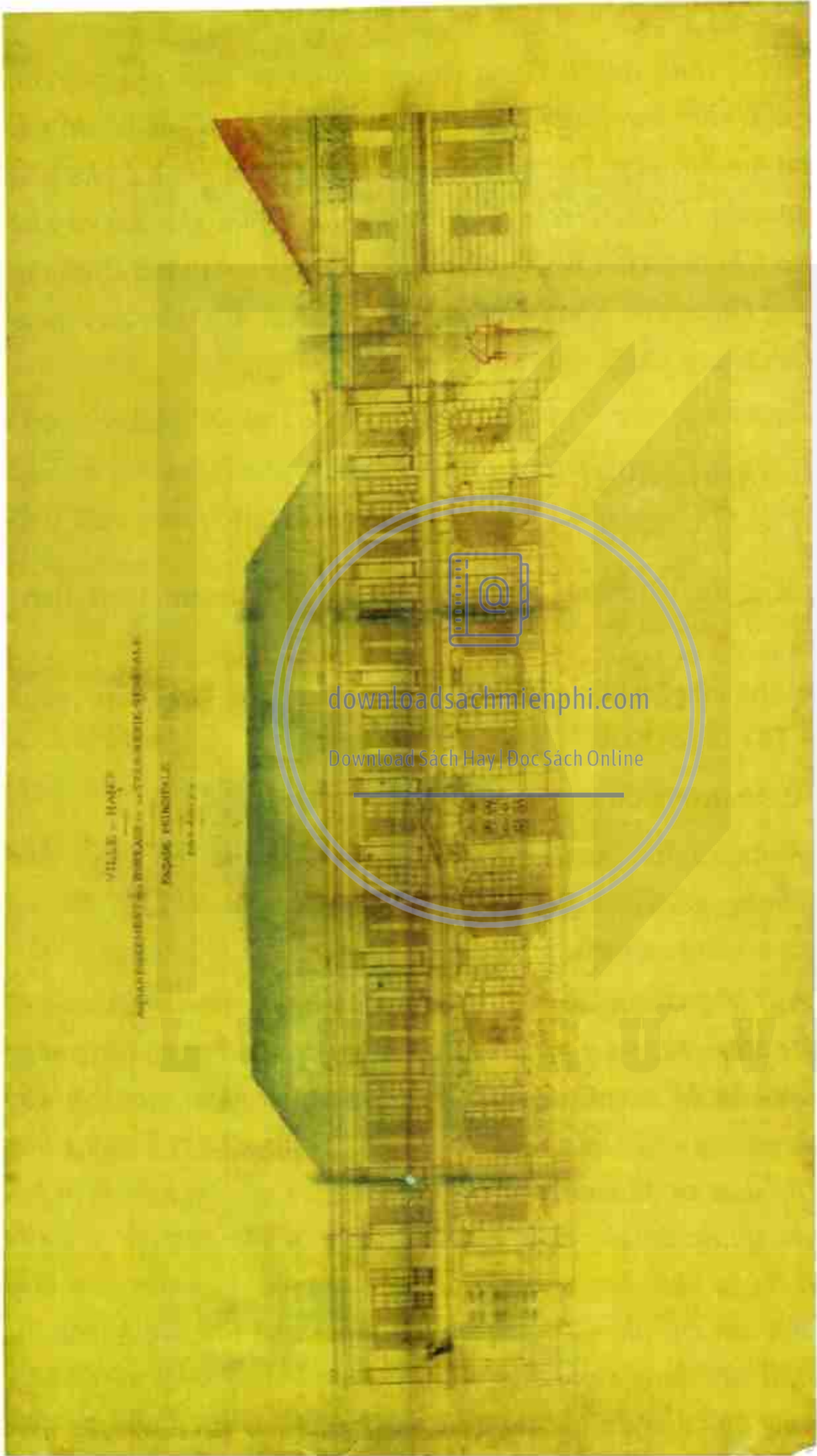
1. TPT - 679

Agrandissement du bâtiment du Trésor de Hanoï (square Paul Bert) 1918-1919.

Mở rộng toà nhà của Sở Ngân khố Hà Nội ở công viên Paul Bert (vườn hoa Lý Thái Tổ) 1918-1919.

Hồ sơ gồm 49 tờ, trong đó có:

- Công văn số 50/C ngày 24-1-1916 của Giám đốc Sở Ngân khố Đông Dương gửi Toàn quyền Đông Dương đề nghị xem xét việc mở rộng trụ sở làm việc của Sở.
- Báo cáo số 297/A ngày 7-3-1918 của Trưởng Ban Nhà cửa dân sự cho biết, năm 1913 Sở Ngân khố đã tiến hành mở rộng các phòng làm việc của Sở và xây dinh Giám đốc Sở nhưng chỉ tạm thời đáp ứng các yêu cầu của Sở và chi phí cũng khá cao. Vì vậy, Trưởng Ban Nhà cửa dân sự đề xuất, thay vì mở rộng trụ sở làm việc hiện tại, nên xem xét dự án xây dựng một toà nhà mới đáp ứng các yêu cầu của Sở Ngân khố. Tuy nhiên trong giới chuyên môn vẫn có ý kiến cho rằng, do chi phí mở rộng lần thứ nhất quá lớn nên không thể tiến hành xây dựng một công trình hoàn toàn mới được và đề nghị vẫn thông qua nguyên tắc mở rộng một lần nữa các toà nhà hiện có.



Bản vẽ mặt trước khu văn phòng của Sở Ngân khố Đông Dương (nay được dùng làm văn phòng của các cơ quan của Thành phố Hà Nội) do kiến trúc sư Charles Lichtenfelder, Chánh Sở Nhà cửa dân sự lập năm 1913, tỷ lệ 1/50, kích thước gốc 50cm x 90cm.
KT - 277/2.

- Báo cáo số 297/A ngày 7-9-1918 của Trưởng Ban Nhà cửa dân sự đề nghị cho tổ chức đấu thầu công trình mở rộng các phòng làm việc của Sở Ngân khố và biên bản đấu thầu công trình, kết quả các ông Verneuil và Gravereaud là người trúng thầu.
- Và một số tài liệu khác liên quan đến việc thanh toán tiền đặt cọc cho nhà thầu sau khi công trình hoàn thành vào ngày 28-2-1920...

2.TPT - 681

Construction de dépendances à la Trésorerie générale à Hanoi 1914-1916.

Xây dựng các nhà phụ cho Sở Ngân khố Trung ương tại Hà Nội 1914-1916.

Hồ sơ gồm 39 tờ, trong đó có:

- Báo cáo ngày 3-4-1914 của Trưởng Ban Nhà cửa dân sự thuộc Khu Công chính Bắc Kỳ về việc lắp đặt hệ thống chiếu sáng và thông gió cho trụ sở và các phòng làm việc của Sở Ngân khố Trung ương tại Hà Nội. Theo đó, Trưởng Ban Nhà cửa dân sự đề nghị Thống sứ phê chuẩn bản kê ước tính giá cả và mở một khoản tín dụng là 1.500 đồng Đông Dương cho công trình này.
- Báo cáo ngày 27-3-1914 của Trưởng Ban Nhà cửa dân sự thuộc Khu Công chính Bắc Kỳ về các công trình bổ sung cho Sở Ngân khố Trung ương tại Hà Nội. Theo báo cáo, Trưởng Ban Nhà cửa dân sự đề nghị chi một khoản tiền 13.920 đồng Đông Dương để hoàn thành các công trình xây dựng kho lưu trữ, bếp, phòng ăn, lắp đặt hệ thống điện và thanh toán tiền bảo lãnh.
- Công văn ngày 9-4-1914 của Giám đốc Sở Tài chính Đông Dương gửi Thống sứ Bắc Kỳ không đồng ý phê duyệt kinh phí để xây dựng các công trình phụ trợ và đề nghị Khu Công chính Bắc Kỳ hoàn thành xây dựng trụ sở của Sở Ngân khố Trung ương trước khi thực hiện các công trình mới.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Báo cáo ngày 16-4-1914 của Trưởng Ban Nhà cửa dân sự thuộc Khu Công chính Bắc Kỳ về việc hoàn thành các công trình của Sở Ngân khố Trung ương. Theo đó, các công trình xây dựng trụ sở của Sở Ngân khố Trung ương đã hoàn tất, chỉ còn một số công trình phụ trợ như kho lưu trữ, bếp... vẫn chưa được xây dựng.
- Công văn ngày 10-7-1914 của Giám đốc Sở Ngân khố Trung ương gửi Giám đốc Khu Công chính Bắc Kỳ và báo cáo ngày 11-7-1914 của Trưởng Ban Nhà cửa dân sự thuộc Khu Công chính Bắc Kỳ đề nghị cấp một khoản kinh phí là 5.800 đồng Đông Dương để hoàn thiện trụ sở của Sở Ngân khố Trung ương.
- Các đơn đề ngày 30-9-1914 của các nhà thầu Trần Ngọc Diễn, Blot René, Phạm Văn Thảo, Baptiste & Vaudran, A. Leroy, Nguyễn Văn Bôn và Chazeau Charles xin tham gia đấu thầu xây dựng các công trình phụ trợ cho trụ sở của Sở Ngân khố Trung ương.
- Biên bản mở thầu ngày 30-9-1914 của Hội đồng xét thầu xây dựng các công trình phụ trợ cho trụ sở của Sở Ngân khố Trung ương. Sau khi xem xét các đơn xin dự thầu, Hội đồng xét thầu quyết định chọn ông Olivier làm nhà thầu chính thức cho công trình.
- Và một số tài liệu khác liên quan đến việc thanh toán tiền bảo lãnh thầu cho các nhà thầu sau khi công trình được tiếp nhận vào ngày 28-2-1916.

3. TPT - 677

Agrandissement des bureaux de la Trésorerie générale et construction d'un Hôtel pour le Trésorier général 1908-1912.

Mở rộng các phòng làm việc của Sở Ngân khố Trung ương và xây dinh Giám đốc Sở Ngân khố 1908-1912.

Hồ sơ gồm khoảng 195 tờ, trong đó có:

- Báo cáo số 525/A ngày 19-8-1909 của Trưởng Ban Nhà cửa dân sự về việc mở rộng các phòng làm việc của Sở Ngân khố Trung

ương. Theo báo cáo, Sở Ngân khố, Sở Thu thuế Thành phố, Tòa Đốc lý và Phủ Thống sứ nằm trong nhóm 4 cơ quan được xây dựng từ trên 20 năm cùng trên một khu đất. Do cách bố trí không được phù hợp nên một dự án đã được lập nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho khu nhà làm việc của Sở, cụ thể như sau: giữ nguyên khu đất hiện có nằm sát với Phủ Thống sứ và Ngân hàng Đông Dương đồng thời đề nghị Chính quyền Thành phố Hà Nội chuyển nhượng thêm 375 mét đất. Toàn bộ khu tầng trệt được dùng làm phòng làm việc của Sở, một khu tiền sảnh, một phòng cho công chúng. Hai nhà vệ sinh cho nhân viên được bố trí ở phía góc cuối của khu đất. Khu hám nhỏ nằm riêng biệt có chức năng giám sát và chỉ thông với phòng làm việc của thủ quỹ. Tầng một được xây dựng trên một phần của tầng trệt và chỉ có duy nhất căn hộ của Giám đốc Sở Ngân khố. Một phòng trưng bày được bố trí phía mặt ngoài công viên Paul Bert (vườn hoa Lý Thái Tổ), kèm theo bảng so sánh diện tích hiện tại với diện tích dự kiến.

• Thông tri của Giám đốc Sở Ngân khố liên quan đến dự án mở rộng Sở Ngân khố Trung ương. Theo thông tri, dự án được đề xuất không những không mang lại một sự cải thiện nào, trái lại còn tạo ra một số bất cập như: ngăn chặn sự lưu thông không khí, tạo sức nóng, diện tích nhỏ hẹp lại không có vườn... Để hạn chế những nhược điểm đó, Giám đốc Sở đưa ra hai giải pháp:

1- Nên xây dựng toà nhà mới trên khu đất khác ngoài khu đất mà Sở Ngân khố đang sử dụng. Và do các mảnh đất bên bờ công viên Paul Bert có giá trị cao nên có thể tìm một địa điểm mới bằng cách trao đổi hoặc những cách khác mà không làm tăng khoản chi.

2- Trong trường hợp có một số thay đổi trong thiết kế và Thành phố đồng ý cho chuyển nhượng đất, có thể xây dựng phần chính của công trình ở sâu bên trong thay vì trên mặt phố. Theo cách này, các công trình xây dựng sẽ gây ít phiền toái và phần chính này khi xây xong sẽ bao gồm một phòng của thủ quỹ và một căn hám nhỏ mà không ảnh hưởng đến toà nhà hiện có, việc chuyển nhà sẽ được thực

hiện không mấy khó khăn. Việc xây dựng các cánh nhà khi đó cũng có thể hoàn thành. Những cánh nhà này, thay vì nằm trong phần kéo dài phía sau của toà nhà chính, sẽ được đưa lên phía mặt phố sao cho cách sắp xếp tương tự như cách bố trí các phòng làm việc của Phủ Thống sứ.

- Công văn trao đổi trong thời gian từ 1908-1912 giữa Thống sứ Bắc Kỳ, Trưởng Ban Nhà cửa dân sự, Giám đốc Khu Công chính Bắc kỳ, Giám đốc Sở Ngân khố Trung ương... về dự án mở rộng các phòng làm việc của Sở Ngân khố Trung ương và xây dựng Giám đốc Sở Ngân khố; lập Hội đồng xét thầu công trình...

- Biên bản phiên đấu thầu công trình mở rộng Sở Ngân khố và xây dựng dinh Giám đốc Sở tại Hà Nội diễn ra ngày 26-12-1912. Kết quả các ông Vương Hữu Khiêm và Nguyễn Văn Bôn trúng gói thầu thứ nhất (đào đắp đất và công trình xây); ông Caral trúng gói thầu thứ hai về đồ mộc; Pées và Chazeau với gói thầu thứ ba làm sườn nhà bằng sắt và các đồ sắt khác (kèm theo tập điều kiện thầu và bản ước tính giá chi tiết).

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

- Báo cáo số 1991/A ngày 6-8-1913 của Trưởng Ban Nhà cửa dân sự về việc hai ông Vương Hữu Khiêm và Nguyễn Văn Bôn xin nhượng lại gói thầu thứ nhất công trình mở rộng các phòng làm việc của Sở Ngân khố và xây dựng dinh Giám đốc Sở cho Công ty Phạm Văn Thao và Trần Văn Qui. Trưởng Ban Nhà cửa dân sự kiến nghị Thống sứ xem xét việc này cũng như thông qua bản dự thảo nghị định đính kèm liên quan đến việc trên.

Và một vài tài liệu khác...

CÔNG TRÌNH**CÁC KHU NHÀ CỦA
SỞ MỎ ĐỊA CHẤT ĐÔNG DƯƠNG**

Direction des Mines de l'Indochine
(1912-1944)

Tài liệu về các khu nhà này gồm 29 hồ sơ nằm trong các hộp 215 đến 220 thuộc khối tài liệu kiến trúc. Theo các hồ sơ này:

Sở Mỏ Địa chất Đông Dương có các công trình ở số 2 và số 6 phố Maréchal Gallieni (phố Phạm Ngũ Lão), số 6 phố Victor Hugo (phố Hoàng Diệu)

a. Toà nhà số 6 phố Maréchal Gallieni: gồm 3 toà nhà chính và khu công trình phụ.

- Toà nhà của Sở Địa chất.
- Toà nhà của Sở Mỏ và Công nghiệp Đông Dương.
- Toà nhà sưu tập còn gọi là Bảo tàng Địa chất.
- Khu công trình phụ.

Tài liệu về các công trình này gồm các bản thiết kế sơ bộ, thiết kế thi công và các văn bản có liên quan đến quá trình xây dựng và cải tạo từ 1912 đến 1944.

b. Phòng thí nghiệm hoá chất:

Ban đầu, Phòng thí nghiệm hoá chất nằm ở số 6 phố Maréchal Gallieni (vị trí này sau dùng làm Bảo tàng Địa chất). Năm 1918, một phòng thí nghiệm mới được xây dựng ở số 2 phố Maréchal Gallieni.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Tài liệu về công trình này không đầy đủ, còn lại chủ yếu là các văn bản có liên quan. Nhiều bản thiết kế, bản vẽ của công trình này đã bị thất lạc.

c. Khu nhà của Giám đốc Mỏ và Địa chất: được thi công năm 1921.

Tài liệu liên quan đến công trình này có các bản thiết kế tổng thể, các bản vẽ chi tiết và các văn bản khác.



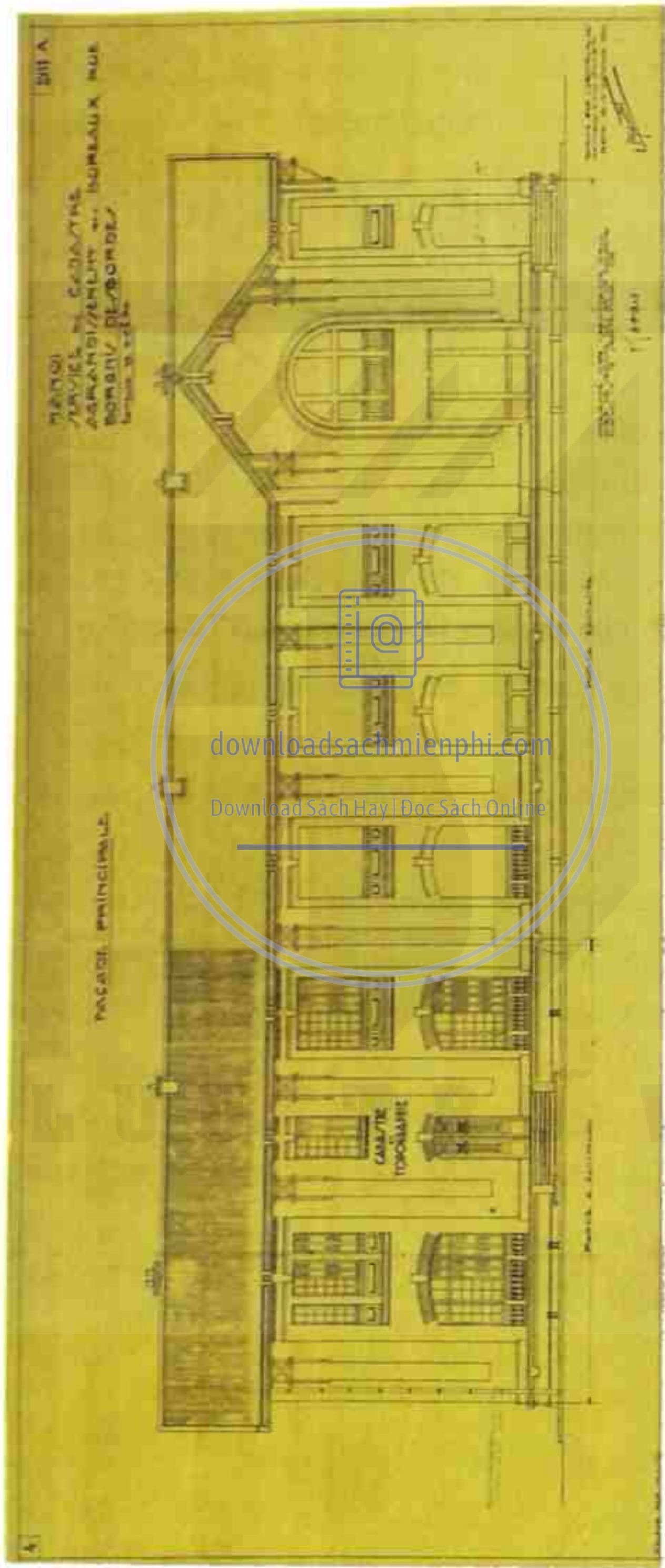
CÔNG TRÌNH
SỞ ĐỊA CHÍNH BẮC KỲ
Service du Cadastre du Tonkin
(1918-1943)

Tài liệu liên quan đến công trình này gồm 6 hồ sơ trong các hộp 164 đến 166, trong đó có tài liệu cải tạo sửa chữa, không có tài liệu thiết kế nên không xác định được thời gian xây dựng. Theo các tài liệu còn lại, công trình này gồm có 2 văn phòng, nhà ở của Giám đốc Sở, kho chứa và công trình phụ nằm trên phố Borgnis Desbordes (phố Tràng Thi).

Sau nhiều lần cải tạo, sửa chữa, công trình này chỉ còn 2 nhà chính là Văn phòng và nhà kho.

Tài liệu về công trình này được sắp xếp thành 6 hồ sơ, trong đó có các tài liệu về:

- Xây dựng mới một văn phòng năm 1918 (gồm các bản vẽ và các văn bản có liên quan).
- Mở rộng văn phòng của Sở Địa chính năm 1933 (gồm các bản vẽ và văn bản có liên quan).
- Cơi nới nhà văn phòng năm 1939.
- Xây dựng nhà kho bằng bê tông cốt thép năm 1924.
- Lắp đặt hệ thống điện, nước, cống rãnh và cột thu lôi năm 1934.
- Và một số tài liệu khác...



Bản vẽ mặt trước khu văn phòng của Sở Địa chính Bắc Kỳ (nay là Bảo hiểm xã hội Việt Nam) do kiến trúc sư Sở Nhà cửa dân sự Mondet lập năm 1933, tỷ lệ 1/50, kích thước gốc 42cm x 100cm.
KT - 165/2.

CÔNG TRÌNH**PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ NÔNG NGHIỆP**

**Chambre de Commerce et d'Agriculture
(1918-1943)**

Tài liệu về công trình Phòng Thương mại và Nông nghiệp tập trung trong hai khối tài liệu kỹ thuật và tài liệu hành chính.

A. TÀI LIỆU KỸ THUẬT: gồm 5 hồ sơ trong hộp 293 thuộc khối kiến trúc.

Theo tài liệu, trụ sở của cơ quan này trước năm 1936 ở phố Jules Ferry (đoạn phố Lê Thái Tổ ngày nay). Sau năm 1936 Phòng Thương mại và Nông nghiệp chuyển về phố Fourès (phố Đinh Lễ).

Tài liệu về công trình này ở 2 địa điểm gồm các bản vẽ và văn bản kèm theo từ năm 1918 đến 1943.

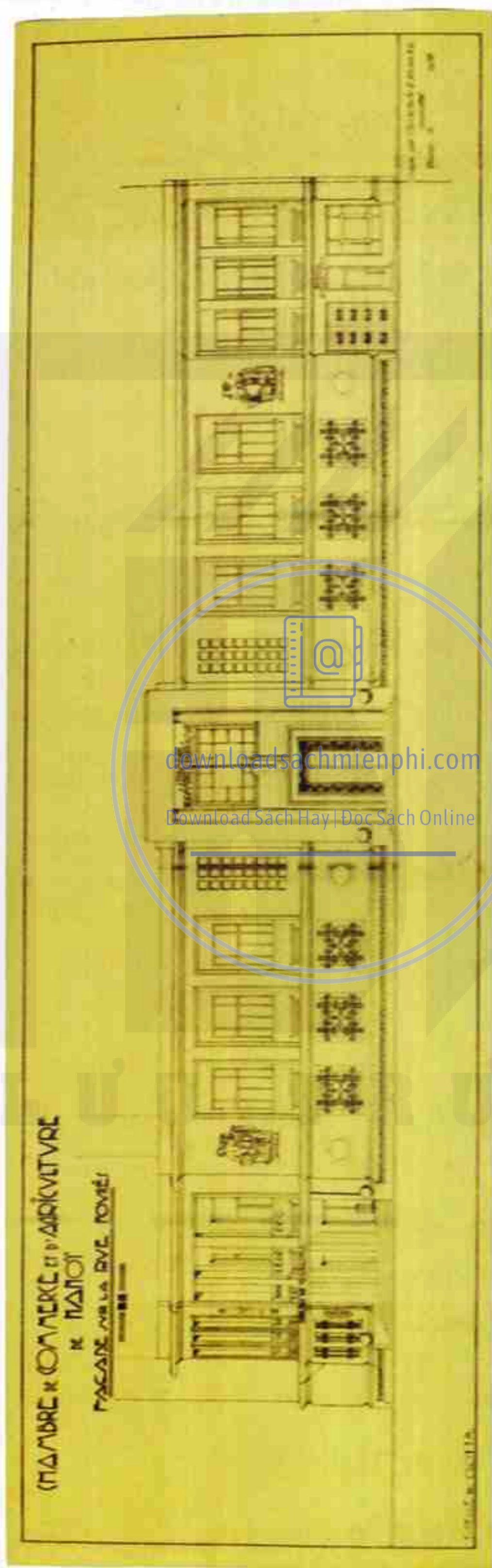
B. TÀI LIỆU HÀNH CHÍNH: có 2 hồ sơ:

1. TPT - 346

Réparations diverses aux murs, bâtiments et bureaux de la Chambre de Commerce et d'Agriculture de Hanoï 1905-1915.

Về việc sửa chữa tường, các toà nhà và phòng làm việc của Phòng Thương mại và Nông nghiệp Hà Nội 1905-1915.

Hồ sơ gồm khoảng 61 tờ, trong đó có:



Bản vẽ mặt trông ra phố Đình Lễ của Phòng Thương mại và Nông nghiệp Hà Nội (nay là Bưu điện Trung tâm số 1) được lập năm 1938, tỷ lệ 1/100, kích thước gốc 30cm x 90cm.

KT - 293/1.

- Trích biên bản cuộc họp ngày 18-11-1903 của Phòng Thương mại Hà Nội bàn về việc tu sửa bức tường rào của Phòng Thương mại Hà Nội bằng cách phá bỏ hàng rào gỗ và xây cao bức tường thêm 4 mét. Ngoài ra, còn có ý kiến nên thay thế cửa chắn gỗ bằng một cửa chính làm bằng sắt.
- Công văn trao đổi trong thời gian từ 1905-1915 giữa Trưởng Phòng Thương mại Bắc Kỳ, Thống sứ Bắc Kỳ, Trưởng Khu Công chính Bắc Kỳ về việc rải lại đá đại lộ Borgnis Desbordes (phố Tràng Thi) một trong những đường dẫn tới Phòng Thương mại Bắc Kỳ; sửa sang nhà ở của Thư ký - Lưu trữ viên, Phòng Thương mại và lựa chọn địa điểm cho phòng thí nghiệm nông nghiệp... (kèm theo các bảng ước tính giá).
- Thông tri số 1932-A ngày 24-5-1913, số 1931/A ngày 30-6-1913 và số 1932/A ngày 2-7-1913 của Thanh tra các Công trình dân sự gửi Trưởng Ban Nhà cửa dân sự Bắc Kỳ thông báo bảng ước tính giá việc sửa sang toà nhà chính của Phòng Thương mại Hà Nội dự kiến là 790 đồng Đông Dương và với chi phí không đáng kể như vậy thì chỉ cần tổ chức đấu thầu công trình trong phạm vi nội bộ. Theo đó, ông Tru Xuân Dục trúng gói thầu thứ nhất và ông Barry trúng gói thầu thứ hai (kèm theo cam kết của các nhà thầu).
- Báo cáo số 1030 ngày 9-11-1915 của Trưởng Ban Nhà cửa dân sự đề nghị Thống sứ Bắc Kỳ cho mở khoản tín dụng là 300 đồng Đông Dương để tu sửa các phòng làm việc của Phòng Nông nghiệp và Thương mại Hà Nội.

Và một số tài liệu khác...

2. TPT - 351

Acquisition de l'Hôtel du Lac rue Jules Ferry pour y installer la Chambre de Commerce et d'Agriculture (Hanoï) 1918.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Về việc mua khách sạn phố Jules Ferry để lập Phòng Thương mại và Nông nghiệp (Hà Nội) 1918.

Hồ sơ gồm 7 tờ, trong đó có:

- Công điện số 3280 ngày 3-7-1918 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Trưởng Khu Bắc Kỳ về việc Công sản thuộc địa có thể mua tiệm cà phê - khách sạn Lion phố Jules Ferry (phố Hàng Trống) và đề nghị để Trưởng Ban Nhà cửa dân sự thẩm định toà nhà này.
 - Báo cáo số 420/A ngày 16-7-1918 của Trưởng Ban Nhà cửa dân sự về việc Phủ Toàn quyền định mua khách sạn phố Jules Ferry, Hà Nội để lập Phòng Thương mại và Nông nghiệp do trụ sở của Phòng Thương mại và Nông nghiệp hiện nay tại phố Borgnis Desbordes có thể được dùng làm Sở Lưu trữ và Thư viện của Phủ Toàn quyền. Theo báo cáo, nhìn chung chất lượng toà nhà không còn tốt, các nhà phụ thuộc và công trình phụ phần lớn được xây dựng từ nguyên liệu cũ theo nhu cầu và không có sự gắn kết, do vậy nên xem xét kỹ tình trạng cũ nát cũng như giá trị của những công trình này đồng thời nghiên cứu một công trình mới khác dành cho Phòng Thương mại và Nông nghiệp, đáp ứng nhu cầu của hai cơ quan này.
- Và một số tài liệu khác...

L U U T R U V N

CÔNG TRÌNH SỞ HỌC CHÍNH

Direction de l'Instruction Publique
(1922-1929)

Tài liệu về công trình này có 5 hồ sơ trong hộp 309 thuộc khối tài liệu kiến trúc. Theo tài liệu, công trình nằm quay ra đại lộ Rollandes (phố Hai Bà Trưng) và đại lộ Jauréguiberry (phố Quang Trung) gồm Văn phòng của Sở Học chính và biệt thự của Giám đốc được xây dựng năm 1921-1922.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

L U U T R U V N

CÔNG TRÌNH

SỞ TÀI CHÍNH VÀ TRƯỚC BẠ

Direction des Finances et de l'Enregistrement
(1923-1943)

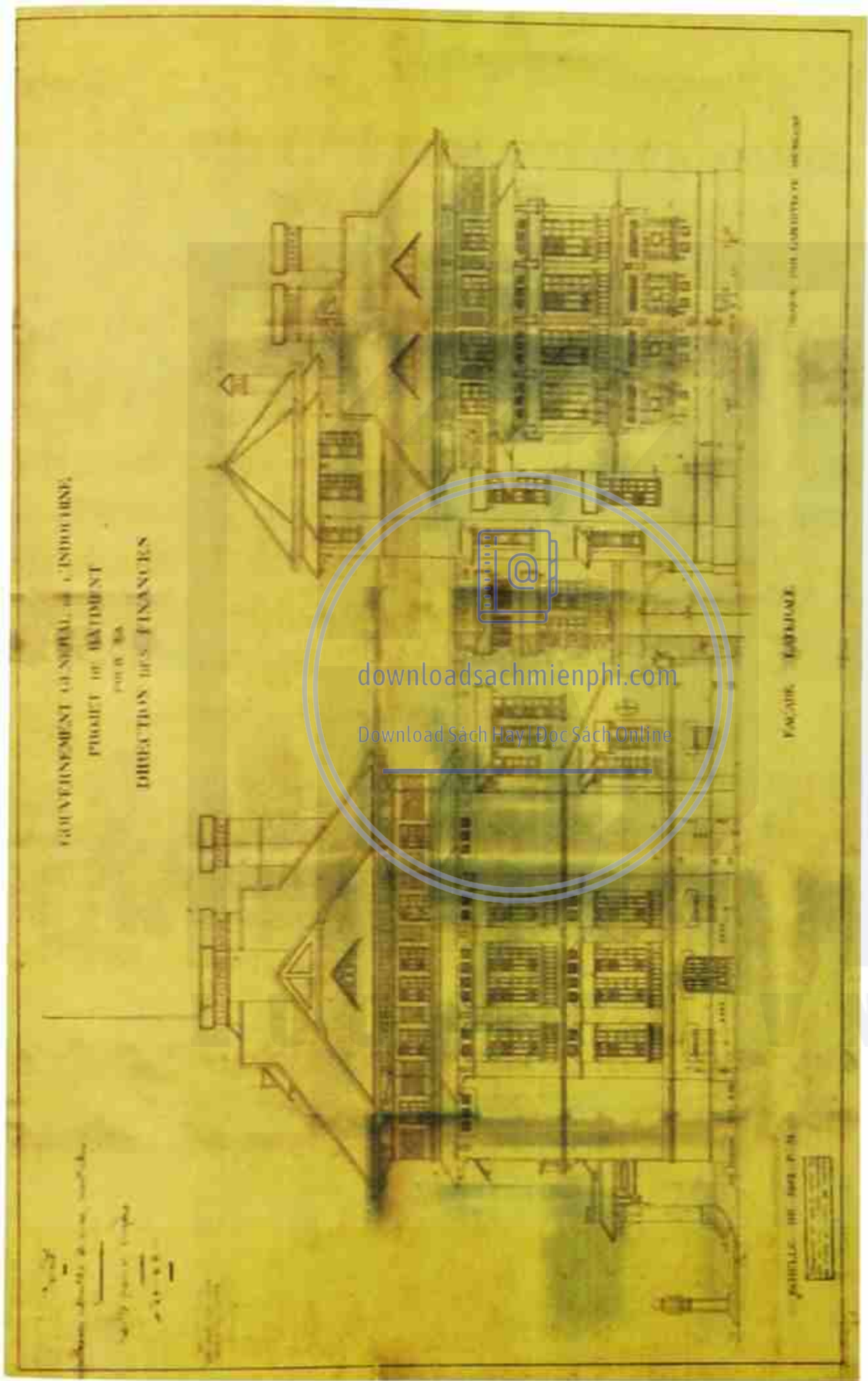
Tài liệu về công trình Sở Tài chính và Trước bạ ở Hà Nội gồm hai khối tài liệu kỹ thuật và tài liệu hành chính.

A. TÀI LIỆU KỸ THUẬT có 59 hồ sơ trong các hộp từ 238 đến 246.

Theo tài liệu, cơ quan của Sở Tài chính Đông Dương trước 1923 nằm cùng địa điểm với biệt thự của Phó Toàn quyền ở gần hồ Hoàn Kiếm. Cuối 1923 chính quyền thực dân có dự kiến xây dựng trụ sở cho cơ quan này. Cuối năm 1924, để án xây dựng Sở Tài chính Trước bạ ở khu Phủ Toàn quyền được duyệt và ngày 31-1-1925 thì bỏ thầu (Hãng Verneuil & Graverand trúng thầu). Công trình bắt đầu thi công vào đầu tháng 4 năm 1925 đến 21-5-1927 thì nghiệm thu tạm thời và tháng 5 năm 1928 nghiệm thu chính thức.

Toà nhà này dùng cho 2 cơ quan: Sở Tài chính (Direction des Finances) và Sở Trước bạ (Sous - Direction de l'Enregistrement). Khu công trình này gồm 2 nhà: nhà 3 tầng ở phía trước là Nhà của Sở Tài chính và nhà 2 tầng ở phía sau là nhà của Sở Trước bạ. Hai nhà nối với nhau bằng 1 hành lang.

Hiện nay, công trình Sở Tài chính và Trước bạ ở Hà Nội do Bộ Ngoại giao quản lý và sử dụng.



Bản thiết kế sơ bộ mặt trước tòa nhà Trước bạ thuộc Sở Tài chính Đông Dương (nay là trụ sở của Bộ Ngoại giao) do kiến trúc sư Ernest Hébrard lập năm 1924, tỷ lệ 1/100, kích thước gốc 70cm x 150cm.
KT-239/28.

CÔNG TRÌNH

KHO, XƯỞNG CỦA NHÀ BƯU ĐIỆN

(1923)

Công trình nhà kho, xưởng của Nhà Bưu điện được tiến hành xây dựng vào năm 1923 và được hoàn thành vào năm 1926 ở phố Félix Faure (phố Trần Phú). Trước đó, nhà kho và xưởng của Nhà Bưu điện nằm ở phố Leclanger (phố Lê Phụng Hiểu). Công trình này gồm 1 nhà 2 tầng là nhà ở cho Trưởng kho, 1 nhà 2 tầng là kho và phòng làm việc của kế toán, 1 xưởng thợ, 1 dãy nhà kho gửi hàng loại 1 tầng và 2 nhà vệ sinh.

Tài liệu về công trình này tương đối đầy đủ, có 15 hồ sơ gồm các bản thiết kế và các văn bản liên quan đến đấu thầu và thi công công trình.

Công trình này hiện nay do Xí nghiệp Bưu điện truyền thanh quản lý và sử dụng.

L U U T R U V N

CÔNG TRÌNH**PHÒNG THÍ NGHIỆM XÉT NGHIỆM HÀNG LẬU
VÀ BÀO CHẾ TRUNG ƯƠNG**

Laboratoire d'Hygiène et de Repression des Fraudes
et Pharmacie Centrale
(1923)

Tài liệu về công trình Phòng Thí nghiệm, xét nghiệm hàng lậu và Bào chế Trung ương có 7 hồ sơ nằm trong hộp 440 thuộc khối tài liệu kiến trúc, bao gồm hai công trình.

Theo tài liệu, công trình Phòng thí nghiệm và xét nghiệm hàng lậu được chuyển về ngôi nhà trước năm 1923 là Trường Cao đẳng ở phố Jules Ferry (phố Hàng Trống).

Công trình Viện Bào chế Trung ương trước ở phố Julien Blanc (phố Phủ Doãn), đến 1946 chuyển về phố Jules Ferry.

Tài liệu về 2 công trình này được sắp xếp thành 7 hồ sơ gồm các tài liệu liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo từ 1923 đến 1941 (công trình Phòng thí nghiệm) và năm 1946 (công trình Viện Bào chế).

LƯU TRỮ VN

CÔNG TRÌNH**PHÒNG KỸ THUẬT NHÀ BƯU ĐIỆN**

**Service technique des Postes Téléphones et Télégraphes
(1923-1924)**

Tài liệu về công trình Phòng Kỹ thuật Nhà Bưu điện còn lại không đầy đủ, gồm 11 hồ sơ trong hộp 174 thuộc khối tài liệu kiến trúc, trong đó có các tài liệu về thiết kế, thi công và nghiệm thu công trình và một số tài liệu về mở rộng công trình này.

Công trình này gồm 1 nhà 2 tầng và 1 nhà phụ 1 tầng, được xây dựng trên đường Brière de l'Isle (phố Hùng Vương) vào tháng 10-1924 và hoàn thành vào năm 1925.

Công trình Phòng Kỹ thuật Nhà Bưu điện ngày nay do cơ quan điện báo Trung ương quản lý và sử dụng.

L U U T R U V N

CÔNG TRÌNH
SỞ NÔNG NGHIỆP
Service Agricole
(1925-1930)

Công trình Sở Nông nghiệp được xây dựng từ năm 1925 trên đại lộ Amiral Courbet (phố Lý Thái Tổ), hoàn thành vào năm 1927. Trước 1925, Sở này nằm trong khu vực Văn phòng Phủ Thống sứ Bắc Kỳ ở đại lộ Henri Rivière (phố Ngô Quyền).

Tài liệu về công trình này tương đối đầy đủ gồm 7 hồ sơ nằm trong hộp 221 thuộc khối tài liệu kiến trúc trong đó có các bản thiết kế sơ bộ và các bản thiết kế thi công cùng một số văn bản hướng dẫn kèm theo.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

L U U T R U V N

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

CÔNG TRÌNH SỞ LÂM NGHIỆP Service Forestier (1927-1945)

Tài liệu về công trình Sở Lâm nghiệp có 6 hồ sơ nằm trong hộp 233 thuộc khối kiến trúc, gồm các bản thiết kế cải tạo, sửa chữa và các công văn có liên quan từ năm 1927 đến 1945.

Theo tài liệu, công trình này nằm ở phố Lạc (phố Hàng Dầu) và đại lộ Francis Garnier (phố Đinh Tiên Hoàng). Hiện nay, công trình này được Xí nghiệp truyền thanh Hà Nội quản lý và sử dụng.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

L U U T R U V N

CÔNG TRÌNH**XƯỞNG CHẾ TẠO DỤNG CỤ TINH XẢO
VÀ XƯỞNG ĐÚC TIỀN**

Atelier de précision et de monnaies
(1939-1943)

Tài liệu về hai công trình này gồm 7 hồ sơ trong các hộp từ 296 đến 302 thuộc khối tài liệu kiến trúc.

Theo tài liệu, từ trước năm 1940, chính quyền thực dân dự định xây hai xưởng này cạnh nhau ở phố Bạch Mai (gần Bệnh viện Bạch Mai), nhưng sau không thực hiện được.

Năm 1941, Xưởng chế tạo dụng cụ tinh xảo được xây dựng ở phố Hàng Dẫy. Một số nhà ở phố Lò Đúc được sửa chữa lại để làm xưởng đúc tiền.

L U U T R U V N

CÔNG TRÌNH**TRẠM THU VÔ TUYẾN ĐIỆN TRUNG TÂM**

Bureau central de réception du Service Radioélectrique
(1940-1943)

Tài liệu về công trình này gồm 12 hồ sơ trong hộp 204 thuộc khối tài liệu kiến trúc, nhưng không có tài liệu về việc xây dựng mà chỉ còn tài liệu về mở rộng và sửa chữa từ 1940 đến 1943.

Công trình Trạm thu vô tuyến điện Trung tâm gồm 1 toà nhà chính 2 tầng, tầng gác dùng làm chỗ ở cho Trưởng trạm, tầng dưới có các phòng làm việc. Công trình này được xây dựng năm 1920 trên phố Concession (phố Phạm Ngũ Lão) thuộc Sở Thương chính, năm 1927 chuyển giao cho Sở Vô tuyến điện làm Trạm thu.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

L U U T R U V N

III. KHỐI CÔNG SỞ VĂN HOÁ

CÔNG TRÌNH

NHÀ HÁT LỚN HÀ NỘI

Théâtre municipal
(1901-1916)

Tài liệu về công trình Nhà Hát lớn tập trung ở hai khối tài liệu kỹ thuật và tài liệu hành chính.

A TÀI LIỆU KỸ THUẬT: gồm 3 hồ sơ nằm trong hộp 565 đến 567 thuộc khối kiến trúc, nhưng chỉ có hồ sơ liên quan đến việc hoàn thành công trình từ 1908 đến 1916.

bookykhoea.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

B TÀI LIỆU HÀNH CHÍNH: gồm các hồ sơ sau:

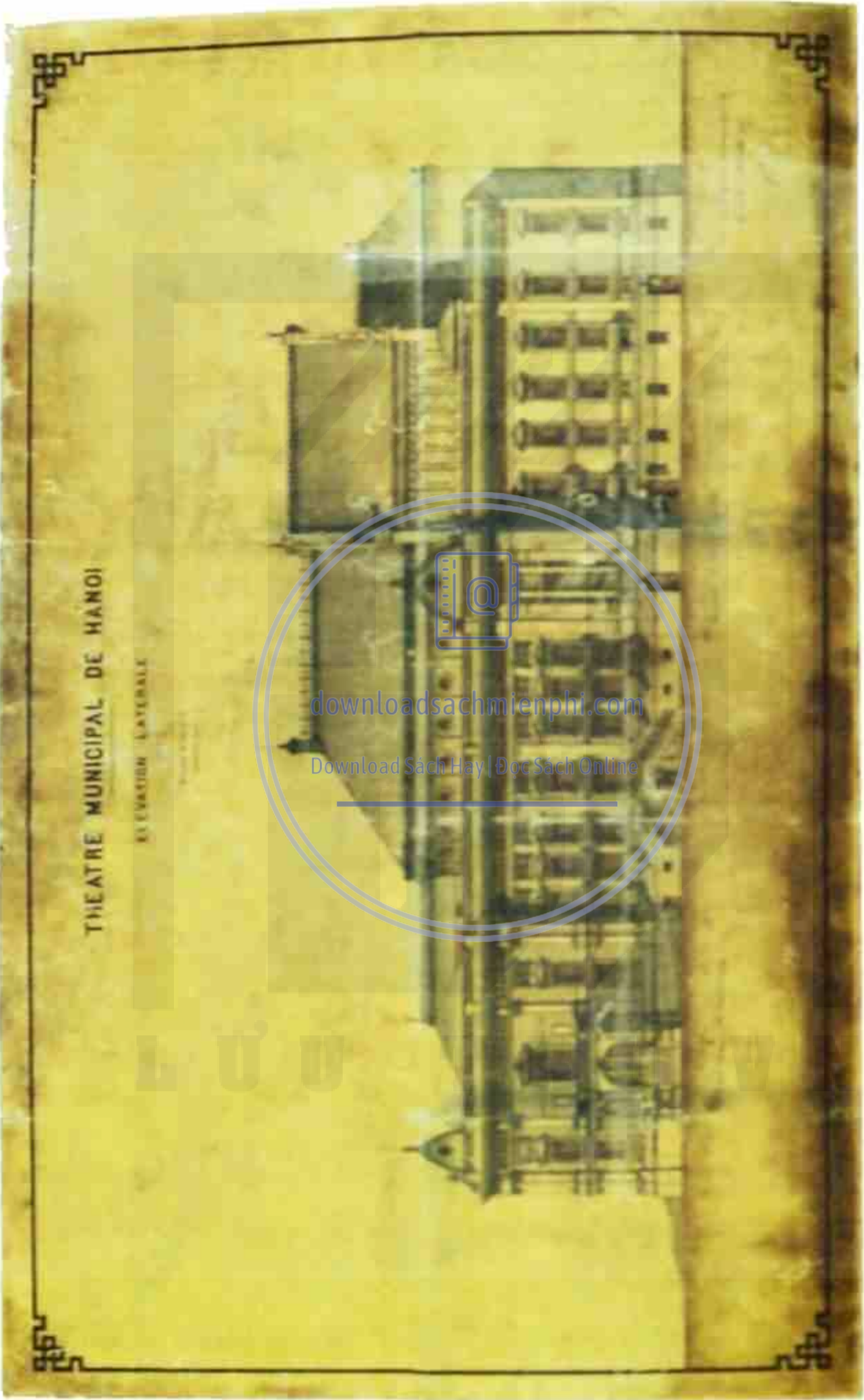
1. TPT - 127

Construction d'un Théâtre municipal à Hanoi 1904-1906

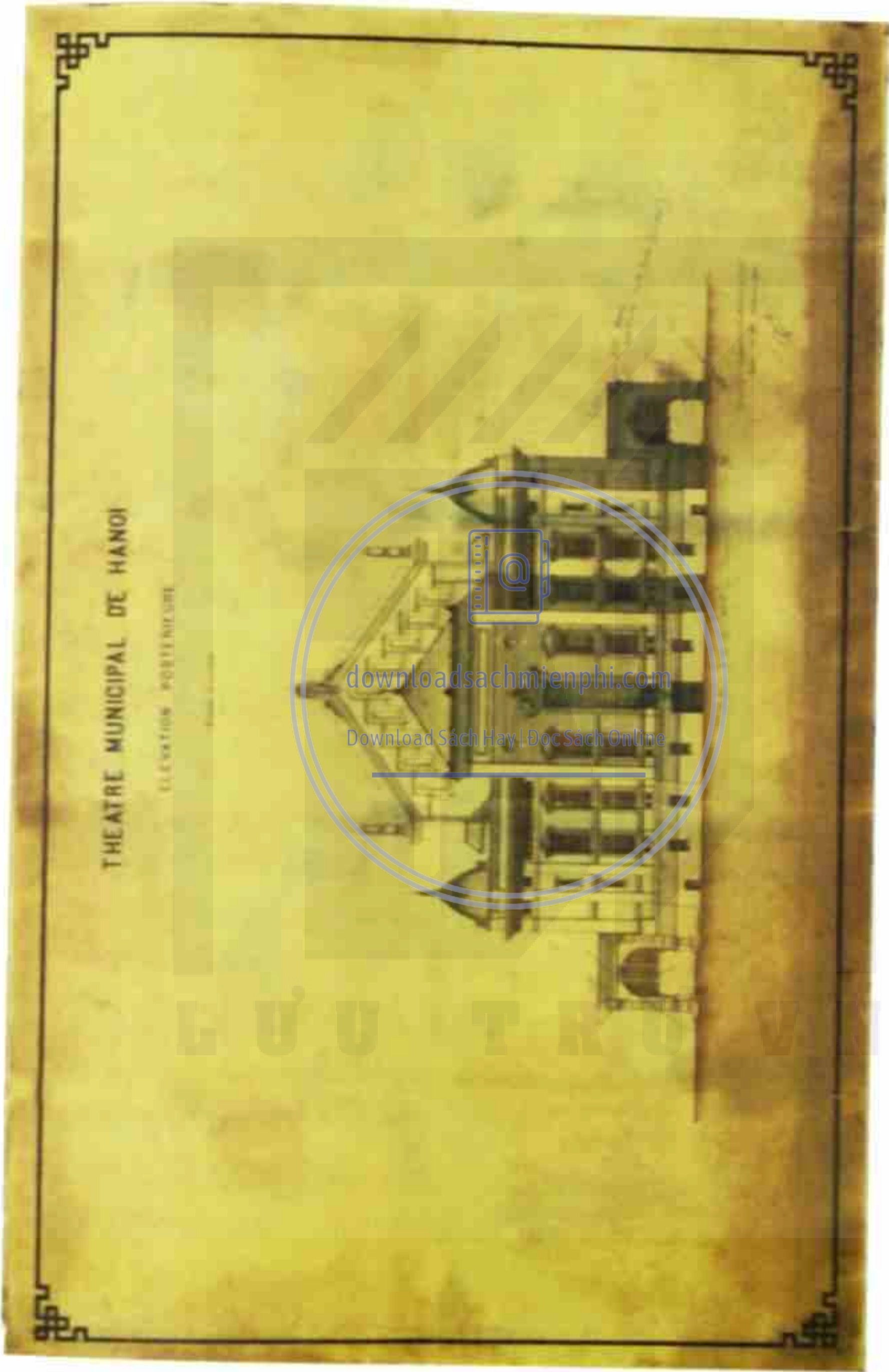
Xây dựng Nhà hát Thành phố Hà Nội 1904-1906.

Hồ sơ có 32 tờ gồm :

- Công văn ngày 7-3-1904 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ đề nghị phê chuẩn hai bảng giá bổ sung liên quan đến việc xây dựng Nhà hát Thành phố.
- Công văn ngày 11-3-1904 và 17-10-1904 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Giám đốc Khu Công chính Bắc Kỳ đề nghị cho ý kiến về hai bảng kê bổ sung giá liên quan đến việc xây dựng và hoàn thiện Nhà hát Thành phố.



Bản vẽ mặt đứng bên của Nhà hát Lớn Thành phố Hà Nội do Harlay. Chánh Thanh tra Sở Nhà của dân sự lập năm 1905, tỷ lệ 1/10, kích thước gốc 70cm x 110cm.
KT - 567/3.



Bản vẽ mặt đứng sau của Nhà hát Lớn Thành phố Hà Nội do Harlay, Chánh Thanh tra Sở Nhà cửa dân sự lập năm 1905, tỷ lệ 1/100, kích thước gốc 40cm x 70cm, KT - 567/3.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

• Công văn 4-12-1905 của Đốc lý Hà Nội gửi Giám đốc Sở Công chính Bắc Kỳ đề nghị cử một công chức của Ban Nhà cửa dân sự tham gia vào hội đồng tiếp nhận công trình xây dựng Nhà hát Thành phố Hà Nội.

Và một số tài liệu khác...

2. RST - 21570

Travaux d'aménagement du Théâtre de la Ville de Hanoï 1911-1913.

Công việc chỉnh trang Nhà hát Thành phố Hà Nội 1911-1913.

Hồ sơ gồm 57 tờ, trong đó có:

- Công văn số 17 ngày 6-1-1911 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc thanh toán tiền cho công trình Nhà hát Thành phố bằng tiền bán nhà và đất của Nhà hát ở phố Takou (Hàng Cót).
- Trích biên bản phiên họp ngày 4-2-1911 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc phê chuẩn tập điều kiện đấu thầu chỉnh trang Nhà hát Thành phố Hà Nội.
- Biên bản đấu thầu mở ngày 28-2-1911, gói thầu số 1 về các công việc xây trát bèn trong, đổ mộc và mái che bằng kính để hoàn thiện công trình Nhà hát Thành phố. Kết quả là ông Pées & Chazeau đã trúng thầu.
- Biên bản đấu thầu mở ngày 28-2-1911, gói thầu số 2 về việc xây dựng buồng chiếu cho Nhà hát Thành phố. Kết quả là Công ty của Gaussin đã trúng thầu.
- Biên bản đấu thầu mở ngày 28-2-1911, gói thầu số 3 về việc quét sơn, làm kính và nội thất cho Nhà hát Thành phố. Kết quả là ông Barry đã trúng thầu.
- Công văn số 508 ngày 26-4-1911 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc đấu thầu cung cấp máy móc thiết bị và nội thất cho Nhà hát mới của Thành phố.

- Bản vẽ mặt cắt ngang cầu thang Nhà hát Thành phố Hà Nội, do kỹ sư Bussy thực hiện ngày 8-4-1913, kích thước 35 x 60cm, tỷ lệ 0,01pm.
- Bản vẽ mặt cắt dọc phòng diễn viên của Nhà hát Thành phố Hà Nội, do kỹ sư Bussy thực hiện ngày 8-4-1913, kích thước 29,5 x 71cm, tỷ lệ 0,02pm.

3. RST - 21571

Travaux de construction du Théâtre municipal de Hanoï 1900-1904.

Công trình xây dựng Nhà hát Thành phố Hà Nội 1900-1904.

Hồ sơ gồm 142 tờ, trong đó có:

- Trích biên bản phiên họp ngày 30-3-1900 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc xây dựng một Nhà hát mới ở Thành phố Hà Nội. Trong buổi họp, Hội đồng Thành phố thể hiện mong muốn có một Ủy ban kỹ thuật để đánh giá bản đồ xây dựng Nhà hát.
- Nghị định số 398 ngày 25-5-1900 của Thống sứ Bắc Kỳ thành lập một Ủy ban để đánh giá các bản đồ để xây dựng Nhà hát Thành phố. Ủy ban này gồm 6 thành viên, do Đốc lý Hà Nội làm Chủ tịch.
- Công văn số 107 ngày 19-1-1901 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội về việc vay tiền để xây dựng Nhà hát.
- Biên bản đấu thầu xây dựng Nhà hát Thành phố mở ngày 25-4-1901. Kết quả là Charavy và Savelon đã trúng thầu toàn bộ công trình.
- Tập điều kiện đấu thầu công trình Nhà hát Thành phố Hà Nội ngày 25-4-1901.
- Nghị định số 3255 ngày 16-12-1902 của Toàn quyền Đông Dương cho Thành phố Hà Nội vay trước 100.000 đồng để xây dựng Nhà hát. Khoản vay này sẽ phải trả hàng năm trong vòng 10 năm, mỗi năm là 10.000 đồng Đông Dương kể từ ngày 1-1-1903.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Công văn số 106/C ngày 15-1-1904 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương báo cáo tình hình khó khăn về tài chính cho công trình Nhà hát Thành phố.
 - Báo cáo số 61/C của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Hội đồng Bảo hộ về những khó khăn về tài chính cho công trình xây dựng Nhà hát và đề xuất một số giải pháp để Toàn quyền Đông Dương quyết định.
 - Nghị định ngày 21-3-1904 của Toàn quyền Đông Dương trợ cấp cho Thành phố Hà Nội 100.000 đồng Đông Dương để tiếp tục xây dựng Nhà hát.
 - Nghị định số 1752 ngày 14-6-1904 của Toàn quyền Đông Dương miễn cho Thành phố Hà Nội 90.000 đồng Đông Dương trong số 100.000 đồng tiền vay năm 1902 cho việc xây dựng Nhà hát.
- Và một số tài liệu khác...



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

4. RST - 21577

Au sujet du nouveau théâtre de Hanoi 1909.

Về Nhà hát mới của Hà Nội 1909.

Hồ sơ gồm 45 tờ, trong đó có:

- Trích biên bản phiên họp ngày 12-2-1909 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về việc đấu thầu các công việc liên quan đến các công việc trát tường, bảo vệ cho Nhà hát Hà Nội.
- Trích biên bản phiên họp ngày 11-5-1909 của Hội đồng Thành phố Hà Nội liên quan đến các công việc để sớm hoàn thành công trình Nhà hát Thành phố Hà Nội. Hội đồng đề nghị thông qua tập điều kiện đấu thầu các công việc về trát tường, trang trí mặt tiền, đồ mộc, hàng rào sắt, mái che lợp kính hai bên...
- Bản thông báo đấu thầu các công việc để hoàn tất công trình Nhà hát Thành phố Hà Nội, ngày 1-9-1909.

5. RST - 21579

Achèvement du nouveau Théâtre de Hanoï 1904-1907.

Hoàn thành công trình Nhà hát mới của Hà Nội 1904-1907.

Hồ sơ gồm 146 tờ, trong đó có:

- Công văn số 106/C ngày 15-1-1904 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương báo cáo về những khó khăn tài chính liên quan đến việc xây dựng Nhà hát Thành phố Hà Nội.
- Báo cáo số 61/C ngày 23-2-1904 của Thống sứ Bắc Kỳ lên Hội đồng Bảo hộ Bắc Kỳ về việc cấp thêm ngân sách để tiếp tục công trình Nhà hát Thành phố.
- Nghị định số 1752 ngày 14-6-1904 của Toàn quyền Đông Dương miễn cho Thành phố Hà Nội 90.000 đồng Đông Dương tiền vay trong số 100.000 đồng phải trả để tạo điều kiện cho việc xây dựng Nhà hát Thành phố.
- Báo cáo số 621/C ngày 20-3-1906 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương về các biện pháp của Thành phố Hà Nội để đảm bảo việc hoàn thành công trình Nhà hát Thành phố.
- Bảng dự chi ngân sách cho Thành phố Hà Nội năm 1907 (lập ngày 15-6-1906).
- Trích biên bản phiên họp ngày 28-2-1907 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về dự kiến vay tiền để hoàn thành công trình Nhà hát Thành phố.

Và nhiều tài liệu khác...

6. RST - 21581

Au sujet de l'achèvement du Théâtre de Hanoï 1907-1908.

Về việc hoàn thành công trình Nhà hát Hà Nội 1907-1908.

Hồ sơ gồm 8 tờ, trong đó có:

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Công văn số 4650 ngày 29-11-1908 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội về dự án hoàn tất công trình Nhà hát Hà Nội của Nhà thầu Louis Vola.
- Công văn số 5631/A ngày 29-6-1908 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc dự án của Vola không phù hợp với quyết định về cách thực hiện của Hội đồng Thành phố Hà Nội ngày 4-12-1907.

7. RST - 21582

Au sujet de l'achèvement du Théâtre de Hanoï 1907-1908.

Về việc hoàn thành công trình Nhà hát Thành phố Hà Nội 1907-1908.

Hồ sơ gồm 38 tờ, trong đó có:

- Công văn số 668/C ngày 30-3-1907 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội về dự kiến vay tiền để tiếp tục xây dựng Nhà hát.
- Công văn số 451/A ngày 15-3-1907 của Đốc lý Hà Nội gửi Thống sứ Bắc Kỳ về kinh phí để hoàn thành công trình Nhà hát.
- Trích biên bản phiên họp ngày 4-12-1907 của Hội đồng Thành phố Hà Nội về kinh phí để hoàn thành công trình Nhà hát Thành phố Hà Nội.
- Công văn số 1603 ngày 3-3-1908 của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Đốc lý Hà Nội về việc trợ cấp 40.000 đồng Đông Dương cho Thành phố Hà Nội để hoàn thành công trình Nhà hát.

Và các tài liệu khác...

CÔNG TRÌNH
BẢO TÀNG MAURICE LONG
Musée Maurice Long
(1901-1943)

Trước năm 1924, vị trí của Bảo tàng Maurice Long là Khu Đấu xảo Hà Nội được xây dựng từ năm 1901-1902.

Tài liệu về công trình Bảo tàng Maurice Long có một số bản vẽ và các văn bản kèm theo từ năm 1901 đến 1943 về xây dựng, sửa chữa và cải tạo công trình. Những tài liệu này được sắp xếp thành 16 hồ sơ nằm trong hộp 294- 295.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LƯU TRỮ VN

CÔNG TRÌNH

SỞ LƯU TRỮ VÀ THƯ VIỆN ĐÔNG DƯƠNG

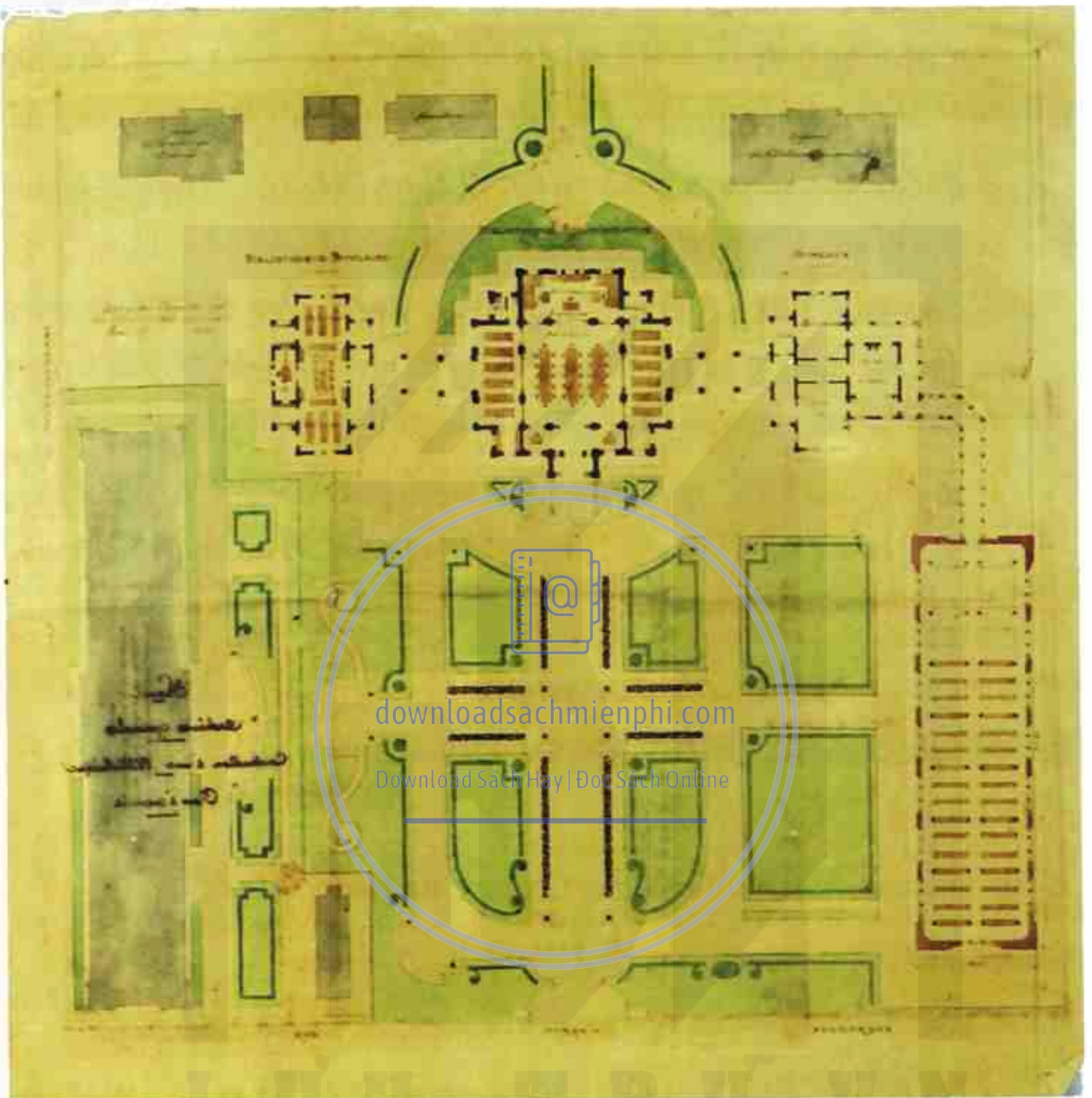
Direction des Archives et Bibliothèques de l'Indochine
(1903-1956)

Công trình Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương được xây dựng trên khu đất của Nha Kinh lược Bắc Kỳ nằm giữa phố Borgnis Desbordes (phố Tràng Thi), Jauréguiberry (phố Quang Trung) và đại lộ Rollandes (phố Hai Bà Trưng).

Tài liệu về công trình Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương được sắp xếp thành 39 hồ sơ tài liệu kỹ thuật và 3 hồ sơ tài liệu hành chính, trong đó có các tài liệu về lịch sử khu đất, quá trình xây dựng, sửa chữa và cải tạo các hạng mục nói trên và việc xây dựng hệ thống cống thoát nước cho công trình từ 1903 đến 1956.

A. TÀI LIỆU KỸ THUẬT: gồm 39 hồ sơ nằm trong hộp từ 558 đến 564 thuộc khối tài liệu kiến trúc, bao gồm:

- *Kho sách: được xây dựng vào năm 1905. Tài liệu về quá trình xây dựng nhà này không còn, chỉ còn tài liệu về những đợt sửa chữa và mở rộng công trình.*
- *Phòng đọc: trước đó là nơi làm việc và phòng họp của Phòng Thương mại, được xây dựng trước 1905 vì khi nghiên cứu xây dựng kho sách năm 1905, ngôi nhà này đã có. Sau đó, Phòng đọc được cải tạo và mở rộng năm 1919 và 1938.*
- *Nhà của Giám đốc nằm ở góc phố Jauréguiberry và đại lộ Rollandes, xây dựng năm 1908 và được sửa chữa 2 lần vào các năm 1922 và 1937.*



Bản vẽ tổng thể Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương (nay là Thư viện Quốc gia) do Chánh Thanh tra Nhà cửa dân sự lập năm 1920, kích thước gốc 65cm x 80cm.
KT-558.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Kho lưu trữ được xây dựng năm 1921 và hoàn thành năm 1925. Nhà kho có 4 tầng, 1 tầng hầm và 1 tầng trần. Toàn bộ giá, tủ đựng tài liệu được đóng năm 1923. Năm 1925, một thang máy được lắp đặt để di chuyển tài liệu. Tài liệu về ngôi nhà này tương đối đầy đủ.
- Phòng họp: được xây năm 1956. Tài liệu về việc xây dựng phòng họp chỉ còn 9 bản vẽ.
- Nhà cầu: nhà nối liền Kho sách qua Phòng đọc đến Kho lưu trữ được xây dựng làm 2 đợt năm 1924-1925 và 1935-1937. Tài liệu về quá trình xây dựng nhà này còn tương đối đầy đủ.
- Những nhà khác: gồm phòng làm việc của Giám đốc và nhân viên, nhà ở của Phó Giám đốc, phòng thí nghiệm... Tài liệu về các nhà trên phần lớn không còn.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

B. TÀI LIỆU HÀNH CHÍNH: gồm 3 hồ sơ.

1. TPT - 328

Aménagement de la Bibliothèque Centrale de Hanoï 1918.

Cải tạo Thư viện Trung ương Hà Nội 1918.

Hồ sơ gồm 59 tờ và 14 trang, trong đó có:

- Dự án xây dựng một kho lưu trữ và một thư viện tại Hà Nội gồm các phần sau:
 - Đất: Công trình xây dựng này cần diện tích tối thiểu là $7.000m^2$, chiều dài chiếm $100m^2$ và chiều rộng là $70m^2$ đồng thời phải đảm bảo được không khí, ánh sáng và nhất là sự cách nhiệt cần thiết.
 - Các khu nhà: Các khu nhà cần xây bao gồm: 1- Phần chính có tổng chiều dài là 76 mét, chiều rộng 16 mét. 2-Hai toà quay vào và ở phía cuối với độ dài 24 mét và độ rộng là 12 mét. 3- Một toà làm

nhà ở cho Trường kho. 4- Một chòi cho nhân viên gác cổng và nhân viên chạy giấy...

- Nguyên vật liệu: Chủ yếu là cốt thép, mái tôn thép...

- Hệ thống chiếu sáng: Cần khoảng 150 bóng đèn.

- Hệ thống sưởi và thông gió: Lò sưởi sẽ được đặt trong các phòng làm việc và ba phòng đọc. Những chiếc quạt trần sẽ đảm bảo việc thông gió nhất là cho bộ phận phòng đọc. Dự kiến cần ít nhất 10 chiếc quạt.

• Báo cáo số 364/A ngày 17-7-1918 của Trường Ban Nhà cửa dân sự về dự án xây dựng một kho lưu trữ và một thư viện tại Hà Nội cho Sở Lưu trữ và Thư viện của Phủ Toàn quyền. Chi phí thực hiện công trình dự kiến là 70.600 đồng Đông Dương, bao gồm việc sửa sang các toà nhà đã có từ trước đó là toà nhà trung tâm và các phòng ban của Phòng Thương mại, kể cả các đồ đạc trong phòng và hệ thống chiếu sáng; xây kho lưu trữ (toà nhà một tầng có thể chứa ít nhất 48.000 hồ sơ)...

• Thông tri số 1135/A ngày 15-9-1920 của Trường Ban Nhà cửa dân sự về việc gửi hồ sơ đấu thầu xây một thư viện vào năm 1918 theo quyết định của Toàn quyền Albert Sarraut và bổ nhiệm ông Boudet làm Giám đốc. Thời hạn thi công các phần móng, tường và mái là 15 tháng, các hạng mục này sẽ hoàn thành vào tháng ba hoặc tháng tư năm 1922.

• Báo cáo số 24/A ngày 6-7-1921 của Trường Ban Nhà cửa dân sự về việc trình dự án đấu thầu công trình xây dựng một thư viện tại Hà Nội. Dự thảo này được lập theo chương trình do Giám đốc Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương đưa ra và phê duyệt vào ngày 5-7-1921. Thời hạn thi công các phần móng, tường và mái là 15 tháng, các hạng mục này sẽ hoàn thành vào đầu năm 1923. Trường Ban Nhà cửa dân sự xin giấy phép đấu thầu công trình này.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Tập điều kiện thầu được lập ngày 6-7-1921 gồm 19 điều quy định các điều kiện đấu thầu, phương thức xét thầu, phương thức thi công, thời hạn thi công, thời hạn bảo hành, địa điểm và cách thức thanh toán... (kèm theo bảng ước tính giá và biên bản phiên đấu thầu công trình, theo đó ông Leroy là người trúng thầu).
 - Một số báo cáo của Trưởng Ban Nhà cửa dân sự về việc xin mở các khoản tín dụng để xây dựng một thư viện tại Kho Lưu trữ Trung ương tại Hà Nội.
 - Các bản vẽ tổng thể, mặt ngoài, mặt cắt ngang và bản vẽ chi tiết hệ thống xà, rầm, kèo ở tầng trệt và tầng hai của thư viện do Trưởng Ban Nhà cửa dân sự lập vào các năm 1918 và 1921 trên giấy thường.
- Và một vài tài liệu khác...



2. TPT - 348

Travaux de transformation des bâtiments de la Direction des Archives et des Bibliothèques 1919.

Công trình cải tạo các toà nhà của Sở Lưu trữ và Thư viện 1919.

Hồ sơ gồm 13 tờ và 8 trang, trong đó có:

- Tập điều kiện thầu và bản ước tính giá công trình sửa chữa và cải tạo văn phòng cũ của Phòng Thương mại, Phòng Nông nghiệp và toà nhà của Giám đốc Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương do Trưởng Ban Nhà cửa dân sự lập ngày 2-10-1919. Theo đó, tổng số tiền chi cho công trình được dự tính là 10.000 đồng Đông Dương.
- Công văn ngày 9-10-1919 của Giám đốc Khu Công chính Bắc Kỳ gửi Giám đốc Sở Tài chính Đông Dương đề nghị cử người của Sở tham gia vào Hội đồng xét thầu công trình nêu trên.
- Đơn đề ngày 14-10-1919 của các nhà thầu Mao Seng, L.Bruni, Kuong Mao Seng, Aviat... xin tham gia đấu thầu công trình sửa chữa

và cải tạo các văn phòng của Phòng Thương mại, Phòng Nông nghiệp và toà nhà của Giám đốc Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương.

- Biên bản ngày 14-10-1919 của Hội đồng xét thầu việc sửa chữa và cải tạo công trình nêu trên. Theo biên bản, sau khi xem xét các đơn xin đấu thầu, Hội đồng đã quyết định chọn nhà thầu Kuong Mao Seng làm nhà thầu chính thức cho công trình.

- Báo cáo ngày 22-10-1919 của Trưởng Ban Nhà cửa dân sự về công trình sửa chữa và cải tạo nêu trên. Theo đó, Trưởng Ban Nhà cửa đề nghị phê chuẩn dự án và đơn xin thầu của nhà thầu Kuong Mao Seng và mở một khoản tín dụng 8.290 đồng cho công trình này.

Và một số tài liệu khác...



3. TPT - 349

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Aménagement du bâtiment principal de la Chambre de Commerce pour la Direction des Archives et des Bibliothèques 1918-1919.

Cải tạo toà nhà chính của Phòng Thương mại cho Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương 1918-1919.

Hồ sơ gồm 12 tờ và 9 trang, trong đó có:

- Tập điều kiện thầu và bản ước tính giá công trình mở rộng toà nhà chính của Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương do Trưởng Ban Nhà cửa dân sự lập ngày 12-12-1918 gồm 19 điều quy định phương thức tiến hành đấu thầu, số tiền bảo lãnh thầu, việc lập Hội đồng xét thầu, phê chuẩn thầu...

- Biên bản ngày 21-12-1918 của Hội đồng xét thầu công trình mở rộng toà nhà chính của Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương. Sau khi xem xét các đơn xin tham gia thầu, Hội đồng đã quyết định chọn ông Labeye làm nhà thầu chính thức cho công trình.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

• Báo cáo ngày 28-12-1918 của Trưởng Ban Nhà cửa thuộc Khu công chính Bắc Kỳ về công trình mở rộng toà nhà chính của Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương. Theo đó, số tiền dự kiến cho công trình này là 4.740 đồng Đông Dương. Trưởng Ban Nhà cửa cũng đề nghị phê chuẩn dự án và số tiền nêu trên.

• Bản vẽ mặt bằng tổng thể, mặt cắt và mặt trước toà nhà chính của Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương cần mở rộng (toà nhà của Phòng Thương mại cũ) do Trưởng Ban Nhà cửa dân sự lập ngày 12-12-1918 trên giấy thường.

Và một số tài liệu khác...

Hiện nay công trình này do Thư viện Quốc gia Hà Nội quản lý và sử dụng.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

L U U T R U V N

CÔNG TRÌNH**TRƯỜNG VIỆN ĐÔNG BẮC CỔ****Ecole française d'Extrême Orient****(1904-1949)**

Tài liệu về công trình Trường Viễn Đông Bắc cổ được sắp xếp thành 25 hồ sơ nằm trong các hộp từ 541 đến 543 thuộc khối kiến trúc, gồm các bản vẽ từ 1904 đến 1944 và các tài liệu đi kèm.

Theo tài liệu, công trình này gồm có các nhà sau:

- Các nhà có trước 1904: gồm một nhà 2 tầng dùng làm văn phòng và thư viện, một nhà ở số 27 phố Đồng Khánh (phố Hàng Bài) và một số nhà phụ. Không có tài liệu về việc xây dựng các nhà này. Theo các bản đồ tổng thể năm 1904-1905, khu nhà này trước đó thuộc sở hữu của một người Pháp tên là Guillaume Frères.
- Nhà ở của Giám đốc và học sinh xây dựng vào các năm 1905-1906.
- Nhà để in nổi, chụp ảnh, xây vào các năm 1911-1912.
- Nhà Thư viện mới: chủ trương xây dựng Thư viện mới theo kỹ thuật mới đã có từ 1919 nhưng vì nhiều lý do khác nhau nên việc nghiên cứu thiết kế và lập đồ án bị kéo dài từ 1936 đến 1942 mới kết thúc. Năm 1943, công trình nhà Thư viện mới đã được thi công nhưng tài liệu hoàn công công trình này thì không còn.

Hiện nay, công trình Trường Viễn Đông Bắc cổ do Thư viện Khoa học Xã hội quản lý và sử dụng.

CÔNG TRÌNH

BẢO TÀNG VIỄN ĐÔNG BẮC CỔMusée de l'Ecole française d'Extrême Orient
(1913-1943)

Tài liệu về công trình Bảo tàng Trường Viễn Đông Bắc cổ Pháp gồm 12 hồ sơ nằm trong các hộp từ 544 đến 557 thuộc khối tài liệu kiến trúc.

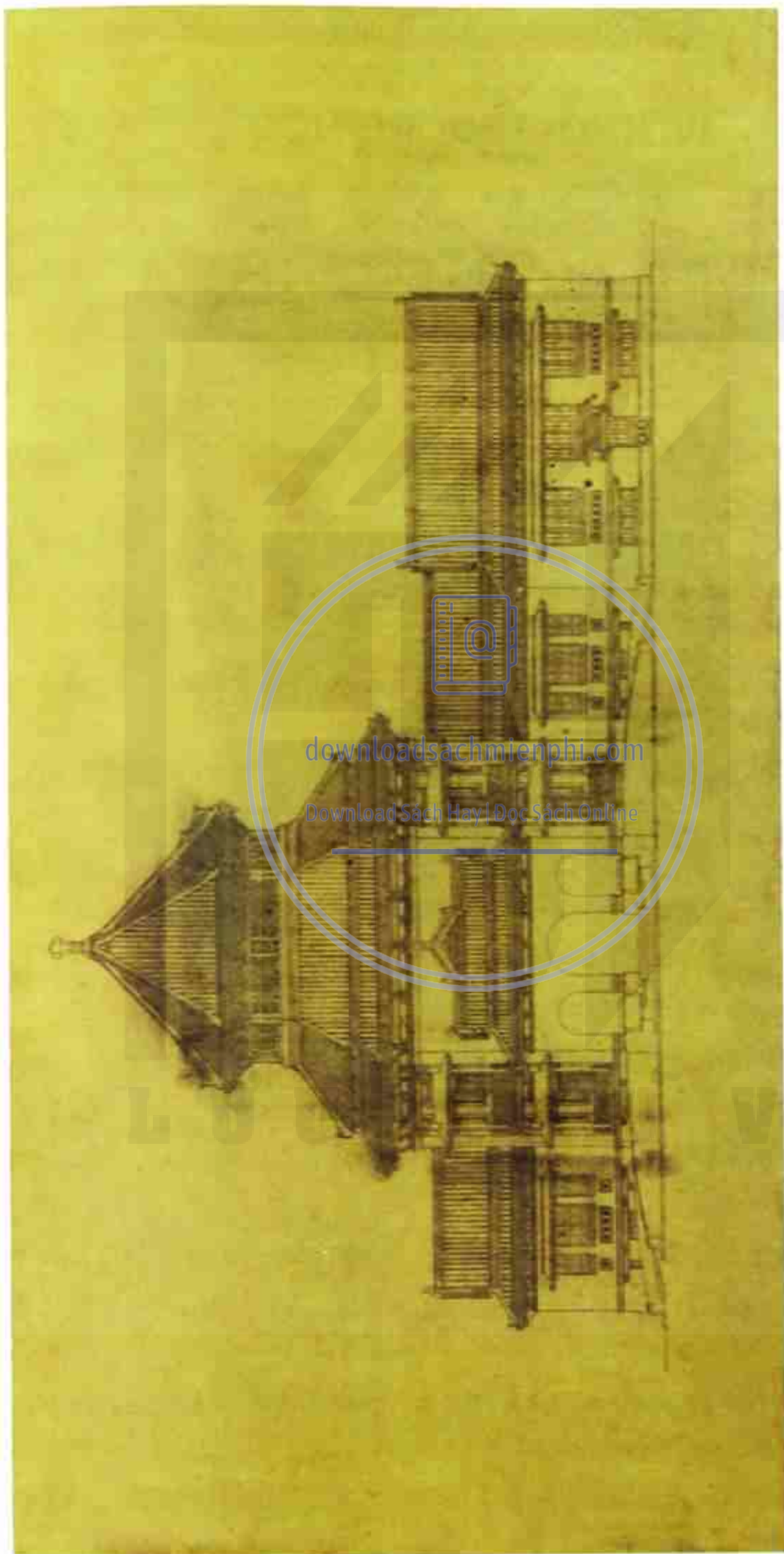
Theo các tài liệu này, trước khi xây dựng cơ sở mới, Bảo tàng Trường Viễn Đông Bắc cổ Pháp sử dụng hai ngôi nhà của Phủ Toàn quyền Đông Dương (có tài liệu về khu Bảo tàng cũ năm 1913). Để án xây dựng Bảo tàng Trường Viễn Đông Bắc cổ Pháp được Toàn quyền Đông Dương duyệt năm 1925 trên diện tích 1835m² và giao cho nhà thầu Aviat nhưng do gặp nhiều khó khăn, hợp đồng này đã không thực hiện được. Sau đó, việc thi công được giao lại cho nhà thầu Trịnh Quý Khang vào năm 1929 và nhà thầu này đã hoàn thành công trình vào năm 1932.

Khi tiến hành thi công, 2 ngôi nhà cũ bị phá bỏ, Bảo tàng Trường Viễn Đông Bắc cổ Pháp tạm thời sử dụng 2 ngôi nhà của Công ty Đường sắt Văn Nam ở đại lộ Careau (phố Lý Thường Kiệt).

Công trình đã nhiều lần được cải tạo sửa chữa trong các năm từ 1932 đến 1943.

Tài liệu về công trình này được sắp xếp thành 12 hồ sơ gồm các bản vẽ thiết kế, bản vẽ thi công và các văn bản liên quan đến việc nghiên cứu thiết kế và tiến hành thi công từ 1913 đến 1943.

Công trình Bảo tàng Trường Viễn Đông Bắc cổ, còn gọi là Bảo tàng Louis Finot (tên Giám đốc Trường Viễn Đông Bắc cổ), nay do Bảo tàng Lịch sử quản lý và sử dụng.



**Bản vẽ mặt phía tây Bảo tàng Louis Finot (bảo tàng Viễn Đông Bác cổ, nay là Bảo tàng Lịch sử) do kiến trúc sư Charles Batteux, thành viên của Trường Viễn Đông Bác cổ lập năm 1925, kích thước gốc 40cm x 110cm.
KT - 544/3.**

IV. KHỐI TRƯỜNG HỌC

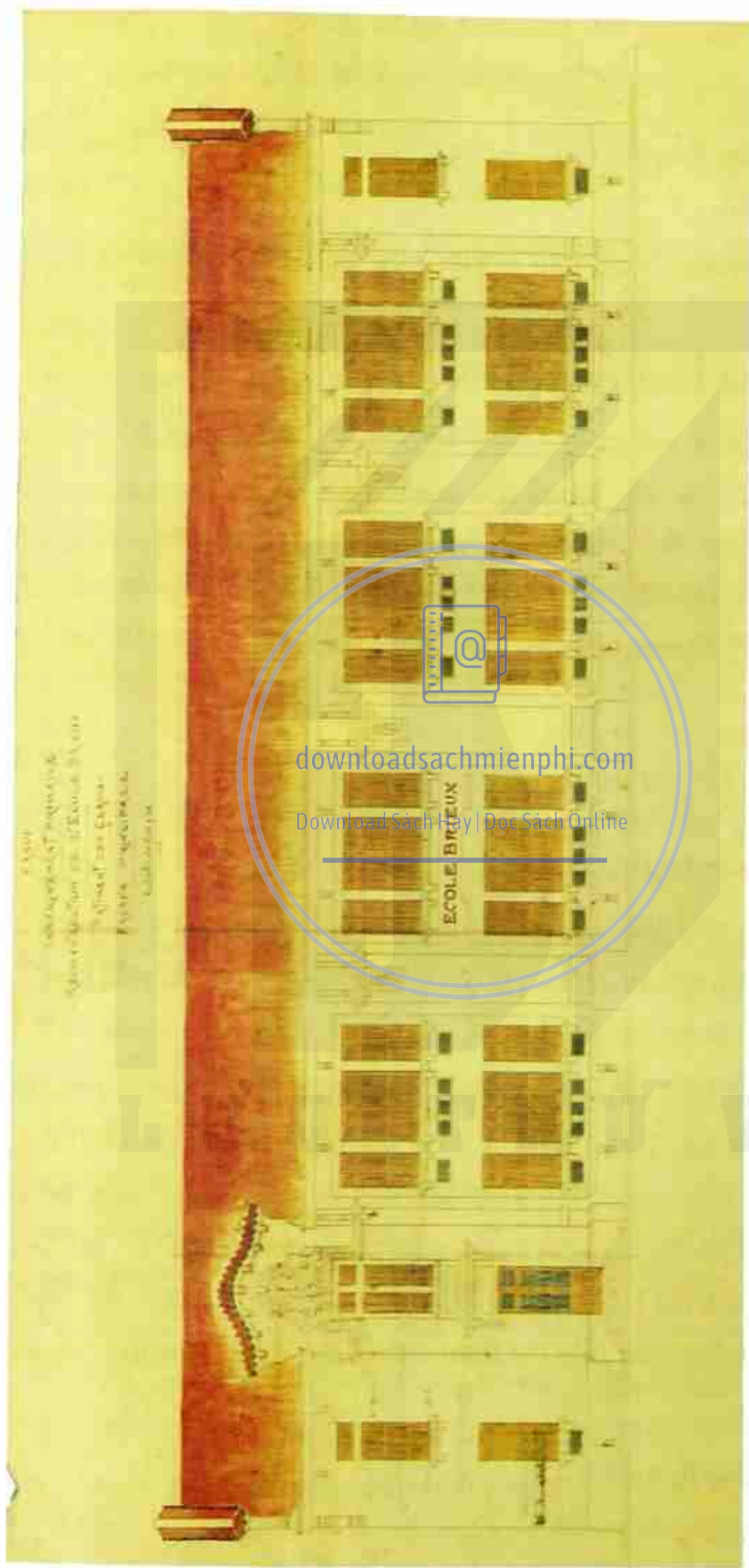
CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC Ở HÀ NỘI

Ecoles d'enseignement primaire

Tài liệu về nhóm các trường tiểu học ở Hà Nội có 10 công trình tập trung ở hai khối:

A. TÀI LIỆU KỸ THUẬT: gồm 29 hồ sơ trong các hộp từ 310 đến 314 thuộc khối kiến trúc. Các tài liệu này liên quan đến việc xây dựng và cải tạo 10 công trình sau:

1. Công trình Trường Amiral Courbet ở đại lộ Amiral Courbet (phố Lý Thái Tổ): 4 hồ sơ.
2. Công trình Trường nữ sinh Pháp - Việt ở đại lộ Armand Rousseau (phố Lò Đúc): 1 hồ sơ.
3. Công trình Trường Pháp - Việt ở đại lộ Doudard de Lagrée (phố Hàm Long): 1 hồ sơ.
4. Công trình Trường Pháp - Việt ở đại lộ Jauréguiberry (phố Quang Trung): 1 hồ sơ.
5. Công trình Trường Pháp - Việt ở phố Sinh Từ (phố Nguyễn Khuyến): 6 hồ sơ.
6. Công trình Trường Thực nghiệm ở phố Charbon (phố Hàng Than): 7 hồ sơ.
7. Công trình Trường Brioux ở phố Takou (phố Hàng Cót): 5 hồ sơ.
8. Công trình Trường Pháp - Việt ở phố Yên Phụ (phố Phó Đức Chính): 1 hồ sơ.
9. Công trình Trường nữ sinh Pháp - Việt ở đại lộ Beauchamp (phố Lê Thái Tổ) và ở phố Jules Ferry (phố Hàng Trống): 1 hồ sơ.
10. Công trình Trường Pháp - Việt ở Quai Clémenceau (phố Trần Nhật Duật): 2 hồ sơ.



Bản vẽ mặt trước của dãy lớp học Trường Brieux (nay là Trường THCS Thanh Quan, phố Hàng Cót) do kiến trúc sư Charles Lichtenfelder, Chánh Sở Nhà cửa dân sự lập năm 1923, tỷ lệ 1/50, kích thước góc 50cm x 100cm, KT-312/3.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

B. TÀI LIỆU HÀNH CHÍNH: gồm các hồ sơ sau:

1. TPT - 909

Construction d'une école franco-annamite au boulevard Doudard de Lagrée 1905-1910.

Xây dựng một trường học Pháp - Việt trên đại lộ Doudard de Lagrée 1905-1910.

Hồ sơ gồm khoảng 43 tờ, trong đó có:

- Công văn trao đổi giữa Thống sứ Bắc Kỳ, Giám đốc Sở Học chính Trung Kỳ và Bắc Kỳ, Trưởng khu vực I và ông Génin, đốc sự hành chính tại Tam Ba (Phủ Thọ) về việc ông Génin bán cho Chính quyền Bảo hộ thửa đất số 27 đại lộ Doudart de Lagrée (phố Hàm Long) để xây Trường Pháp - Việt; cho phép đấu thầu công trình xây dựng này...

- Biên bản ngày 21-9-1905 quyết định danh sách các nhà thầu được phép tham gia đấu thầu công trình xây dựng Trường Pháp - Việt đại lộ Doudart de Lagrée.

- Nghị định số 1280 ngày 2-10-1905 của Thống sứ Bắc Kỳ công bố ông Vola trúng thầu công trình xây dựng với tổng chi phí là 20.000 francs.

- Báo cáo số 19/A ngày 14-3-1907 của Giám đốc Sở Kiến trúc Trung ương về việc ông Vola đề nghị được hoàn trả khoản tiền đặt cọc bởi công trình xây dựng Trường Pháp - Việt mà ông ta tiến hành đã hoàn thành và được nghiệm thu tạm thời vào ngày 1-3-1907. Giám đốc Sở Kiến trúc Trung ương kiến nghị Thống sứ xem xét việc này cũng như thông qua bản dự thảo nghị định đính kèm liên quan đến việc đã nêu.

Và một số tài liệu khác...

2. TPT - 910

Construction d'une école franco-annamite à Yên Phú 1905.

Xây dựng một Trường Pháp - Việt tại Yên Phú 1905.

Hồ sơ gồm khoảng 60 tờ, trong đó có:

- Công văn trao đổi năm 1905 giữa Thống sứ Bắc Kỳ, Giám đốc Sở Học chính, kỹ sư - Trưởng khu I... về việc lựa chọn địa điểm xây Trường học Pháp - Việt tại Yên Phú cũng như mô hình phòng học; trưng thu đất để xây dựng; tổ chức đấu thầu xây dựng công trình này; mở các khoản tín dụng phục vụ cho việc thi công công trình...
- Báo cáo ngày 17-4-1905 của Giám đốc Sở Kiến trúc Trung ương dự kiến kiểu phòng học. Theo đó, số lớp học sẽ tỉ lệ với nhu cầu của trường. Ở mỗi nhóm lớp học có thể có thêm một nhà kho để chứa thiết bị giảng dạy và một phòng gửi áo của giáo viên và học sinh cùng với một chậu rửa tay. Mặt trước của toà nhà phải theo hướng nam; được che bằng một mái hiên giữ cho cửa mở để đón gió hè; các mặt ngoài theo hướng đông và tây sẽ là nhà kho và phòng để áo. Chi phí trung bình mỗi phòng học sẽ là 4000 francs cộng thêm 2000 francs nữa để làm nhà kho và phòng gửi áo.
- Nghị định số 871 ngày 5-7-1905 của Thống sứ Bắc Kỳ công bố ông Dinh Tran trúng thầu công trình xây dựng Trường học Pháp - Việt (kèm theo biên bản ngày 24-6-1905 quyết định danh sách các nhà thầu, biên bản phiên đấu thầu diễn ra ngày 29-6-1905 và các đơn xin dự thầu).
- Báo cáo ngày 12-6-1906 của Giám đốc Sở Kiến trúc Trung ương gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc ông Dinh Tran đề nghị được hoàn trả khoản tiền đặt cọc 700 francs vì công trình xây dựng Trường Pháp - Việt đã hoàn thành và được nghiệm thu tạm thời vào ngày 6-6-1906. Giám đốc Sở Kiến trúc Trung ương đề nghị Thống sứ thông qua bản dự thảo nghị định đính kèm liên quan đến việc đã nêu.
- Bản vẽ mặt cắt và mặt đứng trong sơ thảo dự án xây dựng Trường Pháp - Việt do Giám đốc Sở Kiến trúc Trung ương lập ngày 16-4-1905.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Hai bản vẽ tổng thể Trường Pháp - Việt do Giám đốc Sở Kiến trúc Trung ương lập vào các ngày 24-5-1905 và 10-7-1905.

Và một số tài liệu khác...

3. TPT - 911

Construction d'une école franco-annamite, boulevard Jauréguiberry à Hanoi 1905-1906.

Xây dựng một Trường học Pháp - Việt trên đại lộ Jauréguiberry tại Hà Nội 1905-1906.

Hồ sơ gồm 53 tờ, trong đó có:

- Công văn trao đổi giữa Thống sứ Bắc Kỳ, Giám đốc Sở Học chính Bắc Kỳ, kỹ sư - Trưởng khu I về dự án xây dựng một Trường Pháp - Việt trên đại lộ Jauréguiberry (phố Quang Trung); tổ chức đấu thầu công trình; chi phí thực hiện công trình...
- Nghị định số 1658 ngày 27-12-1905 của quyền Thống sứ Bắc Kỳ công bố các ông Abt-Garnier & Cie trúng thầu công trình xây dựng Trường Pháp - Việt trên đại lộ Jauréguiberry, Hà Nội (kèm theo biên bản ngày 19-12-1905 quyết định danh sách các nhà thầu và đơn xin dự thầu).
- Bảng so sánh các khoản chi dự kiến và các hạng mục thi công công trình xây dựng toà nhà Trường Pháp - Việt trên đại lộ Jauréguiberry.
- Báo cáo số 934/A ngày 20-10-1906 của Trưởng khu I về việc các ông Abt-Garnier & Cie đề nghị được hoàn trả khoản tiền đặt cọc là 700 francs vì công trình xây dựng Trường Pháp - Việt đã hoàn thành và được nghiệm thu tạm thời vào ngày 5-6-1906. Trưởng khu I đề nghị Thống sứ thông qua bản dự thảo nghị định đính kèm liên quan đến việc đã nêu.

Và một số tài liệu khác...

4. TPT - 959

Construction de l'Ecole franco-annamite, rue de Pavillons Noirs à Hanoi 1915.

Xây dựng một Trường Pháp - Việt, phố Pavillons Noirs Hà Nội 1915.

Hồ sơ gồm 44 tờ, trong đó có:

- Báo cáo số 675 ngày 23-1-1915 của Trưởng Ban Nhà của dân sự đề nghị Thống sứ xem xét việc trưng dụng đất để xây Trường Pháp - Việt do tổng diện tích khu đất của Trường vào thời điểm đó là $336m^2$, không đủ chứa 200 học sinh trong điều kiện vệ sinh tốt. Hơn nữa, diện tích của ngôi trường dự kiến xây dựng là $220m^2$, ngoài ra còn có thêm diện tích để làm nhà vệ sinh, nhà phụ và sân chơi. Do vậy, để xây dựng trường học quan trọng này, cần một diện tích tối thiểu là $600m^2$.
- Công văn trao đổi giữa Thống sứ Bắc Kỳ, Trưởng Khu Công chính Bắc Kỳ liên quan đến khoản kinh phí dự trù cho việc trưng mua đất, xây dựng Trường học Pháp - Việt ở phố Pavillons Noir (phố Mã Mây).
- Ngoài ra còn có một số tài liệu khác liên quan đến việc tạm thời bố trí Trường Pháp - Việt vào khu nhà số 2 phố Citadelle (phố Đường Thành) trong lúc trường học đang được xây dựng lại...

5. TPT - 960

Construction d'une Ecole des Mandarins à Hanoi 1914-1917.

Xây dựng một Trường Hậu bổ tại Hà Nội 1914-1917.

Hồ sơ gồm 98 tờ và 21 trang, trong đó có:

- Công văn trao đổi giữa Thống sứ Bắc Kỳ và Trưởng khu Công chính, Sở Kiểm tra tài chính Đông Dương về việc trưng dụng đất; lập kế hoạch và dự toán cho việc đấu thầu công trình xây dựng Trường Hậu bổ tại đại lộ Armand Rousseau (phố Lò Đúc)...

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- *Biên bản phiên đấu thầu diễn ra ngày 31-8-1914 với sự tham gia của Hội đồng xét thầu, công chúng và các nhà thầu. Kết quả ông Blot tạm thời là người trúng thầu công trình xây dựng Trường Hậu bổ trong khi chờ Thống sứ Bắc Kỳ thông qua.*
 - *Các báo cáo của Trưởng Ban Nhà cửa dân sự và Trưởng Khu Công chính Bắc Kỳ đề nghị Thống sứ Bắc Kỳ thông qua việc ông Blot là người trúng thầu công trình xây dựng Trường Hậu bổ; ông Bruni trúng thầu công trình quét sơn và làm cửa kính; ông Hà Văn Tư sẽ thay thế ông Mao-Seng thực hiện việc lấp ao tại Trường Hậu bổ theo yêu cầu của ông Mao-Seng; ông Luu Ba Vi cung cấp động sản cho Trường Hậu bổ; mở các khoản tín dụng để thực hiện các công trình trên và hoàn trả khoản tiền đặt cọc cho ông Blot, Bruni, Hà Văn Tư, Luu Ba Vi (kèm theo các biên bản gọi thầu, đấu thầu, tập điều kiện thầu...).*
 - *Nghị định số 1473 ngày 5-8-1915 của quyền Thống sứ Bắc Kỳ cho phép Công sản Thành phố Hà Nội chuyển nhượng cho Công sản cấp xứ khu đất số 145, khu E với diện tích 2000m² trên đường Sinh Từ (phố Nguyễn Khuyến) để xây Trường Hậu bổ.*
 - *Nghị định số 446 ngày 28-2-1917 của quyền Thống sứ Bắc Kỳ cho phép ông Hà Văn Tư thay thế ông Mao-Seng thực hiện việc lấp ao tại Trường Hậu bổ.*
- Và một số tài liệu khác...*

6. TPT - 961

Construction d'un groupe scolaire à la route de Sinh Từ 1915-1921.

Xây dựng một nhóm trường học trên đường Sinh Từ 1915-1921.

Hồ sơ gồm 178 tờ, trong đó có:

- *Nghị định số 821 ngày 26-5-1910 của quyền Thống sứ Bắc Kỳ cho phép nhượng lại cho Công sản cấp xứ khu công thổ số 144 khu K có diện tích 904m² trên đường Sinh Từ (phố Nguyễn Khuyến) để phục vụ cho Sở Học chính.*

- Nghị định số 1473 ngày 5-8-1915 của quyền Thống sứ Bắc Kỳ cho phép Công sản Hà Nội chuyển nhượng cho Công sản cấp xứ thừa đất số 145, khu X có diện tích 2000m² trên đường Sinh Từ để xây một trường học.
 - Các báo cáo của Trưởng Ban Nhà cửa dân sự đề nghị Thống sứ Bắc Kỳ thông qua dự án xây dựng một trường học cho 200 học sinh do ông Nam Sinh đảm nhiệm; một trường cho 600 học sinh và một khu nhà vệ sinh gồm 6 ngăn mà ông Vernet là người trúng thầu với kinh phí ước tính là 68.300 đồng; ông Phạm Văn Mẫn trúng thầu công trình quét sơn và làm cửa kính khu trường học, nhà vệ sinh thuộc nhóm trường học Sinh Từ dự kiến là 2600 đồng (kèm theo biên bản phiên đấu thầu ngày 9-10-1917 và 27-8-1920, các tập điều kiện thầu, bản ước tính giá công trình và các đơn dự thầu).
 - Các bản vẽ tổng thể, mặt trước và mặt cắt khu trường học dành cho 200 học sinh dự kiến xây dựng trên đường Sinh Từ, Hà Nội.
- Và một số tài liệu khác...

7. TPT - 2451

Alimentation en eau potable d'un groupe scolaire au village de Papier à Hanoi 1908-1909.

Cung cấp nước sạch cho khối trường học ở làng Giấy, Hà Nội 1908-1909.

Hồ sơ gồm trên 200 tờ và 25 bản vẽ, trong đó có:

- Các bản thiết kế tổng thể đường ống dẫn nước, vòi dẫn nước, tháp nước cho trường học ở làng Giấy (phố Thụy Khuê).
- Tập điều kiện đấu thầu cung cấp nước sạch cho khối trường học ở làng Giấy ngày 2-7-1905. Theo đó, nhà thầu phải chịu trách nhiệm thi công và cung cấp các thiết bị cần thiết để cung cấp nước sạch cho khối trường học ở vị trí Nhà máy Shneider cũ thuộc làng Giấy, Hà Nội.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Bản vẽ khu nhà Shneider ngày 20-6-1906, tỷ lệ 0,002.
 - Bản thoả thuận cung cấp chậu tôn, bể chứa nước, xây nhà che cho giếng nước, đặt đường ống và lắp vòi dẫn nước cung cấp cho khối trường học ngày 8-3-1909 giữa kỹ sư trưởng Khu Công chính Bắc Kỳ và hai nhà thầu Pées và Chazeau ở Hà Nội với giá trị là 3400 francs. Thoả thuận đã được Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn ngày 5-4-1909.
 - Bản thoả thuận cung cấp lắp đặt máy bơm li tâm 1 mô tơ và cung cấp ống để cấp nước cho khối trường học ngày 8-3-1909 giữa kỹ sư trưởng Khu Công chính Bắc Kỳ và ông Marischal, đại diện Công ty Điện máy Đông Dương ở Hà Nội với giá trị là 6700 francs. Thoả thuận đã được Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn ngày 5-4-1909.
 - Bản thiết kế sơ đồ lắp đặt đường ống dẫn nước ngày 18-4-1909, tỷ lệ 1/50.
 - Bản thiết kế đường dẫn nước cho khối trường học ngày 16-4-1909.
 - Bản thiết kế tháp nước ngày 16-4-1909, tỷ lệ 0,02.
 - Bản thiết kế bể nước ngày 16-4-1909, tỷ lệ 1/10.
- Và nhiều tài liệu khác...

8. TPT - 2673

Construction d'une école franco-annamite à la rue Jauréguiberry, Hanoi 1905-1906.

Xây dựng Trường Pháp - Việt tại đại lộ Jauréguiberry 1905-1906

Hồ sơ gồm khoảng 70 tờ và 7 bản vẽ, trong đó có:

- Bản thiết kế tổng thể công trình trường học tại đại lộ Jauréguiberry (phố Quang Trung) do kiến trúc sư Lichtenfelder vẽ ngày 6-12-1905.
- Các bản vẽ mặt bằng và mặt tiến, các mặt cắt của công trình này, do kiến trúc sư Lichtenfelder vẽ ngày 6-12-1905.

- Nghị định số 1658 ngày 27-12-1905 của Thống sứ Bắc Kỳ tuyên bố nhà thầu Abt Garnier trúng thầu công trình trường học ở đại lộ Jauréguiberry với tổng giá trị công trình là 23.000 francs.
- Nghị định số 1501 ngày 7-11-1906 của Thống sứ Bắc Kỳ quyết định hoàn tiến đặt cọc cho nhà thầu Garnier.
- Bản vẽ thi công công trình trường học ở đại lộ Jauréguiberry ngày 1-6-1906.
- Bản vẽ chi tiết thiết kế thanh đỡ nóc và thanh giằng trường học ở đại lộ Jauréguiberry tháng 1-1906.
- Bản vẽ chi tiết thiết kế nền và móng công trình trường học ở đại lộ Jauréguiberry tháng 1-1906.

9. TPT - 2674

Construction d'une école franco-annamite N°27, boulevard Doudard de Lagrée à Hanoi 1905-1907.

Xây dựng Trường Pháp - Việt ở số 27 đại lộ Doudard de Lagrée, Hà Nội 1905-1907.

Hồ sơ gồm trên 70 tờ và 22 bản vẽ, trong đó có:

- Các bản vẽ mặt bằng, mặt chính và các mặt cắt công trình do kiến trúc sư Lichtenfelder thiết kế ngày 21-8-1905, tỷ lệ 0,01.
 - Bản thiết kế tổng thể công trình ngày 21-8-1905 của kiến trúc sư Lichtenfelder, tỷ lệ 1/500.
 - Tập điều kiện đấu thầu gồm biểu giá, dự toán chi tiết, biên bản đấu thầu và giấy nhận thầu công trình trường học ở đại lộ Doudard de Lagrée (phố Hàm Long). Theo đó, nhà thầu là Vola và thi công trong thời hạn 6 tháng.
 - Nghị định số 1280 ngày 2-10-1905 của Thống sứ Bắc Kỳ tuyên bố nhà thầu Vola trúng thầu thi công công trình trường học ở đại lộ Doudard de Lagrée với tổng giá trị công trình là 20.000 francs.
- Và một số tài liệu khác...

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

10. TPT - 2675

Construction d'une école franco-annamite à Yên Phú 1905.

Xây dựng Trường Pháp - Việt ở Yên Phú 1905.

Hồ sơ gồm 45 tờ và 3 bản vẽ, trong đó có:

- Nghị định số 781 ngày 7-7-1905 của Thống sứ Bắc Kỳ tuyên bố nhà thầu Dinh Trân trúng thầu công trình xây dựng Trường Yên Phú với tổng giá trị công trình là 20.000 francs.
- Nghị định số 887 ngày 20-6-1906 quyết định hoàn lại cho Dinh Trân 700 francs tiền đặt cọc cho công trình Trường Yên Phú.
- Bản vẽ vị trí dự kiến xây dựng Trường Yên Phú nằm trên phố Blockhaus Nord (Phó Đức Chính), tỷ lệ 1/500.
- Bản vẽ tổng thể công trình Trường Yên Phú do kiến trúc sư Lichtenfelder thiết kế ngày 10-7-1905, tỷ lệ 1/100. Theo bản thiết kế này, khu đất dành cho Trường Yên Phú rộng hơn, giáp phố Blockhaus Nord và đường số 97 (đường số 97 được đặt tên là phố Deux Soeurs, sau sáp nhập với đường số 95 và một đoạn đường số 96 thành phố Trúc Bạch ngày nay).
- Bản vẽ mặt cắt ngang nền đất khu công trình Trường Yên Phú năm 1906 để phục vụ cho việc đắp nền đất.

CÔNG TRÌNH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG TIỂU HỌC NỮ SINH PHÁP
Ecole primaire supérieure des filles françaises
(1918-1955)

Tài liệu về công trình này gồm 38 hồ sơ nằm trong các hộp từ 334 đến 340 thuộc khối tài liệu kiến trúc.

Theo các tài liệu hiện có, công trình được xây dựng vào năm 1918 nhưng vì kinh phí hạn chế nên việc thi công không được liên tục.

Toàn bộ khu công trình này quay mặt ra các đại lộ Félix Faure (phố Trần Phú), Van Vollenhoven (phố Chu Văn An), Brière de l'Isle (phố Hùng Vương) và phía sau là đại lộ Giovaninelli (phố Lê Hồng Phong).

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Công trình này được xây theo nguyên tắc đối xứng, gồm nhiều ngôi nhà: nhà chính ở giữa, nhà của Hiệu trưởng và Tổng Giám thị ở hai bên; song song với nhà chính là phòng học và khu nội trú; ngay công đi vào cũng có hai chòi gác đối nhau ở hai bên...

Hiện nay, phần quay ra phố Trần Phú của công trình này do Bộ Tư pháp quản lý và sử dụng, phần phía sau, quay ra phố Lê Hồng Phong là vị trí của Trung tâm Hội nghị quốc tế.



Bản vẽ mặt trước của Trường nữ sinh bản xứ ở Hà Nội (nay là trụ sở của Bộ Tư pháp) do Charles Lacollonge. Chánh Thanh tra, Chánh Sở Nhà cửa dân sự lập năm 1918, tỷ lệ 1/100, kích thước gốc 30cm x 125cm.

KT - 334/1.

CÔNG TRÌNH**TRƯỜNG PAUL BERT**

Collège Paul Bert
(1897-1953)

Tài liệu về công trình này nằm trong 2 khối tài liệu kỹ thuật và tài liệu hành chính.

A. TÀI LIỆU KỸ THUẬT: gồm 16 hồ sơ trong các hộp từ 341 đến 343 thuộc khối kiến trúc.

Theo tài liệu, Trường được xây dựng vào các năm 1897-1898 ở đại lộ Đống Khánh (phố Hàng Bài) dành cho con em người Pháp, lúc đầu tên là Collège Paul Bert sau đổi thành Trường Cao đẳng tiểu học nam sinh (Ecole primaire supérieure des garçons), vẫn dành cho học sinh Pháp. Năm 1938, Trường đổi tên là Trường Trung học Nguyễn Trãi, nay là Trường Trung học cơ sở Trưng Vương.

Cũng theo tài liệu hiện có, công trình này nằm trên mảnh đất rộng 100 mét quay ra đại lộ Đống Khánh, dài 87 mét quay ra đại lộ Carreau (phố Lý Thường Kiệt). Toàn bộ công trình được xây 1 tầng theo kiểu mái ngói.

Năm 1927, ngôi nhà chính được nâng cao thêm 1 tầng. Tầng gác dự định dùng làm phòng ngủ cho lưu học sinh và tầng dưới dùng làm phòng học. Tuy nhiên, sàn gác bê tông đã bị sập khi thi công. Do đó, đến 1928, người ta phải làm lại. Các năm sau cũng có một số tu bổ sửa chữa.

Hồ sơ xây dựng ban đầu các năm 1897-1898 thiếu các văn bản xác minh nhiệm vụ thiết kế, chỉ còn một số bản vẽ chính. Hồ sơ đợt xây dựng mở rộng năm 1927-1928 còn tương đối đầy đủ.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

B. TÀI LIỆU HÀNH CHÍNH: có 1 hồ sơ.

RST - 4136

Réparations et aménagements du Collège Paul Bert 1904-1912.

Sửa chữa và cải tạo Trường Paul Bert 1904-1912.

Hồ sơ gồm 139 tờ, trong đó có:

- Công văn số 638 ngày 18-8-1904 của kỹ sư trưởng Khu Công chính Bắc Kỳ gửi Thống sứ Bắc Kỳ về việc cải tạo Trường Paul Bert trong thời hạn ngắn nhất để kịp khai giảng năm học mới.
- Tập điều kiện đấu thầu ngày 10-9-1904 cải tạo khu trường học thành Trường Trung học Paul Bert. Dự kiến hoàn thành công trình trong 2 tháng với dự kiến kinh phí là 5.000 đồng Đông Dương.
- Báo cáo số 184 ngày 29-9-1904 của Kiến trúc sư trưởng Khu Công chính Bắc Kỳ về việc xây dựng một bể bơi cho Trường Paul Bert với kinh phí dự kiến là 6.500 đồng Đông Dương.
- Báo cáo số 905/A ngày 19-7-1906 của kỹ sư trưởng Khu Công chính Bắc Kỳ về việc xây dựng phòng vệ sinh cho Trường Paul Bert.
- Báo cáo số 35/A ngày 23-1-1907 của kỹ sư trưởng Khu Công chính Bắc Kỳ đề nghị thanh toán tiền đặt cọc của nhà thầu Danet và Pouchat sau khi đã xây dựng xong phòng vệ sinh cho Trường Paul Bert.
- Nghị định số 154 ngày 2-2-1907 của Thống sứ Bắc Kỳ quyết định hoàn lại tiền đặt cọc cho hai nhà thầu Danet và Pouchat.
- Nghị định số 1062 ngày 16-7-1909 của Thống sứ Bắc Kỳ thành lập một Ban kiểm tra dự án mở rộng Trường Paul Bert.
- Nghị định số 1067 ngày 19-7-1909 của Thống sứ Bắc Kỳ cho phép tu bổ trần nhà khu nội trú của Trường với kinh phí là 1.000 đồng Đông Dương, do nhà thầu Vinh Thuận Long thực hiện.
- Nghị định số 1723 ngày 23-11-1909 của Thống sứ Bắc Kỳ quyết định hoàn lại tiền đặt cọc cho nhà thầu gói thầu tu bổ trần nhà cho khu nội trú của Trường.

CÔNG TRÌNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC NỮ SINH HÀ NỘI
 Lycée de jeunes filles de Hanoï
 (1900-1917)

Công trình Trường Trung học nữ sinh Hà Nội không còn tài liệu kỹ thuật, chỉ còn 3 hồ sơ tài liệu hành chính sau:

1. TPT-927

Construction d'un bâtiment pour institution de jeunes filles de Hanoï (angle du boulevard Rollandes et de la rue Dutreuil de Rhins) 1904-1905.

Xây dựng một khu nhà cho Trường Nữ sinh Hà Nội (ở góc đại lộ Rollandes và phố Dutreuil de Rhins) 1904-1905.

Hồ sơ gồm khoảng 56 tờ, trong đó có:

- Một số công văn của Thống sứ Bắc Kỳ gửi Trưởng khu I từ 1904-1905 chỉ đạo một số việc như: xây dựng một số khu nhà mới cho Trường Nữ sinh Hà Nội và nhà ở của Hiệu trưởng ở góc đại lộ Rollandes (phố Hai Bà Trưng) và phố Dutreuil de Rhins (sau đổi tên thành phố Yên Đổ, rồi đổi thành phố Nguyễn Khuyến, nay là phố Nguyễn Khắc Cần); sửa chữa máy nấu nước tắm của trường; chuyển nhượng cho Công sản cấp xứ Xưởng in tiền do Nha Nông - Lâm - Thương mại Đông Dương sử dụng để dùng làm trường nữ sinh... Đặc biệt, trong công văn số 654 ngày 13-9-1904, Thống sứ yêu cầu toà nhà cần phải xây dựng sao cho bề ngoài có vẻ giống với Xưởng in tiền nhưng bên trong thì phải được cải tạo cho phù hợp với một ký túc xá dành cho nữ sinh.

- Báo cáo ngày 10-5-1905 của Giám đốc Sở Kiến trúc Trung ương về dự án tổng thể Trường Nữ sinh trung học cần được xây dựng.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Theo đó, dự án này được lập nhằm sử dụng toà nhà đã xây dựng hiện đang dùng làm văn phòng của Nha Nông nghiệp. Toà nhà sẽ được cải tạo trở thành cánh phải của trường Nữ sinh. Và do trụ sở dành cho Nha Nông nghiệp chưa kịp chuẩn bị để bố trí cho cơ quan này nên Giám đốc Sở Kiến trúc Trung ương đề nghị xây dựng cánh trái và phần giữa của trường với chi phí lên tới 117.500 francs. Phần dự toán cho việc quét sơn và làm cửa kính ước tính là 7.200 francs. Báo cáo còn đề cập tới phương án xây dựng một sân chơi có mái che, một nhà ăn và những nhà phụ. Cuối cùng, có thể sẽ tính đến việc tu sửa cải tạo cánh trái để hoàn thành việc thi công dự án.

- Nghị định số 871^{bis} ngày 5-7-1905 của Thống sứ Bắc Kỳ công bố ông Dinh Tran trúng thầu công trình xây dựng Trường Nữ sinh trung học tại Hà Nội với tổng chi phí cho phép là 10.200 francs (kèm theo các biên bản ngày 24-6-1905 quyết định danh sách các nhà thầu, biên bản phiên đấu thầu diễn ra vào ngày 29-6-1905 và các đơn xin dự thầu).

- Và một số tài liệu khác liên quan đến việc ông Dosset, chủ sở hữu ngôi nhà gần Trường Nữ sinh trung học yêu cầu di chuyển các khu vệ sinh của trường để đảm bảo vệ sinh...

2. TPT - 928

Construction d'un lycée de jeunes filles de Hanoï (angle du boulevard Rollandes et de la rue Dutreuil de Rhins) 1900-1907.

Xây dựng Trường Nữ sinh trung học Hà Nội (ở góc đại lộ Rollandes và phố Dutreuil de Rhins) 1900-1907.

Hồ sơ gồm khoảng 57 tờ, trong đó có:

- Công văn trao đổi giữa Đốc lý Hà Nội, Trưởng khu I từ 1900-1907 về việc xây dựng hệ thống dẫn nước thải từ Trường Nữ sinh trung học ở góc đại lộ Rollandes (phố Hai Bà Trưng) và phố Dutreuil de Rhins (phố Nguyễn Khắc Cần) ra cống của Thành phố

(trên đại lộ Rollandes) và hệ thống dẫn nước sạch của Thành phố vào trường học.

- Báo cáo số 1058 ngày 20-6-1906 của kỹ sư-Trưởng khu I đề nghị Thống sứ phê chuẩn việc giao công trình xây dựng các nhà phụ thuộc của Trường Nữ sinh trung học cho ông Dinh Tran và mở khoản tín dụng là 10.000 đồng Đông Dương để thực hiện công trình (kèm theo công văn số 345 ngày 27-6-1906 của Thống sứ Bắc Kỳ thông qua đề xuất trên).
- Nghị định số 1124 ngày 7-8-1906 của Thống sứ Bắc Kỳ công bố ông O'Kelly trúng thầu công trình xây dựng Trường Nữ sinh trung học tại Hà Nội (quét sơn và làm cửa kính) với chi phí cho phép lên tới 14.000 francs (kèm theo biên bản ngày 27-7-1906 quyết định danh sách các nhà thầu và các đơn dự thầu).
- Báo cáo số 956 ngày 20-10-1906 của kỹ sư-Trưởng khu I về việc ông Dinh Tran đề nghị được hoàn trả khoản tiền đặt cọc là 3.500 francs và kiến nghị Thống sứ xem xét việc này cũng như thông qua bản dự thảo nghị định đính kèm liên quan đến việc đã nêu.
- Báo cáo số 1212 ngày 1-9-1906 và số 1212/A ngày 7-3-1907 của kỹ sư-Trưởng khu I đề cập tới việc lắp đặt hệ thống dẫn nước tại Trường Nữ sinh trung học. Công trình này được giao cho nhà thầu Delarouzée và được nghiệm thu vào ngày 28-2-1907.
- Và một số tài liệu khác liên quan đến các công trình quét sơn, làm cửa kính, lắp đặt hệ thống chuông báo điện tử tại Trường Nữ sinh trung học; chỉ định một viên chức của Nha Học chính tham gia nghiệm thu công trình...

3. TPT - 930

Agrandissement du Lycée de Jeunes filles de Hanoï 1915-1917.

Về việc mở rộng Trường Nữ sinh trung học Hà Nội 1915-1917.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Hồ sơ gồm 22 tờ và 7 trang, trong đó có:

- Báo cáo số 796/A ngày 26-3-1913 của Trưởng Ban Nhà cửa dân sự đề nghị tổ chức đấu thầu dự án mở rộng Trường Nữ sinh trung học Hà Nội. Theo đó dự án bao gồm việc xây dựng một cánh nhà giống như cánh nhà hiện có với tổng chi phí ước tính lên tới 40.800 đồng Đông Dương.
- Biên bản phiên đấu thầu công trình mở rộng Trường Nữ sinh trung học Hà Nội diễn ra ngày 8-6-1915. Kết quả ông Mul được công bố là người trúng thầu tạm thời trong khi chờ Toàn quyền thông qua (kèm theo các đơn xin dự thầu và báo cáo đề nghị thông qua kết quả phiên đấu thầu này).
- Biên bản gọi thầu công trình quét sơn và làm cửa kính toà nhà bên cánh trái Trường Nữ sinh trung học Hà Nội ngày 8-12-1915. Theo đó, ông Bạch Văn Lam đã được Hội đồng xét thầu chấp nhận (kèm theo báo cáo số 11143/A ngày 16-12-1915 đề xuất việc thông qua dự án này của nhà thầu Bạch Văn Lam).
- Tập điều kiện thầu và bản ước tính giá công trình mở rộng Trường Nữ sinh trung học Hà Nội: quét sơn và làm cửa kính do nhà thầu Bạch Văn Lam đảm nhiệm, được Thanh tra Nhà cửa dân sự lập ngày 16-11-1915. Tập điều kiện thầu gồm 21 điều quy định phương thức tiến hành đấu thầu, số tiền bảo lãnh thầu, việc lập Hội đồng xét thầu, phê chuẩn thầu, nghiệm thu tạm thời, thời hạn bảo hành, việc áp dụng các điều khoản và điều kiện chung...
- Công văn trao đổi giữa Giám đốc Sở Học chính Bắc Kỳ, Thống sứ Bắc Kỳ và Trưởng Khu Công chính Bắc Kỳ và một số tài liệu khác liên quan đến những bất cập do công trình xây dựng cánh phải Trường Nữ sinh trung học Hà Nội để lại, đặc biệt liên quan đến vấn đề vệ sinh, ánh sáng...

Và một số tài liệu khác...

Công trình này hiện nay do Trường Trung học phổ thông Trần Phú quản lý và sử dụng.

CÔNG TRÌNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC NỮ SINH PHÁP
Lycée des Jeunes Filles Françaises
(1905-1955)

Công trình Trường Trung học nữ sinh Pháp nằm ở đại lộ Rollandes.

Tài liệu về công trình này gồm 19 hồ sơ nằm trong các hộp 344 đến 346 thuộc khối kiến trúc.

Theo tài liệu, trường được xây dựng năm 1905-1906, trên địa điểm của Nhà đức tiền cũ (Sapèquerie) quay ra đại lộ Rollandes (phố Hai Bà Trưng). Công trình này được mở rộng và xây thêm một số ngôi nhà vào các năm 1915, 1920.

Năm 1928, Trường được chuyển về trường ở đại lộ Félix Faure (phố Trần Phú), địa điểm này dành cho Trường nam sinh Pháp (Ecole primaire supérieure des garçons français).

Tài liệu về công trình này gồm các bản thiết kế, bản vẽ và các tài liệu đi kèm từ năm 1905 đến 1953 liên quan đến việc xây dựng và cải tạo khu nhà.

Công trình Trường Trung học nữ sinh Pháp được xây dựng theo nguyên tắc đối xứng, phần giữa là nhà chính 3 tầng, hai bên là nhà 2 tầng (phòng học và buồng ngủ). Năm 1920, trường phụ (Ecole annexe) được xây dựng trước mặt khu trường chính, cũng quay mặt ra đại lộ Rollandes (phố Hai Bà Trưng).

Từ 1926 đến 1953, công trình này nhiều lần được tu bổ, mở rộng.

Hiện nay công trình này do Trường Trung học phổ thông Việt Đức quản lý và sử dụng.

CÔNG TRÌNH

TRƯỜNG TRUNG HỌC BẢO HỘ HÀ NỘI

Lycée du Protectorat à Hanoï
(1906-1945)

Trường Trung học bảo hộ lúc đầu là Khu trường bên hồ Tây (groupe scolaires au bord du Grand Lac) bao gồm 1 Trường Thông ngôn (Collège des Interprètes), 1 Trường Sư phạm (Ecole normal d'Instituteurs), 1 Trường Trung học Pháp - Việt (Lycée franco-annamite) và 1 Trường Sơ học thuộc Trường Sư phạm.

Tài liệu về công trình này gồm 23 hồ sơ nằm trong hộp 356 đến 359 thuộc khối kiến trúc.

Theo các hồ sơ này, trường được xây dựng bắt đầu năm 1907 trên địa điểm của Nhà máy in Schneider cũ, ở đường Thụy Khuê. Việc xây dựng bao gồm phần sửa chữa một số nhà cũ của nhà in và phần xây dựng mới. Sau đó, công trình này nhiều lần được cải tạo và mở rộng cho đến 1945.

Theo bản vẽ năm 1935 còn được lưu lại trong hồ sơ, khu vực trường gồm các khu nhà chính sau:

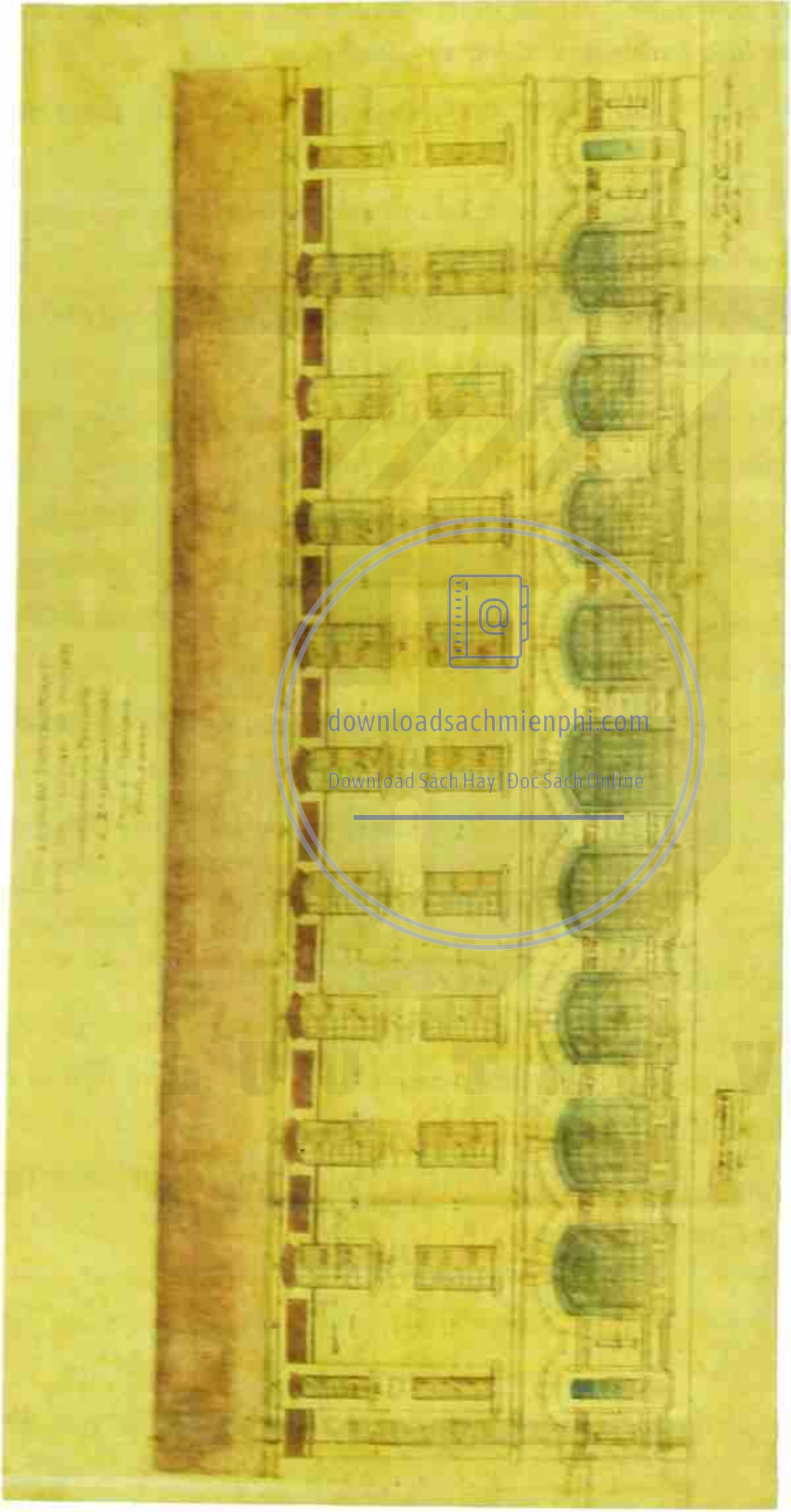
- Nhà A: gồm 1 nhà 3 tầng dùng làm nhà ăn (tầng 1) và phòng ngủ (tầng 2, 3); 1 nhà 1 tầng làm nhà bếp có hành lang đi lên nhà ăn, được xây dựng năm 1920.
- Nhà B: gồm 1 nhà 3 tầng dùng làm lớp học, Văn phòng Giám đốc và phòng họp của giáo viên (tầng 1), 2 tầng trên dùng làm phòng ngủ được xây dựng năm 1907.
- Nhà C: gồm 1 nhà 1 tầng dùng làm lớp học, đây là nhà cũ của nhà in được sửa chữa lại.

Phần II. QUY HOẠCH - XÂY DỰNG

- Nhà D: gồm 1 nhà 3 tầng dùng làm lớp học ở tầng dưới, 2 tầng trên dùng làm buồng ngủ, được xây dựng năm 1917.
- Nhà E: gồm 1 nhà 1 tầng dùng làm lớp học, được xây dựng năm 1908.
- Nhà F: gồm 1 nhà 1 tầng, nằm sau nhà B, dùng làm nhà tắm và nhà giặt đồ, đây là nhà cũ của nhà in được sửa chữa lại.
- Nhà G: gồm 1 nhà 1 tầng dùng làm nhà tập làm thủ công cho học sinh lớp sư phạm được xây dựng năm 1936.
- Nhà H: gồm 1 nhà 2 tầng dùng làm nhà ở của Giám đốc, đây là nhà cũ của hãng in được sửa chữa lại năm 1925.
- Nhà J: gồm 1 nhà 2 tầng là nhà ở và văn phòng của quản trị trưởng được tu bổ năm 1939.
- Nhà M: gồm 1 nhà 2 tầng dùng làm nhà ở của Tổng Giám thị được xây dựng năm 1913.
- Nhà O: gồm 1 nhà 1 tầng dùng làm phòng thí nghiệm và lớp thực tập thí nghiệm.
- Nhà S: gồm 1 nhà 1 tầng dùng làm lớp học được xây dựng năm 1919.
- Nhà T: gồm 1 nhà 1 tầng dùng là khu vui chơi của học sinh khi trời mưa, được xây dựng năm 1932.

Ngoài các tài liệu về cải tạo nhà cũ của hãng in và việc xây dựng mới các hạng mục công trình, trong hồ sơ còn có các tài liệu về việc lấp hồ, làm hàng rào, lắp đặt ống nước...

Công trình Trường Trung học bảo hộ ở Hà Nội ngày nay do Trường Trung học phổ thông Chu Văn An quản lý và sử dụng.



Bản vẽ mặt trước toà nhà 2 tầng cho học sinh nội trú Trường Trung học Bảo hộ (nay là Trường THPT Chu Văn An) do kiến trúc sư Adolphe Bussy, Chánh Sở Nhà cửa dân sự lập năm 1917, tỷ lệ 1/50, kích thước gốc 50cm x 120cm, TPT - 50/967.

CÔNG TRÌNH

TRƯỜNG TRUNG HỌC ALBERT SARRAUT

Lycée Albert Sarraut
(1912-1954)

Tài liệu về công trình này gồm 40 hồ sơ trong các hộp 349 đến 355 thuộc khối tài liệu kiến trúc.

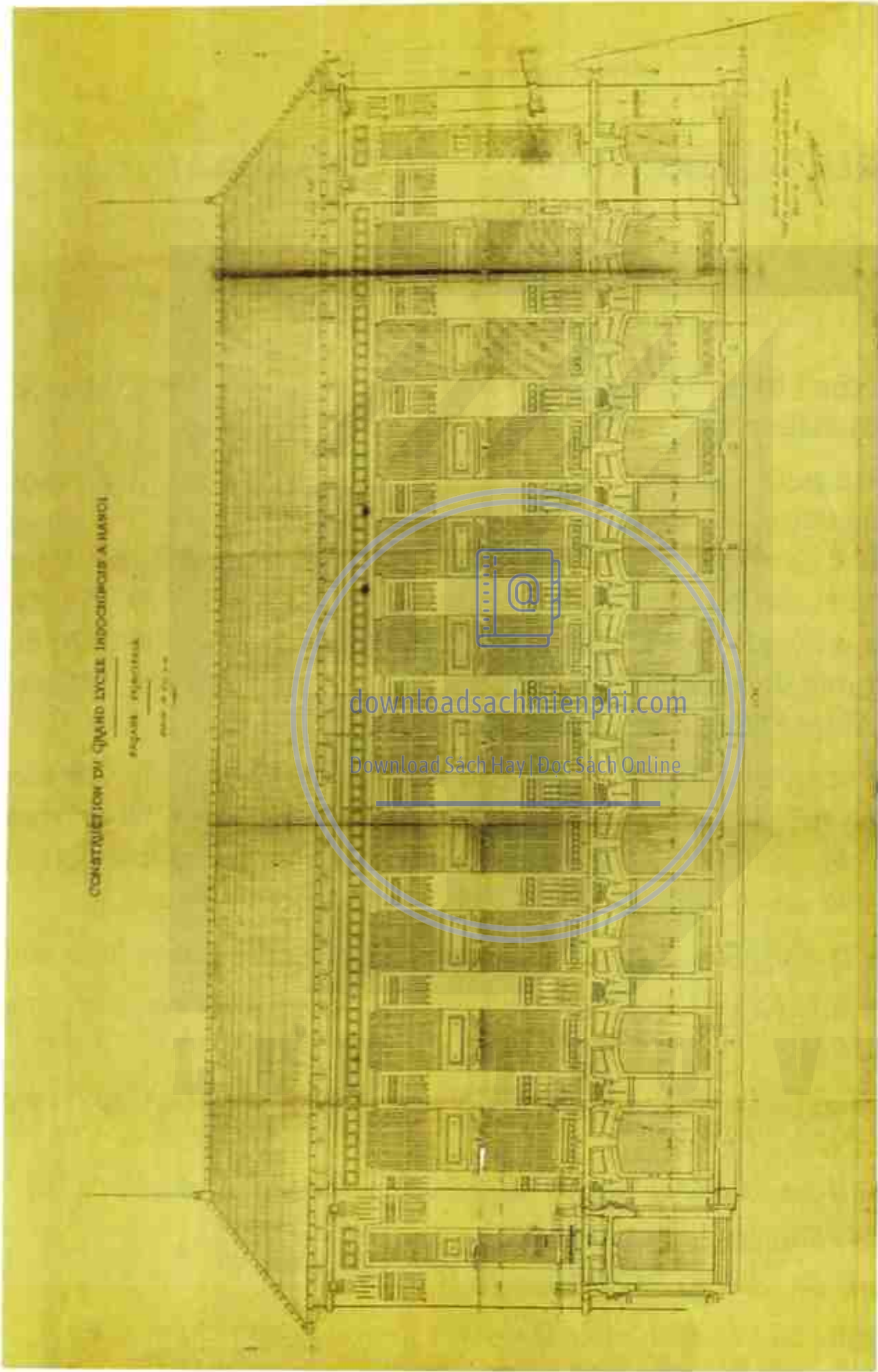
Theo tài liệu năm 1912, chính quyền thuộc địa dự kiến xây dựng một trường trung học cho con em viên chức người Pháp đang làm việc ở Đông Dương. Lúc đầu, họ dự định cải tạo Trường Collège Paul Bert ở phố Đồng Khánh (phố Hàng Bài) để làm Trường Trung học Albert Sarraut. Nhưng vì địa điểm ở đó quá chật nên không thực hiện được. Sau đó, địa điểm để xây trường mới được chọn ở gần khu vực Phủ Toàn quyền Đông Dương, trên đại lộ République (phố Hoàng Văn Thụ).

Tài liệu về công trình này gồm các bản thiết kế, bản vẽ và các văn bản có liên quan đến dự kiến xây dựng, quá trình thi công và cải tạo một số hạng mục công trình. Tài liệu được sắp xếp thành 40 hồ sơ theo trật tự thời gian, nhờ đó có thể thấy rõ quá trình xây dựng từng hạng mục.

Công trình Trường Trung học Albert Sarraut bao gồm các phần chính sau:

- *Lớp học và buồng ngủ ở giữa có giảng đường lớn được xây dựng năm 1915.*
- *Buồng ngủ, phòng ăn, nhà bếp và công trình phụ được xây dựng năm 1916-1917.*
- *Nhà ở của Hiệu trưởng và Tổng Giám thị được xây dựng năm 1918.*
- *Nhà chính được xây dựng năm 1920.*
- *Bệnh xá được xây dựng năm 1925.*
- *Trường cho học sinh nhỏ được xây dựng sau cùng năm 1939.*
- *Ngoài ra, còn có khu vực sân chơi, sân thể dục thể thao.*

Hiện nay công trình Trường Trung học Albert Sarraut được dùng làm Trụ sở Văn phòng Trung ương Đảng.



**Bản vẽ mặt trước của Trường Trung học Albert Sarraut (nay là trụ sở của Ban Đối ngoại và Ban Tổ chức Trung ương Đảng) do kiến trúc sư Adolphe Bussy lập năm 1915, tỷ lệ 1/50, kích thước gốc 65cm x 99cm.
KT - 349/5.**

CÔNG TRÌNH

TRƯỜNG DẠY NGHỀ

Ecole professionnelle
(1901-1944)

Công trình Trường Dạy nghề được xây dựng trên một khu đất giáp các đại lộ Rollandes (phố Hai Bà Trưng), Carreau (phố Lý Thường Kiệt), Jauréguiberry (phố Quang Trung) và phía tây giáp Tòa án. Khi mới thành lập, trường được đặt dưới sự bảo trợ của Phòng Thương mại.

Tài liệu về công trình này thiếu nhiều (có 20 hồ sơ nằm trong các hộp 391 đến 394 thuộc khối kiến trúc), số còn lại chủ yếu là các tài liệu liên quan đến các phương án xây dựng và cải tạo vì trước đó, trên khu đất này đã có một số công trình thuộc sở hữu của Nhà Kinh lược Bắc Kỳ.

Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và khu nhà tập thể số 2F phố Quang Trung hiện nay nằm trong khuôn viên của công trình Trường Dạy nghề trước kia.

L U U T R U V N

CÔNG TRÌNH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG DƯƠNG

Université indochinoise
(1902-1951)

Công trình Trường Đại học Đông Dương là một công trình lớn có giá trị về mặt kỹ thuật và mỹ thuật theo kiến trúc Pháp hiện đại nằm ở đại lộ Bobillot (phố Lê Thánh Tông).

Tài liệu về công trình này gồm 58 hồ sơ nằm trong các hộp từ 360 đến 375 thuộc khối kiến trúc trong đó có các bản thiết kế, bản vẽ và các tài liệu có liên quan đến việc xây dựng và cải tạo khu công trình này.

Theo tài liệu, quá trình xây dựng công trình Trường Đại học Đông Dương có thể được tóm tắt như sau:

- Năm 1902, chính quyền thực dân Pháp đã có dự kiến xây dựng cơ sở vật chất cho Trường Y (Ecole de Médecine). Kế hoạch này được Toàn quyền Đông Dương phê duyệt năm 1907. Địa điểm dự kiến đặt ở góc đại lộ Carreau (phố Lý Thường Kiệt) và đại lộ Jauréguiberry (phố Quang Trung) nhưng không thực hiện được, sau chuyển về đại lộ Bobillot.
- Năm 1913, khu nhà cánh trái (Trường Y) chính thức được khởi công xây dựng. Các hạng mục công trình được xây dựng năm 1913-1922 bao gồm: 1 phòng ăn tập thể, 1 nhà bếp, nhà tắm, giảng đường, buồng ngủ, các phòng thí nghiệm, nhà cho bộ phận của thú y và thư viện.
- Khu nhà cánh phải bắt đầu được xây dựng năm 1921-1923 gồm các phòng học và một giảng đường. Sau đó, 2 giảng đường mới được xây dựng dành cho khoa luật năm 1933-1937.

Phần II. QUY HOẠCH - XÂY DỰNG

- Khu nhà chính được xây dựng năm 1924, dự án từ năm 1920-1923 do kiến trúc sư Hébrard thiết kế. Trong khu nhà chính có 1 giảng đường lớn. Đây là công trình có thiết kế hiện đại và được trang trí tỉ mỉ, đặc biệt là bức tranh tường do họa sĩ Victor Tardieu thực hiện năm 1927-1928.

Từ năm 1928 đến năm 1945, công trình được xây dựng thêm sân tennis, tường rào, hệ thống cống và cải tạo một số hạng mục khác để tập trung một số trường đại học và cao đẳng khác vào Đại học Đông Dương.

Ngày nay công trình Trường Đại học Đông Dương do Trường Đại học Dược và Trường Đại học Quốc gia Hà Nội quản lý và sử dụng.



downloadsachmienphi.com

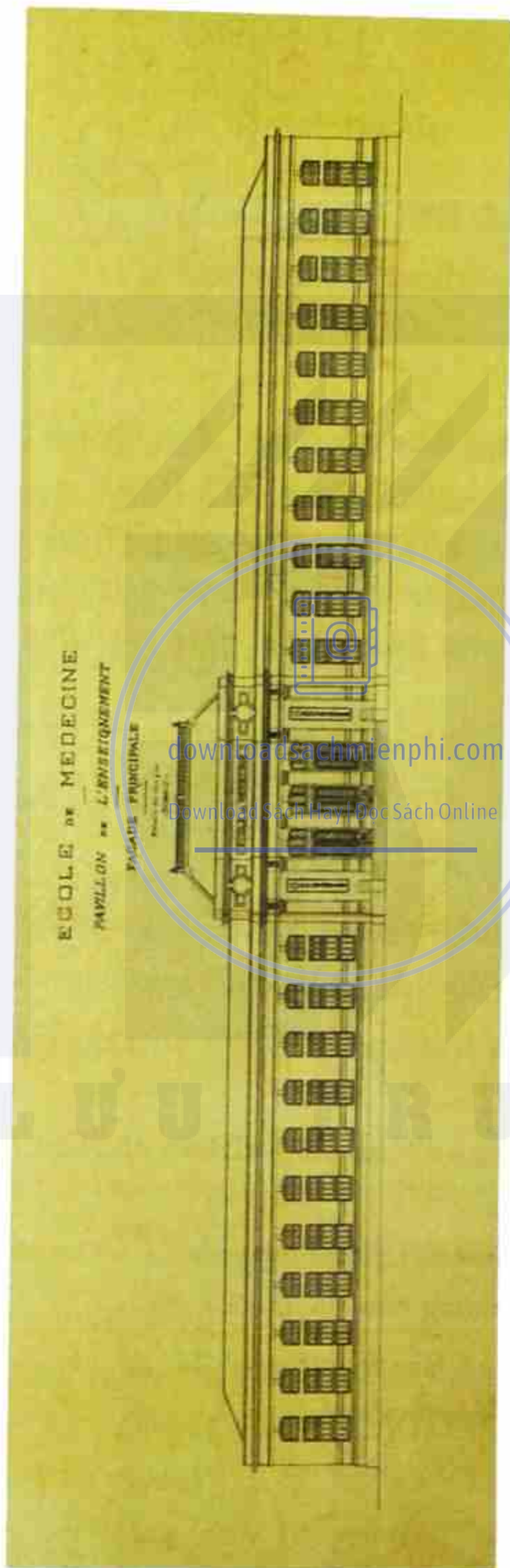
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LƯU TRỮ VN



Bản vẽ mặt trước tòa nhà trung tâm của Đại học Đông Dương (nay là Trường Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường Đại học Dược Hà Nội) do kiến trúc sư Charles Lacollonge, Chánh Sở Nhà cửa dân sự lập năm 1924, tỷ lệ 1/100, kích thước gốc 75cm x 100cm.

IGTP - 147/804.



Bản vẽ mặt trước khu học đường của Trường Y thuộc Đại học Đông Dương do kiến trúc sư Charles Lichtenfelder, Chánh Sở Kiến trúc Trung ương lập năm 1907, tỷ lệ 1/50, kích thước gốc 30cm x 90cm.
KT - 360/3.

CÔNG TRÌNH

TRƯỜNG THÚ Y

Ecole Vétérinaire
(1905-1944)

Công trình Trường Thú y được xây dựng năm 1905 ở đại lộ Armand Rousseau (phố Lò Đúc) và phố Nguyễn Công Trứ.

Tài liệu về công trình này có 8 hồ sơ trong 2 hộp 376 và 377 thuộc khối tài liệu kiến trúc, gồm các bản thiết kế, bản vẽ và văn bản liên quan đến kế hoạch xây dựng và việc thi công các phần của công trình từ 1905 đến 1937.

Theo tài liệu, công trình gồm các phần sau:

- *Trạm Thú y chuyên để chăm sóc gia súc được xây dựng năm 1905.*
- *Trạm xá được xây dựng năm 1905.*
- *Một số chuồng trại súc vật được xây dựng năm 1906-1907.*
- *Nhà 2 tầng dùng làm văn phòng được xây dựng năm 1906-1907.*

Cũng theo tài liệu, Trường có kế hoạch xây dựng thêm một số hạng mục khác như:

- *Năm 1911, có kế hoạch xây dựng nhà ăn, nhà bếp, nhà tắm và nhà vệ sinh.*
- *Năm 1919, có kế hoạch xây dựng nhà ngủ cho sinh viên và cho Giám thị và một phòng bào chế thuốc.*
- *Năm 1921, có kế hoạch mở rộng đất để xây dựng phòng hoá nghiệm và một số chuồng trại.*

CÔNG TRÌNH**TRƯỜNG SƯ PHẠM**

Ecole normale d'Instituteurs
(1915-1943)

Công trình Trường Sư phạm được xây dựng năm 1919 trên khu đất dọc theo phố Đỗ Hữu Vị (phố Cửa Bắc) và bao quanh bởi đại lộ Grand Bouddha (phố Quán Thánh), phố Bourrin (phố Hàng Bún) và đại lộ Carnot (phố Phan Đình Phùng).

Tài liệu về công trình này gồm:



A. TÀI LIỆU KỸ THUẬT: có 11 hồ sơ nằm trong 2 hộp 347 và 348 thuộc khối kiến trúc, gồm các bản vẽ và các tài liệu có liên quan đến việc xây dựng và mở rộng trường. Theo các tài liệu này, công trình Trường Sư phạm được xây dựng nhiều lần vào các năm 1919, 1923 và 1927. Ngoài ra, còn có các lần cải tạo sửa chữa cho đến 1943.

B. TÀI LIỆU HÀNH CHÍNH: có 1 hồ sơ.

TPT - 962

Construction d'une Ecole normale d'Instituteurs à Hanoï 1919-1920.

Xây dựng Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội 1919-1920.

Hồ sơ gồm 8 tờ, trong đó có:

- Công điện, thông tri, công văn trao đổi giữa Trường khu Công chính Bắc Kỳ, Thống sứ Bắc Kỳ, Đốc lý Hà Nội... liên quan đến việc trưng dụng ba thửa đất số 89, 88^{bis} và 88 nằm trên đại lộ Grand Bouddha (phố Quán Thánh) để mở rộng Trường Cao đẳng Sư phạm

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Hà Nội nằm ở rìa đường Grand Bouddha, đường số 52 (đường này sau được đặt là phố Yên Thành rồi đổi tên thành phố Đỗ Hữu Vị và nay là phố Cửa Bắc) và đại lộ Carnot (phố Phan Đình Phùng).

Bản vẽ tổng thể Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội do Trường Ban Nhà cửa dân sự lập ngày 29-4-1920.

Công trình này hiện nay do Trường Trung học phổ thông Phan Đình Phùng quản lý và sử dụng.



CÔNG TRÌNH**TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG LÂM**

Ecole supérieure d'Agriculture et de Sylviculture
(1918-1936)

Công trình Trường Cao đẳng Nông Lâm được xây dựng và cải tạo trên cơ sở của Sở Quản lý vườn Bách thảo cũ từ 1918. Công trình này nằm gần vườn Bách thảo, ở trên đường Ngọc Hà.

Tài liệu về công trình này gồm 10 hồ sơ nằm trong 2 hộp 378 và 379 thuộc khối tài liệu kiến trúc. Các tài liệu cho thấy công trình này đã được cải tạo 3 lần:

- Năm 1918, sau khi tiếp nhận cơ sở của Sở Quản lý vườn Bách thảo, công trình này được tu sửa và xây dựng thêm nhà dùng làm phòng thí nghiệm cho sinh viên.
- Năm 1928, trường được mở rộng thêm một số nhà mới cho sinh viên ăn ở và học tập.
- Năm 1936, trường chuyển về tập trung vào Đại học Đông Dương ở phố Lê Thánh Tông và giao lại cơ sở cho Viện Nghiên cứu Nông học.

CÔNG TRÌNH

TRƯỜNG MỸ THUẬT

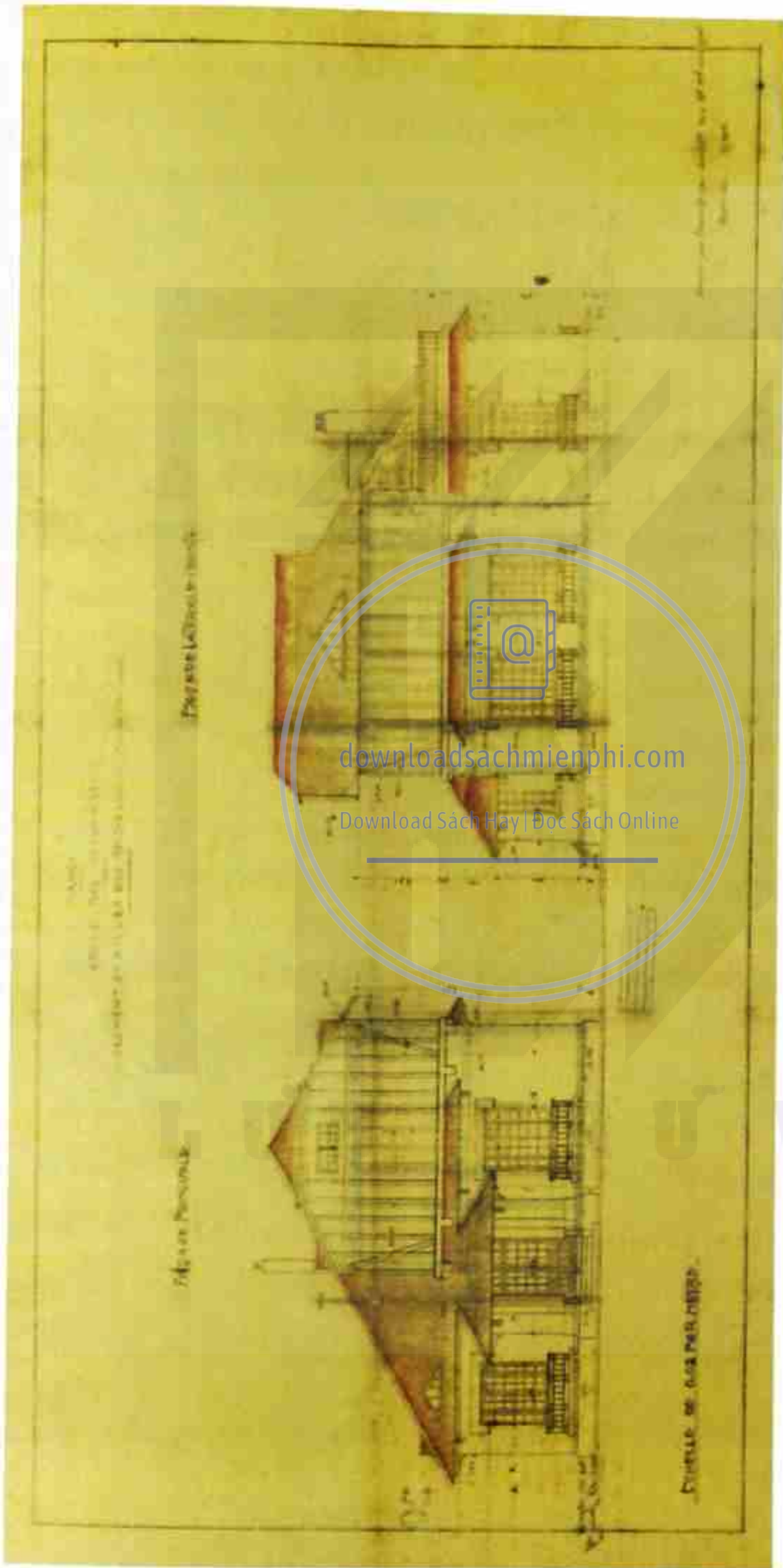
Ecole des Beaux Arts de l'Indochine
(1924-1943)

Tài liệu về công trình Trường Mỹ thuật Đông Dương được sắp xếp thành 26 hồ sơ nằm trong các hộp từ 380 đến 384 thuộc khối tài liệu kiến trúc. Các tài liệu này gồm các bản thiết kế, bản vẽ và các văn bản có liên quan đến ý tưởng thành lập Trường Mỹ thuật Đông Dương và quá trình xây dựng mở rộng trường từ 1924 đến 1943.

Theo tài liệu, công trình Trường Mỹ thuật Đông Dương được xây dựng năm 1925 ở góc đường Hàng Long (một đoạn phố Lê Duẩn) và phố Reinach (phố Trần Quốc Toàn). Công trình xây năm 1925 này rất nhỏ, chủ yếu để phục vụ sinh hoạt của một số họa sĩ và học viên (lúc đó, trường mới có một khoa).

Năm 1928, một khu nhà mới được xây dựng thêm trên mảnh đất ở góc phố Reinach và phố Bovet (phố Yết Kiêu) làm phòng học cho hai khoa mới: khoa điêu khắc và kiến trúc. Công trình này nhiều lần được cải tạo và mở rộng cho đến 1944.

Hiện nay, công trình Trường Mỹ thuật Đông Dương do Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội quản lý và sử dụng.



Bản vẽ mặt trước và mặt bên khu nhà ở và xưởng vẽ của giáo viên Trường Mỹ thuật Đông Dương (nay là Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam) do kiến trúc sư Charles Lacollonge, Chánh Sở Nhà cửa dân sự lập năm 1925, tỷ lệ 1/50, kích thước gốc 50cm x 100cm. KT - 380/3.

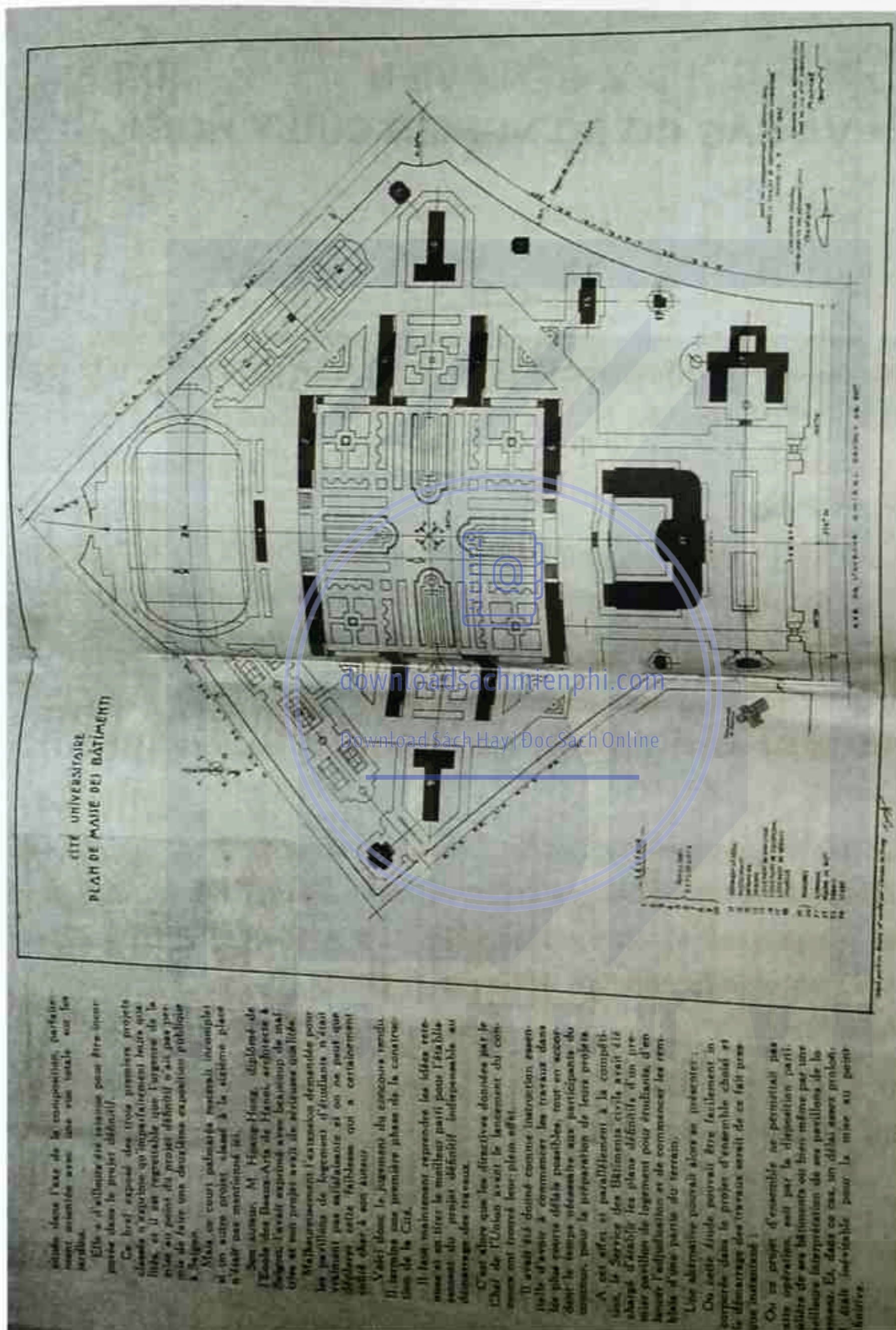
CÔNG TRÌNH
KHU HỌC XÁ
Cité Universitaire
(1941-1945)

Tài liệu về công trình Khu học xá được sắp xếp thành 23 hồ sơ nằm trong các hộp từ 385 đến 390. Các tài liệu này gồm các bản thiết kế, bản vẽ và các tài liệu có liên quan đến quá trình xây dựng và cải tạo công trình từ 1941 đến 1945.

Theo tài liệu, đây là công trình lớn do chính quyền thực dân đầu tư xây dựng cuối cùng ở Hà Nội. Công trình này được quyết định xây dựng trên diện tích 55ha, trong đó 17ha để xây dựng Khu học xá có nhà ở, nhà ăn cho sinh viên với đầy đủ tiện nghi theo kiểu tầng lớp trên của xã hội lúc đó. Ngoài nhà ở, nhà ăn, công trình này còn có sân vận động, các bãi chơi thể thao, nhà hành chính quản trị, nhà ở cho Giám đốc, Tổng Thư ký, nhân viên, nhà thờ, chùa... Trên mảnh đất 38ha còn lại sẽ xây dựng Trường Y - Dược, Bảo tàng, Vườn thảo mộc.

Toàn bộ khu công trình này bao gồm 24 công trình lớn nhỏ. Phong cách kiến trúc của khu công trình này theo phong cách Việt Nam kết hợp với phong cách kiến trúc hiện đại.

Công trình Khu học xá sau này được mở rộng và nay trở thành một phần diện tích của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.



Sơ đồ tổng thể các khu nhà của Khu Học xá Đông Dương ở Hà Nội.

Indochine hebdomadaire illustré, N° 116, 19 novembre 1942.

V. BỆNH VIỆN VÀ CÁC CƠ SỞ NGHIÊN CỨU Y HỌC

CÔNG TRÌNH BỆNH VIỆN DE LANESSAN Hôpital de Lanessan (1902-1948)



Bệnh viện De Lanessan được thành lập năm 1892, lúc đầu chủ yếu phục vụ quân đội Pháp, sau đó mới nhận bệnh nhân dân sự. Công trình Bệnh viện De Lanessan được xây dựng trên đại lộ Gambetta (phố Trần Hưng Đạo).

Tài liệu về công trình này gồm 235 hồ sơ nằm trong các hộp từ 403 đến 430 thuộc khối tài liệu kiến trúc trong đó chủ yếu là tài liệu về mở rộng và cải tạo công trình từ 1927 đến 1942. Tài liệu có thời gian sớm nhất là các bản vẽ liên quan đến việc xây dựng nhà bệnh nhân nữ năm 1902.

Ngày nay, công trình Bệnh viện De Lanessan do Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 quản lý và sử dụng.

CÔNG TRÌNH VIỆN GIẢI PHẪU

Institut anatomique à Hanoï
(1902-1953)

Năm 1907, Viện Giải phẫu được thành lập và được phép sử dụng một nhà hộ sinh cũ (xây từ năm 1902) ở đường số 154 (đường này được đặt tên là phố Baronna, sau gộp với phố Trang Trình thành phố Nguyễn Huy Tự rồi đổi tên thành phố Liên Trì, nay là phố Nguyễn Cao), cạnh Viện Vệ sinh dịch tễ. Sau đó, khu đất này được nhượng một phần cho Viện Pasteur, một phần cho Thành phố để mở đường, nên diện tích còn lại quá nhỏ không đủ để tồn tại và hoạt động.

Năm 1930, Viện được xây dựng mới ở khu đất trên đường số 147 (cuối phố Tăng Bạt Hổ). Công trình được xây dựng trong 2 năm (1930-1932), sau đó có sửa chữa và cải tạo.

Tài liệu về công trình này gồm: 15 hồ sơ nằm trong các hộp 530 đến 532 thuộc khối tài liệu kiến trúc trong đó có các bản thiết kế, bản vẽ chi tiết cho từng phần và các văn bản liên quan đến việc nghiên cứu, trình duyệt, thiết kế, đấu thầu, xây dựng, hoàn công. Ngoài ra, trong đó còn có các tài liệu liên quan đến việc sửa chữa cải tạo công trình.

Ngày nay, công trình Viện Giải phẫu nay do Viện Vệ sinh dịch tễ quản lý và sử dụng.

CÔNG TRÌNH

BỆNH VIỆN YERSIN

Hôpital Yersin
(1904-1954)

Bệnh viện Yersin lúc đầu xây dựng có tên là Hôpital indigène de Hanoi (còn được gọi là Bệnh viện Phủ Doãn), sau đổi thành Hôpital indigène du Protectorat, đến năm 1943 mới đổi tên thành Bệnh viện Yersin.

Tài liệu về công trình Bệnh viện Yersin gồm 71 hồ sơ nằm trong hộp từ 431 đến 440 thuộc khối kiến trúc, bao gồm các bản thiết kế, bản vẽ và các văn bản có liên quan đến việc xây dựng, cải tạo, sửa chữa các hạng mục công trình từ 1904 đến 1954.

Theo tài liệu, bệnh viện có 2 khu:

- Một khu hiện nay là Bệnh viện Việt Đức trông ra phố Borngis Desbordes (phố Tràng Thi) và phố Julien Blanc (phố Phủ Doãn) và Viện Răng Hàm Mặt trông ra phố Richaud (phố Quán Sứ) và phố Borngis Desbordes. Các hạng mục công trình gồm các nhà lớn nhỏ được xây dựng từ 1904 đến 1925, trong đó có 19 nhà 1 tầng dùng làm phòng bệnh nhân điều trị; 4 nhà loại 2 tầng dùng làm phòng hành chính quản trị, phòng khám bệnh, phòng giải phẫu; 1 nhà 1 tầng dùng làm nơi chữa bệnh bằng thủy liệu.
- Khu thứ 2 nay là Bệnh viện Phụ sản Trung ương trông ra phố Borngis Desbordes và phố và Bệnh viện K trông ra phố Richaud. Khu vực này trước năm 1923 thuộc Nhà tu kín dòng Carmen. Sau đó, Chính phủ Đông Dương mua lại và giao cho Bệnh viện Phủ Doãn để làm chi nhánh. Công trình này chủ yếu là nhà cũ của Nhà

tu để lại được tu tạo làm nhà hộ sinh, lớp học, phòng khám.

Năm 1939, Bệnh viện Phủ Doãn đã giao lại cho Sở Y tế Bắc Kỳ một số nhà để xây kho dược phẩm. Khu vực này được gọi là viện Bào chế Trung ương. Tuy nhiên, do tài liệu về công trình này thiếu nhiều nên không đủ căn cứ xác định vị trí các toà nhà.

Cụm công trình Bệnh viện Yersin nay do Bệnh viện Việt Đức, Viện Răng Hàm Măt, Bệnh viện Phụ sản Trung ương, Bệnh viện Ung bướu quản lý và sử dụng.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

L U U T R U V N

CÔNG TRÌNH**VIỆN MẮT**

Institut ophtalmologique
(1913-1952)

Tài liệu về công trình này gồm 18 hồ sơ nằm trong các hộp 539-540 thuộc khối tài liệu kiến trúc.

Theo tài liệu, tiền thân của Viện Mắt là một bệnh xá chuyên về khoa mắt được xây dựng năm 1914. Bệnh xá này lúc đầu trực thuộc Sở Vệ sinh Thành phố Hà Nội, là nơi thực tập cho sinh viên Trường Y. Năm 1917, bệnh xá được chuyển giao cho Trường Y và đổi tên là Trung tâm Giảng dạy về khoa mắt.

Năm 1933, Trung tâm này lại đổi tên thành Trường Thực hành chuyên khoa mắt.

Năm 1936, Trường Thực hành chuyên khoa mắt đổi tên thành Viện Mắt.

Viện Mắt được xây dựng trên mảnh đất giáp 3 phố: Miribel (phố Trần Nhân Tông), Lê Lợi (một đoạn phố Bà Triệu) và phố Duvigean (phố Bùi Thị Xuân), mặt sau giáp nhà dân.

Tài liệu về công trình này được sắp xếp thành 18 hồ sơ trong đó có các bản thiết kế, bản vẽ và các văn bản có liên quan đến việc thiết kế, thi công và sửa chữa công trình từ 1913 đến 1953.

Theo bản đồ có thời gian muộn nhất (năm 1952) có trong hồ sơ thì công trình này gồm các nhà chính sau:

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Nhà A: nhà 1 tầng xây dựng năm 1914 hoàn thành năm 1915 trên diện tích 150m², lúc đầu dùng làm phòng phát thuốc sau chuyển thành phòng khám.
 - Nhà B: nhà 1 tầng xây năm 1914 trên diện tích 400m² dùng vào việc điều trị bệnh nhân. Năm 1918, nhà B được mở rộng thêm 300m².
 - Nhà C: nhà 1 tầng xây năm 1919 dành cho bệnh nhân mắc bệnh lây, năm 1952 được xây thêm 1 tầng có hành lang nối với các nhà D, E, H.
 - Nhà E: nhà 2 tầng xây năm 1930 dùng cho bệnh nhân lây.
 - Nhà H: nhà 2 tầng xây năm 1950 dành cho sinh viên nội trú và bệnh nhân phải trả tiền.
- Nhà D: nhà 1 tầng, dùng làm nhà xe, sau xây thêm 1 tầng để bố trí thêm giường cho bệnh nhân

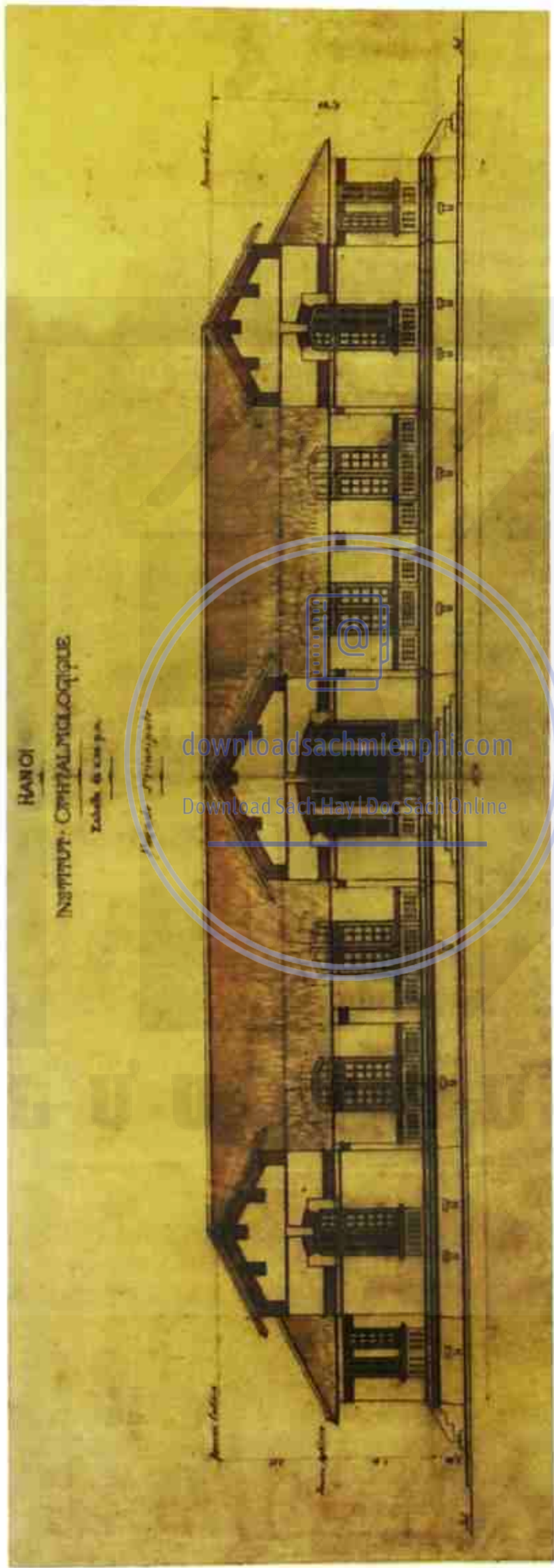
Công trình này hiện nay do Viện Mất quản lý và sử dụng.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

L U U T R U V N



Bản vẽ mặt trước Viện Mắt (nay là Viện Mắt Trung ương) do kiến trúc sư Adolphe Bussy, Chánh Sở Nhà cửa dân sự lập 1914, tỷ lệ 1/50, kích thước gốc 28cm x 80cm.
KT - 539/1.

CÔNG TRÌNH VIỆN PASTEUR

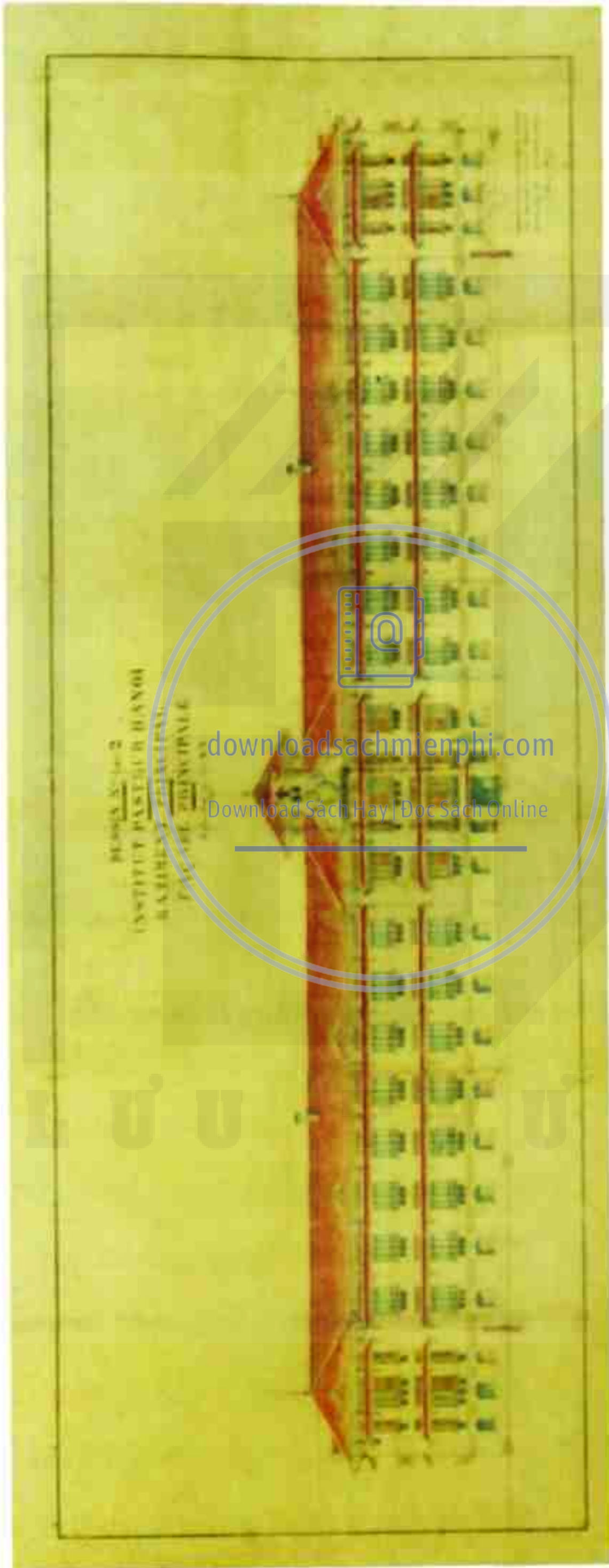
Institut Pasteur
(1925-1953)

Tài liệu về công trình viện Pasteur được sắp xếp thành 19 hồ sơ nằm trong các hộp từ 533 đến 537 thuộc khối tài liệu kiến trúc.

Theo tài liệu, công trình viện Pasteur được xây dựng năm 1926-1927 trên tổng diện tích 3 héc ta do kiến trúc sư Gaston Roger thiết kế, gồm các phần:

- Nhà chính 3 tầng, xây năm 1927: đây là nơi quan trọng tập trung các bộ phận nghiên cứu, phòng thí nghiệm, các thiết bị chuyên môn hoạt động của Viện. Nhà chính dài 100 mét.
- Nhà ở của viên quản lý và cho người Âu cư trú 2 tầng, xây năm 1927.
- 13 công trình phụ 1 tầng xây năm 1928-1928.
- Nhà ở của Giám đốc xây dựng sau cùng năm 1929.

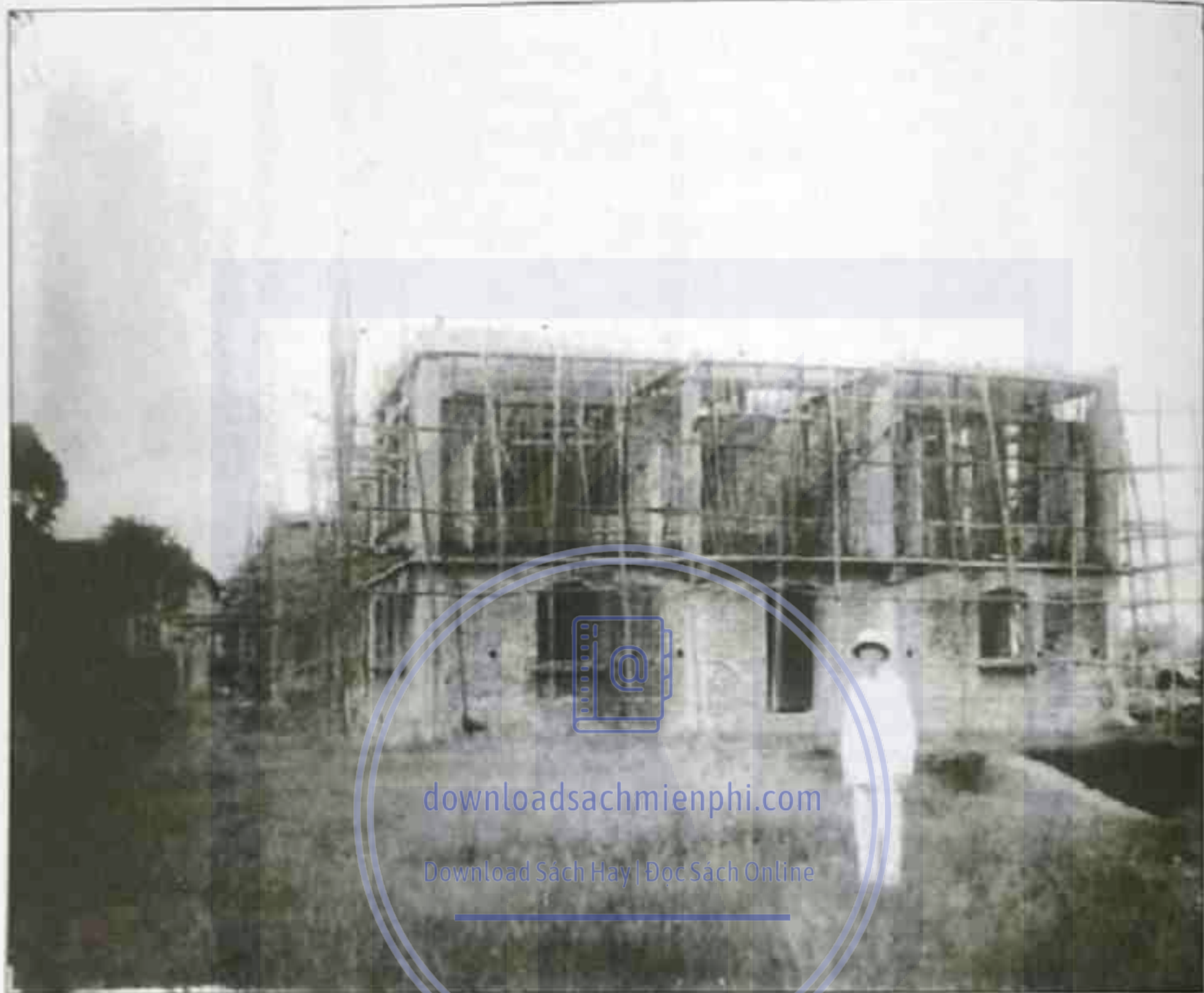
Công trình viện Pasteur ngày nay do Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương quản lý và sử dụng.



**Bản vẽ mặt trước toà nhà chính của Viện Pasteur (nay là Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương) do Gaston Roger.
kiến trúc sư phó thuộc Sở Nhà cửa dân sự lập năm 1925, tỷ lệ 1/100, kích thước gốc 50cm x 120cm.**

KT-535/13.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954



Ảnh mặt bên và mặt trước tòa nhà trung tâm Pasteur đang xây dựng (chụp ngày 1 - 6 - 1928).

KT - 636/16.

L U U T R U V N

CÔNG TRÌNH
BỆNH VIỆN RENE ROBIN
Hôpital René Robin à Bach Mai
(1928-1953)

Công trình Bệnh viện René Robin được Thống sứ Bắc Kỳ René Robin quyết định xây dựng năm 1928 để giải quyết vấn đề số lượng bệnh nhân ngày càng tăng mà Bệnh viện Phủ Doãn không thể đáp ứng được.

Tài liệu về công trình này tương đối đầy đủ, được sắp xếp thành 117 hồ sơ và các tập bản vẽ thiết kế riêng từng công trình, nằm trong các hộp từ 441 đến 482 trong khối tài liệu kiến trúc. Theo tài liệu, công trình được tiến hành từ 1929 đến 1932 mới xong một số hạng mục như nhà hộ sinh, bộ phận phục vụ chung, tháp nước, hệ thống dẫn nước. Tổng diện tích dành cho công trình này là 150.000m². Số giường bệnh dự kiến là 1000, có thể mở rộng thành 1380 nếu cần thiết.

Bệnh viện gồm những hạng mục chính sau:

- Nhà hộ sinh xây dựng năm 1929.
- Các bộ phận phục vụ xây dựng năm 1930.
- Khu lây xây dựng năm 1932.
- Khu bệnh nhân tâm thần và tù nhân xây dựng năm 1933.
- Khu đa khoa xây dựng năm 1936.
- Khu điều trị và giảng dạy xây dựng năm 1937.
- Khu giải phẫu chung xây dựng năm 1940.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Khu hành chính và khám bệnh xây dựng năm 1940.
- Khu ở của nhân viên, xây dựng các năm 1933-1936.
- Hệ thống cấp nước xây dựng năm 1931-1933.
- Một số hệ thống và bộ phận khác xây dựng năm 1938.

Công trình Bệnh viện René Robin hiện nay do Bệnh viện Bạch Mai Hà Nội quản lý và sử dụng.



CÔNG TRÌNH
VIỆN UNG THƯ
Insitut du Cancer
(1953-1954)

Viện Ung thư trước kia còn gọi là Institut du Radum. Viện được xây dựng trên đất của Nhà tu Carmel cũ ở phố Richaud (phố Quán Sứ).

Hồ sơ về việc xây dựng công trình này không còn, chỉ còn một số văn bản có liên quan đến việc lắp đặt lắp tia X-Maximar năm 1953-1954 (hộp 538, khối tài liệu kiến trúc).

Công trình Viện Ung thư hiện nay do Viện Ung bướu quản lý và sử dụng.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

L U U T R U V N

VI. KHỐI CÔNG SỞ THUỘC TOÀ ÁN - MẬT THÁM - QUÂN ĐỘI

CÁC CÔNG TRÌNH THUỘC SỞ CẢNH BINH HÀ NỘI

Commissariat de Police
(1893-1952)

Tài liệu về các công trình thuộc Sở Cảnh binh Hà Nội có trong hai khối tài liệu kỹ thuật và tài liệu hành chính.

A. TÀI LIỆU KỸ THUẬT: gồm 1 hồ sơ trong hộp số 5 thuộc khối tài liệu kiến trúc.

Công trình xây dựng của Sở Cảnh binh Hà Nội hiện còn hai khu nhà. Một khu ở phố Jules Ferry (trước kia thuộc phố Hàng Trống nay là một đoạn phố Lê Thái Tổ), một khu ở góc phố Takou (phố Hàng Cót) và phố Graines (phố Hàng Đậu).

a. Công trình ở phố Jules Ferry (đoạn phố Lê Thái Tổ):

Theo bản vẽ số 7, tập 1, hồ sơ 5, hộp 100, công trình này nằm ở vị trí nay là Công an quận Hoàn Kiếm (Hà Nội), ở góc phố Tràng Thi và phố Lê Thái Tổ (số 2A phố Tràng Thi). Tài liệu về công trình này gồm các bản thiết kế sơ bộ năm 1893, có bản vẽ không ghi rõ năm thiết kế.

b. Công trình ở góc phố Takou và phố Graines:

Công trình này hiện nay là trụ sở Công an phường Đồng Xuân (số 2 phố Hàng Giấy). Tài liệu về công trình này gồm các bản thiết kế và bản vẽ chi tiết năm 1908, có bản ghi năm thiết kế.

B. TÀI LIỆU HÀNH CHÍNH: gồm 1 hồ sơ.

TPT - 217

Travaux de construction et installation du Commissariat Central de Police de Hanoï 1915-1917.

Xây dựng và sắp xếp Sở Cảnh sát Trung ương Hà Nội 1915-1917.

Hồ sơ gồm 56 tờ và 41 trang, trong đó có:

- Báo cáo số 848/A ngày 21-4-1915 và 49/A ngày 9-6-1915 của Trưởng Ban Nhà cửa dân sự đề nghị Thống sứ Bắc Kỳ thông qua dự án và kết quả phiên đấu thầu công trình xây dựng nhà ở của viên chức người Âu, các nhà phụ thuộc và nhà cửa trong doanh trại cho nhân viên bản xứ thuộc Sở Cảnh sát hành chính và tư pháp tại Hà Nội mà ông Leroy là người trúng thầu (kèm theo biên bản phiên đấu thầu ngày 5-6-1915, đơn dự thầu và tập điều kiện thầu).
- Báo cáo số 846 ngày 20-12-1915 của Trưởng khu Bắc Kỳ đề nghị thông qua dự án quét sơn và làm cửa kính khu nhà ở của viên chức người Âu và người bản xứ thuộc Sở Cảnh sát và đơn dự thầu của ông Bruni.
- Báo cáo số 1067/A ngày 6-3-1916 của Trưởng Ban Nhà cửa dân sự về việc ông Bruni đề nghị được hoàn trả khoản tiền đặt cọc là 170 francs và kiến nghị Thống sứ xem xét việc này cũng như thông qua bản dự thảo nghị định đính kèm liên quan đến việc đã nêu.
- Công văn trao đổi giữa Chánh Sở Cảnh sát Trung ương Bắc Kỳ, Thống sứ Bắc Kỳ, Trưởng khu I và báo cáo số 994 ngày 29-4-1916 của Trưởng Ban Nhà cửa dân sự liên quan đến việc xây dựng các bức tường bên trong các phòng của Sở Cảnh sát tại đại lộ Gambetta (phố Trần Hưng Đạo) và việc lắp quạt trần tại các phòng làm việc của Sở Cảnh sát Trung ương.
- Báo cáo số 4/A ngày 13-3-1917 của Trưởng Ban Nhà cửa dân sự đề nghị cho mở khoản tín dụng chi cho việc xây dựng một phòng thí nghiệm và một phòng chiếu cho Xưởng phim quân đội tại Sở Cảnh sát Trung ương (kèm theo bản ước tính chi tiết các chi phí).

Và một số tài liệu khác...

CÔNG TRÌNH

NHÀ LAO TRUNG ƯƠNG

Prison centrale de Hanoi
(1895-1952)

Tài liệu về công trình này có trong hai khối tài liệu kỹ thuật và tài liệu hành chính.

A. TÀI LIỆU KỸ THUẬT: gồm 35 hồ sơ nằm trong các hộp từ 128 đến 131 thuộc khối kiến trúc.

Theo các tài liệu trên, Nhà lao Trung ương (Maison centrale) thường gọi là Nhà pha Hoả Lò. Đây là một trại giam chính trị phạm và thường phạm được xây dựng từ 1895.

Nhà lao này là một trại giam lớn, kiến trúc kiên cố, hiện đại, bố trí nghiêm mật, được xây dựng ở vị trí trung tâm Thành phố trông ra 4 mặt phố: Rollandes (phố Hai Bà Trưng), Richaud (phố Quán Sứ), Teinturiers (phố Thợ Nhuộm) và Prison (phố Hoả Lò).

Tài liệu về công trình này gồm các bản vẽ về xây dựng và cải tạo sửa chữa của khu công trình này từ 1895 đến 1952, trong đó có 5 bản vẽ tổng thể khu trại giam các năm 1907, 1919, 1929, 1936, 1941 (hồ sơ 2, tập 1, hộp 128). Tài liệu về công trình này còn lại không đầy đủ, thiếu nhiều văn bản liên quan đến kế hoạch xây dựng cũng như cải tạo.

Ngày nay, công trình Nhà lao Trung ương còn được giữ lại một phần quay ra phố Hoả Lò để làm di tích lịch sử. Phần còn lại đã phá bỏ và xây dựng toà Tháp Hà Nội (Hanoi Tower) quay mặt ra các phố Rollandes, Richaud và phố Teinturiers.

B. TÀI LIỆU HÀNH CHÍNH:

TPT - 210

Travaux d'aménagement à la Prison Centrale de Hanoi. Plans. 1904.

Cải tạo Nhà lao Trung ương Hà Nội. Các bản vẽ năm 1904.

Hồ sơ gồm 66 tờ, trong đó có:

- Công văn trao đổi trong thời gian từ 1904-1907 giữa Toàn quyền Đông Dương, Thống sứ Bắc Kỳ, Thanh tra các công trình dân sự, phụ trách Nhà lao, Chánh Ty Công chính... về các dự án mở rộng và cải tạo nhà lao Hà Nội do số tù nhân giam giữ tại đây ngày càng đông và có hiện tượng phạm nhân vượt ngục.
- Thông tri ngày 18-1-1905 của phụ trách Nhà lao Hà Nội đưa ra phương án bố trí các khu nhà cần xây dựng gồm xà lim trong phần kéo dài của hai khu nhà hiện có nằm ở hai bên sân vào trại giam và những xà lim cách ly ở cuối sân. Những hạng mục công trình dự kiến phải được xây dựng trên các vòm giữa những thanh sắt hình chữ I và được bố trí tương tự ở phía trên tường để làm trần. Tất cả các cửa sổ bên ngoài phải có chấn song cố định và những chiếc chụp dạng lồng sắt để ngăn chặn việc tù nhân có thể liên lạc với bên ngoài. Ngoài chốt bằng gỗ và lỗ nhìn ra, những cánh cửa xà lim phải được trang bị thêm chấn song chắc chắn quay về phía các phạm nhân và khoá bằng khoá ổ rất chắc. Chấn song sẽ phải mở bên trong xà lim, cánh cửa bằng gỗ bên ngoài có thể quay vào trong tường và cố định bằng chiếc chặn sắt. Lớp lát gạch vuông phải được làm từ những viên gạch chắc, dày và được gắn xi măng cẩn thận sao cho các phạm nhân không nhấc lên được. Viên chức Sở Công chính phụ trách việc lập dự án cần phải đến tận nơi nếu muốn có những chỉ dẫn chi tiết.
- Thông tri số 459 ngày 26-4-1905 của phụ trách Nhà lao Hà Nội liên quan đến việc mở rộng các khu nhà trong nhà lao dân sự Hà Nội, cụ thể như sau:

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Xây tầng hai khu nhà nằm ở cuối sân vào để lập một khu xà lim cho những phạm nhân người Âu.
 - Mở rộng trại giam phạm nhân nữ.
 - Mở rộng phạm vi nhà lao để có thể bố trí hợp lý tất cả các phòng ban.
 - Báo cáo ngày 5-5-1905 của Trưởng Ban Nhà cửa dân sự về việc mở rộng nhà lao dân sự Hà Nội và nêu lên một số việc cần phải xem xét:
 - Có nên mở rộng nhà lao theo như các dự kiến trước đây hay không bởi phạm vi của nhà lao hoàn toàn không đủ.
 - Có nên hạn chế việc giam giữ tại nhà lao những người Âu và người bản xứ đang trong thời gian giam cứu hoặc có mức án dưới 6 tháng.
 - Báo cáo số 186/A ngày 3-5-1907 của Trưởng Ban Nhà cửa dân sự đề nghị thông qua bản vẽ, hợp đồng thoả thuận và khoản tín dụng 12.000 đồng để sửa sang các khu nhà trong nhà tù dân sự của Thành phố.
 - 4 bản vẽ tổng thể tầng trệt Nhà lao Trung ương Hà Nội.
- Và một số tài liệu khác...

L U U T R U V N

CÔNG TRÌNH TRẠI LÍNH KHỔ XANH

Garde Indigène
(1895-1944)

Tài liệu về công trình này có không đầy đủ, gồm 22 hồ sơ trong hộp 108 thuộc khối tài liệu kiến trúc, trong đó tài liệu có thời gian sớm nhất là các bản vẽ năm 1895. Theo các bản vẽ đó, một số nhà đã được xây dựng trước năm 1895.

Từ năm 1895 đến 1903: Một số hạng mục công trình đã được xây dựng như:

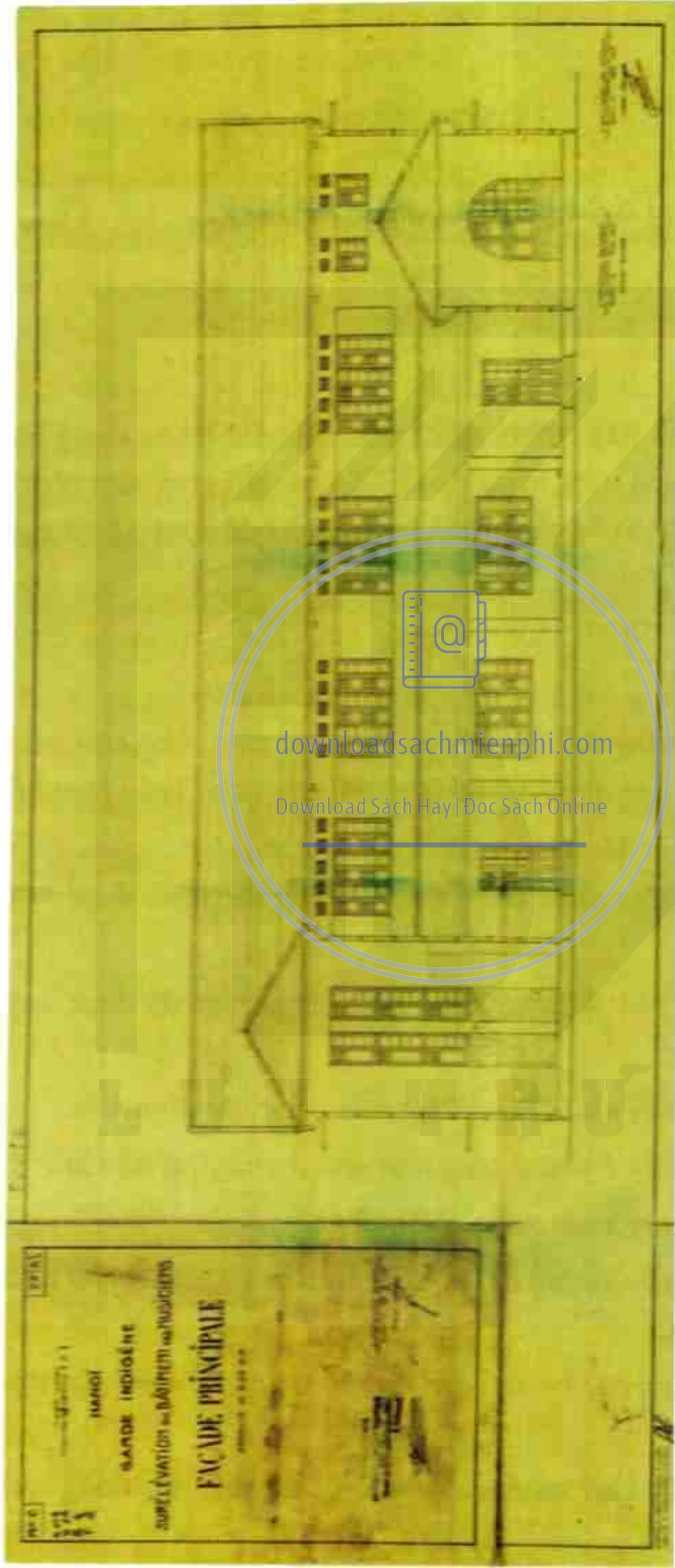
- Một nhà 1 tầng để làm các phòng làm việc, nhà kho, xưởng và phòng ở. Nhà này quay ra đại lộ Gambetta (phố Trần Hưng Đạo).
- Hai nhà 1 tầng dùng làm nhà ở cho viên thanh tra quân đội và cho chánh quản ở. Do thiếu bản vẽ nên không xác định được vị trí của 2 nhà này.

Từ năm 1923 đến 1944: Một số hạng mục công trình đã được xây dựng và mở rộng như:

- Năm 1923: xây nhà ở và phòng hoà nhạc cho lính kèn.
- Năm 1925: xây 1 nhà 2 tầng làm nhà ở cho lính bản xứ.
- Năm 1938: xây xưởng sửa chữa vũ khí.
- Năm 1939: xây xưởng mạ đồng, nhà tiêu và nhà ở cho nhân viên quản lý vũ khí.

Ngoài ra còn có các hồ sơ về mở rộng các nhà ở, nhà kho trong các năm sau đó.

Công trình Trại lính khổ xanh nay được dùng làm nơi đóng quân của Công an vũ trang.



Bản vẽ mặt trước phía trên ku nhà của các nhạc công của Trại lính khố xanh (Cục Quản lý Xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an ngày nay được xây dựng trên vị trí của khu nhà này) do kiến trúc sư chính Félix Gordard thuộc Sở Nhà của dân sự thiết kế năm 1938, tỷ lệ 1/50 kích thước gốc 40cm x 75cm.

KT - 110/12.

CÔNG TRÌNH**TOÀ ÁN**

**Plais de justice
(1900-1944)**

Tài liệu về công trình này gồm hai khối: tài liệu kỹ thuật và tài liệu hành chính.

A. TÀI LIỆU KỸ THUẬT: gồm 17 hồ sơ trong các hộp từ số 70 đến 72 thuộc khối kiến trúc.

Theo tài liệu, công trình Khu Toà án Hà Nội đã được thiết kế sơ bộ từ năm 1900 nhưng đến năm 1905 mới được duyệt kinh phí và có thiết kế cụ thể.

Công trình được chính thức được xây dựng vào năm 1906 trên khu đất vuông vắn, chiều ngang 113,60m và chiều dọc là 122,50m. Mặt trước của công trình là đại lộ Carreau (phố Lý Thường Kiệt), mặt sau là đại lộ Rollandes (phố Hai Bà Trưng), phía tây dọc theo phố Prison (phố Hoả Lò, đối diện với Nhà lao Trung ương).

Công trình Khu Toà án Hà Nội được thiết kế theo phong cách kiến trúc đầu thế kỷ 20, qui mô kiến cố gồm 2 tầng chính, mái lợp đá đen với kết cấu sắt. Lối vào cửa chính tầng dưới có thang lớn xây bên ngoài, ngay lối vào để lên tầng trên là Toà Thượng thẩm Thành phố. Cả hai tầng đều bố trí đại sảnh rộng, trang trí tỉ mỉ. Phòng xử án cao, rộng để lấy vẻ uy nghi.

Năm 1928, có 2 đề án mở rộng Toà án: Xây dựng mở rộng thêm 2 cánh nhà phía đông và phía tây về phía sau và xây dựng mới Hội đồng hành chính tổ tụng (Conseil contentieux) ở góc đông bắc về

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

mặt phố Rollandes. Từ 1935-1944, công trình được sửa chữa và tu bổ nhiều. Tuy nhiên, về cơ bản, cấu trúc khu công trình không có thay đổi lớn.

Công trình Khu Tòa án gồm tòa nhà lớn là công trình chính và xây lâu đời nhất và Tòa Hội đồng hành chính tổ tụng gồm các phòng xử án, phòng đợi, phòng luận tội, phòng chánh án, lục sự, thư ký...

Các công trình phụ là nhà một tầng mái ngói kết cấu thường, gồm 2 nhà ở của người gác Tòa án và Hội đồng hành chính tổ tụng ở phía sau.

Tài liệu của khu công trình này có 5 hồ sơ xây dựng gồm các bản thiết kế sơ bộ, các bản vẽ chi tiết và bản vẽ các mặt cắt đứng, ngang... Hồ sơ thiết kế công trình được lập năm 1900, gồm các bản vẽ và hồ sơ chuẩn bị cho việc đấu thầu (tập điều kiện đấu thầu, bản dự toán công trình). Việc xây dựng được tiến hành trong các năm 1905-1914.

Các tài liệu về tu bổ, sửa chữa khu công trình này còn khá nhiều, gồm 12 hồ sơ, bao gồm phần lớn là các công văn liên quan đến việc tu bổ và sửa chữa công trình. Ngoài ra, còn có các bản vẽ cải tạo công trình.

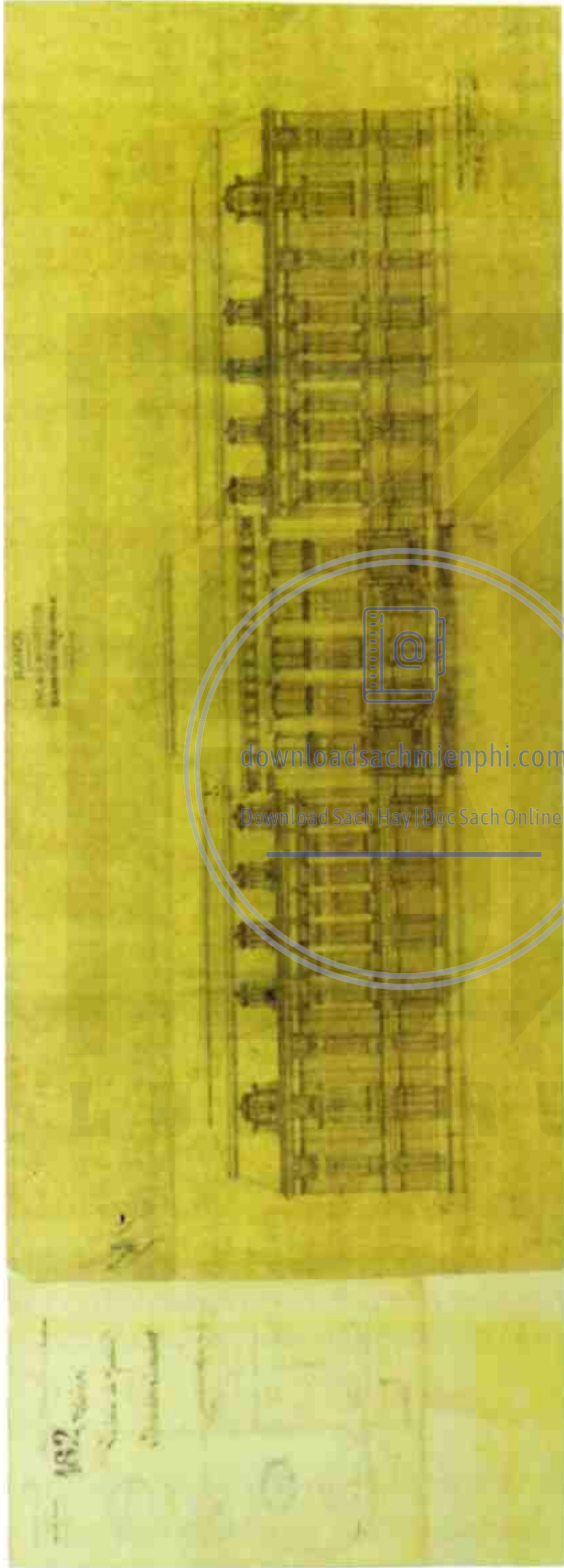
Hiện nay công trình Khu Tòa án Hà Nội (phần quay ra mặt phố Lý Thường Kiệt) do Tòa án nhân dân tối cao quản lý và sử dụng; còn phần quay ra mặt phố Hai Bà Trưng do Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội quản lý và sử dụng

B. TÀI LIỆU HÀNH CHÍNH: gồm các hồ sơ:

1. TPT - 673

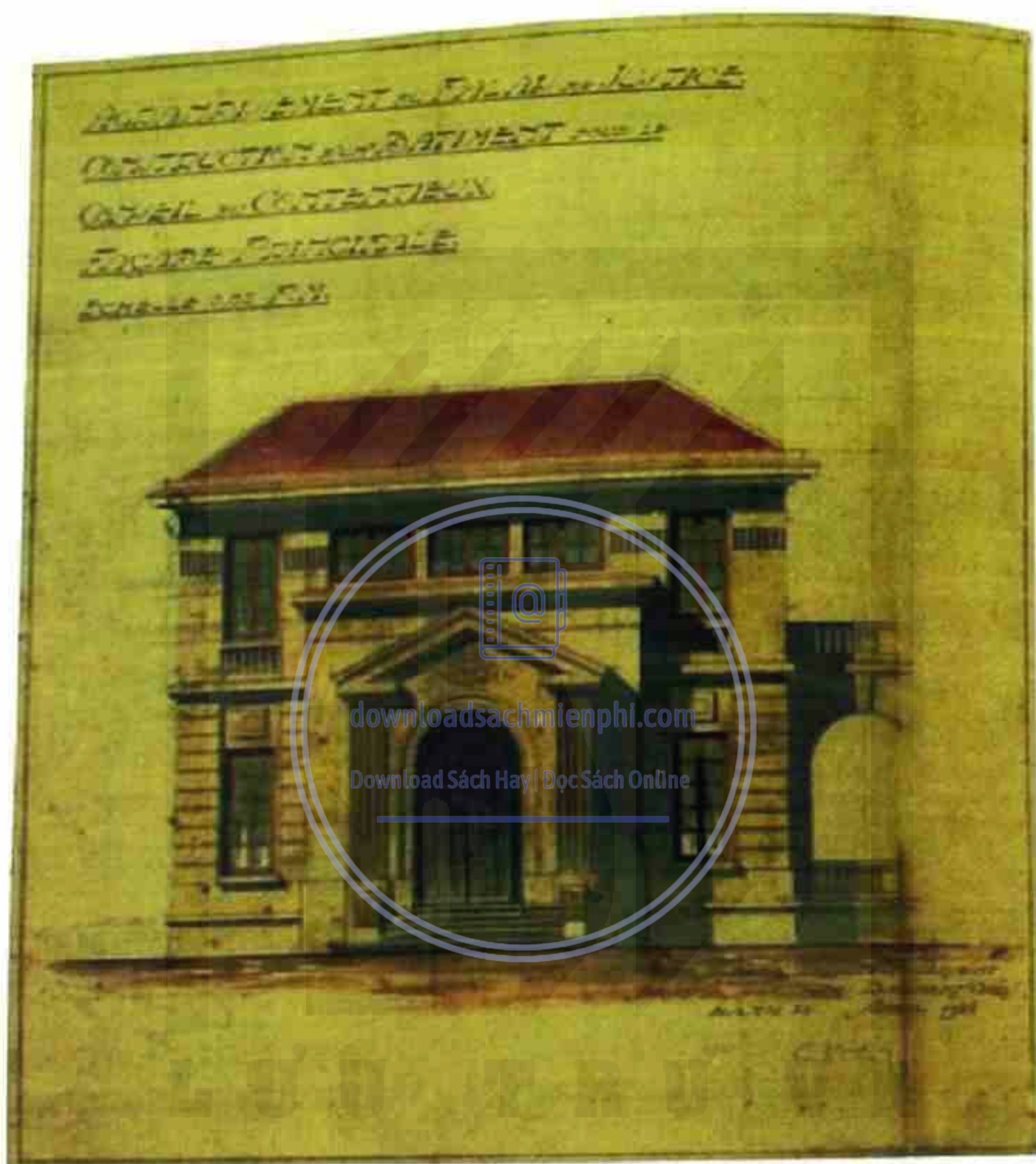
Construction du Palais de Justice. Projet d'exécution 1900-1903.

Công trình xây dựng Tòa án. Dự án thi công 1900-1903.



**Bản vẽ mặt đứng trước của Tòa án Hà Nội (ngày nay là Tòa án Nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội) do kiến trúc sư, Chánh Sở Kiến trúc Trung ương lập năm 1905, tỷ lệ 1/100, kích thước gốc 40cm x 80cm.
KT - 70/2.**

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954



Bản vẽ mặt trước tòa nhà Hội đồng Hòa giải trong Tòa án do kiến trúc sư phó Charles Christian thuộc Sơ Nhà của dân sự lập năm 1928, tỷ lệ 1/50, kích thước gốc 47cm x 50cm.

KT-72/15.

Hồ sơ gồm 63 tờ, trong đó có:

- Nghị định số 1567 ngày 17-9-1900 của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn dự án xây dựng Tòa án do Sở Công chính lập. Theo đó, chi phí thực hiện các phần việc trong gói thầu thứ nhất gồm: móng, tường và mái; đào đắp đất; phần xây; việc đóng sườn nhà bằng gỗ và bằng sắt cũng như các chi phí khác ước tính khoảng 114.000 đồng Đông Dương.
 - Một số báo cáo, công văn trao đổi trong thời gian từ 1900-1903 giữa Chương lý, Trưởng Ban Nhà cửa dân sự, Trưởng Khu Công chính Bắc Kỳ... về việc sửa đổi một số chi tiết trong dự án xây dựng Tòa án theo yêu cầu của Chương lý. Đặc biệt trong đó có công văn số 177 ngày 1-2-1902 của Chương lý E. Assaud gửi Giám đốc Nha Công chính Đông Dương đề cập tới Sắc lệnh ngày 1-11-1901 về việc thành lập một Ban phúc thẩm xét xử các vụ án của người bản xứ, thuộc Sở Tư pháp Đông Dương. Do đó cần bổ sung vào trong các bản vẽ công trình xây dựng Tòa án một trụ sở để làm phòng họp cho Ban phúc thẩm.
 - Các bản vẽ tổng thể, tầng trệt, tầng một, mặt cắt theo A.B và C.D, mặt đứng... do Trưởng Ban Nhà cửa dân sự lập ngày 16-9-1900, trên giấy calque.
- Và một số tài liệu khác...

2. TPT - 674

Palais de Justice: installation d'un bureau de surveillance sur le chantier pour les agents de l'administration 1902.

Toà án: lập một phòng giám sát cho các nhân viên hành chính tại công trình 1902.

Hồ sơ gồm 9 tờ, trong đó có:

- Thư ngày 16-9-1902 của Thanh tra Mopin phụ trách công trình xây dựng Tòa án đề nghị Trưởng Ban Nhà cửa dân sự cho dựng một

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

nhà tranh để làm phòng làm việc cho nhân viên giám sát và điều hành công trình.

- *Đồ án thi công và bản ước tính giá chi tiết công trình dựng phòng làm việc cho nhân viên Ban Nhà cửa dân sự.*
- *Bản vẽ mặt cắt và mặt ngoài phòng làm việc cho nhân viên Ban Nhà cửa dân sự tại công trường Tòa án do Trưởng Ban Nhà cửa dân sự lập ngày 16-9-1902, chất lượng tốt.*

3. TPT - 2673

Construction du Palais de Justice à Hanoï 1901-1907.

Xây dựng Tòa án ở Hà Nội 1901-1907.

Hồ sơ gồm 6 tập, khoảng trên 20 tờ và các bản vẽ liên quan đến việc thi công các gói thầu xây dựng công trình Tòa án Hà Nội của các nhà thầu gồm: Labeye Alfréls & Abt Garnier, Charavy & Savelon (gói thầu số 1), Guiller & Renversade (gói thầu số 2), Công ty Abt Garnier (gói thầu số 3), Công ty Ott (gói thầu số 4 và gói thầu cung cấp đồ đạc), Guillame (gói thầu lát gạch ô), H & L Chavan (gói thầu làm nhà vệ sinh) và họa sĩ Vollet (làm tranh tường). Hồ sơ gồm các công văn, thư từ liên quan đến công trình và các bản vẽ, trong đó có:

- *Bản thiết kế tầng trệt của công trình ngày 27-4-1903, tỷ lệ 0,005.*
- *Bản thiết kế số 1 tầng trệt của công trình ngày 25-5-1903, tỷ lệ 0,005, giòn và rách.*
- *Bản thiết kế số 2 tầng trệt của công trình ngày 25-5-1903, tỷ lệ 0,005.*
- *Bản thiết kế các tầng ngày 27-4-1903, tỷ lệ 0,005.*
- *Bản thiết kế số 1 các tầng ngày 25-5-1903, tỷ lệ 0,005.*
- *Bản thiết kế số 2 các tầng ngày 25-5-1903, tỷ lệ 0,005.*

Tài liệu liên quan đến gói thầu số 1 do nhà thầu Charavy & Savelon thực hiện gồm:

- *Bản thỏa thuận hoàn thiện gói thầu số 1 giữa kỹ sư Careau, đại diện cho Toàn quyền Đông Dương và hai nhà thầu Charavy và Savelon ngày 24-6-1903. Theo đó, hai nhà thầu chịu trách nhiệm thi công gói thầu số 1, gồm các công việc đắp nền, xây thô, làm khung nhà, lát gạch, khung sắt cho cầu thang.*
- *Các bản đồ án thi công của nhà thầu.*
- *Và nhiều tài liệu khác...*

4. TPT - 3988

Construction du Palais de Justice 1900-1906.

Xây dựng Tòa án ở Hà Nội 1900-1906.

Hồ sơ gồm 10 tập tài liệu, khoảng trên 150 tờ, trong đó có:

- *Bản thông báo đấu thầu xây dựng gói thầu 1 về đắp nền, xây thô công trình Tòa án ở Hà Nội với tổng giá trị 114.00 francs.*
- *Biên bản đấu giá gói thầu 1 tổ chức ngày 20-10-1900 tại Hà Nội. Theo đó, kết quả nhà thầu Leyret trúng thầu.*
- *Công văn ngày 19-11-1901 của Kiến trúc sư Vildieu gửi Giám đốc Công chính Bắc Kỳ về việc cần phải đặt bê tông cốt thép cho nền công trình Tòa án.*
- *Báo cáo ngày 28-6-1904 của kiến trúc sư Henri Vildieu về việc đấu thầu gói thầu 2 về làm mái, cột thu lôi, đường dẫn nước cho công trình.*
- *Nghị định số 2589 ngày 20-9-1904 của Toàn quyền Đông Dương tuyên bố nhà thầu Guillier đã trúng thầu gói thầu số 2 với tổng giá trị là 70.000 francs.*
- *Nghị định số 3534 ngày 30-12-1904 của Toàn quyền Đông Dương cho phép nhà thầu Guilier & Renversade thay thế nhà thầu Guillier để thi công gói thầu số 2.*

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Nghị định số 398 ngày 10-2-1905 của Toàn quyền Đông Dương tuyên bố Công ty Abt Garnier đã trúng thầu gói thầu số 3 về đồ gỗ, kính và rào sắt ngoài cho công trình Tòa án, với giá trị là 75.000 francs.
- Nghị định 723 ngày 10-3-1906 của Toàn quyền Đông Dương quyết định hoàn lại tiền đặt cọc cho nhà thầu Guilier.
- Thoả thuận mua bán 2 bức tranh tường cho công trình Tòa án giữa kỹ sư trưởng Desbo, đại diện cho Toàn quyền Đông Dương và họa sĩ Vollet ở Paris ngày 3-5-1906 với giá 17.500 francs. Theo đó, họa sĩ Vollet chịu trách nhiệm làm hai bức tranh tường để trang trí cho ô trán của phòng khách lớn với chiều rộng 7,20m, cao 4,40m.
- Nghị định số 1570 ngày 7-6-1907 của Toàn quyền Đông Dương thành lập một ban tiếp nhận tranh của họa sĩ Vollet.
- Biên bản giao nhận tranh tường ngày 19-6-1907 giữa họa sĩ Vollet và ban tiếp nhận tranh được đã được thành lập.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

L U U T R U V N

CÔNG TRÌNH
KHU NHÀ CỦA SỞ MẬT THẨM BẮC KỲ
Service de la Sureté du Tonkin
(1914-1944)

Tài liệu về khu nhà của Sở Mật thám Bắc Kỳ gồm 10 hồ sơ trong các hộp từ 81 đến 83 thuộc khối tài liệu kiến trúc.

Công trình này được xây dựng vào năm 1914-1915, trên khoảng đất rộng 11.199m² ở đại lộ Gambetta (phố Trần Hưng Đạo).

Theo bản vẽ tổng thể ngày 15-4-1915, công trình này gồm:

a. Khu nhà Văn phòng và Nhà giam: (nay là Trụ sở Công an Hà Nội) gồm 2 bốt gác (loại nhà 1 tầng) ở hai bên cổng ra vào.

- 1 toà nhà chính 2 tầng, nơi đặt các phòng làm việc của Sở Mật thám (đã xây).
- 2 nhà nhỏ để giữ những người nghèo khổ (chưa xây).
- Khu nhà giam gồm: 2 nhà giam 1 tầng (đã xây); 1 nhà để giam tù nhân nữ. 1 nhà giam tù nhân nam; 2 nhà giam (chưa xây) nằm song song với nhà giam đã có; 1 dãy xà lim 1 tầng (đã xây).
- 1 dãy nhà 1 tầng dùng làm nhà ở cho nhân viên người Việt, có nhà tắm và nhà vệ sinh (chưa xây).

b. Khu nhà của viên chức người Pháp gồm:

- 1 khu nhà 2 tầng và khu phụ, làm nơi làm việc của Tuần cảnh thành phố (chưa xây).
- 1 khu nhà ở của Chánh Tuần cảnh, có khu phụ (chưa xây).
- 1 khu nhà của Chánh Mật thám (đã xây).

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

- Các nhà dành cho nhân viên độc thân và nhà dành cho nhân viên đã kết hôn, có khu phụ (đã xây).

Trong số các nhà trên, có những công trình không được xây theo thiết kế. Hơn nữa, từ 1928 đến 1930, khu công trình này có nhiều thay đổi như xây thêm 1 nhà 1 tầng dùng làm phòng làm việc của Sở Cảnh cước, phá bỏ, sửa chữa một số nhà.

Do đó, đến năm 1936, công trình này chỉ còn các nhà sau:

a. Khu văn phòng và nhà giam gồm:

- 2 bốt gác ở hai bên cổng.
- Khu nhà Văn phòng của Sở Mật thám.
- Phòng Cảnh cước.
- Phòng làm việc Bộ phận phụ trách giải diêm
- 1 bốt gác khu nhà giam.
- 2 nhà giam.
- 1 xà lim.
- 1 khu nhà dùng làm nhà để xe ô tô và nhà ở.
- Khu vệ sinh và khu bể giặt.

b. Khu nhà ở gồm:

- Nhà ở của Chánh sở và khu phụ.
- Nhà ở của Chánh Tuần cảnh và khu phụ.
- Hai nhà ở của cảnh sát.
- Nhà ở của thanh tra.
- Trại trẻ lai mố côi.
- Nhà ở của kiểm tra phụ.
- Bếp và khu phụ.

Tài liệu về khu công trình trên gồm 10 hồ sơ, chia làm hai phần:

Phần II. QUY HOẠCH - XÂY DỰNG

phần hồ sơ xây dựng và phần hồ sơ mở rộng.

Phần hồ sơ xây dựng khu công trình này gồm các bản thiết kế tổng thể và các bản vẽ chi tiết cho từng công trình được xây dựng năm 1914-1915.

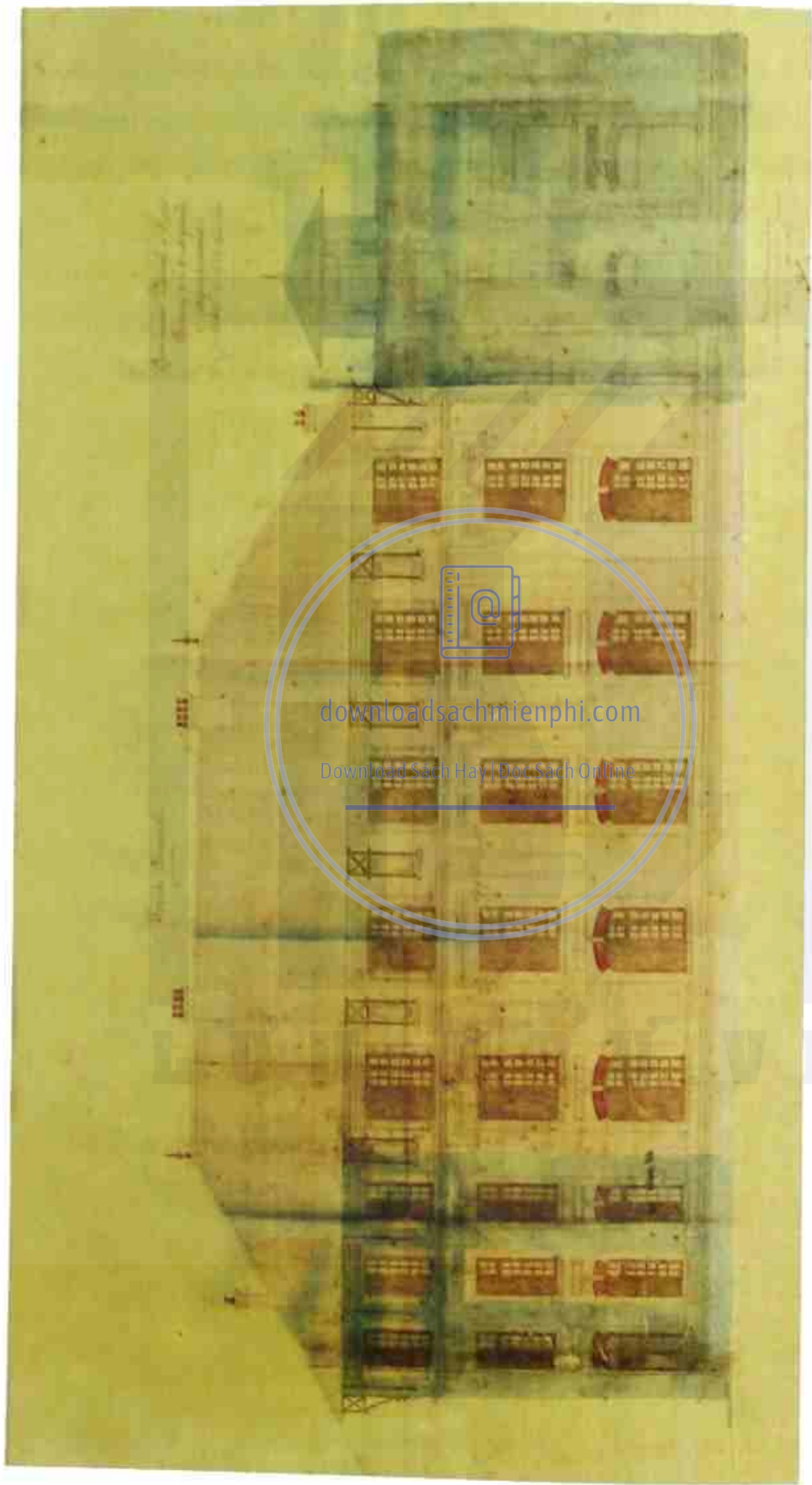
Phần hồ sơ mở rộng công trình này bao gồm nhiều bản vẽ về những thay đổi và mở rộng khu công trình nói trên, được thực hiện vào năm 1928-1930.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

L U U T R U V N



Bản vẽ mặt trước khu văn phòng của Sở Mật thám Đông Dương (nay là trụ sở Công an Thành phố Hà Nội) do kiến trúc sư chính Henri Cerutti thuộc Sở Nhà của dân sự lập năm 1927, tỷ lệ 1/50, kích thước gốc 60cm x 110cm.
IGTP - 132/590.

CÔNG TRÌNH

NHÀ Ở CỦA NHÂN VIÊN MẬT THẨM

Cité Policière
(1930-1941)

Khu nhà ở của nhân viên mật thám ở Hà Nội nằm trên hai khoảnh đất gần nhau: một khoảnh cạnh Sở Mật thám, một khoảnh nằm giữa các phố Reinach (phố Trần Quốc Toàn), Delorme (phố Trần Bình Trọng) và Halais (một đoạn phố Nguyễn Du). Tổng diện tích rộng 24.500m², một bên để xây nhà cho nhân viên người Pháp, một bên để xây nhà ở cho nhân viên người Việt. Khu nhà này được xây dựng theo đề nghị của Sở Mật thám Bắc Kỳ năm 1930.

Theo tài liệu, khu nhà ở cho nhân viên người Pháp gồm 17 nhà trong đó có 1 nhà 7 tầng, 4 nhà 5 tầng, 5 nhà 3 tầng, 2 nhà 2 tầng dành cho nhân viên, 4 nhà 2 tầng dành cho công nhân, người phục vụ và 1 nhà 1 tầng để đặt máy điện. Quy mô trên đã được Toàn quyền Đông Dương phê duyệt năm 1930.

Khu nhà cho nhân viên người Việt gồm nhiều lô. Lô 1 được Toàn quyền Đông Dương phê duyệt năm 1930 gồm 5 nhà 3 tầng và 2 nhà 2 tầng ở phía trước.

Nhà lô 2 chưa được Toàn quyền Đông Dương duyệt.

Tài liệu về công trình của nhân viên Mật thám Hà Nội gồm 19 hồ sơ trong các hộp 84 đến 89 thuộc khối tài liệu kiến trúc có tương đối đủ các bản vẽ và các tài liệu khác. Nhưng không có hồ sơ cho thấy lý do không duyệt đó án lô nhà 2.

CÔNG TRÌNH**TRẠI LÍNH KHỐ XANH**

Caserne de la Brigade de la Garde Indigène
(1938-1945)

Tài liệu của công trình này gồm 15 hồ sơ trong các hộp từ 108 đến 112 thuộc khối tài liệu kiến trúc, trong đó có các bản thiết kế tổng thể, bản vẽ chi tiết và các tài liệu liên quan.

Theo tài liệu, công trình này gồm:

- 1 toà nhà chính, cánh phải 3 tầng, cánh trái 2 tầng dùng làm nhà ở và nơi làm việc cho cai, đội và lính khố xanh.
- 1 nhà viên Giám binh người Pháp loại 2 tầng.
- 1 nhà đôi loại 2 tầng dùng làm nhà cho 2 viên chánh quản người Pháp.
- và 1 số công trình phụ...

Trại này được xây dựng năm 1939 trên đất của làng Ngọc Hà và Vạn Phúc và hoàn thành năm 1940.

L U U T R U V N

VII. CÁC CÔNG TRÌNH KHÁC

CÔNG TRÌNH

TRẠI TRẺ EM GÁI LAI MỒ CÔI

Orphelinat des jeunes filles
franco-indochinoises
(1920-1941)



Tài liệu về công trình này được sắp xếp thành 9 hồ sơ nằm trong 2 hộp 401 và 402 thuộc khối tài liệu kiến trúc, gồm các bản vẽ và văn bản có liên quan đến việc tu sửa và mở rộng công trình này năm 1936 đến 1941. Trích lục bản đồ địa chính năm 1920 cho thấy công trình này được xây dựng trên phố Riquier (một đoạn phố Nguyễn Du ngày nay).

LƯU TRỮ VN

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

CÔNG TRÌNH

TRẠM ĐIỀU TRỊ GÁI ĐIỂM Ở HÀ NỘI

Dispensaire à Hanoï

(1924-1925)

Công trình Trạm điều trị bệnh cho gái điểm được xây dựng năm 1925 trên mảnh đất của Nhà tu dòng Carmel, gần Bệnh viện Phủ Doãn.

Tài liệu về công trình này được sắp xếp thành 2 hồ sơ nằm trong hộp 438 thuộc khối tài liệu kiến trúc, gồm một số bản vẽ về công trình này từ 1924 đến 1925.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

L U U T R U V N

CÔNG TRÌNH**TRẠI TRẺ EM LAI PHÁP MỒ CÔI**

Orphelinat des enfants franco-indochinois
(1930-1936)

Tài liệu về công trình này được sắp xếp thành 18 hồ sơ nằm trong các hộp 398 đến 400 thuộc khối tài liệu kiến trúc, gồm hồ sơ đồ án thiết kế từ 1930 đến hồ sơ thi công 1934-1935.

Theo tài liệu, Trường được xây dựng năm 1935 ở phố Sergent Larrivé (phố Nguyễn Công Trứ).

Trường có 2 khu nhà 2 tầng: khu nhà chính dành cho trẻ em mồ côi và khu nhà dành cho Giám đốc của Trường.

Công trình này sau được dùng làm Văn phòng của Bộ Nông trường.

L U U T R U V N

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

CÔNG TRÌNH CHỢ Ô CHỢ DỪA (1951-1954)

Tài liệu về xây dựng mở rộng chợ Ô Chợ Dừa nằm trong hồ sơ số 23 hộp 304, gồm 2 tập, thuộc khối tài liệu kiến trúc. Các tài liệu trên gồm công văn và bản vẽ công trình này.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

L U U T R U V N

Phụ lục 1

TÀI LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN HAI VỤ THỰC DÂN PHÁP TẤN CÔNG THÀNH HÀ NỘI NĂM 1873 VÀ 1882⁽³⁸⁾

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LƯU TRỮ VN

(38) Tài liệu gốc thuộc phòng Đô đốc (Fonds des Amiraux) hiện đang được bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ Hải ngoại (Centre des Archives d'Outre-Mer) ở Aix-en Provence (Cộng hoà Pháp). Trung tâm Lưu trữ quốc gia I lưu các bản sao do các Quản thủ viên của Kho Lưu trữ Trung ương thuộc Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương thực hiện. Người dịch: TS. Đào Thị Diễm. Người hiệu đính: GS. Đinh Xuân Lâm.



Bản trích sao từ phong Đô đốc, hồ sơ số 12.467, tờ số 1 của Lưu trữ Trung ương ở Đông Dương

BÁO CÁO VỀ CUỘC TẤN CÔNG THÀNH HÀ NỘI

Thưa Ngài đại úy.

Tôi hân hạnh gửi tới Ngài báo cáo về việc tấn công thành Hà Nội tại cửa Tây - Nam vào buổi sáng ngày 20 tháng Mười một năm 1873.

Theo lệnh Ngài, chúng tôi khởi hành từ trại vào lúc 5 giờ 30 sáng, quân lính đã đi rất lặng lẽ, liên tục, không có gì gây cản trở cuộc hành quân của chúng tôi. Tới khu nhà bịt kín cạnh cổng Tây - Nam, chúng tôi rẽ phải và nằm mai phục dọc theo tường thành. Không một tên lính gác nào xuất hiện vào lúc đó. Chúng tôi đã đi vòng theo công sự và tại trước cổng thành, pháo binh chúng tôi đã dàn trận. Khẩu đại bác 40 ly dưới sự chỉ huy của ông Perrin được bố trí đã hạ cầu thứ hai. Nhóm do tôi chỉ huy đã vượt qua cầu thứ nhất. Có hai tên lính canh lúc đó đã xuất hiện và vội vàng rút đi. Viên hạ sĩ thủy quân Ardeven đã vượt qua cổng bằng cách bám lấy các then ngang và các thanh gỗ và đã mở cổng. Chúng tôi đã cùng nhau xông lên phía trước và bắt đầu bắn vào vài tên lính có trang bị giáo và súng trường. Công sự lập tức bị chiếm và binh lính nấp sau một bức tường nhỏ phía trong công sự, còn những người khác chiếm lấy vũ khí. Khẩu đại bác đi theo chúng tôi đã bắn vào cổng lớn. Không có tiếng súng bắn trả. Tôi xông lên phía trước cùng với một vài người được bảo vệ bằng một phân đội sẵn sàng bắn vào bất cứ ai xuất hiện trên bức tường thành. Vào lúc đó, chúng tôi đã nhận được một loạt đạn từ khẩu đại bác ở phía trái pháo đài. Phát pháo này đã không có hiệu quả, chỉ một vài hòn đá rơi từ trên cánh cổng xuống chúng tôi. Sau vài cú đại bác, chúng tôi đã có thể bắn thủng nhiều lỗ của cánh cổng. Trong khi một người sẵn

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

sàng bắn vào một lỗ cống, anh lính mang súng trường tên là Corven đã chuyển sang phía bên kia cánh cống và cống thành đã được mở.

Chúng tôi đã lập tức chiếm lĩnh cống thành, nơi mà chúng tôi chỉ thấy một vài người không chống cự.

Tôi đã cho ngừng bắn và đã ra hiệu đã thoả thuận bằng hiệu kèn.

Ý định của tôi là đi tới cửa Tây và ngăn chặn lính An-nam chạy trốn qua cửa đó, nhưng súng trên các tàu chiến vẫn nổ, và các làn đạn đều bắn về phía cửa đó nên tôi bắt buộc phải đợi cho súng ngừng bắn. Ngay khi tất cả đã chấm dứt, tôi cùng với 15 người và khẩu đại bác 40 ly của ông Perrin tiến về cửa Tây. Tôi đã nối liên lạc được với phân đội bộ binh đường thủy vừa tới một lúc sau đó.

Theo lệnh Ngài, tôi đã cho rút quân về hướng cửa Tây - Nam nơi tôi đã thu lại số quân còn lại, chúng tôi đóng quân dọc theo tường thành ngoài và gặp lại toán quân trở lại trại ở cửa Nam.

Với lòng kính trọng, thưa Ngài đại uý, người tôi tớ rất trung thành của Ngài.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Trung uý hải quân
Đã ký: Bain de la Coquerie.

Nguồn: AG - 235

Copie extraite du dossier "Amiraux N°12467 pièce n°1
Archives Centrales de l'Indochine

Rapport sur l'attaque de la citadelle de Hanoi

Capitaine,

J'ai l'honneur de vous adresser un rapport sur l'attaque de la citadelle de Hà-noï, à la porte Sud-ouest, dans la matinée du 20 Novembre 1873. Suivant vos instructions nous sommes partis à 5 heures 1/2 du camp, les hommes ont marché aussi silencieusement que possible, rien n'est venu interrompre notre marche. Arrivés à la résidence murée qui est dans le voisinage de la porte S.O. nous avons pris sur la droite et nous avons longé le rempart. Aucun factionnaire n'apparaissait à ce moment, nous avons fait le tour du redan et devant la porte les hommes se sont déployés en tirailleurs, la pièce de 4 sous la direction de M. Perrin s'est placée de manière à battre le 2ème pont, les hommes sous ma conduite ont traversé le 1er pont. Deux factionnaires se sont alors montrés et retirés précipitamment. Le quartier-maître Ardevon a franchi la porte en s'accrochant aux traverses et aux barreaux et l'a ouverte. Nous nous sommes tous portés en avant et le feu a commencé sur quelques hommes armés de piques et de fusils. Le redan a été immédiatement occupé et les hommes se sont abrités derrière un petit mur qui se trouve sur la face intérieure du redan, d'autres s'emparaient des armes. La pièce de 4 qui était entrée à notre suite a ouvert le feu sur la grande porte. Notre feu étant sans réponse, je me suis porté en avant avec quelques hommes garantis par une section qui faisait feu sur tout ce qui se montrait au-dessus du rempart; à ce moment nous avons reçu une décharge à mitraille de la pièce qui se trouvait à notre gauche sur le bastion. Ce coup de canon a été sans effet, quelques pierres nous ont été jetées du haut de la porte. Après plusieurs coups de canon nous avons pu pratiquer plusieurs ouvertures dans la porte. Pendant qu'un homme était prêt à faire feu par une ouverture le fusilier Corven est passé de l'autre côté de la porte et l'a ouverte.

Nous avons occupé immédiatement la porte où nous n'avons trouvé que quelques hommes qui ne sont pas défendus.

J'ai fait alors cesser le feu et j'ai fait le signal convenu au clairon.

Mon intention était alors de me porter vers la porte Ouest et d'empêcher la fuite des Annamites par cette porte, mais le feu des navires continuait toujours et les coups portaient tous dans le voisinage de la porte, j'ai été obligé d'attendre que le feu ait cessé. Dès qu'il a été terminé je me suis porté avec 15 hommes

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

et la pièce vers la porte Ouest. Je Le suis joint au détachement d'infanterie & marine qui est arrivé un instant après.

D'après vos ordres, je me suis ensuite replié vers la porte S.O. où j'ai pris le reste de mes hommes nous avons longé le rempart extérieur et rejoint à la porte Sud les troupes qui entraient au camp.

Je suis avec respect, Capitaine, votre très obéissant serviteur .'. .

L'enseigne de vaisseau

Signé: Bain de la Coquerie



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

L U U T R U V N

Bản trích sao từ phong Đô đốc, hồ sơ số 12.467, tờ số 2 của Lưu trữ Trung ương ở Đông Dương

BÁO CÁO VỀ VỤ CHIẾM THÀNH PHỦ - HOÀI

Thưa Ngài đại uý,

Tôi hân hạnh gửi tới Ngài báo cáo về vụ chiếm thành Phủ - Hoài vào chiều tối ngày 20 tháng Mười một năm 1873.

Theo lệnh Ngài, chúng tôi bắt đầu hành quân từ 3 giờ 30 do một người An-nam dẫn đường; vào lúc 5 giờ chúng tôi ở cách đồn lũy 400 mét. Tôi để lại đằng sau một khẩu đại bác 40 ly do ông Perrin chỉ huy, với lệnh nổ súng vào cửa Đông ngay khi nghe thấy tiếng súng trường. Số quân còn lại của đại đội tiếp tục tiến lên phía trước.

Khi nhìn thấy cửa Nam có vài phát súng trường đã bắn vào những tên lính bước ra khỏi thành, tôi để khẩu đại bác đã khai hỏa vào cửa Đông và phá tan khẩu đại bác của địch ở đó. Không còn thấy một tên lính nào đi ra nữa, tôi cho ngừng bắn khắp nơi và chúng tôi đã tiến vào trong thành; cả 3 cổng thành đều bị chiếm giữ ngay lập tức. Khẩu đại bác 40 ly đã nạp đạn đã bị giữ lại dưới cửa Nam, ngay chỗ lên cầu.

Sau khi đi xem xét các bức tường thành được vũ trang bằng 9 khẩu pháo các cỡ, tôi đã quay trở lại ngôi nhà của quan phủ. Ở đây tất cả đều chỉ rõ một sự ra đi vội vàng và vừa xảy ra xong, chỉ cách khoảng 15 phút mà thôi. Người ta đã có thể tìm thấy con dấu của viên tri phủ. Vũ khí đã bị tịch thu và được để ở sân của khu vực bị chiếm bởi quân Pháp. Các cuộc tìm kiếm cuối cùng được tiến hành đã giúp phát hiện ra khoảng 40 quan tiền và một kho chứa từ 200 đến 300 ki-lô-gam gạo.

Những công trình còn đang dở cho biết người ta ở đây đang củng cố đồn binh cho một sự phòng thủ sắp tới.

Đến khoảng 10 giờ, một đám cháy xảy ra ở phía Đông - Bắc và một sự náo động lớn đã lan tràn trong các làng xung quanh. Tiếng tù và và tiếng

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

trống nổi lên khắp các hướng. Đến nửa đêm, lại một đám cháy khác bùng lên ở phía bên trái hướng đầu cầu phía Nam, ngay trên bờ trái của hào. Gió thổi từ hướng Bắc đã kéo những tia lửa theo hướng ngược lại đồn binh. Tôi nghĩ đến một cuộc tấn công và cho rằng hoả hoạn là một trong các phương tiện của người An-nam. Việc canh phòng được tăng cường gấp đôi trong suốt cả đêm, đến 2 giờ sáng lửa tắt, trừ một vài tiếng súng trường bắn vào những kẻ rình mò ra thì không còn một vụ rắc rối nào xảy ra nữa.

Sáng hôm sau người ta nói với chúng tôi rằng đám cháy là do những kẻ xấu gây ra để ăn trộm.

Trong ngày 21, các thân hào và các lý hương đã đến gặp chúng tôi với một số quà cáp và xin chúng tôi bảo vệ họ khỏi những kẻ xấu tàn phá đất nước.

Ngày 22, một chánh tổng tới cùng 15 người yêu cầu được phục vụ dưới lệnh của chúng tôi.

Theo ý kiến của dân làng, chúng tôi gửi 18 người dưới sự chỉ huy của đại úy phụ trách quân khí đi đánh chiếm một chục khẩu súng trường.

Đến 6 giờ, một đội quân 100 lính người An-nam do trung tá Cả Bình chỉ huy đã đến thay thế chúng tôi. Tôi đã trao lại cho ông ta quyền chỉ huy đồn binh và để ông ta kiểm tra tình trạng vũ khí và công việc tiếp tế. Tôi cũng giao lại cho ông ta 15 người tới buổi sáng và yêu cầu ông ta thăm vấn họ và chỉ giao vũ khí cho họ trong trường hợp nếu ông ta tin tưởng thật chắc chắn vào họ.

Ngày 23, vào lúc 7 giờ sáng, chúng tôi rời Phủ Hoài và trở về Hà Nội.

Với lòng kính trọng, thưa Ngài đại úy, người tôi tớ rất trung thành của Ngài.

Trung úy hải quân
Chỉ huy đại đội đồ bộ Décres
Đã ký: Bain de la Coquerie.

Nguồn: AG - 241

Copie extraite du dossier Amiraux N°12.467 pièce N°2
Archives Centrales de l'Indochine

Rapport sur la prise de la citadelle de Phu-Hoi

Capitaine,

J'ai l'honneur de vous adresser un rapport sur la prise de la citadelle de Phu-Hoi dans la soirée du 20 Novembre 1873.

D'après vos ordres, nous nous sommes mis en marche à trois heures et demie sous la conduite d'un guide annamite; à cinq heures nous étions à 400 mètres du fort. J'ai laissé en arrière la pièce de 4 commandée par M. Perrin, avec ordre d'ouvrir le feu sur la porte Est aussitôt qu'en entendant un coup de fusil le reste de la compagnie a continué à se porter en avant.

En vue de la porte Sud quelques coups de fusil ont été tirés sur des soldats qui sortaient de la citadelle, la pièce a fait feu, à ce moment sur la porte Est et démonté la pièce qui s'y trouvait. Ne voyant plus sortir personne, j'ai fait cesser le feu partout et nous sommes entrés dans la citadelle; les trois portes ont été occupées immédiatement, la pièce de 4 chargée à mitraille a été mise en batterie, sous la porte sud, à l'entrée du pont.

Après la visite des remparts qui sont armés de 9 pièces de divers calibres, je me suis rendu à la maison habitée par le phu. Tout y indiquait un départ précipité et très récent datant d'un quart d'heure à peine. On a pu trouver le cachet du phu, des armes ont été saisies et déposées dans la cour du quartier occupé par les hommes. Les recherches qui ont été faites en dernier lieu ont fait découvrir environ quarante ligatures et un magasin contenant de 200 à 300 kgr de riz.

Des travaux inachevés indiquent que l'on était en train d'organiser le fort pour une défense prochaine. Vers 10 heures un incendie s'est déclaré dans le N.E. et une grande agitation a régné dans les villages environnants. Les cornes et les tam-tams se sont fait entendre dans toutes les directions. Vers minuit un autre incendie s'est déclaré sur le côté gauche en sortant par le pont Sud sur le bord même du fossé. Le vent venait du nord et entraînait les étincelles dans la direction opposée au fort. Je croyais à une attaque et je pensais que l'incendie rentrait dans les moyens des Annamites. La surveillance a redoublé pendant toute la nuit, à 2 heures le feu était éteint, à part quelques coups de fusil tirés sur des rôdeurs aucun incident ne s'est présenté.

Le lendemain on nous a dit que le feu avait été mis par des malfaiteurs dans le but de voler.

Dans la journée du 21 les notables et les maires sont venus nous apporter quelques présents et nous prier de les défendre contre les malfaiteurs qui ravageaient

Et de l'incendie... Annamites... et de l'incendie...

Số 603

Ngài Thống đốc

Báo tin về việc đã chiếm thành Hà Nội

Hà Nội, ngày 25 tháng tư 1882

Thưa Ngài Thống đốc⁽³⁹⁾,

Như trong thư của tôi viết ngày 10/17 tháng tư cho chúng ta cảm thấy tôi đã phải chiếm thành Hà Nội. Việc đó không thể để lâu được. Tôi sẽ viết dài và rõ hơn cho Ngài. Tôi gửi Ngài lá thư của tôi viết cho ông Tổng đốc để tạm thời Ngài biết rõ tình hình.

Vào lúc 8 giờ 15 phút, các pháo thuyền “Fanfare”, “Massue” và “Carabine” bắt đầu oanh tạc. Đến 10 giờ 15 phút, chúng tôi đã ra lệnh tấn công bằng cách trèo lên thành và tấn công trực tiếp vào các cửa Bắc và cửa Đông, và tới 11 giờ 15 phút, thành Hà Nội đã bị chiếm. Chúng tôi có 4 người bị thương, không nặng, trong số đó có ông tiểu đoàn trưởng De Villers (bị đập một viên đạn súng cỡ lớn vào đầu gối). Tôi đã chiếm ngay thuế quan cho Kergaradec⁽⁴⁰⁾. Tôi nghĩ rằng chúng ta sẽ nên để chính quyền dân sự cho các quan triều đình. Tôi đã điều đình và đang thương lượng về điều này. Sẽ rất có lợi cho chúng ta và sẽ không có một khó khăn nào cả. Tôi cho rằng sự chiếm đóng Bắc Kỳ của chúng ta phải được thâu tóm bằng một nền đô hộ quân sự. Người ta từ từ thay đổi cuộc sống và tiền bạc, cũng như ảnh hưởng thì thuộc về chúng ta.

Tôi vội vàng trả lại toà thành vô hại cho tương lai. Ngay hôm nay, tôi đã cho ném một nửa số pháo của họ xuống dưới hào. Ngày mai người ta sẽ làm nốt các việc còn lại, phá tung các cánh cửa và các lỗ hổng. Khu

(39) Thống đốc Nam Kỳ Le Myre de Vilers (ND).

(40) Thiếu tá hải quân, Lãnh sự đầu tiên của Pháp tại Hà Nội (ND).

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

nhượng địa của chúng ta đã được gia cố, và tôi sẽ thông báo với Hải Phòng là nơi duy nhất chúng ta chiếm đóng thật sự. Hơn nữa còn có một lô cốt nhỏ trong thành với một con đường tự do nối liền với khu nhượng địa. Cùng với việc đặt một trạm trên sông Lô, giao thông trên sông Hồng đã được khai thông. Ta sẽ xem xét sau. Tôi chờ đợi lệnh của Ngài.

Ngài 25 tháng tư 1882.

Tôi hân hạnh được cầu xin Ngài gửi số vũ khí mà tôi đã yêu cầu trong lá thư cuối cùng. Trăm nghìn đạn loại Gras và 150 ki-lô-gam thuốc nổ. Tôi cũng yêu cầu Ngài cho hai pháo thuyền “Yatagan” và “Drac”⁽⁴¹⁾ hộ tống đến tận Hải Phòng trong mùa này. Không bao giờ có đủ pháo thuyền ở Bắc Kỳ và hiện chỉ có hai là “Massue” và “Carabine”. Mà “Massue” thì đã bắt đầu phải sửa chữa lại nổi hơi. “Yatagan” sẽ thay thế “Massue”. Chúng tôi cũng chỉ còn lương thực cho tới ngày 20 tháng năm, sống một cách tiết kiệm.

Xin Ngài hiểu cho, thưa Ngài Thống đốc, rằng tôi đã phải hành động như tôi đã làm. Toà thành này được công khai tăng cường bên cạnh chúng ta, đó là một mối nguy hiểm cần phải chặn đứng.

Tôi là, ...

Đã ký: H. Rivière

Nguồn: AG - 256

(41) Tên hai pháo thuyền của Pháp lúc đó đang hoạt động ở Nam Kỳ.

N° 603

Hanoi, le 23 avril 1882

M.le Gouverneur

Monsieur le Gouverneur,

Annongant la prise
de la citadelle de
Hanoi

Ainsi que ma lettre du 10/17 avril nous le faisait pressentir, j'ai dû prendre la citadelle de Hanoi. Cela ne pouvait pas durer. Je vous en écrirai plus au long. Je vous envoie ma lettre au Tong-doo qui vous mettra provisoirement au courant. A 8 h 15' la "Fanfare", la "Masse" et la "Carabine" ont commencé le bombardement. A 10 h 15', on a donné l'assaut par escalade et en attaquant directement les portes Nord et Est et à 11 h 15', la citadelle était prise. Nous avions quatre blessés, non grièvement, dont M.le Chef de bataillon de Villers (contusion d'un biceps au genou). J'ai fait prendre aussitôt les douanes à Kergaradeo. Je pense que nous pourrions laisser l'Administration civile aux Mandarins. J'ai négocié et je négocie pour cela. Il y aura tout profit pour nous et aucune peine. Je crois que notre occupation au Tonkin doit se résumer en une domination militaire. On tourne doucement la vis et l'argent comme l'influence nous reste acquis.

Je m'empresse de rendre la citadelle inoffensive à l'avenir. J'ai fait jeter dès aujourd'hui la moitié de ses canons dans les fossés. Demain on fera le reste, sauter les portes et des brèches. Notre concession fortifiée et je vais y aviser en communication par eau avec Haï-phong est notre seul point d'occupation vrai. Tout au plus un bon petit blockhaus dans la citadelle avec un chemin libre qui le relie à la concession. Avec un poste sur la Rivière Claire la navigation du Fleuve Rouge est déjà assurée. On verra après. J'attends vos ordres

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

25 avril 1882

2

J'ai l'honneur de vous prier de vouloir bien m'envoyer les munitions que je vous ai demandées par ma dernière lettre. Cent mille cartouches Gras et cent cinquante kilogrammes de dynamite. Je vous demanderais également le "Yatagan" que le "Drac" escorterait jusqu'à Hai-phong pendant cette belle saison. Jamais il n'y aura assez de canonniers au Tonkin et il n'y en a que deux, la "Massue" et la "Carabine". Encore la "Lassue" est-elle à bout de services par ses chaudières. Le "Yatagan" la remplacerait. Nous n'avons également de vivres que jusqu'au 20 Mai, en vivant économiquement.

Je vous prie de croire, Monsieur le Gouverneur, que j'ai dû agir comme je l'ai fait. Cette citadelle se fortifiant ouvertement auprès de nous, c'était un danger auquel il fallait couper court.

Je suis, etc...

Signé: H. Rivière

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

L U U T R U V N

Số 608

Bản sao tối hậu thư gửi Tổng đốc Hà Nội
ngày 25 tháng tư.

Hà Nội, ngày 25 tháng tư 1882.

Thưa Ngài Tổng đốc,

Ngay khi tới nơi, tôi đã cho nói với Ngài và tôi đã viết cho Ngài về những ý định của nước Pháp khi phái các đội quân ra Hà Nội. Nước Pháp muốn ở trong một tình trạng tốt hơn để bảo vệ người dân nước mình và những người dân của mình đang đi xa chống lại quân Cờ đen. Trong việc làm này không có gì ngoài tình bạn và sự tin tưởng của nước Pháp vào triều đình An-nam.

Ngài đã trả lời những thông tin của tôi như thế nào? Bằng sự nghi ngờ và sự xung đột.

Ngay sáng hôm chúng tôi tới, Ngài đã cho đóng cửa thành trước các sĩ quan của tôi đang tự do qua lại thành phố. Trong cuộc viếng thăm Ngài, tôi đã truyền bố một cách lịch sự chống lại giải pháp này, tuy nhiên Ngài đã vẫn cứ tiếp tục.

Ngài đã không đáp lại sự viếng thăm của tôi.

Ngài đã bắt đầu xây dựng ngay lập tức các công trình phòng thủ và Ngài thúc đẩy những công việc này mỗi ngày một thêm mạnh mẽ, một cách kém nguy trang và hiển nhiên hơn trong con mắt của chúng tôi.

Trong hai lần chiếm thành cách nhau vài ngày, khi ông Quan Án và ông Tuấn phủ đến thăm tôi, tôi đã nhờ họ nói lại với Ngài rằng tôi không bằng lòng với các công trình này của toà thành.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Đó là một lời cảnh cáo thân thiện mà tôi gửi cho Ngài. Ngài đã không thèm đếm xỉa đến lời cảnh cáo của tôi và các công trình phòng thủ đó vẫn được tiếp tục và ngày càng được đẩy mạnh hơn bao giờ hết.

Tình trạng này, thưa Ngài Tổng đốc, không thể được kéo dài. Toà thành từ nay sẽ trở thành một mối nguy cơ cho quân đội chúng tôi, tình trạng đó cần phải chấm dứt.

Vậy thì bây giờ hãy nghe những lời tôi sẽ nói với Ngài:

Giải pháp mà tôi sẽ tiến hành với Ngài là một cách hoà giải nhằm làm cho mối tranh chấp hiện nay không bị tăng lên giữa hai chính phủ.

Tôi đề nghị Ngài giao nộp thành cho tôi với những điều kiện mà tôi sẽ nói với Ngài.

Nhằm mục đích đó, ngay ngày hôm nay và sớm nhất sau khi nhận được lá thư này, Ngài hãy ra lệnh cho quân của Ngài rút ra khỏi thành, sau khi đã hạ vũ khí và mở cổng thành; và để đảm bảo cho lệnh này sẽ được thực hiện, Ngài sẽ tới nộp mình với tôi, nộp cả các quan Tuần phủ, Bố chánh, Án sát, Đề đốc, Chánh và Phó Lãnh binh cho chúng tôi vào đúng 8 giờ sáng ngày hôm sau.

Thời hạn ngắn, nhưng thời gian tương đối dài để Ngài có thể nhìn thấy trước được những hậu quả sẽ xảy ra, tránh cho Ngài khỏi ngạc nhiên.

Tôi sẽ chờ Ngài ở nhà vào lúc 8 giờ sáng.

Binh lính của tôi sẽ chờ đợi sự đồng ý của Ngài và không có một sự kháng cự nào chống lại việc chiếm thành.

Tôi tự dành cho mình quyền tiến hành trong thành những việc làm theo tôi là thích hợp để quân lính của tôi từ nay không bị hại.

Nhưng, sau khi đã thực hiện cách xếp đặt này, công việc này cần khoảng ba ngày, tôi cam kết sẽ trả lại cho Ngài toà thành cùng với kho tàng, công sở, và nơi ở cùng với cả phần lớn trong khu vực thành.

Không có gì thay đổi trong nội chính của tỉnh, sẽ tiếp tục thuộc chính phủ của nhà vua nước Nam.

Chỉ riêng toà thành đó, luôn luôn vẫn thuộc về các ông, sẽ không còn là một vấn đề để lo lắng nữa cho chúng tôi.

Nếu các ngài chấp nhận những điều kiện này, sự hoà hợp tốt đẹp sẽ được lập lại giữa chúng ta và sự viếng thăm của Ngài ở Lãnh sự quán vào lúc 8 giờ sẽ chứng minh rằng Ngài muốn hoà bình và sự hữu nghị.

Nhưng nếu đúng 8 giờ, Ngài không đến Lãnh sự quán cùng với tất cả các quan lại nêu trên để gặp tôi để cho tôi biết rằng Ngài đã chấp nhận các điều kiện của tôi, quân đội của tôi sẽ tấn công thành ngay lập tức.



Đã ký: H. Rivière

Nguồn: AG - 264

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LƯU TRỮ VN

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

N° 608

Hanoi, le 25 avril 1882

Copie de l'ultimatum
envoyé le 25 avril
au Tong-doc de Hanoi

Monsieur le Gouverneur,

Dès mon arrivée, je vous ai fait dire et je vous ai écrit dans quelles intentions la France envoyait des troupes à Hanoi. Elle voulait être en sa situation meilleure pour protéger ses nationaux et ses voyageurs contre les Drapeaux noirs. Il n'y avait dans cet acte rien que d'amical et de confiance à son alliance avec le Gouvernement annamite.

Comment avez-vous répondu à mes communications? Par la défiance et l'hostilité.

Le lendemain même de notre arrivée, vous faisiez fermer devant nos officiers qui la traversaient librement la ville, les portes de la citadelle. Dans la visite que je vous ai faite, je réclama^{is} avec courtoisie^{contre} cette mesure et néanmoins vous y persévériez.

Vous ne m'avez pas rendu la visite que je vous ai faite. Vous avez commencé immédiatement des travaux de défense et vous les avez poussés plus vivement chaque jour, de la façon la moins déguisée et la plus apparente à nos yeux.

A deux reprises et à quelques jours de distance, quand le Quan-an et le Tuan-phu m'ont fait visite, je les ai priés de vous dire que je ne voyais pas avec satisfaction ces travaux de la citadelle.

C'était un avertissement amical que je vous donnais. Vous n'en avez pas tenu compte et les travaux ont été continués avec plus d'activité que jamais.

Cet état de choses, Monsieur le Gouverneur, ne peut pas se prolonger. La citadelle servirait désormais pour nos troupes

25 avril 1882

2

un danger qui doit disparaître.

Or, écoutez maintenant ce que je vais vous dire :

La proposition que je vais vous faire est un moyen de conciliation pour que le différend actuel ne s'aggrave pas entre les deux Gouvernements.

Je vous propose aux conditions que je vais vous dire de me rendre la citadelle.

Dans ce but, aujourd'hui et aussitôt après avoir reçu cette lettre, vous donnerez à vos troupes l'ordre d'évacuer la citadelle après y avoir déposé leurs armes et d'en ouvrir les portes; et pour gage que ces ordres seront exécutés, vous vous remettrez de votre personne entre mes mains, ainsi que le Tuan-phu, le Quan-bo, le Quan-an, le Do-doc, le Chanh-lanh-binh et le Pho-lanh-binh à huit heures précises du matin.

Le délai est court, mais il y a assez longtemps que vous pouvez prévoir toutes les conséquences de ce qui se passe pour que vous n'en soyez pas étonné.

Je vous attendrai donc chez moi à huit heures du matin.

Les soldats prendront alors de votre aveu et sans qu'aucune résistance leur soit opposée, possession de la citadelle.

Je me réserve de prendre dans la citadelle les dispositions qui me paraîtront convenables pour la rendre désormais hors d'état de nuire à nos troupes.

Mais, après avoir pris ces dispositions, ce qui nécessite un espace de trois jours, je m'engage à vous remettre la citadelle avec ses magasins, établissements et logements ainsi que la plus grande partie de son enceinte.

Rien ne sera changé dans l'administration intérieure de

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

25 avril 1893

la province qui continuera à appartenir au Gouvernement de S.M. le Roi d'Annam.

La citadelle seule, sans cesser de vous appartenir, aura cessé d'être pour nous un sujet de défiance.

Si vous acceptez ces conditions, la bonne harmonie sera rétablie entre nous et votre arrivée à huit heures au Consulat prouvera que vous voulez la paix et la concorde.

Mais si à huit heures précises, vous n'êtes pas venu vous-même au Consulat avec tous les mandarins ci-dessus dénommés pour me faire savoir que vous avez accepté mes conditions, l'attaque de la citadelle par mes troupes commencera immédiatement.

Signé: H. Rivière

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

L U U T R U V N

Số 611

Báo cáo chi tiết liên quan
đến vụ chiếm thành Hà Nội

Hà Nội, ngày 25 tháng tư và 13 tháng năm 1882.

Thưa Ngài Bộ trưởng⁽⁴²⁾,

Qua bức thư của tôi ngày 25 tháng tư và những tài liệu đính kèm, tôi đã được hân hạnh báo với Ngài, tiếp theo những hoàn cảnh, tình thế và tình hình chính trị lúc đó như thế nào đã đưa tôi đến việc đánh chiếm thành Hà Nội.

Hôm nay tôi xin gửi đến Ngài bản báo cáo của tôi về sự kiện đó.

Ngay từ những ngày đầu tiên đến Hà Nội, khi nhận thấy những sự chuẩn bị phòng thủ ngày một gia tăng hơn của phía thành Hà Nội, về phía mình tôi đã phải chuẩn bị hành động.

Vậy thì, tôi cho chờ từ Hải Phòng về Hà Nội đạn dược, pháo phóng và các vũ khí khác mà các tàu của Sư đoàn thủy quân có thể cung cấp cho tôi. Ở Hải Phòng, nơi mà tôi đã cho tập hợp các pháo thuyền có “Drac”, “Hamelin”, “Parseval”, “Fanfare”, “Surprise”, “Massue” và “Carabine”. Còn có hai tàu hơi nước, “Hải Phòng” và “Cửa Lạch” (là hai tàu hơi nước cũ của Sở Chỉ huy cảng Sài Gòn và của đội Hoàng gia).

Tôi đã tìm thấy ở người bạn De la Mure, đại uý chỉ huy tàu “Drac”, sự hỗ trợ tận tâm và thiết thực nhất.

Thuyền trưởng De la Mure là một người có nhận thức rất đúng đắn và rất linh hoạt, một cố vấn tuyệt vời. Ông ta đã làm mọi việc do ông

(42) Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa Pháp (ND).

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

định đoạt để giúp đỡ tôi. Ông ta đã bố trí hai pháo thuyền “Fanfare” và “Surprise” để chúng có thể ngược sông Hồng qua Cửa Đáy, và lối đi qua này, nhờ có những cuộc thăm dò và các bản vẽ của “Fanfare” từ nay đã có thể áp dụng cho các pháo thuyền đi biển và các tàu hộ tống như “Parseval” đi lại.

Trong lúc chuẩn bị, tôi đã cho trình bày một cách lịch sự với ông Tổng đốc về những công trình phòng thủ mà ông ta đã chuẩn bị trong thành của ông ta. Tuy nhiên tôi không nhấn mạnh sự việc này, bởi vì nếu tôi nhấn mạnh thì tôi đã bắt buộc phải hành động, và tôi chỉ muốn làm điều đó sau khi đã tập hợp đủ mọi phương tiện.

Cuối cùng, ngày 21 tháng tư, tàu “Fanfare” đã tới. Trung tá thuyền trưởng Gadaud và chiếc tàu nhỏ của ông do các sĩ quan và đoàn thủy thủ thật xứng đáng với ông ta. Bằng cách làm thay đổi độ mặn nước của tàu, tìm kiếm đường lạch, lợi dụng cả những trận mưa nhỏ nhất, ông ta chỉ mất có 3 ngày đi từ Hải Phòng đến Hà Nội qua con đường chưa thăm dò này.

Viên lái tàu, phó chỉ huy buồm lái là Crochet, về phần mình đã đóng góp vào kết quả này.

Tàu “Cửa Lạc” mà ba ngày trước đó tôi đã phái đi từ Hà Nội vào Phát Diệm với yêu cầu gặp “Fanfare” ở Cửa Đáy cùng đến với “Fanfare”. Ngay chiều tối ngày 21, tôi phái tàu Cửa Lạc tới gặp thuyền trưởng De la Mure để ông ta cho đi từ Hải Phòng lên Hà Nội một đại đội đổ bộ một trăm người của tàu “Hamelin”, “Parseval” và “Drac”, và năm mươi lính bộ binh đường thủy của phân đội đồn trú ở Hải Phòng.

Ngày 24 tháng tư, các đơn vị quân đội đã tới trên hai chiếc tàu nhỏ dưới sự chỉ huy của viên quản lý Boucart, một người hoạt bát và thông minh mà tôi luôn khen ngợi. Tiểu đoàn đổ bộ đại dưới quyền chỉ huy của đại úy hải quân Fisschi, chỉ huy phó tàu “Hamelin” có các sĩ quan là thiếu úy hải quân Chapelle của tàu “Parseval” và thiếu úy hải quân Bladou của tàu “Drac”. Một nửa số lính bộ binh đường thủy do trung úy Montognault chỉ huy.

Tôi có 450 lính bộ binh đường thủy, 20 pháo thủ của pháo binh thủy chiến với 3 khẩu pháo 40 ly, 20 pháo thủ bắn xức, 130 lính thủy, 1 khẩu pháo 120 ly và 1 khẩu pháo 40 ly của khu nhượng địa, 2 khẩu pháo 40 ly được mang đến từ các tàu “Tilsitt”, “Fanfare”, “Carabine” và “Massue”.

Tôi gửi ngay tối hậu thư cho ông Tổng đốc.

Tôi gửi vào lúc 5 giờ sáng ngày 25, chỉ cho ông ta ba giờ để trả lời. Thời hạn thì ngắn, theo như trong thư tôi viết cho ông ta, nhưng có đủ thời gian để ông ta chuẩn bị chống lại chúng ta và để không làm ông ta ngạc nhiên.

Vào khoảng 7 giờ 30, ông ta đề nghị tôi ra hạn thêm 1 ngày nữa. Tôi không trả lời yêu cầu này mà tôi cũng không chấp nhận nó, người đưa thư cũng đã biến mất ngay sau khi đưa thư.

Đến 8 giờ sáng, thời hạn cuối cùng mà tôi ấn định cho ông Tổng đốc, ông ta đã không tới. Chỉ còn cách là hành động.

Đây là một vài biện pháp mà chúng tôi, thuyền trưởng Chanu và tôi, đã cùng nhau tiến hành.

Trận pháp kích của các tàu “Fanfare”, “Massue” và “Carabine” phải bắt đầu từ 8 giờ 15 phút và kết thúc vào 10 giờ 15 phút. Các tàu chiến này, ngay từ 5 giờ sáng, đã tới điểm tấn công ở thượng lưu sông (sông Hồng-ND), gần như đối diện với cửa Bắc.

Mặt thành phía Bắc là nơi chúng tôi tấn công.

Một trận tấn công dữ dội vào cửa Bắc với hỏa lực của các pháo thủ cửa Bắc ở pháo đài phía Đông - Bắc, một hỏa lực khác của các pháo thủ cửa Bắc ở pháo đài phía Tây - Bắc, và ở pháo đài liên tháp của pháo đài phía Tây - Bắc, hàng trăm binh lính và các thủy thủ sau khi trèo bằng thang lên và chiến đấu ngay trên mặt thành ở cửa Bắc, cuối cùng chúng tôi đã mở được cổng thành. Ở cửa Đông, phải có một cuộc tấn công giả của đại đội bộ binh đánh thủy, được yểm trợ bởi khẩu pháo 120 ly cầm tay và do các lính thủy trang bị.

Đến 8 giờ 15 phút, trận pháo kích bắt đầu. Đến tận 9 giờ 15 phút, cuộc chiến đấu diễn ra chủ yếu ở cửa Bắc và các tháp canh bên phải và

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

bên trái và hoàn toàn không lan sang mặt Đông, có thể đánh tới nếu kéo dài đường tấn công. Điều đó đã cho phép đại đội 29 của trung đoàn 2 bộ binh đường thủy của đại úy Retrouvey hành quân ngay từ 8 giờ ở cửa Đông cùng với khẩu pháo 120 ly đã được giao cho thiếu úy hải quân Bladou và 12 lính thủy, và để bắt đầu tấn công từ 8 giờ 30 phút vào cửa gần với khu nhượng địa.

Từ 9 giờ 15 phút đến 10 giờ 15 phút, đường bắn của các tàu có đặt pháo phải chuyển hướng vào các công sở chính trong thành, và hơi ra phía ngoài cửa Bắc để không bắn vào các đơn vị của chúng ta phải có mặt ở địa điểm tấn công vào lúc gần 9 giờ rưỡi.

Từ 7 giờ 45 phút, các đội quân đã xuất phát, đầu tiên là đại đội của Retrouvey cùng khẩu pháo 120 ly có nhiệm vụ tấn công cửa Đông.

Rồi lần lượt tiếp sau đó, và đi theo một con đường dọc bờ sông, qua các khu người Hoa, lại đi theo con đê dọc theo sông ở phía Bắc. Tuyến đường này mà chúng tôi đã nhận ra chỉ có những căn nhà lợp gianh kéo dài hai bên những con đường ở phía dưới đê và nhiều cây cối rậm rạp và chỉ mất có 1 tiếng hoặc 1 tiếng rưỡi để băng qua.

Đội pháo hải quân 3 khẩu 40 ly của trung tá Deviternes được sự hỗ trợ của 50 lính bộ binh đường thủy và 20 lính bộ binh người bản xứ của trung tá Dain.

Đội pháo này phải đi tới một vị trí đặt pháo nền đất có sán hơi cao hơn toà thành, cách khoảng 800 mét, và từ nơi đó nó phải góp phần pháo kích bắn sạt công sự liên tháp phía Tây - Bắc, phá tan các khẩu pháo nguy hiểm và bắn vào các kho thuốc súng. Thực vậy đội này bắt đầu bắn vào khoảng 9 giờ 15 phút và ngay từ những phát súng đầu tiên đã làm nổ tung một kho thuốc súng.

Đi sau đơn vị pháo của Deviternes và đội quân yểm trợ là 50 lính pháo binh có nhiệm vụ phải chiếm được vị trí ẩn náu ngay phía trước thành liên tháp phía Đông - Bắc cho đến khi họ hỗ trợ được cuộc tấn công ở cửa Bắc.

Đội quân tràn tường thành xông lên ngay theo đó. Đội quân này gồm 50 lính thủy đánh bộ của đại đội 31 thuộc trung đoàn 2 dưới sự chỉ huy

của đại uý Martin cùng trung uý và thiếu uý Comte và Chenagon; và 50 lính thủy của các pháo thuyền "Hamelin" và "Parseval" do đại uý hải quân Thesmar và thiếu uý hải quân Chapelle của "Parseval" chỉ huy.

Đội quân treo tường này được trang bị một nửa là súng lục, và 40 cái thang bằng tre dài 6 mét. Ngoài ra họ còn mang theo một khẩu pháo 40 ly được giao cho 10 lính thủy, khẩu pháo này phải được cùng lúc với họ chuyển qua bức tường thành, và trong khi chờ đợi tìm được một vị trí thuận lợi, và nếu tìm được vị trí này thì cùng tham gia vào cuộc pháo kích cùng với các khẩu pháo của trung tá Deviternes. Và thực vậy, ngay từ 9 giờ 15 phút, khẩu pháo 40 ly này đã phối hợp nổ súng.

Cánh quân dự phòng thứ nhất có hơn 100 lính cùng với thuyền trưởng Chanu, thuyền trưởng Villers, đại uý công binh Dupommier, 2 lính công binh, 3 thủy thủ chuyên trách thuốc nổ của tàu "Hamelin" cùng với khối thuốc nổ mà tôi đã giao cho họ và hai khẩu pháo 40 ly, một được trang bị cho lính thủy, một được trang bị cho lính thủy đánh bộ, theo lệnh của thiếu uý hải quân Thomine, đã tới ngay sau đội quân treo tường.

Cánh quân dự phòng thứ nhất này đã phải tụ tập ở xung quanh lũy hình bán nguyệt của cửa Bắc, sau đó tấn công mạnh vào cổng thành trong lúc đội treo tường xông vào liên tháp phía Tây - Bắc.

Trong khi chờ đợi cánh quân dự phòng này đến nơi, các khẩu pháo của Thomine đã chiếm lĩnh vị trí để pháo kích các khẩu pháo nguy hiểm và bắn sạt các thành liên tháp.

Đúng 8 giờ, ông Tổng đốc đã không đến nộp mình, tôi đã ra đi cùng ngài Lãnh sự Kergaradec và thượng sĩ của sư đoàn Marolles cùng 40 lính thủy theo lệnh của phó chỉ huy tàu "Hamelin" là đại uý hải quân Fiaschi.

Cánh quân dự phòng thứ hai có cùng nhiệm vụ cùng với cánh quân thứ nhất tấn công quyết liệt vào cửa Bắc.

Phần lớn nhất của quãng đường đi đối với các phân đội khác nhau đó được tiến hành không có trở ngại gì, dưới sự che chở của các phố và các nhà lọt gianh. Chỉ có ở hai nơi, binh lính đã vượt qua góc vuông trên một

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

khoảng rộng vài mét dưới làn đạn trong thành bắn ra. Ở đó chỉ có hai hoặc ba phát đạn pháo và vài phát đạn súng trường nhưng không gây tác hại gì.

Tuy nhiên, tới gần các toán quân, từ phía cửa Bắc, người An-nam đã ném nhiều ngòi nổ thiêu cháy các túp lều gianh, chỉ một ngôi hoặc từng dãy. Những lều gianh này, có nghĩa là cả thành phố, trải dài khắp các phía đến tận chân toà thành. Ở cửa Đông, các ngòi nổ này đã gây nên một đám cháy thực sự buộc khẩu pháo 120 ly cùng đạn được phải chuyển vị trí.

Đến khoảng 9 giờ 15 phút, tất cả các toán quân đã vào vị trí, chờ đợi giờ phút tấn công, và các khẩu pháo của Deviternes và Thomine cũng như khẩu 40 ly của đội quân trèo tường đều tham gia trận pháo kích. Vào khoảng 10 giờ đội pháo của Deviternes bắt đầu hành quân về cửa Bắc mà nó có nhiệm vụ phối hợp tấn công. Tuy nhiên, để cho nó có đủ thời gian tới kịp và vì các thành liên tháp hình như chưa bị phá hủy đúng với yêu cầu, thuyền trưởng Chanu và tôi cho rằng cần phải kéo dài trận oanh tạc thêm một nửa tiếng nữa. Thông báo đó đã được phát đi từ ngoài để truyền đến cho đội quân trèo tường của Martin Thesmar.

Đến 10 giờ 45 phút, trận pháo kích chấm dứt. Đội quân trèo tường dùng thang trèo lên bên cạnh pháo đài phía Tây - Bắc, và với hai cánh quân dự bị cùng các khẩu pháo của Deviternes và Thomine, chúng ta tấn công lũy hình bán nguyệt của cửa Bắc. Cửa lũy hình bán nguyệt chắc, trụ lại sức công phá của những chiếc rìu, chúng tôi phải làm nó bật ra bằng một phát pháo. Các khẩu pháo được chuyển gấp tới trước cửa Bắc và nổ súng công phá cùng các pháo binh dàn trận. Lúc sắp vào đến cửa Bắc, chúng tôi nhìn thấy đội quân trèo tường chạy ào đến từ phía bên phải trên tường thành. Họ nói với chúng tôi rằng kẻ địch đã bỏ cửa thành và họ đến mở cửa cho chúng tôi vào. Tuy vậy cánh cửa thành lúc đó ở phía bên trong được chèn chặt với các phiến gỗ lớn, phải có một khối thuốc nổ lớn để phá tung mới mở đường vào được.

Thành đã bị chiếm.

Chúng tôi có 4 người bị thương: tiểu đoàn trưởng de Villers bị thương nặng ở đầu gối ngay từ đầu cuộc tấn công bởi một viên đạn lạc, hai lính

Houseyer và Lanore bị đạn vào đầu, nhưng không nặng lắm, hạ sĩ Gros Jean bị một viên đạn vào đùi.

Chúng tôi đếm có 40 người chết trong số người An-nam và 20 người bị thương đã được xe cứu thương mang về cứu chữa.

Số bị thương đáng lẽ còn nhiều hơn, nhưng tất cả những tên có thể chạy được thì đã trốn thoát.

Tôi hân hạnh gửi theo báo cáo này, thưa ngài Bộ trưởng, danh sách những sĩ quan, binh lính và thủy thủy đã chiến đấu một cách đặc biệt anh dũng.

Sau 2 giờ nghỉ và ăn trưa, tôi lập tức đặt toà thành trong tình trạng không thể phòng thủ được nữa. Các thủy thủ, từ cửa Bắc đến cửa Đông, và lính thủy đánh bộ từ cửa Bắc đến cửa Tây, đều vút qua các ụ súng tất cả đại bác, giá súng và một số lớn các thân cây to mà quân địch đã để sẵn ở trên thành để lăn xuống chúng tôi.

downloadsachmienphi.com

Ngày 30 tháng tư 1882.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Sáng ngày 26 tháng tư, chúng tôi biết được rằng ông Tổng đốc đã treo cổ tự tử. Đó là một người đàn ông điềm tĩnh và kiên quyết, và ông ta đã chết là một điều thuận lợi đối với chúng ta. Sự dũng cảm và ảnh hưởng của ông có thể gây nhiều trở ngại cho chúng ta, nhất là nếu ông ta còn có thể bàn bạc với hoàng thân Hoàng⁽⁴³⁾, người mà dân chúng đồn đang đóng quân ở thành Sơn Tây cách đây vài dặm, người mà theo sự xác nhận của triều đình An-nam, đã công khai nuôi dưỡng quân Cờ Đen. Hoàng thân Hoàng, theo lời đồn đại, có ý định tiến hành chiến tranh chống lại chúng ta, nhưng ông ta còn đợi lệnh từ Huế và tùy theo sự tiến chuyển của tình hình thời sự.

Sáng ngày 26, người ta đã tìm thấy ở trong thành 15 nghìn đồng bạc Mễ Tây Cơ, và một số quan tiền chì và kẽm trị giá gần 67 nghìn francs Pháp.

(43) Tức Hoàng Tá Viêm lúc đó đang đóng quân ở Sơn Tây - ND.

Thuyền trưởng De la Mure đã cho chiếm lấy Hải quan ở Hải Phòng. Người ta đã tìm thấy ở đây khoảng một trăm nghìn đồng Đồng Dương. Các giấy xác nhận chính xác sẽ được gửi kèm theo lá thư này.

Biện pháp đầu tiên của tôi, ngay từ ngày 25, là chiếm quyền quản lý ngành thuế quan. Thực ra là tôi chỉ đưa vào việc quản lý này một thay đổi về vai trò. Cho đến hiện nay, chính các nhân viên của chúng tôi kiểm soát sự thu nhập còn các quan lại An-nam thì giữ tiền.

Bây giờ chính các quan lại An-nam kiểm soát sự thu nhập còn nhân viên của chúng ta thì giữ tiền.

Điều này sẽ phù hợp hơn để nhanh chóng nhận được số tiền của chúng tôi vì họ còn nợ chúng tôi, theo tôi nghĩ là 70.000 trong năm 1881⁽⁴⁴⁾.

Từ ngày 25 đến ngày 30 tháng tư, các công việc phá thành vẫn được tiếp tục. Tất cả những khẩu pháo còn lại đều bị đóng đinh và vứt xuống dưới các hào. Bốn lỗ hổng lớn đã được mở ra ở các pháo đài các cửa Bắc và cửa Đông.

Chính các cổng ở hai phía này đã bị tháo dỡ niêm và đã bị phá huỷ hoàn toàn cũng như các cánh cửa khác ở các lũy bán nguyệt. Trên hai phía này, cửa Bắc và cửa Đông, người ta có thể tự do đi vào thành, hoặc là đi qua cửa, hoặc là qua các lỗ hổng lớn.

Tôi quan tâm đến công việc được kết thúc sớm nhất, bởi ý định của tôi không phải là cai trị tỉnh⁽⁴⁵⁾, tôi hy vọng có thể giao lại chính quyền dân sự và thành lúc này đã trở nên vô hại, cho một quan lại cấp cao, có họ hàng với nhà Vua.

Ông ta là một trong số người đã thay mặt ông Tổng đốc đến gặp tôi và tôi đã cố gắng tranh thủ bằng sự đối xử thân thiện và sự đảm bảo về

(44) Số tiền triều đình Huế phải "bồi thường chiến tranh" cho quân Pháp theo "Hiệp ước Hoà bình và Hữu nghị" ký ngày 9 tháng 5 năm Nhâm Tuất tức năm Tự Đức thứ 15 (ngày 5-6-1862).

(45) Tỉnh Hà Nội (ND).

tình bằng hữu. Quả nhiên viên quan này đã chấp nhận các yêu cầu của tôi đối với ông Tổng đốc trong trường hợp mà ông ta ưng thuận giao nộp thành cho tôi. Ông ta tự nhận trách nhiệm làm dịu tình hình trong tỉnh, nhưng ông ta lại rất sợ hoàng thân Hoàng và quân Cờ Đen. Tôi cho rằng chúng ta sẽ kéo về chiếm thành Sơn Tây là nơi chốt kiểm soát dòng sông và điều đó rất có lợi cho chúng ta. Thưa ngài Bộ trưởng, tôi đã nhận được từ ông Kergaradec, Lãnh sự Pháp ở Hà Nội, ý kiến về vấn đề thương lượng với viên quan về sự niêm yết các bản công bố trong thành phố rằng “chúng tôi tới đây chỉ để có điều kiện tốt hơn cho việc đánh đuổi quân Cờ Đen, và nếu chúng tôi đã chiếm thành, đó là lỗi của sự ngờ vực và sự đối địch mà ông Tổng đốc đã ứng xử với chúng tôi” mà lẽ ra phải là sự cộng tác thông minh hơn và khôn khéo hơn.

Tôi ký thác ông Kergaradec, với tất cả lòng khoan dung của Ngài.

Ngày 6 tháng năm 1882.

Tình trạng hoà bình cổ vũ trang được giữ tương đối tốt. Tôi nhận được từ ông Rheinart, Đại diện của chính phủ Pháp tại Huế, một lá thư đề ngày 27 tháng tư. Tôi đã viết cho ông ta ngày 18 và ông ta cũng nhận được thư của ông Vernéville ngày 23 tháng tư. Hai lá thư này cho ông ta biết rằng việc đánh thành Hà Nội là sự kiện lớn. Ông Rheinart không giấu điều đó với triều đình An-nam. Đã có một sự náo động lớn, nhưng hình như người ta phải chấp nhận sự đã rồi. Trong khi chờ đợi, người ta đã gửi cho ông Tổng đốc, quá muộn, lệnh giao nộp thành trong trạng thái như trước, và cho các Tổng đốc các tỉnh khác không được làm gì chống lại chúng ta. Ông Tổng đốc tỉnh Nam Định và hoàng thân Hoàng cho đến lúc này dường như vẫn không theo lệnh đó. Có rất nhiều đóng đá và nhiều biến động khác trên bờ sông Đuống nơi rất cần thiết cho việc cung cấp nước ngọt cho Hải Phòng. Hai tàu “Carabine” và “Massue” từ 3 ngày nay đã ở trên con sông đó để phá huỷ các sự chuẩn bị này. Hoàng thân Hoàng tuyên bố ý định của ông ta về việc đưa quân về Hà Nội và bố trí rất nhiều bè mảng gậy chày. Hai tàu “Surprise” và “Fanfare” đã bố trí trước mũi tàu, về phía thượng lưu, một chuỗi kè bằng các thuyền tam bản để tránh

khỏi sự may rủi này. Không còn gì khác ngoài tiếng đồn và những sự chuẩn bị này mà chúng tôi đã dẹp đi. Tôi đã ra lệnh củng cố khu nhượng địa với các lô cốt ở các góc và các hàng rào vững chắc. Công việc được các phu tiền hành nhanh chóng dưới sự chỉ huy của đại úy công binh Dupommier, tôi đã tiêu vào đây một phần tiền mà tôi đã tìm thấy ở trong thành. Thực ra tôi muốn công việc tiến hành rất nhanh.

Khu nhượng địa, nơi luôn luôn cần phải có ít nhất là 400 người, sẽ tránh được một cuộc đánh úp và nhất là đối với những cuộc báo động phiền nhiễu. Tôi không cho là chúng ta cần có đông người ở Bắc Kỳ, nếu chúng ta biết hạn chế những dự định của chúng ta ở nơi đây, nhưng cũng trong tình trạng hiện nay, nhất thiết phải có 100 người ở Hải Phòng và 400 người ở Hà Nội. Để đưa quân lên Sơn Tây và đóng giữ Sơn Tây sau khi chúng ta chiếm được, cần có thêm 200 người nữa. Vì tôi còn có một đại đội lính đổ bộ 100 người rút ra từ các tàu "Tilsitt", "Drac", "Hamelin" và "Parseval", qua lá thư ngày 26 tháng tư gửi ngài Thống đốc, tôi chỉ yêu cầu tiếp thêm một nửa đại đội lính thủy đánh bộ nữa mà thôi.

Như thế cũng sẽ chưa đủ.

Ở Hà Nội tôi có các tàu "Fanfare", "Surprise", "Massue", "Carabine", tàu "Hải Phòng" (trước kia là tàu của Sở Chỉ huy cảng) và tàu "Cửa Lạch" (trước kia là chiếc sà lúp của đội Hoàng gia). Tàu "Drac" với đoàn thủy thủ đã giảm bớt đang vào Sài Gòn là nơi nó vào đưa tin chiếm thành Hà Nội. Tôi đã đề nghị ngài Thống đốc gửi thêm cho tôi 100.000 đạn loại Gras, 150 cân thuốc nổ và tàu "Yatagan" được hộ tống bởi tàu "Drac". Sẽ không bao giờ có đủ pháo thuyền ở Bắc Kỳ, ảnh hưởng thực tế và thực sự của chúng ta là lá cờ hiệu của chúng ta xuất hiện trên các kênh, lạch và trên sông Hồng.

Chỉ riêng sự kiện đã phái tàu "Carabine" đi trinh sát gần Sơn Tây cách đây 5 ngày đã có giá trị tới 1.000 đồng bạc Đông Dương, số thuế chúng ta thu được ở Hải quan ngay ngày hôm sau.

Rất nhiều thuyền mảnh không còn sợ bọn giặc cướp và quân Cờ Đen và đã liệu xuống Hà Nội.

Chỉ có tàu “Hamelin” ở Hải Phòng. Ngay ngày 28 tháng tư, tàu “Parseval” không thể vượt qua bãi cửa sông ở Huế và chính vì thế mà tôi đã chọn nó để đi liên lạc với ngài Rheinart⁽⁴⁶⁾. Ngài Rheinart không thể sai lầm để tàu đi sâu vào trong bãi cửa sông được. Thật vậy, ở nơi mà quyền của những người bảo vệ ngài Rheinart là không thể bị cướp đoạt đối với ông ta mà không có ngăn ngại, mọi việc sẽ tốt để chống lại một chiếc tàu hay các thuyền. Đó là điều mà tôi muốn tránh. Có điều luôn luôn chắc chắn là ngài Rheinart là một người rất có nghị lực và không bao giờ lo ngại, và ông lại rất được đề cao ở Huế, chỉ một mình ông ta với người thầy thuốc của ông ta. Cần phải có cho ông ta một đồn binh nhỏ và một chiếc tàu máy, điều đó sẽ là sự thay đổi trong hiệp ước 1874.

Trong tình trạng hiện nay, nếu các sự việc dừng lại ở đó và nếu có một hiệp ước mới, lần này nghiêm túc, tác động đến triều đình Huế, thì sẽ có quy định rõ về sự phá bỏ thành được duy trì, như thành Hà Nội, giữ lại một đội quân đồn trú 600 người ở Hà Nội (400 người đóng ở Hà Nội, 200 quân trừ bị), quyền được thông thương ổn định đối với tàu thuyền của chúng ta, thuế quan trong tay chúng ta, về mặt thu, trừ việc người An-nam kiểm soát số thuế thu được, về số thuế sẽ không bị che giấu hoặc đánh lừa chúng ta. Tóm lại nền bảo hộ của chúng ta đã được thừa nhận và là thực tế ở Trung Kỳ hoặc ít ra là ở Bắc Kỳ.

Một điều cần chú ý là có dư luận biểu lộ ra và không thể xem thường, bởi vì nó nhằm ủng hộ và tuyên truyền cho một người đáng để ý là ngài Lãnh sự Anh Palgrave tại Băng-cốc.

Dư luận này cho thấy, đáng lẽ phải chấp nhận nền bảo hộ của chúng ta thì Trung Kỳ lại dâng mình cho Trung Hoa.

Nếu chúng ta không muốn chống lại dư luận đó, thì sẽ có nhiều khó khăn tương đối lớn xảy ra về sau để làm chúng ta phải từ bỏ Bắc Kỳ.

Tôi không biết liệu điều đó có phải là một tương lai tốt đẹp bị mất đi không, nhưng sẽ gây ra sự thất bại đáng tiếc về dư luận và một sự xúc phạm đến uy thế của chúng ta ở trên xứ sở này.

(46) Rheinart lúc đó đang là Tổng Trú sứ tại Huế (ND).

Nếu chúng ta thúc giục, nhưng một cách thực sự, bằng cách gửi một người nào đó vào điều đình với Huế, chỉ trong ba ngày không cho phép sự chậm trễ đáng sợ về ngoại giao kiểu An-nam diễn ra, chúng ta sẽ nhận được của triều đình Huế, trong hoàn cảnh hiện nay, sự thừa nhận nền bảo hộ của chúng ta.

Ngày 13 tháng năm 1882.

Tàu “Parseval” đã tới bãi sông ở Huế ngày 7 tháng năm và ngài Rheinart thông báo với tôi những gì đã xảy ra. Triều đình An-nam đã rất xúc động, nhưng cảm xúc dữ dội này đã không kéo dài lâu. Ngài Rheinart, theo tối hậu thư của tôi gửi ông Tổng đốc, nghĩ rằng tôi không có ý định chiếm thành, về sau này đã để triều đình An-nam hiểu rằng tất cả đều có thể điều đình được bằng cách giao trả lại thành, thật ra là thành đã bị phá một phần, vào trong tay những quan chức cao cấp người An-nam, những người sẽ được gửi đến cho tôi. Những quan chức này đã lập tức lên đường cùng tàu “Parseval” và đã tới Hà Nội ngày 10 tháng năm. Hai quan chức chính mang chức danh phái viên thứ nhất và thứ hai của Vua, tạm thời chịu trách nhiệm Tổng đốc và Quan phủ (Tuần phủ-ND). Viên quan thứ nhất là Trần Đình Túc, nguyên Tổng đốc Hà Nội, là một cụ già được quý mến và hoà nhã; viên quan thứ hai rất thông minh và hồ hởi, dưới con mắt của chúng tôi.

Cuộc thương lượng đi đến vấn đề trao trả thành. Những viên quan này hy vọng chắc chắn rằng thành sẽ được trao trả cho họ với khả năng được sửa chữa và vũ trang lại, đó là điều tôi không đồng ý. Trong hoàn cảnh hiện nay, tôi nhất định theo ý của tôi, trừ một vài nhượng bộ mà tôi đã tuyên bố trong thư gửi Quan Án (Án sát - ND).

Các cuộc viếng thăm đã diễn ra giữa các phái viên và tôi, và trong cuộc viếng thăm ngày hôm qua ở thành Hà Nội, nơi các phái viên đang tá túc tại nơi ở cũ của ông Tổng đốc, Quan Án đã đề nghị tôi để ông ta

trao lại cho Trần Đình Túc và Nguyễn Hữu Độ⁽⁴⁷⁾ lá thư mà tôi viết cho ông ta, và với điều kiện được ghi trong trong lá thư đó là ông ta đã chấp nhận quay trở lại thành và nắm quyền cai trị tỉnh. Quan Án đã trao thư cho họ, trước sự có mặt của tôi, mặc dù các ông ấy đã biết lá thư đó. Tôi xin gửi cho Ngài kèm theo đây bản sao của lá thư. Các phái viên và tôi không đề cập tới một vấn đề nào nữa. Để giữ vững các điều kiện đã nêu trong thư gửi Quan Án, tôi có thái độ thực sự thù địch mà hoàng thân Hoàng và quân Cờ Đen đã có đối với chúng ta.

Để đi đến những nhượng bộ về vấn đề quân Cờ Đen luôn luôn đe dọa, hoặc là chúng ta phải hành động chống lại chúng, hoặc triều đình An-nam phải nhận gánh vác thật sự việc thải hồi chúng.

Tóm lại, tình hình của chúng ta là tốt, tôi hy vọng sẽ duy trì được như vậy, không cần quá sức cũng chẳng có phiền phức. Tình trạng vệ sinh y tế tuyệt vời.

Tôi là,...

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Đã ký: H. Rivière.

Nguồn: AG - 255

LƯU TRỮ VN

(47) Nguyễn Hữu Độ lúc đó đang là phái viên triều đình Huế ra Hà Nội cùng Trần Đình Túc (ND).

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

N° 611

Hà Nội le 17 avril et 13 mai 1901.

Rapport détaillé
relatif à la prise
de la citadelle de
Hà Nội

Monsieur le Ministre,

J'ai eu l'honneur, par ma lettre du 25 avril et les pièces y annexées, de vous faire connaître à la suite de quelles circonstances de situation et de politique, j'avais été amené à prendre la citadelle de Hà Nội.

Je vous adresse aujourd'hui mon rapport sur cette affaire.

Dès les premiers jours de mon arrivée à Hà Nội, en constatant les préparatifs de défense, chaque jour plus sérieux, que faisait la citadelle, je dus me préoccuper de mon côté à agir.

J'attirai donc à moi, de Hài-phong à Hà Nội, les munitions, les projectiles et les moyens divers que les bâtiments de la Division navale pouvaient me fournir. Il y avait à Hài-phong où je leur avait fait rallier le "Drac", le "Hercule", le "Perceval", la "Fanfare", la "Surprise", la "Mascotte" et la "Carabine". Il y avait aussi les deux embarcations à vapeur, le "Hài-phong" et le "Cue-lac" (anciennes chaloupes à vapeur de la Direction du port à Saigon et de la Couronne).

J'ai trouvé dans mon commandement de la Flotte, Capitaine de frégate, commandant le "Drac", le commandant le plus dévoué et le plus utile.

Le Commandant De la Flotte est un homme d'un sens très juste et très adroit, d'un conseil excellent. Il a fait tout ce qui dépendait de lui pour me venir en aide. Il a disposé la "Fanfare" et la "Surprise" pour qu'elles puissent remonter le Fleuve Rouge par le passage de Cu-day, et ce passage, grâce aux sondes et aux croquis de la "Fanfare" est désormais praticable pour les

17 avril et 13 mai 1882

canonniers de mer et des avisos tels que le "Parceval".

Tout en me préparant, je faisais au Tonkin, des représentations courtoises sur les travaux de sa citadelle. Je n'y insistait pas toutefois, car si j'y eusse insisté, j'aurais été forcé d'agir, et je ne voulais le faire qu'après avoir réuni tous mes moyens.

Enfin le 21 avril, le "Fanfare" arriva. C'est un habile et heureux capitaine que le lieutenant de vaisseau G-dud, et son petit bâtiment, par ses officiers et son équipage est digne de lui. En modifiant son tirant d'eau, cherchant son chemin, profitant des moindres orues, il n'a mis que trois jours à venir d'Hai-phong à Hanoi par ce passage inexploré.

Le pilote, second maître de timonerie, Crochet, a pour sa part, contribué à ce résultat.

Le "Cua-lao" que j'avais envoyé trois jours auparavant de Hanoi à Phat-diem avec un pratique à la rencontre de la "Fanfare" au Cua-day, arrivait avec elle. Dès le soir du 21, je l'expédiais au Commandant De la Mure, pour qu'il fit partir de Hai-phong pour Hanoi une compagnie de débarquement de cent hommes de l' "Havelin", du "Parceval" et du "Drac", et cinquante soldats de l'infanterie de marine en garnison à Haiphong.

Le 24 avril, les troupes arrivaient sur deux petits bâtiments commandés par M. le Sous-commissaire Bousart, de l'activité et de l'intelligence duquel j'ai toujours eu à me louer. La compagnie de débarquement sous les ordres de M. Fiaschi, lieutenant de vaisseau, officier en second de l' "Havelin", avait pour officiers, M. Chapelle, enseigne de vaisseau du "Parceval" et M. Bladou, enseigne de vaisseau du "Drac". La demi-compagnie d'infanterie de marine était commandée par M. le lieutenant

27 avril et 13 mai 1882

Montognault.

J'avais 450 soldats d'infanterie de marine, vingt artille- leurs de l'artillerie de marine avec 3 canons de 4 c/m, vingt tirailleurs indigènes, cent trente marins, un canon de 1. c/m et un canon de 4 c/m appartenant à la concession, deux canons de 4 amenés du Tilsitt, la "Panfare", la "Carabine" et la "Mas- sue".

J'envoyai dès lors au Tong-doc une lettre ultimatum.

Je le fis le 15 à cinq heures du matin, ne lui laissant que trois heures pour me répondre. Le délai était court, comme je le lui écrivais, mais il y avait assez longtemps qu'il se préparait contre nous pour qu'il n'en fût pas étonné.

Vers sept heures et demie, il me fit demander de lui donner un jour de délai. Je n'eus pas à répondre à cette deman- de que je n'eusse pas d'ailleurs accordée, le porteur ayant disparu aussitôt après avoir remis sa lettre.

A huit heures, la limite extrême que je lui avait fixée, le Tong-doc n'était point venu. Il n'y avait plus qu'à agir.

Voici quelles mesures nous avons pris de concert, M. le Chef de bataillon Chanu et moi.

Le bombardement par la "Panfare", la "Massue" et la "Ca- rabine" devait commencer à 8 h 15' et finir à 10 h 15'. Ces bâtiments, dès cinq heures du matin, s'étaient rendus à leur poste d'attaque, en amont de la rivière, à peu près en face de la porte Nord.

C'était la face Nord que nous attaquions.

Une attaque sérieuse à la porte Nord avec un feu de ti- railleurs de cette porte Nord au bastion N.E., un autre feu de tirailleurs de la porte Nord au bastion N.O., et, à la courtine

27 avril et 13 mai 1882

4

de ce bastion N.O. une esclade de cent abordeurs, soldats et marins, devant, après esclade, se rabattre sur la porte Nord et nous l'ouvrir. A la porte Est, il devait y avoir une fausse attaque de la compagnie d'infanterie de marine, soutenue par le canon de 12 c/m armé à bras et armé par les marins.

A 8 h 15', le bombardement commençait. Jusqu'à 9 h 15', il devait s'attacher surtout à la porte Nord et à ses courtines de droite et de gauche, et ne point s'adresser à la face Est qu'il n'eut pu atteindre qu'en la prolongeant. Cela permettait en outre à la 29^e compagnie du 2^e régiment d'infanterie de marine du Capitaine Retrouvey de se rendre dès huit heures à la porte Est avec son canon de 12 c/m confié à l'enseigne de vaisseau Bladou et à ses douze marins, et de commencer à attaquer dès 8 h 30 cette porte qui est rapprochée de la concession.

De 9 h 15' à 10 h 15', le tir des canonnières devait se faire sur les principaux établissements de la citadelle, et quelque peu au delà de la porte Nord afin de ne pas atteindre nos troupes qui vers 9 heures et demie environ devaient être toutes rendues à leurs positions d'attaque.

Dès 7 h 45, les troupes partaient: c'était d'abord la Compagnie Retrouvey avec son canon de 12 pour la porte Est.

Puis successivement, et par un chemin qui longe le fleuve, traverse les quartiers chinois, suit de nouveau la digue le long du fleuve à la face Nord. Tout ce parcours que nous avons reconnu étant aérobie sinon défilé par les paillotes, des contrebass et des arbres et ne demandant qu'une heure ou une heure et demie de trajet, s'avançaient:

27 avril et 13 mai 1882

5

La batterie d'artillerie de marine de trois pièces de 4cm du Lieutenant Deviternes, soutenue par cinquante tirailleurs ~~de~~ d'infanterie de marine et les vingt tirailleurs ind gènes du Lieutenant Dain.

Cette batterie avait pour destination un emplacement à batterie barbette naturelle, dominant quelque peu la citadelle à 800 mètres, et d'où elle devait concourir au bombardement en écartant la courtine E.C. démontant les pièces dangereuses et tirant sur les poudrières. Elle commençait en effet à tirer vers 9 h 15' et d'un de ses premiers coups, elle faisait sauter une poudrière.

Après la batterie Deviternes et son soutien, venient cinquante tirailleurs qui devaient prendre position à l'abri devant la courtine E.E. jusqu'au moment où ils auraient à protéger l'attaque de la porte Nord.

Les abordeurs s'avançaient ensuite. C'étaient cinquante soldats d'infanterie de marine de la 31^e compagnie du 2^e régiment, commandés par le Capitaine Martin avec les Lieutenant et Sous-lieutenant Conte et Chenagon, et cinquante marins de l'"Harcelin" et du "Parseval", commandés par M. le Lieutenant de Vaisseau Theumar et l'Enseigne de vaisseau Chapelle du "Parseval".

Ces abordeurs étaient armés pour moitié de revolvers, et portaient quarante échelles de bambous de six mètres de long. Ils emmenaient en outre un canon de 4 c/m attelé de dix marins, qui devait passer par dessus le mur avec eux et qui en attendant devait d'un endroit propice si on le trouvait, concourir au bombardement avec la même mission que les canons du Lieutenant Deviternes. Dès 9 h 15' en effet, il y concourait.

27 avril et 13 mai 1882

6

La première réserve de cent et quelques soldats avec le Commandant Chanu, le Commandant de Villers, le Capitaine du Génie Duponmier, deux gardes du génie, trois torpilleurs de l' "Hamelin" avec la pile que je leur avais adjointe, deux canons de 4 e/m, l'un armé de marins; l'autre de soldats d'infanterie de marine, sous les ordres de M. Thomine, Enseigne de vaisseau, venient après les abordeurs.

Cette première réserve devait se masser aux environs de la demi-lune de la porte Nord, puis attaquer cette porte de vive force au moment à où les abordeurs donneraient l'assaut à la courtine N.O.

En attendant dès qu'elle serait rendue sur les lieux les canons Thomine prendraient position pour battre les pièces dangereuses et écreter les courtines.

À huit heures précises, le Yang-doc n'étant point venu se remettre entre mes mains, je partais avec le Consul, M. de Kergaradec, mon adjudant de division de Marolles, et quarante marins commandés par le second de l' "Hamelin", M. Fineschi, lieutenant de vaisseau.

Cette seconde réserve avait le même rôle que la première attaquer de vive force la porte Nord.

La plus grande partie du trajet pour ces divers détachements se fit sans encombre sous le rideau des rues et des pailotes. À deux endroits seulement, ils passèrent à angle droit sur un espace de quelques mètres sous le feu de la citadelle. Il y eut là deux ou trois coups de canon et des coups de fusil sans effet.

Toutefois, à l'approche des troupes, de la face Nord

27 avril et 13 mai 1882

tout entière, les Annamites lancèrent de nombreuses fusées qui incendièrent les paillotes, isolément ou par groupes. Ces paillotes c'est-à-dire la ville elle-même, s'étendaient de tous côtés jusqu'aux abords de la forteresse. A la porte Est, ces fusées allumèrent un véritable incendie qui força plusieurs fois le canon de 12 c/m et ses munitions à changer de position.

Vers 9 h 15', toutes les troupes étaient à leur poste, attendant le moment de l'attaque, et les canons Deviternes et Thomines ainsi que le canon de 4 des abordeurs prenaient part au bombardement. Vers dix heures, la batterie Deviternes se mettait en marche pour rallier la porte Nord à l'attaque de laquelle elle devait concourir. Toutefois, pour lui donner le temps d'arriver et parce que les courtines ne nous semblaient pas suffisamment écorchées, il nous parut bon au Commandant Chanu et à moi, de prolonger le bombardement ~~de~~ d'une demi heure. L'avis en fut donné de la digue aux bâtiments et porté aux abordeurs Martin Thesmar.

A 10 h 45, le bombardement cessa. Les abordeurs s'en allèrent à l'escalade du côté du bastion N.O., et, avec les deux réserves, les canons Deviternes et Thomine, on attaqua la demi-lune de la porte Nord. La porte de la demi-lune résistant aux haches, on la fit sauter par un pétard. Les canons furent menés vivement devant la porte Nord et tirèrent sur elle en même temps que les tirailleurs se déployaient. Nous étions à toucher la porte Nord quand nous vîmes nos abordeurs accourir de la droite sur les remparts. Ils nous dirent que l'ennemi abandonnait la porte et qu'ils allaient nous l'ouvrir. Cette porte cependant était à l'intérieur tellement obstruée de madriers énormes qu'il

27 avril et 13 mai 1882

8

fallut un gros pétard pour la briser et y pratiquer une entrée.

La citadelle était prise.

Nous avons quatre blessés: le chef de bataillon de Villers atteint dès le commencement de l'action d'une contusion grave au genou par un biscaïen perdu, le soldat Houseyer et le soldat Lanore atteints de balles à la tête, mais non grièvement: et le caporal Gros Jean d'une balle à la cuisse.

Nous avons compté quarante morts parmi les Annamites et vingt blessés recueillis par nos ambulances.

Le nombre des blessés a dû être beaucoup plus considérable, mais tous ceux qui pouvaient s'enfuir, se sont enfuis.

J'ai l'honneur de joindre à ce rapport, Monsieur le Ministre, ma liste de propositions pour les officiers, soldats et marins qui se sont particulièrement distingués.

Après un repos de deux heures pendant lequel on déjeûna, je commençai à mettre immédiatement la citadelle hors d'état de défense. Les marins, de la porte Nord à la porte Est, et l'infanterie de marine de la porte Nord à la porte Ouest, jetèrent par dessus les parapets tous les canons et leurs affûts et une grande quantité de madriers qu'on avait disposés pour les faire rouler sur nous.

Le 30 avril 1882

Le 26 avril au matin, nous apprîmes que le Tong-doo s'était pendu. C'était un homme flegmatique et résolu, et il est avantageux pour nous qu'il se soit tué. Son courage et son influence auraient pu nous susciter des embarras surtout s'il se fut concerté avec le prince Hoang, qui se tient, dit-on, à la forteresse de Son-tay à quelques lieues d'ici, et qui

27 avril et 13 mai 1882

9

de l'aveu du Gouvernement annamite, a ouvertement à sa solde des Drapeaux noirs. Le prince Hoang, d'après les bruits qui courent, aurait l'intention de nous faire la guerre, mais il attendrait des ordres de Hué et la marche que prendraient les événements.

Le 26 au matin, on a trouvé dans la citadelle une valeur de quinze mille piastres mexicaines, et des ligatures et saumons de plomb et d'étain pour environ soixante quinze mille francs.

Le Commandant de la Mure a fait saisir la Douane à Haiphong. On y a trouvé environ cent mille piastres. Les bordereaux exacts seront joints à cette lettre.

La première mesure, dès le 25, a été de saisir l'administration des douanes. A vrai dire, j'en ai introduit dans cette administration qu'une intervention des rôles. Jusqu'à présent, c'étaient nos agents qui contrôlaient la recette et les mandarins annamites qui l'encaissaient.

Ce sont maintenant les Mandarins annamites qui contrôlent la recette et nos agents qui l'encaissent.

Ce sera plus commode pour toucher sans retard ce qui nous revient, car on nous doit, je crois, encore 70.000 pour l'année 1881.

Du 25 au 30 avril, les travaux de démantèlement de la citadelle se sont continués. Tout le reste des canons a été enroulé et jeté dans les fossés. Quatre grandes brèches ont été pratiquées aux bastions des portes du Nord et de l'Est.

Ces portes elles-mêmes, en tant que portes, ont été descellées et absolument détruites ainsi que les portes des demi-lunes. Sur ces deux faces, Nord et Est, on a libre accès dans la

27 avril et 13 mai 1882

10

citadelle, soit par le passage des portes, soit par les brèches.

Je tenais à ce que le travail fût terminé le plus tôt possible, car mon intention n'étant point d'administrer la province, j'espérais pouvoir remettre le Gouvernement civil et la citadelle devenue inoffensive, à un haut mandarin, parent du Roi.

Il était de ceux qui m'avaient fait visite de la part du Tong-doc et que j'avais tâché de me concilier par des égards et des assurances d'amitié. Ce mandarin a en effet accepté les propositions que je faisais au Tong-doc dans le cas où il eût consenti à me rendre la citadelle. Il se charge d'apaiser la province, mais il a toutefois une grande peur du prince Hoang et de ses Drapeaux noirs. Je crois que nous serons amenés à nous emparer de la citadelle de Son-tay qui commande le cours du fleuve et qui par cela nous sera très utile. J'ai reçu, Monsieur le Ministre, de M. de Kergaradec, Consul de France à Hanoi, au sujet de ces négociations avec le mandarin, de l'affichage des proclamations en ville "nous n'étions venus que pour être en meilleure situation pour châtier les Drapeaux noirs, et si nous avions pris la citadelle, toute la faute en était à la défiance et à l'hostilité que nous avait témoignées le Tong-doc", le concours le plus intelligent et le plus habile.

Je recommande M. de Kergaradec à toute votre bienveillance.

Le 6 mai 1882

La situation de paix armée se maintient assez bien. J'ai reçu de M. Rheinart, Chargé d'affaires de France à Hué, une lettre du 27 avril. Je lui avais écrit le 18 et il avait égale-

27 avril et 13 mai 1882

11

ment reçu une lettre de M. de Vernéville du 23 avril. Ces deux lettres lui faisaient savoir que l'attaque de la citadelle de Hanoi était imminente. M. Rheinart ne l'a pas caché au Gouvernement annamite. Il y a eu un assez grand émoi, mais on paraît devoir accepter le fait accompli. En attendant, on a envoyé au Tong-doo, trop tard, l'ordre de remettre la citadelle dans l'état où elle était auparavant, et aux différents gouverneurs de ne rien tenter contre nous. Le Gouverneur de Nam-dinh et le prince Hoang paraissent jusqu'à présent ne pas se conformer à ces ordres. Il y a des amoncellements de pierres et beaucoup de mouvement sur les bords du canal des Bambous, qui nous est nécessaire pour nos communications par eau avec Hai-phong. La "Carabine" et la "Massue" sont depuis trois jours au canal et détruisant ces préparatifs. Le prince Hoang annonce son intention de descendre sur Hanoi et dispose de nombreux radeaux incendiaires. La "Surprise" et la "Fanfare" ont établi devant elles, en amont, une estacade de sampans et d'une chaîne pour se mettre à l'abri de ces hasards. Il n'y a rien autre que ces rumeurs et ces préparatifs qu'on disperse. J'ai donné l'ordre de fortifier la concession avec des blockhaus aux angles et de fortes palissades. Le travail se fait avec rapidité par des coolies sous la direction du Capitaine du génie Dupommier, et j'y consacre une partie des fonds que j'ai trouvés à la citadelle. Je veux en effet que cela aille très vite.

La concession où il faudra toujours, au moins quatre cents hommes, sera à l'abri d'un coup de main et surtout d'alertes ennuyeuses. Je ne crois pas qu'il nous faille beaucoup de monde au Tonkin, si nous savons y borner nos projets,

27 avril et 13 mai 1882

12

mais déjà dans l'état actuel, il est indispensable d'avoir cent hommes à Hai-phong et quatre cents à Hanoi. Pour expéditionner à Son-tay, et garder Son-tay quand nous l'aurons pris, il faut deux cents hommes de plus. Comme j'ai encore une compagnie de débarquement de cent hommes, tirée du ~~XX~~ "Tilsitt", du "Drac", de l' "Hamelin" et du "Parseval", je n'ai demandé par ma lettre du 26 avril au Gouverneur qu'une demi compagnie d'infanterie de marine de renfort.

Ce ne sera pas assez.

J'ai avec moi à Hanoi la "Fanfare", la "Surprise", la "Massue" et la "Carabine", le "Haiphong" (ancienne chaloupe de la Direction du port) et le "Cua-lac" (ancienne chaloupe de la Couronne). Le "Drac" avec son équipage réduit, est à Saigon où il a porté la nouvelle de la prise de la citadelle. J'ai demandé au Gouverneur de m'envoyer cent mille cartouches Gras, cent cinquante kilogrammes de dynamite et le "Yatagan" escorté par le "Drac". Il n'y aura jamais assez de canonnières au Tonkin, notre influence pratique et vraie, c'est notre pavillon qui se montre dans les arroyos et sur le Fleuve Rouge.

Le seul fait d'avoir envoyé la "Carabine" en reconnaissance du côté de Son-tay, il y a cinq jours, nous a valu mille piastres de recte à la Douane, le surlendemain.

De nombreuses jonques ont cessé d'avoir peur des pirates et des Drapeaux noirs, et se sont hasardées à descendre à Hanoi.

L' "Hamelin" seul est à Hai-phong. Dès le 28 avril, le "Parseval" qui ne peut pas passer la barre de Hué et c'est pour cela que je l'ai choisi, est allé se mettre en communi-

27 avril et 13 mai 1882

13

cation avec M. Rheinart. Il ne doit se compromettre en rien et ne point envoyer d'embarcation en dedans de la barre. Là, en effet, où le droit des gens protège M. Rheinart et ne saurait être violé envers lui sans une grande hésitation, tout serait de bonne guerre contre un bâtiment ou les embarcations de ce bâtiment. C'est ce que j'ai voulu éviter. Il est toujours certain que M. Rheinart, qui est un homme de grande énergie, et qui ne conçoit pas d'inquiétudes, est très en l'air à Hué, seul avec son chancelier et son médecin. Il lui faudrait un petit poste de soldats et une embarcation à vapeur, ce qui serait une modification au traité de 1874.

Dans l'état actuel des choses, si elles en restent là, et qu'un traité nouveau, sérieux cette fois, intervienne avec la Cour de Hué, il y aurait à stipuler le démantèlement à maintenir, tel qu'il est de la citadelle de Hanoi, une garnison de six cents hommes à Hanoi (400 à Hanoi, 200 disponibles), le droit de circulation constante pour nos navires, les douanes entre nos mains, au point de vue de la recette, sauf le contrôle pour les Annamites de ces recettes qui ne nous seraient plus dérobées ou éludées, et ce qui résumerait tout en un mot, notre protectorat reconnu et effectif sur l'Annam ou tout au moins sur le Tonkin.

Il est à remarquer qu'une opinion se fait jour et qui n'est pas à dédaigner, car elle a pour l'appuyer et la propager, un homme de mérite, le Consul anglais Palgrave à Bangkok.

Cette opinion serait qu'au lieu d'accepter notre protectorat, l'Annam se donnât à la Chine.

Il y aurait là pour nous, si nous voulons non y opposer

27 avril et 13 mai 1882

14

des difficultés d'exécution lointaine assez grande pour que nous soyons forcés de renoncer au Tonkin.

Je ne sais si ce serait un bel avenir perdu, mais ce serait dans ces pays un regrettable d'échec d'opinion et une atteinte à notre prestige.

Si on la presse, mais véritablement, en envoyant quelqu'un traiter à Hué, en trois jours sans permettre aux redoutables lenteurs de la diplomatie annamite de se produire, on obtiendra de la Cour de Hué, dans les circonstances actuelles, la reconnaissance de notre protectorat.

Le 13 mai 1882

Le "Parseval" est revenu de la barre de Hué le 7 mai et M. Rheinart m'informe de ce qui s'est passé. Le Gouvernement annamite a été fort ému, mais cette émotion, à l'état aigu, n'a pas été de longue durée. M. Rheinart, pensant d'après ma lettre ultimatum au Tong-doc que je n'avais pas l'intention d'occuper ultérieurement la citadelle, a laissé entendre au Gouvernement annamite que tout pouvait se concilier par la remise de la citadelle, démantelée en partie il est vrai, aux ~~sub~~ mains de hauts fonctionnaires annamites qui me seraient envoyés. Ces hauts fonctionnaires ont pris immédiatement passage sur le "Parseval" et sont arrivés à Hanoi le 10 mai. Les deux principaux prennent le titre de premier et deuxième commissaires du Roi, chargés provisoirement des fonctions de Tong-doc et de Quan-phu. Le premier, Tran-dinh-Tuc, ancien gouverneur de Hanoi, est un vieillard très estimé et conciliant; le second est très intelligent, et dit-on, en est disposé à notre égard.

Les pourparlers vont avoir lieu au sujet de la remise de

27 avril et 13 mai 1882

15

la citadelle. Ils espèrent sans doute qu'elle leur sera remise avec faculté de la réparer et de la réarmer, ce à quoi je ne ~~me~~ consentirai pas. Dans les circonstances actuelles, je m'en tiendrai en ce que dépendra de moi et sauf certaines concessions, à ce qui est annoncé dans ma lettre au Quan-an.

Les visites d'arrivée se sont échangées entre les commissaires et moi, et dans celle que j'ai faite hier à la citadelle, où les Commissaires se sont installés à l'ancien logement du Tong-doo, le Quan-an m'a demandé de lui laisser remettre à Trandinh-Tuc et à Nguyen-huynh-Do la lettre que je lui avais écrite et aux conditions de laquelle, il avait accepté de rentrer dans la citadelle et d'administrer la province. Il la leur a remise bien qu'ils dussent déjà la connaître séance tenante en ma présence. Je vous envoie ci-jointe copie de cette lettre. Les Commissaires et moi, nous n'avons encore abordé aucun sujet d'affaires. Pour me maintenir sur le terrain de ma lettre au Quan-an, je me servirai de l'attitude réellement très hostile qu'ont envers nous le prince Hoang et les Drapeaux noirs.

Il nous faut, pour en arriver à des concessions que cette question de Drapeaux noirs ait cessé d'être une menace, soit que nous agissions nous-mêmes contre eux, soit que le Gouvernement annamite se charge sérieusement de les licencier.

Ensomme, notre situation est bonne et se maintiendra telle je l'espère, sans grandes forces ni grands ennuis. L'état sanitaire est excellent.

Je suis, etc...

Signé: H. Rivière

Số 667

Thư gửi Tổng đốc Hà Nội

Về vấn đề trao trả điện Kính Thiên

Hà Nội, ngày 11 tháng bảy 1882.

Thưa Ngài Tổng đốc,

Ngài yêu cầu tôi trao trả lại cho Ngài Hành cung và nhắc tôi, về vấn đề này, lời cam kết của tôi với Quan Án trong lá thư ngày 19 tháng 4.

Trong lá thư đó tôi nói sẽ phải trả lại điện Kính Thiên khi bản thoả thuận đã được ký kết giữa hai chính phủ chúng ta, và ngay cả trước đó nếu có sự yên tĩnh trong toàn tỉnh.

Liệu Ngài có thể khẳng định được với tôi, thưa ngài Tổng đốc, rằng sự thoả thuận đã được thiết lập lại hoàn toàn giữa hai chính phủ chúng ta. Tôi biết rằng các cuộc thương lượng đang diễn ra ở Huế và tôi hy vọng rằng những cuộc thương lượng này sẽ sớm có lối thoát thuận lợi, nhưng tôi không dám khẳng định rằng chúng sẽ đạt được kết quả hoàn toàn.

Tôi chỉ có thể khẳng định thêm rằng trật tự của vương triều trong tỉnh Hà Nội và các tỉnh lân cận sẽ trở lại như cũ, bởi vì tôi còn chưa hề gửi tàu chiến đến Bắc Ninh và tôi không biết liệu ngài Tổng đốc, người rõ ràng thù địch chúng tôi, đã tạm ngừng các công việc chống lại chúng tôi mà ông ta đã làm ở đây hay chưa.

Tôi chỉ có thể chắc chắn rằng các làng dọc sông Lô thuộc tỉnh Bắc Ninh chỉ nhận được những lời khuyên xấu chống lại chúng tôi bởi vì chúng tôi không làm một điều gì hại đến dân chúng ở đây nhưng họ đã trốn chạy khi chúng tôi tới gần.

Tôi cũng không biết chắc cách bố trí của Sơn Tây là nơi đã có thể đang giam giữ ba người dân một làng của sông Lô, thủ phạm có quan hệ với chúng tôi.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Ngài sẽ nói với tôi rằng điều đó không xảy ra ở tỉnh Hà Nội, nơi các Ngài đã làm rất nhiều, tôi biết điều đó, để tái lập trật tự và yên tĩnh, nhưng Ngài có biết, thưa ngài Tổng đốc, rằng với một kinh nghiệm lâu dài về các vấn đề chính trị và chiến tranh để không hiểu rằng với tư cách là Tổng Chỉ huy, tôi phải quan tâm không chỉ tới những việc sẽ xảy ra tức thời cạnh tôi, mà còn cả những khó khăn có thể tới với tôi từ các vùng lân cận.

Tôi tiếc rằng Ngài đã viết cho tôi như sau: điện Kính Thiên là một nơi thiêng liêng, là nơi người ta thờ trời và tôn kính Vua, đó không phải là nơi để cho binh lính ở.

Ở Pháp, chúng tôi đối xử với binh lính và những người bạn với một sự quý mến lớn hơn.

Chính Chúa Trời đã đem đến thắng lợi cho quân đội và chính binh lính bảo vệ nhà Vua. Nơi ẩn náu nhất thời của binh lính không thể xúc phạm đến ngôi nhà của Chúa Trời và cung điện của một ông Vua.

Tóm lại, thưa ngài Tổng đốc, trong hoàn cảnh hiện nay, và vừa công nhận về nguyên tắc rằng điện Kính Thiên cũng như địa điểm theo lời hứa của tôi trong thư gửi Quan An, sau này phải được trao trả cho các ngài, tôi còn chưa thể ấn định thời điểm cho việc trao trả này được thực hiện.

Ngài sẽ rất muốn biết rõ về những điều có liên quan đến những lời hứa khác của tôi mà kết quả có thể có ngay lập tức, tôi hoàn toàn bảo đảm. Không một người lính nào của tôi rút ra khỏi khu vực chúng tôi đang chiếm giữ để đi đến những nơi mà các ngài đang đóng quân. Sự liên lạc duy nhất của binh lính với khu nhượng địa được lập bởi con đường đã vạch rõ và lá cờ của nước Nam luôn phấp phới trên toà thành, trên đỉnh cao của kỳ đài.

Tôi cầu xin Ngài chấp nhận,...

Đã ký: H. Rivière.

Nguồn: AG - 254

N° 667

Hanoi, le 11 Juillet 1832

 Monsieur le Gouverneur,
 Monsieur le Gouverneur à Hanoi

 Monsieur le Gouverneur,
 Monsieur le Gouverneur à Hanoi

Vous me demandez de vous rendre la pagode Royale et vous me rappelez, à ce sujet, l'assurance que j'en ai donnée au quand dans ma lettre du 10 Avril.

Je devais, disait cette lettre, rendre la pagode, quand l'accord serait rétabli entre nos deux gouvernements et même avant si la tranquillité régnait dans la province.

Pouvez-vous m'affirmer, Monsieur le Gouverneur, que l'accord est complètement rétabli entre nos deux gouvernements. Je sais que des négociations se poursuivent à Hué et j'espère qu'elles auront bientôt une heureuse issue, mais je n'oserais affirmer qu'elles aient encore complètement abouti.

Je ne puis affirmer davantage que l'ordre règne dans la province où, ce qui revient au même pour moi, dans les provinces environnantes, puisque je n'ai point encore envoyé de bâtiment à Bac-ninh et que j'ignore si le Gouverneur qui nous est notablement hostile a suspendu les travaux de défense qu'il y faisait.

Je ne puis être sûr que les villages de la Rivière Claire et dépendant de Bac-ninh ne reçoivent de mauvais conseils contre nous puisque les habitants à qui nous n'avons fait aucun mal s'enfuient à notre approche.

Je ne suis pas certain davantage des dispositions de Son-tay où auraient été emprisonnés trois des habitants d'un des villages de la Rivière Claire, coupables d'avoir eu des relations avec nous.

Vous me direz que cela ne se passe pas dans la province de Hanoi où vous avez beaucoup fait, je le reconnais, pour

11 Juillet 1882

2

rétablir l'ordre et la tranquillité, mais vous avez, Monsieur le Gouverneur, une trop haute et trop longue expérience des choses de la politique et de la guerre pour ne pas comprendre qu'en ma qualité de Commandant en Chef, je dois me préoccuper non point seulement de ce qui se passe immédiatement auprès de moi, mais des difficultés qui peuvent me venir des environs.

Je regrette que vous n'ayez écrit ce qui suit: la pagode Royale est un endroit sacré où on adore le ciel et honore le souverain, elle n'est pas un endroit pour loger les troupes.

En France, nous tenons nos soldats, nos compagnons dans une plus grande estime.

C'est Dieu qui donne la victoire aux armées et ce sont les soldats qui défendent le souverain. L'abri momentanément qu'y trouvent les soldats ne peut offenser ni la maison de Dieu, ni le palais d'un souverain.

En somme, Monsieur le Gouverneur, dans les circonstances actuelles, et tout en reconnaissant en principe que la pagode Royale ainsi que le réduit suivant ma promesse contenue dans ma lettre au Quan-an, doivent vous être rendus ultérieurement, je ne puis encore fixer l'époque à laquelle cette remise aura lieu.

Vous voudrez bien reconnaître qu'en ce qui concerne mes autres promesses dont l'effet pouvait être immédiat, je m'y suis absolument conformé. Aucun de mes soldats n'est sorti de l'enceinte que nous occupons pour aller dans les endroits que vous occupez. La seule communication des soldats avec la concession s'est faite par le chemin indiqué et le pavillon annamite flottait toujours sur la citadelle au haut de la tour.

Je vous prie d'agréer, etc...

Signé: H. Rivière

Số 13

Gửi ngài Thống đốc .

Các thông tin liên quan đến
cuộc tấn công thành

Hà Nội, ngày 26 tháng bảy 1882.

Thưa Ngài Thống đốc,

Ngài trao cho tôi, kèm theo bức điện (số 22), bản trích một lá thư của Sở Thương bạc tố cáo tôi và Ngài cũng đề nghị tôi cung cấp ngay các thông tin về những sự chuẩn bị mà tôi đã làm từ ngày đầu tiên đến Hà Nội để chiếm thành, những lời giải thích mà Paris sẽ yêu cầu Ngài.

Tôi chỉ có thể dựa vào các bức thư của tôi từ ngày 10 đến ngày 17 tháng tư (số 591) và ngày 25 tháng tư (số 603) trong đó diễn biến các sự kiện được theo sát và được lần lượt mô tả từng bước.

Tôi có hân hạnh, thưa ngài Thống đốc, được tóm tắt các bức thư này với Ngài trong một vài lời. Riêng việc đội quân tiếp viện 200 người cho đội quân đồn trú của chúng tôi đã gây ra cho ông Tổng đốc và các quan một sự náo động và sự ngờ vực tột cùng. Ngay ngày hôm sau, thuyền trưởng Chanu và tôi đi dạo qua trước cổng thành bằng ngựa, không có hộ tống và vũ khí, kể cả không làm bộ có ý vào thành, họ đã vội vã đóng cửa Đông thành ngay trước mặt chúng tôi.

Trong cuộc hội kiến giữa tôi với ông Tổng đốc, ông ta tuyên bố với tôi rằng các sĩ quan không còn được tự nhiên đi qua thành như trước nữa. Tôi không cho các sự kiện nhỏ này là quan trọng, và ngay cả ngày 10 tháng tư, tôi đã viết cho Ngài rằng tôi tưởng chúng ta có thể đứng vững được với người An-nam trong tình thế hoà giải và chờ đợi. Từ ngày 10 đến ngày 18, nhưng chỉ trong khoảng cách đó, ý kiến của tôi đã thay đổi.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Trước ngày 10, toà thành đã chứa đầy lính và ông Tổng đốc đã cho thực hiện các công trình phía ngoài, đắp các ụ đất, mở các lỗ cửa mới, dựng các pháo đài con. Tôi nghĩ rằng tình hình có thể dẫn tôi tới việc tấn công thành. Đã hai lần, tôi đều nhờ người nói với ông Tổng đốc rằng tôi không hài lòng về các công trình phòng thủ của ông ta. Ông ta cho trả lời tôi rằng ông ta không ngừng các công việc đó và còn trả lời rõ ràng hơn nữa rằng ông ta không thay đổi điều đó. Và tôi đã chuẩn bị. Điều ít ra cũng là đặc biệt, về phương diện quân sự, là khả năng có một hành động tấn công thành mà tôi không cho chuẩn bị gì. Chỉ đến ngày 22 tháng tư, khi pháo thuyền Fanfare đã tới thì tôi mới cho lắp các thang. Binh lính hoàn toàn không đi lại xung quanh thành. Ngày 13 tháng tư, họ chỉ hành quân trên đường Sơn Tây, giống như các cuộc đi dạo mà thuyền trưởng Villers đã tổ chức cho đội quân của mình, và tôi đã báo trước việc này cho ông Tổng đốc. Ông ta đã không có một ý kiến bác bỏ nào.

Sở Thương bạc nói rằng “có nhiều nhà đã bị phá huỷ”. Các nhà đó không bị phá huỷ, nhưng đã bị đốt cháy, và không phải tại chúng tôi mà tại các mối lửa trong thành ném ra, hoặc để gây trở ngại cho cuộc hành quân của chúng tôi, hoặc để khai thông khoảng đất phía trước chúng tôi.

Tôi không nghĩ rằng sự mất tiền lại được áp dụng với số tiền mà chúng ta tìm thấy ở trong thành. Ngài biết rằng đã có 17.000 và một số lớn quan tiền lúc đầu tính ra tương đương với 71 hoặc 75.000 francs. Giá trị của những quan tiền chì này là rất lớn, nhưng chúng đã được trả lại, theo giấy biên nhận mà tôi đã giữ lại ở chỗ Quan Án, cũng như tôi đã hứa với ông ta rằng, khi ông ta ưng thuận cai trị tỉnh, hoặc với Bố chánh tới cùng với ông Tổng đốc mới là ngài Trần (Trần Đình Túc-ND). Vậy là ở đó sẽ có một sự mất tiền hơn là một tài khoản cần để thanh toán.

Về việc phá thành, nếu người ta có thể dùng từ này, bởi vì bất hạnh thay cho tôi là đã phải tự hạn chế do thiếu thời gian, chỉ phá hai lỗ hồng ở hai pháo đài, phá niêm phong ở hai cánh cửa (Đông và Bắc), đóng đinh và ném các khẩu pháo xuống các hào; đó là việc tôi làm và chỉ mình tôi chịu trách nhiệm. Tôi không thể chấp nhận nhiều hơn cái mà tôi chấp

nhận ngày hôm nay, rằng người ta quyết định chiếm một toà thành, để nó được dễ dàng vũ trang lại ngay lập tức chống lại chúng ta. Điều đó sẽ không cần thiết.

Tóm lại, chính những sự ngờ vực và vũ trang của ông Tổng đốc đã dẫn tôi đến việc chuẩn bị đối phó lại. Ông Tổng đốc là một người dũng cảm, ông ta đã chứng tỏ điều đó bằng cái chết, nhưng tôi nhìn nhận ông ta với tất cả lương tâm và tất cả sự chân thành, như là người chịu trách nhiệm về các sự kiện, bởi vì tôi không phải là người gây ra những sự việc này.

Tôi là,...

Đã ký: H. Rivière.

Nguồn: AG - 255



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

L U U T R U V N

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

N° 13

M.le Gouverneur

Communications
ayant rapport à
l'attaque de la
citadelle.

Hanoi, le 26 juillet 1882

Monsieur le Gouverneur,

Vous me communiquez, annexé à votre dépêche (N° 22), l'extrait d'une lettre de récriminations contre moi du Thuong-bao et vous m'invitez ^{vous} à/fournir notamment au sujet des dispositions que j'aurais prises dès le premier jour de mon arrivée pour l'occupation de la citadelle, des ~~complications~~ ^{ex} qui vous seront demandées de Paris.

Je ne puis que m'en référer à mes lettres du 10-17 avril n° 591 et du 25 avril (N° 603) où la marche des événements est suivie et décrite pas à pas.

J'ai l'honneur, M. le Gouverneur, de vous résumer ces lettres en quelques mots. La seule arrivée du renfort de 200 hommes pour notre garnison a provoqué chez le Tong-doo et les mandarins un émoi et une défiance extrêmes. Dès le lendemain, comme nous passions en promenade à cheval, sans escorte et sans armes, devant la citadelle, sans même faire mine d'y entrer, le Commandant Chanu et moi, on ferma devant nous en toute hâte la porte de l'Est.

A l'entrevue que j'eus avec lui, le Tong-doo me déclara que les officiers n'auraient plus, comme ils l'avaient eu jusqu' alors, la facilité de traverser la citadelle. Je n'attachai point grande importance à ces petits faits, et même le 10 avril, je vous écrivais que je croyais qu'on pouvait se maintenir avec les Annamites dans une situation de conciliation et d'attente. Du 10 au 18, mais seulement dans cet ^{intervalle} mon opinion changea. Déjà avant le 10, la citadelle se remplissait de soldats et le Tong-doo faisait exécuter des travaux apparents, parapets en

26 juillet 1882

2

terre, embrasures nouvelles, casemates. Je pensai alors que les circonstances pourraient m'amener à attaquer la citadelle. A deux reprises, je fis dire au Tong-doo que je n'étais point content de ses travaux de défense. Il me fit répondre qu'il ne les interromperait ^{pas} et même plus nettement que cela lui était égal. Alors, en effet, je me préparai. Il eut été au moins singulier, au point de vue militaire, qu'ayant devant moi la perspective d'une action contre la citadelle, je ne fiasse pas de préparatifs. Ce n'est toutefois que le 22 avril, quand la Fanfare fut arrivée que je fis confectionner les échelles. Les troupes n'ont point circulé autour de la citadelle. Elles n'ont fait le 13 avril qu'une promenade militaire, sur la route de Son-tay, comme celles que le Commandant de Villers faisait faire à sa garnison, et j'avais prévenu le Tong-doo de ce moment. Il n'y avait fait aucune objection.

Le Thuong-bac dit "que beaucoup de maisons ont été démolies". Elles n'ont pas été démolies, mais incendiées et, ce n'a pas été ~~par~~ nous, mais par les fusées que lançait la citadelle, soit pour entraver notre marche, soit pour dégager le terrain devant elle.

Je ne pense pas que la porte d'argent s'applique à l'argent trouvé dans la citadelle. Vous savez qu'il y avait 17000 et un grand nombre de ligatures estimé d'abord à 72 ou 75.000fr. La valeur de ces ligatures saumons, etc... était plus considérable, mais ligatures et saumons ont été rendus, sur reçus que j'ai gardés au quan-an et, ainsi que j'ai promis, quand il a consenti à administrer la province, ou au quan-bo

16 juillet 1883

3

venu avec le nouveau Tong-doo, H. Tran. Il y aurait donc là moins une perte d'argent qu'un compte à régler.

Quant au démantèlement de la citadelle, si on peut se servir de ce mot, car j'ai dû malheureusement me borner faute de temps, à ne pratiquer que de larges brèches à deux bastions, au descellement de deux postes (Est et Nord) et à enclouer et à jeter les canons dans les fossés; il est de mon fait et à j'en suis seul responsable. Je ne pouvais admettre, pas plus que je n'admets aujourd'hui, qu'on se décide à prendre une citadelle, pour lui laisser la facilité de se réarmer immédiatement contre vous. Ce n'en serait pas la peine.

En somme, ce sont les défiances et les armements du Tong-doo qui m'ont amené à me préparer. Le Tong-doo était un brave homme, qui l'a bien prouvé en se donnant la mort, mais je le regarde, en toute conscience et en toute sincérité, comme responsable des événements, car je ne les aurais pas provoqués.

Je suis, etc...

Signé: H. Rivière

L U U T R U V N

Phụ lục 2

TÀI LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN SỰ THAY ĐỔI TÊN CÁC ĐƯỜNG PHỐ Ở HÀ NỘI TRƯỚC 1954

downloaasachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LƯU TRỮ VN



DANH SÁCH TÊN PHỐ CŨ ĐỔI SANG TÊN MỚI
*(được Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội
 Trần Duy Hưng duyệt y ngày 1-12-1945)*

Số TT	Tên cũ	Tên mới
1	Đê Yên Phụ	Đê Yên Phụ
2	Impasse Chúc Lạc	Ngõ Chúc Lạc
3	Rue Blockhaus-Nord	Phố Nguyễn Thái Học
4	Soeurs Trung, Voies 96, 98	Phố Trúc Bạch
5	Lyautey	Đường Cổ Ngư
6	Nguyễn Công Trứ, Voie 96	Phố Phó Đức Chính
7	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Ngũ Xã
8	Voie 106	Đường Tao Đàn
9	Mạc Đình Chi	Phố Bà Huyện Thanh Quan
10	Voie 108	Phố Tú Xương
11	Voie 103	Phố Tản Đà
12	Rue Emile Nolly	Phố Phạm Hồng Thái
13	Tiền Quân Thành	Phố Sứ Nhu
14	Jambert	Phố Nguyễn Trường Tộ
15	Ruelle Châu Long	Ngõ Châu Long
16	Impasse Yên Thành	Ngõ Yên Thành
17	Rue des Vermicelles	Phố Hàng Bún
18	Ruelle des Vermicelles	Ngõ Hàng Bún
19	Monseigneur Deydier	Phố Lê Hữu Cảnh
20	Hôpital Chinois	Phố Nguyễn Văn Trạc
21	Đồ Hữu Vị	Phố Cửa Bắc
22	Rue Bourrin	Phố Yên Ninh

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

23	Avenue Grand Bouddha	Phố Quán Thánh
24	Voie 34	Phố Hoà Giải
25	Trippenbach	Phố Thủ Khoa Trực
26	Rue des Graines	Phố Hàng Đậu
27	Rue Leblanc	Phố Khúc Hạo
28	Rue Hồng Phúc	Phố Hồng Phúc
29	Rue Duranton	Phố Nguyễn Mậu Kiên
30	Rue du Charbon	Phố Hàng Than
31	Rue du Papier	Phố Hàng Giấy
32	Boulevard Carnot	Phố Phan Đình Phùng
33	Dieulefils, Voie 94	Phố Đặng Dung
34	Rue Galet	Phố Nguyễn Phạm Tuấn
35	Rue Frères Schneider	Phố Nguyễn Biểu
36	Rue Madame Autigeon	Phố Đặng Tất
37	Rue Hậu Quan Chải	Phố Mai Xuân Thưởng
38	Rue de la Pépinière	Phố Thủ Khoa Huân
39	Digue Parreau	Phố Hoàng Hoa Thám
40	Brière de l'Isle	Phố Hùng Vương
41	Rue Destenay	Phố Cao Thắng
42	Rue de la République	Phố Dân Quyền
43	Avenue Pierre Pasquier	Phố Hoàng Diệu
44	Avenue Paul Doumer	Phố Nhân Quyền
45	Rue Elie Groleau	Phố Một Cột
46	Rue Champ des Courses	Phố Đội Cấn
47	Boulevard Giovaninelly	Phố Tôn Trung Sơn
48	Rue Docteur Morel	Phố Tự Do
49	Rue Ollivier	Phố Hạnh Phúc
50	Avenue Puginier	Phố Dân Chủ Cộng Hoà
51	Rue Coulier	Phố Tích Quang
52	Avenue Vollenhoven	Phố Nhâm Diên

53	Rue Félix Faure	Phố Tôn Thất Thuyết
54	Rue Leblois	Phố Lê Trực
55	Rue Général Mangin	Phố Ông Ích Khiêm
56	Route Sơn Tây	Đường Sơn Tây
57	Voie 143	Phố Hàm Nghi
58	Henri de Monpezat	Phố Tống Duy Tân
59	Rue Duvillier	Phố Phan Chu Trinh
60	Rue Tuyên Quang	Phố Cao Bá Quát
61	Rue Général de Badens	Phố Lê Cảnh Tuân
62	Cité Văn Tân	Ngõ Nguyễn Công Trứ
63	Cao Đắc Minh	Phố Sĩ Nhiếp
64	Voie 268	Phố Nguyễn Công Trứ
65	Voie 251	Phố Trang Bùng
66	Ruelle Thanh Miến	Ngõ Thanh Miến
67	Route Sinh Từ	Phố Bùi Huy Bích
68	Rue Đình Tiên Hoàng	Phố Đình Tiên Hoàng
69	Rue Lý Thường Kiệt	Phố Ngô Sĩ Vương
70	Voie 258	Ngõ Ngô Sĩ Liên
71	Voie 237	Ngõ Ngô Sĩ Liên
72	Voie 238	Phố Quốc Tử Giám
73	Voie 243	Phố Chu Văn An
74	Rue Soeur Antoine	Phố Hàng Bột
75	Voie 221	Phố Trương Vĩnh Ký
76	Auguste Tholance	Phố Đoàn Thị Điểm
77	Rue Graffeuil	Phố Đặng Trần Côn
78	Rue Alexandre de Rhodes	Phố Bích Câu
79	Voie 214	Phố Mạc Đĩnh Chi
80	Cát Linh	Phố Cát Linh
81	Voie 203	Phố Lê Như Hổ
82	Voie 209	Phố Lê Phụng Hiểu

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

83	Voie 205	Phố Phạm Lập Trai
84	Voie 206	Phố Phan Phú Tiên
85	Voie 206 ^{bis}	Phố Bảo Anh
86	Maréchal Joffre	Phố Nguyễn Tri Phương
87	Henri d'Orléans	Phố Phùng Hưng
88	Capitel Brusseaux	Phố Bùi Bá Kỳ
89	Llonde	Phố Cấm Chỉ
90	Tour de la Citadelle	Phố Đinh Ngang
91	Rue du Coton	Phố Hàng Bông
92	Rue Hà Trung	Phố Hà Trung
93	Rue Bourret	Phố Ngõ Trăm
94	Rue Phạm Phú Thứ	Phố Phạm Phú Thứ
95	Rue Nguyễn Trãi	Phố Phan Thanh
96	Rue de la Citadelle	Phố Đường Thành
97	Rue des Cuirs	Phố Hàng Da
98	Rue des Pipes	Phố Hàng Điều
99	Rue Feisamel	Phố Nhà Hoả
100	Rue Général Bichot	Phố Cửa Đông
101	Rue Vieille des Tasses	Phố Hàng Bát Đàn
102	Rue Tiên Tsin	Phố Hàng Gà
103	Rue Takou	Phố Hàng Cót
104	Ruelle des Etoffes	Phố Cống Đục
105	Rue des Etoffes	Phố Hàng Vải
106	Rue des Forgerons	Phố Lò Rèn
107	Rue du Cuivre	Phố Hàng Mã
108	Ngõ Ngang	Phố Hàng Chai
109	Rue des Tasses	Phố Hàng Bát Sứ
110	Rue des Tasses	Phố Hàng Đồng
111	Rue des Vers Blancs	Phố Hàng Rươi

112	Rue Sông Tô Lịch	Phố Hàng Lược Sông Tô Lịch
113	Rue des Médicaments	Phố Hàng Thuốc Bắc
114	Rue Combanère	Phố Hàng Bút-Ngõ Hàng Bút
115	Rue des Ferblantiers	Phố Hàng Thiếc
116	Rue Vieux Marché	Phố Hàng Phèn
117	Rue des Chapeaux	Phố Hàng Nón
118	Rue des Eventails	Phố Hàng Quạt
119	Ruelle Yên Thái	Ngõ Yên Thái
120	Ruelle Tam Thương	Ngõ Tam Thương
121	Rue des Stores	Phố Hàng Màn
122	Rue des Caisses	Phố Hàng Hòm
123	Ruelle Hàng Chi	Phố Hàng Chi
124	Rue du Chanvre	Phố Hàng Gai
125	Ruelle Tổ Tích	Phố Tổ Tích
126	Ruelle Lê Quý Đôn	Phố Lương Văn Can
127	Rue des Balances	Phố Hàng Cân
128	Rue des Paniers	Phố Hàng Bó
129	Rue des Phúc Kiến	Phố Phúc Kiến
130	Rue des Poissonneries	Phố Hàng Cá
131	Rue de la Laque	Phố Hàng Chả Cá
132	Rue du Riz	Phố Chợ Đồng Xuân
133	Rue du Sucre	Phố Hàng Đường
134	Rue des Cantonnaires	Phố Hàng Ngang
135	Rue de la Soie	Phố Hàng Đào
136	Rue Lepage - La Taste	Phố Tán Thuật
137	Rue des Tubercules	Phố Hàng Khoai
138	Rue Jean Dupuis Rue Nattes en Jonc	Phố Hàng Chiếu

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

139	Quai Clémenceau	Phố Trần Nhật Duật
140	Rue Ân Sát Siêu	Phố Phương Đình
141	Rue des Briques	Phố Ngõ Gạch
142	Rue des Voiles	Phố Hàng Buồm
143	Rue Đào Duy Từ	Phố Đào Duy Từ
144	Ruelle Sấm Công	Phố Ngõ Văn Sở
145	Rue Géraud	Phố Tạ Hiện
146	Rue Nguyễn Khuyến	Phố Lương Ngọc Quyến
147	Rue des Vases	Phố Hàng Chĩnh
148	Ruelle Đông Thái	Ngõ Đông Thái
149	Ruelle Phát Lộc	Ngõ Phát Lộc
150	Rue des Pavillons Noirs	Phố Mã Mây
151	Rue des Changeurs	Phố Hàng Bạc
152	Rue Hải Tượng	Ngõ Hải Tượng
153	Rue de la Saumure	Phố Hàng Mắm
154	Rue du Sel	Phố Hàng Muối
155	Rue Maréchal Pétain	Phố Bắc Ninh
156	Rue Tirant	Phố Gia Ngư
157	Rue Billeret	Phố Bạch Thái Bưởi
158	Rue des Radeaux	Phố Hàng Bè
159	Rue Nguyễn Trọng Hiệp	Phố Trần Cao Vân
160	Ruelle Trung Yên	Ngõ Trung Yên
161	Rue O'dendhal	Phố Lê Ninh
162	Rue du Pont en Bois	Phố Cầu Gỗ
163	Rue Rondony	Phố Bình Chuẩn
164	Rue des Bambous	Phố Hàng Tre
165	Quai Guillemoto	Phố Trần Quang Khải
166	Quai Rheinart	Phố Trần Khánh Dư
167	Quai Rheinart	Đường Nguyễn Khoái
168	Đường đất ra sông	Đường Văn Đồn

169	Đường đất ra sông	Đường Tây Kết
170	Đường đất ra sông	Đường Vạn Kiếp
171	Đường đất ra sông	Đường Chương Dương Độ
172	Đường Cầu Đất	Đường Hàm Tử Quan
173	Đường sắt Bờ Sông	Đường Bạch Đằng
174	Francis Garnier Beauchamp	Phố Lê Thái Tổ
175	Rue Fellonneau	Phố Nguyễn Trãi
176	Rue du Lac	Phố Hàng Dầu
177	Rue Balny	Phố Trần Nguyên Hãn
178	Rue Dominé	Phố Lê Lai
179	Rue Chavassieux	Phố Lê Thạch
180	Rue Fourès	Phố Tô Hiến Thành
181	Rue Henri Rivière	Phố Ngô Quyền
182	Rue Amiral Courbet	Phố Lý Thái Tổ
183	Rue Paul Bert	Phố Tràng Tiền Phố Hàng Khay
184	Rue Boissière	Ngõ Chùa Quan Thượng
185	Rue de la Chaux	Phố Hàng Vôi Phố Gia Định
186	Rue Bonhour	Phố Lục Tỉnh
187	Rue Leclanger	Phố Phan Thanh Giản
188	Rue Capitel Labrousse	Phố Nguyễn Thành Hiền
189	Không có tên	Phố Trương Công Định
190	Rue de France	Phố Đồn Thủy
191	Rue Jules Ferry	Phố Hàng Trống
192	Ruelle des Oignons	Ngõ Hàng Hành
193	Rue Potier	Phố Bảo Khánh
194	Rue Cathédrale	Phố Nhà Thờ
195	Rue de la Mission	Phố Lý Quốc Sư

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

196	Rue Lamblot	Phố Nhà Chung
197	Rue Lagisquet	Phố Chân Cầm
198	Rue Julien Blanc	Phố Nguyễn Đình Chiểu
199	Rue Ngô Huyện	Phố Ngô Huyện
200	Cité Immobilière	Ngõ Thọ Xương Phố Nguyễn Mai
201	Ngõ Hội Vũ	Phố Hội Vũ
202	Rue Richaud	Phố Quán Sứ
203	Rue Borgnis Desbordes	Phố Tràng Thi
204	Rues Teinturiers - Jean Soler	Phố Hàng Bông Thợ Ruộm
205	Rue Neyret	Phố Cửa Nam
206	Rue Rollandes	Phố Bà Trưng
207	Rue Rodier	Phố Thị Sách
208	Rue Paul Simoni	Phố Lê Chân
209	Rue Prison	Phố Hoả Lò
210	Rue de Colomb	Phố Phan Bội Châu
211	Ruelle Nam Ngự	Ngõ Nam Ngự
212	Route Madarine	Phố Hàng Lọng
213	Boulevard Carreau	Phố Lý Thường Kiệt
214	Boulevard Gambetta	Phố Trần Hưng Đạo
215	Rue Lambert	Phố Tôn Đản
126	Cité Thịnh Đức	Khu Kiếp Bạc
217	Rue Bovet	Phố Yết Kiêu
218	Cité Tân Hưng	Khu Tức Mặc
219	Cité Chân Hưng	Phố Hàng Cỏ
220	Rue Reinach, Voie 76	Phố Trần Quốc Toản
221	Rue Jouhaux	Phố Khuông Việt
222	Rue Barona, rue Trạng Trình	Phố Nguyễn Huy Tự
223	Cité Jauréguiberry	Khu Hạ Hối
224	Rue Bonifacy	Phố Ôn Như Hầu

225	Rue Delorme prolongée	Phố Trần Bình Trọng
226	Rues Dufourg - Halais - Riquier	Phố Nguyễn Du
227	Boulevard Jauréguiberry prolongé	Phố Quang Trung
228	Boulevard Doudard de Lagrée	Phố Hàm Long
229	Boulevard Bernard de Beau	Phố Nguyễn Chế Nghĩa
230	Cité Tràng Khánh	Khu Cổ Am
231	Cité Thuận Lợi	Khu Nghĩa Lộ
232	Boulevard Gia Long	Phố Mai Hắc Đế
233	Boulevard Đông Khánh	Phố Triệu Quang Phục
234	Rue Vọng Đức	Ngõ Vọng Đức
235	Rue Sapèquerie	Phố Phạm Sư Mạnh
236	Rue Dutreuil des Rhins	Phố Yên Đỗ
237	Rue Rialan	Phố Trang Trình
238	Cité Krug	Ngõ Bạch Vân
239	Voie 272	Phố Nguyễn Trung Ngân
240	Rue Raffenel	Phố Phan Huy Chú
241	Rue Pavie	Phố Hàn Thuyên
242	Rue Laveran	Phố Lê Văn Hưu
243	Cité Vĩnh Thái	Khu Văn Thân
244	Boulevard Bobillot	Phố Lê Thánh Tông
245	Boulevard Capitel Pouligo	Phố Hồng Đức
246	Rue Laubarède	Phố Đặng Thái Thân
247	Rue de la Concession	Phố Phạm Ngũ Lão
248	Place Berthe de Villers	Phố Chu Mạnh Trinh
249	Rue Révérony, Voies 148, 162	Phố Tăng Bạt Hổ
250	Rue Général Beylier	Phố Lê Quý Đôn
251	Rue Chéon	Phố Phạm Đình Hổ

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

252	Rue Harmand	Phố Trần Thánh Tông
253	Rue Armand Rousseau	Phố Lò Đúc
254	Cité Đại Lợi	Khu Thiên Trường
255	Docteur Constant Mathis	Phố Nguyễn Thị Kim
256	Rue Marcel Loget	Phố Ấu Triệu
257	Rue Sergent Larrivé	Phố Yersin
258	Voie 267	Phố Đồ Lương
259	Voie 262	Phố Thái Nguyên
260	Voie 232	Phố Giải Phóng
261	Voie 163	Phố Nguyễn Thị Bình
262	Voie 159	Phố Dương Thị Ái
263	Amiral Sénès	Phố Hoà Mã
264	Luro	Phố Lữ Gia
265	Hérel de Brisis	Phố Lạc Long Quân
266	Cité Vinh Xương	Khu Văn Lang
267	Rue Pescadore	Phố Phù Đồng
268	Rue Jacquin	Phố Kinh Dương Vương
269	Rue Sergent Giác	Ngõ Duy Tân
270	Rue Logerot	Phố Hoà Mã
271	Route de Huế	Phố Duy Tân
272	Cité Tràng An	Khu Nam Nghĩa
273	Rue Miribel	Phố Trần Nhân Tôn
274	Rue Goussard	Phố Thái Phiên
275	Rue Jabouille	Phố Hồ Xuân Hương
276	Rue Wiélé	Phố Tô Hiệu
277	Rue Constant	Phố Ký Con
278	Voie 233	Phố Yên Bái
279	Rue Chapuis	Phố Đội Cung
280	Voie 230	Phố Chùa Vua
281	Rue Charron	Phố Lê Bình

282	Rue Dumoutier	Phố Tân Trào
283	Voies 233b, 260b	Ngõ Tân Trào
284	Rue Chanceaulme	Phố Bùi Quang Trinh
285	Rue Duvigneau	Phố Minh Khai
286	Rue Lê Lợi	Phố Bà Triệu
287	Rue René Daurelle	Phố Trần Phú
288	Voie D	Phố Bùi Thị Xuân
289	Rue Hoàng Cao Khải	Phố Lê Đại Hành
290	Voie 170b	Phố Huân Quyền
291	Rue Mongrand	Phố Nguyễn Thượng Hiền
292	Rue Crévost	Phố Trần Quý Cáp
293	Rue Haute Feuille	Phố Đặng Đình Nhân
294	Rue Hà Văn Kỳ	Phố Đỗ Quyên
295	Voies 202, 222, 164	Đường Đại Cồ Việt
296	Route Circulaire	Đường Đại La
297	Đường Bạch Mai	Đường Nam Bộ
298	Đường Cống Vọng	Đường Cách mạng Tháng 8

Nguồn: VNDQCB, 1946, tr. 288-291.

LƯU TRỮ VN

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

TÊN CÁC VƯỜN HOA

(được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội
Trần Duy Hưng duyệt y ngày 1-12-1945)

Số TT	Địa điểm	Tên mới	Tên cũ
1	Bách Thú	Lam Sơn	Lam Sơn
2	Vườn hoa trước phủ Toàn quyền cũ	Độc lập	Ba Đình
3	Vườn hoa mới cạnh phủ Toàn quyền	Bãi Sậy	Văn Lang
4	Vườn hoa trông ra hồ Tây	Lăng Bạc	Lăng Bạc
5	Hàng Đậu	Ba Đình	Chi Lăng
6	Canh Nông	Chi Lăng	Độc Lập
7	Cửa Nam	Bắc Sơn	Tây Sơn
8	Cạnh Thư viện	Tây Sơn	Thọ Xương
9	Cạnh Bưu điện	Chí Linh	Dân chủ Cộng hoà
10	Trước Bắc Bộ phủ	Diên Hồng	Hồng Đức
11	Cạnh Nhà Hát Lớn	Yên Thế	Cần Vương
12	Trước Trường Đại học	Hoa Lư	Tuệ Dân
13	Đầu đường Hàng Cỏ trước nhà thương Đồn Thủy	Bình Than	Bãi Sậy
14	Ở phố Tây bát hộ cạnh nhà thương Đồn Thủy	Vũ Quang	Văn Thân
15	Trước Trường Pasteur	Pasteur	Pasteur
16	Ở góc Hàng Bông Thợ Ruộm	Mê Linh	Bích Lưu
17	Giữa đường Hùng Vương	Kính Thiên	Kính Thiên

Nguồn: VNDQCB, 1946, tr. 291.

**BẢNG ĐỐI CHIẾU TÊN PHỐ CŨ
RA PHỐ MỚI THÀNH PHỐ HÀ NỘI 1949**

Tên mới	Tên cũ
A	
Đại lộ Chu Văn An	Rue Van Vollenhoven
Phố Anh Quốc (Great Britain Street)	Rue Paul Bert
Phố Âu Triệu	Ruelle Père Lecornu
B	
Vườn Ba Lê (Square de Paris)	Place Foch
Phố Bà Triệu	Lepage
Ngõ Bà Triệu	Voie N° G-2
Phố Hàng Bạc	Rue des Changeurs
Phố Hàng Thuốc Bắc	Rue des Médicaments
Vườn Đắc Lộ (Square Alexandre de Rhodes)	Square Alexandre de Rhodes
Vườn Bách Việt	Place Neyret
Vườn Bách Thảo	Jardin Botanique
Vườn Bãi Sậy	Square Puginier
Phố Bảo Khánh	Rue Pottier
Ngõ Bảo Khánh	Voie N° 271
Phố Bảo Anh	Voie N° 206
Vườn Bát Tơ (Square Pasteur)	Square Pasteur
Phố Hàng Bát Sứ	Rue des Tasses
Phố Hàng Bát Đàn	Rue Vieille des Tasses
Phố Hàng Bè	Rue des Radeaux

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Phố Bích Cầu	Rue Graffeuil
Phố Nguyễn Biểu	Rue Frères Schneider
Vườn Bình Thân	Square Gambetta
Phố Hàng Bông	Rue du Coton
Phố Hàng Bông Thợ Ruộm	Rue Jean Soler và Teinturiers
Phố Hàng Bồ	Rue des Paniers
Phố Hàng Bột	Rue Soeur Antoine
Ngõ Hàng Bột	Voie N° 205
Phố Hàng Bún	Rue des Vermicelles
Ngõ Hàng Bún	Ruelle des Vermicelles
Phố Hàng Buồm	Rue des Voiles
Phố Bạch Thái Bưởi	Rue Hillaret
Phố Hàng Bút	Rue Combanère
C	
Phố Hàng Cá	Rue Poissonnerie
Phố Cẩm Chi	Rue Marcel Léger
Phố Lương Văn Can	Rue Llonde
Phố Hàng Cân	Rue des Balances
Phố Đội Cấn	Rue du Champ de Courses
Phố Trần Quý Cáp	Rue Dinh Tiên Hoàng
Phố Cát Linh	Rue Cat Linh
Phố Cầu Gỗ	Rue du Pont en Bois
Phố Hàng Chả Cá	Rue de Laque
Phố Hàng Chai	Rue Ngo Ngang
Phố Nguyễn Cảnh Chân	Rue Destenay
Phố Lê Chân	Rue Simoni
Phố Chân Cầm	Rue Lagisquet
Phố Hàng Cháo	Rue Bang Nhon Dôn

Phố Phan Bội Châu	Rue Colomb
Phố Châu Long	Nguyễn Công Tru và Antoine Bonnet
Ngõ Châu Long	Ruelle Châu Long
Phố Mạc Đình Chi	Rue Mac Dinh Chi
Vườn Chi Lăng	Square Robin
Vườn Chí Linh	Square Paul Bert
Ngõ Hàng Chi	Hàng Chi
Phố Hàng Chiếu	Rue Jean Dupuis
Phố Nguyễn Đình Chiểu	Voie N° 105
Phố Phó Đức Chính	Rue Blaukhaus Nord
Phố Hàng Chĩnh	Rue des Vases
Phố Chợ Đuối	Rue Goussard
Phố Chợ Gạo	Place Commerce
Phố Phan Huy Chú	Rue Raffenel
Ngõ Phan Huy Chú	Impasse Verdun
Phố Chùa Vua	Rue Dumoutier
Ngõ Chùa Vua	Voie N° 233 ^{bis}
Phố Chùa Một Cột	Rue Elie Groleau
Ngõ Chung Yên	Ruelle Chung Yên
Phố Hàng Chuối	Rue Général Beylié
Ngõ Hàng Chuối	Impasse Beylié
Phố Hàng Cỏ	Cité Chân Hưng
Đường Cổ Ngư	Rue Maréchal Lyautey
Phố Đặng Trần Côn	Rue Alexandre de Rhodes
Phố Cổng Đục	Ruelle des Etoffes
Phố Hàng Cót	Rue Takou
Vườn Cột Đồng Hồ	Place Cột Đồng Hồ
Đại lộ Cửa Đông	Rue Général Bichot

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Phố Cửa Nam	Rue Neyret
Phố Cửa Bắc	Rue Đô Huu Vi
Phố Đội Cung	Voie N° L-4
D	
Phố Hàng Da	Rue des Cuirs
Phố Dã Tượng	Rue Lambert
Ngõ Dã Tượng	Cité Lambert
Đại lộ Dân Quyền	Avenue de la République
Phố Hàng Dầu	Rue du Lac
Vườn Diên Hồng	Square Chavassieux
Đại lộ Hoàng Diệu	Avenue Pierre Pasquier
Phố Nguyễn Du	Dufourq, Halais et Riquier
Đại lộ Trần Khánh Dư	Quai Rheinart
Đại lộ Trần Nhật Duật	Clémenceau
Phố Đặng Dung	Rue Dieulefils et Voie N° 94
Phố Duy Tân	Route de Huế
Ngõ Duy Tân	Sergent Giac
Đ	
Đường Đại La	Route Circulaire
Đường Đại Cồ Việt	Voie N° 164, 202, 222
Đường Tôn Thất Đàm	Rue Ollivier
Phố Tôn Đản	Rue de la Chaux
Phố Hàng Đào	Rue de la Soie
Đại lộ Trần Hưng Đạo	Boulevard Gambetta
Phố Triệu Quốc Đạt	Rue Rodier
Phố Cao Đạt	Voie N° H-I
Phố Hàng Đậu	Rue des Graines

Ngõ Hàng Đậu	Ruelle des Graines
Phố Lý Nam Đế	Maréchal Joffre
Ngõ Lý Nam Đế	Cité Nam Ky
Phố Mai Hắc Đế	Rue Charron
Phố Đoàn Thị Điểm	Rue Auguste Tholance
Phố Hàng Điều	Rue des Pipes
Phố Trương Định	Rue Foch
Phố Đinh Ngang	Tour de Citadelle
Vườn Đông Kinh Nghĩa Thục	Place Négrier
Phố Đông Thái	Rue Đông Thai
Đại lộ Đồng Khánh	Boulevard Đông Khanh
Phố Hàng Đồng	Rue des Tasses
Phố Đồng Nhân	Voie N° 232
Phố Đông Xuân	Rue du Riz
Ngõ Chợ Đồng Xuân	Voie N° 252
Phố Trịnh Hoài Đức	Voie N° 214
Phố Đường Thành	Rue de la Citadelle
Phố Hàng Đường	Rue du Sucre
G	
Phố Hàng Gà	Rue Tien Tsin
Ngõ Gạch	Rue des Briques
Phố Hàng Gai	Rue du Chanvre
Đường Gầm Cầu	Rue Leblanc
Phố Lữ Gia	Rue Luro
Đại lộ Gia Long	Boulevard Gia Long
Phố Gia Ngư	Rue Tirant
Phố Phan Thanh Giản	Rue Maréchal Pétain
Phố Hàng Giấy	Rue Mataste
Phố Hàng Giấy	Rue du Papier

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

H	
Xóm Hạ Hối	Cité Jauréguiberry
Phố Hà Trung	Rue Hà Trung
Ngõ Hà Trung	Impasse Hà Trung
Đại lộ Hai Bà Trưng	Boulevard Rollandes
Phố Đoàn Như Hải	Voie N° 9
Ngõ Hải Tượng	Rue Hai Tuong
Phố Hàm Long	Doudard de Lagrée
Ngõ Hàm Long I	Cité Doudard de Lagrée và Thuận Lợi
Ngõ Hàm Long II	Ngo Duc Khanh
Ngõ Hàm Long III	Cité Vinh Thai
Đường Hàm Tử Quan	Rue Cầu Đất (Digue Fellonneau)
Đại lộ Hàm Nghi	Boulevard Félix Faure et Gallieni
Đại lộ Nguyễn Hàm	Paul Doumer
Phố Trần Nguyễn Hân	Rue Bâny
Đại lộ Lê Đại Hành	Rue Hoang Cao Khai
Ngõ Lê Đại Hành	Ruelle Chapuis
Ngõ Hàng Hành	Ruelle des Oignons
Phố Đỗ Hành	Rue Hautefeuille
Phố Khúc Hạo	Rue Charles Coulier
Phố Hàng Hòm	Rue des Caisses
Ngõ Hàng Hương	Cité Joffre
Phố Hồ Xuân Hương	Rue Jabouille
Phố Tạ Hiện	Rue Gérard
Phố Nguyễn Thượng Hiền	Rue Mongrand
Phố Lê Phụng Hiểu	Rue Lê Lợi
Phố Nguyễn Khắc Hệt	Voie N° 103
Phố Hồ Hoàn Kiếm	Rue Philharmonique

Phố Tăng Bạt Hổ	Rue Reverony
Phố Lê Như Hồ	Voie N° 203
Phố Phạm Đình Hồ	Rue Chéron
Phố Hoà Mã	Rue Amiral Sénès
Phố Hoà Lò	Rue de la Prison
Đại lộ Đinh Tiên Hoàng	Rue Francis Garnier
Đại lộ Nguyễn Thái Học	Rue Duvillier
Phố Hoè Nhai	Voie N° 34
Phố Hội Tin Lành	Pham Phu Thu
Ngõ Hội Vũ	Ruelle Hôi Vu
Phố Hồng Phúc	Rue Hồng Phuc
Vườn Hồng Bàng	Rond Point Puginier
Phố Nguyễn Hữu Huân	Rue Général Leblois
Đại lộ Hùng Vương	Boulevard Brière de l'Isle
Phố Lê Văn Hưu	Rue Laveran
Ngõ Lê Văn Hưu III	Cité Tràng Khánh
Phố Huyền Trân Công Chúa	Rue Duvigneau
Phố Bà Huyện Thanh Quan	Rue Résident Morel
Phố Ngô Huyện	Rue Ngo Huyện
I - K	
Đại lộ Trần Quang Khải	Quai Guillemoto
Phố Nguyễn Bình Khiêm	Rue René Daurelle
Phố Ông Ích Khiêm	Rue Général Mangin
Phố Hàng Khoai	Rue des Tubercules
Ngõ Hàng Khoai I	Ruelle des Tubercules
Ngõ Hàng Khoai II	Ruelles des Tubercules
Đường Nguyễn Khoái	Rue Rheinart
Phố Phùng Khắc Khoan	Rue Alfred Logeront

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Phố Nguyễn Khuyến	Rue Dutreuil de Rhin
Phố Nguyễn Xí	Rue Boissière
Đại lộ Lý Thường Kiệt	Boulevard Carreau
Ngõ Lý Thường Kiệt	Impasse Identité
Phố Kim Liên	Route Mandarine prolongée
Vườn Kinh Thiên	Square Hébrad
Phố Trương Vĩnh Ký	Voie N° 221
Phố Kỳ Đồng	Rue Capitaine Bruisseaux
L	
Phố Lê Lai	Rue Dominé
Vào Phố Lê Lai	Rue Bonhour
Phố Lãn Ông (Lê Hữu Trác)	Rue Phuc Kiên
Phố Phạm Ngũ Lão	Rue de la Concession
Phố Đinh Lễ	Rue Fourès
Phố Ngô Sĩ Liên	Rue Ly Thuong Kiệt
Ngõ Ngô Sĩ Liên	Voie N° 258
Phố Liên Trì	Rue Trang Trinh và Barona
Phố Nguyễn Đình Liệt	Rue O'dendhal
Phố Lê Văn Linh	Rue Général Nogues
Phố Lò Đúc	Boulevard Armand Rousseau
Phố Lò Rèn	Rue des Forgerons
Phố Lò Sũ	Rue Albert Pouyanne
Phố Vũ Lợi	Rue Hà Van Ky
Phố Hàng Lọng	Route Mandarine
Đường Lương Yên	Digue Nouvelle
Phố Hàng Lược	Rue Sông Tô Lịch
M	
Phố Hàng Mã	Rue du Cuivre
Phố Mã Mây	Rue des Pavillons noirs

Phố Hàng Mắm	Rue de la Saumure
Phố Hàng Mành	Rue des Stores
Phố Phạm Sư Mạnh	Rue Sapèquerie
Vườn Mê Linh	Square de la Prison
Phố Hàng Muối	Rue du Sel
Phố Mỹ Quốc (United States Of America Street)	Boulevard Borgnis Desbordes
N	
Phố Nam Ngự	Rue Nam Ngự
Phố Nguyễn Trung Ngạn	Voie N° 172
Phố Hàng Ngang	Rue des Cantonnaires
Phố Nhà Chung	Rue de la Mission
Ngõ Nhà Chung	Impasse Landais
Phố Nhà Thờ	Rue de la Cathédrale
Phố Nhà Hoả	Rue Fettshmel
Phố Nhà Thương Khách	Rue Hôpital Chinois
Phố Cao Bá Nhạ	Rue Nguyễn Trọng Hiệp
Phố Nguyễn Chế Nghĩa	Rue Bernard de Beau
Phố Đoàn Trần Nghiệp	Rue Général Constant
Phố Ngô Thời Nhiệm	Rue Jacquin
Phố Nguyễn Khắc Nhu	Rue Tiên Quân Thành
Phố Ngọc Hà	Route Ngoc Ha
Phố Ngũ Xã	Rue Trần Hưng Đạo
Ngõ Nội Miếu	Rue Nội Miếu
Phố Hàng Nón	Rue des Chapeaux
Phố Ngõ Trăm	Rue Bourret
O - P	
Phố Ô Quan Chưởng	Rue des Nattes en joncs
Phố Pháp Quốc (rue de France)	Rue de France và Paul Bert

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Ngõ Phát Lộc	Ruelle Phât Lôc
Phố Hàng Phèn	Rue Vieux Marché
Phố Thái Phiên	Rue Chapuis
Phố Phủ Doãn	Rue Julien Blanc
Ngõ Phủ Doãn	Impasse Phu Doan
Phố Phủ Đồng Thiên Vương	Rue Pescadores
Phố Lý Văn Phúc	Voie N° 204
Đại lộ Nguyễn Tri Phương	Avenue Puginier
Q - R	
Đại lộ Quán Thánh	Boulevard du Grand Bouddha
Phố Quán Sứ	Rue Richaud
Phố Hàng Quạt	Rue des Eventails
Phố Cao Bá Quát	Rue Tuyên Quang
Phố Quốc Tử Giám	Voie N° 238
Đại lộ Quang Trung	Boulevard Jauréguiberry
Phố Lương Ngọc Quyến	Rue Galet et Nguyên Khuyển
Đại lộ Ngô Quyền	Boulevard Henri Rivière
Phố Nguyễn Quyền	Voie N° 170 ^{bis}
Phố Hàng Rươi	Rue des Vers Blancs
S	
Phố Thi Sách	Rue Hérel de Brisis
Ngõ Thi Sách	Cité Nghia Loi
Phố Trương Hán Siêu	Rue Robert
Phố Nguyễn Siêu	Rue An Sat Siêu
Phố Sinh Từ	Rue Sinh Tu
Phố Trần Xuân Soạn	Rue Harmand
Ngõ Trần Xuân Soạn	Cité Dai Loi
Phố Ngô Văn Sở	Rue Jouhaux

Phố Sơ An Toàn (Rue Soeur Antoine)	Rue Soeur Antoine
Phố Sơn Tây	Rue Son Tây
Phố Lý Quốc Sư	Rue Lamblot
T	
Vườn Tao Đàn	Square Université
Ngõ Tam Thương	Rue Tam Thuong
Phố Đặng Tái	Rue Madame Autigeon
Vườn Tây Hồ	Square Eckert
Vườn Tây Sơn	Square Simoni
Phố Lê Thạch	Avenue Chavassieux
Phố Nguyễn Lai Thạch	Rue Constant Mathis
Phố Phạm Hồng Thái	Rue Emille Nolly
Đường Hoàng Hoa Thám	Digue Parreau
Phố Hàng Than	Rue du Charbon
Phố Đặng Thái Thân	Rue Laubarède
Phố Cao Thắng	Rue Grappin
Ngõ Thanh Miến	Ruelle Thanh Miên
Phố Thanh Hà	Rue Thanh Hà
Ngõ Thanh Hà	Ruelle Thanh Hà
Phố Tô Hiến Thành	Rue Wiélé
Phố Lý Đạo Thành	Rue Capitaine Labrousse
Phố Trong Thành (rue de la Citadelle intérieure)	Voie N° 52
Phố Tôn Thất Thiệp	Rue Général Badens
Ngõ Tôn Thất Thiệp	Impasse Badens
Phố Nguyễn Thiệp	Rue Duranton
Phố Hàng Thiếc	Rue des Ferblantiers
Phố Nguyễn Gia Thiều	Rue Bonifacy

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Ngõ Thọ Xương	Ruelle Père Dronet
Phố Nguyễn Thiện Thuật	Rue Lê Quy Dôn
Phố Mai Xuân Thưởng	Rue Hâu Quân Chât
Phố Hàng Thuốc Bắc	Rue des Médicaments
Phố Hàng Thùng	Rue Rondony et des Sceaux
Phố Thụy Khuê	Pépinière et Route du village Papier
Phố Tuyên Quang	Rue Crévost
Phố Hàn Thuyên	Rue Pavie
Ngõ Hàn Thuyên	Impasse Pavie
Đại lộ Tôn Thất Thuyết	Boulevard Giovaninell
Phố Tô Tịch	Ruelle Tô Tịch
Phố Nguyễn Trường Tộ	Rue Jambert
Đại lộ Lê Thái Tổ	Rue Beauchamp
Đại lộ Lý Thái Tổ	Rue Amiral Courbet
Phố Trần Quốc Toản	Rue Reinach
Đại lộ Lê Thánh Tôn	Boulevard Bobillot
Đại lộ Trần Nhân Tôn	Rue Miribel
Đại lộ Trần Thánh Tôn	Rue Capitaine Pouligo
Phố Nguyễn Trãi	Rue Nguyễn Trãi
Ngõ Tràng Tiễn	Ruelle Sapèquerie
Ngõ Tràng An	Cité Tràng An
Phố Đinh Công Tráng	Rue Berthe de Willers
Phố Hàng Tre	Rue des Bambous
Đại lộ Phan Chu Trinh	Rue Rialan
Ngõ Phan Chu Trinh	Cité Krug
Ngõ Chu Mạnh Trinh	Voie N° 163
Phố Triệu Việt Vương	Rue Chanceaulme

Phố Hàng Trống	Rue Jules Ferry
Phố Trần Bình Trọng	Rue Delorme
Phố Nguyễn Công Trứ	Rue Sergent Larrivé
Phố Trúc Bạch	Soeurs Trung, Voie N° 95, 96, 98
Ngõ Trúc Lạc	Impasse Truc Lac
Phố Lê Trực	Rue Leclanger
Ngõ Nguyễn Trung Trực	Rue Tripenbach
Phố Đào Duy Từ	Rue Dao Duy Tu
Phố Nguyễn Huy Tự	Rue Capitaine Monceaux
Phố Túc Mác	Rue Tân Hưng
Phố Nguyễn Phạm Tuấn	Voie N° 143
U - V	
Phố Hàng Vải	Rue des Etoffes
Phố Văn Miếu	Rue Cao Dac Minh
Vườn Vạn Xuân	Square Carnot
Phố Vạn Kiếp	Cité Thinh Duc
Phố Trần Cao Vân	Voie N° 230
Ngõ Trần Cao Vân	Voie N° 260 ^{hn}
Phố Bùi Viện	Rue Monsiegnur Deydier
Phố Hàng Vôi	Rue de la Chaux
Phố Vọng Đức	Rue Vong Duc
Vườn Vũ Quang	Place Willer
X - Y	
Phố Trần Tế Xương	Voie N° 108
Rue Yersin (Y-E-Sanh)	Rue Docteur Calmette
Phố Tôn Thất Yên	Ruelle Sâm Công
Phố Yên Ninh	Rue Bourrin
Ngõ Yên Ninh	Impasse Yên Ninh

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Ngõ Yên Thái	Cité Van Tân và Voie N° 268
Phố Yên Thái	Ruelle Yên Thái
Ngõ Yên Thành	Impasse Yên Thanh
Phố Yên Bái	Voie N° 233
Đê Yên Phụ	Digue Yên Phụ
Phố Yết Kiêu	Rue Bovet
Ngõ Yết Kiêu	Cité Bovet
-*-	
Ngõ 215	Voie N° 249
Phố số 221	Impasse Nam Hoa
Phố số 222	Impasse Yen Son
Phố số 224	Voie N° 253
Phố số 225	Voie N° 237
Phố số 251	Voie N° 251
Phố số 296	Voie N° D
Phố số 325	Voie N° E - I
Phố số 336	Voie N° 261
Phố số 337	Voie N° 262

Nguồn: VPBD - 1821.

BẢNG TÊN PHỐ MỚI

(Kèm theo Nghị định ngày 28-2-1951
của Thị trưởng Hà Nội Thẩm Hoàng Tín về việc đặt tên mới các phố)

Số TT	Tên phố cũ	Tên phố mới
1	Digue de Yên Phụ	Đường Yên Phụ
2	Rue Blockhaus Nord	Phố Phó Đức Chính
3	Impasse de Trúc Lạc	Ngõ Trúc Lạc
4	Rue des Deux Soeurs, Voies 95, 96	Phố Trúc Bạch
5	Rue Mạc Đình Chi	Phố Mạc Đình Chi
6	Rue Trần Hưng Đạo	Phố Ngũ Xã
7	Voie 108	Phố Trần Kế Xương
8	Voie 104	Phố Vũ Phạm Hàm
9	Voie 103	Phố Nguyễn Khắc Hiếu
10	Voies 105, 106	Phố Nguyễn Đình Chiểu
11	Rue Maréchal Lyautey	Đường Cổ Ngư
12	Route du village du Papier	Đường Thụy Khuê
13	Avenue du Grand Bouddha	Đại lộ Quán Thánh
14	Impasse Châu Long	Ngõ Châu Long
15	Impasse Yên Thành	Ngõ Yên Thành
16	Rue Antoine Bonnet, voie 96	Phố Châu Long
17	Rue Đỗ Hữu Vị	Phố Cửa Bắc
18	Rue Bourrin, Galet	Phố Yên Ninh
19	Impasse Bourrin	Ngõ Yên Ninh
20	Rue Tiên Quân Thành	Phố Nguyễn Khắc Nhu
21	Rue Emile Nolly	Phố Phạm Hồng Thái

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

22	Rue Jambert	Phố Nguyễn Trường Tộ
23	Voie 34	Phố Hoè Nhai
24	Rue Trippenbach	Phố Nguyễn Trung Trực
25	Rue de Hồng Phúc	Phố Hồng Phúc
26	Rue du Charbon	Phố Hàng Than
27	Rue de l'Hôpital chinois	Phố Nhà Thương Khách
28	Rue Deydier	Phố Bùi Viện
29	Rue des Vermicelles	Phố Hàng Bún
30	Ruelle des Vermicelles	Ngõ Hàng Bún
31	Rue Dieulefils, Voie 94	Phố Đặng Dung
32	Rue des Schneider	Phố Nguyễn Biểu
33	Impasse Carnot	Ngõ Phan Đình Phùng
34	Rue Madame Autigeon	Phố Đặng Tất
35	Rue Hâu Quan Chắt	Phố Mai Xuân Thưởng
36	Digue Parreau	Đường Hoàng Hoa Thám
37	Boulevard Carnot	Đại lộ Phan Đình Phùng
38	Rue des Graines	Phố Hàng Đậu
39	Ruelle des Graines	Ngõ Hàng Đậu
40	Rue Duranton	Phố Nguyễn Thiệp
41	Rue Leblanc	Phố Nguyễn Hữu Huân
42	Rue Leblanc	Phố Gầm Cầu
43	Rue des Tubercules	Phố Hàng Khoai
44	Ruelle des Tubercules I	Ngõ Hàng Khoai I
45	Ruelle des Tubercules II	Ngõ Hàng Khoai II
46	Rue du Papier	Phố Hàng Giấy
47	Rue du Riz	Phố Đồng Xuân
48	Rue du Sucre	Phố Hàng Đường
49	Rue des Cantonnaires	Phố Hàng Ngang

50	Rue de la Soie	Phố Hàng Đào
51	Rue Lê Quý Đôn	Phố Lương Văn Can
52	Rue des Balances	Phố Hàng Cân
53	Rue de la Laque	Phố Chả Cá
54	Rue du Sông Tô Lịch	Phố Hàng Lược
55	Ruelle Ngõ Ngang	Phố Hàng Chai
56	Rue Takou	Phố Hàng Cót
57	Rue Général Noguès	Phố Lê Văn Linh
58	Rue des Vers Blancs	Phố Hàng Rươi
59	Rue du Cuivre	Phố Hàng Mã
60	Rue Jean Dupuis	Phố Hàng Chiếu
61	Rue des Nattes en joncs	Phố Ô Quang Chương
62	Voie 252	Ngõ Chợ Đồng Xuân
63	Rue Lepage	Phố Nguyễn Thiện Thuật
64	Rue Grappin	Phố Cao Thắng
65	Rue Thanh Hà	Phố Thanh Hà
66	Ruelle Thanh Hà	Ngõ Thanh Hà
67	Place du Commerce	Phố Chợ Gạo
68	Rue Án Sát Siêu	Phố Nguyễn Siêu
69	Rue des Briques	Phố Ngõ Gạch
70	Rue de la Poissonnerie	Phố Hàng Cá
71	Rue des Forgerons	Phố Lò Rèn
72	Ruelle des Etoffes	Phố Cổng Đục
73	Rue des Etoffes	Phố Hàng Vải
74	Rue des Phúc Kiến	Phố Lãn Ông
75	Rue des Voiles	Phố Hàng Buồm
76	Rue des Pavillons Noirs	Phố Mã Mây
77	Rue Đào Duy Từ, Ancien Canal	Phố Đào Duy Từ

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

78	Ruelle Đông Thái	Phố Đông Thái
79	Rue des Vases	Phố Hàng Chĩnh
80	Ruelle de Sấm Công	Phố Tôn Thất Yên
81	Rue Géraud	Phố Tạ Hiện
82	Rue Nguyễn Duy Hàn, Lataste	Phố Hàng Giấy
83	Ruelle de Nội Miếu	Ngõ Nội Miếu
84	Ruelle Hải Tượng	Ngõ Hải Tượng
85	Rue Nguyễn Khuyến, Galet	Phố Lương Ngọc Quyến
86	Ruelle de Phát Lộc	Ngõ Phát Lộc
87	Rue du Sel	Phố Hàng Muối
88	Rue de la Saumure	Phố Hàng Mắm
89	Rue des Changeurs	Phố Hàng Bạc
90	Rue des Paniers	Phố Hàng Bô
91	Rue Vieille des Tasses	Phố Bát Đàn
92	Avenue Général Bichot	Đại lộ Cửa Đông
93	Boulevard Henri d'Orléans	Đại lộ Phùng Hưng
94	Rue Fetshamel	Phố Nhà Hoả
95	Rue du Vieux Marché	Phố Hàng Phèn
96	Rue de Tien Tsin	Phố Hàng Gà
97	Rue des Tasses (từ Hàng Mã đến Hàng Vải)	Phố Hàng Đồng
98	Rue des Tasses (từ Hàng Vải trở xuống)	Phố Hàng Bát Sứ
99	Rue Combanère	Phố Hàng Bút
100	Rue des Médicaments	Phố Hàng Thuốc Bắc
101	Rue des Ferblantiers	Phố Hàng Thiếc
102	Rue Phạm Phú Thứ (từ Henri d'Orléans đến Nguyễn Trãi)	Phố Phạm Phú Thứ
103	Rue Phạm Phú Thứ (từ phố Nguyễn Trãi trở xuống)	Phố Hội Tin Lành

104	Rue Nguyễn Trãi	Phố Nguyễn Trãi
105	Rue Bourret	Phố Ngõ Trăm
106	Rue Hà Trung	Phố Hà Trung
107	Impasse de Hà Trung	Ngõ Hà Trung
108	Rue de la Citadelle	Phố Đường Thành
109	Rue des Cuirs	Phố Hàng Da
110	Rue des Pipes	Phố Hàng Điều
111	Rue des Chapeaux	Phố Hàng Nón
112	Rue des Eventails	Phố Hàng Quạt
113	Ruelle de Yên Thái	Phố Yên Thái
114	Ruelle de Tạm Thương	Ngõ Tạm Thương
115	Rue des Stores	Phố Hàng Mành
116	Rue des Caisses	Phố Hàng Hòm
117	Ruelle de Hàng Chi	Ngõ Hàng Chi
118	Ruelle de Tổ Tích	Phố Tổ Tích
119	Rue O'dendhal	Phố Đinh Liệt
120	Ruelle de Chung Yên	Ngõ Chung Yên
121	Rue Nguyễn Trọng Hiệp	Phố Cao Bá Nhạ
122	Rue de Philharmonique	Phố Hồ Hoàn Kiếm
123	Rue des Radeaux	Phố Hàng Bè
124	Rue Maréchal Pétain	Phố Phan Thanh Giản
125	Rue des Bambous	Phố Hàng Tre
126	Rue Tirant	Phố Gia Ngư
127	Rue Hillaret	Phố Bạch Thái Bưởi
128	Quai Clémenceau	Đại lộ Trần Nhật Duật
129	Quai Guillemoto	Đại lộ Trần Quang Khải
130	Rue des Seaux, rue Rondony	Phố Hàng Thùng
131	Rue du Pont en Bois	Phố Cầu Gỗ

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

132	Rue du Chanvre	Phố Hàng Gai
133	Rue du Coton	Phố Hàng Bông
134	Rue Llonde	Phố Cấm Chi
135	Rue Capitel Bruisseaux	Phố Kỳ Đống
136	Rue Maréchal Joffre	Phố Lý Nam Đế
137	Cité Maréchal Joffre	Ngõ Hàng Hương
138	Cité Nam Kỳ	Ngõ Lý Nam Đế
139	Rue Général Badens	Phố Tôn Thất Thiệp
140	Impasse Général Badens	Ngõ Tôn Thất Thiệp
141	Rue de la Porte Sud (ou Voie 52)	Rue de la Citadelle intérieure
142	Avenue Pierre Pasquier	Đại lộ Hoàng Diệu
143	Rue Destenay	Phố Nguyễn Cảnh Chân
144	Avenue de la République	Đại lộ Dân Quyền
145	Avenue Paul Doumer	Đại lộ Nguyễn Lâm
146	Rue Ollivier	Phố Tôn Thất Đàm
147	Rue Elie Groleau	Phố Chùa Một Cột
148	Route du Champ de Courses	Phố Đội Cấn
149	Boulevard Giovaninelli	Đại lộ Tôn Thất Thuyết
150	Avenue Puginier	Đại lộ Nguyễn Tri Phương
151	Rue Charles Coulier	Phố Khúc Hạo
152	Rue Van Vollenhoven	Đại lộ Chu Văn An
153	Rue Résident Morel	Phố Bà Huyện Thanh Quan
154	Avenue Brière de l'Isle	Đại lộ Hùng Vương
155	Rue Mangin	Phố Ông Ích Khiêm
156	Route de Ngọc Hà	Phố Ngọc Hà
157	Route Circulaire	Đường Đại La
158	Voie 143	Phố Nguyễn Phạm Tuấn

159	Route de Sơn Tây	Phố Sơn Tây
160	Boulevard Félix Faure, rue Galliéni	Đại lộ Hàm Nghi
161	Rue de Tuyên Quang	Phố Cao Bá Quát
162	Rue Général Leblois	Phố Lê Trực
163	Rue Duvillier	Đại lộ Nguyễn Thái Học
164	Rue Borgnis Desbordes	Phố Mỹ Quốc
165	Rue Paul Ber (từ ngã tư Đống Khánh đến Ty Cảnh Bình I)	Great Britain Street (Phố Anh Quốc)
166	Rue Paul Bert, (một đoạn phố Paul Bert tức Tràng Tiền cũ)	Rue de France (Phố Pháp Quốc)
167	Ruelle de Hội Vũ	Ngõ Hội Vũ
168	Impasse de Phủ Doãn	Ngõ Phủ Doãn
169	Rue Lagisquet	Phố Chân Cầm
170	Ruelle de Ngõ Huyện	Ngõ Huyện
171	Ruelle Père Dronet	Ngõ Thọ Xương
172	Ruelle Père Lecornu	Phố Ấu Triệu
173	Rue Julien Blanc	Phố Phủ Doãn
174	Rue Lamblot	Phố Lý Quốc Sư
175	Rue de la Mission	Phố Nhà Chung
176	Impasse Landais	Ngõ Nhà Chung
177	Ruelle des Oignons	Ngõ Hàng Hành
178	Voie 271	Ngõ Bảo Khánh
179	Rue Pottier	Phố Bảo Khánh
180	Rue Jules Ferry	Phố Hàng Trống
181	Avenue de la Cathédrale	Phố Nhà Thờ
182	Rue Jules Ferry, avenue Bauchamps (phố Jules Ferry từ quận C.B.I đến Nhà Thông Tin)	Đại lộ Lê Thái Tổ

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

183	Boulevard Francis Garnier	Đại lộ Đinh Tiên Hoàng
184	Rue Albert Pouyanne	Phố Lò Sũ
185	Rue du Lac	Phố Hàng Dầu
186	Rue Balny	Phố Trần Nguyên Hãn
187	Avenue Dominé, rue Bonhour	Phố Lê Lai
188	Avenue Chavassieux	Phố Lê Thạch
189	Rue Fourès	Phố Đinh Lễ
190	Rue Boissière	Phố Nguyễn Xí
191	Rue Leclanger	Phố Lê Phụng Hiệu
192	Rue de la Chaux (từ phố Albert Pouyanne đến phố Dominé)	Phố Hàng Vôi
193	Rue de la Chaux (từ phố Dominé trở xuống)	Phố Tôn Đản
194	Rue Capitel Lebrousse	Phố Lý Đạo Thành
195	Rue Marechal Foch	Phố Trương Định
196	Ruelle de la Sapèquerie	Ngõ Tràng Tiền
197	Rue Laubarède	Phố Đặng Thái Thân
198	Boulevard Rollandes	Đại lộ Hai Bà Trưng
199	Rue Neyret	Phố Cửa Nam
200	Rue Tour de la Citadelle	Phố Đình Ngang
201	Cité Văn Tân	Ngõ Yên Thế
202	Voie N° 268	Phố Yên Thế
203	Ruelle de Thanh Miến	Ngõ Thanh Miến
204	Voie 206 ^{bis}	Phố Bảo Anh
205	Rue Bảng Nhơn Đôn	Phố Hàng Cháo
206	Voie 203	Phố Lê Như Hồ
207	Voie 204	Phố Lý Văn Phúc
208	Voie 214	Phố Trịnh Hoài Đức
209	Voie 206	Phố Phan Phú Tiên

210	Voie 205	Ngõ Hàng Bột
211	Rue Soeur Antoine (từ Thanh Giám đến Nhà Tể Bần)	Phố Hàng Bột
212	Rue Soeur Antoine (từ Nhà Tể Bần trở xuống)	Rue Soeur Antoine (phố Sơ Ấng Toan)
213	Rue de Cát Linh	Phố Cát Linh
214	Voie 238	Phố Quốc Tử Giám
215	Voie 249	Phố số 215
216	Rue Alexandre de Rhodes	Phố Đặng Trần Côn
217	Rue Graffeuil	Phố Bích Câu
218	Rue Auguste Tholance	Phố Đoàn Thị Điểm
219	Voie 221	Phố Trương Vĩnh Ký
220	Route de Sinh Từ	Phố Sinh Từ
221	Impasse de Nam Hoa	Ngõ số 221
222	Ruelle de Yên Sơn	Ngõ số 222
223	Voie 258	Ngõ Ngõ Sĩ Liên
224	Voie 253	Phố số 224
225	Voie 237	Phố số 225
226	Voie 251	Phố số 226
227	Rue Cao Đắc Minh	Phố Văn Miếu
228	Rue Lý Thường Kiệt	Phố Ngõ Sĩ Liên
229	Rue Đinh Tiên Hoàng	Phố Trần Quý Cáp
230	Ruelle de Nam Ngự	Phố Nam Ngự
231	Cité Chân Hưng	Ngõ Hàng Cỏ
232	Rue de Colomb	Phố Phan Bội Châu
233	Rue de Teinturiers, Jean Soler	Phố Hàng Bông Thợ Ruộm
234	Ruelle de Thịnh Đức	Ngõ Vạn Kiếp
235	Rue Richaud	Phố Quán Sứ
236	Impasse de l'Identité	Ngõ Lý Thường Kiệt

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

237	Rue de la Prison	Phố Hoà Lò
238	Rue Rodier	Phố Triệu Quốc Đạt
239	Rue Lambert	Phố Dã Tượng
240	Cité Lambert	Ngõ Dã Tượng
241	Rue Paul Simoni	Phố Lê Chân
242	Boulevard Jauréguiberry	Đại lộ Quang Trung
243	Boulevard Gia Long	Đại lộ Gia Long
244	Boulevard Đồng Khánh	Đại lộ Đồng Khánh
245	Route de Huế	Phố Duy Tân
246	Rue Vọng Đức	Phố Vọng Đức
247	Boulevard Henri Rivière	Đại lộ Ngô Quyền
248	Boulevard Amiral Courbet	Đại lộ Lý Thái Tổ
249	Boulevard Bobillot	Đại lộ Lê Thánh Tông
250	Rue de la Sapequerie	Phố Phạm Sư Mạnh
251	Rue Dutreuil des Rhins	Phố Nguyễn Khuyến
252	Boulevard Rialan	Đại lộ Phan Chu Trinh
253	Rue Raffenel	Phố Phan Huy Chú
254	Impasse de Verdun	Ngõ Phan Huy Chú
255	Rue de la Concession	Phố Phạm Ngũ Lão
256	Rue Capitel Monceaux	Phố Nguyễn Huy Tự
257	Rue Berthe de Villers	Phố Đinh Công Tráng
258	Boulevard Gambetta	Đại lộ Trần Hưng Đạo
259	Boulevard Carreau	Đại lộ Lý Thường Kiệt
260	Route Mandarine	Phố Hàng Lọng
261	Route Mandarine	Phố Kim Liên
262	Cité Tân Hưng	Ngõ Túc Mạc
263	Rue Bovet	Phố Yết Kiêu
264	Cité Bovet	Ngõ Yết Kiêu

265	Rue Delorme	Phố Trần Bình Trọng
266	Voie 9	Ngõ Đoàn Như Hải
267	Rue Barona, rue Trạng Trình	Phố Liên Trì
268	Cité Jauréguiberry	Xóm Hạ Hối
269	Rue Robert	Phố Trương Hán Siêu
270	Rue Bernard de Beau	Phố Nguyễn Chế Nghĩa
271	Cité Vĩnh Thái	Ngõ Hàm Long III
272	Cité Tràng Khánh	Ngõ Lê Văn Hưu III
273	Impasse de Đức Khánh	Ngõ Hàm Long II
274	Cité Thuận Lợi	Ngõ Hàm Long I
275	Cité Bảo Long	Ngõ Lê Văn Hưu I
276	Cité Krug	Ngõ Phan Chu Trinh
277	Rue Pavie	Phố Hàn Thuyên
278	Impasse Pavie	Ngõ Hàn Thuyên
279	Boulevard Doudard de Lagrée	Phố Hàm Long
280	Rue Jouhaux	Phố Ngô Văn Sở
281	Rue de Reinach	Phố Trần Quốc Toàn
282	Rue Bonifacy	Phố Nguyễn Gia Thiều
283	Rues Dufourcq, Halais, Riquier	Phố Nguyễn Du
284	Rue Levaran	Phố Lê Văn Hưu
285	Cité Nghĩa Lợi ou Vĩnh Xương	Ngõ Thi Sách
286	Cité Khang An	Ngõ Lê Văn Hưu II
287	Cité Trang An	Ngõ Tràng An
288	Rue Jabouille	Phố Hồ Xuân Hương
289	Rue Crévost	Phố Thuyền Quang
290	Rue Hà Văn Kỳ	Phố Vũ Lợi
291	Rue Hautefeuille	Phố Đỗ Hành

HA NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

292	Rue Mongrand	Phố Nguyễn Thượng Hiền
293	Voie 170 ^{bis}	Phố Nguyễn Quyền
294	Rue Miribel	Phố Trần Nhân Tôn
295	Rue Harmand	Phố Trần Xuân Soạn
296	Voie D	Phố số 296
297	Rue René Daurelle	Phố Nguyễn Bình Khiêm
298	Rue Lê Lợi	Phố Bà Triệu
299	Rue Duvigneau	Phố Huyền Trân Công Chúa
300	Rue Chanceaulme	Phố Triệu Việt Vương
301	Rue Charron	Phố Mai Hắc Đế
302	Rue Alfred Logerot	Phố Phùng Khắc Khoan
303	Rue Jacquin	Phố Ngô Thì Nhậm
304	Rue Pescadores	Phố Phù Đổng Thiên Vương
305	Rue Hérél de Brisis	Phố Thi Sách
306	Cité Đại Lợi	Ngõ Trần Xuân Soạn
307	Rue Luro	Phố Lữ Gia
308	Rue Goussard	Phố Chợ Đuối
309	Rue Amiral Sénès	Phố Hoà Mã
310	Rue Chéon	Phố Phạm Đình Hổ
311	Boulevard Armand Rousseau	Phố Lò Đúc
312	Voie 272	Phố Nguyễn Trung Ngân
313	Rue Beylié	Phố Hàng Chuối
314	Impasse Beylié	Ngõ Hàng Chuối
315	Rue Révérony, Voie 147	Phố Tăng Bạt Hổ
316	Rue Capitel Pouligo	Phố Trần Thánh Tông
317	Rue Sergent Giac	Ngõ Duy Tân
318	Rue Charles Wiélé	Phố Tô Hiến Thành
319	Rue Sergent Larrivé	Phố Nguyễn Công Trứ

320	Voie G/2	Ngõ Bà Triệu
321	Rue Constant	Phố Đoàn Trần Nghiệp
322	Rue Chapuis	Phố Thái Phiên
323	Ruelle Chapuis	Ngõ Lê Đại Hành
324	Boulevard Hoàng Cao Khải	Đại lộ Lê Đại Hành
325	Voie E/1	Phố 325
326	Voie L/4	Phố Đội Cung
327	Voie H/1	Phố Cao Đạt
328	Voies 202, 164	Đường Đại Cồ Việt
329	Voie 233	Phố Yên Bái
330	Voie 233 ^{hư}	Ngõ Chùa Vua
331	Voie 260	Ngõ Trần Cao Vân
332	Voie 234	Phố số 332
333	Voie 230	Phố Trần Cao Vân
334	Rue Dumoutier	Phố Chùa Vua
335	Voie 223	Phố số 335
336	Voie 261	Phố số 336
337	Voie 262	Phố số 337
338	Voie 232	Phố Đồng Nhân
339	Voie 229	Phố số 339
340	Rue Docteur Calmette	Phố Y-éc-sanh
341	Rue Constant Mathis	Phố Nguyễn Lai Thạch
342	Rue Marcel Léger	Phố Lê Quý Đôn
343	Voie 163	Phố Chu Mạnh Trinh
344	Voie 153 ^{hư}	Phố số 344
345	Voie 159	Đường Lương Yên
346	Quai Rheinart	Đại lộ Trần Khánh Dư
347	Digue Nouvelle	Đường Nguyễn Khoái

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

348		Đường Văn Đồn
349		Đường Tây Kết
350		Giốc Vạn Kiếp
351		Đường Bạch Đằng
352		Giốc Chương Dương Độ
353		Đường Hàm Tử Quan
354		Giốc Tân Ấp
355		Giốc Nghĩa Dũng

Nguồn: SCDHN - 816.



LƯU TRỮ VN

BẢNG ĐỐI CHIẾU PHỐ CŨ RA PHỐ MỚI

*(Kèm theo Nghị định ngày 28-2-1951
của Thị trưởng Hà Nội Thẩm Hoàng Tín về việc đặt tên mới các phố)*

Tên phố cũ	Tên phố mới	Số
A		
Án Sát Siêu	Phố Nguyễn Siêu	68
Antoine (Soeur)	Phố Hàng Bột	211
Antoine (Soeur)	Phố Sơ Ang Toan	212
Autigeon (Madame)	Phố Đặng Tắt	34
B		
Bảng Nhỡn Đôn (rue)	Phố Hàng Cháo	205
Badens (Général de)	Phố Tôn Thất Thiệp	139
Impasse Badens	Ngõ Thôn Thất Thiệp	140
Balances	Phố Hàng Cân	52
Balny	Phố Trần Nguyên Hãn	186
Bambous	Phố Hàng Tre	125
Beau (Bernard de)	Phố Nguyễn Chế Nghĩa	270
Beauchamp	Đại lộ Lê Thái Tổ	182
Beylié (Général)	Phố Hàng Chuối	313
Impasse Baylié	Ngõ Hàng Chuối	314
Bert (Paul)	Phố Pháp Quốc	166
Rue Paul Bert	Phố Anh Quốc	165
Bichot (Général)	Đại lộ Cửa Đông	92
Blanc (Julien)	Phố Phủ Doãn	173
Blockhaus Nord	Phố Phó Đức Chính	2
Bobillot	Đại lộ Lê Thánh Tông	249

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Boissière	Phố Nguyễn Xí	190
Bonhour	Phố Lê Lai	187
Bonifacy	Phố Nguyễn Gia Thiều	282
Bonnet (Antoine)	Phố Châu Long	16
Borgnis Desbordes	Phố Mỹ Quốc	164
Barona	Phố Liên Trì	167
Bourrin	Phố Yên Ninh	18
Bourrin (Impasse)	Ngõ Yên Ninh	19
Bourret	Ngõ Trăm	105
Bovet	Phố Yết Kiêu	263
Bovet (Impasse)	Ngõ Yết Kiêu	264
Bruisseau (Capitel)	Phố Kỳ Đồng	135
Briques	Ngõ Gạch	69
Brière de l'Isle	Đại lộ Hùng Vương	154
C		
Cantonuais (rue de)	Phố Hàng Ngang	49
Cao Đắc Minh	Phố Văn Miếu	227
Carnot (Boulevard)	Đại lộ Phan Đình Phùng	37
Carnot (Impasse)	Ngõ Phan Đình Phùng	33
Carreau	Đại lộ Lý Thường Kiệt	259
Cathédrale	Phố Nhà Thờ	181
Cát Linh	Phố Cát Linh	213
Cầu Đất (Digue Fellonneau)	Đường Hàm Tử Quan	353
Caisses	Phố Hàng Hòm	116
Champ de Courses	Phố Đội Cấn	148
Changeurs	Phố Hàng Bạc	89
Chân Hưng (Cité)	Ngõ Hàng Cỏ	231
Chanvre	Phố Hàng Gai	132

Chapeaux	Phố Hàng Nón	111
Chapuis	Phố Thái Phiên	322
Chapuis (Ruelle)	Ngõ Lê Đại Hành	323
Charbon	Phố Hàng Than	26
Charron	Phố Mai Hắc Đế	301
Chanceaulme	Phố Triệu Việt Vương	300
Châu Long (Ruelle)	Ngõ Châu Long	14
Chaux (Rue de la)	Phố Hàng Vôi	192
Chaux (Rue de la)	Phố Tôn Đản	193
Chavassieux (Avenue)	Phố Lê Thạch	188
Chéon	Phố Phạm Đình Hồ	310
Chung Yên (Ruelle)	Ngõ Chung Yên	120
Citadelle (Rue de)	Phố Đường Thành	108
Citadelle (Tour de)	Phố Đinh Ngang	200
Clémenceau	Đại lộ Trần Nhật Duật	128
Colomb	Phố Phan Bội Châu	232
Combanère	Phố Hàng Bút	99
Concession (Rue de)	Phố Phạm Ngũ Lão	255
Constant (Rue)	Phố Đoàn Trần Nghiệp	321
Coton	Phố Hàng Bông	133
Coulier (Charles)	Phố Khúc Hạo	151
Crévost	Phố Thuyền Quang	289
Cuir	Phố Hàng Da	109
Cuivre	Phố Hàng Mã	59
Courbet (Amiral)	Đại lộ Lý Thái Tổ	248
Commerce (Place)	Phố Chợ Gạo	67
Calmette (Rue Docteur)	Phố Y-éc-sanh	340

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

D		
Đại Lợi (Cité)	Ngõ Trần Xuân Soạn	306
Đào Duy Từ	Phố Đào Duy Từ	77
Daurelle (René)	Phố Nguyễn Bình Khiêm	297
Delorme	Phố Trần Bình Trọng	265
Destenay	Phố Nguyễn Cảnh Chân	143
Deydier	Phố Bùi Viện	28
Dieulefils, Voie 94	Phố Đặng Dung	31
Đinh Tiên Hoàng	Phố Trần Quý Cáp	229
Đỗ Hữu Vị	Phố Cửa Bắc	17
Dominé	Phố Lê Lai	187
Đồng Khánh	Đại lộ Đồng Khánh	244
Đông Thái	Phố Đông Thái	78
Doumer (Paul)	Đại lộ Nguyễn Lâm	145
Doudard de Lagrée (Rue)	Phố Hàm Long	279
Doudard de Lagrée (Cité)	Ngõ Hàm Long I	274
Dronet (Ruelle)	Ngõ Thọ Xương	171
Dufourcq	Phố Nguyễn Du	283
Dumoutier	Phố Chùa Vua	334
Dupuis (Jean)	Phố Hàng Chiếu	60
Duranton	Phố Nguyễn Thiệp	40
Dutreuil de Rhin	Phố Nguyễn Khuyến	251
Duvigneau	Phố Huyền Trân Công Chúa	299
Duvillier	Đại lộ Nguyễn Thái Học	163
Digue Nouvelle	Đường Lương Yên	345
Đức Khánh (Impasse)	Ngõ Hàm Long II	273
E		
Eventails	Phố Hàng Quạt	112
Etoffes (Rue des)	Phố Hàng Vải	73
Etoffes (Ruelle des)	Phố Cổng Đục	72

F		
Faure (Félix)	Đại lộ Hàm Nghi	160
Feitshamel	Phố Nhà Hoả	94
Ferblantiers	Phố Hàng Thiếc	101
Ferry (Jules)	Phố Hàng Trống	180
Foch (Rue)	Phố Trương Định	195
Forgerons	Phố Lò Rèn	71
Fourès	Phố Đinh Lễ	189
France (Rue de)	Phố Pháp Quốc	166
G		
Galliéni (Rue)	Đại lộ Hàm Nghi	160
Galet	Phố Lương Ngọc Quyến	85
Gambetta (Boulevard)	Đại lộ Trần Hưng Đạo	258
Garnier (Francis)	Đại lộ Đinh Tiên Hoàng	183
Géraud	Phố Tạ Hiện	81
Giac (Sergent)	Ngõ Duy Tân	317
Gia Long	Đại lộ Gia Long	243
Gionvaninelli	Đại lộ Tôn Thất Thuyết	149
Goussard	Phố Chợ Đuối	308
Graffeuil	Phố Bích Câu	217
Graines (Rue des)	Phố Hàng Đậu	38
Graines (Ruelle)	Ngõ Hàng Đậu	39
Grand Boudha	Đại lộ Quán Thánh	13
Groleau (Elie)	Phố Chùa Một Cột	147
Guillemoto (Quai)	Đại lộ Trần Quang Khải	129
Grappin (Rue)	Phố Cao Thắng	64

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

H		
Halais	Phố Nguyễn Du	283
Hài Tượng	Ngõ Hài Tượng	84
Hàng Chi	Ngõ Hàng Chi	117
Harmand	Phố Trần Xuân Soạn	295
Hà Trung (Rue)	Phố Hà Trung	106
Hà Trung (Impasse)	Ngõ Hà Trung	107
Hầu Quan Chắt	Phố Mai Xuân Thưởng	35
Hautefeuille	Phố Đỗ Hành	291
Hà Văn Kỳ	Phố Vũ Lợi	290
Hérel de Brisis	Phố Thị Sách	305
Hoàng Cao Khải	Đại lộ Lê Đại Hành	324
Hillaret	Phố Bạch Thái Bưởi	127
Hội Vũ (Ruelle)	Ngõ Hội Vũ	167
Hồng Phúc	Phố Hồng Phúc	25
Hôpital Chinois	Phố Nhà Thương Khách	27
Huế (Route de)	Phố Duy Tân	245
Hiệp (Nguyễn Trọng)	Phố Cao Bá Nha	121
I-J		
Identité (Impasse)	Ngõ Lý Thường Kiệt	236
Jabouille	Phố Hồ Xuân Hương	288
Jacquin	Phố Ngô Thì Nhậm	303
Jambert	Phố Nguyễn Trường Tộ	22
Jauréguiberry (Boulevard)	Đại lộ Quang Trung	242
Jauréguiberry (Cité)	Xóm Hạ Hối	268
Joffre (Maréchal)	Phố Lý Nam Đế	136
Joffre (Cité)	Ngõ Hàng Hương	137
Jouhaux	Phố Ngô Văn Sở	280

K-L		
Krug (Cité)	Ngõ Phan Chu Trinh	276
Labrousse (Capitel)	Phố Lý Đạo Thành	194
Lac (Rue du)	Phố Hàng Dầu	185
Lagisquet	Phố Chân Cầm	169
Lambert (Rue)	Phố Dã Tượng	239
Lambert (Ruelle)	Ngõ Dã Tượng	240
Lamblot	Phố Lý Quốc Sư	174
Laque (Rue de)	Phố Hàng Chả Cá	53
Larrivé (Sergent)	Phố Nguyễn Công Trứ	319
Lataste	Phố Hàng Giấy	82
Laubarède	Phố Đặng Thái Thân	197
Laveran	Phố Lê Văn Hưu	284
Leblanc	Đường Gầm Cầu	42
Leblanc (Général)	Phố Nguyễn Hữu Huân	41
Leblois	Phố Lê Trục	162
Leclanger	Phố Lê Phụng Hiệu	191
Lê Lai	Phố Bà Triệu	298
Lepage	Phố Nguyễn Thiện Thuật	63
Lê Quý Đôn	Phố Lương Văn Can	51
Llonde	Phố Cầm Chỉ	134
Léger (Marcel)	Phố Lê Quý Đôn	342
Logerot (Alfred)	Phố Phùng Khắc Khoan	302
Luro	Phố Lữ Gia	307
Lyautey (Maréchal)	Đường Cổ Ngư	11
Lý Thường Kiệt	Phố Ngô Sĩ Liên	228
Landais (Impasse)	Ngõ Nhà Chung	176
Lecornu (Ruelle)	Phố Ấu Triệu	172
Cité Bảo Long	Ngõ Lê Văn Hưu I	275

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

M		
Mạc Đình Chi	Phố Mạc Đình Chi	5
Mangin (Général)	Phố Ông Ích Khiêm	155
Mathis (Constant)	Phố Nguyễn Lai Thạch	341
Médicaments	Phố Hàng Thuốc Bắc	100
Miribel (Résident)	Phố Trần Nhân Tôn	294
Mission (Rue de la)	Phố Nhà Chung	175
Mongrand	Phố Nguyễn Thượng Hiền	292
Morel (Résident)	Phố Bà Huyện Thanh Quan	153
Monceaux (Capitel)	Phố Nguyễn Huy Tự	256
N		
Nam Ký (Cité)	Ngõ Lý Nam Đế	138
Nam Hoa (Impasse)	Ngõ số 221	221
Nam Ngự	Phố Nam Ngự	230
Nattes en joncs	Phố Ô Quan Chưởng	61
Neyret (Rue)	Phố Cửa Nam	199
Ngõ Ngang	Phố Hàng Chai	55
Ngõ Huyện	Ngõ Huyện	170
Nguyễn Công Trứ	Phố Châu Long	16
Nguyễn Khuyến	Phố Lương Ngọc Quyến	85
Nguyễn Trãi	Phố Nguyễn Trãi	104
Nolly (Emile)	Phố Phạm Hồng Thái	21
Ngọc Hà (Route)	Phố Ngọc Hà	156
Nghĩa Lợi (Cité)	Ngõ Thi Sách	285
Noguès (Rue Général)	Phố Lê Văn Linh	57
Nội Miếu (Ruelle)	Ngõ Nội Miếu	83

O		
O'dendhal	Phố Đinh Liệt	119
Oignons (Ruelle des)	Ngõ Hàng Hành	177
Ollivier	Phố Tôn Thất Đàm	146
Orléans (Henri)	Đại lộ Phùng Hưng	93
P		
Paniers (Rue)	Phố Hàng Bồ	90
Papier	Phố Hàng Giấy	46
Parreau (Digue)	Đường Hoàng Hoa Thám	36
Pasquier Pierre	Đại lộ Hoàng Diệu	142
Pavie	Phố Hàn Thuyên	277
Pavie (Impasse)	Ngõ Hàn Thuyên	278
Pavillons Noirs	Phố Mã Mây	76
Pépinière ou Route du Village de Papier	Phố Thụy Khuê	12
Pescadores	Phố Phủ Đông Thiên Vương	304
Pétain (Maréchal)	Phố Phan Thanh Giản	124
Phạm Phú Thứ	Phố Phạm Phú Thứ	102
Phạm Phú Thứ	Phố Hội Tin Lành	103
Phát Lộc (Ruelle)	Ngõ Phát Lộc	86
Phúc Kiến	Phố Lãn Ông	74
Phủ Doãn (Impasse)	Ngõ Phủ Doãn	168
Pipes (Rue des)	Phố Hàng Điều	110
Poissonnerie	Phố Hàng Cá	70
Pont en Bois	Phố Cầu Gỗ	131
Pottier (Rue)	Phố Bảo Khánh	179
Pouligo (Capitel)	Phố Trần Thánh Tông	316
Prison (Rue de la)	Phố Hoà Lò	237
Puginier (Avenue)	Đại lộ Nguyễn Tri Phương	150
Philharmonique (Rue)	Phố Hồ Hoàn Kiếm	122
Pouyanne (Albert)	Phố Lò Sũ	184

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

R		
Radeaux	Phố Hàng Bè	123
Raffenel	Phố Phan Huy Chú	253
Reinach	Phố Trần Quốc Toàn	281
République (Avenue de la)	Đại lộ Dân Quyền	144
Révérony (Rue)	Phố Tăng Bạt Hổ	315
Rheinart (Quai)	Đại lộ Trần Khánh Dư	346
Rhodes (Alexandre)	Phố Đặng Trần Côn	216
Rialan	Đại lộ Phan Chu Trinh	252
Richaud	Phố Quán Sứ	235
Riz (Rue du)	Phố Đồng Xuân	47
Riquier	Phố Nguyễn Du	283
Rivière (Henri)	Đại lộ Ngô Quyền	247
Rodier (Rue)	Phố Triều Quốc Đạt	238
Rollandes (Boulevard)	Đại lộ Hai Bà Trưng	198
Rondony (Rue)	Phố Hàng Thùng	130
Rousseau (Armand)	Phố Lò Đức	311
Route Circulaire	Đường Đại La	157
Route Mandarine	Phố Hàng Lọng	260
Route Mandarine prolongée	Phố Kim Liên	261
Robert (Rue)	Phố Trương Hán Siêu	269
S		
Sâm Công (Ruelle)	Phố Tôn Thất Yên	80
Sapèquerie (Rue)	Phố Phạm Sư Mạnh	250
Sapèquerie (Ruelle)	Ngõ Tràng Tiền	196
Saumure	Phố Hàng Mắm	88

Schneider (Frères)	Phố Nguyễn Biểu	32
Seaux (Rue des)	Phố Hàng Thùng	130
Sel (Rue du)	Phố Hàng Muối	87
Sénès (Amiral)	Phố Hoà Mã	309
Simoni (Rue)	Phố Lê Chân	241
Sinh Từ	Phố Sinh Từ	220
Soie (Rue de la)	Phố Hàng Đào	50
Soler (Jean)	Phố Hàng Bông Thợ Ruộm	233
Sông Tô Lịch	Phố Hàng Lược	54
Sơn Tây	Phố Sơn Tây	159
Stores (Rue des)	Phố Hàng Mành	115
Sucre (Rue du)	Phố Hàng Đường	48
T		
Takou	Phố Hàng Cón	56
Tạm Thương	Ngõ Tam Thương	114
Tân Hưng	Ngõ Túc Mạc	262
Tasses (Rue des)	Phố Hàng Đồng	97
Tasses	Phố Hàng Bát Sứ	98
Tasses (Rue Vieilles)	Phố Hàng Bát Đàn	91
Teinturiers	Phố Hàng Bông Thợ Ruộm	233
Thanh Miến (Ruelle)	Ngõ Thanh Miến	203
Thịnh Đức (Cité)	Ngõ Vạn Kiếp	234
Tholance (Auguste)	Phố Đoàn Thị Điểm	218
Thuận Lợi (Cité)	Ngõ Hàm Long I	274
Tiến Quân Thành	Phố Nguyễn Khắc Nhu	20
Tiên Tsin	Phố Hàng Gà	96
Tirant	Phố Gia Ngư	126
Tố Tịch (Ruelle)	Phố Tố Tịch	118

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Tràng An (Cité)	Ngõ Tràng An	287
Tràng Khánh (Cité)	Ngõ Lê Văn Hưu III	272
Trạng Trình	Phố Liên Trì	267
Trần Hưng Đạo	Phố Ngũ Xã	6
Trippenbach	Phố Nguyễn Trung Trực	24
Trung (Soeur)	Phố Trúc Bạch	4
Trúc Lạc (Impasse)	Ngõ Trúc Lạc	3
Tubercules (Rue)	Phố Hàng Khoai	43
Tuyên Quang	Phố Cao Bá Quát	161
Tubercules (Ruelle)	Ngõ Hàng Khoai I	44
Tubercules (Ruelle)	Ngõ Hàng Khoai II	45
Thanh Hà	Phố Thanh Hà	65
Thanh Hà (Ruelle)	Ngõ Thanh Hà	66
V		
Văn Tân (Cité)	Ngõ Yên Thế	201
Vases (Rue des)	Phố Hàng Chĩnh	79
Vermicelles (Rue des)	Phố Hàng Bún	29
Vermicelles (Ruelle)	Ngõ Hàng Bún	30
Vers Blancs	Phố Hàng Rươi	58
Vieux Marché	Phố Hàng Phèn	95
Willers (Berthe)	Phố Đinh Công Tráng	257
Vĩnh Thái (Cité)	Ngõ Hàm Long III	271
Voiles (Rue des)	Phố Hàng Buồm	75
Vollenhoven (Rue)	Đại lộ Chu Văn An	152
Vọng Đức	Phố Vọng Đức	246
Verdun (Impasse)	Ngõ Phan Huy Chú	254
Wiélé	Phố Tô Hiến Thành	318

Y		
Yên Sơn (Impasse)	Ngõ số 222	222
Yên Thái (Ruelle)	Phố Yên Thái	113
Yên Thành (Impasse)	Ngõ Yên Thành	15
Yên Phụ (Đê)	Đê Yên Phụ	1
Voie 34	Phố Hoè Nhai	23
Voie 94	Phố Đặng Dung	31
Voies 95, 96	Phố Trúc Bạch	4
Voie 103	Phố Nguyễn Khắc Hiếu	9
Voie 108	Phố Trần Tế Xương	7
Voie 143	Phố Nguyễn Phạm Tuấn	158
Voies 164, 202, 222	Đường Đại Cồ Việt	328
Voie 107 ^{bis}	Phố Nguyễn Quyền	293
Voie 203	Phố Lê Như Hổ	206
Voie 204	Phố Lý Văn Phúc	208
Voie 206 ^{bis}	Phố Bảo Anh	204
Voie 214	Phố Trịnh Hoài Đức	208
Voie 221	Phố Trương Vĩnh Ký	219
Voie 230	Phố Trần Cao Vân	333
Voie 232	Phố Đồng Nhân	338
Voie 233	Phố Yên Bái	329
Voie 233 ^{bis}	Ngõ Chùa Vua	330
Voie 9	Phố Đoàn Như Hải	266
Voie 105	Phố Nguyễn Đình Chiểu	10
Voie 260 ^{bis}	Ngõ Trần Cao Vân	331
Voie 261	Phố số 336	336
Voie 262	Phố số 337	337
Voie 238	Phố Quốc Tử Giám	214
Voie 251	Phố số 226	226
Voie 271	Phố Bảo Khánh	178

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Voie 52	Phố Trong Thành	171
Voie 258	Ngõ Ngõ Sĩ Liên	223
Voie 172	Phố Nguyễn Trung Ngân	312
Voie 252	Ngõ Chợ Đồng Xuân	62
Voie 163	Ngõ Chu Mạnh Trinh	343
Voie 249	Ngõ số 215	215
Voie 268	Ngõ Yên Thế	202
Voie 205	Ngõ Hàng Bột	210
Voie G/2	Ngõ Bà Triệu	320
Voie H-1	Phố Cao Đạt	327
Voie L-4	Phố Đội Cung	326
Voie D	Phố số 296	296
Voie E-I	Phố số 325	325
Voie 253	Phố số 224	224
Voie 237	Phố số 225	225
Voie 234	Phố số 332	332
Voie 223	Phố số 335	335
Voie 229	Phố số 339	339
Voie 153 ^{his}	Phố số 344	344
Voie	Đường Văn Đồn	348
Voie	Đường Tây Kết	349
Voie	Giốc Vạn Kiếp	350
Voie	Đường Bạch Đằng	351
Voie	Giốc Chương Dương Độ	352
Voie	Giốc Tân Ấp	354
Voie	Giốc Nghĩa Dũng	355

Nguồn: SCDHN - 816.

BẢNG ĐỐI CHIẾU PHỐ MỚI RA PHỐ CŨ

(Kèm theo Nghị định ngày 28-2-1951
của Thị trưởng Hà Nội Thẩm Hoàng Tín về việc đặt tên mới các phố)

Số	Tên phố mới	Tên phố cũ
	A	
152	Đại lộ Chu Văn An	Vollenhoven (Van)
287	Ngõ Trang An	Tràng An (Cité)
204	Phố Bảo Anh	Voie 206 ^{bis}
354	Giốc Tân Ấp	Voie
212	Phố Sơ Ảng Toàn	Antoine (Soeur)
164	Phố Mỹ Quốc	Rue Borgnis Desbordes
	B	
89	Phố Hàng Bạc	Changeurs
4	Phố Trúc Bạch	Trung (Soeurs), Voies 15, 96, 98
329	Phố Yên Bái	Voie 233
17	Phố Cửa Bắc	Đỗ Hưu Vị
100	Phố Hàng Thuốc Bắc	Médicaments
123	Phố Hàng Bè	Radeaux
32	Phố Nguyễn Biểu	Schneider
90	Phố Hàng Bồ	Paniers (Rue)
133	Phố Hàng Bông	Coton
211	Phố Hàng Bột	Antoine (Soeur)
210	Ngõ Hàng Bột	Voie 205
165	Phố Anh Quốc	Bert (Paul)
29	Phố Hàng Bún	Vermicelles (Rue)
30	Ngõ Hàng Bún	Vermicelles (Ruelle)

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

75	Phố Hàng Buồm	Voiles (Rue des)
99	Phố Hàng Bút	Combanère
127	Phố Bạch Thái Bưởi	Hillaret
	C	
70	Phố Hàng Cá	Poissonnerie
53	Phố Hàng Chả Cá	Laque (Rue de)
51	Phố Lương Văn Can	Lê Quý Đôn
229	Phố Trần Quý Cáp	Đinh Tiên Hoàng
169	Phố Chân Cầm	Lagisquet
52	Phố Hàng Cân	Balances
148	Phố Đội Cấn	Champ de Courses
217	Phố Bích Cầu	Graffeuil
42	Phố Gầm Cầu	Leblanc
55	Phố Hàng Chai	Ngõ Ngang
205	Phố Hàng Cháo	Rue Bàng Nhôn Đôn
241	Phố Lê Chân	Simoni (Rue)
143	Phố Nguyễn Cảnh Chân	Destenay
232	Phố Phan Bội Châu	Colomb (Rue)
5	Phố Mạc Đĩnh Chi	Mạc Đĩnh Chi
134	Phố Cấm Chỉ	Llonde
117	Ngõ Hàng Chỉ	Hàng Chỉ
60	Phố Hàng Chiếu	Dupuis
10	Phố Nguyễn Đình Chiểu	Voie 105
79	Phố Hàng Chĩnh	Vases (Rue des)
253	Phố Phan Huy Chú	Raffenel
254	Ngõ Phan Huy Chú	Verdun (Impasse)
299	Phố Huyền Trân Công Chúa	Duvigneau (Rue)
175	Phố Nhà Chung	Mission (Rue)

176	Ngõ Nhà Chung	Impasse Landais
313	Phố Hàng Chuối	Baylié (Gal)
314	Ngõ Hàng Chuối	Impasse Baylié
61	Phố Ô Quan Chưởng	Nattes en Joncs
141	Phố Trong Thành	Voie 52
231	Ngõ Hàng Cỏ	Chân Hưng (Cité)
56	Phố Hàng Cót	Takou
216	Phố Đặng Trần Côn	Rhodes (Alexandre)
147	Phố Chùa Một Cột	Groleau (Elie)
326	Phố Đội Cung	Voie L-4
	D	
109	Phố Hàng Da	Cuir
185	Phố Hàng Dầu	Rue du Lac
142	Đại lộ Hoàng Diệu	Pasquier (Pierre)
173	Phố Phủ Doãn	Julien Blanc
168	Ngõ Phủ Doãn	Impasse Phủ Doãn
283	Phố Nguyễn Du	Dufourcq, Halais et Riquier
128	Đại lộ Trần Nhật Duật	Clémenceau (Quai)
31	Phố Đặng Dung	Dieulefils, Voie 94
355	Giốc Nghĩa Dũng	
346	Đại lộ Trần Khánh Dư	Rheinart (Quai)
	Đ	
146	Phố Tôn Thất Đàm	Ollivier (Rue)
91	Phố Hàng Bát Đàn	Vieille des Tasses (Rue)
193	Phố Tôn Dàn	Rue de la Chaux
50	Phố Hàng Đào	Soie (Rue de la)
258	Đại lộ Trần Hưng Đạo	Gambetta (Boulevard)
327	Phố Cao Đạt	Voie H/I

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

238	Phố Triệu Quốc Đạt	Rodier (Rue)
351	Đường Bạch Đằng	
38	Phố Hàng Đậu	Graines (Rue des)
39	Ngõ Hàng Đậu	Graines (Ruelle)
301	Phố Mai Hắc Đế	Charron (Rue)
136	Phố Lý Nam Đế	Rue Maréchal Joffre
138	Ngõ Lý Nam Đế	Cité Nam Kỳ
218	Phố Đoàn Thị Điểm	Tholance (Auguste)
110	Phố Hàng Điều	Pipes
195	Phố Trương Định	Foch (Rue)
352	Giốc Chương Dương Độ	
342	Phố Lê Quý Đôn	Léger (Marcel)
348	Đường Văn Đồn	
92	Đại lộ Cửa Đông	Bichot (Général)
97	Phố Hàng Đồng	Tasses (Rue des)
135	Phố Kỳ Đồng	Bruisseaux (Capitel)
311	Phố Lò Đức	Rousseau (Armand)
72	Phố Cống Đức	Etoffes (Ruelle des)
308	Phố Chợ Đuối	Goussard
208	Phố Trịnh Hoài Đức	Voie 214
246	Phố Vọng Đức	Vọng Đức
48	Phố Hàng Đường	Sucre (Rue du)
	G	
96	Phố Hàng Gà	Tiên Tsin
69	Phố Ngõ Gạch	Briques
132	Phố Hàng Gai	Chanvre
67	Phố Chợ Gạo	Commerce (Place)
307	Phố Lữ Gia	Luro

214	Phố Quốc Tử Giám	Voie 238
124	Phố Phan Thanh Giản	Pétain (Rue Maréchal)
46	Phố Hàng Giấy	Papier (Rue)
82	Phố Hàng Giấy	Lataste, Nguyễn Duy Hàn
131	Phố Cầu Gỗ	Pont en Bois
	H	
156	Phố Ngọc Hà	Route Ngọc Hà
65	Phố Thanh Hà	Thanh Hà
66	Ngõ Thanh Hà	Thanh Hà (Ruelle)
266	Phố Đoàn Như Hải	Voie 9
8	Phố Vũ Phạm Hàm	
186	Phố Trần Nguyên Hãn	Balny
291	Phố Đỗ Hành	Hautefeuille
177	Ngõ Hàng Hành	Oignons (Ruelle des)
324	Đại lộ Lê Đại Hành	Hoàng Cao Khải
323	Ngõ Lê Đại Hành	Chapuis (Ruelle)
151	Phố Khúc Hạo	Charles Coulier
292	Phố Nguyễn Thượng Hiền	Mongrand
81	Phố Tạ Hiện	Géraud
191	Phố Lê Phụng Hiểu	Leclanger
9	Nguyễn Khắc Hiếu	Voie 103
94	Phố Nhà Hoả	Feitshamel
163	Đại lộ Nguyễn Thái Học	Duvillier (Rue)
183	Đại lộ Đinh Tiên Hoàng	Garnier (Francis)
116	Phố Hàng Hòm	Caisse
310	Phố Phạm Đình Hổ	Chéon
206	Phố Lê Như Hổ	Voie 203
315	Phố Tăng Bạt Hổ	Révérony (Rue)

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

268	Xóm Hạ Hồi	Jauréguiberry (Cité)
41	Phố Nguyễn Hữu Huân	Leblanc (Rue)
170	Phố Ngõ Huyện	Ngõ Huyện (Ruelle)
93	Đại lộ Phùng Hưng	Orléans (Henri)
137	Ngõ Hàng Hương	Maréchal Joffre (Cité)
288	Phố Hồ Xuân Hương	Jabouille
284	Phố Lê Văn Hưu	Laveran
275	Ngõ Lê Văn Hưu I	Cité Bảo Long
286	Ngõ Lê Văn Hưu II	Cité Khang An
271	Ngõ Lê Văn Hưu III	Cité Tràng Khánh
	K	
349	Đường Tây Kết	
27	Phố Nhà Thương Khách	Hôpital Chinois
129	Đại lộ Trần Quang Khải	Guillemoto (Quai)
179	Phố Bảo Khánh	Pottier (Rue)
178	Ngõ Bảo Khánh	Voie 271
244	Đại lộ Đồng Khánh	Đồng Khánh (Boulevard)
155	Phố Ông Ích Khiêm	Mangin (Général)
297	Phố Nguyễn Bình Khiêm	Daurelle (René)
43	Phố Hàng Khoai	Tubercules (Rue)
44	Ngõ Hàng Khoai I	Tubercules (Ruelle)
45	Ngõ Hàng Khoai II	Tubercules (Ruelle)
247	Đường Nguyễn Khoái	Rheinart
302	Phố Phùng Khắc Khoan	Logerot (Alfred)
12	Đường Thụy Khuê	Pépinière ou route du village du Papier
351	Phố Nguyễn Khuyến	Dutreuil de Rhins
122	Phố Hồ Hoàn Kiếm	Philharmonique

350	Giốc Vạn Kiếp	
234	Ngõ Vạn Kiếp	Thịnh Đức (Cité)
259	Đại lộ Lý Thường Kiệt	Carreau
236	Ngõ Lý Thường Kiệt	Identité (Impasse)
263	Phố Yết Kiêu	Bovet
264	Ngõ Yết Kiêu	Bovet (Cité)
219	Phố Trương Vĩnh Ký	Voie 221
	L	
157	Đường Đại La	Route Circulaire
3	Ngõ Trúc Lạc	Trúc Lạc (Impasse)
187	Phố Lê Lai	Bonhour, Avenue Dominé
145	Đại lộ Nguyễn Lâm	Paul Doumer (Avenue)
103	Phố Hội Tin Lành	Phạm Phú Thứ
255	Phố Phạm Ngũ Lão	Concession (Rue de)
189	Phố Đinh Lễ	Fourès
261	Phố Kim Liên	Route Mandarine prolongée
228	Phố Ngô Sĩ Liên	Lý Thường Kiệt
223	Ngõ Ngô Sĩ Liên	Voie 258
119	Phố Đinh Liệt	O'dendhal
213	Phố Cát Linh	Cát Linh
57	Phố Lê Văn Linh	Noguère (Rue Général)
237	Phố Hoà Lò	Prison (Rue de la)
16	Phố Châu Long	Antoine Bonnet, Nguyễn Công Trứ
14	Ngõ Châu Long	Châu Long (Ruelle)
324	Đại lộ Gia Long	Gia Long
274	Ngõ Hàm Long I	Cité Thuận Lợi ou Doudard de Lagrée
273	Ngõ Hàm Long II	Đức Khanh (Impasse)
271	Ngõ Hàm Long III	Vĩnh Thái (Cité)

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

279	Phố Hàm Long	Doudart de Lagrée (Rue)
260	Phố Hàng Lọng	Route Mandarine
86	Ngõ Phát Lộc	Phất Lộc (Ruelle)
290	Phố Vũ Lợi	Hà Văn Kỳ
54	Phố Hàng Lược	Sông Tô Lịch
	M	
59	Phố Hàng Mã	Cuivre
309	Phố Hoà Mã	Sénès (Amiral)
231	Ngõ Túc Mạ	Tân Hưng
115	Phố Hàng Mành	Stores (Rue des)
250	Phố Phạm Sư Mạnh	Sapèquerie (Rue)
88	Phố Hàng Mắm	Saumure
76	Phố Mã Mây	Pavillons Noirs
83	Ngõ Nội Miếu	Nội Miếu (Ruelle)
203	Ngõ Thanh Miến	Thanh Miến (Ruelle)
227	Phố Văn Miếu	Cao Đắc Minh
87	Phố Hàng Muối	Sel (Rue du)
	N	
199	Phố Cửa Nam	Neyret (Rue)
312	Phố Nguyễn Trung Ngân	Voie 172
200	Phố Đình Ngang	Citadelle (Tour de)
49	Phố Hàng Ngang	Cantonnais (Rue)
160	Đại lộ Hàm Nghi	Faure (Félix), Galliéni
270	Phố Nguyễn Chế Nghĩa	Beau (Bernard de)
21	Phố Đoàn Trần Nghiệp	Constant (Rue Général)
11	Đường Cổ Ngư	Lyautey (Maréchal)
126	Phố Gia Ngư	Tirant
230	Phố Nam Ngư	Nam Ngư

121	Phố Cao Bá Nhạ	Hiệp (Nguyễn Trọng)
338	Phố Đồng Nhân	Voie 232
23	Phố Hoè Nhai	Voie 34
303	Phố Ngô Thì Nhậm	Jacquin (Rue)
20	Phố Nguyễn Khắc Nhu	Tiền Quân Thành
18	Phố Yên Ninh	Bourrin, Galet
19	Ngõ Yên Ninh	Bourrin (Impasse)
111	Ngõ Hàng Nón	Chapeaux
	O-P	
74	Phố Lãn Ông	Phúc Kiến
166	Phố Pháp Quốc	France , Paul Bert
95	Phố Hàng Phèn	Vieux Marché
322	Phố Thái Phiên	Chapuis
1	Đê Yên Phụ	Yên Phụ (Digue)
25	Phố Hồng Phúc	Hồng Phúc
208	Phố Lý Văn Phức	Voie 204
37	Đại lộ Phan Đình Phùng	Carnot (Boulevard)
33	Ngõ Phan Đình Phùng	Carnot (Impasse)
150	Đại lộ Nguyễn Tri Phương	Puginier
	Q	
153	Bà Huyện Thanh Quan	Morel (Rue)
353	Đường Hàm Tử Quan	Cầu Đất (Digue Fellonneau)
289	Phố Thuyền Quang	Crévost
112	Phố Hàng Quạt	Eventails
161	Phố Cao Bá Quát	Route de Tuyên Quang
144	Đại lộ Dân Quyền	République (Avenue)
247	Đại lộ Ngô Quyền	Rivière (Henri)
293	Phố Nguyễn Quyền	Voie 170 ^{bis}
85	Phố Lương Ngọc Quyền	Galet, Nguyễn Khuyến

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

	R	
71	Phố Lò Rèn	Forgerons
233	Phố Hàng Bông Thợ Ruộm	Soler (Jean), Teinturiers
58	Phố Hàng Rươi	Vers Blancs
	S	
305	Phố Thi Sách	Hérel de Brésis
285	Ngõ Thi Sách	Cité Nghĩa Lợi ou Vinh Xương
280	Phố Ngô Văn Sở	Jouhaux
68	Phố Nguyễn Siêu	Án Sát Siêu
269	Phố Trương Hán Siêu	Robert (Rue)
98	Phố Hàng Bát Sứ	Tasses (Rue des)
184	Phố Lò Sũ	Pouyanne (Albert)
295	Phố Trần Xuân Soạn	Harmand (Rue)
306	Ngõ Trần Xuân Soạn	Cité Đại Lợi
174	Phố Lý Quốc Sư	Lamblot
235	Phố Quán Sứ	Richaud
	T	
245	Phố Duy Tân	Huế (Route de)
317	Ngõ Duy Tân	Giac (Sergent)
34	Phố Đặng Tái	Autigeon (Madame)
159	Phố Sơn Tây	Sơn Tây
118	Phố Tố Tịch	Tố Tịch
209	Phố Phan Phú Tiên	
196	Ngõ Tràng Tiên	Sapequerie (Ruelle)
40	Phố Nguyễn Thiệp	Duranton
281	Phố Trần Quốc Toàn	Reinach
248	Đại lộ Lý Thái Tổ	Courbet (Amiral)

182	Đại lộ Lê Thái Tổ	Beauchamp, Jules Ferry
22	Phố Nguyễn Trường Tộ	Jambert
249	Đại lộ Lê Thánh Tông	Bobillot
316	Phố Trần Thánh Tông	Pouligo (Capitel)
294	Phố Trần Nhân Tôn	Miribel (Rue)
158	Phố Nguyễn Phạm Tuấn	Voie 143
256	Phố Nguyễn Huy Tự	Monceaux (Capitel)
77	Phố Đào Duy Từ	Đào Duy Từ
220	Phố Sinh Từ	Sinh Từ
239	Phố Dã Tượng	Lambert (Rue)
240	Ngõ Dã Tượng	Lambert (Cité)
84	Ngõ Hải Tượng	Hải Tượng
	Th	
188	Phố Lê Thạch	Chavassieux (Avenue)
341	Phố Nguyễn Lai Thạch	Constant Mathis
113	Phố Yên Thái	Yên Thái (Ruelle)
78	Phố Đông Thái	Đông Thái
221	Phố Phạm Hồng Thái	Nolly (Emilie)
36	Đường Hoàng Hoa Thám	Parreau (Digue)
26	Phố Hàng Than	Charbon
15	Ngõ Yên Thành	Yên Thành (Impasse)
108	Phố Đường Thành	Citadelle (Rue de)
194	Phố Lý Đạo Thành	Labrousse (Capitel)
318	Phố Tô Hiến Thành	Wiélé
13	Đại lộ Quán Thánh	Grand Bouddha
64	Phố Cao Thắng	Grappin (Rue)
197	Phố Đặng Thái Thân	Laubarède
202	Phố Yên Thế	Voie 268

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

201	Ngõ Yên Thế	Văn Tân (Cité)
101	Phố Hàng Thiếc	Ferblantiers
282	Phố Nguyễn Gia Thiều	Bonifacy (Rue)
139	Phố Tôn Thất Thiệp	Badens (Rue)
140	Ngõ Tôn Thất Thiệp	Badens (Impasse)
181	Phố Nhà Thờ	Cathédrale
63	Phố Nguyễn Thiện Thuật	Lepage
130	Phố Hàng Thùng	Rondony. des Seaux
277	Phố Hàn Thuyên	Pavie
278	Ngõ Hàn Thuyên	Pavie (Impasse)
149	Đại lộ Tôn Thất Thuyết	Giovaninellie (Boulevard)
102	Phố Phạm Phú Thứ	Pham Phú Thứ
35	Phố Mai Xuân Thưởng	Hầu Quan Chắt
114	Ngõ Tam Thương	Tam Thương (Ruelle)
	Tr	
104	Phố Nguyễn Trãi	Nguyễn Trãi
105	Phố Ngõ Trăm	Bouret
257	Phố Đinh Công Tráng	Willers (Berthe)
125	Phố Hàng Tre	Bambous
267	Phố Liên Trì	Barona, Trạng Trình
172	Phố Ấu Triệu	Lecornu (Ruelle)
298	Phố Bà Triệu	Lê Lợi (Rue)
320	Ngõ Bà Triệu	Voie N° G-2
252	Đại lộ Phan Chu Trinh	Rialan (Boulevard)
276	Ngõ Phan Chu Trinh	Krug (Cité)
343	Phố Chu Mạnh Trinh	Voie 163
265	Phố Trần Bình Trọng	Delorme
180	Phố Hàng Trống	Ferry (Jules)
106	Phố Hà Trung	Hà Trung (Rue)
107	Ngõ Hà Trung	Hà Trung (Impasse)
242	Đại lộ Quang Trung	Jauréguiberry (Boulevard)

319	Phố Nguyễn Công Trứ	Larrivé (Sergent)
162	Phố Lê Trực	Leblois (Général)
24	Phố Nguyễn Trung Trực	Trippenbach (Rue)
198	Đại lộ Hai Bà Trưng	Rollandes (Boulevard)
	V	
73	Phố Hàng Vải	Etoffes (Rue des)
333	Phố Trần Cao Vân	Voie 230
331	Ngõ Trần Cao Vân	Voie 260 ^{bis}
28	Phố Bùi Viện	Deydier
328	Đường Đại Cồ Việt	Voies 164, 202, 222
192	Phố Hàng Vôi	Chaux (Rue de la)
167	Phố Hội Vũ	Hội Vũ (Ruelle)
334	Phố Chùa Vua	Dumoutier (Rue)
330	Ngõ Chùa Vua	Voie 233 ^{bis}
154	Đại lộ Hùng Vương	Brière de l' Isle (Avenue)
300	Phố Triệu Việt Vương	Chanceaulme (Rue)
304	Phố Phù Đổng Thiên Vương	Pescardores (Rue)
	X	
6	Phố Ngũ Xã	Trần Hưng Đạo
190	Phố Nguyễn Xí	Boissière (Rue)
47	Phố Đồng Xuân	Riz (Rue du)
62	Ngõ Chợ Đồng Xuân	Voie 252
7	Phố Trần Tế Xương	Voie 108
171	Ngõ Thọ Xương	Dronet (Ruelle Père)
	Y	
80	Phố Tôn Thất Yên	Sâm Công (Ruelle)
120	Ngõ Chung Yên	Chung Yên (Ruelle)
345	Đường Lương Yên	Digue Nouvelle
340	Phố Y-éc-sanh	Calmette (Rue)

Nguồn: SCDHN - 816.

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

PHỐ CHƯA CÓ TÊN

(Kèm theo Nghị định ngày 28-2-1951
của Thị trưởng Hà Nội Thẩm Hoàng Tín về việc đặt tên mới các phố)

Số	Tên phố mới	Tên phố cũ
215	Phố số 215	Voie 249
221	Ngõ số 221	Impasse Nam Hoa
222	Ngõ số 222	Impasse Yên Sơn
224	Phố số 224	Voie 253
225	Phố số 225	Voie 237
226	Phố số 226	Voie 251
296	Phố số 296	Voie D
325	Phố số 325	Voie E
332	Phố số 332	Voie 234
335	Phố số 335	Voie 223
336	Phố số 336	Voie 261
337	Phố số 337	Voie 262
339	Phố số 339	Voie 229
344	Phố số 344	Voie 153 ^{bus}

Nguồn: SCDHN - 816.

BẢNG TRA ĐỊA DANH Ở HÀ NỘI
từ trước 1945 đến 1951

Địa danh cũ	Địa danh mới
A	
Albert Pouyanne (rue, 1933)	→ Nguyễn Trãi (phố, 1945) → Lò Sũ (phố, 1949) → Lò Sũ (phố, 1951)
Alexandre de Rhodes (rue, 1941)	→ Bích Câu (phố, 1945) → Đặng Trần Côn (phố, 1949) → Đặng Trần Côn (phố, 1951)
Alexandre de Rhodes (square, thời Pháp thuộc)	→ Đắc Lộ (vườn hoa, 1949)
Alfred Logerot (rue, 1941)	→ Hoà Mã (phố, 1945) → Phùng Khắc Khoan (phố, 1949) → Phùng Khắc Khoan (phố, 1951)
Amiral Courbet (boulevard, 1894)	→ Lý Thái Tổ (phố, 1945) → Lý Thái Tổ (đại lộ, 1949) → Lý Thái Tổ (đại lộ, 1951 nay là phố cùng tên)
Amiral Sénès (rue, 1929)	→ Hoà Mã (phố, 1945) → Hoà Mã (phố, 1949) → Hoà Mã (phố, 1951)
Ancien Canal (rue, trước 1928)	+ Đào Duy Từ (rue, 1931) = Đào Duy Từ (phố, 1945) → Đào Duy Từ (phố, 1949) → Đào Duy Từ (phố, 1951)
André Robert (rue, 1928)	→ Trương Hán Siêu (phố, 1949) → Trương Hán Siêu (phố, 1951)
Antoine Bonnet (rue, 1929)	+ Nguyễn Công Trứ (phố, 1945) = Châu Long (phố, 1949) + Voie N° 96 = Châu Long (phố, 1951)
Armand Rousseau (boulevard, trước 1913)	→ Lò Đức (phố, 1945) → Lò Đức (phố, 1949) → Lò Đức (phố, 1951)

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Auguste Tholance (rue, 1941)	→ Đoàn Thị Điểm (phố, 1945) → Đoàn Thị Điểm (phố, 1949) → Đoàn Thị Điểm (phố, 1951)
Ấn Sát Siêu (rue, 1928)	→ Phương Đình (phố, 1945) → Nguyễn Siêu (phố, 1949) → Nguyễn Siêu (phố, 1951)
B	
Bạch Mai (route, trước 1900)	→ Nam Bộ (đường, 1945)
Balances (rue, trước 1890)	→ Hàng Cân (phố, 1945) → Hàng Cân (phố, 1949) → Hàng Cân (phố, 1951)
Balny (rue, 1890)	→ Trần Nguyên Hân (phố, 1945) → Trần Nguyên Hân (phố, 1949) → Trần Nguyên Hân (phố, 1951)
Bambous (rue, trước 1890)	→ Hàng Tre (phố, 1945) → Hàng Tre (phố, 1949) → Hàng Tre (phố, 1951)
Banque (rue, trước 1919)	→ Bonhour (rue, 1919) + Dominé (avenue, thời Pháp thuộc) = Lê Lai (phố, 1951)
Barona (rue, 1930)	+ Trạng Trình (rue, 1931) = Nguyễn Huy Tự (phố, 1945) → Liên Trì (phố, 1949) → Liên Trì (phố, 1951)
Bảng Nhãn Đôn (rue, 1928)	→ Hàng Cháo (phố, 1949) → Hàng Cháo (phố, 1951)
Bảo Long (cité, thời Pháp thuộc)	→ Lê Văn Hưu I (ngõ, 1951)
Bắc Ninh (rue, 1894)	→ Maréchal Pétain (rue, 1919) → Bắc Ninh (phố, 1945) → Phan Thanh Giản (phố, 1949) → Phan Thanh Giản (phố, 1951) → Nguyễn Hữu Huân (phố, tên đang dùng hiện nay)
Beauchamps (avenue, trước 1895)	+ Francis Garnier (boulevard, trước 1895) = Lê Thái Tổ (phố, 1945) → Lê Thái Tổ (đại lộ, 1949) + Jules Ferry (rue prolongée, 1890) = Lê Thái Tổ (đại lộ, 1951 nay là phố cùng tên)

Bernard de Beau (boulevard, 1928)	→ Nguyễn Chế Nghĩa (phố, 1945) → Nguyễn Chế Nghĩa (phố, 1949) → Nguyễn Chế Nghĩa (phố, 1951)
Berthe de Villers (rue, 1935)	→ Đinh Công Tráng (phố, 1951)
Berthe de Villers (place, 1933)	→ Chu Mạnh Trinh (phố, 1951)
Blockhaus Nord (route, 1888)	→ Nguyễn Thái Học (phố, 1945) → Phó Đức Chính (phố, 1949) → Phó Đức Chính (phố, 1951)
Bobillot (boulevard, 1892)	→ Lê Thánh Tông (phố, 1945) → Lê Thánh Tông (đại lộ, 1949) → Lê Thánh Tông (đại lộ, 1951 nay là phố cùng tên)
Bobillot (boulevard prolongé, sau 1892)	→ Capitel Pouligot (rue, 1930) → Hồng Đức (phố, 1945) → Trần Thánh Tông (phố, 1949) → Trần Thánh Tông (phố, 1951)
Boissière (rue, thời Pháp thuộc)	→ Chùa Quan Thượng (ngõ, 1945) → Nguyễn Xí (phố, 1949) → Nguyễn Xí (phố, 1951)
Bonhour (rue, 1919)	→ Lục Tỉnh (phố, 1945) + Dominé (avenue, thời Pháp thuộc) = Lê Lai (phố, 1951)
Bonifacy (rue, thời Pháp thuộc)	→ Ôn Như Hầu (phố, 1945) → Nguyễn Gia Thiều (phố, 1949) → Nguyễn Gia Thiều (phố, 1951)
Borgnis Desbordes (rue, trước 1900)	→ Tràng Thi (phố, 1945) → Mỹ Quốc (phố, 1949) → Mỹ Quốc (phố, 1951) → Tràng Thi (phố, tên đang dùng hiện nay)
Borgnis Desbordes (rue prolongée, trước 1900)	→ Duvillier (phố, 1909) → Phan Chu Trinh (phố, 1945) → Nguyễn Thái Học (phố, 1949) → Nguyễn Thái Học (đại lộ, 1951 nay là phố cùng tên)

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Botanique (jardin, ban đầu gọi là Jardin d'essai, 1889)	→ Bách Thảo (vườn, 1949)
Bouret (rue, 1919)	→ Ngõ Trạm (phố, 1945) → Ngõ Trạm (phố, 1949) → Ngõ Trạm (phố, 1951)
Bourrin (rue, 1919)	→ Yên Ninh (phố, 1945) → Yên Ninh (phố, 1949) + Galet (rue, 1933) = Yên Ninh (phố, 1951)
Bourrin (impasse, 1919)	→ Yên Ninh (ngõ, 1949) → Yên Ninh (ngõ, 1951)
Bovet (rue, 1919)	→ Yết Kiêu (phố, 1945) → Yết Kiêu (phố, 1949) → Yết Kiêu (phố, 1951)
Bovet (impasse, 1919)	→ Yết Kiêu (ngõ, 1949) → Yết Kiêu (ngõ, 1951)
Brière de l'Isle (avenue, 1909)	→ Hùng Vương (phố, 1945) → Hùng Vương (đại lộ, 1949) → Hùng Vương (đại lộ, 1951 nay là phố cùng tên)
Briques (rue, trước 1890)	→ Julie Blanchart (rue, 1920) → Ngõ Gạch (phố, 1945) → Ngõ Gạch (phố, 1949) → Ngõ Gạch (phố, 1951)
Briqueterie (rue, trước 1931)	→ Madame Autigeon (rue, 1931) → Đặng Tái (phố, 1945) → Đặng Tái (phố, 1949) → Đặng Tái (phố, 1951)
Brodeurs (rue, trước 1888)	→ Jules Ferry (rue, 1890) → Hàng Trống (phố, 1945) → Hàng Trống (phố, 1949) → Hàng Trống (phố, 1951)
Broni (rue, 1919)	→ Tiên Tsin (rue, 1933) → Hàng Gà (phố, 1945) → Hàng Gà (phố, 1949) → Hàng Gà (phố, 1951)

C	
Caisses (rue, trước 1890)	→ Hàng Hòm (phố, 1945) → Hàng Hòm (phố, 1949) → Hàng Hòm (phố, 1951)
Camp des Lettrés (rue, 1891)	→ Borgnis Desbords (rue, trước 1900) → Tràng Thi (phố, 1945) → Mỹ Quốc (phố, 1951) → Tràng Thi (phố, tên đang dùng hiện nay)
Cantonais (rue, trước 1890)	→ Hàng Ngang (phố, 1945) → Hàng Ngang (phố, 1949) → Hàng Ngang (phố, 1951)
Cao Đắc Minh (rue, 1919)	→ Sĩ Nhiếp (phố, 1945) → Văn Miếu (phố, 1949) → Văn Miếu (phố, 1951)
Capitel Bruisseau (rue, thời Pháp thuộc)	→ Bùi Bá Kỳ (phố, 1945) → Kỳ Đồng (phố, 1949) → Kỳ Đồng (phố, 1951) → Tống Duy Tân (tên phố đang dùng hiện nay)
Capitel Labrousse (rue, thời Pháp thuộc)	→ Nguyễn Thành Hiền (phố, 1945) → Lý Đạo Thành (phố, 1949) → Lý Đạo Thành (phố, 1951)
Capitel Monceaux (rue, thời Pháp thuộc)	→ Nguyễn Huy Tự (phố, 1949) → Nguyễn Huy Tự (phố, 1951) → (Đình Công Tráng, 1 đoạn phố hiện nay)
Capitel Pouligo (rue, 1930)	→ Hồng Đức (phố, 1945) → Trần Thánh Tông (phố, 1949) → Trần Thánh Tông (phố, 1951)
Carnot (boulevard, 1901)	→ Phan Đình Phùng (phố, 1945) → Phan Đình Phùng (đại lộ, 1951 nay là phố cùng tên)
Carnot (impasse, 1901)	→ Phan Đình Phùng (ngõ, 1951)
Carnot (square, thời Pháp thuộc)	→ Vạn Xuân (vườn hoa, 1949)
Carreau (boulevard, trước 1905)	→ Lý Thường Kiệt (phố, 1945) → Lý Thường Kiệt (đại lộ, 1949) → Lý Thường Kiệt (đại lộ, 1951 nay là phố cùng tên)

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Cartes (rue, trước 1890)	→ Đồng Khánh (boulevard, 1890) → Triệu Quang Phục (phố, 1945) → Đồng Khánh (đại lộ, 1949) → Đồng Khánh (đại lộ, 1951) → Hàng Bài (phố, tên đang dùng hiện nay)
Cathédrale (avenue, 1892)	→ Nhà Thờ (phố, 1945) → Nhà Thờ (phố, 1949) → Nhà Thờ (phố, 1951)
Champ des Courses (route, còn gọi là Hippodrome hay đường Quán Ngựa, 1909)	→ Đội Cấn (phố, 1945) → Đội Cấn (phố, 1949) → Đội Cấn (phố, 1951)
Chanceaulme (rue, 1919)	→ Galet (rue, 1933) → Bùi Quang Trinh (phố, 1945) → Triệu Việt Vương (phố, 1949) → Triệu Việt Vương (phố, 1951)
Changeurs (rue, trước 1890)	→ Hàng Bạc (phố, 1945) → Hàng Bạc (phố, 1949) → Hàng Bạc (phố, 1951)
Chanvre (rue, trước 1890)	→ Hàng Gai (phố, 1945) → Hàng Gai (phố, 1949) → Hàng Gai (phố, 1951)
Chapeaux (rue, trước 1890)	→ Hàng Nón (phố, 1945) → Hàng Nón (phố, 1949) → Hàng Nón (phố, 1951)
Chapuis (rue, 1928)	→ Delorme (rue prolongée, sau 1919) + Delorme (rue, 1919) = Trần Bình Trọng (phố, 1945) → Trần Bình Trọng (phố, 1949) → Trần Bình Trọng (phố, 1951)
Chapuis (rue, 1939)	→ Đội Cung (phố, 1945) → Thái Phiên (phố, 1949) → Thái Phiên (phố, 1951)
Chapuis (ruelle, sau 1928)	→ Lê Đại Hành (ngõ, 1949) → Lê Đại Hành (ngõ, 1951)
Charbon (rue, trước 1890)	→ Hàng Than (phố, 1945) → Hàng Than (phố, 1949) → Hàng Than (phố, 1951)
Charles Coulier (rue, 1926)	→ Tích Quang (phố, 1945) → Khúc Hạo (phố, 1949) → Khúc Hạo (phố, 1951)

Charles Halais (rue, 1928)	+ Riquier (rue, 1919) + Dufourcq (rue, 1929) = Nguyễn Du (rue, 1943) → Nguyễn Du (phố, 1945) → Nguyễn Du (phố, 1949) → Nguyễn Du (phố, 1951)
Charles Wiélé (rue, 1919)	→ Tô Hiệu (phố, 1945) → Tô Hiến Thành (phố, 1949) → Tô Hiến Thành (phố, 1951)
Charron (rue, 1919)	→ Leblanc (rue, 1933) → Lê Bình (phố, 1945) → Mai Hắc Đế (phố, 1949) → Mai Hắc Đế (phố, 1951)
Chaux (rue, trước 1890)	→ Hàng Vôi (phố, 1945) + Gia Định (phố, 1945) → Hàng Vôi (phố, 1949)
Chaux (đoạn từ Albert Pouyanne - phố Lò Sũ đến Dominé - phố Lê Lai)	→ Hàng Vôi (phố, 1951)
Chaux (đoạn từ Dominé - phố Lê Lai trở xuống)	→ Tôn Đản (phố, 1949) → Tôn Đản (phố, 1951)
Chavassieux (avenue, thời Pháp thuộc)	→ Lê Thạch (phố, 1945) → Lê Thạch (phố, 1949) → Lê Thạch (phố, 1951)
Chavassieux (square, thời Pháp thuộc)	→ Diên Hồng (vườn hoa, 1949)
Chân Hung (cité, thời Pháp thuộc)	→ Hàng Cỏ (phố, 1945) → Hàng Cỏ (phố, 1949) → Hàng Cỏ (ngõ, 1951)
Châu Long (ruelle, thời Pháp thuộc)	→ Châu Long (ngõ, 1945) → Châu Long (ngõ, 1949) → Châu Long (ngõ, 1951)
Chéon (rue, 1931)	→ Phạm Đình Hổ (phố, 1945) → Phạm Đình Hổ (phố, 1949) → Phạm Đình Hổ (phố, 1951)
Chiffons (rue, trước 1919)	→ Combanère (rue, 1919) → Hàng Bút (phố và ngõ, 1945) → Hàng Bút (phố, 1949) → Hàng Bút (phố, 1951)

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Chúc Lạc (Trúc Lạc, impasse, thời Pháp thuộc)	→ Chúc Lạc (ngõ, 1945) → Trúc Lạc (ngõ, 1949) → Trúc Lạc (ngõ, 1951)
Chung Yên (ruelle, thời Pháp thuộc)	→ Chung Yên (ngõ, 1945) → Chung Yên (ngõ, 1949) → Chung Yên (ngõ, 1951)
Cimetière (européen, trước 1913)	→ Sergent Larrivée (rue, 1920) → Y-éc-sanh (phố, 1945) → Nguyễn Công Trứ (phố, 1949) → Nguyễn Công Trứ (phố, 1951)
Circulaire (route, trước 1890)	→ Đại La (đường, 1945) → Đại La (đường, 1949) → Đại La (đường, 1951 nay là phố Đại La và đường Trường Chinh)
Citadelle (rue, trước 1909)	→ Đường Thành (phố, 1945) → Đường Thành (phố, 1949) → Đường Thành (phố, 1951)
Citadelle (ruelle, 1913)	→ Llonde (rue, 1919) → Cẩm Chi (phố, 1945) → Lương Văn Can (phố, 1949) → Cẩm Chi (phố, 1951) → Hàng Bông (ngõ, tên đang dùng hiện nay)
Citadelle (tour de la, thời Pháp thuộc)	→ Đình Ngang (phố, 1945) → Đình Ngang (phố, 1949) → Đình Ngang (phố, 1951)
Clémenceau (digue, 1919)	Trước 1933 gồm 2 đoạn: quai Rheinart và quai Guillemoto (nay là đường Trần Khánh Dư, đường Nguyễn Khoái, đường Trần Quang Khải và đường Trần Nhật Duật) Sau 1933: Trần Nhật Duật (phố, 1945) → Trần Nhật Duật (đại lộ, 1949) → Trần Nhật Duật (đại lộ, 1951) → Trần Nhật Duật (đường, tên đang dùng hiện nay)
Cocotier (place, trước 1890)	→ Négrier (place, 1890) → Đông Kinh Nghĩa Thục (vườn, 1949) → nhà ga tàu điện Bờ Hồ trước đây, khu vực đài phun nước Bờ Hồ ngày nay

Colomb (rue, 1909)	→ Phan Bội Châu (phố, 1945) → Phan Bội Châu (phố, 1949) → Phan Bội Châu (phố, 1951)
Combanère (rue, 1919)	→ Hàng Bút (phố và ngõ, 1945) → Hàng Bút (phố, 1949) → Hàng Bút (phố, 1951)
Commerce (place, thời Pháp thuộc)	→ Chợ Gạo (phố, 1949) → Chợ Gạo (phố, 1951)
Commerce (digue, trước 1919)	→ Clémenceau (digue, trước 1933) gồm 2 đoạn: quai Rheinart và quai Guillemoto (nay là đường Trần Khánh Dư, đường Nguyễn Khoái, đường Trần Quang Khải và đường Trần Nhật Duật) Sau 1933: Trần Nhật Duật (phố, 1945) → Trần Nhật Duật (đại lộ, 1949) → Trần Nhật Duật (đại lộ, 1951) → Trần Nhật Duật (đường, tên đang dùng hiện nay)
Commisariat Central (rue, trước 1919)	→ Delorme (rue, 1919) → Trần Bình Trọng (phố, 1945) → Trần Bình Trọng (phố, 1949) → Trần Bình Trọng (phố, 1951)
Concession (rue, trước 1919)	→ Maréchal Gallieni (rue, 1919) → Concession (rue, 1933) → Phạm Ngũ Lão (phố, 1945) → Phạm Ngũ Lão (phố, 1949) → Phạm Ngũ Lão (phố, 1951)
Constant Mathis (rue, thời Pháp thuộc)	→ Nguyễn Thị Kim (phố, 1945) → Nguyễn Lai Thạch (phố, 1949) → Nguyễn Lai Thạch (phố, 1951) → Nguyễn Huy Tự (tên phố đang dùng hiện nay)
Coton (rue, trước 1890)	→ Hàng Bông (phố, 1945) → Hàng Bông (phố, 1949) → Hàng Bông (phố, 1951)
Cống Vọng (route, thời Pháp thuộc)	→ Cách mạng Tháng Tám (đường, 1945)

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Crévost (rue, thời Pháp thuộc)	→ Trần Quý Cáp (phố, 1945) → Thuyền Quang (phố, 1949) → Thuyền Quang (phố, 1951) → Thiên Quang (phố, tên đang dùng hiện nay)
Cuirs (rue, trước 1890)	→ Chabert (rue, 1920) → Hàng Da (phố, 1945) → Hàng Da (phố, 1949) → Hàng Da (phố, 1951)
Cuivre (rue, trước 1890)	→ Hàng Mã (phố, 1945) → Hàng Mã (phố, 1949) → Hàng Mã (phố, 1951)
Cự Lâu (rue, 1894)	→ Leclanger (rue, thời Pháp thuộc) → Phan Thanh Giản (phố, 1945) → Lê Trục (phố, 1949) → Lê Phụng Hiếu (phố, 1951)
Cự Phú (quai, 1888)	→ khu vực bãi Cầu Đất ngày nay
D	
Delorme (rue, 1919)	+ Delorme (rue prolongée) = Trần Bình Trọng (phố, 1945) → Trần Bình Trọng (phố, 1949) → Trần Bình Trọng (phố, 1951)
Destenay (rue, 1919)	→ Cao Thắng (phố, 1945) → Nguyễn Cảnh Chân (phố, 1949) → Nguyễn Cảnh Chân (phố, 1951)
Deydier (rue, 1931)	→ Lê Hữu Cảnh (phố, 1945) → Bùi Viện (phố, 1949) → Bùi Viện (phố, 1951) → Phan Huy Ích (phố, tên đang dùng hiện nay)
Dieulefils (rue, 1919)	+ Voie N° 94 = Đặng Dung (phố, 1945) → Đặng Dung (phố, 1949) → Đặng Dung (phố, 1951)
Digue (rue, trước 1890)	→ Bắc Ninh (rue, 1894) → Maréchal Pétain (rue, 1919) → Bắc Ninh (phố, 1945) → Phan Thanh Giản (phố, 1949) → Phan Thanh Giản (phố, 1951) → Nguyễn Hữu Huân (phố, tên đang dùng hiện nay)

Docteur Calmette (rue, thời Pháp thuộc)	→ Y-éc-sanh (phố, 1949) → Y-éc-sanh (phố, 1951)
Docteur Morel (rue, thời Pháp thuộc)	→ Tự Do (phố, 1945)
Dominé (avenue, thời Pháp thuộc)	+ Bonhour (rue, thời Pháp thuộc) = Lê Lai (phố, 1945) → Lê Lai (phố, 1949) → Lê Lai (phố, 1951)
Doudard de Lagrée (boulevard, thời Pháp thuộc)	→ Hàm Long (phố, 1945) → Hàm Long (phố, 1949) → Hàm Long (phố, 1951)
Doudard de Lagrée (cité, thời Pháp thuộc)	→ Thuận Lợi (cité, thời Pháp thuộc) → Nghĩa Lộ (khu, 1945) → Hàm Long I (ngõ, 1949) → Hàm Long I (ngõ, 1951)
Dufourcq (rue, 1929)	+ Riquier (rue, 1919) + Charles Halais (rue, 1928) = Nguyễn Du (rue, 1943) → Nguyễn Du (phố, 1945) → Nguyễn Du (phố, 1949) → Nguyễn Du (phố, 1951)
Dumoutier (rue, 1933)	→ Tân Trào (phố, 1945) → Chùa Vua (phố, 1949) → Chùa Vua (phố, 1951) → Thịnh Yên (phố, tên đang dùng hiện nay)
Duranton (rue, 1909)	→ Nguyễn Mậu Kiên (phố, 1945) → Nguyễn Thiệp (phố, 1949) → Nguyễn Thiệp (phố, 1951)
Dutreuil des Rhins (rue, trước 1940)	→ Yên Đổ (phố, 1945) → Nguyễn Khuyến (phố, 1949) → Nguyễn Khuyến (phố, 1951) → Nguyễn Khắc Cán (phố, tên đang dùng hiện nay)
Duvigneau (rue, 1919)	→ Minh Khai (phố, 1945) → Huyền Trân Công Chúa (phố, 1949) → Huyền Trân Công Chúa (phố, 1951) → Bùi Thị Xuân (phố, tên đang dùng hiện nay)

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Đại Lợi (cité, thời Pháp thuộc)	→ Thiên Trường (khu, 1945) → Trần Xuân Soạn (ngõ, 1949) → Trần Xuân Soạn (ngõ, 1951)
Đào Duy Từ (rue, 1931)	+ Ancien Canal (rue, trước 1928) = Đào Duy Từ (phố, 1945) → Đào Duy Từ (phố, 1949) → Đào Duy Từ (phố, 1951)
Đình Tiên Hoàng (rue, 1931)	→ Đình Tiên Hoàng (phố, 1945) → Trần Quý Cáp (phố, 1949) → Trần Quý Cáp (phố, 1951)
Đông Thái (ruelle, thời Pháp thuộc)	→ Đông Thái (ngõ, 1945) → Đông Thái (phố, 1949) → Đông Thái (phố, 1951)
Đồng Khánh (boulevard, 1890)	→ Triệu Quang Phục (phố, 1945) → Đồng Khánh (đại lộ, 1949) → Đồng Khánh (đại lộ, 1951) → Hàng Bài (phố, tên đang dùng hiện nay)
Đỗ Hữu Vị (rue, 1919)	→ Cửa Bắc (phố, 1945) → Cửa Bắc (phố, 1949) → Cửa Bắc (phố, 1951)
Đức Khánh (impasse, thời Pháp thuộc)	→ Văn Thân (ngõ, 1945) → Hàm Long II (ngõ, 1949) → Hàm Long II (ngõ, 1951)
Đức Viên (rue, thời Pháp thuộc)	Khu vực giữa các phố Armand Rousseau (phố Lò Đúc), phố Pavie (phố Hàn Thuyên) và đường Cimetière (phố Nguyễn Công Trứ) thời kỳ 1913
E	
Ecole de Médecine (rue, trước 1919)	→ Raffenel (rue, 1919) → Phan Huy Chú (phố, 1945) → Phan Huy Chú (phố, 1949) → Phan Huy Chú (phố, 1951)
Eckert (square, thời Pháp thuộc)	→ Tây Hồ (vườn hoa, 1949)
Elie Groleau (rue, 1933)	→ Một Cột (phố, 1945) → Chùa Một Cột (phố, 1949) → Chùa Một Cột (phố, 1951)

Emile Nolly (rue, 1928)	→ Phạm Hồng Thái (phố, 1945) → Phạm Hồng Thái (phố, 1949) → Phạm Hồng Thái (phố, 1951)
Est (rue, trước 1919)	→ Maréchal Joffre (rue, 1919) → Nguyễn Tri Phương (phố, 1945) → Lý Nam Đế (phố, 1949) → Lý Nam Đế (phố, 1951)
Etienne Géraud (rue, 1928)	→ Tạ Hiện (phố, 1945) → Tạ Hiện (phố, 1949) → Tạ Hiện (phố, 1951)
Etoffes (rue, trước 1890)	→ Hàng Vải (phố, 1945) → Hàng Vải (phố, 1949) → Hàng Vải (phố, 1951)
Etoffes (ruelle, thời Pháp thuộc)	→ Cổng Đục (phố, 1945) → Cổng Đục (phố, 1949) → Cổng Đục (phố, 1951)
Eventails (rue, trước 1890)	→ Hàng Quạt (phố, 1945) → Hàng Quạt (phố, 1949) → Hàng Quạt (phố, 1951)
Exposition (rue, trước 1919)	→ Bovet (rue, 1919) → Yết Kiêu (phố, 1945) → Yết Kiêu (phố, 1949) → Yết Kiêu (phố, 1951)
F	
Feitshamel (rue, 1909)	→ Nhà Hoả (phố, 1945) → Nhà Hoả (phố, 1949) → Nhà Hoả (phố, 1951)
Félix Faure (boulevard, trước 1920)	→ Tôn Thất Thuyết (phố, 1945) + Maréchal Galliéni (rue, 1919) = Hàm Nghi (đại lộ, 1949) → Hàm Nghi (đại lộ, 1951) → Trần Phú (phố, tên đang dùng hiện nay)
Fellonneau (rue, trước 1933)	→ Albert Pouyanne (rue, 1933) → Nguyễn Trãi (phố, 1945) → Lò Sũ (phố, 1949) → Lò Sũ (phố, 1951)
Fellonneau (digue, hay còn gọi là đường Cầu Đất, trước 1933)	→ Hàm Tử Quan (đường, 1945) → Hàm Tử Quan (đường, 1949) → Hàm Tử Quan (đường, 1951)

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Ferblantiers (rue, trước 1890)	→ Hàng Thiếc (phố 1945) → Hàng Thiếc (phố, 1949) → Hàng Thiếc (phố, 1951)
Forgerons (rue, trước 1890)	→ Lò Rèn (phố, 1945) → Lò Rèn (phố, 1949) → Lò Rèn (phố, 1951)
Fourès (rue, 1919)	→ Tô Hiến Thành (phố, 1945) → Đinh Lễ (phố, 1949) → Đinh Lễ (phố, 1951)
Foutchéou (rue, trước 1919)	→ Rondony (rue, 1919) → Foutchéou (rue, 1920) → Bình Chuẩn (phố, 1945) + Seaux (rue, thời Pháp thuộc) = Hàng Thùng (phố, 1949) → Hàng Thùng (phố, 1951)
France (rue, trước 1919)	→ Destenay (rue, 1919) → Cao Thắng (phố, 1945) → Nguyễn Cảnh Chân (phố, 1949) → Nguyễn Cảnh Chân (phố, 1951)
France (rue, trước 1933)	→ Đồn Thuỷ (phố, 1945) + Paul Bert (rue, trước 1891) = France (phố Pháp Quốc, 1949) → France (phố Pháp Quốc, 1951) → Tràng Tiền (phố, tên đang dùng hiện nay)
Francis Garnier (boulevard, trước 1895)	+ Beauchamps (avenue, trước 1895) = Lê Thái Tổ (phố, 1945) → Đinh Tiên Hoàng (đại lộ, 1949) → Đinh Tiên Hoàng (đại lộ, 1951, nay là phố cùng tên)
Frères Schneider (rue, 1928)	→ Nguyễn Biểu (phố, 1945) → Nguyễn Biểu (phố, 1949) → Nguyễn Biểu (phố, 1951)
G	
Galet (rue, trước 1928)	→ Nguyễn Khuyến (rue, 1928) → Lương Ngọc Quyến (phố, 1945) + Galet (rue, thời Pháp thuộc) = Lương Ngọc Quyến (phố, 1949) → Lương Ngọc Quyến (phố, 1951)
Galet (rue, 1931)	→ Sâm Công (ruelle, 1933) → Ngô Văn Sở (phố, 1945) → Tôn Thất Yên (phố, 1949) → Đào Duy Từ (ngõ, 1951)

Galet (rue, sau 1931)	→ Chanceaulme (rue, 1933) → Triệu Việt Vương (phố, 1945) → Triệu Việt Vương (phố, 1949) → Triệu Việt Vương (phố, 1951)
Galet (rue, sau 1933)	→ Nguyễn Phạm Tuấn (phố, 1945) + Bourrin (rue, 1919) = Yên Ninh (phố, 1951)
Gambetta (boulevard, 1888)	→ Trần Hưng Đạo (phố, 1945) → Trần Hưng Đạo (đại lộ, 1949) → Trần Hưng Đạo (đại lộ, 1951 nay là phố cùng tên)
Gambetta (square, thời Pháp thuộc)	→ Bình Thân (vườn hoa, 1949)
Gaston Hillaret (rue, 1920)	→ Capitel Bruisseau (rue, thời Pháp thuộc) → Bùi Bá Kỳ (phố, 1945) → Kỳ Đồng (phố, 1949) → Kỳ Đồng (phố, 1951) → Tống Duy Tân (tên phố đang dùng hiện nay)
Gaston Hillaret (rue, 1928)	→ Bạch Thái Bưởi (ngõ, 1945) → Bạch Thái Bưởi (phố, 1949) → Bạch Thái Bưởi (phố, 1951) → Nguyễn Hữu Huân (ngõ, tên đang dùng hiện nay)
Général Badens (rue, thời Pháp thuộc)	→ Lê Cảnh Tuân (phố, 1945) → Tôn Thất Thiệp (phố, 1949) → Tôn Thất Thiệp (phố, 1951)
Général Badens (impasse, thời Pháp thuộc)	→ Tôn Thất Thiệp (ngõ, 1949) → Tôn Thất Thiệp (ngõ, 1951)
Général Beylié (rue, 1928)	→ Lê Quý Đôn (phố, 1945) → Hàng Chuối (phố, 1949) → Hàng Chuối (phố, 1951)
Général Beylié (impasse, thời Pháp thuộc)	→ Hàng Chuối (ngõ, 1949) → Hàng Chuối (ngõ, 1951)
Général Bichot (avenue, trước 1928)	→ Cửa Đông (phố, 1945) → Cửa Đông (đại lộ, 1949) → Cửa Đông (đại lộ, 1951 nay là phố cùng tên)

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Général Constant (rue, thời Pháp thuộc)	→ Ký Con (phố, 1945) → Đoàn Trần Nghiệp (phố, 1949) → Đoàn Trần Nghiệp (phố, 1951)
Général Leblois (rue, 1931)	→ Lê Trục (phố, 1945) → Nguyễn Hữu Huân (phố, 1949) → Lê Trục (phố, 1951)
Général Mangin (rue, 1931)	→ Ông Ích Khiêm (phố, 1945) → Ông Ích Khiêm (phố, 1949) → Ông Ích Khiêm (phố, 1951)
Général Noguès (rue, 1933)	→ Lê Văn Linh (phố, 1949) → Lê Văn Linh (phố, 1951)
Gia Long (boulevard, 1890)	→ Mai Hắc Đế (phố, 1945) → Gia Long (đại lộ, 1951) + Bà Triệu (phố, 1951) → Bà Triệu (phố, tên đang dùng hiện nay)
Gia Long (boulevard prolongé, sau 1890)	→ Lê Lợi (rue, 1931) → Bà Triệu (phố, 1945) → Bà Triệu (phố, 1951) → Bà Triệu (1 đoạn phố hiện nay)
Giovaninelli (boulevard, 1909)	→ Tôn Trung Sơn (phố, 1945) → Tôn Thất Thuyết (đại lộ, 1949) → Tôn Thất Thuyết (đại lộ, 1951) → Lê Hồng Phong (phố, tên đang dùng hiện nay)
Glacière (rue, 1891)	→ Tương đương với một đoạn phố Trần Quang Khải hiện nay
Goussard (rue, 1919)	→ Thái Phiên (phố, 1945) → Chợ Đuối (phố, 1949) → Chợ Đuối (phố, 1951) → Tuệ Tĩnh (phố, tên đang dùng hiện nay)
Graines (rue, trước 1890)	→ Hàng Đậu (phố, 1945) → Hàng Đậu (phố, 1949) → Hàng Đậu (phố, 1951)
Graines (ruelle, trước 1890)	→ Hàng Đậu (ngõ, 1949) → Hàng Đậu (ngõ, 1951)
Grand Bouddha (avenue, trước 1909)	→ Quán Thánh (phố, 1945) → Quán Thánh (đại lộ, 1949) → Quán Thánh (đại lộ, 1951 nay là phố cùng tên)

Grappin (rue, 1928)	→ Cao Thắng (phố, 1949) → Cao Thắng (phố, 1951)
Guillemoto (quai, trước 1933)	→ Trần Quang Khải (phố, 1945) → Trần Quang Khải (đại lộ, 1949) → Trần Quang Khải (đại lộ, 1951) → Trần Quang Khải (đường, tên đang dùng hiện nay)
H	
Hà Trung (rue, thời Pháp thuộc)	→ Hà Trung (phố, 1945) → Hà Trung (phố, 1949) → Hà Trung (phố, 1951)
Hà Trung (impasse, thời Pháp thuộc)	→ Hà Trung (ngõ, 1945) → Hà Trung (ngõ, 1949) → Hà Trung (ngõ, 1951)
Hà Văn Kỳ (phố, thời Pháp thuộc)	→ Đỗ Quyền (phố, 1945) → Vũ Lợi (phố, 1949) → Vũ Lợi (phố, 1951)
Hải Tượng (ruelle, thời Pháp thuộc)	→ Hải Tượng (ngõ, 1945) → Hải Tượng (ngõ, 1949) → Hải Tượng (ngõ, 1951)
Hàng Bạc (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Changeurs (rue, trước 1890) → Hàng Bạc (phố, 1945) → Hàng Bạc (phố, 1949) → Hàng Bạc (phố, 1951)
Hàng Bài (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Cartes (rue, trước 1890) → Đồng Khánh (boulevard, 1890) → Triệu Quang Phục (phố, 1945) → Đồng Khánh (đại lộ, 1949) → Đồng Khánh (đại lộ, 1951) → Hàng Bài (phố, tên đang dùng hiện nay)
Hàng Bát Đàn (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Vieille des Tasses (rue, trước 1890) → Hàng Bát Đàn (phố, 1945) → Hàng Bát Đàn (phố, 1949) → Hàng Bát Đàn (phố, 1951) → Bát Đàn (phố, tên đang dùng hiện nay)
Hàng Bát Sứ (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Tasses (rue, trước 1890) → Hàng Bát Sứ (phố, 1945) → Hàng Bát Sứ (phố, 1949) → Hàng Bát Sứ (phố, 1951) → Bát Sứ (phố, tên đang dùng hiện nay)

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Hàng Bè (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Radeaux (rue, trước 1890) → Hulet (rue, 1920) → Hàng Bè (phố, 1945) → Hàng Bè (phố, 1949) → Hàng Bè (phố, 1951)
Hàng Bó (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Panier (rue, trước 1890) → Hàng Bó (phố, 1945) → Hàng Bó (phố, 1949) → Hàng Bó (phố, 1951)
Hàng Bông (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Coton (rue, trước 1890) → Hàng Bông (phố, 1945) → Hàng Bông (phố, 1949) → Hàng Bông (phố, 1951)
Hàng Bún (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Vermicelles (rue, trước 1890) → Hàng Bún (phố, 1945) → Hàng Bún (phố, 1949) → Hàng Bún (phố, 1951)
Hàng Bún (ngõ, trước thời Pháp thuộc)	→ Vermicelles (ruelle, trước 1890) → Hàng Bún (ngõ, 1945) → Hàng Bún (ngõ, 1949) → Hàng Bún (ngõ, 1951)
Hàng Buồm (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Voiles (rue, trước 1890) → Hàng Buồm (phố, 1945) → Hàng Buồm (phố, 1949) → Hàng Buồm (phố, 1951)
Hàng Bút (phố, trước thời Pháp thuộc)	= Hàng Mụn (Chiffons, rue, thời Pháp thuộc) + Combanène (rue, thời Pháp thuộc) → Hàng Bút (phố và ngõ, 1945) → Hàng Bút (phố, 1949) → Hàng Bút (phố, 1951)
Hàng Cá (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Poissonneries (rue, trước 1890) → Hàng Cá (phố, 1945) → Hàng Cá (phố, 1949) → Hàng Cá (phố, 1951)
Hàng Càn (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Balanches (rue, trước 1890) → Hàng Càn (phố, 1945) → Hàng Càn (phố, 1949) → Hàng Càn (phố, 1951)
Hàng Chi (ngõ, trước thời Pháp thuộc)	→ Hàng Chi (ruelle, thời Pháp thuộc) → Hàng Chi (phố, 1945) → Hàng Chi (phố, 1949) → Hàng Chi (phố, 1951)

Hàng Chiêu (phố, trước thời Pháp thuộc)	= Jean Dupuis (rue, trước 1898) + Nattes en Jone (rue, trước 1898) → Hàng Chiêu (phố, 1945) → Hàng Chiêu (phố, 1949) → Hàng Chiêu (phố, 1951, không có Jean Dupuis) → Hàng Chiêu (phố, tên đang dùng hiện nay)
Hàng Chĩnh (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Vasses (rue, trước 1890) → Hàng Chĩnh (phố, 1945) → Hàng Chĩnh (phố, 1949) → Hàng Chĩnh (phố, 1951)
Hàng Cỏ (ngõ, thời Pháp thuộc)	→ Chân Hưng (cité, thời Pháp thuộc) → Hàng Cỏ (phố, 1945) → Hàng Cỏ (phố, 1949) → Hàng Cỏ (ngõ, 1951)
Hàng Cót (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Takou (rue, thời Pháp thuộc) → Hàng Cót (phố, 1945) → Hàng Cót (phố, 1949) → Hàng Cót (phố, 1951)
Hàng Da (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Cuirs (rue, trước 1890) → Hàng Da (phố, 1945) → Hàng Da (phố, 1949) → Hàng Da (phố, 1951)
Hàng Dầu (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Lac (rue, trước 1890) + L' Huile (rue, trước 1890) → Hàng Dầu (phố, 1945) → Hàng Dầu (phố, 1949) → Hàng Dầu (phố, 1951)
Hàng Đào (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Soie (rue, trước 1890) → Hàng Đào (phố, 1945) → Hàng Đào (phố, 1949) → Hàng Đào (phố, 1951)
Hàng Đậu (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Graines (rue, trước 1890) → Hàng Đậu (phố, 1945) → Hàng Đậu (phố, 1949) → Hàng Đậu (phố, 1951)
Hàng Điều (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Pipes (rue, trước 1890) → Hàng Điều (phố, 1945) → Hàng Điều (phố, 1949) → Hàng Điều (phố, 1951)
Hàng Đồng (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Tasses (rue, trước 1890, bao gồm cả rue du Cuivre) → Hàng Đồng (phố, 1945, chỉ có 1 đoạn rue des Tasses và không có rue du Cuivre) → Hàng Đồng (phố, 1949) → Hàng Đồng (phố, 1951)

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Hàng Đường (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Sucre (rue, trước 1890) → Hàng Đường (phố, 1945) → Hàng Đường (phố, 1949) → Hàng Đường (phố, 1951)
Hàng Gà (rue, thời Pháp thuộc)	→ Tiên Tsin (rue, trước 1919) → Broni (rue, 1919) → Tiên Tsin (rue, 1920) → Tiên Tsin (rue, 1933) → Hàng Gà (phố, 1945) → Hàng Gà (phố, 1949) → Hàng Gà (phố, 1951)
Hàng Gạch (rue, thời Pháp thuộc)	→ Ân Sát Siêu (rue, 1928) → Phương Đình (phố, 1945) → Nguyễn Siêu (phố, 1949) → Nguyễn Siêu (phố, 1951)
Hàng Gai (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Chanvre (rue, trước 1890) → Hàng Gai (phố, 1945) → Hàng Gai (phố, 1949) → Hàng Gai (phố, 1951)
Hàng Giấy (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Lafaste (rue, 1928) + Lepage (rue, 1928) = Tân Thuât (phố, 1945) + Nguyễn Duy Hàn (rue, 1928) = Hàng Giấy (phố, 1949 không có Lepage) → Hàng Giấy (phố, 1951)
Hàng Giấy (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Papier (rue, trước 1890) → Hàng Giấy (phố, 1945) → Hàng Giấy (phố, 1949) → Hàng Giấy (phố, 1951)
Hàng Hành (ngõ, trước thời Pháp thuộc)	→ Oignons (ruelle, thời Pháp thuộc) → Hàng Hành (ngõ, 1945) → Hàng Hành (ngõ, 1949) → Hàng Hành (ngõ, 1951)
Hàng Hòm (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Caisses (rue, trước 1890) → Hàng Hòm (phố, 1945) → Hàng Hòm (phố, 1949) → Hàng Hòm (phố, 1951)
Hàng Hương (ngõ, trước thời Pháp thuộc)	→ Maréchal Joffre (cité, thời Pháp thuộc) → Hàng Hương (ngõ, 1949) → Hàng Hương (ngõ, 1951)
Hàng Khay (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Incrusteurs (rue, trước 1890) → Paul Bert (rue, trước 1891) → Tràng Tiển – Hàng Khay (phố, 1945) → Anh Quốc (phố, 1949, không có Tràng Tiển) → Anh Quốc (phố, 1951) → Hàng Khay (phố, tên đang dùng hiện nay)

Hàng Khoai (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Tubercules (rue, trước 1890) → Hàng Khoai (phố, 1945) → Hàng Khoai (phố, 1949) → Hàng Khoai (phố, 1951)
Hàng Lọng (phố, thời Pháp thuộc)	→ Lê Duẩn (1 đoạn phố hiện nay)
Hàng Lược (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Sông Tô Lịch (rue, 1901) → Hàng Lược – Sông Tô Lịch (phố, 1945) → Sông Tô Lịch (phố, 1949) → Hàng Lược (phố, 1951)
Hàng Mã (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Cuivre (rue, trước 1890) → Hàng Mã (phố, 1945) → Hàng Mã (phố, 1949) → Hàng Mã (phố, 1951)
Hàng Mạnh (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Stores (rue, trước 1890) → Hàng Mạnh (phố, 1945) → Hàng Mạnh (phố, 1949) → Hàng Mạnh (phố, 1951)
Hàng Mâm (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Saumure (rue, trước 1890) → Hàng Mâm (phố, 1945) → Hàng Mâm (phố, 1949) → Hàng Mâm (phố, 1951)
Hàng Muối (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Sel (rue, trước 1890) → Hàng Muối (phố, 1945) → Hàng Muối (phố, 1949) → Hàng Muối (phố, 1951)
Hàng Mun (phố, trước thời Pháp thuộc)	= Chiffon (rue, thời Pháp thuộc) + Combanène (rue, thời Pháp thuộc) → Hàng Bút (phố và ngõ, 1945) → Hàng Bút (phố, 1949) → Hàng Bút (phố, 1951)
Hàng Ngang (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Cantonnaires (rue, trước 1890) → Hàng Ngang (phố, 1945) → Hàng Ngang (phố, 1949) → Hàng Ngang (phố, 1951)
Hàng Nón (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Chapeaux (rue, trước 1890) → Hàng Nón (phố, 1945) → Hàng Nón (phố, 1949) → Hàng Nón (phố, 1951)
Hàng Phèn (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Vieux Marché (rue, trước 1890) → Hàng Phèn (phố, 1945) → Hàng Phèn (phố, 1949) → Hàng Phèn (phố, 1951)

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Hàng Quạt (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Eventails (rue, trước 1890) → Hàng Quạt (phố, 1945) → Hàng Quạt (phố, 1949) → Hàng Quạt (phố, 1951)
Hàng Rươi (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Vers Blancs (rue, trước 1890) → Hàng Rươi (phố, 1945) → Hàng Rươi (phố, 1949) → Hàng Rươi (phố, 1951)
Hàng Sơn (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Laque (rue, thời Pháp thuộc) → Hàng Chả Cá (phố, 1945) → Hàng Chả Cá (phố, 1949) → Hàng Chả Cá (phố, 1951) → Chả Cá (phố, tên đang dùng hiện nay)
Hàng Than (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Charbon (rue, trước 1890) → Hàng Than (phố, 1945) → Hàng Than (phố, 1949) → Hàng Than (phố, 1951)
Hàng Thiếc (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Ferblantiers (rue, trước 1890) → Hàng Thiếc (phố, 1945) → Hàng Thiếc (phố, 1949) → Hàng Thiếc (phố, 1951)
Hàng Thùng (phố, trước thời Pháp thuộc)	= Rondony (rue, thời Pháp thuộc) → Bình Chuẩn (phố, 1945) + Seaux (rue, thời Pháp thuộc) = Hàng Thùng (phố, 1949) → Hàng Thùng (phố, 1951)
Hàng Thuốc Bắc (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Médicaments (rue, trước 1890) → Hàng Thuốc Bắc (phố, 1945) → Hàng Thuốc Bắc (phố, 1949) → Hàng Thuốc Bắc (phố, 1951) → Thuốc Bắc (phố, tên đang dùng hiện nay)
Hàng Tre (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Bambous (rue, trước 1890) → Hàng Tre (phố, 1945) → Hàng Tre (phố, 1949) → Hàng Tre (phố, 1951)
Hàng Trống (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Jules Ferry (rue, 1890) → Hàng Trống (phố, 1945) → Hàng Trống (phố, 1949) → Hàng Trống (phố, 1951)
Hàng Vải (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ Etoffes (rue, trước 1890) → Hàng Vải (phố, 1945) → Hàng Vải (phố, 1949) → Hàng Vải (phố, 1951)

Hàng Vôi (phố, trước thời Pháp thuộc)	→Chaux (rue, trước 1890) → Hàng Vôi (phố, 1945) + Gia Định (phố, 1945) → Hàng Vôi (phố, 1949) → Hàng Vôi (phố, 1951)
Harmand (rue, 1928)	→ Trần Thánh Tông (phố, 1945) → Trần Xuân Soạn (phố, 1949) → Trần Xuân Soạn (phố, 1951)
Hậu Quan Chải (rue, 1928)	→ Mai Xuân Thường (phố, 1945) → Mai Xuân Thường (phố, 1949) → Mai Xuân Thường (phố, 1951)
Hautefeuille (rue, 1941)	→ Đặng Đình Nhân (phố, 1945) → Đỗ Hành (phố, 1949) → Đỗ Hành (phố, 1951)
Henri de Monpezat (rue, 1932)	→ Tống Duy Tân (phố, 1945) → Ngọc Hà (phố, 1949) → Ngọc Hà (phố, 1951)
Henri d'Orléans (boulevard, trước 1920)	→ Henri d'Orléans (boulevard, 1933) → Henri d'Orléans (boulevard, 1935) → Phùng Hưng (phố, 1945) → Phùng Hưng (đại lộ, 1951 nay là phố cùng tên)
Henri d'Orléans (boulevard prolongé, trước 1928)	→ Leblanc (rue, 1928) → Henri d'Orléans (boulevard, 1933) → Henri d'Orléans (boulevard, 1935) → Phùng Hưng (phố, 1945) → Phùng Hưng (đại lộ, 1951 nay là phố cùng tên)
Henri Rivière (boulevard, 1892)	→ Ngô Quyền (phố, 1945) → Ngô Quyền (đại lộ, 1949) → Ngô Quyền (đại lộ, 1951 nay là phố cùng tên)
Hébrad (square, thời Pháp thuộc)	→ Kính Thiên (vườn hoa, 1949)
Hérel de Brisis (rue, 1928)	→ Lạc Long Quân (phố, 1945) → Thi Sách (phố, 1949) → Thi Sách (phố, 1951)
Hippodrome (quartier, 1890)	→ Khu Đấu xảo, nay thuộc khu vực Cung Văn hoá Hữu nghị

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Hippodrome (route, còn gọi là Champ des Courses hay đường Quán Ngựa, 1909)	→ Đới Cấn (phố, 1945) → Đới Cấn (phố, 1949) → Đới Cấn (phố, 1951)
Hoàng Cao Khải (boulevard, 1931)	→ Lê Đại Hành (phố, 1945) → Lê Đại Hành (đại lộ, 1949) → Lê Đại Hành (đại lộ, 1951 nay là phố cùng tên)
Hội Vũ (ruelle, thời Pháp thuộc)	→ Hội Vũ (phố, 1945) → Hội Vũ (ngõ, 1949) → Hội Vũ (phố, 1951)
Hồng Phúc (rue, thời Pháp thuộc)	→ Hồng Phúc (phố, 1945) → Hồng Phúc (phố, 1949) → Hồng Phúc (phố, 1951)
Hôpital Chinois (rue, thời Pháp thuộc)	→ Nguyễn Văn Trách (phố, 1945) → Nhà Thương Khách (phố, 1949) → Nhà Thương Khách (phố, 1951) → Hoè Nhai (1 đoạn phố hiện nay)
Huế (route, trước 1890)	→ Duy Tân (phố, 1945) → Duy Tân (phố, 1949) → Duy Tân (phố, 1951) → Huế (phố, tên đang dùng hiện nay)
I	
Identité (impasse, thời Pháp thuộc)	→ Lý Thường Kiệt (ngõ, 1949) → Lý Thường Kiệt (ngõ, 1951)
Immobilière (cité, thời Pháp thuộc)	→ Thọ Xương (ngõ) và Nguyễn Mai (phố), 1945
Imprimerie (rue, trước 1919)	→ Lagisquet (rue, 1919) → Chân Cầm (phố, 1945) → Chân Cầm (phố, 1949) → Chân Cầm (phố, 1951)
Incrusteurs (rue, trước 1890)	→ Paul Bert (rue, trước 1919) → Tràng Tiền – Hàng Khay (phố, 1945) → Anh Quốc (phố, 1949, không có Tràng Tiền) → Anh Quốc (phố, 1951) → Hàng Khay (phố, tên đang dùng hiện nay)

Intendance (rue, 1893)	→ Fourès (rue, 1919) → Tô Hiến Thành (phố, 1945) → Đinh Lễ (phố, 1949) → Đinh Lễ (phố, 1951)
J	
Jacquin (rue, 1928)	→ Kinh Dương Vương (phố, 1945) → Ngô Thời Nhiệm (phố, 1949) → Ngô Thì Nhậm (phố, 1951)
Jambert (rue, 1919)	→ Nguyễn Trường Tộ (phố, 1945) → Nguyễn Trường Tộ (phố, 1949) → Nguyễn Trường Tộ (phố, 1951)
Jauréguiberry (boulevard, trước 1909)	+ Jauréguiberry (boulevard prolongé, 1909) = Quang Trung (phố, 1945) → Quang Trung (đại lộ, 1949) → Quang Trung (đại lộ, 1951 nay là phố cùng tên)
Jauréguiberry (cité, trước 1909)	→ Ha Hối (khu, 1945) → Ha Hối (xóm, 1949) → Ha Hối (xóm, 1951)
Jean Dupuis (rue, trước 1898)	+ Nattes en Jonc (rue, trước 1898) = Hàng Chiếu (phố, 1945) → Hàng Chiếu (phố, 1949 không có Nattes en Jonc) → Hàng Chiếu (phố, 1951)
Jean Dupuis (porte, trước 1898)	→ Ô Quan Chưởng (cửa ô)
Jean Soler (rue, 1927)	+ Teinturiers (rue, trước 1927) = Hàng Bông Thợ Nhuộm (phố, 1945) → Hàng Bông Thợ Nhuộm (phố, 1949) → Hàng Bông Thợ Nhuộm (phố, 1951) → Thợ Nhuộm (phố, tên đang dùng hiện nay)
Jouhaux (rue, 1919)	→ Khuông Việt (phố, 1945) → Ngô Văn Sở (phố, 1949) → Ngô Văn Sở (phố, 1951)
Jourdan (rue, 1943)	→ Nguyễn Thị Bình (phố, 1945) → Chu Mạnh Trinh (phố, 1949) → Chu Mạnh Trinh (phố, 1951) → Nguyễn Cao (phố, tên đang dùng hiện nay)

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Jules Ferry (rue, 1890, bao gồm cả 1 đoạn phố Lê Thái Tổ)	→ Hàng Trống (phố, 1945) → Hàng Trống (phố, 1949) → Hàng Trống (phố, 1951)
Julie Blanchart (rue, 1920)	→ Ngõ Gạch (phố, 1945) → Ngõ Gạch (phố, 1949) → Ngõ Gạch (phố, 1951)
Julien Blanc (rue, sau 1920)	→ Nguyễn Đình Chiểu (phố, 1945) → Phủ Doãn (phố, 1949) → Phủ Doãn (phố, 1951)
K	
Khang An (cité, thời Pháp thuộc)	→ Lê Văn Hưu II (ngõ, 1951)
Krug (cité, thời Pháp thuộc)	→ Bạch Vân (ngõ, 1945) → Phan Chu Trinh (ngõ, 1949) → Phan Chu Trinh (ngõ, 1951)
L	
Lac (rue, trước 1890)	→ L'Huile (rue, trước 1890) = Hàng Dầu (phố, 1945) → Hàng Dầu (phố, 1949) → Hàng Dầu (phố, 1951)
Lagisquet (rue, 1919)	→ Chân Cầm (phố, 1945) → Chân Cầm (phố, 1949) → Chân Cầm (phố, 1951)
Lambert (rue, trước 1919)	→ Rodier (rue, 1928) → Thi Sách (phố, 1945) → Triệu Quốc Đạt (phố, 1949) → Triệu Quốc Đạt (phố, 1951)
Lambert (rue, sau 1919)	→ Tôn Đản (phố, 1945) → Dã Tượng (phố, 1949) → Dã Tượng (phố, 1951)
Lambert (ruelle, sau 1919)	→ Dã Tượng (ngõ, 1949) → Dã Tượng (ngõ, 1951)
Lamblot (rue, 1919)	→ Nhà Chung (phố, 1945) → Lý Quốc Sư (phố, 1949) → Lý Quốc Sư (phố, 1951)
Landais (impasse, sau 1919)	→ Nhà Chung (ngõ, 1951)

Laque (rue, thời Pháp thuộc)	→ Hàng Chả Cá (phố, 1945) → Hàng Chả Cá (phố, 1949) → Hàng Chả Cá (phố, 1951) → Chả Cá (phố, tên đang dùng hiện nay)
Lataste (rue, 1928)	+ Lepage (rue, 1928) = Tân Thuật (phố, 1945) + Nguyễn Duy Hàn (rue, 1928) = Hàng Giấy (phố, 1949 không có Lepage) → Hàng Giấy (phố, 1951)
Laubarède (rue, thời Pháp thuộc)	→ Đặng Thái Thân (phố, 1945) → Đặng Thái Thân (phố, 1949) → Đặng Thái Thân (phố, 1951)
Laveran (rue, 1928)	→ Lê Văn Hưu (phố, 1945) → Lê Văn Hưu (phố, 1949) → Lê Văn Hưu (phố, 1951)
Leblanc (rue, 1928)	→ Henri d'Orléans (boulevard, 1933) → Henri d'Orléans (boulevard, 1935) → Phùng Hưng (phố, 1945) → Phùng Hưng (đại lộ, 1951 nay là phố cùng tên)
Leblanc (rue, 1933)	→ Lê Bình (phố, 1945) → Mai Hắc Đế (phố, 1949) → Mai Hắc Đế (phố, 1951)
Leblanc (rue, 1935)	→ Khúc Hạo (phố, 1945) → Gắm Cầu (đường, 1949) → Gắm Cầu (phố, 1951) và Nguyễn Hữu Huân (phố, 1951)
Leclanger (rue, thời Pháp thuộc)	→ Phan Thanh Giản (phố, 1945) → Lê Trục (phố, 1949) → Lê Phụng Hiếu (phố, 1951)
Lecornu (rue, thời Pháp thuộc)	→ Ấu Triệu (phố, 1949) → Ấu Triệu (phố, 1951)
Lepage (rue, 1928)	+ Lataste (rue, 1928) = Tân Thuật (phố, 1945) → Bà Triệu (phố, 1949) → Nguyễn Thiện Thuật (phố, 1951)
L' Huile (rue, trước 1890)	+ Lac (rue, trước 1890) → Hàng Dầu (phố, 1945) → Hàng Dầu (phố, 1949) → Hàng Dầu (phố, 1951)

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Lê Lợi (rue, 1928)	→ Lê Quý Đôn (rue, 1931) → Lê Quý Đôn (rue, 1933) → Lê Quý Đôn (phố, 1945) → Lương Văn Can (phố, 1951)
Lê Lợi (rue, trước 1931)	→ Gia Long (boulevard prolongé, 1931) → Bà Triệu (phố, 1945) → Bà Triệu (phố, 1951)
Lê Lợi (rue, sau 1931)	→ Lê Phụng Hiểu (phố, 1949)
Lê Quý Đôn (rue, 1931)	→ Lê Quý Đôn (rue, 1933) → Lê Quý Đôn (phố, 1945) → Lương Văn Can (phố, 1945) → Lương Văn Can (phố, 1951)
Lê Quý Đôn (phố, sau 1945)	→ Nguyễn Thiện Thuật (phố, 1949)
Llonde (rue, 1919)	→ Cẩm Chi (phố, 1945) → Lương Văn Can (phố, 1949) → Cẩm Chi (phố, 1951) → Hàng Bông (ngõ, tên đang dùng hiện nay)
Luro (rue, 1928)	→ Lữ Gia (phố, 1945) → Lữ Gia (phố, 1949) → Lữ Gia (phố, 1951) → Lê Ngọc Hân (phố, tên đang dùng hiện nay)
Lý Thường Kiệt (rue, 1931)	→ Ngô Sĩ Vương (phố, 1945) → Ngô Sĩ Liên (phố, 1949) → Ngô Sĩ Liên (phố, 1951)
M	
Mạc Đĩnh Chi (rue, 1931)	→ Bà Huyện Thanh Quan (phố, 1945) → Mạc Đĩnh Chi (phố, 1949) → Mạc Đĩnh Chi (phố, 1951)
Mạc Đĩnh Chi (rue, 1945)	→ Trịnh Hoài Đức (phố, 1949) → Trịnh Hoài Đức (phố, 1951)
Madame Autigeon (rue, 1931)	→ Đặng Tất (phố, 1945) → Đặng Tất (phố, 1949) → Đặng Tất (phố, 1951)
Mandarine (route, trước 1889)	→ Hàng Lọng (phố, 1945) → Hàng Lọng (phố, 1949) → Hàng Lọng (phố, 1951) → Nam Bộ (đường, sau 1951) → Lê Duẩn (1 đoạn đường hiện nay)

Mandarine (route prolongée, sau 1889)	→ Cách mạng Tháng 8 (đường, 1945) → Kim Liên (phố, 1949) → Kim Liên (phố, 1951) → Lê Duẩn (1 đoạn đường hiện nay)
Marcel Léger (rue, thời Pháp thuộc)	→ Ấu Triệu (phố, 1945) → Cẩm Chi (phố, 1949) → Lê Quý Đôn (phố, 1951)
Marché Neuf (rue, trước 1919)	→ Dieulefils (rue, 1919) + Voie N° 94 = Đặng Dung (phố, 1945) → Đặng Dung (phố, 1949) → Đặng Dung (phố, 1951)
Maréchal Foch (rue, thời Pháp thuộc)	→ Trương Định (phố, 1949) → Trương Định (phố, 1951) → Cổ Tân (phố, tên đang dùng hiện nay)
Maréchal Foch (place, thời Pháp thuộc)	→ Square de Paris (vườn hoa Ba-lê, 1949)
Maréchal Gallieni (rue, 1919)	+ Félix Faure (boulevard, trước 1920) = Hàm Nghi (đại lộ, 1949) → Hàm Nghi (đại lộ, 1951) → Trần Phú (phố, tên đang dùng hiện nay)
Maréchal Joffre (rue, 1919)	→ Nguyễn Tri Phương (phố, 1945) → Lý Nam Đế (phố, 1949) → Lý Nam Đế (phố, 1951)
Maréchal Joffre (cité, sau 1919)	→ Hàng Hương (ngõ, 1949) → Hàng Hương (ngõ, 1951)
Maréchal Lyautey (rue, 1928)	→ Cổ Ngư (đường, 1945) → Cổ Ngư (đường, 1949) → Cổ Ngư (đường, 1951) → Thanh niên (đường, tên đang dùng hiện nay)
Maréchal Pétain (rue, 1919)	→ Bắc Ninh (phố, 1945) → Phan Thanh Giản (phố, 1949) → Phan Thanh Giản (phố, 1951) → Nguyễn Hữu Huân (phố, tên đang dùng hiện nay)
Maurice Graffeuil (rue, 1941)	→ Đặng Trần Côn (phố, 1945) → Bích Câu (phố, 1949) → Bích Câu (phố, 1951)

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Médicaments (rue, trước 1890)	→ Hàng Thuốc Bắc (phố, 1945) → Hàng Thuốc Bắc (phố, 1949) → Hàng Thuốc Bắc (phố, 1951) → Thuốc Bắc (phố, tên đang dùng hiện nay)
Mission (rue, trước 1919)	→ Lamblot (rue, 1919) → Mission (rue, 1923) → Lý Quốc Sư (phố, 1945) → Nhà Chung (phố, 1949) → Nhà Chung (phố, 1951)
Mongrand (rue, 1928)	→ Nguyễn Thượng Hiền (phố, 1945) → Nguyễn Thượng Hiền (phố, 1949) → Nguyễn Thượng Hiền (phố, 1951)
N	
Nam Hoa (impasse, thời Pháp thuộc)	→ Phố số 221 (phố, 1949) → Ngõ số 221 (ngõ, 1951)
Nam Ký (cité, thời Pháp thuộc)	→ Lý Nam Đế (ngõ, 1949) → Lý Nam Đế (ngõ, 1951)
Nam Ngư (ruelle, thời Pháp thuộc)	→ Nam Ngư (ngõ, 1945) → Nam Ngư (phố, 1949) → Nam Ngư (phố, 1951)
Nattes en jongs (rue, trước 1898)	+ Jean Dupuis (rue, trước 1898) = Hàng Chiếu (phố, 1945) → Ô Quan Chưởng (phố, 1949 không có Jean Dupuis) → Ô Quan Chưởng (phố, 1951)
Nationale (boulevard, 1909)	→ Van Vollenhoven (rue, 1919) → Destenay (rue, 1928) → Nhâm Diên (phố, 1945) → Chu Văn An (đại lộ, 1949) → Chu Văn An (đại lộ, 1951 nay là phố cùng tên)
Négrier (place, trước 1900)	→ Đông Kinh Nghĩa Thục (vườn, 1949) → Nhà ga tàu điện Bờ Hồ trước đây, khu vực đài phun nước Bờ Hồ ngày nay
Neyret (rue, trước 1900)	→ Cửa Nam (phố, 1945) → Cửa Nam (phố, 1949) → Cửa Nam (phố, 1951)
Neyret (place, trước 1900)	→ Bách Việt (vườn hoa, 1949)

Nghĩa Lợi (cité, thời Pháp thuộc)	→ Văn Lang (khu, 1945) → Thi Sách (ngõ, 1949) → Thi Sách (ngõ, 1951)
Ngõ Huyện (ruelle, thời Pháp thuộc)	→ Ngõ Huyện (phố, 1945) → Ngõ Huyện (phố, 1949) → Ngõ Huyện (phố, 1951)
Ngõ Ngang (ruelle, thời Pháp thuộc)	→ Hàng Chai (phố, 1945) → Hàng Chai (phố, 1949) → Hàng Chai (phố, 1951)
Nguyễn Công Trứ (rue, 1931)	+ Voie N° 96 = Phó Đức Chính (phố, 1945) + Deux Soeurs (rue, 1928) = Trúc Bạch (phố, 1951) → Trúc Bạch (1 đoạn phố hiện nay)
Nguyễn Công Trứ (rue, 1945)	= Châu Long (phố, 1949) + Voie N° 96 = Châu Long (phố, 1951)
Nguyễn Công Trứ (rue, 1949)	→ Yên Thế (phố, 1951)
Nguyễn Du (rue, 1928)	+ Tirant (rue, 1928) = Gia Ngư (phố, 1945) → Gia Ngư (phố, 1949) → Gia Ngư (phố, 1951)
Nguyễn Du (rue, 1943)	= Riquier (rue, 1919) + Charles Halais (rue, 1928) + Dufourcq (rue, 1929)
Nguyễn Duy Hàn (rue, 1928)	+ Lataste (rue, 1928) = Hàng Giấy (phố, 1949) → Hàng Giấy (phố, 1951)
Nguyễn Khuyến (rue, 1928)	→ Lương Ngọc Quyến (phố, 1945) + Galet (rue, thời Pháp thuộc) = Lương Ngọc Quyến (phố, 1949) → Lương Ngọc Quyến (phố, 1951)
Nguyễn Trãi (rue, 1928)	→ Phan Thanh (phố, 1945) → Nguyễn Trãi (phố, 1949) → Nguyễn Trãi (phố, 1951) → Nguyễn Văn Tố (phố, tên đang dùng hiện nay)

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Nguyễn Trọng Hiệp (Nguyễn Trọng Hợp, rue, thời Pháp thuộc)	→ Trần Cao Văn (phố, 1945) → Cao Bá Nha (phố, 1949) → Cao Bá Nha (phố, 1951) → Cầu Gỗ (ngõ, tên đang dùng hiện nay)
Nhân Bắc (rue, thời Pháp thuộc)	Khu vực giữa các phố Doudart de Lagrée (phố Hàm Long), phố Pavie (phố Hàn Thuyên) và phố Đồng Khánh (phố Hàng Bài) thời kỳ 1913
Nouvelle (rue, trước 1920)	→ Gaston Hillaret (rue, 1920) → Capitel Bruisseau (rue, thời Pháp thuộc) → Bùi Bá Kỳ (phố, 1945) → Kỳ Đồng (phố, 1949) → Kỳ Đồng (phố, 1951) → Tống Duy Tân (tên phố đang dùng hiện nay)
Nouvelle (digue, thời Pháp thuộc)	→ Lương Yên (đường, 1949) → Nguyễn Khoái (đường, 1951)
Nội Miếu (ruelle, thời Pháp thuộc)	→ Nội Miếu (ngõ, 1949) → Nội Miếu (ngõ, 1951)
O	
O'dendhal (rue, trước 1928)	→ Lê Ninh (phố, 1945) → Nguyễn Đình Liệt (phố, 1949) → Đình Liệt (phố, 1951)
Olivier (rue, thời Pháp thuộc)	→ Hạnh Phúc (phố, 1945) → Tôn Thất Đàm (phố, 1949) → Tôn Thất Đàm (phố, 1951)
Oignons (ruelle, thời Pháp thuộc)	→ Hàng Hành (ngõ, 1945) → Hàng Hành (ngõ, 1949) → Hàng Hành (ngõ, 1951)
P	
Palais de Justice (rue, trước 1919)	→ Lambert (rue, 1919) → Tôn Đản (phố, 1945) → Dã Tượng (phố, 1949) → Dã Tượng (phố, 1951)
Palais de Justice (rue, sau 1919)	→ Paul Simoni (rue, 1933) → Lê Chân (phố, 1945) → Lê Chân (phố, 1949) → Lê Chân (phố, 1951) → phố 19-12 (tên đang dùng hiện nay)

Paniers (rue, trước 1890)	→ Hàng Bồ (phố, 1945) → Hàng Bồ (phố, 1949) → Hàng Bồ (phố, 1951)
Papier (rue, trước 1890)	→ Hàng Giấy (phố, 1945) → Hàng Giấy (phố, 1949) → Hàng Giấy (phố, 1951)
Papier (route du village, trước 1895)	+ Thủ Khoa Huân (phố, 1945) = Thụy Khuê (phố, 1949) → Thụy Khuê (đường, 1951 nay là phố cùng tên)
Parreau (digue, 1890)	→ Hoàng Hoa Thám (phố, 1945) → Hoàng Hoa Thám (đường, 1949) → Hoàng Hoa Thám (đường, 1951 nay là phố cùng tên)
Pasteur (square, thời Pháp thuộc)	→ Bát-tơ (vườn hoa, 1949)
Paul Bert (rue, trước 1891)	→ Tràng Tiền – Hàng Khay (phố, 1945)
Paul Bert (đoạn thuộc phố Tràng Tiền cũ)	+ Đồn Thủy (phố, 1945) → France (phố Pháp Quốc, 1949) → France (phố Pháp Quốc, 1951) → Tràng Tiền (phố, tên đang dùng hiện nay)
Paul Bert (đoạn từ ngã tư Đồng Khánh - phố Hàng Bài đến Ty Cảnh binh - Công an quận Hoàn Kiếm)	→ Great Britain Street (phố Anh Quốc, 1949) → Great Britain Street (phố Anh Quốc, 1951) → Hàng Khay (phố, tên đang dùng hiện nay)
Paul Bert (square, trước 1891)	→ Chí Linh (vườn hoa, 1949) → Indira Gandhi (vườn hoa, trước 1988) → Lý Thái Tổ (vườn hoa, 2004)
Paul Doumer (avenue, 1933)	→ Nhân Quyền (phố, 1945) → Nguyễn Hàm (phố, 1949) → Nguyễn Lâm (đại lộ, 1951) → Bắc Sơn (đường thẳng trước lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh)
Paul Doumer (digue, 1932)	→ Yên Phụ (route, 1933) → Yên Phụ (đê, 1945) → Yên Phụ (đê, 1949) → Yên Phụ (đường, 1951)

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Paul Simoni (rue, 28-2-1933, trước đó là Voie N° 107 ^{hư})	Huân Quyền (phố, 1945) → Nguyễn Quyền (phố, 1949) → Nguyễn Quyền (phố, 1951)
Paul Simoni (rue, 23-12-1933, trước đó là rue Palais de Justice)	→ Lê Chân (phố, 1945) → Lê Chân (phố, 1949) → Lê Chân (phố, 1951) → phố 19-12 (tên đang dùng hiện nay)
Paul Simoni (square, 1933)	→ Tây Sơn (vườn hoa, 1949)
Pavie (rue, trước 1913)	→ Hàn Thuyên (phố, 1945) → Hàn Thuyên (phố, 1949) → Hàn Thuyên (phố, 1951)
Pavie (impasse, trước 1913)	→ Hàn Thuyên (ngõ, 1949) → Hàn Thuyên (ngõ, 1951)
Pavillons Noirs (rue, trước 1931)	→ Đào Duy Từ (rue, 1931) → Mã Mây (phố, 1945) → Mã Mây (phố, 1949) → Mã Mây (phố, 1951)
Pépinrière (rue, trước 1900)	→ Thủ Khoa Huân (phố, 1945) + Papier (route du village, trước 1895) = Thụy Khuê (phố, 1949) → Thụy Khuê (đường, 1951 nay là phố cùng tên)
Père Dronet (ruelle, thời Pháp thuộc)	→ Thọ Xương (ngõ, 1949) → Thọ Xương (ngõ, 1951)
Père Lecornu (ruelle, thời Pháp thuộc)	→ Âu Triệu (phố, 1949) → Âu Triệu (phố, 1951)
Pescadores (rue, 1930)	→ Phù Đổng (phố, 1945) → Phù Đổng Thiên Vương (phố, 1949) → Phù Đổng Thiên Vương (phố, 1951)
Phạm Phú Thứ (rue, 1928)	→ Phạm Phú Thứ (phố, 1945) → Hội Tin Lành (phố, 1949). Năm 1951 chia làm 2 phố: - đoạn từ Henri d'Orléans (phố Phùng Hưng) đến Nguyễn Trãi (phố Nguyễn Văn Tố): Phạm Phú Thứ (nay là phố Nguyễn Quang Bích) - đoạn từ Nguyễn Trãi (phố Nguyễn Văn Tố trở xuống): Hội Tin Lành (tên phố đang dùng hiện nay)

Phát Lộc (ruelle, thời Pháp thuộc)	→ Phát Lộc (ngõ, 1945) → Phát Lộc (ngõ, 1949) → Phát Lộc (ngõ, 1951)
Philharmonique (rue, trước 1900)	→ Hồ Hoàn Kiếm (phố, 1949) → Hồ Hoàn Kiếm (phố, 1951)
Phủ Doãn (impasse, thời Pháp thuộc)	→ Phủ Doãn (ngõ, 1951)
Phúc Kiến (rue, thời Pháp thuộc)	→ Phúc Kiến (phố, 1945) → Lãn Ông (phố, 1949) → Lãn Ông (phố, 1951)
Phương Viên (rue, thời Pháp thuộc)	→ thuộc khu vực đại lộ Armand Rousseau (phố Lò Đúc) ở Hà Nội thời kỳ 1913
Pierre Jabouille (rue, 1937)	→ Hồ Xuân Hương (phố, 1945) → Hồ Xuân Hương (phố, 1949) → Hồ Xuân Hương (phố, 1951)
Pierre Pasquier (avenue, 1934)	→ Hoàng Diệu (phố, 1945) → Hoàng Diệu (đại lộ, 1949) → Hoàng Diệu (đại lộ, 1951 nay là phố cùng tên)
Pipes (rue, trước 1890)	→ Hàng Điều (phố, 1945) → Hàng Điều (phố, 1949) → Hàng Điều (phố, 1951)
Poissonnerie (rue, trước 1890)	→ Hàng Cá (phố, 1945) → Hàng Cá (phố, 1949) → Hàng Cá (phố, 1951)
Pont en Bois (rue, trước 1890)	→ Cầu Gỗ (phố, 1945) → Cầu Gỗ (phố, 1949) → Cầu Gỗ (phố, 1951)
Porte Sud (rue, trước 1890)	→ Citadelle intérieure (phố Trong Thành, 1949) → Citadelle intérieure (phố Trong Thành, 1951) → Nguyễn Tri Phương (phố, tên đang dùng hiện nay)
Pottier (rue, trước 1890)	→ Bảo Khánh (phố, 1945) → Bảo Khánh (phố, 1949) → Bảo Khánh (phố, 1951)
Prison (rue, trước 1898)	→ Hoả Lò (phố, 1945) → Hoả Lò (phố, 1949) → Hoả Lò (phố, 1951)

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Prison (square, trước 1898)	→ Mê Linh (vườn hoa, 1949)
Puginier (avenue, trước 1909)	→ Dân Chủ Cộng Hoà (phố, 1945) → Nguyễn Tri Phương (đại lộ, 1949) → Nguyễn Tri Phương (đại lộ, 1951) → Điện Biên Phủ (phố, tên đang dùng hiện nay)
Puginier (square, sau 1909)	→ Bãi Sậy (vườn hoa, 1949)
Puginier(rond point, sau 1909)	→ Hồng Bàng (vườn hoa, 1949)
R	
Radeaux (rue, trước 1890)	→ Hulet (rue, 1920) → Hàng Bè (phố, 1945) → Hàng Bè (phố, 1949) → Hàng Bè (phố, 1951)
Raffenel (rue, 1919)	→ Phan Huy Chú (phố, 1945) → Phan Huy Chú (phố, 1949) → Phan Huy Chú (phố, 1951)
Reinach (rue, 1923)	+ Voie N°76 = Trần Quốc Toàn (phố, 1945) → Trần Quốc Toàn (phố, 1949) → Trần Quốc Toàn (phố, 1951)
René Daurelle (rue, trước 1937)	→ Trần Phú (phố, 1945) → Nguyễn Bình Khiêm (phố, 1949) → Nguyễn Bình Khiêm (phố, 1951)
René Robin (square, thời Pháp thuộc)	→ Chi Lăng (vườn hoa, 1949)
République (avenue, 1909)	→ Honoré Tissot (avenue, 1941) → Dân Quyền (đại lộ, 1945) → Dân Quyền (đại lộ, 1949) → Dân Quyền (đại lộ, 1951) → Hoàng Văn Thụ (phố, tên đang dùng hiện nay)
Résident Miribel (rue, trước 1934)	→ Trần Nhân Tôn (phố, 1945) → Trần Nhân Tôn (phố, 1949) → Trần Nhân Tôn (phố, 1951) → Trần Nhân Tông (phố, tên đang dùng hiện nay)

Résident Morel (rue, 1931)	→ Bà Huyện Thanh Quan (phố, 1949) → Bà Huyện Thanh Quan (phố, 1951)
Révérony (rue, thời Pháp thuộc)	+ Voie N° 147 + Voie N° 148 + Voie N° 162 = Tăng Bạt Hổ (phố, 1945) → Tăng Bạt Hổ (phố, 1949) → Tăng Bạt Hổ (phố, 1951)
Rheinart (quai, trước 1933, một đoạn)	→ Trần Khánh Dư (phố, 1945) → Trần Khánh Dư (đại lộ, 1949) → Trần Khánh Dư (đại lộ, 1951) → Trần Khánh Dư (đường, tên đang dùng hiện nay)
Rheinart (quai, trước 1933, một đoạn)	→ Nguyễn Khoái (đường, 1945) → Nguyễn Khoái (đường, 1949)
Rialan (boulevard, thời Pháp thuộc)	→ Trạng Trình (phố, 1945) → Phan Chu Trinh (đại lộ, 1949) → Phan Chu Trinh (đại lộ, 1951 nay là phố cùng tên)
Richaud (rue, trước 1927)	→ Quán Sứ (phố, 1945) → Quán Sứ (phố, 1949) → Quán Sứ (phố, 1951)
Riquier (rue, 1919)	+ Dufourcq (rue, 1929) + Charles Halais (rue, 1928) = Nguyễn Du (rue, 1943) → Nguyễn Du (phố, 1945) → Nguyễn Du (phố, 1949) → Nguyễn Du (phố, 1951)
Riz (rue, trước 1890)	→ Chợ Đồng Xuân (phố, 1945) → Đồng Xuân (phố, 1949) → Đồng Xuân (phố, 1951)
Rodier (rue, 1928)	→ Thi Sách (phố, 1945) → Triệu Quốc Đạt (phố, 1949) → Triệu Quốc Đạt (phố, 1951)
Rollandes (boulevard, 1892)	→ Hai Bà Trưng (đại lộ, 1945) → Hai Bà Trưng (đại lộ, 1949) → Hai Bà Trưng (đại lộ, 1951 nay là phố cùng tên)
Rondony (rue, 1919)	→ Bình Chuẩn (phố, 1945) + Seaux (rue, thời Pháp thuộc) = Hàng Thùng (phố, 1949) → Hàng Thùng (phố, 1951)

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

S	
Sấm Công (ruelle, 1933)	→ Ngô Văn Sở (phố, 1945) → Tôn Thất Yên (phố, 1951) → Đào Duy Từ (ngõ, tên đang dùng hiện nay)
Sapèquerie (rue, 1894)	→ Phạm Sư Mạnh (phố, 1945) → Phạm Sư Mạnh (phố, 1949) → Phạm Sư Mạnh (phố, 1951)
Sapèquerie (ruelle, 1894)	→ Tràng Tiễn (ngõ, 1949) → Tràng Tiễn (ngõ, 1951)
Saumure (rue, trước 1890)	→ Hàng Mắm (phố, 1945) → Hàng Mắm (phố, 1949) → Hàng Mắm (phố, 1951)
Seaux (rue, thời Pháp thuộc)	+ Rondony (rue, thời Pháp thuộc) = Hàng Thùng (phố, 1949) → Hàng Thùng (phố, 1951)
Sel (rue, trước 1890)	→ Hàng Muối (phố, 1945) → Hàng Muối (phố, 1949) → Hàng Muối (phố, 1951)
Sergent Giac (rue, 1930)	→ Duy Tân (ngõ, 1945) → Duy Tân (ngõ, 1949) → Duy Tân (ngõ, 1951) → Huế (ngõ, tên đang dùng hiện nay)
Sergent Larrivé (rue, 1920)	→ Y-éc-sanh (phố, 1945) → Nguyễn Công Trứ (phố, 1949) → Nguyễn Công Trứ (phố, 1951)
Sinh Từ (route, 1888)	→ Bùi Huy Bích (phố, 1945) → Sinh Từ (phố, 1949) → Sinh Từ (phố, 1951) → Nguyễn Khuyến (phố, tên đang dùng hiện nay)
Soeur Antoine (rue, 1928, một đoạn)	→ Hàng Bột (phố, 1945) → Hàng Bột (phố, 1949) → Hàng Bột (phố, 1951) → Tôn Đức Thắng (1 đoạn phố hiện nay)
Soeur Antoine (rue, 1928, một đoạn)	→ Sơ-ăng-toan (phố, 1949) → Sơ-ăng-toan (phố, 1951) → Tôn Đức Thắng (1 đoạn phố hiện nay)

Soeurs Trưng hay còn gọi là Deux Soeurs (rue, 1928)	+ Voie N° 96 + Voie N° 98 = Trúc Bạch (phố, 1945) + Voie N° 95 = Trúc Bạch (phố, 1949) → Trúc Bạch (phố, 1951)
Soie (rue, trước 1890)	→ Hàng Đào (phố, 1945) → Hàng Đào (phố, 1949) → Hàng Đào (phố, 1951)
Sơn Tây (route, trước 1888)	→ Souvenir (route, 1920) → Sơn Tây (đường, 1945) → Sơn Tây (phố, 1949) → Sơn Tây (phố, 1951)
Sông Tô Lịch (rue, 1901)	→ Hàng Lược – Sông Tô Lịch (phố, 1945) → Sông Tô Lịch (phố, 1949) → Hàng Lược (phố, 1951)
Souvenir (route, 1920)	→ Sơn Tây (đường, 1945) → Sơn Tây (phố, 1949) → Sơn Tây (phố, 1951)
Stores (rue, trước 1890)	→ Hàng Mạnh (phố, 1945) → Hàng Mạnh (phố, 1949) → Hàng Mạnh (phố, 1951)
Sucre (rue, trước 1890)	→ Hàng Đường (phố, 1945) → Hàng Đường (phố, 1949) → Hàng Đường (phố, 1951)
T	
Takou (rue, thời Pháp thuộc)	→ Hàng Cót (phố, 1945) → Hàng Cót (phố, 1949) → Hàng Cót (phố, 1951)
Tạm Thương (ruelle, thời Pháp thuộc)	→ Tạm Thương (ngõ, 1945) → Tạm Thương (ngõ, 1949) → Tạm Thương (ngõ, 1951)
Tân Hưng (cité, thời Pháp thuộc)	→ Túc Mác (khu, 1945) → Túc Mác (phố, 1949) → Túc Mác (ngõ, 1951)
Tasses (rue, trước 1890, đoạn từ Hàng Mã đến Hàng Vải)	→ Hàng Đồng (phố, 1945) → Hàng Đồng (phố, 1949) → Hàng Đồng (phố, 1951)
Tasses (rue, trước 1890, đoạn từ Hàng Vải trở xuống)	→ Hàng Bát Sứ (phố, 1945) → Hàng Bát Sứ (phố, 1949) → Hàng Bát Sứ (phố, 1951) → Bát Sứ (phố, tên đang dùng hiện nay)

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Teinturiers (rue, trước 1927, đoạn giữa phố Gambetta - phố Trần Hưng Đạo và phố Richaud - phố Quán Sứ)	→ Jean Soler (rue, 1927)
Teinturiers (rue, trước 1927)	+ Jean Soler (rue, 1927) = Hàng Bông Thợ Ruộm (phố, 1945) → Hàng Bông Thợ Ruộm (phố, 1949) → Hàng Bông Thợ Ruộm (phố, 1951) → Thợ Nhuộm (phố, tên đang dùng hiện nay)
Thanh Hà (rue, thời Pháp thuộc)	→ Thanh Hà (phố, 1949) → Thanh Hà (phố, 1951)
Thanh Hà (ruelle, thời Pháp thuộc)	→ Thanh Hà (ngõ, 1949) → Thanh Hà (ngõ, 1951)
Thanh Miến (ruelle, thời Pháp thuộc)	→ Thanh Miến (ngõ, 1945) → Thanh Miến (ngõ, 1949) → Thanh Miến (ngõ, 1951)
Thanh Oai (rue, trước 1919)	→ Cao Đắc Minh (rue, 1919) → Sĩ Nhiếp (phố, 1945) → Văn Miếu (phố, 1949) → Văn Miếu (phố, 1951)
Thanh Oai (route, trước 1888)	= phố Văn Miếu + một đoạn phố Quốc Tử Giám + một đoạn phố Tôn Đức Thắng
Thịnh Đức (cité, thời Pháp thuộc)	→ Kiếp Bạc (khu, 1945) → Vạn Kiếp (phố, 1949) → Vạn Kiếp (ngõ, 1951)
Thuận Lợi (cité, thời Pháp thuộc)	→ Nghĩa Lộ (khu, 1945) → Hàm Long I (ngõ, 1951)
Tiền Quân Thành (rue, 1928)	→ Sứ Nhu (phố, 1945) → Nguyễn Khắc Nhu (phố, 1949) → Nguyễn Khắc Nhu (phố, 1951)
Tiên Tsin (rue, trước 1909)	→ Broni (rue, 1919) → Tiên Tsin (rue, 1920) → Tiên Tsin (rue, 1933) → Hàng Gà (phố, 1945) → Hàng Gà (phố, 1949) → Hàng Gà (phố, 1951)

Tirant (rue, 1928)	+ Nguyễn Du (rue, 1928) = Gia Ngư (phố, 1945) → Gia Ngư (phố, 1949) → Gia Ngư (phố, 1951)
Tổ Tịch (ruelle, trước thời Pháp thuộc)	→ Tổ Tịch (phố, 1945) → Tổ Tịch (phố, 1949) → Tổ Tịch (phố, 1951)
Tràng An (cité, thời Pháp thuộc)	→ Nam Nghĩa (khu, 1945) → Tràng An (ngõ, 1949) → Tràng An (ngõ, 1951)
Tràng Khánh (cité, thời Pháp thuộc)	→ Cổ Am (khu, 1945) → Lê Văn Hưu III (ngõ, 1949) → Lê Văn Hưu III (ngõ, 1951)
Tràng Tiên (phố, trước thời Pháp thuộc)	→ France (rue, 1933) → Đồn Thủy (phố, 1945) + Paul Bert (rue, trước 1891) = France (phố Pháp Quốc, 1949) → France (phố Pháp Quốc, 1951) → Tràng Tiên (phố, tên đang dùng hiện nay)
Trạng Trình (rue, 1931)	→ Đoàn Như Hải (phố, 1949) → Đoàn Như Hải (ngõ, 1951)
Trạng Trình (rue, sau 1931)	+ Baronna (rue, 1930) = Nguyễn Huy Tụ (phố, 1945) → Liên Trì (phố, 1949) → Liên Trì (phố, 1951)
Trạng Trình (rue, 1945)	→ Phan Chu Trinh (đại lộ, 1949) → Phan Chu Trinh (đại lộ, 1951 nay là phố cùng tên)
Trần Hưng Đạo (rue, 1931)	→ Ngũ Xã (đường, 1945) → Ngũ Xã (đường, 1949) → Ngũ Xã (phố, 1951)
Trippenbach (rue, 1929)	→ Thủ Khoa Trục (phố, 1945) → Nguyễn Trung Trục (phố, 1949) → Nguyễn Trung Trục (phố, 1951)
Tubercules (rue, trước 1890)	→ Hàng Khoai (phố, 1945) → Hàng Khoai (phố, 1949) → Hàng Khoai (phố, 1951)
Tubercules (ruelle, trước 1890)	→ Hàng Khoai I (ngõ, 1945) → Hàng Khoai I (ngõ, 1949) → Hàng Khoai (ngõ, 1951)
Tubercules (ruelle, trước 1890)	→ Hàng Khoai II (ngõ, 1945) → Hàng Khoai II (ngõ, 1949) → Hàng Khoai II (ngõ, 1951)

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Tuyên Quang (rue, thời Pháp thuộc)	→ Cao Bá Quát (phố, 1945) → Cao Bá Quát (phố, 1949) → Cao Bá Quát (phố, 1951)
U	
Université (square, thời Pháp thuộc)	→ Tao Đàn (vườn hoa, 1949)
V	
Văn Tân (cité, thời Pháp thuộc)	→ Yên Thế (ngõ, 1945) → Yên Thế (ngõ, 1951)
Van Vollenhoven (rue, 1919)	→ Destenay (rue, 1928) → Nhâm Diên (phố, 1945) → Chu Văn An (đại lộ, 1949) → Chu Văn An (đại lộ, 1951 nay là phố cùng tên)
Van Vollenhoven (rue prolongée, sau 1919)	→ Soeur Antoine (rue, 1928) → Hàng Bọt (phố, 1945) → Tôn Đức Thắng (phố, tên đang dùng hiện nay)
Vases (rue, trước 1890)	→ Hàng Chĩnh (phố, 1945) → Hàng Chĩnh (phố, 1949) → Hàng Chĩnh (phố, 1951)
Verdun (impasse, thời Pháp thuộc)	→ Phan Huy Chú (ngõ, 1949) → Phan Huy Chú (ngõ, 1951)
Vermicelles (rue, trước 1890)	→ Hàng Bún (phố, 1945) → Hàng Bún (phố, 1949) → Hàng Bún (phố, 1951)
Vermicelles (ruelle, trước 1890)	→ Hàng Bún (ngõ, 1945) → Hàng Bún (ngõ, 1949) → Hàng Bún (ngõ, 1951)
Vers Blancs (rue, trước 1890)	→ Hàng Rươi (phố, 1945) → Hàng Rươi (phố, 1949) → Hàng Rươi (phố, 1951)
Victor Hugo (rue, 1902)	→ Pierre Pasquier (avenue, 1934) → Hoàng Diệu (phố, 1945) → Hoàng Diệu (đại lộ, 1949) → Hoàng Diệu (đại lộ, 1951 nay là phố cùng tên)
Victor Hugo (rue, sau 1902)	→ F. Schneider (rue, 1928) → Nguyễn Biểu (phố, 1945) → Nguyễn Biểu (phố, 1949) → Nguyễn Biểu (phố, 1951)

Vieilles des Tasses (rue, trước 1890)	→ Hàng Bát Đàn (phố, 1945) → Hàng Bát Đàn (phố, 1949) → Bát Đàn (phố, 1951)
Vieux Marché (rue, trước 1890)	→ Hàng Phèn (phố, 1945) → Hàng Phèn (phố, 1949) → Hàng Phèn (phố, 1951)
Vĩnh Thái (cité, thời Pháp thuộc)	→ Văn Thân (khu, 1945) → Hàm Long III (ngõ, 1949) → Hàm Long III (ngõ, 1951)
Vĩnh Xương (cité, thời Pháp thuộc)	→ Văn Lang (khu, 1945) → Thi Sách (ngõ, 1951)
Voie N° 1 (thời Pháp thuộc)	→ Hautefeuille (rue, 1941) → Đặng Đình Nhân (phố, 1945) → Đỗ Hành (phố, 1949) → Đỗ Hành (phố, 1951)
Voie N° 2 (thời Pháp thuộc)	→ Hà Văn Ký (rue, 1941) → Đỗ Quyên (phố, 1945) → Vũ Lợi (phố, 1949) → Vũ Lợi (phố, 1951)
Voie N° 4 (thời Pháp thuộc)	→ được chuyển thành tài sản tư nhân của Thành phố Hà Nội theo Nghị định số 5025 ngày 17-12-1928 của Thống sứ Bắc Kỳ
Voie N° 9 (thời Pháp thuộc)	→ Trang Trình (rue, 1931) → Đoàn Như Hải (phố, 1949) → Đoàn Như Hải (ngõ, 1951)
Voie N° 10 (thời Pháp thuộc)	→ Général Beylié (rue, 1928) → Lê Quý Đôn (phố, 1945) → Hàng Chuối (phố, 1949) → Hàng Chuối (phố, 1951)
Voie N° 16 (thời Pháp thuộc)	→ Etienne Géraud (rue, 1928) → Tạ Hiện (phố, 1945) → Tạ Hiện (phố, 1949) → Tạ Hiện (phố, 1951)
Voie N° 18 (thời Pháp thuộc)	→ Galet (rue, 1928) → Lương Ngọc Quyến (phố, 1945) + Galet (rue, thời Pháp thuộc) = Lương Ngọc Quyến (phố, 1951)
Voie N° 19 (rue Balances prolongée)	→ Lê Lợi (rue, 1928) → Lê Quý Đôn (rue, 1931) → Lê Quý Đôn (rue, 1933) → Lê Quý Đôn (phố, 1945) → Lương Văn Can (phố, 1949) → Lương Văn Can (phố, 1951)

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Voie N° 20 (đoạn giữa phố Radeaux - phố Hàng Bè và đê Clémenceau - phố Trần Quang Khải)	→ Hillaret (rue, 1928) → Bạch Thái Bưởi (ngõ, 1945) → Bạch Thái Bưởi (phố, 1949) → Bạch Thái Bưởi (phố, 1951) → Nguyễn Hữu Huân (ngõ, tên đang dùng hiện nay)
Voie N° 20 (đoạn nối đường 19 với phố O'Dendhal - phố Đinh Liệt)	→ Nguyễn Du (rue, 1928) + Tirant (rue, thời Pháp thuộc) = Gia Ngư (phố, 1945) → Gia Ngư (phố, 1949) → Gia Ngư (phố, 1951)
Voie N° 23 (thời Pháp thuộc)	→ Lataste (rue, 1928) + Lepage (rue, 1928) = Tân Thuật (phố, 1945) + Nguyễn Duy Hàn (rue, 1928) = Hàng Giấy (phố, 1949 không có Lepage) → Hàng Giấy (phố, 1951)
Voie N° 23 kéo dài (đoạn giữa phố Jean Dupuis - phố Hàng Chiếu và phố Tubercules - phố Hàng Khoai)	→ Lepage (rue, 1928) → Tân Thuật (phố, 1945) → Nguyễn Thiện Thuật (phố, 1951)
Voie N° 23 kéo dài (đoạn giữa phố Jean Dupuis - phố Hàng Chiếu và phố Changeurs - phố Hàng Bạc)	→ Nguyễn Duy Hàn (rue, 1928) + Lataste (rue, 1928) = Hàng Giấy (phố, 1949) → Hàng Giấy (phố, 1951)
Voie N° 27 (thời Pháp thuộc)	→ Leblanc (rue, 1928) → Henri d'Orléans (rue, 1933) → Leblanc (rue, 1935) → Gầm Cầu (phố, 1949) → Gầm Cầu (phố, 1951)
Voie N° 32 (thời Pháp thuộc)	→ Bourret (rue, 1919) → Ngõ Trăm (phố, 1945) → Ngõ Trăm (phố, 1949) → Ngõ Trăm (phố, 1951)
Voie N° 33 (thời Pháp thuộc)	→ Deydier (rue, 1931) → Lê Hữu Cảnh (phố, 1945) → Bùi Viện (phố, 1949) → Bùi Viện (phố, 1951) → Phan Huy Ích (phố, tên đang dùng hiện nay)
Voie N° 34 (thời Pháp thuộc, 1 đoạn)	→ Jambert (rue, 1919) → Nguyễn Trường Tộ (phố, 1945) → Nguyễn Trường Tộ (phố, 1949) → Nguyễn Trường Tộ (phố, 1951)

Voie N° 34 (thời Pháp thuộc, 1 đoạn)	→ Hoà Giải (phố, 1945) → Hoè Nhai (phố, 1949) → Hoè Nhai (phố, 1951) → Hoè Nhai (1 đoạn phố hiện nay)
Voie N° 36 (thời Pháp thuộc)	→ Bourrin (rue, 1919) → Yên Ninh (phố, 1945) → Yên Ninh (phố, 1949) + Galet (rue, thời Pháp thuộc) = Yên Ninh (phố, 1951)
Voie N° 44 (thời Pháp thuộc)	→ Colomb (rue, 1909) → Phan Bội Châu (phố, 1945) → Phan Bội Châu (phố, 1949) → Phan Bội Châu (phố, 1951)
Voie N° 52 (thời Pháp thuộc)	→ Yên Thành (rue, 1909) → Đỗ Hữu Vị (rue, 1919) → Cửa Bắc (phố, 1945) → Cửa Bắc (phố, 1949) → Cửa Bắc (phố, 1951)
Voie N° 53 (thời Pháp thuộc)	→ Victor Hugo (rue, 1902) → Pierre Pasquier (avenue, 1934) → Hoàng Diệu (phố, 1945) → Hoàng Diệu (đại lộ, 1951) → Hoàng Diệu (đại lộ, 1951 nay là phố cùng tên)
Voie N° 54 (thời Pháp thuộc)	→ Nationale (rue, 1909) → Van Vollenhoven (rue, 1919) → Destenay (rue, 1928) → Nhâm Diên (phố, 1945) → Chu Văn An (đại lộ, 1951 nay là phố cùng tên)
Voie N° 55 (thời Pháp thuộc)	→ Brière de l'Isle (rue, 1909) → Hùng Vương (phố, 1945) → Hùng Vương (đại lộ, 1949) → Hùng Vương (đại lộ, 1951 nay là phố cùng tên)
Voie N° 59 (rue Borgnis Desbordes prolongée)	→ Duvillier (phố, 1909) → Phan Chu Trinh (phố, 1945) → Nguyễn Thái Học (phố, 1949) → Nguyễn Thái Học (đại lộ, 1951 nay là phố cùng tên)
Voie N° 60 (thời Pháp thuộc)	→ Giovaninelli (boulevard, 1909) → Tôn Trung Sơn (phố, 1945) → Tôn Thất Thuyết (đại lộ, 1949) → Tôn Thất Thuyết (đại lộ, 1951) → Lê Hồng Phong (phố, tên đang dùng hiện nay)

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Voie N° 61 (thời Pháp thuộc)	→ đường này nằm trong khu vực Thành cổ, bị xoá bỏ năm 1904 trong dịp điều chỉnh lại đường vào vườn Bách thảo
Voie N° 62 (thời Pháp thuộc)	→ République (avenue, 1909) → Honoré Tissot (avenue, 1941) → Dân Quyền (đại lộ, 1945) → Dân Quyền (đại lộ, 1949) → Dân Quyền (đại lộ, 1951) → Hoàng Văn Thụ (phố, tên đang dùng hiện nay)
Voie N° 64 (thời Pháp thuộc)	→ Feitshmel (rue, 1909) → Nhà Hoả (phố, 1945) → Nhà Hoả (phố, 1949) → Nhà Hoả (phố, 1951)
Voie N° 68 (thời Pháp thuộc)	→ Riquier (rue, 1919) + Dufourcq (rue, 1929) + Charles Halais (rue, 1928) = Nguyễn Du (rue, 1943) → Nguyễn Du (phố, 1945) → Nguyễn Du (phố, 1949) → Nguyễn Du (phố, 1951)
Voie N° 70 (thời Pháp thuộc)	→ Goussard (rue, 1919) → Thái Phiên (phố, 1945) → Chợ Đuối (phố, 1949) → Chợ Đuối (phố, 1951) → Tuệ Tĩnh (phố, tên đang dùng hiện nay)
Voie N° 71 (thời Pháp thuộc)	→ Charles Wiélé (rue, 1919) → Tô Hiệu (phố, 1945) → Tô Hiến Thành (phố, 1949) → Tô Hiến Thành (phố, 1951)
Voie N° 74 (boulevard Jauréguiberry prolongé)	+ Jauréguiberry (boulevard, 1909) = Quang Trung (phố, 1945) → Quang Trung (đại lộ, 1949) → Quang Trung (đại lộ, 1951 nay là phố cùng tên)
Voie N° 75 (thời Pháp thuộc)	→ bị xoá bỏ năm 1907 để xây dựng Nhà Thương chính Đông Dương
Voie N° 76 (thời Pháp thuộc)	+ Reinach (rue, 1923) = Trần Quốc Toàn (phố, 1945) → Trần Quốc Toàn (phố, 1949) → Trần Quốc Toàn (phố, 1951)

Voie N° 77 (thời Pháp thuộc)	→ André Robert (rue, 1928) → Trương Hán Siêu (phố, 1949) → Trương Hán Siêu (phố, 1951)
Voie N° 78 (thời Pháp thuộc)	→ Chanceaulme (rue, 1919) → Galet (rue, 1933) → Bùi Quang Trinh (phố, 1945) → Triệu Việt Vương (phố, 1949) → Triệu Việt Vương (phố, 1951)
Voie N° 79 (thời Pháp thuộc)	→ Charron (rue, 1919) → Lê Bình (phố, 1945) → Mai Hắc Đế (phố, 1949) → Mai Hắc Đế (phố, 1951)
Voie N° 80 (thời Pháp thuộc)	→ Duvigneau (rue, 1919) → Minh Khai (phố, 1945) → Huyền Trân Công Chúa (phố, 1949) → Huyền Trân Công Chúa (phố, 1951) → Bùi Thị Xuân (phố, tên đang dùng hiện nay)
Voie N° 81 (thời Pháp thuộc)	→ Jouhaux (rue, 1919) → Khuông Việt (phố, 1945) → Ngô Văn Sở (phố, 1949) → Ngô Văn Sở (phố, 1951)
Voie N° 82 (thời Pháp thuộc)	→ Duranton (rue, 1909) → Nguyễn Mậu Kiên (phố, 1945) → Nguyễn Thiệp (phố, 1949) → Nguyễn Thiệp (phố, 1951)
Voie N° 83 (thời Pháp thuộc)	→ Résident Morel (rue, 1931) → Bà Huyện Thanh Quan (phố, 1949) → Bà Huyện Thanh Quan (phố, 1951)
Voie N° 85 (thời Pháp thuộc)	→ Nguyễn Trãi (rue, 1928) → Phan Thanh (phố, 1945) → Nguyễn Trãi (phố, 1949) → Nguyễn Trãi (phố, 1951) → Nguyễn Văn Tố (phố, tên đang dùng hiện nay)
Voie N° 88 (thời Pháp thuộc)	→ Tiên Quân Thành (rue, 1928) → Sứ Nhu (phố, 1945) → Nguyễn Khắc Nhu (phố, 1949) → Nguyễn Khắc Nhu (phố, 1951)

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Voie N° 89 (thời Pháp thuộc)	→ Emile Nolly (rue, 1928) → Phạm Hồng Thái (phố, 1945) → Phạm Hồng Thái (phố, 1949) → Phạm Hồng Thái (phố, 1951)
Voie N° 90 (thời Pháp thuộc)	→ Galet (rue, 1931) → Sấm Công (ruelle, 1933) → Ngô Văn Sở (phố, 1945) → Tôn Thái Yên (phố, 1949) → Đào Duy Từ (ngõ, 1951)
Voie N° 91 (thời Pháp thuộc)	→ Trippenbach (rue, 1929) → Thủ Khoa Trục (phố, 1945) → Nguyễn Trung Trục (phố, 1949) → Nguyễn Trung Trục (phố, 1951)
Voie N° 92 (thời Pháp thuộc)	→ Trần Hưng Đạo (rue, 1931) → Ngũ Xã (phố, 1945) → Ngũ Xã (phố, 1949) → Ngũ Xã (phố, 1951)
Voie N° 93 (thời Pháp thuộc)	→ Antoine Bonnet (rue, 1929) + Nguyễn Công Trứ = Châu Long (phố, 1949) + Voie N° 96 (1 đoạn) = Châu Long (phố, 1951)
Voie N° 94 (thời Pháp thuộc)	+ Dieulefils (rue, 1919) = Đặng Dung (phố, 1951)
Voie N° 95 (thời Pháp thuộc)	+ Voie N° 96 + Voie N° 98 + Deux Soeurs (rue, 1928) = Trúc Bạch (phố, 1949) → Trúc Bạch (1 đoạn phố hiện nay)
Voie N° 96 (thời Pháp thuộc, 1 đoạn)	→ Nguyễn Công Trứ (rue, 1931) → Phó Đức Chính (phố, 1945) + Deux Soeurs (rue, 1928) = Trúc Bạch (phố, 1951) → Trúc Bạch (1 đoạn phố hiện nay)
Voie N° 96 (thời Pháp thuộc, 1 đoạn)	+ Antoine Bonnet (rue, 1928) = Châu Long (phố, 1951)
Voie N° 96 (thời Pháp thuộc, 1 đoạn)	+ Voie N° 98 + Voie N° 95 + Deux Soeurs (rue, 1928) = Trúc Bạch (phố, 1949) → Trúc Bạch (1 đoạn phố hiện nay)

Voie N° 97 (thời Pháp thuộc)	→ Deux Soeurs (rue, 1928) + Voie N° 95 + Voie N° 96 (1 đoạn) = Trúc Bạch (phố, 1951) → Trúc Bạch (1 đoạn phố hiện nay)
Voie N° 98 (thời Pháp thuộc)	+ Voie N° 96 + Deux Soeurs (rue, 1928) = Trúc Bạch (phố, 1945) + Voie N° 95 + Voie N° 97 = Trúc Bạch (phố, tên đang dùng hiện nay)
Voie N° 100 (thời Pháp thuộc)	→ Lyautey (rue, 1928) → Cổ Ngư (đường, 1945) → Cổ Ngư (đường, 1949) → Cổ Ngư (đường, 1951) → Thanh Niên (đường, tên đang dùng hiện nay)
Voie N° 102 (thời Pháp thuộc)	→ Hậu Quân Chắt (rue, 1928) → Mai Xuân Thường (phố, 1945) → Mai Xuân Thường (phố, 1949) → Mai Xuân Thường (phố, 1951)
Voie N° 103 (thời Pháp thuộc)	→ Tân Đà (phố, 1945) → Nguyễn Khắc Hiếu (phố, 1949) → Nguyễn Khắc Hiếu (phố, 1951)
Voie N° 104 (thời Pháp thuộc)	→ Vũ Phạm Hàm (phố, 1951)
Voie N° 105 (thời Pháp thuộc)	→ Nguyễn Đình Chiểu (phố, 1949) + Voie N° 106 = Nguyễn Đình Chiểu (phố, 1951) → Nam Tràng (1 đoạn phố hiện nay)
Voie N° 106 (thời Pháp thuộc)	→ Tao Đàn (đường, 1945) + Voie N° 105 = Nguyễn Đình Chiểu (phố, 1951) → Nam Tràng (1 đoạn phố hiện nay)
Voie N° 107 (thời Pháp thuộc)	→ Mạc Đình Chi (rue, 1931) → Bà Huyện Thanh Quan (rue, 1945) → Mạc Đình Chi (rue, 1949) → Mạc Đình Chi (rue, 1951)
Voie N° 108 (thời Pháp thuộc)	→ Tú Xương (phố, 1945) → Trần Tế Xương (phố, 1949) → Trần Tế Xương (phố, 1951)
Voie N° 109 (đại lộ Henri Rivière kéo dài)	→ Jacquin (rue, 1928) → Kinh Dương Vương (phố, 1945) → Ngô Thời Nhiệm (phố, 1949) → Ngô Thì Nhậm (phố, 1951)

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Voie N° 110 (thời Pháp thuộc)	→ Herel de Brisis (rue, 1928) → Lạc Long Quân (phố, 1945) → Thi Sách (phố, 1949) → Thi Sách (phố, 1951)
Voie N° 111 (thời Pháp thuộc)	→ Laveran (rue, 1928) → Lê Văn Hưu (phố, 1945) → Lê Văn Hưu (phố, 1949) → Lê Văn Hưu (phố, 1951)
Voie N° 112 (thời Pháp thuộc)	→ Harmand (rue, 1928) → Trần Thánh Tông (phố, 1945) → Trần Xuân Soạn (phố, 1949) → Trần Xuân Soạn (phố, 1951)
Voie N° 113 (thời Pháp thuộc, đoạn từ đại lộ Armand Rousseau - phố Lò Đúc đến đường Huế - phố Huế)	→ Pescadores (rue, 1930) → Phù Đổng (phố, 1945) → Phù Đổng Thiên Vương (phố, 1949) → Phù Đổng Thiên Vương (phố, 1951)
Voie N° 113 (thời Pháp thuộc, 1 đoạn)	→ Amiral Senès (rue, 1929) → Hoà Mã (phố, 1945) → Hoà Mã (phố, 1949) → Hoà Mã (phố, 1951)
Voie N° 113^{bis} (thời Pháp thuộc)	→ Alfred Logerot (rue, 1941) → Hoà Mã (phố, 1945) → Phùng Khắc Khoan (phố, 1949) → Phùng Khắc Khoan (phố, 1951)
Voie N° 114 (thời Pháp thuộc)	→ Phạm Phú Thứ (rue, 1928) → Phạm Phú Thứ (phố, 1945) → Hội Tin Lành (phố, 1949). Năm 1951 chia làm 2 phố: - đoạn từ Henri d'Orléans (phố Phùng Hưng) đến Nguyễn Trãi (phố Nguyễn Văn Tố): Phạm Phú Thứ (nay là phố Nguyễn Quang Bích) - đoạn từ Nguyễn Trãi (phố Nguyễn Văn Tố) trở xuống: Hội Tin Lành (tên phố đang dùng hiện nay)
Voie N° 115 (thời Pháp thuộc)	→ Résident Morel (rue, 1931) → Bà Huyện Thanh Quan (phố, 1949) → Bà Huyện Thanh Quan (phố, 1951)

Voie N° 131 (thời Pháp thuộc)	→ Bernard de Beau (boulevard, 1928) → Nguyễn Chế Nghĩa (phố, 1945) → Nguyễn Chế Nghĩa (phố, 1949) → Nguyễn Chế Nghĩa (phố, 1951)
Voie N° 132 (thời Pháp thuộc)	→ Charles Coulier (rue, 1926) → Tích Quang (phố, 1945) → Khúc Hạo (phố, 1949) → Khúc Hạo (phố, 1951)
Voie N° 134 (thời Pháp thuộc)	→ Ollivier (rue, 1928) → Hạnh Phúc (phố, 1945) → Tôn Thất Đàm (phố, 1949) → Tôn Thất Đàm (phố, 1951)
Voie N° 135 (thời Pháp thuộc)	→ Aspirant Moulun (rue, 1928)
Voie N° 138 (thời Pháp thuộc)	→ Henri de Monpezat (rue, 1932) → Tống Duy Tân (phố, 1945) → Ngọc Hà (phố, 1949) → Ngọc Hà (phố, 1951)
Voie N° 139 (thời Pháp thuộc)	→ Leblois (rue, 1931) → Lê Trục (phố, 1945) → Lê Trục (phố, 1949) → Lê Trục (phố, 1951)
Voie N° 142 (thời Pháp thuộc)	→ Mangin (rue, 1931) → Ông Ích Khiêm (phố, 1945) → Ông Ích Khiêm (phố, 1949) → Ông Ích Khiêm (phố, 1951)
Voie N° 143 (thời Pháp thuộc)	→ Hàm Nghi (phố, 1945) → Nguyễn Phạm Tuấn (phố, 1949) → Nguyễn Phạm Tuấn (phố, 1951)
Voie N° 145 (thời Pháp thuộc)	→ bị xoá bỏ năm 1929 trong dịp xác định giới hạn đường của khu phố Bệnh viện quân đội
Voie N° 146 (thời Pháp thuộc)	→ Sergent Giac (rue, 1930) → Duy Tân (ngõ, 1945) → Duy Tân (ngõ, 1949) → Duy Tân (ngõ, 1951) → Huế (ngõ, tên đang dùng hiện nay)
Voie N° 147 (thời Pháp thuộc)	+ Réverony (rue, thời Pháp thuộc) = Tăng Bạt Hổ (phố, 1951)

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Voie N° 148 (thời Pháp thuộc)	+ Voie N° 162 + Réverony (rue, thời Pháp thuộc) = Tầng Bạt Hồ (phố, 1945)
Voie N° 149 (thời Pháp thuộc)	→ Chéon (rue, 1931) → Phạm Đình Hồ (phố, 1945) → Phạm Đình Hồ (phố, 1949) → Phạm Đình Hồ (phố, 1951)
Voie N° 153 ^{ba} (thời Pháp thuộc)	→ Phố số 344 (phố, 1951)
Voie N° 154 (thời Pháp thuộc, chạy quanh viện Pasteur)	→ Baronna (rue, 1930) + Trang Trình (rue, sau 1931) = Nguyễn Huy Tự (phố, 1945) → Liên Trì (phố, 1949) → Liên Trì (phố, 1951)
Voie N° 155 (thời Pháp thuộc)	→ Elie Groleau (rue, 1933) → Một Cột (phố, 1945) → Chùa Một Cột (phố, 1949) → Chùa Một Cột (phố, 1951)
Voie N° 159 (thời Pháp thuộc)	→ Dương Thị Ái (phố, 1945) → Lương Yên (đường, 1951 nay là phố cùng tên)
Voie N° 162 (thời Pháp thuộc)	+ Voie N° 148 + Réverony (rue, thời Pháp thuộc) = Tầng Bạt Hồ (phố, 1945)
Voie N° 163 (thời Pháp thuộc)	→ Jourdran (phố, 1943) → Nguyễn Thị Bình (phố, 1945) → Chu Mạnh Trinh (phố, 1949) → Chu Mạnh Trinh (phố, 1951) → Nguyễn Cao (phố, tên đang dùng hiện nay)
Voie N° 164 (thời Pháp thuộc)	+ Voie N° 202 + Voie N° 222 = Đại Cồ Việt (đường, 1945) → Đại Cồ Việt (đường, 1949) → Đại Cồ Việt (đường, 1951)
Voie N° 167 (thời Pháp thuộc)	→ Luro (rue, 1928) → Lữ Gia (phố, 1945) → → Lữ Gia (phố, 1949) → Lữ Gia (phố, 1951) → Lê Ngọc Hân (phố, tên đang dùng hiện nay)

Voie N° 168 (thời Pháp thuộc)	→ Dufourcg (1929) + Riquier (1919) + Charles Halais (1928) = Nguyễn Du (rue, 1943) → Nguyễn Du (phố, 1945) → Nguyễn Du (phố, 1949) → Nguyễn Du (phố, 1951)
Voie N° 170 (thời Pháp thuộc)	→ Mongrand (rue, 1928) → Nguyễn Thương Hiến (phố, 1945) → Nguyễn Thương Hiến (phố, 1949) → Nguyễn Thương Hiến (phố, 1951)
Voie N° 170 ^h (thời Pháp thuộc)	→ Paul Simoni (rue, 1933) → Huân Quyến (phố, 1945) → Nguyễn Quyến (phố, 1949) → Nguyễn Quyến (phố, 1951)
Voie N° 171 (thời Pháp thuộc, đường này nằm quanh hồ Thiên Quang)	→ Chapuis (rue, 1928) → Delorme (rue prolongée, thời Pháp thuộc) + Delorme (rue, 1919) = Trần Bình Trọng (phố, 1945) → Trần Bình Trọng (phố, 1949) → Trần Bình Trọng (phố, 1951)
Voie N° 172 (thời Pháp thuộc)	→ Charles Halais (rue, 1928) + Dufourcg (rue, 1929) + Riquier (rue, 1919) = Nguyễn Du (rue, 1943) → Nguyễn Du (phố, 1945) → Nguyễn Du (phố, 1949) → Nguyễn Du (phố, 1951)
Voie N° 173 (thời Pháp thuộc, đường này nằm bên hồ Thiên Quang)	→ Broni (rue, 1933)
Voie N° 191 (thời Pháp thuộc)	→ Hoàng Cao Khải (boulevard, 1931) → Lê Đại Hành (phố, 1945) → Lê Đại Hành (đại lộ, 1949) → Lê Đại Hành (đại lộ, 1951 nay là phố cùng tên)
Voie N° 191 prolongée (thời Pháp thuộc)	→ bị xoá bỏ năm 1936 trong dịp thay đổi giới hạn khu Nghĩa trang người Âu

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Voie N° 197 (thời Pháp thuộc, đường này nằm giữa phố Lê Lợi - 1 đoạn phố Bà Triệu) và đường Huế - phố Huế)	→ Chapuis (rue, 1939) → Đới Cung (phố, 1945) → Thái Phiên (phố, 1949) → Thái Phiên (phố, 1951)
Voie N° 202 (thời Pháp thuộc)	+ Voie N° 222 + Voie N° 164 = Đại Cồ Việt (đường, 1945) → Đại Cồ Việt (đường, 1949) → Đại Cồ Việt (đường, 1951)
Voie N° 203 (thời Pháp thuộc)	→ Lê Như Hổ (phố, 1945) → Lê Như Hổ (phố, 1949) → Lê Như Hổ (phố, 1951)
Voie N° 204 (thời Pháp thuộc)	→ Lý Văn Phúc (phố, 1949) → Lý Văn Phúc (phố, 1951)
Voie N° 205 (thời Pháp thuộc)	→ Phạm Lạp Trai (phố, 1945) → Hàng Bọt (ngõ, 1949) → Hàng Bọt (ngõ, 1951)
Voie N° 206 (trước 1928)	→ Bảng Nhân Đôn (rue, 1928) → Bảng Nhân Đôn (rue, 1935) → Hàng Cháo (phố, 1949) → Hàng Cháo (phố, 1951)
Voie N° 206 (sau 1928)	→ Phan Phú Tiên (phố, 1945) → Bảo Anh (phố, 1949) → Phan Phú Tiên (phố, 1951)
Voie N° 206 ^m (thời Pháp thuộc)	→ Bảo Anh (phố, 1945) → Bảo Anh (phố, 1949) → Bảo Anh (phố, 1951)
Voie N° 209 (thời Pháp thuộc)	→ Lê Phụng Hiếu (phố, 1945)
Voie N° 214 (thời Pháp thuộc)	→ Mạc Đình Chi (phố, 1945) → Trịnh Hoài Đức (phố, 1949) → Trịnh Hoài Đức (phố, 1951)
Voie N° 218 (thời Pháp thuộc)	→ Maurice Graffeuil (rue, 1941) → Đặng Trán Côn (phố, 1945) → Bích Cầu (phố, 1949) → Bích Cầu (phố, 1951)
Voie N° 218 ^m (thời Pháp thuộc)	→ bị xoá bỏ năm 1940 trong dịp thay đổi giới hạn khu phố Chùa Tú Uyên
Voie N° 219 (thời Pháp thuộc)	→ Alexandre de Rhodes (rue, 1941) → Bích Cầu (phố, 1945) → Đặng Trán Côn (phố, 1949) → Đặng Trán Côn (phố, 1951)

Voie N° 220 (thời Pháp thuộc)	→ Auguste Tholance (rue, 1941) → Đoàn Thị Điểm (phố, 1945) → Đoàn Thị Điểm (phố, 1949) → Đoàn Thị Điểm (phố, 1951)
Voie N° 221 (thời Pháp thuộc)	→ Trương Vĩnh Ký (phố, 1945) → Trương Vĩnh Ký (phố, 1949) → Trương Vĩnh Ký (phố, 1951) → Phan Văn Trị (phố, tên đang dùng hiện nay)
Voie N° 222 (thời Pháp thuộc)	+ Voie N° 202 + Voie N° 164 = Đại Cổ Việt (đường, 1945) → Đại Cổ Việt (đường, 1949) → Đại Cổ Việt (đường, 1951)
Voie N° 223 (thời Pháp thuộc)	→ Phố số 335 (phố, 1951)
Voie N° 225 (thời Pháp thuộc)	→ Goustave Dumoutier (rue, 1933) → Tân Trào (phố, 1945) → Chùa Vua (phố, 1949) → Chùa Vua (phố, 1951)
Voie N° 229 (thời Pháp thuộc)	→ Phố số 339 (phố, 1951)
Voie N° 230 (thời Pháp thuộc)	→ Chùa Vua (phố, 1945) → Trần Cao Vân (phố, 1949) → Trần Cao Vân (phố, 1951)
Voie N° 231 (thời Pháp thuộc)	→ bị xoá bỏ năm 1936 trong dịp thay đổi giới hạn khu Nghĩa trang người Âu
Voie N° 232 (thời Pháp thuộc)	→ Giải phóng (phố, 1945) → Đồng Nhân (phố, 1949) → Đồng Nhân (phố, 1951)
Voie N° 233 (thời Pháp thuộc)	→ Yên Bái (phố, 1945) → Yên Bái (phố, 1949) → Yên Bái (phố, 1951)
Voie N° 233 ^{bis} (thời Pháp thuộc)	+ Voie N 260 ^{bis} = Tân Trào (ngõ, 1945) → Chùa Vua (ngõ, 1949) → Chùa Vua (ngõ, 1951, không có Voie N° 260 ^{bis})
Voie N° 234 (thời Pháp thuộc)	→ Phố số 332 (phố, 1951)

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Voie N° 236 (thời Pháp thuộc)	→ bị xoá bỏ năm 1936 trong dịp thay đổi giới hạn khu Nghĩa trang người Âu
Voie N° 237 (thời Pháp thuộc)	→ Ngõ Sĩ Liên (ngõ, 1945) → Phố số 225 (phố, 1949) → Phố số 225 (phố, 1951)
Voie N° 238 (thời Pháp thuộc)	→ Quốc Tử Giám (phố, 1945) → Quốc Tử Giám (phố, 1949) → Quốc Tử Giám (phố, 1951)
Voie N° 243 (thời Pháp thuộc)	→ Chu Văn An (phố, 1945)
Voie N° 249 (thời Pháp thuộc)	→ Phố số 215 (phố, 1949) → Phố số 215 (phố, 1949) → Phố số 215 (phố, 1951)
Voie N° 251 (thời Pháp thuộc)	→ Trang Bùng (phố, 1945) → Phố số 226 (phố, 1951)
Voie N° 252 (thời Pháp thuộc)	→ Chợ Đông Xuân (ngõ, 1949) → Chợ Đông Xuân (ngõ, 1951)
Voie N° 253 (thời Pháp thuộc)	→ Phố số 224 (phố, 1949) → Phố số 224 (phố, 1951)
Voie N° 254 (thời Pháp thuộc)	→ Grappin (rue, 1928) → Cao Thắng (phố, 1949) → Cao Thắng (phố, 1951)
Voie N° 255 (thời Pháp thuộc)	→ Lý Thường Kiệt (rue, 1931) → Ngõ Sĩ Vương (phố, 1945) → Ngõ Sĩ Liên (phố, 1949) → Ngõ Sĩ Liên (phố, 1951)
Voie N° 257 (thời Pháp thuộc)	→ Đinh Tiên Hoàng (rue, 1931) → Đinh Tiên Hoàng (rue, 1945) → Trần Quý Cáp (phố, 1949) → Trần Quý Cáp (phố, 1951)
Voie N° 258 (thời Pháp thuộc)	→ Ngõ Sĩ Liên (ngõ, 1945) → Ngõ Sĩ Liên (ngõ, 1949) → Ngõ Sĩ Liên (ngõ, 1951)
Voie N° 260 (thời Pháp thuộc)	→ Trần Cao Vân (ngõ, 1949) → Trần Cao Vân (ngõ, 1951)
Voie N° 260 ^h (thời Pháp thuộc)	+ Voie N° 233 ^h = Tân Trào (ngõ, 1945)

Voie N° 261 (thời Pháp thuộc)	→ Phố số 336 (phố, 1949) → Phố số 336 (phố, 1951)
Voie N° 262 (thời Pháp thuộc)	→ Thái Nguyên (phố, 1945) → Phố số 337 (phố, 1949) → Phố số 337 (phố, 1951)
Voie N° 266 (thời Pháp thuộc)	→ bị xoá bỏ năm 1936 trong dịp thay đổi giới hạn khu Nghĩa trang người Âu
Voie N° 267 (thời Pháp thuộc)	→ Đô Lương (phố, 1945)
Voie N° 268 (thời Pháp thuộc)	→ Nguyễn Công Trứ (phố, 1945) → Yên Thế (phố, 1951)
Voie N° 271 (thời Pháp thuộc)	→ Bảo Khánh (ngõ, 1949) → Bảo Khánh (ngõ, 1951)
Voie N° 272 (thời Pháp thuộc)	→ Nguyễn Trung Ngân (phố, 1945) → Nguyễn Trung Ngân (phố, 1949) → Nguyễn Trung Ngân (phố, 1951) → Nguyễn Trung Ngân (phố, tên đang dùng hiện nay)
Voie A (thời Pháp thuộc)	→ Carnot (boulevard, 1901) → Phan Đình Phùng (phố, 1945) → Phan Đình Phùng (đại lộ, 1951 nay là phố cùng tên)
Voie D (thời Pháp thuộc)	→ Bùi Thị Xuân (phố, 1945) → Phố số 296 (phố, 1949) → Phố số 296 (phố, 1951)
Voie E-I (thời Pháp thuộc)	→ Phố số 325 (phố, 1949) → Phố số 325 (phố, 1951) → Hoa Lư (phố, tên đang dùng hiện nay)
Voie G/2 (thời Pháp thuộc)	→ Bà Triệu (ngõ, 1949) → Bà Triệu (ngõ, 1951)
Voie H-I (thời Pháp thuộc)	→ Cao Đạt (phố, 1949) → Cao Đạt (phố, 1951)
Voie L-4 (thời Pháp thuộc)	→ Đội Cung (phố, 1949) → Đội Cung (phố, 1951)

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Đường đất ra sông (thời Pháp thuộc)	→ Vân Đồn (đường, 1945) → Vân Đồn (đường, 1951)
Đường đất ra sông (thời Pháp thuộc)	→ Tây Kết (đường, 1945) → Tây Kết (đường, 1951)
Đường đất ra sông (thời Pháp thuộc)	→ Vạn Kiếp (đường, 1945) → Vạn Kiếp (đốc, 1951)
Đường đất ra sông (thời Pháp thuộc)	→ Chương Dương Độ (đường, 1945) → Chương Dương Độ (đốc, 1951)
Đường không có tên (thời Pháp thuộc)	→ Tân Ấp (đốc, 1951)
Đường Cầu Đất hay còn gọi là Digue Fellonneau (thời Pháp thuộc)	→ Hàm Tử Quan (đường, 1945) → Hàm Tử Quan (đường, 1949) → Hàm Tử Quan (đường, 1951)
Đường sắt bờ sông (thời Pháp thuộc)	→ Bạch Đằng (đường, 1945) → Bạch Đằng (đường, 1951)
Đường không có tên (thời Pháp thuộc)	→ Nghĩa Dũng (đốc, 1951)
Đường không có tên (thời Pháp thuộc)	→ Trương Công Định (phố, 1945)
Voiles (rue, trước 1890)	→ Hàng Buồm (phố, 1945) → Hàng Buồm (phố, 1949) → Hàng Buồm (phố, 1951)
Vọng Đức (rue, 1894)	→ Vọng Đức (phố, 1945) → Vọng Đức (phố, 1949) → Vọng Đức (phố, 1951)
Willer (place, thời Pháp thuộc)	→ Vũ Quang (vườn hoa, 1949)
Y	.
Yên Phụ (digue, trước 1932)	→ Paul Doumer (digue, 1932) → Yên Phụ (digue, 1933) → Yên Phụ (đê, 1945) → Yên Phụ (đê, 1949) → Yên Phụ (đường, 1951)

Yên Sơn (impasse, thời Pháp thuộc)	→ Phố số 222 (phố, 1949) → Ngõ số 222 (ngõ, 1951)
Yên Thái (ruelle, thời Pháp thuộc)	→ Yên Thái (ngõ, 1945) → Yên Thái (phố, 1949) → Yên Thái (phố, 1951)
Yên Thành (rue, 1909)	→ Đồ Hữu Vị (1919) → Cửa Bắc (phố, 1945) → Cửa Bắc (phố, 1949) → Cửa Bắc (phố, 1951)
Yên Thành (impasse, 1909)	→ Yên Thành (ngõ, 1945) → Yên Thành (ngõ, 1951)

Nguồn tổng hợp từ:

- * Các hồ sơ: RST - 78691; RST - 79024/01; SCDHN - 816; VPBD - 1821.
- * Công báo: J - 184; J - 336; J - 338; J - 344; J - 349; J - 352; J - 353; J - 355; J - 360; J - 361; J - 363; J - 365; J - 371; J - 377; J - 384; VNDQCB - 1946.
- * Sách: Claude Bourrin, *Le vieux Tonkin (Le théâtre - le sport - la vie mondaine) de 1890 à 1894*, Hanoi, Imprimerie d'Extrême - Orient, 1941.
- * Nguyễn Văn Uẩn, *Hà Nội nửa đầu thế kỷ XX*, Hà Nội, NXB Hà Nội, 1995.
- * Giang Quân, *Từ điển đường phố Hà Nội*, Hà Nội, NXB Hà Nội, 2009.

LƯU TRỮ VN

Phụ lục 3

DANH SÁCH CÁC ĐỐC LÝ VÀ THỊ TRƯỞNG CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI TỪ 1885 ĐẾN 1954

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

L U U T R U V N

Tên và họ	Thời gian giữ chức
SALLE XAVIER Léandre	Từ 6-10-1885 đến 5-9-1886
LEPROUX Charles	Từ 6-9-1886 đến 5-10-1886
HALAIS Charles	Từ 6-10-1886 đến 18-7-1888
TIRANT Gilbert	Từ 19-7-1888 đến 7-6-1889
LANDES Charles	Từ 8-6-1889 đến 15-1-1890
DEFRENEL Paul	Từ 16-1-1890 đến 23-4-1890
TIRANT Gilbert	Từ 24-4-1890 đến 22-6-1891
BEAUCHAMP Laurent	Từ 23-6-1891 đến 10-5-1893
BAILLE Frédéric	Từ 11-5-1893 đến 27-11-1894
MOREL Jules	Từ 28-11-184 đến 11-6-1897
LACAZE Antoine	Từ 12-6-1897 đến 1-9-1898
MOREL Jules	Từ 2-9-1898 đến 1-3-1899
LACAZE Antoine	Từ 2-3-1899 đến 5-4-1899
BAILLE Frédéric	Từ 6-4-1899 đến 17-3-1901
PRETRE Charles	Từ 18-3-1901 đến 1-6-1901
METTETAL Frédéric	Từ 1-6-1901 đến 31-7-1901
PRETRE Charles	Từ 1-8-1901 đến 21-11-1901
BAILLE Frédéric	Từ 22-11-1901 đến 31-3-1903
DOUMERGUE Eugène	Từ 1-4-1903 đến 6-10-1904
METTETAL Frédéric	Từ 7-10-1904 đến 24-11-1904
GAUTRET	Từ 25-11-1904 đến 7-1905
HAUSER	Từ 7-1905 đến 2-1906
LOGEROT	Từ 2-1906 đến 2-1907
HAUSER	Từ 2-1907 đến 23-4-1908

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

DE BOISADAM	Từ 24-4-1908 đến 4-8-1908
LOGEROT	Từ 5-8-1908 đến 28-1-1911
DE BOISADAM	Từ 28-1-1911 đến 9-1-1912
LOGEROT	Từ 9-1-1912 đến 24-2-1915
PASQUIER Pierre	Từ 24-2-1915 đến 15-1-1917
FRUTEAU	Từ 15-1-1917 đến 7-2-1917
JABOUILLE Edmond	Từ 8-2-1917 đến 24-5-1919
SZIMANSKI	Từ 26-5-1919 đến 18-7-1921
PECH Louis	Từ 18-7-1921 đến 26-10-1921
MOUROUX Maticu Joseph	Từ 26-10-1921 đến 31-3-1924
ECKERT Louis Frédéric	Từ 1-4-1924 đến 8-6-1925
DUPUY Paul	Từ 9-6-1925 đến 30-8-1927
THOLANCE Auguste	Từ 31-8-1927 đến 8-5-1929
DELSALLE Pierre Abel	Từ 8-5-1929 đến 24-3-1930
THOLANCE Auguste	Từ 25-3-1930 đến 2-12-1930
GUILLEMAIN Eugène	Từ 3-12-1930 đến 28-3-1933
ECKERT Louis Frédéric	Từ 29-3-1933 đến 1-1-1934
VIRGITTI Henri	Từ 1-1-1934 đến 10-11-1938
HOULIE	Từ 11-11-1938 đến 20-11-1938
GALLOIS-MONTBRUN	Từ 21-11-1938 đến 21-7-1939
Edouard DELSALLE	Từ 24-8-1939 đến 7-3-1941
Camille CHAPOULART	Từ 8-3-1941 đến 29-9-1942
Guiriec HYACINTHE	Từ 30-9-1942 đến 30-9-1943
De PEREYRA	Từ 1-10-1943 đến 9-3-1945

Maruyama	Từ 10-3-1945 đến 20-7-1945
Trần Văn Lai	Từ 21-7-1945 đến 19-8-1945
Trần Duy Hưng	Từ 30-8-1945 đến 12-1946
Bùi Văn Quý	Từ 10-3-1948 đến 12-1948
Phan Xuân Đài	Từ 1-1949 đến 27-2-1950
Thẩm Hoàng Tín	Từ 27-2-1950 đến 8-8-1952
Đỗ Quang Giai	Từ 8-8-1952 đến 10-1954

Nguồn: MHN - 2375/01 và một số hồ sơ khác.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LƯU TRỮ VN

TỪ ĐIỂN CHÚ GIẢI

Administrateur-Maire de la Ville de Hanoï	Công sứ-Đốc lý Thành phố Hà Nội
Administrateurs des Services Civils	Phụ trách các cơ quan dân sự
Administration du Protectorat du Tonkin	Chính quyền Bảo hộ Bắc Kỳ
Administration municipale	Chính quyền Thành phố
Banque de l'Indochine	Ngân hàng Đông Dương
Bureau d'Hygiène et de l'Etat Civil de Hanoï	Phòng Vệ sinh và Hộ tịch (thuộc Toà Đốc lý Hà Nội)
Bureau de l'Enregistrement des Domaines et des Hypothèques	Phòng Đăng ký Tài sản và Cầm cố
Bureau de l'Etat Civil de Hanoï	Phòng Hộ tịch (thuộc Toà Đốc lý Hà Nội)
Bureau des Affaires indigènes	Phòng phụ trách các công việc liên quan đến người bản xứ (thuộc Toà Đốc lý)
Bureau des Autorisations de construire	Phòng Cấp phép xây dựng (thuộc Toà Đốc lý Hà Nội)
Centre administratif de Thai Ha	Trung tâm hành chính Thái Hà
Chambre de Commerce de Hanoï	Phòng Thương mại Hà Nội
Chambre de Commerce et d'Agriculture de Hanoï	Phòng Thương mại và Nông nghiệp Hà Nội
Chef d'Etat du Vietnam	Quốc trưởng Việt Nam
Chef du quartier	Khu trưởng
Chef de rue	Phố trưởng
Circonscription territoriale des Travaux Publics du Tonkin	Khu Công chính Bắc Kỳ

Cochinchine	Nam Kỳ
Collège du Protectorat (Hanoï)	Trường Trung học Bảo hộ (Hà Nội) hay còn được gọi là Trường Bưởi nay là Trường Trung học phổ thông Chu Văn An
Collège Paul Bert à Hanoï	Trường Trung học Paul Bert (Trường Nữ sinh Đồng Khánh, nay là Trường Trung học cơ sở Trưng Vương
Comité d'Initiation professionnelle	Ủy ban hướng dẫn nghề nghiệp
Commandant en Chef des Troupes de l'Indochine	Tổng Tư lệnh quân đội (Pháp) ở Đông Dương
Commissaire Central de Police	Chánh Tuần cảnh
Commissaire Central de Police	Cảnh sát trưởng
Commissariat de Police	Sở Cảnh binh Hà Nội
Commission Consultative	Ủy ban Tư vấn
Commission Consultative des Notables Indigènes	Ủy ban Tư vấn Kỳ hào bản xứ
Commission Consultative des Notables Indigènes du Tonkin	Ủy ban Tư vấn Kỳ hào bản xứ Bắc Kỳ
Commission Consultative Indigène du Tonkin	Ủy ban Tư vấn Bản xứ Bắc Kỳ
Commission Criminelle	Hội đồng Đề hình
Commission des Fêtes	Ban Lễ hội
Commission Municipale	Ủy ban Thành phố
Commission municipale provisoire de la Ville de Hanoï	Ủy ban lâm thời Thành phố Hà Nội
Conseil de Protectorat de l'Annam	Hội đồng Bảo hộ Trung Kỳ
Conseil de Protectorat de l'Annam- Tonkin	Hội đồng Bảo hộ Trung-Bắc Kỳ
Conseil de Protectorat du Tonkin	Hội đồng Bảo hộ Bắc Kỳ
Conseil Municipal	Hội đồng Thành phố

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Conseil municipal de Hanoï	Hội đồng Thành phố Hà Nội
Contrôle des contributions directes de la Ville de Hanoï	Sở Kiểm soát thuế trực thu của Thành phố Hà Nội
Contrôle financier de l'Indochine	Sở Kiểm tra tài chính Đông Dương
Délégation de Gia Lam	Toà Đại lý Gia Lam
Délégation spéciale de Hanoï	Đại lý đặc biệt Hà Nội
Dipensaire à Hanoï	Trại điều trị gái điếm ở Hà Nội
Directeur des Affaires civiles	Trưởng Ban Chỉ đạo các công việc dân sự
Direction de Finances et de l'Enregistrement	Sở Tài chính và Trước bạ
Direction des Finances de l'Indochine	Nha Tài chính Đông Dương
Direction des Mines de l'Indochine	Sở Mỏ Địa chất Đông Dương
Direction générale des Douanes et Régies	Sở Thương chính Đông Dương
Domaine colonial	Công sản thuộc địa
Ecole Française d'Extrême-Orient (E.F.E.O)	Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp
Etablissement Zootechnique	Cơ sở chăn nuôi gia súc (Bạch Mai)
Garde Indigène	Lính Khố xanh
Gouvernement Impérial du Vietnam	Chính phủ Hoàng gia Việt Nam
Gouverneur de la Cochinchine	Thống đốc Nam Kỳ
Gouverneur général de l'Indochine	Toàn quyền Đông Dương
Gouverneur général p.i de l'Indochine	Quyền Toàn quyền Đông Dương
Haut Commissaire	Cao uỷ
Haut Commissaire de la France en Indochine	Cao uỷ Pháp ở Đông Dương
Hôpital de Lanessan	Bệnh viện De Lanessan
Hôpital René Robin	Bệnh viện René Robin

Hôpital Yersin	Bệnh viện Yersin
Institut anatomique	Viện Giải phẫu
Institut du Cancer	Viện Ung thư
Institut Ophtalmologique	Viện Mắt
Institut Pasteur	Viện Pasteur
Institut Vaccinogène	Viện Vacxin
L'Avenir du Tonkin	Tương lai xứ Bắc Kỳ (báo)
Laboratoire d'Hygiène et de Repression des Fraudes et Pharmacie Centrale	Phòng Thí nghiệm, xét nghiệm hàng lậu và Bào chế Trung ương
Lycée Albert Sarraut	Trường Trung học Albert Sarraut
Lycée de Hanoï dit Lycée Albert Sarraut	Trường Trung học Hà Nội còn gọi là trường Albert Sarraut
Lycée de jeunes filles de Hanoï	Trường Trung học nữ sinh Hà Nội
Lycée du Protectorat à Hanoï	Trường Trung học Bảo hộ
Maire de la Ville de Hanoï	Đốc lý Thành phố Hà Nội (trước 1945)
Maire de la Ville de Hanoï	Thị trưởng Thành phố Hà Nội (sau 1945)
Maire-Adjoint	Phó Đốc lý Thành phố Hà Nội
Mairie	Toà Đốc lý
Maison Centrale	Nhà lao Trung ương còn gọi là Nhà pha Hoà Lò
Maison de France	Dinh Cao uỷ Pháp nay là Đại sứ quán nước Cộng hoà Pháp)
Municipalité de Hanoï	Hội đồng Thị chính Thành phố Hà Nội
Musée de l'Ecole Française d'Extrême Orient	Bảo tàng Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp
Musée de l'Ecole Française d'Extrême Orient	Bảo tàng Louis Finot

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ 1873 - 1954

Musée Maurice Long	Bảo tàng Maurice Long
Orphelinat des enfants franco-indochinois	Trại trẻ em lai Pháp mô côi
Orphelinat des jeunes filles franco-indochinoises	Trại trẻ em gái lai mô côi
Palais de Justice de Hanoï	Toà án Hà Nội
Palais du Gouvernement général de l'Indochine	Phủ Toàn quyền Đông Dương
Piastre	Đồng bạc Đông Dương
Piastre Indochinoise	Đồng bạc Đông Dương
Police de Sûreté	Cảnh sát an ninh
Prison Centrale	Nhà lao Trung ương còn gọi là Nhà pha Hòa Lò
Quartier indigène	Khu bản xứ
Résidence supérieure au Tonkin	Phủ Thống sứ Bắc Kỳ
Résidence supérieure en Annam	Phủ Khâm sứ Trung Kỳ
Résident-Maire de la Ville de Hanoï	Công sứ - Đốc lý Thành phố Hà Nội
Résident de Hanoï	Công sứ tỉnh Hà Nội
Résident général de l'Annam et du Tonkin	Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ
Résident général de l'Annam et du Tonkin	Toàn quyền Lương Kỳ
Résident général p.i de la République Française en Annam et au Tonkin	Quyền Tổng Trú sứ Cộng hoà Pháp tại Trung và Bắc Kỳ
Résident supérieur de l'Annam	Khâm sứ Trung Kỳ
Résident supérieur du Tonkin	Thống sứ Bắc Kỳ
Résident supérieur p.i Résident supérieur du Tonkin	Quyền Thống sứ Bắc Kỳ
Secrétaire général du Gouvernement général de l'Indochine	Phó Toàn quyền Đông Dương
Secrétaire principal de 1 ^e classe	Thư ký chính hạng nhất

Service Agricole	Sở Nông nghiệp
Service Central d'Urbanisme et d'Architecture de l'Indochine	Sở Quy hoạch và Kiến trúc Đông Dương
Service de la Sûreté du Tonkin	Sở Mật thám Bắc Kỳ
Service des Travaux publics de l'Indochine	Sở Công chính Đông Dương
Service du Cadastre du Tonkin	Sở Địa chính Bắc Kỳ
Service du Cadastre et du Domaine urbains de la Ville d'Hanoï	Ty (Sở) Địa chính và Công thổ Thành phố Hà Nội
Service Forestier	Sở Lâm nghiệp
Service Radiotélégraphie	Sở Vô tuyến điện
Service Technique de Postes Téléphones et Télégraphes	Phòng Kỹ thuật Nha Bưu điện
Société Financière de l'Indochine	Công ty Tài chính Đông Dương
Société Philharmonique	Hội nhạc Hà Nội
Territoire Militaire	Đạo quan binh
Théâtre Municipal	Nhà hát Thành phố (Nhà hát Lớn)
Tonkin	Bắc Kỳ
Trésorerie générale de l'Indochine	Sở Ngân khố Đông Dương
Union commerciale indochinoise	Hiệp hội Thương mại Đông Dương
Union Indochinoise	Liên bang Đông Dương
Université Indochinoise	Trường Đại học Đông Dương
Zône suburbaine de Hanoï	Vùng ngoại ô Hà Nội

SÁCH DẪN (INDEX)

1. *Sách dẫn* bao gồm tên địa danh (đại lộ, phố, ngõ, vườn hoa, quảng trường, đường, đê).
2. *Sách dẫn* được sắp xếp theo trật tự a, b, c... của chữ cái đầu mỗi mục từ.
3. Vị trí tra cứu được xác định theo số trang.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

L U U T R U V N

A

- Albert Pouyane, 131, 283, 706, 720, 755, 761, 767
- Alexandre de Rhodes, 122, 689, 699, 701, 721, 755, 808
- Alfred Logerot, 122, 724, 755, 804
- Amiral Courbet, 251, 252, 256, 491, 506, 527, 550, 693, 710, 722, 755
- Amiral Sênès, 755
- Án Sát Siêu, 125, 692, 715, 727, 750, 756, 774
- Ancien Canal, 125, 265, 270, 715, 755, 766
- André Robert, 126, 755, 801
- Antoine Bonnet, 121, 128, 701, 713, 747, 755, 802
- Armand Rousseau, 107, 120, 123, 127, 128, 246, 260, 265, 266, 306, 308, 313, 314, 315, 316, 358, 366, 390, 550, 555, 580, 696, 706, 724, 755, 766, 789, 804
- Auguste Tholance, 122, 689, 703, 721, 756, 809
- 384, 390, 397, 398, 410, 411, 413, 422, 423, 430, 505, 529, 600, 697, 756, 820
- Balances, 265, 366, 691, 700, 715, 727, 742, 756, 797
- Balny, 224, 264, 291, 293, 398, 491, 494, 502, 693, 704, 720, 727, 745, 756
- Bambous, 233, 246, 261, 266, 280, 491, 501, 692, 710, 717, 727, 752, 756, 776
- Banque, 116, 265, 291, 756, 818
- Bảng Nhân Đôn, 756
- Bảo Long, 756
- Bắc Ninh, 33, 99, 100, 101, 104, 265, 370, 403, 423, 674, 692, 756, 764, 783
- Barona, 694, 706, 723, 728, 752, 756
- Beauchamps, 234, 756, 768
- Bernard de Beau, 392, 393, 695, 707, 723, 757, 805
- Berthe de Villers, 131, 134, 695, 722, 757
- Blockhaus Nord, 30, 54, 59, 128, 266, 560, 713, 727, 757
- Bobillot, 120, 128, 214, 215, 224, 225, 232, 237, 238, 246, 255, 265, 270, 271, 272, 274, 275, 291, 334, 412, 576, 695, 710, 722, 727, 751, 757
- Boissière, 757
- Bonhour, 104, 265, 693, 706, 720, 728, 747, 756, 757, 765

B

- Bách Mai, 44, 88, 93, 96, 138, 185, 214, 216, 254, 255, 272, 285, 287, 290,

- Bonifacy**, 694, 709, 723, 728, 752, 757
- Borgnis Desbordes**, 102, 103, 119, 127, 248, 257, 258, 265, 267, 268, 291, 292, 304, 305, 440, 515, 519, 520, 540, 694, 707, 719, 728, 741, 757, 799
- Botanique**, 364, 408, 699, 758
- Bourret**, 117, 126, 690, 707, 717, 728, 752, 758, 798
- Bourrin**, 118, 283, 581, 687, 711, 713, 728, 749, 758, 769, 799, 813
- Bovet**, 118, 128, 294, 295, 584, 694, 712, 722, 728, 747, 758, 767
- Brière de l'Isle**, 758
- Briques**, 119, 246, 265, 271, 692, 703, 715, 728, 744, 758
- Briqueterie**, 121, 129, 265, 758
- Brodeurs**, 222, 229, 758
- Broni**, 103, 104, 116, 132, 758, 774, 794, 807
- C**
- Caisses**, 246, 266, 285, 691, 704, 717, 728, 759, 774
- Camp des Lettrés**, 759
- Cantonnais**, 238, 264, 691, 707, 714, 728, 748, 759, 775
- Cao Đắc Minh**, 759
- Capitel Bruisseau**, 104, 107, 317, 718, 759, 769, 786
- Capitel Labrousse**, 693, 759
- Capitel Monceaux**, 722, 759
- Capitel Pouligo**, 695, 724, 757, 759
- Carnot**, 102, 103, 124, 127, 134, 291, 292, 297, 307, 309, 324, 372, 375, 377, 428, 502, 581, 582, 688, 711, 714, 728, 749, 759, 811
- Carreau**, 215, 226, 241, 242, 250, 265, 291, 324, 563, 575, 576, 609, 694, 706, 722, 728, 747, 759
- Cartes**, 760, 771
- Cathédrale**, 119, 265, 693, 707, 719, 728, 752, 760
- Champ des Courses**, 688, 760, 778
- Chanceaulme**, 117, 132, 311, 312, 322, 325, 697, 710, 724, 729, 753, 760, 769, 801
- Changeurs**, 125, 126, 238, 264, 285, 325, 377, 380, 404, 692, 699, 716, 728, 741, 760, 771, 798
- Chanvre**, 238, 264, 299, 312, 316, 321, 325, 691, 703, 718, 728, 744, 760, 774
- Chapeaux**, 266, 691, 707, 717, 729, 749, 760, 775
- Chapuis**, 126, 135, 295, 309, 322, 696, 704, 708, 725, 729, 745, 749, 760, 807, 808
- Charbon**, 124, 128, 265, 467, 550, 688, 709, 714, 729, 751, 760, 776
- Charles Coulier**, 119, 704, 718, 745, 760, 805

- Charles Halais, 17, 118, 126, 295, 359, 761, 765, 785, 791, 800, 807
- Charles Wiélé, 724, 761, 800
- Charron, 117, 132, 325, 696, 703, 724, 729, 744, 761, 801
- Chaux, 236, 264, 293, 398, 491, 495, 501, 693, 702, 711, 720, 729, 743, 753, 761, 777
- Chavassieux, 211, 212, 265, 266, 267, 435, 499, 693, 702, 709, 720, 729, 751, 761
- Chân Hưng, 694, 721, 728, 743, 761, 773
- Châu Long, 121, 128, 316, 687, 701, 713, 728, 729, 734, 747, 755, 761, 785, 802
- Chéon, 130, 305, 397, 695, 724, 729, 745, 761, 806
- Chiffons, 117, 246, 761, 772
- Chúc Lạc, 687, 762
- Chung Yên, 266, 307, 372, 375, 376, 377, 701, 717, 729, 753, 762
- Cimetière, 107, 118, 127, 259, 274, 275, 308, 313, 355, 365, 762, 766
- Circulaire, 359, 697, 702, 718, 736, 747, 762
- Citadelle, 103, 107, 118, 126, 222, 239, 244, 245, 264, 272, 446, 555, 690, 703, 709, 717, 718, 720, 729, 748, 751, 762, 789
- Clémenceau, 104, 125, 131, 132, 134, 293, 300, 306, 313, 314, 315, 328, 366, 490, 550, 692, 702, 717, 729, 743, 762, 763, 798
- Cocotier, 17, 18, 762
- Colomb, 103, 293, 502, 694, 701, 721, 729, 742, 763, 799
- Combanère, 117, 691, 700, 716, 729, 742, 761, 763
- Commerce, 104, 265, 266, 270, 271, 325, 440, 491, 495, 517, 519, 545, 701, 715, 729, 744, 763, 818
- Commisariat Central, 117, 763
- Concession, 104, 132, 134, 281, 282, 530, 695, 706, 722, 729, 747, 763
- Constant Mathis, 696, 709, 725, 751, 763
- Coton, 17, 107, 222, 240, 248, 264, 285, 690, 700, 718, 729, 741, 763, 772
- Cống Vọng, 505, 697, 763
- Crévoist, 697, 710, 723, 729, 749, 764
- Cuir, 119, 246, 264, 690, 702, 717, 729, 743, 764, 773
- Cuivre, 238, 246, 266, 273, 274, 371, 372, 377, 380, 690, 706, 715, 729, 748, 764, 773, 775
- Cự Lau, 764
- Cự Phú, 227, 228, 233, 236, 764

D

- Delorme, 117, 126, 128, 294, 295, 621, 695, 711, 723, 730, 752, 760, 763, 764, 807
- Destenay, 104, 116, 124, 688, 700, 718, 730, 742, 764, 768, 784, 796, 799
- Deydier, 121, 129, 687, 711, 714, 730, 753, 764, 798
- Dieulefils, 117, 688, 702, 714, 730, 743, 764, 783, 802
- Digue, 688, 704, 706, 709, 712, 713, 714, 725, 728, 730, 735, 749, 751, 753, 764, 812
- Docteur Calmette, 711, 725, 765
- Docteur Morel, 688, 765
- Dufourcq, 118, 128, 723, 730, 743, 761, 765, 785, 791, 800
- Dominé, 116, 265, 289, 506, 693, 706, 720, 730, 747, 756, 757, 761, 765
- Dumoutier, 132, 308, 697, 701, 725, 730, 753, 765, 809
- Doudard de Lagrée, 266, 293, 316, 550, 559, 695, 704, 723, 730, 747, 765, 785
- Duranton, 103, 307, 308, 328, 370, 372, 375, 377, 688, 709, 714, 730, 750, 765, 801
- Dutreuil des Rhins, 695, 722, 765
- Duvigneau, 117, 263, 697, 705, 724, 730, 742, 765, 801
- Duvillier, 102, 103, 124, 259, 267, 268, 292, 294, 300, 307, 308, 356, 689, 705, 719, 730, 745, 757, 765, 799

Đ

- Đại Lợi, 766
- Đào Duy Từ, 121, 125, 129, 130, 132, 265, 266, 270, 295, 692, 711, 715, 730, 751, 755, 766, 768, 788, 792, 802
- Đinh Tiên Hoàng, 766, 768
- Đỗ Hữu Vị, 766
- Đồng Khánh, 760, 766, 771
- Đồng Thái, 766
- Đức Khánh, 723, 730, 766
- Đức Viên, 85, 107, 286, 302, 766
- Đường Cầu Đất, 693, 812
- Đường đất ra sông, 692, 693, 812
- Đường sắt bờ sông, 812

E

- Eckert, 709, 766
- Ecole de Médecine, 116, 266, 576, 766
- Elie Groleau, 122, 131, 132, 356, 688, 701, 718, 766, 806

Emile Nolly, 124, 687, 713, 767, 802

Est, 104, 265, 767

Etienne Géraud, 126, 767, 797

Etoffes, 265, 307, 690, 701, 711, 715, 730, 744, 753, 767, 776

Eventails, 264, 285, 321, 325, 691, 708, 717, 730, 749, 767, 776

Exposition, 118, 767

F

Feitshamel, 103, 731, 745, 767

Félix Faure, 119, 132, 292, 309, 324, 524, 561, 569, 689, 704, 719, 767, 783

Fellonneau, 131, 283, 293, 502, 693, 704, 728, 749, 767, 812

Ferblantiers, 691, 709, 716, 731, 752, 768, 776

Forgerons, 246, 265, 690, 706, 715, 731, 750, 768

Fourès, 768

Foutchéou, 116, 768

France, 116, 119, 131, 215, 227, 228, 238, 265, 281, 282, 293, 321, 489, 495, 693, 707, 719, 731, 749, 768, 787, 795, 820, 821

Francis Garnier, 27, 28, 233, 234, 265, 294, 324, 363, 367, 490, 494, 499, 528, 693, 705, 720, 756, 768

Frères Schneider, 768

G

Galet, 117, 118, 121, 126, 129, 132, 321, 688, 708, 713, 716, 731, 749, 758, 760, 768, 769, 785, 797, 799, 801, 802

Gambetta, 31, 60, 103, 120, 123, 134, 208, 237, 238, 244, 247, 266, 271, 285, 292, 306, 314, 315, 364, 365, 368, 393, 489, 588, 603, 607, 617, 694, 700, 702, 722, 731, 743, 769, 794

Gaston Hillaret, 104, 107, 119, 317, 769, 786

Général Badens, 709, 718, 769

Général Beylié, 315, 701, 769, 797

Général Bichot, 266, 324, 690, 701, 716, 769

Général Constant, 707, 770

Général Leblois, 705, 719, 770

Général Mangin, 365, 689, 705, 770

Général Noguès, 770

Gia Long, 18, 121, 130, 230, 246, 263, 264, 265, 292, 293, 294, 295, 503, 695, 703, 722, 731, 747, 770, 782

Giovaninelli, 103, 119, 363, 365, 368, 561, 718, 770, 799

Glacière, 236, 770

Goussard, 117, 264, 696, 701, 724, 731, 744, 770, 800

Graines, 103, 130, 265, 293, 300, 312, 313, 316, 602, 688, 702, 703, 714, 731, 744, 770, 773

Grand Bouddha, 30, 54, 103, 127, 231, 266, 294, 356, 581, 582, 688, 708, 713, 751, 770

Grappin, 125, 328, 348, 709, 715, 731, 751, 771, 810

Guillemoto, 131, 692, 705, 717, 731, 746, 762, 763, 771

H

Hà Trung, 771

Hà Văn Ký, 771

Hài Tượng, 771

Hàng Bạc, 125, 238, 264, 285, 325, 377, 380, 404, 692, 699, 716, 728, 741, 771, 798

Hàng Bài, 107, 237, 242, 265, 292, 293, 345, 547, 563, 573, 771, 785, 786, 787

Hàng Bát Đàn, 690, 699, 737, 743, 771

Hàng Bát Sứ, 690, 699, 716, 737, 750, 771

Hàng Bè, 119, 125, 238, 264, 692, 699, 717, 736, 741, 772, 798

Hàng Bó, 238, 264, 285, 366, 691, 700, 716, 735, 741, 772

Hàng Bông, 17, 107, 118, 222, 240, 246, 248, 264, 266, 285, 690, 694, 698, 700, 718, 721, 729, 737, 741, 750, 762, 772, 779, 782, 794

Hàng Bún, 247, 266, 581, 687, 700, 714, 738, 741, 772, 796

Hàng Buồm, 126, 222, 246, 264, 266, 296, 692, 700, 715, 738, 742, 772

Hàng Bút, 772

Hàng Cá, 246, 265, 691, 700, 715, 735, 742, 772

Hàng Cán, 18, 125, 265, 321, 366, 691, 700, 715, 727, 742, 772

Hàng Chì, 772

Hàng Chiếu, 125, 145, 222, 238, 246, 264, 300, 327, 328, 371, 691, 701, 715, 730, 742, 773, 779, 784, 798

Hàng Chĩnh, 266, 692, 701, 716, 738, 742, 773

Hàng Cò, 141, 694, 698, 701, 721, 728, 743, 761, 773

Hàng Cót, 134, 264, 268, 534, 550, 602, 690, 701, 715, 737, 743, 773

Hàng Da, 119, 246, 264, 690, 702, 717, 729, 743, 773

Hàng Dấu, 222, 223, 227, 258, 264, 528, 693, 702, 720, 733, 743, 773

Hàng Đào, 44, 238, 264, 278, 427, 428, 429, 691, 702, 715, 737, 743, 773

Hàng Đậu, 103, 130, 265, 266, 293, 300, 312, 316, 602, 688, 698, 702, 703, 714, 731, 744, 773

Hàng Điều, 246, 690, 703, 717, 735, 744, 773

- Hàng Đông. 17, 265, 690, 703, 716, 737, 744, 773
- Hàng Đường. 44, 263, 264, 691, 703, 714, 737, 744, 774, 793
- Hàng Gà. 103, 116, 132, 264, 690, 703, 716, 737, 744, 758, 774
- Hàng Gạch. 125, 774
- Hàng Gai. 238, 264, 299, 312, 316, 321, 325, 427, 428, 429, 691, 703, 718, 728, 744, 760, 774
- Hàng Giấy. 264, 285, 307, 313, 370, 372, 377, 380, 602, 688, 703, 714, 735, 745, 774
- Hàng Giấy. 125, 328, 334, 348, 703, 716, 733, 745, 774, 785, 798
- Hàng Hành. 266, 693, 704, 719, 735, 745, 774
- Hàng Hòm. 246, 266, 285, 691, 704, 717, 728, 745, 774
- Hàng Hương. 704, 718, 732, 746, 774
- Hàng Khay. 207, 222, 224, 237, 241, 252, 256, 264, 288, 293, 693, 774, 778, 787
- Hàng Khoai. 103, 125, 246, 247, 265, 266, 283, 300, 320, 325, 328, 331, 333, 691, 705, 714, 738, 746, 775, 795, 798
- Hàng Lọng. 18, 31, 60, 208, 584, 694, 706, 722, 736, 748, 775
- Hàng Lược. 247, 265, 691, 706, 715, 737, 748, 775, 793
- Hàng Mã. 17, 238, 246, 266, 274, 372, 377, 380, 690, 706, 715, 716, 729, 748, 764, 775, 793
- Hàng Mắm. 44, 238, 285, 692, 707, 716, 736, 748, 775
- Hàng Mạnh. 246, 266, 691, 707, 717, 737, 748, 775
- Hàng Mụn. 117, 246, 265, 772, 775
- Hàng Muối. 233, 246, 266, 692, 707, 716, 737, 748, 775
- Hàng Ngang. 44, 238, 264, 691, 707, 714, 728, 748, 775
- Hàng Nón. 266, 691, 707, 717, 729, 749, 775
- Hàng Phèn. 265, 691, 708, 716, 738, 749, 775
- Hàng Quạt. 264, 285, 321, 325, 691, 708, 717, 730, 749, 776
- Hàng Rươi. 246, 265, 356, 690, 708, 715, 738, 750, 776
- Hàng Sơn. 776
- Hàng Than. 124, 128, 265, 266, 550, 688, 709, 714, 729, 751, 776
- Hàng Thiếc. 44, 264, 691, 709, 716, 731, 752, 776
- Hàng Thùng. 116, 264, 710, 717, 736, 737, 752, 768, 776
- Hàng Thuốc Bắc. 691, 699, 710, 716, 734, 741, 776

- Hàng Tre, 233, 246, 261, 266, 491, 501, 692, 710, 717, 727, 752, 776
- Hàng Trống, 222, 229, 264, 441, 469, 486, 520, 525, 550, 602, 693, 711, 719, 731, 752, 758, 776
- Hàng Vải, 17, 265, 690, 711, 715, 716, 730, 753, 776, 793
- Hàng Vôi, 236, 264, 265, 293, 398, 491, 495, 501, 693, 711, 720, 729, 753, 761, 777
- Harmand, 127, 326, 329, 696, 708, 724, 732, 750, 777, 804
- Hậu Quan Chát, 777
- Hautefeuille, 122, 704, 723, 732, 745, 777, 797
- Hébrad, 706, 777
- Henri d'Orléans, 19, 125, 126, 131, 132, 134, 283, 300, 304, 305, 307, 308, 371, 372, 375, 377, 380, 690, 716, 777, 781, 788, 798, 804
- Henri de Monpezat, 121, 130, 689, 777, 805
- Henri Rivière, 777
- Hérel de Brisis, 696, 708, 724, 732, 777
- Hippodrome, 103, 760, 777, 778
- Hoàng Cao Khi, 778
- Hội Vũ, 778
- Hồng Phúc, 778
- Hôpital Chinois, 266, 687, 707, 732, 746, 778
- Huế, 30, 31, 54, 60, 119, 120, 123, 127, 135, 237, 240, 249, 263, 266, 316, 318, 322, 323, 325, 335, 344, 345, 346, 351, 358, 384, 390, 778, 804, 808
- ## I
- Identité, 706, 732, 747, 778
- Immobilière, 446, 694, 778
- Imprimerie, 117, 778, 813
- Incrusteurs, 222, 774, 778
- Intendance, 116, 211, 212, 239, 265, 293, 435, 779
- ## J
- Jacquin, 126, 286, 302, 326, 395, 696, 707, 724, 732, 749, 779, 803
- Jambert, 117, 687, 710, 714, 732, 751, 779, 798
- Jauréguiberry, 103, 126, 265, 292, 440, 521, 540, 550, 554, 558, 559, 575, 576, 694, 695, 704, 708, 722, 723, 732, 746, 752, 779, 800
- Jean Dupuis, 27, 28, 125, 145, 222, 227, 228, 238, 246, 264, 300, 327, 328, 371, 691, 701, 715, 773, 779, 784, 798
- Jean Soler, 120, 123, 694, 700, 721, 779, 794

- Jouhaux, 117, 126, 293, 694, 708, 723, 732, 750, 779, 801
- Jourdran, 123, 779, 806
- Jules Ferry, 222, 441, 469, 486, 517, 519, 520, 525, 550, 693, 711, 719, 751, 756, 758, 776, 780
- Julie Blanchart, 119, 758, 780
- Julien Blanc, 260, 525, 590, 694, 708, 719, 743, 780
- K**
- Khang An, 723, 746, 780
- Krug, 695, 710, 723, 733, 752, 780
- L**
- L' Huile, 773, 780, 781
- Lac, 220, 221, 222, 223, 224, 227, 233, 258, 264, 364, 409, 519, 528, 570, 693, 702, 711, 720, 733, 743, 773, 780, 781
- Lagisquet, 117, 694, 700, 719, 733, 742, 778, 780
- Lambert, 117, 127, 292, 314, 694, 702, 722, 733, 751, 780, 786
- Lamblot, 117, 119, 694, 709, 719, 733, 750, 780, 784
- Landais, 707, 719, 733, 743, 780
- Laque, 325, 326, 331, 332, 333, 691, 700, 715, 733, 742, 776, 781
- Lataste, 125, 328, 716, 733, 745, 774, 781, 785, 798
- Laubarède, 781
- Laveran, 127, 326, 695, 705, 733, 746, 781, 804
- Le Loi, 18, 121, 122, 125, 130, 135, 276, 309, 321, 351, 366, 593, 697, 724, 752, 770, 782, 797, 808
- Le Quý Đôn, 18, 122, 125, 127, 130, 134, 315, 321, 691, 695, 715, 725, 733, 742, 744, 769, 782, 797
- Leblanc, 19, 125, 132, 134, 283, 307, 308, 372, 375, 377, 688, 703, 714, 733, 742, 746, 761, 777, 781, 798
- Leclanger, 293, 491, 524, 693, 711, 720, 733, 745, 764, 781
- Leconu, 733, 752, 781
- Lepage, 125, 691, 699, 715, 733, 752, 774, 781, 798
- Llonde, 107, 118, 317, 690, 700, 718, 733, 742, 762, 782
- Luro, 127, 326, 329, 696, 703, 724, 733, 744, 782, 806
- Lý Thường Kiệt, 759, 778, 782
- M**
- Mạc Đình Chi, 121, 122, 129, 362, 687, 689, 701, 713, 734, 742, 782, 803, 808

Madame Autigeon, 121, 129, 265, 688, 709, 714, 758, 782

Mandarine, 18, 31, 60, 84, 85, 119, 123, 126, 208, 244, 246, 266, 285, 294, 295, 299, 309, 363, 364, 366, 368, 390, 429, 706, 722, 736, 747, 748, 782, 783

Marcel Léger, 700, 725, 783

Marché Neuf, 117, 783

Maréchal Foch, 720, 783

Maréchal Galliéni, 119, 513, 763, 767, 783

Maréchal Joffre, 104, 265, 309, 311, 322, 324, 381, 690, 703, 718, 744, 746, 767, 774, 783

Maréchal Lyautey, 701, 713, 783

Maréchal Pétain, 104, 692, 703, 717, 756, 764, 783

Maurice Graffeuil, 122, 393, 783, 808

Médicaments, 264, 691, 699, 710, 716, 734, 741, 776, 784

Mission, 117, 119, 222, 227, 238, 264, 693, 707, 719, 734, 742, 784

Mongrand, 126, 295, 364, 368, 697, 704, 724, 734, 745, 784, 807

N

Nam Hoa, 712, 721, 734, 754, 784

Nam Ký, 784

Nam Ngư, 85, 266, 322, 348, 349, 351, 352, 353, 694, 707, 721, 734, 748, 784

Nationale, 102, 104, 784, 799

Nattes en joncs, 707, 715, 734, 784

Négrier, 18, 265, 703, 762, 784

Neyret, 265, 694, 699, 702, 720, 734, 748, 784

Nghĩa Lợi, 785

Ngõ Huyện, 785

Ngõ Ngang, 785

Nguyễn Công Trứ, 785, 792

Nguyễn Du, 17, 18, 118, 123, 125, 126, 128, 293, 294, 295, 328, 359, 364, 366, 372, 621, 623, 695, 702, 716, 723, 730, 732, 736, 743, 745, 761, 774, 781, 785, 791, 795, 798, 807

Nguyễn Duy Hàn, 125, 328, 716, 745, 774, 781, 785, 798

Nguyễn Khuyến, 565, 765, 785, 792

Nguyễn Trãi, 126, 563, 690, 693, 710, 716, 717, 734, 752, 755, 767, 785, 788, 801, 804

Nhân Bắc, 107, 785, 786

Nội Miếu, 786

Nouvelle, 104, 107, 119, 317, 328, 330, 331, 332, 706, 725, 730, 753, 786

O

O'dendhal, 692, 706, 717, 735, 747, 786

Oignons, 693, 704, 719, 735, 745, 774, 786

Olivier, 504, 510, 786

P

Palais de Justice, 117, 132, 226, 265, 292, 610, 613, 614, 615, 786, 788, 822

Papier, 264, 285, 286, 307, 313, 370, 371, 372, 374, 375, 376, 377, 380, 557, 688, 703, 710, 713, 714, 735, 745, 746, 774, 787, 788

Parreau, 30, 31, 59, 127, 428, 688, 709, 714, 735, 751, 787

Pasteur, 120, 123, 129, 214, 589, 596, 698, 699, 787, 806, 821

Paul Bert, 36, 205, 206, 207, 208, 222, 223, 224, 227, 237, 241, 251, 252, 253, 256, 257, 258, 264, 287, 288, 293, 499, 506, 507, 511, 563, 564, 573, 693, 699, 701, 707, 719, 727, 749, 768, 774, 778, 787, 795, 819

Paul Doumer, 130, 131, 132, 218, 688, 704, 718, 747, 787, 812

Paul Simoni, 122, 131, 132, 694, 722, 786, 788, 807

Pavie, 107, 127, 225, 265, 292, 293, 695, 710, 723, 735, 752, 766, 785, 786, 788

Pavillons Noirs, 121, 130, 222, 264, 270, 555, 692, 715, 735, 748, 788

Pépinière, 788

Père Dronet, 710, 719, 788

Père Lecornu, 699, 719, 788

Pescadores, 120, 128, 708, 724, 735, 788, 804

Phạm Phú Thứ, 788, 804

Phát Lộc, 789

Philharmonique, 265, 362, 363, 717, 735, 746, 789, 823

Phủ Doãn, 780, 789

Phúc Kiến, 789

Phuong Viên, 107, 789

Pierre Jabouille, 135, 789

Pierre Pasquier, 133, 688, 702, 718, 789, 796, 799

Pipes, 246, 690, 703, 717, 735, 744, 773, 789

Poissonnerie, 246, 265, 700, 715, 735, 742, 789

Pont en Bois, 238, 266, 367, 692, 700, 717, 735, 745, 789

Porte Sud, 718, 789

Pottier, 264, 486, 699, 719, 735, 746, 789

Prison, 226, 604, 605, 609, 694, 705, 707, 722, 735, 747, 789, 790, 822

Puginier, 103, 123, 131, 132, 244, 274, 292, 363, 364, 367, 368, 385, 486, 688, 699, 705, 708, 718, 735, 749, 790

R

Radeaux, 119, 125, 238, 264, 692, 699, 717, 736, 741, 772, 790, 798

Raffenel, 116, 266, 294, 695, 701, 722, 736, 742, 766, 790

Reinach, 119, 244, 293, 294, 295, 364, 366, 405, 584, 621, 694, 710, 723, 736, 750, 790, 800

René Daurelle, 697, 705, 724, 790

René Robin, 214, 216, 599, 600, 790, 820

République, 54, 102, 122, 124, 169, 174, 176, 178, 270, 324, 347, 573, 688, 702, 718, 736, 749, 790, 800, 822

Résident Miribel, 790

Résident Morel, 122, 130, 362, 705, 718, 791, 801, 804

Révérony, 695, 724, 736, 745, 791, 805, 806

Rheinart, 131, 134, 368, 654, 656, 657, 692, 702, 705, 725, 736, 743, 746, 762, 763, 791

Rialan, 237, 238, 265, 292, 294, 502, 695, 710, 722, 736, 752, 791

Richaud, 120, 123, 262, 265, 285, 292, 590, 601, 604, 694, 708, 721, 736, 750, 791, 794

Riquier, 17, 118, 126, 293, 294, 295, 359, 366, 623, 695, 702, 723, 736, 743, 761, 765, 785, 791, 800, 807

Riz, 227, 228, 249, 264, 279, 300, 691, 703, 714, 736, 753, 791

Rodier, 127, 694, 702, 722, 736, 744, 780, 791

Rollandes, 226, 237, 240, 265, 288, 292, 293, 312, 314, 316, 390, 398, 440, 503, 521, 540, 565, 566, 567, 569, 575, 604, 609, 610, 694, 704, 720, 736, 753, 791

Rondony, 116, 264, 692, 710, 717, 736, 752, 768, 776, 791, 792

S

Sám Công, 792

Sapèquerie, 792

Saumure, 238, 285, 692, 707, 716, 736, 748, 775, 792

Seaux, 116, 717, 737, 752, 768, 776, 791, 792

Sel, 233, 246, 266, 692, 707, 716, 737, 748, 775, 792

Sergent Giac, 129, 307, 308, 702, 724, 792, 805

- Sergent Larrivé, 107, 118, 365, 397, 737, 750, 779, 794
625, 696, 711, 724, 762, 792
- Sinh Từ, 792
- Soeur Antoine, 124, 349, 350, 689, 700, 709, 721, 792, 796
- Soeurs Trung hay còn gọi là Deux Soeurs, 793
- Soie, 238, 264, 278, 691, 702, 715, 737, 743, 773, 793
- Sơn Tây, 30, 31, 54, 59, 71, 118, 234, 240, 254, 267, 285, 412, 423, 652, 654, 655, 674, 679, 689, 709, 719, 737, 750, 793
- Sông Tô Lịch, 793
- Souvenir, 118, 793
- Stores, 246, 266, 691, 707, 717, 737, 748, 775, 793
- Sucre, 263, 264, 691, 703, 714, 737, 744, 774, 793
- T**
- Takou, 134, 264, 268, 269, 534, 550, 602, 690, 701, 715, 737, 743, 773, 793
- Tam Thương, 793
- Tân Hưng, 694, 722, 737, 748, 793
- Tasses, 17, 264, 265, 690, 699, 703, 716, 737, 743, 744, 750, 771, 773, 793
- Teinturiers, 120, 123, 154, 240, 242, 244, 247, 265, 292, 604, 694, 700, 721, 738, 749, 796
- Thanh Hà, 794
- Thanh Miến, 794
- Thanh Oai, 30, 31, 54, 60, 117, 244, 794
- Thịnh Đức, 794
- Thuận Lợi, 794
- Tiên Tsin, 103, 119, 690, 737, 744, 758, 774, 794
- Tiền Quân Thành, 794
- Tirant, 18, 123, 125, 148, 265, 279, 321, 364, 377, 380, 692, 703, 717, 737, 748, 785, 795, 798
- Tổ Tích, 795
- Trần Hưng Đạo, 769, 795
- Tràng An, 795
- Tràng Khánh, 795
- Tràng Tiến, 131, 207, 222, 224, 227, 228, 237, 238, 241, 252, 253, 256, 258, 264, 265, 281, 288, 293, 495, 693, 710, 719, 720, 736, 750, 774, 778, 787, 795
- Trạng Trình, 795
- Trippenbach, 128, 688, 714, 738, 753, 795, 802
- Tubercules, 103, 125, 246, 247, 265, 282, 283, 300, 320, 325, 326, 328, 331, 333, 691, 705, 714, 738, 746, 775, 795, 798
- Tuyên Quang, 294, 689, 708, 710, 719, 738, 749, 796

V

Văn Tân, 74, 689, 720, 738, 752, 796

Van Vollenhoven, 33, 104, 124, 294, 307, 561, 699, 718, 796, 799

Vases, 692, 701, 716, 738, 742, 796

Verdun, 701, 722, 738, 742, 796

Vermicelles, 247, 266, 687, 700, 714, 738, 741, 772, 796

Vers Blancs, 246, 265, 355, 356, 690, 708, 715, 738, 750, 776, 796

Victor Hugo, 98, 102, 124, 127, 131, 133, 260, 292, 294, 353, 364, 365, 368, 502, 513, 796, 799

Vieilles des Tasses, 797

Vieux Marché, 265, 691, 708, 716, 738, 749, 775, 797

Vĩnh Thái, 797

Vĩnh Xương, 797

Voie N° 1, 797

Voie N° 2, 798

Voie N° 4, 797

Voie N° 9, 797

Voie N° 10, 798

Voie N° 16, 797

Voie N° 18, 797

Voie N° 19, 321, 331, 797

Voie N° 20, 798

Voie N° 23, 798

Voie N° 27, 798

Voie N° 32, 798

Voie N° 33, 798

Voie N° 34, 705, 798, 799

Voie N° 36, 799

Voie N° 44, 797, 799

Voie N° 52, 709, 799

Voie N° 53, 799

Voie N° 54, 799

Voie N° 55, 799

Voie N° 59, 799

Voie N° 60, 799

Voie N° 61, 800

Voie N° 62, 800

Voie N° 64, 800

Voie N° 68, 800

Voie N° 70, 800

Voie N° 71, 800

Voie N° 74, 800

Voie N° 75, 800

Voie N° 76, 790, 800

Voie N° 77, 801

Voie N° 78, 801

Voie N° 79, 801

Voie N° 80, 801

Voie N° 81, 801

Voie N° 82, 801

Voie N° 83, 801

Voie N° 85, 801

Voie N° 88, 801

Voie N° 89, 802

Voie N° 90, 802

Voie N° 91, 802

Voie N° 92, 802	Voie N° 143, 711, 805
Voie N° 93, 802	Voie N° 145, 352, 805
Voie N° 94, 702, 764, 783, 802	Voie N° 146, 805
Voie N° 95, 711, 793, 802, 803	Voie N° 147, 791, 805
Voie N° 96, 755, 785, 793, 802, 803	Voie N° 148, 791, 806
Voie N° 97, 803	Voie N° 149, 806
Voie N° 98, 793, 802, 803	Voie N° 153 ^{bis} , 806
Voie N° 100, 803	Voie N° 154, 806
Voie N° 102, 803	Voie N° 155, 356, 806
Voie N° 103, 704, 803	Voie N° 159, 806
Voie N° 104, 803	Voie N° 162, 791, 806
Voie N° 105, 701, 803	Voie N° 163, 710, 806
Voie N° 106, 803	Voie N° 164, 306, 702, 806, 808, 809
Voie N° 107, 788, 803	Voie N° 167, 306, 331, 806
Voie N° 108, 711, 803	Voie N° 168, 807
Voie N° 109, 331, 395, 803	Voie N° 169, 394
Voie N° 110, 331, 804	Voie N° 170, 708, 807
Voie N° 111, 331, 804	Voie N° 170 ^{bis} , 708, 807
Voie N° 112, 331, 804	Voie N° 171, 807
Voie N° 113, 331, 804	Voie N° 172, 707, 807
Voie N° 113 ^{bis} , 804	Voie N° 173, 807
Voie N° 114, 804	Voie N° 191, 807
Voie N° 115, 804	Voie N° 191 prolongée, 807
Voie N° 131, 805	Voie N° 197, 808
Voie N° 132, 805	Voie N° 202, 306, 702, 806, 808, 809
Voie N° 134, 805	Voie N° 203, 705, 808
Voie N° 135, 805	Voie N° 204, 708, 808
Voie N° 138, 805	Voie N° 205, 700, 808,
Voie N° 139, 805	Voie N° 206, 699, 808
Voie N° 142, 805	Voie N° 206 ^{bis} , 808

Voie N° 209, 394, 808

Voie N° 214, 703, 808

Voie N° 218, 808

Voie N° 218^{bis}, 808

Voie N° 219, 808

Voie N° 220, 809

Voie N° 221, 706, 809

Voie N° 222, 306, 702, 806, 808, 809

Voie N° 223, 809

Voie N° 225, 809

Voie N° 229, 809

Voie N° 230, 711, 809

Voie N° 231, 809

Voie N° 232, 703, 809

Voie N° 233, 701, 712, 809, 810

Voie N° 233^{bis}, 809, 810

Voie N° 234, 809

Voie N° 236, 810

Voie N° 237, 712, 810

Voie N° 238, 708, 810

Voie N° 243, 810

Voie N° 249, 712, 810

Voie N° 251, 712, 810

Voie N° 252, 703, 810

Voie N° 253, 712, 810

Voie N° 254, 810

Voie N° 255, 810

Voie N° 257, 810

Voie N° 258, 706, 810

Voie N° 260, 711, 809, 810

Voie N° 260^{bis}, 711, 809, 810

Voie N° 261, 712, 811

Voie N° 262, 712, 811

Voie N° 266, 811

Voie N° 267, 811

Voie N° 268, 375, 712, 720, 811

Voie N° 271, 699, 811

Voie N° 272, 811

Voie A, 811

Voie D, 697, 724, 740, 754, 811

Voie E-I, 740, 811

Voie G/2, 725, 740, 811

Voie H-I, 740, 811

Voie L-4, 740, 743, 811

Volles, 126, 222, 264, 295, 296, 692,

700, 715, 738, 742, 772, 812

Vong Đức, 812

W - Y

Willer, 711, 812

Yên Phụ, 87, 130, 132, 135, 210, 396,
398, 550, 553, 560, 687, 712, 713, 739,
749, 787, 812

Yên Sơn, 721, 739, 754, 813

Yên Thái, 813

Yên Thành, 103, 117, 261, 266, 283,
582, 687, 712, 713, 739, 751, 799, 813

MỤC LỤC

Lời giới thiệu.....	5
Lời nói đầu.....	11
Các chữ viết tắt.....	22
Các ký hiệu lưu trữ.....	24

Phần I

ĐỊA GIỚI - TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

Lời dẫn.....	27
Địa giới hành chính.....	48
Tổ chức hành chính.....	143

Phần II

QUY HOẠCH - XÂY DỰNG

Lời dẫn.....	205
Quy hoạch.....	220
Xây dựng.....	435
I. Khối công sở hành chính.....	435
II. Khối công sở chuyên môn.....	490
III. Khối công sở văn hoá.....	531
IV. Khối trường học.....	550

<i>V. Khối bệnh viện và các cơ sở nghiên cứu y học.....</i>	<i>588</i>
<i>VI. Khối công sở thuộc Tòa án - Mật thám - Quân đội....</i>	<i>602</i>
<i>VII. Các công trình khác.....</i>	<i>623</i>

Phụ lục 1

TÀI LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN HAI VỤ THỰC DÂN PHÁP TẤN CÔNG THÀNH HÀ NỘI NĂM 1873 VÀ 1882	627
---	------------

Phụ lục 2

TÀI LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN SỰ THAY ĐỔI TÊN CÁC ĐƯỜNG PHỐ Ở HÀ NỘI TRƯỚC 1954	685
---	------------

Danh sách tên phố cũ đổi sang tên mới (<i>được Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội Trần Duy Hưng duyệt y ngày 1-12-1945</i>).....	687
---	-----

Tên các vườn hoa (<i>được Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội Trần Duy Hưng duyệt y ngày 1-12-1945</i>).....	698
--	-----

Bảng đối chiếu tên phố cũ ra phố mới Thành phố Hà Nội 1949.....	699
---	-----

Bảng tên phố mới (<i>kèm theo Nghị định ngày 28-2-1951 của Thị trưởng Hà Nội Thẩm Hoàng Tín về việc đặt tên mới các phố</i>).....	713
---	-----

Bảng đối chiếu phố cũ ra phố mới (<i>kèm theo Nghị định ngày 28-2-1951 của Thị trưởng Hà Nội Thẩm Hoàng Tín về việc đặt tên mới các phố</i>).....	727
---	-----

Bảng đối chiếu phố mới ra phố cũ (<i>kèm theo Nghị định ngày 28-2-1951 của Thị trưởng Hà Nội Thẩm Hoàng Tín về việc đặt tên mới các phố</i>).....	741
---	-----

Phố chưa có tên (kèm theo Nghị định ngày 28-2-1951 của Thị trường Hà Nội Thẩm Hoàng Tín về việc đặt tên mới các phố)	754
Bảng tra địa danh ở Hà Nội từ trước 1945 đến 1951.....	755

Phụ lục 3

DANH SÁCH CÁC ĐỐC LÝ VÀ THỊ TRƯỞNG CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI TỪ 1885 ĐẾN 1954	814
--	-----

Từ điển chú giải.....	818
Sách dẫn.....	824
Mục lục.....	841



L U U T R U V N

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI
4 - TỐNG DUY TÂN, QUẬN HOÀN KIẾM, HÀ NỘI
ĐT: (04) 38252916 - Fax: (04) 39289143
E-mail: nxbhanoi@yahoo.com.vn

HÀ NỘI QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ

1873 - 1954

TẬP 1

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc - Tổng Biên tập
ThS. NGUYỄN KHẮC OÁNH

Biên tập:

PHẠM QUỐC TUẤN

Bìa:

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LÊ QUỐC VŨ

Trình bày:

PHẠM QUỐC TUẤN

Kỹ thuật vi tính:

HOÀNG THÚY LƯƠNG

Sửa bản in:

PHẠM QUỐC TUẤN

In 1.000 cuốn, khổ 16 x 24 cm, tại Công ty TNHH In và Dịch vụ thương mại
Phú Thịnh. Quyết định xuất bản số: 241-2010/CXB/58TL-24/HN. In xong và nộp
lưu chiểu quý III năm 2010.





downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

UNRARVN





Giá: 240.000đ



HÀ NỘI

QUỐC TÒA ĐỒ SẼ VÀ MỘT SỐ TÀI LIỆU KHÁC

1872-1962

TẬP 1



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

L U U T R U V N

ISBN 9786045200554